

VÔ TÁC GIỚI BIỂU

LUẬT TỬ PHẦN
TỶ KHEO NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ

TỶ KHEO NI THỂ THANH dịch

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1998

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
thực hiện 1999

CHỨNG MINH

Hòa thượng THÍCH ĐÔN HẬU

Hòa thượng THÍCH MẬT HIỀN

Hòa thượng THÍCH THIỆN SIÊU

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

Hòa thượng THÍCH ĐÔNG MINH

LỜI GIỚI THIỆU

Luật văn trong Hán tạng gồm có 5 bộ Luật và 5 bộ Luận.

Năm bộ Luật là: Luật Thập tụng 61 cuốn, Tứ Phần 60 cuốn, Ma-ha Tăng Kỳ 40 cuốn, Ngũ Phần 30 cuốn và Căn Bản Thuyết Nhất Thế Hữu Bộ Tỳ-nại-da 50 cuốn.

Năm bộ Luận là: Luận Tỳ-ni mẫu 8 cuốn, Ma-đắc-lặc-già 10 cuốn, Thiện Kiến 18 cuốn, Tát-bà-da 9 cuốn và Minh Liễu 1 cuốn. Nếu kể thêm phần chú giải của các nhà Luật học xưa nay thì số lượng không phải ứ.

Tại Việt Nam theo chỗ tôi biết, từ trước đến nay đã có các bộ Luật sau đây được dịch ra tiếng Việt: Tứ Phần Như Thích của Hòa Thượng Hành Trụ, Tứ Phần Tỳ-kheo-ni sao của Hòa Thượng Đôn Hậu, Yết-ma Chỉ Nam của Thượng tọa Bình Minh...Tứ Phần Hiệp Chú, Yết-ma Yếu Chỉ của Hòa Thượng Trí Thủ soạn thuật, Giới đàn tăng của Hòa Thượng Thiện Hòa soạn thuật...và đây là bộ Tứ Phần Tỳ-Kheo-Ni Lược ký của Ni Sư Thế Thanh dịch từ bản chữ Hán.

Ni sư Thế Thanh vốn con nhà vọng tộc, từ nhỏ xuất gia với Ni Trưởng Diệu Hương tại chùa Diệu Đức (Huế). Ni sư vốn có trí thông minh lại có tâm cầu giải thoát vững chắc. Trên đường tiến tu, Ni sư thường chuyên về Luật, học và hành trì luật rất chuyên cần, song không câu nệ từ

chương. Ni sư thường đem chỗ sở học của mình dạy lại cho chúng Tỳ-kheo-ni mới thọ giới. Khi dạy ở Ni viện Diệu Quang - Nha Trang, khi dạy ở Cam Ranh, khi dạy tại Diệu Đức. Ni sư dạy ở đâu cũng được sự đón nhận chăm chỉ. Rút kinh nghiệm từ đó, Ni sư đã dịch thành bộ Luật ký này.

Bộ Tứ Phần Tỳ-kheo-ni lược ký này khá đầy đủ và rõ ràng, được đa số Ni chúng ưa thích. Song có một điều mà tác giả Lược ký nêu lên. Đó là vấn đề cầu giáo thọ trong các ngày Bồ - tát và Tự tứ, tác giả dùng câu "Vô khả vô bất khả". Theo tôi câu này cần làm rõ.

Vô khả là khi Tỳ-kheo Tăng không thanh tịnh hòa hiệp thuyết giới, thì Ni tăng không đến cầu giáo thọ, có thể được.

Vô bất khả là khi Tỳ-kheo Tăng thanh tịnh hòa hiệp thuyết giới mà Ni tăng không đến cầu giáo thọ, là không được. Việc Ni cầu giáo thọ là cầu với Đại tăng thanh tịnh hòa hiệp thuyết giới trong ngày Bồ-tát, Tự-tứ, chứ không phải cầu với cá nhân. Như vậy việc Ni cầu giáo thọ không thể xem là việc dễ dãi tùy tiện thay đổi được.

Ni sư Thê Thanh đã tịch năm 1988, lúc 66 tuổi, để lại bản dịch này. Nay môn đệ của Ni sư đem ra ấn hành với tâm nguyện báo đáp trong muôn một công ơn thầy mình, đến nhờ tôi hiệu đính và viết lời giới thiệu.

Vậy tôi xin có mấy lời này giới thiệu đến quý vị có tâm nguyện trì Luật.

Từ Đàm, ngày 06/04/1990

Hòa Thượng **THÍCH THIỆN SIÊU**

DUYÊN KHỞI

LUẬT TỬ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ

1. Lý do độ hàng nữ nhơn xuất gia, thọ giới.
2. Lý do kết giới, thuyết giới.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn ở tại thành Thích-sí-sâu, trong vườn Ni-câu-luật. Khi ấy có bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề, cùng với 500 người nữ dòng họ Xá-di nhóm họp, đến chỗ đức Thế-Tôn cúi đầu lạy sát chân Phật rồi lui đứng một bên, bạch Phật rằng: Lành thay đức Thế-Tôn, xin Ngài cho phép hàng nữ nhơn ở trong Phật pháp được xuất gia tu đạo.

Đức Phật dạy: Thôi đi! Này bà Cù-đàm-di, chớ nói lời ấy. Ta chưa muốn cho hàng nữ nhơn xuất gia tu đạo, vì sao thế? Này Cù-đàm-di, nếu như hàng nữ nhơn ở trong Phật pháp xuất gia tu đạo, sẽ khiến cho Phật pháp không được tồn tại lâu dài.

Lúc ấy, bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe đức Thế-Tôn

dạy rồi, liền đến trước Phật lay sát chân Ngài, đi nhiễu Phật rồi lui về.

Khi đó đức Thế tôn từ nơi thành Thích-si-sâu cùng với 1250 vị đệ tử, du hoá trong nhân gian, đến nước Câu-tát-la. Từ nước Câu-tát-la trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thuộc nước Xá-vệ. Khi nghe đức Phật ở trong tinh xá Kỳ-hoàn, bà Ma-ha Ba-xà Ba-đề liền cùng với 500 người nữ dòng họ Xá-di cạo đầu mặc áo Ca-sa, đến nước Xá-vệ, đứng ngoài cửa tinh xá Kỳ hoàn, các bà đi bộ nứt nẻ cả chân, bụi đất lấm mình, khóc lóc thảm thiết. Khi ấy Ngài A-nan thấy liền đến hỏi rằng: Kính thưa lệnh bà Cù-đàm-di, vì sao lệnh bà lại cùng với 500 người nữ dòng Xá-di cạo đầu, mặc áo Ca-sa, đi bộ đến nứt nẻ cả chân, bụi đất lấm đầy mình, đứng ở đây mà khóc lóc như vậy?

Bà liền thưa: Chúng tôi hàng nữ nhơn không được ở trong Phật pháp xuất gia thọ Đại giới!

Ngài A-nan liền bảo: Hãy khoan đã, tôi sẽ vì hàng nữ nhơn đến Phật để cầu thỉnh.

Ngay khi ấy ngài A-nan liền đến chỗ đức Thế tôn, cúi đầu lay sát chân Phật, rồi lui đứng một bên và bạch Phật rằng: Lành thay! Đức Thế tôn. Con xin Ngài cho phép hàng nữ nhơn được ở trong Phật pháp xuất gia thọ Đại giới.

Đức Phật bảo Ngài A-nan: Thôi đi! Ông chớ nên muốn cho hàng nữ nhơn được ở trong Phật pháp xuất gia thọ Đại giới. Vì sao thế? Nếu hàng nữ nhơn ở trong Phật pháp xuất gia thọ Đại giới sẽ khiến cho Phật pháp không được tồn tại lâu dài. Nay A-nan, cũng ví như có gia đình một người Trường giả kia con trai thì ít con gái lại nhiều, Ta liền biết gia đình ấy sẽ suy vi. Cũng như vậy đó A-nan, nếu hàng nữ nhơn ở trong Phật pháp xuất gia thọ Đại giới sẽ khiến cho Phật pháp không được tồn tại lâu dài, lại cũng như ruộng lúa tốt mà bị sương muối và mưa đá tức thời liền bị phá hoại hết. Như vậy đó A-nan, nếu hàng nữ nhơn ở trong Phật pháp xuất gia thọ Đại giới sẽ khiến cho Phật pháp không tồn tại được lâu dài!

Ngài A-nan bạch Phật rằng: Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề đối với Phật có ơn rất lớn, Phật mẫu qua đời, bà đã bú mớm nuôi dưỡng Thế tôn cho đến khi trưởng thành.

Đức Phật liền bảo Ngài A-nan: Thật đúng như vậy, đối với Ta bà đã có công ơn rất lớn, mẹ Ta qua đời, bà đã bú mớm nuôi dưỡng Ta cho đến lúc trưởng thành. Nhưng đối với bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề Ta cũng có công ơn rất lớn. Nếu ai nương nhờ một người nào mà biết được Phật Pháp Tăng, ơn này rất khó báo đền, không thể đem áo, cơm, giường nằm, nệm ngồi, thuốc

men mà báo đáp ơn kia được. Ta xuất hiện ra đời khiến cho Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề được biết Phật Pháp Tăng cũng lại như vậy.

Đức Phật lại bảo Ngài A-nan: Nếu ai nhờ nơi một người khác mà tin Phật Pháp Tăng ơn này rất khó đền đáp, không thể đem áo cơm, giường nằm, nệm ngồi, thuốc men mà đền trả ơn kia được. Ta xuất hiện ra giữa đời khiến cho Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề tin mến Phật Pháp Tăng cũng lại như vậy.

Đức Phật bảo Ngài A-nan: Nếu có người nào nhờ nơi một người khác mà được quy y Phật Pháp Tăng, thọ trì 5 giới cấm, biết đời là khổ (khổ), biết được nguyên nhân của sự đau khổ ấy (tập), biết Niết-bàn là an tịnh (diệt), và biết con đường tu hành đi đến Niết-bàn ấy (đạo). Đối với bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo không còn có sự nghi ngờ. Nếu chúng được quả Tu-đà-hoàn, đoạn trừ hết các đường ác, quyết định được nhập vào chánh đạo, còn 7 phen sanh tử nữa, liền dứt hết sự khổ. Này A-nan! Ân lớn này thật khó đền trả, không thể đem áo, cơm, giường nằm, nệm ngồi, thuốc men mà đáp đền ơn kia được. Ta xuất hiện ở đời, khiến cho Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề thọ pháp Tam tự quy, cho đến quyết định được nhập vào chánh đạo cũng lại như vậy.

Ngài A-nan bạch Phật: Hàng nữ nhơn ở trong Phật pháp xuất gia thọ giới có thể chứng được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán không?

Đức Phật trả lời với Ngài A-nan rằng: Có thể được.

Ngài A-nan lại bạch Phật rằng: Nếu hàng nữ nhơn ở trong Phật pháp xuất gia thọ đại giới mà chứng được đạo quả Tu-đà-hoàn cho đến quả vị A-la-hán, vậy thì nguyện xin ơn Phật cho phép họ được xuất gia thọ Đại giới.

Đức Phật bảo Ngài A-nan: Nay Ta vì hàng nữ nhơn chế ra 8 pháp phải trọn đời thọ trì không được trái phạm. Nếu người nào có năng lực hay thực hành được, tức là được thọ giới. Tám pháp ấy là gì?

1. Nay A-nan, Tỳ-kheo-ni dù 100 tuổi hạ, khi thấy Tỳ-kheo dù mới thọ giới, phải đứng dậy, chào đón, hỏi han, lễ bái, trải toà sạch thỉnh ngồi. Pháp này phải nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời thọ trì không được trái phạm.

2. Nay A-nan, Tỳ-kheo-ni không được mắng nhiếc quở trách Tỳ-kheo, không được chê bai nói rằng: Thầy phá giới. phá kiến, phá oai nghi. Pháp này phải nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời thọ trì không được trái phạm.

3. Tỳ-kheo-ni không được nêu tội Tỳ-kheo, không được tác phạm úc niêm, tự ngôn trị đối với Tỳ-kheo, không được ngăn Tỳ-kheo xét tội, ngăn thuyết giới, ngăn Tự tứ. Tỳ-kheo-ni không được trách mắng Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được trách mắng Tỳ-kheo-ni. Pháp này phải nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời thọ trì không được trái phạm.

4. Thức-xoa-ma-na học giới xong rồi phải thỉnh Tỳ-kheo-tăng mà cầu xin thọ Cụ túc giới. Pháp này phải nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời thọ trì không được trái phạm.

5. Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng-tàn, phải ở giữa hai bộ Tăng, nửa tháng hành pháp Ý-hỷ. Pháp này phải nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời thọ trì không được trái phạm.

6. Tỳ-kheo-ni nửa tháng phải đến Tỳ-kheo-tăng thỉnh giáo thọ. Pháp này phải nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời thọ trì không được trái phạm.

7. Tỳ-kheo-ni không được kết hạ An cư ở chỗ không có Tỳ-kheo-tăng. Pháp này phải nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời thọ trì không được trái phạm.

8. Chúng Tỳ-kheo-ni An cư xong phải đến giữa chúng Tỳ-kheo cầu ba sự Tự tứ là: Thấy, nghe và nghi. Pháp này phải nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi,

suốt đời thọ trì không được trái phạm.

Như vậy đó A-nan! Ta nay đã nói 8 kinh pháp suốt đời tôn trọng không được trái phạm này, nếu kẻ nữ nào thực hành được, tức được thọ giới, cũng ví như có người muốn qua dòng nước lớn, phải bắt rường cầu mà đi qua. Như vậy đó A-nan, Ta nay đã vì hàng nữ nhơn nói ra 8 kinh pháp suốt đời tôn trọng không được trái phạm này, nếu ai hay thực hành được, tức là thọ giới.

Lúc bấy giờ Ngài A-nan nghe đức Thế-tôn dạy rồi liền đến chỗ Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề mà thưa rằng: Thưa Di-mẫu, hàng nữ nhơn đã được ở trong Phật pháp xuất gia thọ Đại giới rồi đó! đức Thế-tôn đã vì hàng nữ nhơn chế ra 8 kinh pháp suốt đời tôn trọng không được trái phạm, nếu ai hay thực hành được, tức là đã thọ giới.

Ngài liền vì họ mà nói 8 pháp như trên, Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề thưa rằng: Nếu đức Thế-tôn đã vì hàng nữ nhơn mà nói ra 8 kinh pháp suốt đời phải tôn trọng không được trái phạm này, thì tôi và 500 người nữ dòng Xá-di xin cùng nhau cúi đầu lãnh thọ. Thưa Ngài A-nan, cũng ví như kẻ nam tử người nữ nhơn còn nhỏ tuổi tinh sạch trang nghiêm, nếu có người đem tắm rửa, gội đầu sạch sẽ rồi để trên nhà cao dùng các tràng hoa như Ưu-bát-la, A-hi-vật-đa, Chiêm-bà,

Tô- mạn-na, Bà-su, trao cho người ấy, người kia liền đón nhận và buộc trên đầu. Cũng như vậy thừa Ngài A-nan, đức Thế-tôn đã vì hàng nữ nhơn chúng tôi mà dạy ra 8 pháp suốt đời thọ trì không được trái phạm, tôi cùng 500 người nữ dòng Xá-di xin cúi đầu lãnh thọ.

Ngài A-nan liền trở về chỗ đức Thế-tôn cúi đầu lay sát chân Phật, lui đứng một bên và bạch Phật rằng: Kính bạch Thế-tôn, Ngài đã vì hàng nữ nhơn nói ra 8 pháp suốt đời thọ trì không được trái phạm. Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề và tất cả nghe rồi đều cúi đầu lãnh thọ và thưa rằng: Cũng ví như kẻ nam tử người nữ nhơn còn nhỏ tuổi tinh sạch trang nghiêm, nếu có người đem tắm rửa gội đầu sạch sẽ rồi để trên nhà cao, dùng các tràng hoa mà trao cho người ấy người kia liền đưa hai tay đón nhận mà buộc trên đầu.

Như vậy A-nan, bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề và 500 nữ nhơn đã được xuất gia thọ giới.

Đức Phật lại bảo: Nay A-nan, nếu hàng nữ nhơn không xuất gia ở trong Phật pháp thì Phật pháp sẽ được tồn tại thêm 500 năm nữa.

Ngài A-nan nghe rồi không vui, ôm lòng hối hận, buồn phiền khóc lóc thảm thiết, đến trước Phật lễ sát chân Ngài, nhiễu Phật rồi lui ra.

Từ đây về sau hàng nữ nhơn được xuất gia thọ giới.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Thế-tôn cùng với chúng đại Tỳ-kheo 500 vị, nhận lời mời của người đàn-việt đến kết hạ An cư trong 3 tháng ở chốn Tỳ-lan-nhã. Khi ấy tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ vắng lặng suy nghĩ rằng: "Những bậc Đẳng chánh giác nào tu phạm hạnh, Phật pháp được tồn tại lâu dài. Những bậc Đẳng chánh giác nào tu phạm hạnh Phật pháp mau tiêu diệt?"

Ngài Xá-lợi-phất liền từ nơi chỗ vắng lặng đứng dậy, chỉnh đốn y phục, đến chỗ Thế-tôn cúi đầu lễ sát chân Phật, lui ngồi một bên, trong khoảnh khắc Ngài đứng dậy bạch Phật rằng: Kính bạch đức Thế-tôn, khi nãy con có sự suy nghĩ như vậy: Những bậc Đẳng chánh giác nào tu phạm hạnh Phật pháp được tồn tại lâu ở đời, những bậc Đẳng chánh giác nào tu phạm hạnh Phật pháp mau tiêu diệt, xin Ngài khai thị cho con...

Phật bảo: Này Xá-lợi-phất, đức Phật Tỳ-bà-thi, đức Phật Thích-khí, đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Ca-diếp. Các đức Phật này tu phạm hạnh Phật pháp được tồn tại ở lâu đời. Còn đức Phật Tuỳ-diếp, đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tu phạm hạnh Phật pháp không được tồn tại lâu ở đời.

Ngài Xá-lợi-phất liền bạch Phật: Bạch đức Thế-

tôn, vì lý do gì mà đức Phật Tỳ-bà-thi, đức Phật Thích-khí, đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Ca-diếp tu phạm hạnh Phật pháp được tồn tại lâu dài? Vì lý do gì mà đức Phật Tuỳ-diếp, đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tu phạm hạnh Phật pháp không tồn tại lâu dài?

Phật dạy: Nay Xá-lợi-phất, đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, đức Phật Tuỳ-diếp đã không vì các hàng đệ tử mà thuyết pháp rộng rãi như là Khế kinh, kinh Kỳ-dạ, kinh Thọ- ký, kinh Kệ, kinh Cú, kinh Nhân Duyên, kinh Bốn Sanh, kinh Thiện Đạo, kinh Phương Đẳng, kinh Vị Tăng Hữu, kinh Thí Dụ, kinh Ưu-ba-đề-xá, đã không vì người mà rộng nói các Khế kinh cho đến kinh Ưu-bà-đề-xá, không kết giới, cũng không thuyết giới, cho nên các hàng đệ tử sanh tâm nhàm chán mệt mỏi, vì thế mà Phật pháp mau tiêu diệt. Khi ấy các đức Thế-tôn kia biết được tâm nhàm chán mệt mỏi của các hàng đệ tử rồi mà chỉ dạy như thế này: Việc này nên nhớ nghĩ, việc này không nên nhớ nghĩ; việc này nên tư duy, việc này không nên tư duy; việc này nên dứt bỏ, việc này phải nên giữ gìn đầy đủ.

Nay Xá-lợi-phất, về đời xa xưa có đức Phật Tuỳ-diếp cùng sống với 1.000 đệ tử ở trong rừng Khủng Ú y. Xá-lợi-phất, rừng kia được gọi là Khủng Ú y, bởi vì nếu có ai chưa ly dục mà bước vào trong rừng thì tất cả chân

lông trong thân mình đều dựng ngược hết lên.

Lại nữa này Xá-lợi-phất, đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, đức Phật Tuỳ-diếp, các đức Phật Như Lai chí chơn Đẳng chánh giác này, quán sát tâm nhằm chán, mệt mỏi của 1.000 vị Tỳ-kheo, liền vì họ mà thuyết pháp: Việc này nên nhớ nghĩ, việc này không nên nhớ nghĩ; việc này nên tư duy, việc này không nên tư duy; việc này nên dứt bỏ, việc này phải nên giữ gìn đầy đủ.

Xá-lợi-phất, ông phải nên biết, khi ấy các đức Phật kia và các vị Thanh văn còn ở đời thì Phật pháp được rộng rãi lưu bố, nhưng sau khi các Ngài diệt độ thì những người ở trong thế gian nhiều tên tuổi, nhiều dòng họ, nhiều gia đình đi xuất gia, vì thế mà mau tiêu diệt, Phật pháp không tồn tại được lâu ở đời, vì sao thế? Chính là vì các Ngài đã không dùng Kinh pháp mà nhiếp phục họ vậy.

Này Xá-lợi-phất, cũng ví như có bao nhiêu bông hoa đem để rải rác ở trên bàn, gặp luồng gió thổi là bay tan rã hết, vì sao thế? Chính là vì đã không có sợi chỉ để khâu suốt hết lại vậy.

Như vậy đó, Xá-lợi-phất! Các đức Phật kia và chúng Thanh văn khi còn ở đời thì Phật pháp được rộng rãi lưu bố. Nhưng nếu các Ngài và chúng Thanh văn sau khi diệt độ, những người ở trong thế gian

nhiều tên tuổi, nhiều dòng họ, nhiều gia đình đi xuất gia khiến cho Chánh pháp mau tiêu diệt, không tồn tại được lâu dài, vì sao thế? Là vì đã không dùng kinh pháp mà nhiếp phục họ vậy.

Lúc bấy giờ đức Thế-tôn lại bảo Ngài Xá-lợi-phất: đức Phật Tỳ-bà-thi, đức Phật Thích-khí, đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Ca-diếp đã vì các hàng đệ tử mà rộng nói kinh pháp từ Khế kinh... cho đến kinh Ưu-bà-đề-xá, cũng kết giới, cũng thuyết giới. Khi tâm của các hàng đệ tử nhằm chán mỗi một, Phật biết tâm kia đã nhằm chán mỗi một, liền dạy rằng: Việc này nên nhớ nghĩ, việc này không nên nhớ nghĩ; việc này nên tư duy, việc này không nên tư duy; việc này nên dứt bỏ, việc này phải nên giữ gìn đầy đủ. Như vậy đó Xá-lợi-phất, các đức Phật kia và chúng Thanh văn khi còn ở đời Phật pháp được lưu bố, nếu đức Phật kia và chúng Thanh văn sau khi diệt độ, mọi người ở trong thế gian nhiều tên tuổi, nhiều dòng họ, nhiều gia đình đi xuất gia không khiến cho Phật pháp mau tiêu diệt, vì sao thế? Vì các Ngài đã khéo dùng Kinh pháp mà nhiếp phục họ vậy. Xá-lợi-phất, ví như bao nhiêu thứ hoa đem để trên bàn cao, dùng sợi chỉ mà xuyên suốt lại, tuy có gió thổi mà không đến nỗi bị phân tán, vì sao? Vì nhờ sợi chỉ đã khéo xuyên nhiếp lại vậy. Như vậy đó

Xá-lợi-phất, các đức Phật kia và chúng Thanh văn khi còn ở đời, Phật pháp được truyền bá rộng rãi như Ta đã nói trên. Nay Xá-lợi-phất, vì lý do này đức Phật Tỳ-bà-thi cho đến đức Phật Ca-diếp, Phật pháp được tồn tại lâu dài và vì lý do này đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, đức Phật Tùy-diếp Phật pháp không được tồn tại lâu dài.

Ngài Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy trích vai áo bên hữu, chân bên hữu quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật rằng: *Kính bạch đức Thế-tôn, nay đúng là lúc, xin nguyện Đại Thánh vì các hàng Tỳ-kheo kết giới, thuyết giới khiến họ tu phạm hạnh để cho Phật pháp được tồn tại lâu dài.*

Phật bảo Ngài Xá-lợi-phất: Khoan đã, Phật tự biết thời. Nay Xá-lợi-phất, đức Như Lai chưa vì hàng Tỳ-kheo kết giới là vì sao thế? Vì trong hàng Tỳ-kheo chưa có người phạm pháp hữu lậu. Nếu khi nào họ phạm pháp hữu lậu thì Thế-tôn mới vì hàng Tỳ-kheo mà kết giới, để dứt đoạn các pháp hữu lậu kia đi.

Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo cho đến khi nào vì chưa được lợi dưỡng thì chưa phát sanh pháp hữu lậu, nếu một khi đã được lợi dưỡng rồi liền sanh các pháp hữu lậu. Có pháp hữu lậu sanh ra, Thế-tôn sẽ vì các hàng Tỳ-kheo kết giới, vì muốn khiến cho họ đoạn trừ

các pháp hữu lậu ấy. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo chưa sanh pháp hữu lậu là vì chưa có danh tiếng, chưa được nhiều người nghe và biết đến, chưa có nhiều tài sản. Nếu Tỳ-kheo khi đã có danh tiếng, được nhiều người nghe và biết đến, có nhiều tài sản bèn sanh các pháp hữu lậu. Nếu có các pháp hữu lậu phát sanh ra thì Thế-tôn mới vì họ mà kết giới, vì muốn đoạn trừ các pháp hữu lậu vậy. Xá-lợi-phất, người hãy khoan đã, Như Lai tự biết thời.

Từ đây về sau, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần lần có pháp hữu lậu sanh ra, thì ngay lúc đó đức Thế-tôn mới kết giới như vậy. Khi kết giới Ngài căn cứ vào 10 cú nghĩa:

1. Nhiếp thủ đối với Chúng tăng.
2. Khiến Tăng hoan-hỷ.
3. Khiến Tăng an lạc.
4. Khiến người chưa tin sẽ tin.
5. Khiến người đã tin lòng tin tăng trưởng.
6. Người khó điều thuận, làm cho điều thuận.
7. Người tầm quý được an vui.
8. Đoạn các pháp hữu lậu trong đời hiện tại.
9. Đoạn các pháp hữu lậu trong đời vị lai.
10. Làm cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

PHÀ M LỆ

Gồm có 13 tiết:

1. Giới bốn này theo trong Đại tạng có 5 bốn:

- *Bốn thứ nhất*: Đòi nhà Đường, ngài Luật sư Hoài Tố y nơi Tứ Phần luật tạng chép ra. Nguyên Tứ Phần luật tạng 1 bộ gồm có 60 quyển. Lúc bấy giờ ngài Phật-đà-da-xá và ngài Trúc Phật-niệm đồng dịch.

- *Bốn thứ hai*: Đòi Đông Tấn, Sa-môn Pháp Hiền cùng ngài Giác Hiền đồng dịch.

- *Bốn thứ ba*: Đòi nhà Lương, Sa-môn Minh Huy biên chép.

- *Bốn thứ tư*: Đòi nhà Tống, Sa-môn Pháp Dĩnh biên chép.

- *Bốn thứ năm*: Đòi nhà Đường, Tam Tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dịch.

Từ đó về sau tất cả Ni chúng đều cùng nhau tuân hành, mà giới bốn này là ở trong bộ Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu của Trí Húc tổ sư biên chép, gồm 3 quyển

giới của Tỳ-kheo-ni chỉ chép những giới bất cộng mà thôi, tùy theo văn biên chép, ý muốn tóm tắt những điều cốt yếu nên không chia khoa để giải thích. Do thế Ni chúng luật học thường cho sự tương là khó khăn nên môn học Luật lần lần bỏ đi, các pháp trì phạm không ai là không mờ mịt. Pháp cốt yếu của người Thích tử đã trở thành sách cũ! Nhon đây chúng tôi đồng lòng với nhau vì pháp lưu tâm, thâm nguyện chư Phật gia hộ, kính cẩn rút ra Giới bản trong Tứ Phần luật tạng. Về chánh văn và duyên khởi của (Tứ Phần Giới bản) Như Thích thì lược mà ghi lại là "Tứ Phần Luật Tỳ-kheo-ni Giới Bản Lược Ký". Văn trong Luật quá rộng rãi phức tạp, không thể mỗi câu mỗi chữ đều giữ nguyên như trong tạng bản được nên tùy theo căn cơ mà thêm bớt, nhưng nghĩa thật hoàn toàn, cho đến các pháp khai, già, trì phạm, chúng tôi không dám thêm bớt. Đức Như Lai là vị pháp vương biết được nghiệp tánh của tất cả chúng sanh, ngài kết giới đúng lúc, dầu cho các bậc Bồ-tát La-hán cũng không dám làm, huống gì là kẻ phàm ngu mà dám thêm bớt. Chánh văn giới bản, lý đương nhiên như vậy. Còn phần duyên khởi giải thích về sau thì tùy theo căn cơ mà thêm bớt, cho nên gọi là lược ký. Mà Bản ký này vẫn y nơi Luật tạng và bộ giới bản Như Thích của Sa-môn Hoằng Tán Tại Tham, người ở đất Quảng Châu,

đời nhà Minh dịch, lấy đây làm gốc, hoàn toàn không dám đem pháp Khinh mà thế pháp Trọng, đem pháp Khai mà đổi pháp Già. Luật vốn có ý chỉ, không thể nghĩ nghĩ được. Nếu ai tâm ngờ vực chưa dứt, làm sao gọi là người tín giới, hành giả chỉ nương nơi bộ mình đã theo mà hành trì, không nên tự mình sanh ra những sự xuyên tạc làm gì cho nhọc trí. Ở trong đây sự lý thông suốt, văn nghĩa rõ ràng, dùng cũng không có lỗi gì. Nếu muốn biết rộng thì hãy nên xem toàn bộ Luật tạng. Còn nếu ai muốn làm thầy thì quyết phải học rộng, nghiên cứu kỹ, còn người mà chỉ ưa sự tóm tắt chán sự phiền toái thì Luật giáo rất quở trách, vì sao như vậy? Vì điều lệ này là những cấm chế vậy. Đức Phật trước hết Ngài phải chế ra giới Luật để dạy bảo cho người mới phát tâm, họ phải y giáo phụng hành, nếu không như vậy thì đều bị quở trách, về sau đều nương đây làm chuẩn đích.

Tiết ấy là các điều khoản vậy, nghĩa là tiết mục, điều khoản, chương cú, thứ lớp để giúp bỏ hết các lỗi lầm. Vì độ cho người nữ xuất gia thọ Cụ túc giới, cho nên đức Phật dạy ra 5 thiên, 7 tụ, tánh giới, già giới, chỉ, trì, tác, phạm, để thúc liễm sơ tâm, hầu phép tác oai nghĩ được sạch như băng tuyết.

Nhưng chúng ta nên biết, Tỳ-ni pháp luật này nếu

không học, không hành trì thì liễu nghĩa thượng thừa làm sao có thể nhận chân được? Cho nên nói 13 tiết phạm lệ.

2. Đức Phật dạy Tỳ-kheo-ni phải đủ 12 hạ, học thông 3 Tạng kinh điển, hạnh giải tương ứng mới cho làm Thầy trao Đại giới cho người và nuôi Sa-di-ni. Nếu như không thông được 3 Tạng kinh điển, thì ất ra Luật tạng phải thông hiểu một cách rõ ràng. Nếu như các pháp trì phạm đều không biết, có khác gì con dê trắng, muốn làm thầy thì đem gì mà nhiếp thọ họ! Đã tự mình trái với lời minh chế của Phật, lại muốn khiến người phải tuân theo mình, như vậy đâu có thể được! Hại mình hại người thì đâu thành tư cách làm thầy!

3. Tỳ-kheo-ni trái phạm 7 tụ trong Luật, trừ thiên thứ nhất, phạm thiên này thì mắc tội không thể sám hối và trị phạt được, còn phạm các thiên khác liền phải đối trước người phát lộ sám hối để trừ diệt, hoặc sám hối giữa chúng hoặc đối với một người mà sám hối để cho giới thể được trở lại hoàn toàn thanh tịnh. Đời này không phân biệt đen trắng, phạm tội nặng nhẹ đều mù mờ, khi phạm tội nặng khiến trì bao nhiêu biến thân chú, còn phạm tội nhẹ thì phần nhiều bỏ qua. Như thế rất trái với lời Phật dạy và hoàn toàn trái với ý chỉ của Luật.

4. Đức Phật chế quá giờ Ngọ không ăn, rất ích lợi cho thân tâm, mình và người đều được lợi ích cho nên Tôn giả Ca-diếp là bậc thủ truyền tâm ấn mà Ngài còn vâng giữ hạnh đầu đà cho đến trọn đời - một ngày chỉ ăn một bữa, ngoài ra không dùng một thứ gì khác nữa. Tỳ-kheo-ni trước giờ Ngọ được ăn, sau giờ Ngọ đức Phật khai cho được uống nước trái cây, như vậy cũng đủ lắm rồi. Chúng ta là người chánh tín bỏ nhà đi xuất gia, tài sản thân tâm đều bỏ hết, bỏ như bỏ đồ dơ bẩn, thì sao chỉ vì một chút ăn uống mà trái với bản tính của mình, phá huỷ lời minh chế của đức Phật. Nếu nói rằng: Tôi không chấp trước. Than ôi! Đã trái lời Phật dạy thì đâu không phải là một điều chấp lớn ư! Thức-xoa-ma-na giữ 6 pháp mà còn hoàn toàn ngăn cấm, huống gì là thọ Cụ túc giới ư.

5. Luật, lấy giải thoát làm tôn chỉ, không tham đắm mùi vị ở đời, dạy con người phải xả bỏ 5 món dục lạc như vất bỏ đồ khạc nhổ. Đời này kẻ tu hành để tiền của đầy rương đầy, lưu luyến nó còn hơn con trâu mển thương cái đuôi của nó. Như vậy thì không những trái với ý chỉ của Luật, thật ra chính mình đã tự kết chặt thêm ương lụy trên đường sanh tử, đắm sâu vào sông ái, chìm ngập vào bến si, thật là khó cứu! Nếu nói rằng vì người mà cất để, còn tự mình không tham đắm, đã vậy thì vì sao ngay bây giờ không đem cúng

dường ngôi Tam bảo, không đem cứu giúp muôn loài? Đã nói vì người mà cất để thì đem ra dùng riêng cho mình liền phạm tội ăn trộm!

6. Đức Phật chế Tỳ-kheo-ni không được lìa 3 y mà ngủ, dù chỉ một đêm. Nếu lìa y mà ngủ liền phạm tội mất y. Đời nay người tu không tuân hành pháp này, tự tiện cố ý lìa y, như thế là có thọ mà không trì, đâu khỏi đời này Cà-sa lìa thân đời sau sắt nóng quần vào mình. Ngoài 3 y ra, nếu có vật gì dư thừa đức Phật dạy phải nên thuyết tịnh trong tâm phải có ý nghĩ của người khác gởi gắm cho mình, mới được cất giữ, để tiêu biểu cho sự xa lìa mọi đắm trước, không có cái hệ lụy thuộc về của mình. Đời nay pháp thuyết tịnh này hoàn toàn mất hết, Tỳ-kheo-ni thấy đều mờ mịt. Đại thừa tuy cho Bồ-tát vì chúng sanh mà cất giữ nhưng phải thuyết tịnh, nếu không y theo lời dạy bảo thì gọi là phạm giới.

7. Luật chế 5 chúng xuất gia đều mang đắp Ca-sa. Ca-sa tức là áo hoại sắc, dùng 3 màu sắc như pháp để hủy hoại 5 đại sắc. Gần đây những người ứng phó đạo tràng mặc áo 5 sắc cho là Ca-sa, thật là rất là lầm vạy. Xưa kia Phật, Ngài đã huyền ký: Đời Mạt pháp Ca-sa biến thành 5 sắc, nay mang đắp thật đúng là suy tướng của thời Mạt pháp. Người Thích tử hãy nên biết!

8. Đời nay Sa-di-ni cũng mang đắp 3 y của Tỳ-

kheo-ni, 5 bộ Luật đều không thấy có lời văn dạy điều này, bộ Bách Nhứt Yết-ma rất ngăn cấm không cho mang đấp như vậy, mà chỉ cho phép được đấp mang y mà thôi, không có tướng điều cách. Gần đây kẻ làm thầy không hiểu Luật điển, quấy trao giới cho người, noi theo phương cách sai lầm mà cho là chính đáng, đến nỗi để cho người tại gia nam nữ mang đấp Ca-sa 5 điều của Tỳ-kheo-ni, mê lầm đến như thế, thật đáng cười lắm thay! Tập theo thói sai lầm này quá lâu, không thể một mai một chiều mà bỏ đi được. Chúng ta là những người nối thạnh ngôi Tam bảo, hãy cùng nhau nâng đỡ chánh pháp, không nên để cho họ mang đấp thì tốt hơn.

9. Giới của Tỳ-kheo-ni rất là tôn quý, không những tự mình được ra khỏi sanh tử mà lại còn hay làm ruộng phước tốt cho hàng nhơn thiên nữa. Đời nay khi đã được thọ giới rồi, lại đi làm những việc ứng phó trong nhân gian, thật là đáng tiếc!

Đức Phật Như Lai của chúng ta trải qua vô lượng kiếp bỏ đầu, mắt, tuỷ, não mới được pháp này. Nay ta đem đổi lấy một chút ướ lợi ở đời, thật rất đau lòng! Huống gì việc ứng phó này là phát sinh từ nước Trung Hoa. Ở Ấn Độ hoàn toàn không có. Không phải là Tăng pháp, đức Phật không dạy việc này. Người tu đạo xuất thế phải nên mau biết để kịp thời sửa đổi.

10. Giới là Thể của Định, Huệ là dụng của Định. Nếu Thể mà không lập thì Dụng nhờ đâu mà thiết lập được. Vì thế các bậc Thánh hiền đều nhờ giữ giới mà thành tựu, 7 chúng pháp tử đều do giới mà thiết lập. Cho nên ngài Nam tông (Huệ Năng) sau khi đắc pháp liền phải đăng đàn thọ giới. Ngài Thanh Lương quốc sư là vị Bồ-tát trong hội Hoa Nghiêm, mà tự mình còn dùng 10 điều Luật để nghiêm thân. Lịch đại Tổ sư có vị nào là bạch y mà độ người không? Các đức Như Lai trong 3 đời đều lấy giới làm điều quy ước đầu tiên. Cho nên đức Thích tôn của chúng ta khi mới thành Phật ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, Ngài liền cùng với các vị Bồ-tát kết Ba-la-đề-mộc-xoa. Hãy tìm xem khắp kinh điển của Đại thừa và Tiểu thừa, không có chỗ nào là không tán thán người trì giới. Chưa thấy có một đức Phật nào lại khen ngợi người phá giới. Người có trí phải nên xem cho rõ, trông mong trong muôn người không một ai làm lẫn!

11. Đức Như Lai khi sắp nhập Niết-bàn. Ngài căn dặn các hàng đệ tử phải y theo Ba-la-đề-mộc-xoa làm thầy. Người đời nay bỏ Tỳ-ni không học, không những trái với lời di huấn của Phật, mà chính ra là tự mình đã bỏ thầy mình rồi vậy! Thấy người trì giới liền chê cười hủy báng, nếu không phải là người có trí cao hơn đức Như Lai thì tại sao cùng Phật tranh chấp.

Theo tôi thì người ấy không phải chê bai người nào khác, mà chính là đã chê bai đức Phật vậy. Xin hãy tự mình xem xét lại cho kỹ, đâu không sợ hãi ư!

12. Phương pháp học đạo của Tây phương (Ấn Độ) trước phải học Tiểu thừa, tiếp đến mới học Đại thừa. Ý chỉ Đại thừa một khi đã thông, thì pháp gì, pháp gì cũng đều là trung quán cả. Cho nên biết Đại, Tiểu đều do tâm. Pháp không có rộng hay hẹp, đâu nên sanh tâm lấy, bỏ, chê, khen ư? Nếu không bắt đầu học Tiểu thừa mà liền học Đại thừa trước thì nhất định phải mắc lấy cái tội quấy khoe khoang lý Bát-nhã, thậm chí có nhiều người lại bác luôn không có lý non quả nữa vậy!

13. Các đức Như Lai trong 3 đời đều thuyết đầy đủ 3 tạng thánh giáo là Kinh, Luật và Luận, nhưng hai tạng Kinh, Luận cả hai hàng đệ tử tại gia và xuất gia đều học được, chỉ một tạng Luật lại dành riêng cho Tỳ-kheo tăng và Ni thọ trì mà thôi. Như kho tàng bí mật của nhà Vua thì các Quan bên ngoài không thể trông coi được. Cho nên nếu người bạch y và 3 chúng dưới mà xem trước thì nhất định sau không được thọ Đại giới, tội cũng giống như tội ngũ nghịch. Phạm làm thầy, xin phải nên hết sức cẩn thận!

KHAI KINH

Lược giải thích

**Pháp Phật cao siêu rất nhiệm mầu,
Trăm ngàn ức kiếp dễ tìm đâu.
Con nay nghe thấy cùng thọ trì,
Nguyện hiểu Như Lai nghĩa thật sâu.**

Luận rằng: Người học Luật quý hồ nơi sự thực hành, khi sự thực hành đạt đến đích mới biết được chỗ nhiệm mầu ở trong đó và mới thấy được chỗ cao đẹp lập pháp của đức Như Lai. Nhưng sự thực hành của hai bộ Tăng Ni không ra ngoài Luật nghi là Chi và Tác. *Chi*: Nghĩa là ngăn ngừa, hộ trì nghiêm chỉnh tất cả các học xứ. *Tác*: Nghĩa là tất cả công việc của Tăng đều do đây mà thành tựu mỹ mãn (Yết-ma). Trong bộ này tóm tắt phần Yết-ma, tổng quát giải thích về các pháp Chi, Trì để làm cơ sở học tập cho ni chúng, vậy nên khi viết ra bộ này đều hoàn toàn tuân theo Tứ Phần luật tạng và tất cả các bộ, lấy bộ giới bốn Như

Thích 12 quyển để làm mẫu chính. Phê bình, so sánh, tìm hiểu trước sau, chỗ nào đáng yếu lược thì yếu lược, chỗ nào nên tổng ký thì tổng ký, vì thế mà đề là Lược ký. Đại phạm chánh văn của giới bốn trước sau thứ lớp mỗi mỗi đều dùng bộ Như Thích làm kim chỉ nam. Tựu trung phần duyên khởi sau đây nhiều hay ít, có hay không thì mỗi mỗi đều tùy theo căn cơ mà thêm bớt để làm thành một bộ Lược ký này riêng cho Ni chúng hành trì.

Xin nguyện cùng nhau sống theo pháp lục hoà, như vậy thì dù đồng hay biệt không gì là không từ nơi pháp giới này mà lưu xuất ra, không gì là không trở về nơi pháp giới này.

Nguyên Luật bốn có 348 điều, các pháp Khai, Giã, Trì, Phạm đều y nơi bộ Tứ Phần Giới Bốn mà Lược ký.

BÀI TỰA NÓI LẠI SỰ LƯỢC KÝ

Toàn đề của bản Luật này Tổng, Biệt đều dùng mà lại nói Lược ký ấy là vì sao? Bởi vì Lược lấy riêng các pháp về Chi, Tác ở trong Tổng mà ghi chép lại rõ ràng về Chi, Tác ở trong Lược. Chi: Tức là tất cả chánh văn của 5 thiên 7 tụ, 348 giới bốn.

Thiên thứ nhất : Nói 8 pháp Ba-la-di.

Thiên thứ hai : Nói 17 pháp Tăng-tàn.

Thiên thứ ba : Nói 208 pháp Ba-dật-đề và
7 pháp Diệt-tránh

Thiên thứ tư : Nói 8 pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni.

Thiên thứ năm : Nói 100 Chúng học pháp.

Bài tựa nói về sự Lược ký 5 thiên, 7 tụ, 348 giới
Chỉ, Trì đã xong, hiệp lại có 5 thiên, khai ra có 7 tụ, y
theo văn có thể hiểu. Tác: Nói về duyên khởi của các
pháp Yết-ma là ba thứ Tăng pháp, đối thủ và tâm niệm
có 5 thứ.

Ba thứ Tăng pháp:

- | | |
|---------------------------|-------------|
| 1. Đơn bạch Yết-ma | có 27 pháp |
| 2. Bạch nhị Yết-ma | có 57 pháp |
| 3. Bạch tứ Yết-ma | có 38 pháp |
| Cộng lại Tăng pháp Yết-ma | có 122 pháp |

Đối thủ Yết-ma có 2 thứ:

- | | |
|------------------------------|------------|
| 1. Đản đối thủ Yết-ma | có 31 pháp |
| 2. Chúng pháp đối thủ Yết-ma | có 6 pháp |
| Cộng lại đối thủ Yết-ma | có 37 pháp |

Tâm niệm Yết-ma có 3 thứ:

- | | |
|------------------------|-----------|
| 1. Đản tâm niệm Yết-ma | có 4 pháp |
|------------------------|-----------|

2. Đối thủ tâm niệm Yết-ma có 15 pháp

3. Chúng pháp tâm niệm Yết-ma có 6 pháp

Cộng lại tâm niệm Yết-ma có 25 pháp

Ở trong 3 thứ tâm niệm Yết-ma này Ni chỉ được dùng 4 pháp, dẫn tâm niệm Yết-ma mà thôi, nghĩa là trong khi ngồi nghe giới phát lộ hai thứ biết mình có tội (thức tội) và nghi mình có tội (nghi tội), sám hối các tội Đột-cát-la và pháp lục niệm. Còn 2 thứ tâm niệm Yết-ma kia Luật chế bất cộng. Nhưng Yết-ma dịch là biện sự, vả lại việc không nhất định cho nên nói lại có 8 thứ, nên biết phương tiện thì nhiều mà quy nguyên thì không hai vậy.

Đây là bài tựa nói về sự lược ký các pháp Yết-ma: Tăng pháp, đối thủ, tâm niệm tác trì đã xong. Hiệp lại có 3 thứ, khai ra có 8 thứ; y theo văn có thể biết.

Sau đây phân khoa điều là giải thích về 5 thiên, 7 tụ, 348 giới thuộc về chỉ trì và 8 pháp Yết-ma thuộc về tác trì khai ra và hiệp lại vậy.

QUYỂN I

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ

Giải thích giới bốn Tỳ-kheo-ni này đại khoa chia làm hai phần:

A. Giải thích đề mục

B. Giải thích chánh văn.

A. GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC TỨ PHẦN LUẬT TỖ-KHEO-NI GIỚI BỒN

LƯỢC GIẢI:

Tứ phần Giới bốn đây là từ nơi chỗ xuất xứ mà đặt tên, vốn rút ra trong bộ Luật Đàm-vô-đức. Luật này chia ra 4 phần:

Phần 1 : Nói về giới pháp của Tỳ-kheo

Phần 2 : Nói về giới pháp của Tỳ-kheo-ni và các pháp thọ giới thuyết

giới.

Phần 3 : Nói về các pháp An cư, Tụ tứ...

Phần 4 : Nói về các pháp phòng xá...

Nay bộ giới bốn này tức là 348 giới kinh của Tỳ-kheo-ni, thuộc về phần thứ hai của bộ luật Tứ phần.

Luận rằng: Đức Phật chế Luật ban đầu từ nơi Lộc Uyển, cuối cùng cho đến khi thị tịch ở Hạc Lâm lời vàng không nói nữa. Ngài Ưu-ba-ly tiếp tục tuyên lại, tụng lời dạy của đức Như Lai ghép đầy đủ trong 80 lần, gọi là Bát thập tụng luật. Ban đầu ngài Ca-diếp dẫn thọ, tiếp đến ngài A-nan vâng giữ, thứ ba ngài Mạt-điền-địa, thứ tư ngài Xá-na-ba-đề, thứ năm ngài Ưu-ba-khốt-đa. Cả năm ngài cùng nhau truyền trì như vậy trải qua hơn 100 năm, sự trao và thọ không có gì khác. Về sau có Vua A-dục trị đời, tôn kính ngôi Tam-bảo, nhóm họp tất cả Tăng chúng lại để kết tập Ba tạng kinh điển. Lúc bấy giờ các vị Tỳ-kheo ai cũng chấp trước chỗ thấy nghe của mình rồi sao sửa Kinh Luật, họ đều dẫn lời của Thầy mình dạy lấy làm chương mục. Vì sự dẫn trích không giống nhau mà chia thành hai bộ phái, rồi cãi nhau phải trái, phải yêu cầu nhà Vua phán quyết. Vua liền làm hai thứ thẻ đen và trắng để tiêu biểu cho hai phái tân và cựu. Khi ấy phái thủ cựu thì nhiều, dùng số nhiều để đặt tên nên gọi là Ma-ha Tăng-kỳ, phái thủ tân lại ít nhưng lại

toàn là các bậc Thượng toạ, từ nơi các vị Thượng toạ mà đặt tên nên gọi là Thượng toạ bộ. Trong vòng hai trăm năm, từ nơi hai bộ phái này lại phát sanh ra thêm 18 bộ nữa. Trong 18 bộ ấy có 5 bộ làm giềng mối:

1. Đàm-vô-đức: Trung Hoa dịch là Pháp Mật, đây là tên của người lập ra bộ phái này, luật tên là Tứ Phần.

2. Tát-bà-đa: Trung Hoa dịch là Thuyết Nhất Thế Hữu, luật tên là Căn Bản và Luật Thập Tụng.

3. Ca-diếp-di: Trung Hoa dịch là Trùng Không Quán, luật tên là Giải thoát, chỉ có một quyển Giới bản là đến phương này.

4. Di-sa-tắc: Trung Hoa dịch là Bất Trước Hữu Vô Quán, luật tên là Ngũ Phần.

5. Bà-sai-phú-la: Trung Hoa dịch là Độc Tử, luật Bản chưa đến phương này.

Các bộ Luật do 5 bộ phái này chế ra vẫn có rộng hẹp, việc có rõ, bớt, cho đến các pháp khinh, trọng, khai, già, tuy không khác nhau nhiều, nhưng cũng có khác chút ít mà đều do một đức Phật dạy ra, chỉ vì người nghe và lãnh hội không rộng, rồi truyền tụng có thiếu sót, ai cũng giữ lập trường của mình đến nỗi thành ra sai khác nhau.

Ngày xưa đức Như Lai đã huyền ký: "Sau khi Ta diệt độ Kinh Luật sẽ phân chia thành 5 bộ phái rồi đến 18 bộ phái, tuy tên của các bộ phái khác nhau, mà đều không ngăn ngại gì đối với Pháp giới Phật và Niết-bàn, nương theo đó mà tu hành đều được giải thoát". Đức Phật bảo Ngài Văn- thù: "Trong đời vị lai, các hàng đệ tử của Ta sẽ có 20 bộ phái, đều hay làm cho cho Chánh pháp được tồn tại, nếu ai nương theo 1 trong 20 bộ phái ấy mà tu hành thì đều chứng được bốn quả vị Thánh. Trong các bộ phái ấy Ba Tạng Kinh điển đều giống nhau không có phân chia ra thượng trung hạ gì cả. Cũng ví như nước biển chỉ có một vị mặn mà thôi, giống như người có 20 đứa con. Đây là lời chơn thật đức Như Lai đã chỉ dạy, hai bộ phái gốc từ nơi Đại thừa mà lưu xuất ra, từ nơi Bát-nhã Ba-la-mật mà lưu xuất ra, các bậc Thanh văn, Duyên giác, các đức Phật cũng đều từ nơi Bát-nhã Ba- la-mật mà lưu xuất ra", lại dạy bài kệ:

"Mười tám và hai bốn

Đều từ Đại thừa ra

Không phải cũng không quấy

Ta nói vị lai sanh".

Nói hai bộ Căn bản ấy chính là Tăng-kỳ và Thượng toạ. Bộ Tăng-kỳ lại chia ra thêm 7 bộ nữa và bộ Thượng toạ chia ra thêm 11 bộ, cùng với hai bộ Căn bản cộng thành 20 bộ phái. Nay truyền qua Trung Hoa chỉ có 4 bộ là: Tăng-kỳ, Pháp Mật, Tát-bà-đa và Di-sa-tắc. Giới Nhân Duyên Kinh và Ưu-ba-ly vẫn kinh đều là chi thuộc của Luật. Ngoài ra, các bộ Luận như Thiện Kiến, Tỳ-ni mẫu, Ma-đắc-lặc-già, Tát-bà-đa Tỳ-ni, Tỳ-bà-sa, Minh Liễu... đều là lược giải thích danh nghĩa của Luật. Các bộ loại này đã được Như Lai tự thân ấn ký. Thời chúng ta không nhọc gì mà sanh nghi ngờ, đã biết không thi, không phi thì lại phiền gì mà phải nghĩ nghĩ. Ví như thuyền ghe, bè, phao, tên tuy không giống nhau, mà đến bờ bên kia thì không khác vậy. Vì thế mà 5 nước ở Thiên Trúc tùy họ nương theo pháp nào cũng đều chứng được đạo quả hết. Gần đây ở Trung Hoa 4 bộ phái đều thịnh hành, ai nương theo đó mà tu học đều chứng được Thánh quả, nếu không phải do đức Như Lai khéo ứng theo căn cơ của chúng sanh, thì làm sao mà được lợi ích thù thắng như vậy. Cho nên phải cẩn thận giữ-gìn cái phao thì nhất định không ai là không đến được bờ bên kia.

B. GIẢI THÍCH CHÁNH VĂN

Phân ra làm ba:

I. Bài tựa nói về tiền phương tiện.

II. Tổng nêu giới tướng.

III. Kết khuyến hồi hướng.

I. BÀI TỰA NÓI VỀ TIỀN PHƯƠNG TIỆN

Chia ra bốn phần:

1. Thuật lời tán tụng.
2. Tác tiền phương tiện.
3. Bình bạch Yết-ma.
4. Nói bài tựa Giới kinh.

1. Thuật lời tán tụng:

Cộng có 12 bài tụng chia ra 9 đoạn để giải thích:

"Cúi đầu lễ chư Phật,

Tôn pháp Tỳ-kheo Tăng.

Nay diễn pháp Tỳ-ni,

Để Chánh pháp trường tồn".

LƯỢC GIẢI:

Nửa bài tụng trước là lời quy kinh Tam bảo, nửa bài tụng sau nói rõ mục đích thuyết giới khiến cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài. Phàm làm Pháp sự gì, trước nhất định phải quy kinh ngôi Tam bảo để cầu gia bị, khiến cho nội chướng lặn tiêu, ngoại ma không quấy nhiễu, Pháp sự mới được thành tựu.

Khể thủ: Xuất xứ trong bộ Châu Lễ, là lễ thứ nhất trong chín thứ lễ, nghĩa là cúi đầu sát đất, dừng lại trong giây lát mới đứng dậy.

Lễ: Noi theo, nghĩa là tới lui có phép tắc, lớn nhỏ có phân hạng. Nhưng tùy theo từng địa phương phong tục không đồng nhau nên lễ cũng không nhất định. Ở Ấn Độ đem 5 vốc gieo xuống đất cho là hết sức cung kính, còn ở phương này thì cúi đầu là cung kính nhất. Nay tùy theo quốc độ mà hành trì, làm thế nào để tỏ hết lòng cung kính là được.

Chư: Chỉ hết cả ba đời và mười phương.

Phật: Nói cho đủ là Phật-đà, là tiếng tôn xưng bậc Đại giác cùng lý tốt tánh vậy. *Giác:* Gồm có 3 nghĩa:

a. *Tự giác:* Ngộ tánh chơn thường, rõ được hoặc

nghiệp là hư vọng.

b. *Giác tha*: Vận lòng từ vô duyên độ chúng hữu tình.

c. *Giác hạnh viên mãn*: Cùng nguồn tốt đích, hạnh mãn quả viên.

Pháp: Nghĩa là pháp yếu thanh tịnh của đức Như Lai tùy theo căn cơ chúng sanh mà diễn nói. Những Thánh giáo này quyết định giúp cho chúng hữu tình dứt hết các phiền não mà đi đến Niết-bàn, chứng được tam minh, trí tuệ viên mãn.

Tỳ-kheo Tăng: Tỳ-kheo, Trung Hoa dịch là Khất sĩ. *Khất*: Là Khất cầu. *Sĩ*: Là tôn xưng đức Thanh nhã. Nghĩa là bên trong thì tu đức Thanh nhã, bên ngoài thì xa lìa bốn món tà mạng thực để làm phước lợi cho chúng sanh, cầu xin nuôi thân để thành tựu đức Thanh nhã. Cũng gọi là Trừ cần, vì chúng sanh không có pháp để tự nuôi mình, phần nhiều thiếu thốn, người xuất gia giữ giới hạnh là ruộng phước tốt hay phát sanh các điều lành cho chúng sanh. Vì thế người đời quy tín cúng dường để gieo phước, như ruộng đất tốt hay sanh ra mầm lúa để trừ sự đói khát cho con người. Tân dịch là B í-sô có 5 nghĩa như thường có thể biết. Tăng, gọi đủ là Tăng già. Trung Hoa dịch là chúng, là danh xưng của bốn vị Tỳ-kheo hoặc Tăng hoặc Ni trở lên, tức là gồm xưng hết các bậc thanh tịnh trì giới

hữu học và vô học vậy.

Kim điển: Chính trong khi đang thuyết giới vậy.

Tỳ-ni: Trung Hoa dịch là diệt, nghĩa là diệt tham, sân si. Cũng gọi là chiết phục, nghĩa là điều phục các thứ phiền não. Lại gọi là Luật, nghĩa là các pháp luật mà đức Phật đã chế ra để xử đoán các tội nặng nhẹ, khai, già, trì, phạm để khiến ngăn ngừa các điều ác mà phát sanh các điều thiện vậy.

Linh chánh pháp cữu trú: Chánh pháp nghĩa là Thánh đạo vô lậu xuất thế, vì do yết-ma thuyết giới mà Chánh pháp không tiêu diệt ở đời, cho nên nói: Tỳ-ni tạng là thọ mạng của Phật pháp, Tỳ-ni tạng còn thì Phật pháp cũng còn, vì các thiện pháp diệu định thắng huệ đều nhờ nơi giới mà phát sanh hết vậy.

***"Giới như bể không bờ,
Như báu cầu không chán.
Muốn hộ tài sản Thánh,
Chúng hạp nghe tôi tụng".***

LƯỢC GIẢI:

Nửa bài tụng trước là nói thắng đức của Giới,

nửa bài tụng sau khuyên nên nghe Giới sẽ được lợi ích.

Giới như hải vô nhai: Giới nghĩa là 348 Ba-la-đề-mộc-xoa và các oai nghi. Ở trong mỗi mỗi giới đều phát sinh ra các điều nhiếp thủ Chúng tăng... 10 món công đức, ở trong mỗi mỗi công đức lại phát sinh ra 10 món chánh pháp như là 5 căn: Tín, tấn...3 món thiện căn: Vô tham, vô sân, vô si và 2 thứ: Hộ thân, hộ khẩu, do đây mà thành ra. Biển phước không có bờ cho nên gọi là vô nhai.

Như bảo châu vô yếm: Bảo nghĩa là viên ngọc châu vương như ý trong sạch ở trong biển, đều tùy theo ý muốn của chúng sinh mà cung cấp cho những thứ vui đẹp, do đó mà người đời tìm cầu không nhầm chán. Ở trong biển Phật pháp, giữ giới luật sáng sạch thì sẽ phát sinh ra các thiện phẩm thù thắng như là 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, ứng niệm liền được, như hạt châu vương kia, nên con người tìm cầu không biết nhầm chán.

Thánh pháp tài: Tức là các thiện phẩm thù thắng như là 5 căn... Ở trên đã nói và tín, giới, văn, xả, huệ, từ, quý... các tài sản Thánh này không có Giới thì không thể nào giữ gìn được. Giới có công năng ngăn quấy dứt ác, như binh mạnh tướng giỏi, hay dẹp được oán địch không để cho xâm lăng. Muốn giữ gìn tài

sản này phải cùng nhau hoà hiệp nhóm họp một chỗ mà nghe giới, đúng như lời nói mà thực hành.

Chúng: Là những người đắc giới viên mãn và đúng pháp.

Tập: Là thân căn cùng nhau hoà hiệp nhóm họp một chỗ.

Thính: Thuộc về nhĩ thức, đối với văn nghĩa đã nói ra phải dùng nhĩ thức mà lãnh thọ, tâm phải biết rõ ràng.

Ngã thuyết: Nghĩa là như Luật mà nói lời và nghĩa không trái chống nhau.

***"Muốn trừ 8 tội Khí,
Và diệt tội Tăng-tàn.
Ngăn 30 Xã đọa,
Chúng họp nghe tôi tụng".***

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng này nói rõ mục đích nghe giới xa lìa các tội lỗi.

Bát khí: Nghĩa là 8 pháp Ba-la-di gồm có 4 giới trọng trước và 4 giới trọng sau. Nếu phạm một giới

nào trong 8 giới thì tất cả công đức đạo quả đều mất hết, lại vĩnh viễn bỏ ra ngoài thanh chúng, không được cùng sống chung với các vị Tỳ-kheo-ni. Như biển lớn không dung nạp tử thi, trôi dạt lên bờ, trong biển giới pháp cũng không dung nạp người phá giới cho nên vĩnh viễn bỏ ra ngoài chúng thanh tịnh, đối với người ấy không cần hỏi cũng không trị phạt.

Tăng-tàn: Gồm có 17 việc, nghĩa là phạm các việc này còn có một chút lý dư thừa có thể trị được, phải ở giữa 2 bộ Đại tăng mỗi bên đều phải đủ 20 vị, như pháp sám hối mới có thể trừ diệt được, không giống như 8 tội Khí trước, không có một chút dư thừa có thể trị được.

Xả đạo: Gồm có 30 việc, do buông lung cất chứa tiền của mà sanh tội, phạm tội này thì phải đến giữa chúng, trước phải xả bỏ đồ vật kia đi, tiếp đến mới sám hối tội đạo. Sở dĩ tội gọi là đạo ấy bởi vì tội này nếu không sám hối để trừ diệt tức là phải đạo vào trong 3 đường dữ, chịu cái khổ thiêu đốt. Muốn được trừ diệt 8 tội Khí, các tội Tăng-tàn, ngăn giữ những tội Xả đạo, phải cùng nhau nhóm họp nhất tâm mà nghe tụng giới.

"Tỳ-bà-thi, Thức-khí

Tỳ-xá, Câu-lưu-tôn,

*Câu-na-hàm Mâu-ni,
Ca-diếp, Thích-ca-văn,
Các Đại đức Thế Tôn,
Vì tôi dạy sự này,
Tôi nay muốn nhắc rõ,
Các Ngài thấy cùng nghe''.*

LƯỢC GIẢI:

Một bài tụng trước gồm nêu tên của 7 đức Phật, một bài tụng sau nói lời dẫn dò phải nên chăm nghe.

Tỳ-bà-thi: Cũng có tên là Duy-vệ, Trung Hoa dịch là Thắng Quán.

Thức-khí: Cũng có tên là Thi-khí, Trung Hoa dịch là Hoả-tỳ-xá, nói cho đủ Tỳ-xá-phù, Trung Hoa dịch là Biển Nhứt Thiết Tự Tại. Ba đức Như Lai này về đời quá khứ trong thời kỳ cuối kiếp Trang Nghiêm các Ngài ra đời.

Câu-lưu-tôn: Trung Hoa dịch là Sở ung đoạn, lại dịch là Tác Dụng Trang Nghiêm, trong kiếp thứ 9 của Hiền kiếp này khi mạng sống của con người giảm còn 6 vạn tuổi thì ra đời. Ngài là đức Phật đầu tiên trong số một ngàn đức Phật thuộc về Hiền kiếp.

Câu-na-hàm Mâu-ni: Trung Hoa dịch là Kim Tịch, cũng dịch là Kim Tiên. Khi mạng sống của con người giảm còn bốn vạn tuổi thì Ngài ra đời.

Ca-Diếp: Nói cho đủ là Ca-diếp-ba. Trung Hoa dịch là Âm Quang. Khi thọ mạng con người giảm còn hai vạn tuổi thì Ngài ra đời.

Thích-ca-văn: Trung Hoa dịch là Năng Nhơn, cũng gọi là Thích-ca Mâu-ni, Trung Hoa dịch là Năng Nhơn Tịch Mặc. Khi thọ mạng con người giảm xuống còn 100 tuổi Ngài ra đời.

Bốn đức Như Lai này ở vào đầu hiền kiếp theo thứ lớp xuất hiện ra đời.

Thế-tôn: Là Đấng đầy đủ 10 đức hiệu, các hàng trời, người, phàm, thánh ở trong thế gian và xuất thế gian đều tôn trọng.

Dại-đức: Là Đấng phước đức và trí tuệ tròn đầy, đầy đủ 10 đức hiệu ở đời không ai sánh kịp, cả 2 đức hiệu này đều dung để tôn xưng, cả 7 đức Phật ở trên vậy.

Vị ngã thuyết thị sự: Đây là nói thầy trò truyền thọ cho nhau, rõ không phải là điều ước thuyết. *Ngã*: Chỉ cho người hiện đang nói giới. *Thị sự*: Là bắt đầu từ bài tựa của giới kinh cho đến 7 bài kệ của 7 đức Phật.

Ngã kim dục thiện thuyết: Thiện thuyết là như pháp mà nói lời không sai lầm.

Chư hiền hàm cộng thính: Chư hiền nghĩa là những vị từ khi mới đắc giới chưa có hạ nào cho đến 100 hạ. *Hàm cộng thính* nghĩa là cùng hoà hiệp nhóm họp một chỗ hết lòng lắng nghe vậy.

***"Ví như người què chân,
Không thể đi đâu được.
Người phá giới cũng vậy,
Không thể sanh trời người.
Muốn được sanh lên trời,
Hoặc được sanh cõi người,
Thường phải giữ chân giới,
Đừng để bị thương tổn".***

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng trước, nửa bài đầu là lập dụ, nửa bài tụng sau nói hậu quả của sự phá giới, làm chướng ngại sanh về thiện đạo. Bài tụng sau, nửa bài tụng trước nói rõ kết quả sanh về thiện thú, nửa bài sau khuyên răn phải giữ gìn như lạnh.

Thí như: Là lời giả thuyết.

Hủy: Là huỷ hoại.

Thiếp: Là bước qua, huỷ giới cũng như phá giới vậy.

Thiên: Nghĩa là 28 cõi trời Dục giới, Sắc giới và vô sắc giới.

Nhơn: Nghĩa là người sống trong 4 Đại châu, 8 Trung châu và các Tiểu châu vậy.

Thường đương hộ giới túc: Nghĩa là giới không thể nào tạm thời có thể huỷ phạm được.

Tôn: Là thương tôn, không những khuyên răn chớ huỷ phạm các giới lớn mà các giới nhỏ cũng không được làm thương tôn. Nói sanh thiên ấy là vì tùy theo căn cơ thuận đời mà tạm nói. Người Ấn Độ phần nhiều muốn sanh lên cõi trời, ban đầu khi mới xuất hiện đức Phật phải tùy theo căn cơ ưa muốn của họ mà nói pháp, nhưng đây không phải là Thánh ý, cũng không phải là mục tiêu của Luật. Luật lấy giải thoát làm tôn chỉ, đâu lại hướng đến quả hữu lậu của hàng nhơn thiên! Hơn thế nữa thiện đạo vốn là con đường nguy hiểm, đường nguy hiểm có hai nẻo: 1. Là sanh lên cõi trời, 2. Là ác đạo. Sanh lên cõi trời tuy được hưởng những sự vui sướng thù thắng nhưng

phước hết lại bị đọa trở vào đường dữ, lấy đây để chứng minh cho chúng ta thấy rằng sanh thiên không phải là mục tiêu của Luật. Nếu huỷ giới thì hiềm đồ còn không thể lên được, huống gì là đường vui Niết-bàn. Đây không giảng hai chữ Niết-bàn là vì lược vậy. Như đại Luật nói: Muốn cầu sanh lên cõi trời, hoặc vào Niết-bàn phương tiện chính là cần phải giữ gìn giới cấm, như vậy giới cấm không bị huỷ hoại thì nhất định vượt qua hiềm đạo. Lại nói rằng: Tâm niệm tu giới như vậy hay tránh được các hành vi ác, hay trừ được các hoạn kiết sử, an ổn vào Niết-bàn. Hàng Thanh văn vốn rất nhàm chán và sợ hãi quả khổ trong ba cõi mà đoạn tập, tu đạo, chứng diệt thì đâu còn mong cầu quả báo của hàng nhơn thiên này nữa. Các vị Bồ-tát không ham lạc thú ở đời, sợ và nhàm chán sanh tử phiền não, ưa thích một cách thâm sâu cái vui Niết-bàn. Hàng Thanh văn sợ và nhàm chán phiền não, ưa thích một cách thâm sâu cái vui Niết-bàn còn gấp trăm ngàn vạn lần hơn các vị Bồ-tát, thì đâu còn mong cầu dục lạc của hàng nhơn thiên mà làm gì?

"Như xe vào đường hiểm,

Lo hư chốt, gãy trục.

Phá giới cũng như vậy,

Khi chết lòng sợ hãi"

LƯỢC GIẢI:

Nửa bài tụng trên là lập dụ, nửa bài tụng dưới nói cho biết về hậu quả của tội lỗi phá giới.

Trục: Trục ở chính giữa để giữ cho bánh xe quay quanh.

Hạt: Tám sắt giữ trên đầu trục. Cũng như người lái xe đi vào con đường nguy hiểm, giữa đường mất chốt gãy trục ôm lòng lo buồn và rất sợ hãi. Hủy giới cũng như người lái xe kia bị mất chốt gãy trục.

Tử thời: Như ở trong đường nguy hiểm, đã tự biết mình hủy giới quyết phải đoạ vào đường ác bèn ôm lòng sợ hãi như đánh xe vào đường nguy hiểm mà sợ hãi lo âu mất chốt gãy trục.

***"Như người tự soi kiếng,
Đẹp, xấu sanh vui buồn.
Thuyết giới cũng như vậy,
Vẹn, hỏng sanh mừng lo".***

LƯỢC GIẢI:

Nửa bài tụng trên là lập dụ, nửa bài tụng dưới nói rõ kết quả giữ giới hoàn toàn hay hủy phạm, như người lấy gương tự soi mặt mình, dung mạo đoan trang thì sanh vui mừng, mặt mày xấu xí bèn ôm lòng buồn lo. Nay đây chính đương khi thuyết giới, dùng giới để tự quán sát tâm mình, nếu hoàn toàn thì bên trong vui mừng sung sướng, bên ngoài không thẹn với người, còn hủy phạm thì bên trong ôm lòng lo bên ngoài xấu hổ đối với mọi người.

*"Như hai bên đánh nhau,
Gan, nhất có tiến thối.
Thuyết giới cũng như vậy,
Tịnh, nhiễm sanh vui, sợ".*

LƯỢC GIẢI:

Nửa bài tụng trên là lập dụ, nửa bài tụng dưới nói rõ kết quả sự trì giới đắc hay thất. Như hai đội quân cùng giao chiến, người dũng cảm an nhiên tiến thẳng tới, kẻ khiếp nhược thì sợ hãi mà tháo lui, ngay trong khi Đại chúng nhóm họp nghe giới, chính là lúc cùng

với giấc thiền nào ma quân đánh nhau, giới thanh tịnh như người dũng cảm, thân tâm đều an ổn, giới ô uế như kẻ khiếm nhược, tâm tình và sắc mặt đều sợ hãi, liền sa lầy trong mặt trận thiền nào, bị ma quân nhiếp phục.

*"Thế gian, Vua là lớn,
Sông ngòi, biển rộng hơn,
Các sao, trăng sáng nhất,
Các Thánh, Phật trên hết.
Trong tất cả các Luật,
Giới Kinh là tối thượng.
Như Lai lập cấm giới,
Nửa tháng tụng một lần".*

LƯỢC GIẢI:

Một bài tụng trước, câu thứ nhất lấy nghĩa tôn quý làm thù thắng. Câu thứ hai lấy nghĩa sâu rộng làm thù thắng. Câu thứ ba lấy nghĩa sáng sạch làm thù thắng. Câu thứ tư lấy quả đức làm thù thắng, nghĩa là các bậc Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát hạnh quả chưa viên mãn đức Như Lai hạnh mãn quả viên, đối với trong tất cả các bậc Thánh riêng Ngài là tối thắng hơn cả. Đây cũng chính là ví dụ cho Tỳ-kheo-ni là con của Kim luân vương, là cháu quý của Pháp vương, nếu phước đức và trí tuệ sâu rộng, giới thể viên minh thì từ trên cõi trời cho đến chốn nhân gian không ai có thể sánh kịp, chính đó là địa vị tôn trọng nhất trong Đại

chúng. Một bài tụng sau, hai câu đầu nói rõ Giới kinh là tối thắng hơn cả. Giới kinh chính là Luật nghi của Tỳ-kheo-ni trong kinh Biệt giải thoát. Biệt giải thoát nghĩa là nương nơi kinh này mà tu hành, liền lần lượt dứt trừ chín phẩm lậu hoặc từ hạ hạ phẩm đến thượng thượng phẩm mà được giải thoát các phiền não. Lại các phiền não kiến đạo và tu đạo số nó có nhiều phẩm riêng khác mà xả ly được nó nên gọi là Biệt giải thoát. Do phiền não hoặc trói buộc hữu tình chìm đắm trong ba cõi. Kinh này làm cho được giải thoát mà đến Niết-bàn cho nên kinh này đặc biệt tối thượng.

Chúng Luật: Nghĩa là chỉ chung hết 5 giới, 8 giới, 10 giới cho đến Thập thiện của Luân vương, pháp luật của thế gian và các tà cấm của ngoại đạo. Đại Luật dạy rằng: Trăm ngàn vạn ức Kinh, Giới là tôn trọng bậc nhất, vì thế các giáo khác đã không bằng mà chính ngay 3 Tạng kinh điển trong 12 bộ kinh cũng lấy Giới làm đầu. Cho nên Căn bản luật nói: Đức Phật dạy 3 Tạng kinh giáo, Tỳ-nại-da đứng đầu. Lúc đi du hoá trong chốn nhân gian, đức Phật tùy theo chỗ nào cần Ngài cũng thuyết kinh pháp, nhưng Luật giáo thì không như vậy, cho nên biết rất khó gặp gỡ. Chư Phật chứng quả Bồ-đề, các vị Độc-giác thân tâm yên tịnh và thành được A-la-hán đều do thực hành giới Luật.

Các vị Hiền thánh trong 3 đời xa lìa hết những sự trói buộc của pháp hữu vi đều lấy Luật làm gốc, mới hay đi đến chỗ an ổn được, như đất chở quần sanh và hay nuôi lớn cây cỏ, Luật giáo cũng như vậy, hay phát sanh ra phước đức và trí tuệ. Luật là vua trong các pháp, là vị thầy dắt dẫn đầu tiên của chư Phật. B í-sô cũng giống như người đi buôn mà Giới này là ngọc châu vô giá. Căn cứ theo lời chỉ dạy trong Luật thì nếu không nương nơi đây mà tu hành nhất định trọn đời không thể thành tựu được, dầu cho có chỗ sở đắc cũng chỉ là ma nghiệp. Cho nên trong kinh dạy rằng dầu cho đa trí, dầu cho thiên định hiện tiền, nếu không trì giới thì cũng lạc vào đường ma.

Như Lai lập cấm giới: Đây là nói rõ chính đích thân đức Như Lai chế ra, không phải các vị Thánh khác thay Phật mà làm được, không giống như Kinh và Luận, cho phép các vị khác nói rồi trình lên Phật ẩn khả. Còn đây là do đức Như Lai, trí bao trùm cả pháp giới, hiểu rõ cùng tận tâm tánh của chúng sanh, biết rõ những nghiệp căn sai khác của tất cả chúng sanh, chỗ nào đáng kết giới Ngài liền kết giới, không phải các vị Thanh-văn, Bồ-tát mà có thể làm được. Cũng giống như lễ nhạc ở đời, trừ Vua ra không ai chế được. Quy

luật lớn của đạo xuất thế, ngoài Phật ra không ai có thể lập được.

Bán nguyệt bán nguyệt thuyết: Nghĩa là hai tuần trăng, hắc nguyệt và bạch nguyệt, để tiêu biểu cho hắc nghiệp và bạch nghiệp. Muốn dứt hết hắc nghiệp mà bạch nghiệp được viên toàn thì nửa tháng, nửa tháng phải thuyết giới, khiến cho các Tỳ-kheo-ni phải tự nhớ những lỗi lầm mà mình đã phạm để như pháp sám hối trừ diệt, để dứt sạch các điều ác, các điều thiện được vẹn toàn.

12 bài tụng trên đây là do các bậc A-la-hán khi kết tập Luật tạng đã để vào, còn xét trong Đại luật bản thì gồm có 46 bài tụng.

2. Tác tiền phương tiện:

Phân ra 6 đoạn để giải thích.

2.1. Tăng họp chưa?

LƯỢC GIẢI:

Phàm mỗi khi tác Yết-ma Bồ-tát, tất cả các vị Tỳ-kheo-ni cùng ở chung trong một cương giới đều

phải khiến về nhóm họp hết một chỗ để đề phòng những phương tiện biệt chủng phá Tãng, cho nên trước hết phải hỏi câu này.

Tãng: Có 4 loại, nghĩa là 4 người, 5 người, 10 người và 20 người.

Tãng gồm 4 người: Trừ thọ Cụ túc giới, tự tứ, xuất tội Tãng-tàn, còn lại các Yết-ma khác đều có thể được tác pháp với túc số này.

Tãng gồm 5 người: Trừ việc truyền thọ Cụ túc giới tại các Đô thị và xuất tội Tãng-tàn, còn lại các Yết-ma khác đều có thể được tác pháp với túc số này.

Tãng gồm 10 người: Trừ xuất tội Tãng-tàn, còn lại các yết-ma khác đều có thể tác pháp với túc số này.

Tãng gồm 20 người: Tất cả các pháp Yết-ma đều làm được.

Bốn phân loại Tãng này: Tùy theo, nếu thiếu 1 người thì tác pháp không thành, dư thì đúng pháp, mà thiếu thì phi pháp, phi luật, đắc tội! trừ Bồ-tát, những khi có các công việc cần yếu phải Yết-ma chúng quá đông tản mác khó vân tập, hoặc để phòng ngừa chướng nạn, được phép ở trên giới trường mà tác pháp, dù không nhóm họp cũng không có lỗi.

2.2. Hoà hiệp không?

LƯỢC GIẢI:

Cùng nhóm họp một chỗ để làm một pháp Yết-ma thì quyết phải tâm và miệng không chống trái nhau, người không đến thì phải dự dục, những người hiện diện ai đáng la rầy thì không nên la rầy nữa, nghĩa là để đề phòng trường hợp tranh cãi nhau, làm ngăn ngại pháp sự, cho nên tiếp đến phải hỏi câu này.

2.3. Người chưa thọ đại giới đã ra chưa?

LƯỢC GIẢI:

Vị thọ Đại giới ấy: Nghĩa là chưa trải qua bạch tứ Yết-ma như pháp đặc Cụ túc giới.

Xuất: Nghĩa là khiến họ ra khỏi chúng, rời hẳn chỗ không thấy và cũng không nghe được. Đức Phật dạy: Không được ở trước người chưa thọ Đại giới mà tác Yết-ma thuyết giới.

2.4. Các Tỳ-kheo-ni không đến họp có thuyết dục và thanh tịnh không?

LƯỢC GIẢI:

Bất lai: Nghĩa là người không đến nhóm họp, phạm làm một Pháp sự gì phải Yết-ma thì nhưt định thân và tâm đều nhóm họp mới thành hoà hợp. Nếu vì có các duyên sự như là việc Phật, việc Pháp, việc Tăng, hoặc bị bệnh, hoặc săn sóc người bệnh thì mới khai cho tâm vân tập, cho nên cho phép được truyền tâm và miệng ứng trước việc của Chúng tăng để cho mình và việc của Chúng tăng đều được thành tựu, không gây trở ngại cho Pháp sự, không có lỗi biệt chúng.

Thuyết dục: Nghĩa là nói ý muốn của mình gửi đến Chúng Tăng về những việc làm đúng pháp của Chúng tăng, tự tâm mình ưa thích và nhất trí cùng với cộng đồng.

Thanh tịnh: Nghĩa là tự mình không có tội, đây là khi Bồ-tát nhờ người trình lên Tăng rằng mình thanh tịnh. Lại vì khi Bồ-tát, Chúng tăng còn làm bao nhiêu pháp Yết-ma khác cho nên khi gửi dục gồm thanh tịnh, không được chỉ riêng dục một phần thanh tịnh, làm

ngăn ngại công việc của Chúng tăng, cũng không được gởi dục riêng một việc gì, phải nên nói: "Tăng sự như pháp xin gởi dục và thanh tịnh" mới không phạm cái lỗi làm chậm trễ công việc Yết-ma của Chúng tăng.

Có 5 cách gởi dục:

1. Hoặc nói: Tôi gởi dục cho cô nhé.
2. Hoặc nói: Tôi xin thuyết dục.
3. Hoặc nói: Thuyết dục giúp tôi nhé.
4. Nếu người bệnh không nói được, chỉ cần phát biểu một cử chỉ nơi thân.
5. Hoặc nói: Đủ văn gởi dục, đều thành dục dục.

Nếu không làm như vậy thì không thành dục dục, phải dục dục lại với người khác. Trong này tất cả các lỗi gởi dục đều khẳng định người gởi dục phải ở trong phạm vi cương giới của trú xứ, cũng không được gởi dục và thanh tịnh cách đêm. Nếu Tỳ-kheo-ni bị bệnh đã dục dục rồi, nghe trong Chúng tăng thuyết giới, gắng sức đến nghe, ngồi lâu sanh mệt nhọc, liền cho rằng trước mình đã dục dục rồi im lặng bỏ đi, như thế thì không gọi là dục dục, vì đã phá cái dục trước rồi, do đó mà phải dục dục lại. Các duyên sự khác nên chuẩn theo đây mà biết. Nếu Tỳ-kheo-ni bị bệnh nặng không thể làm các dấu hiệu nơi thân và miệng như trên để gởi dục, Tăng phải cho người khiêng Tỳ-kheo

bệnh ấy vào giữa Tăng, nếu sợ khiêng đi làm dao động đau đớn người bệnh, thì tất cả Chúng tăng nên đến chỗ người bệnh, vây quanh họ mà tác pháp Yết-ma, nếu người bệnh quá đông nên nhóm họp lại một chỗ là tốt hơn cả, nếu đều không thực hiện được thì Chúng tăng phải nên ra khỏi phạm vi cương giới của trú xứ, kết tiểu giới mà thuyết giới, nếu không có cách nào khác mới được biệt chúng Yết-ma thuyết giới. Nếu nói văn gởi dục đầy đủ thì phải đến trước mặt một vị Tỳ-kheo-ni có thể gởi dục được, chính đốn oai nghi mà thưa rằng:

"Đại tử nhưt tâm niệm, tôi Tỳ-kheo-ni...Tăng sự như pháp xin gởi dục và thanh tịnh".(Nói 1 lần).

Nếu khi Tự tứ thì nên nói là dục dục Tự tứ. Còn tất cả các pháp Yết-ma khác chỉ cần nói gởi dục mà thôi. Vị Tỳ-kheo-ni nhận dục phải trì dục đến giữa Chúng tăng, khi vị Yết-ma hỏi như trên liền phải đầy đủ oai nghi thưa rằng:

"Bạch Đại tử tăng, xin lắng nghe, tôi có nhận dục và thanh tịnh của Tỳ-kheo-ni... Tăng sự như pháp, Tỳ-kheo-ni ấy xin gởi dục và thanh tịnh"(Nói 1 lần).

Các bộ khác thì cho người trì dục đối với một người ngồi bên cạnh mà nói không phải thưa ra giữa Đại chúng vì sợ kéo dài thì giờ làm cho Chúng tăng

sanh mệt mỏi...và các lỗi lầm khác. Người trì dục sau khi đã nhận dục rồi, hoặc qua đời, hoặc có việc phải ra khỏi trú xứ, hoặc bỏ đạo, hoặc vào chúng ngoại đạo, hoặc vào chúng khác, hoặc đến trên giới trường, hoặc ánh sáng ban mai bắt đầu xuất hiện, hoặc nói rằng: Tôi phạm biên tội, là người mắc 13 già nạn, hoặc bị cử tội, hoặc bị đuổi, hoặc sẽ bị đuổi, hoặc vận thân thông bay lên giữa hư không, hoặc ở chỗ không thấy, không nghe, đều không thành gọi dục thanh tịnh, cần phải gọi dục lại với người khác. Do đó, nếu đi giữa đường, hoặc đến trong chúng cũng như vậy. Người nhận dục nếu ngủ quên hoặc vào thiền định, hoặc quên, hoặc không cố ý làm, như vậy cũng vẫn thành dự dục, nếu cố ý không nói lời gọi dục, mắc tội Ác tác. Nếu gặp đường xá cách trở có giặc, có ác thú, nước sông dâng cao, tất cả các tai nạn cho bản thân và các tai nạn cho phạm hạnh, như thế thì dù cho từ ngoài cương giới đi về đến giữa Chúng tăng không kịp cũng vẫn không mất dự dục. Lại cho một người được nhận dục của 2, 3, 4 người, cho đến rất đông người gọi dục. Nếu nhớ hết tên, tùy theo nhớ được nhiều ít mà nhận dục, nếu không nhớ hết tên thì chỉ nói: " Rất đông các Tỳ-kheo-ni, Tăng sự như pháp xin gọi dục và thanh tịnh". Nếu người nhận dục rồi bất ngờ có công việc xảy ra, không đến được giữa Chúng tăng, phải chuyển việc thuyết

dục đến một Tỳ-kheo-ni khác, văn chuyển việc giới dục như sau;

"Đại tỳ nhứt tâm niệm. Tôi, Tỳ-kheo-ni... đã nhận sự giới dục của Tỳ-kheo-ni... (hoặc rất đông Tỳ-kheo-ni). Tỳ-kheo-ni kia và bản thân tôi vì (duyên sự) Tăng sự như pháp xin giới dục và thanh tịnh" (Nói 1 lần).

Nếu Tỳ-kheo-ni vì công việc mà phải giới dục rồi, việc xong nên đến ngay chỗ thuyết giới mà nghe tiếp. Trong một trú xứ có bốn vị Tỳ-kheo nên nhóm họp hết để nghe giới, không được giới dục.

2.5. Tăng nay hoà hợp để làm gì?

LƯỢC GIẢI:

Nghĩa là Chúng tăng đã hoà hợp nhóm họp để làm những pháp sự gì? Nhưng trong công việc làm không ra ngoài 3 thứ.

- 1. Tỳ-kheo-ni:* Như thọ sám hối...
- 2. Phi tỳ-kheo-ni:* Như kết các cương giới...
- 3. Tỳ-kheo-ni phi tỳ-kheo-ni:* Như xử đoán tội ly y...

Các công việc này nên uỷ thác cho Chúng tăng lượng xét đáng làm việc gì trước, cho nên phải đối

giữa Chúng tăng mà hỏi việc làm kia. Một người phải tùy theo việc mà đáp.

2.6. Thuyết giới Yết-ma:

(Nếu chẳng phải lúc thuyết giới, thì căn cứ vào sự việc mà nêu tên, rồi đáp rằng: Yết-ma...)

LƯỢC GIẢI:

Tiếng Phạm nói Yết-ma, Hán-văn dịch là Sự, cũng dịch là Biện sự, nghĩa là tất cả các pháp sự đều do đây mà được thành tựu. Riêng về Tăng pháp Yết-ma căn cứ trên pháp thức thì chủ yếu có 3 loại: Đơn bạch, bạch nhị và bạch tứ, tùy theo việc mà làm. Ba loại Yết-ma này là gồm hết tất cả Tăng pháp Yết-ma. Trong các bộ Luật các pháp Yết-ma tăng giảm không như định. Nay y vào bộ Như Thích lược có 122 pháp.

Đơn bạch: Chỉ một lần tác bạch giữa Tăng tức thì Tăng pháp được thành tựu, gồm có 27 pháp.

Bạch nhị: Một lần tác bạch và một lần Yết-ma, gồm có 57 pháp.

Bạch tứ: Một lần tác bạch và ba lần Yết-ma, gồm có 38 pháp.

Trong bộ Luật Căn Bản, Tăng pháp gồm có 101 việc. Phạm làm Yết-ma các Pháp sự gì thì trước hết phải tác tiền phương tiện 6 pháp trên đây, tất cả các pháp Yết-ma đều sử dụng. Kết cương giới, thiếu mặt thì không thành tựu vì tất cả đều phải biết rõ tiêu tướng cương giới, cho nên không cho gởi dục, việc kết cương giới là phải nhóm họp hết.

3. Bình bạch Yết-ma:

Đại tỷ tăng xin lắng nghe, hôm nay là (bạch hay hắc) nguyệt ngày thứ 15 (hoặc 14) Chúng tăng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hoà hợp thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

LƯỢC GIẢI:

Đại tỷ Tăng thỉnh: Nghĩa là khiến các vị Tỳ-kheo-ni nhĩ thức chớ duyên cảnh gì khác, chuyên tâm chú ý trong việc nghe, phải nên chơn chánh nhớ nghĩ để giữ gìn.

Bạch nguyệt thập ngũ nhật: Đây là nói nửa tháng trước, nếu nửa tháng sau là hắc nguyệt, tháng có thiếu,

đủ, hoặc 15 ngày, hoặc 14 ngày, phải nói đúng thời gian.

Chúng Tăng thuyết giới: Rõ không phải việc gì khác. Trong Giới Bản của Ngài Da-xá dịch thì nói là Bồ-tát thuyết giới, nay vì lược nên không nói, vì sao vậy? Vì thuyết giới chính là chỉ ngay sự việc, chưa nêu bày ý nghĩa. Bồ-tát có nghĩa là Trưởng dưỡng và Tịnh trừ, nghĩa là do Đại chúng nhóm họp thuyết giới nên hay nuôi lớn được các công đức, dẹp sạch hết phiền não và các pháp bất thiện.

Nhược Tăng thời đáo: Thời là chỉ cho khi đang thuyết giới, Đáo nghĩa là Chúng tăng đúng thời mà đến.

Tăng nhân thính: Nghĩa là hiện tiền Đại chúng nên cùng nhau chấp thuận hoà hiệp nhóm họp nghe thuyết giới Ba-la-đề-mộc-xoa.

Bạch như thị: Nghĩa là đem việc này mà bảo cho mọi người đều biết. Căn Bản Luật dạy: Trong một trú xứ tùy theo số người nhiều hay ít nên nhóm họp hết một chỗ mà thuyết giới, nếu không hoà hiệp thuyết giới thì tất cả đều phạm Đột-cát-la. Vào một lúc nọ, Tôn giả Đại-ca-tân-nâu đang trú ở một nơi thanh vắng, bên núi Hắc-thạch, chỗ ở của các Tiên non.

Đến kỳ Tăng thuyết giới, Tôn giả tự nghĩ rằng:

Mình vốn là người trì giới thanh tịnh thì sự đến nghe thuyết giới hay không đến nghe, xét ra không cần thiết. Khi biết được ý nghĩ này, đức Thế-tôn từ núi Kỳ-xà-quật trong khoảnh khắc bằng người tráng sĩ co duỗi cánh tay, Ngài đến trước mặt Tôn giả Ca-tân-nâu trải toà mà ngồi. Khi ấy Tôn giả Ca-tân-nâu lay sát chân Phật xong lui ngồi một bên. Đức Thế-tôn biết mà cố ý hỏi rằng: "Vừa rồi người có cái ý nghĩ như vậy có phải không?" "Đáp: "Dạ phải". Đức Phật dạy: "Thuyết giới là một pháp phải nên cung kính, tôn trọng và chấp hành. Nếu Người không cung kính Bồ-tát, tôn trọng và chấp hành thì còn ai sẽ là người cung kính, tôn trọng và chấp hành. Vì thế Người phải đi đến chỗ thuyết giới, không được không đến, phải đi bộ mà đến, không được vận thân thông để đi, Ta cũng sẽ đến.

Tăng Kỳ luật dạy: Thuyết giới có 3 hạng kỳ.

1. 14 nếu tháng thiếu.
2. 15 nếu tháng đủ thì hắc và bạch nguyệt đều 15 ngày.
3. Trung gian Bồ-tát: Trung gian Bồ-tát là đến ngày định kỳ Bồ-tát nhưng Chúng tăng không hoà hiệp, một vị Tỳ-kheo-ni phải ra giữa chúng mà xướng lên rằng, bao giờ Chúng tăng hoà hiệp sẽ Bồ-tát. Nếu không có một vị Tỳ-kheo-ni xướng lên như vậy, tất cả

Ni tăng đều mắc tội Việt Tỳ-ni. Có một vị Tỳ-kheo-ni xướng lên rồi thì tất cả Ni tăng không có tội. Nếu tháng thiếu ngày thứ 15 của kỳ bạch nguyệt chúng không hoà hiệp thì nên dời đến ngày đầu của kỳ hắc nguyệt mà Bố-tát, ngày đầu cũng không hoà hiệp nên dời sang ngày thứ hai, có thể triển hạn dời sang ngày thứ 12 Bố-tát, ngày thứ 14 là định kỳ chính thức Bố-tát, ngày thứ 13 không được tác trung gian Bố-tát, phải để đến ngày thứ 14 Bố-tát luôn, vừa là định kỳ chính thức Bố-tát vừa là trung gian Bố-tát.

Nếu tháng đủ đến ngày thứ 13 của hắc nguyệt mà hoà hiệp thì được tác trung gian Bố-tát. Nếu không hoà hiệp không được dời qua ngày thứ 14, phải đợi đến ngày thứ 15 Bố-tát, vì sao vậy? Vì việc Bố-tát không được tiến hành trong hai ngày liên tiếp nhau, mà cần phải Bố-tát cách khoảng ít nhất 1 ngày, đó gọi là trung gian Bố-tát.

Chính thức định kỳ ngày thứ 14 Bố-tát thì không được dời đến ngày thứ 15, chính thức định kỳ ngày thứ 15 Bố-tát thì không được lùi lại ngày thứ 14, nếu có lý do chính đáng thì được làm.

Ngày Bố-tát đến, nếu có từ 4 người cho đến 100 ngàn người cùng ở chung trong một trú xứ, một người lo việc đem các Sa-di-ni, hoặc tân thọ giới Tỳ-kheo-ni

đến nhà thuyết giới quét dọn, trải toà ngồi, sắm nước, thấp đèn, đem hộp thẻ ra, nếu không biết việc thì vị Thượng tọa phải nên dạy bảo, nếu không dạy, phạm Đột-cát-la, dạy mà không nghe theo cũng phạm Đột-cát-la. Thuyết giới xong rồi phải thu dọn đồ dùng để lại chỗ cũ, không làm như vậy mắc tội như trên. Nói phát thẻ là để biết số người tham dự, thẻ ấy nên dùng đồng, thiết, tre, gỗ mà làm, lấy một cái hộp đựng vào. Người ngồi bên nhau nên kiểm xét nhau để biết ai hiện diện và ai vắng mặt, trước phải tác bạch xong rồi, sau mới thuyết giới. Nếu đại chúng nhóm họp quá đông, khi thuyết giới nghe không khắp được, nên trải một pháp toà thật cao sửa soạn rất trang nghiêm đẹp đẽ, ngồi trên ấy mà thuyết giới.

Khi tụng nếu quên, hoặc sai, vị Tỳ-kheo thứ toạ phải nên nhắc, nếu nhắc mà vẫn quên, thì vị Tỳ-kheo thứ hai đó nên nói thay, tiếp theo mạch văn mà người trước đã nói, không nên lập lại. Nhưng Tỳ-kheo-ni thuyết giới trước phải tụng thầm cho thông thuộc, chớ nên để đến khi ra giữa chúng thuyết giới mà sai lầm.

Nếu đang khi thuyết giới có 8 tai nạn xảy ra và các duyên sự khác thì cho lược thuyết giới, 8 tai hoạ được kể là: do Vua chúa đưa đến, do đạo tặc, do nước, do lửa, do bệnh, do ác thú, do người, do ma quỷ, còn

các duyên sự khác như là chúng nhóm họp đông quá mà chỗ ngồi ít, hoặc trong chúng phần đông bị bệnh, hoặc trên chỗ ngồi che lợp không kín gặp trời mưa, hoặc có việc tranh cãi nhau, hoặc thời ban đêm thuyết pháp quá lâu thì cho phép trong khoảng ngang chừng khi ánh sáng ban mai chưa bắt đầu xuất hiện liền nên tác Yết-ma thuyết giới, không có phương cách nào mà lại được nhận gởi dục và thanh tịnh cách đêm Yết-ma thuyết giới, khi đó nên lược phần Tiền phương tiện, còn tất cả đều như quảng thuyết giới, nên lược xét tai nạn đã đến gần hay còn xa để nên quảng hay lược thuyết giới, nếu không có nạn duyên thì không được lược thuyết giới. Nếu nói bài Tựa giới kinh và hỏi thanh tịnh xong rồi mà tai nạn đến thì nên bảo rằng:

Thưa các đại tử, 8 pháp Ba-la-di Chúng tăng thường nghe, như vậy lần lượt 17 pháp Tăng-tàn cho đến Chúng học pháp, nếu tai nạn đến gấp thì nên tùy tưng đến chỗ nào rồi tuyên bố: Tôi đã nói đến... còn bao nhiêu các pháp khác Chúng tăng đã thường nghe. Nếu nạn duyên lại đến quá gấp không kịp để nói được bài Tựa, thì như trong Luật Tăng Kỳ dạy, khi ấy chỉ nên tuyên bố rằng: Thưa các đại tử, hôm nay là ngày thứ 15 ngày Bố-tát, ai nấy phải nên chánh niệm giữ gìn thân, khẩu, ý không được buông lung, rồi ai nấy

tuỳ ý mà đi.

Nếu trong một trú xứ mà Tỳ-kheo-ni chỉ có ba người, hoặc 2 người, đến ngày Bố-tát phải nên đến nhà thuyết giới quét dọn sạch sẽ, sắp đặt như trên đã nói, nếu có khách Tỳ-kheo-ni đến hoặc 4 người, hoặc quá 4 người trước phải nên tác bạch rồi sau mới thuyết giới. Nếu không có khách đến thì mỗi người nên hướng vào nhau mà thưa rằng:

"Thưa hai Đại tỳ nhất tâm niệm, hôm nay ngày thứ 15 Chúng tăng thuyết giới, Tôi. Tỳ-kheo-ni... thanh tịnh"(nói 3 lần). Nếu hai người tác pháp này thì nên bỏ chữ hai, còn toàn văn đều giống như vậy.

Nếu người phạm giới, không được thuyết giới, không được nghe giới. Không được hướng đến người phạm giới mà sám hối. Người phạm giới không được thọ sự sám hối của người khác, phải nên đến nơi một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, trích vai áo bên hữu, cởi giày, gối hữu quì sát đất, chấp tay, nếu đó là bậc Thượng toạ thì phải đánh lễ sát chân rồi tự nói tên tội mà mình đã phạm để được như pháp sám hối. Nếu đối với tội mình đã phạm mà có sanh tâm nghi ngờ thì cũng phải như trên đã nói, tìm đến một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh rồi thưa tên tội mà mình đã phạm như sau:

"Tôi... đối với tội mà tôi đã phạm sanh nghi ngờ,

nay tôi xin hướng đến Đại tỳ tự mình nói ra, đợi đến sau này khi nào không còn nghi ngờ nữa tôi sẽ như pháp sám hối". Tác bạch như vậy rồi thì cho phép được nghe thuyết giới.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang khi thuyết giới hoặc nhớ mình có tội, hoặc tâm nghi ngờ, nếu đến giữa chúng mà nói thì sợ gây ra sự náo loạn, nên phải nói với người bên cạnh, hoặc tâm niệm, đợi cho đến khi thuyết giới xong rồi phải như pháp sám hối.

Người như thế mới được nghe giới. Nếu tất cả Ni tăng đều có phạm tội, hoặc sanh nghi thì phải hướng đến một vị khách Tỳ-kheo-ni thanh tịnh để xin sám hối quyết nghi, vậy sau mới thuyết giới, nếu không có khách đến phải cử 2, 3 người đi đến trụ xứ Ni tăng thanh tịnh gần nhất để quyết nghi và sám hối xong rồi trở về trụ xứ mình cho các Tỳ-kheo-ni khác hướng đến các Tỳ-kheo-ni này mà sám hối, sau mới được thuyết giới. Nếu gần trụ xứ mình không có Ni tăng thanh tịnh thì phải nên tác bạch sẽ sám hối. Đây là văn tác bạch:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, tất cả Chúng tăng này đều phạm tội, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận, tất cả Chúng tăng này sám hối". Đây là lời tác bạch, vậy sau mới được thuyết giới.

Nhưng phương pháp sám hối này chỉ áp dụng trong trường hợp tất cả mọi người trong Chúng tăng đều biết rõ tên tội, chủng loại tội và tướng của tội mà mình đã phạm, nhưng vì không có một vị Tỳ-kheo-ni nào thanh tịnh để hướng đến họ mà sám hối, cho nên phải cho tác bạch để sám hối như thế, chứ phương pháp này không thể áp dụng cho những người đối với tội của mình đã phạm mờ mịt không biết gì mà sử dụng pháp Yết-ma này để mong diệt tội. Nếu tất cả Ni tăng đối với tội phạm có sự nghi ngờ thì phải tác bạch rồi nên nói tội kia ra. Đây là văn tác bạch:

"Bạch Đại tỷ tăng xin lắng nghe, Tất cả Ni tăng này đối với tội có sự nghi ngờ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, tăng chấp thuận. Chúng tăng này tự nói tội. Đây là lời tác bạch".

Tác bạch như vậy rồi, sau mới thuyết giới, đây là mới chỉ phát lộ tội phạm để được nghe giới. Còn gốc tội thì phải đợi đến khi không còn nghi ngờ nữa hướng đến một vị khác để phát lộ sám hối tội kia đi mới được. Trong luật Ngũ Phần thì cho hướng đến một vị Tỳ-kheo-ni có tội để xin sám hối, nhưng không được hướng đến người phạm tội giống như tội của mình phạm. Nếu Tỳ - kheo - ni bị bệnh thì được phép hướng đến một người đồng phạm tội như mình mà sám hối.

Nếu không biết tên tội, tướng tội thì phải nên đợi có một vị khách Tỳ-kheo-ni trì luật đến thưa hỏi thỉnh giáo xong rồi mới như pháp mà sám hối.

Nếu ngày thuyết giới chúng Cựu trú Tỳ-kheo-ni nhóm họp đã thuyết bài Tựa giới kinh xong rồi mới có ít vị Tỳ-kheo-ni khách đến, khách phải nên thưa cho chúng biết thanh tịnh và phải thưa rằng:

"Bạch Đại tử tăng xin lắng nghe. Tôi... thanh tịnh". Tác bạch như vậy rồi, còn bao nhiêu nên theo thứ lớp mà nghe tiếp. Nếu thuyết giới xong rồi, mà cả chúng chưa đứng dậy hoặc phần nhiều chưa đứng dậy, hoặc tất cả đã đứng dậy rồi, khách Tỳ-kheo-ni cũng phải nên bạch thanh tịnh. Nếu nói bài Tựa giới kinh xong hoặc là nói giới xong rồi, khách Tỳ-kheo-ni đến số người đồng với chúng Cựu trú, hoặc là đông hơn thì nên vì họ mà nói giới kinh lại, nếu khách Tỳ-kheo-ni đến trước thuyết giới xong rồi Cựu trú Tỳ-kheo-ni mới đến sau thì cũng như trên mà nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni tâm loạn cuồng si, nên tác pháp Yết- ma công nhận cuồng si cho họ. Ở đây có ba trường hợp cuồng si:

1. Người bất thường, hoặc nhớ việc thuyết giới, hoặc không, khi thì đến dự, có khi không đến dự.
2. Tuy bất thường nhưng luôn luôn nhớ việc

Tăng thuyết giới mà đến dự.

3. Hoàn toàn không nhớ việc Tăng thuyết giới cũng không đến dự.

Trong ba trường hợp này hai trường hợp sau không nên tác Yết-ma, chỉ tác pháp cho trường hợp thứ nhất, nên bạch nhị. Yết-ma, tập Tăng vẫn hoà theo thông lệ vẫn làm. Khi vấn đáp nên trả lời: "Yết-ma công nhận bệnh cuồng si". Sau khi đã vấn đáp xong rồi, Tỳ-kheo-ni Yết-ma bạch Tăng:

"Đại tỷ xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... kia loạn cuồng si, hoặc nhớ việc thuyết giới, hoặc không nhớ việc thuyết giới, hoặc đến dự, hoặc không đến dự. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng nay chấp thuận tác Yết-ma công nhận Tỳ-kheo-ni... kia là người tâm loạn cuồng si. Nếu khi Tăng tác Yết-ma thuyết giới, Tỳ-kheo-ni ấy có thể nhớ hay không nhớ, có thể đến dự hay không đến dự. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỷ Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni... kia tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ việc thuyết giới, hoặc không nhớ việc thuyết giới, đến dự hoặc không đến dự. Tăng nay tác pháp Yết-ma công nhận Tỳ-kheo-ni... ấy là tâm loạn cuồng si, nếu khi Tăng Yết-ma thuyết giới Tỳ-kheo-ni ấy có thể nhớ hoặc không nhớ, có thể đến dự hoặc không đến dự. Các đại tỷ nào chấp thuận

Tăng nay tác Yết-ma công nhận Tỳ-kheo-ni... ấy là người tâm loạn cuồng si, nếu khi Tăng tác Yết-ma thuyết giới Tỳ-kheo-ni ấy có thể nhớ hay không nhớ, có thể đến dự hoặc không đến dự thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói ra, Tăng đã chấp thuận tác Yết-ma công nhận Tỳ-kheo-ni... là người tâm loạn cuồng si có thể nhớ hoặc không nhớ, có đến hoặc không đến dự thuyết giới. Tăng chấp thuận nên đã im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Tác pháp Yết-ma này rồi mà thuyết giới thì không phạm tội biệt chúng. Nếu người kia khi khỏi bệnh cuồng si, thì tự mình phải ra giữa Chúng tăng lay 3 lay, quỳ gối chấp tay ba phen xin tác bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, con Tỳ-kheo-ni... trước đây mắc bệnh cuồng si, khi thuyết giới hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến dự hoặc không đến dự. Chúng tăng đã vì con tác Yết-ma công nhận bệnh cuồng si, nay con đã khỏi bệnh cuồng si, trí nhớ đã phục hồi, cầu xin Yết-ma giải bệnh cuồng si. Ngưỡng mong Ni tăng vì con Tỳ-kheo-ni... tác Yết-ma giải bệnh cuồng si, xin thương tưởng con! ". Xin như vậy ba phen rồi lay một lay.

Chúng tăng nên tác bạch nhị Yết-ma để giải, phương pháp tập Tăng, vẫn hoà nghi thức như thường

đã làm. Nên đáp rằng: "Yết-ma giải bệnh cuồng si".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni... này trước mắc bệnh cuồng si, khi thuyết giới hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến dự hoặc không đến dự. Tăng đã tác Yết-ma công nhận bệnh cuồng si ấy, nay bệnh cuồng si đã khỏi, Tỳ-kheo-ni này, nên cầu xin Yết-ma giải bệnh cuồng si. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay chấp thuận, Tăng tác Yết-ma giải bệnh cuồng si cho Tỳ-kheo-ni... này, Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni này trước đây mắc bệnh cuồng si, khi thuyết giới hoặc nhớ hoặc không nhớ, hoặc đến dự hoặc không đến dự. Chúng tăng đã tác Yết-ma công nhận bệnh cuồng si ấy. Nay bệnh cuồng si đã khỏi Tỳ-kheo-ni này cầu xin yết-ma giải bệnh cuồng si. Các đại tỳ nào chấp thuận, Tăng nay tác Yết-ma giải bệnh cuồng si cho Tỳ-kheo-ni... thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận tác Yết-ma giải bệnh cuồng si cho Tỳ-kheo-ni... Tăng chấp thuận nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Giải như vậy rồi nếu bệnh cuồng si lại tái phát thì lại phải tác Yết-ma công nhận bệnh cuồng si, cuồng si hết lại. tác Yết-ma giải như trên, tuy bệnh mà làm không nhứt định một phen.

Vị Tỳ-kheo-ni 5 hạ phải tụng giới Yết-ma cho thông thuộc, không được trong một trú xứ có quá nhiều Tỳ-kheo-ni ngu si cùng nhóm họp ở chung với nhau, đã không biết giới lại không biết thuyết giới, không biết Bố-tát, không biết Yết-ma Bố-tát, phải nên y chỉ với một vị Tỳ-kheo-ni tụng giới thông thạo để kết hạ An cư. Nếu Bố-tát xong rồi mà có khách Tỳ-kheo-ni đến thì khách phải nên tùy hỷ mà thưa rằng: "Thưa Đại tỳ đã tác pháp Bố-tát xong rồi, Tôi... xin tùy hỷ. Nếu không tùy hỷ thì phải nên ra ngoài cương giới mà tác Bố-tát, một trú xứ không được Bố-tát hai lần trong một định kỳ".

Nếu đi xa gặp ngày Bố-tát vào một trú xứ phải lưu ý: Tỳ-kheo-ni sống trong trú xứ đã Bố-tát rồi sẽ không im lặng bỏ đi mà họ phải dặn lại với người ở nhà rằng: "Nếu có khách Tỳ-kheo-ni đến phải nên nói cho họ biết ở trong này đã Bố-tát rồi", hoặc không có người để dặn thì họ phải làm dấu. Do đó những người đến sau thì phải nên hỏi, hoặc là tìm dấu, chứ không được tự tiện Bố-tát (vì cùng một trú xứ một ngày không được phép hai lần thuyết giới).

Nếu ngày Bố-tát đến mà đang đi giữa đồng trống không có thôn xóm thì tất cả Chúng tăng nên hoà hiệp nhóm họp lại một chỗ để cùng nhau thuyết giới, nếu

Chúng tăng không hoà hiệp thì nên theo những vị thiện hữu đồng sư đứng lại bên đường, cùng nhau nhóm họp một chỗ, bạch nhị Yết-ma kết tiểu giới thuyết giới, phương pháp tập Tăng nghi thức như thường đã làm. Nên đáp rằng: Kết tiểu giới Yết- ma.

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với tăng, Tăng chấp thuận. Tăng nay trong phạm vi có bấy nhiêu Tỳ-kheo-ni đang tập họp ở đây kết làm tiểu giới. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe, nay trong phạm vi có bấy nhiêu Tỳ-kheo-ni đang tập họp ở đây kết làm tiểu giới. Các đại tử nào chấp thuận nay trong phạm vi có bấy nhiêu Tỳ-kheo-ni đang tập họp ở đây kết làm tiểu giới thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận trong phạm vi có bấy nhiêu Tỳ-kheo-ni tập họp kết làm tiểu giới nên im lặng, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Thuyết giới xong rồi nên bạch nhị Yết-ma để giải. Vị Yết-ma lại phải hoà Tăng như thường đã làm. Nên tác bạch rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Đây là phạm vi có bấy nhiêu Tỳ-kheo-ni đang tập họp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận nay giải tiểu giới. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Đây là phạm vi có bấy nhiêu Tỳ-kheo-ni đang tập họp, nay giải tiểu giới này. Các Đại tử nào chấp thuận nay Tăng giải tiểu giới này thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận giải tiểu giới nơi này rồi nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Kinh Tỳ-ni Mẫu dạy, không được dùng giọng ca, giọng tán mà thuyết giới, phải đọc bằng giọng nói bình thường, đọc lớn và rõ ràng. Dùng giọng ca, giọng tán có 5 lỗi:

1. Tâm bị say đắm nơi âm thanh này.
2. Bị người đời cơ hiểm.
3. Không khác gì người thế tục.
4. Ngăn ngừa lỗi phé bỏ sự nghiệp tu hành.
5. Ngăn ngừa lỗi phé bỏ nhập thiền định.

Nếu không tụng giới có 4 lỗi:

1. Không được nuôi đệ tử.
2. Không được là Thầy y chỉ.
3. Không được làm Hoà Thượng.
4. Không được làm A-xà-lê.

4. Nói bài tựa giới kinh:

Chia ra hai phần:

1. Chánh nói bài Tựa.
2. Kết lại đề hỏi.

4.1. Chánh nói bài tựa:

Thưa các Đại tử, nay tôi sẽ tụng giới Ba-la-đề-mộc-xoa, hãy lắng nghe, suy nghiệm kỹ. Nếu ai tự biết có phạm hãy tự phát lộ, ai không phạm thì im lặng. Do sự im lặng tôi biết các Đại tử thanh tịnh. Như một người được kẻ khác hỏi riêng điều gì thì như thật mà trả lời. Cũng vậy, Tỳ-kheo-ni nào ở trong chúng sau khi đã ba lần hỏi, nhớ nghĩ mình có tội mà không phát lộ, vị ấy mắc tội cố vọng ngữ. Phật dạy: "Cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo: Tỳ-kheo-ni nào nhớ nghĩ mình có tội, muốn cầu thanh tịnh, hãy tự phát lộ, do phát lộ mà được an lạc".

LƯỢC GIẢI:

Câu: "*Chư đại tử! ngã kim dục thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa*", đây là lời công bố khiến cho tất cả Đại

chúng đều biết thời thuyết giới sắp đến, để mọi người phải giữ gìn oai nghi, chỉnh đốn ba nghiệp cho thanh tịnh không được tán loạn.

Ba-la-đề-mộc-xoa: Hoa văn dịch là Biệt giải thoát, ý nghĩa như trước đã giải thích, lại dịch là Bảo giải thoát nghĩa là có thể bảo đảm cho người tu hành vượt ra khỏi biển sanh tử.

Nhữ đẳng đế thính: Đây là lời cảnh giác khiến mọi người phải giữ gìn ý thức, nghe cho rõ ràng để thẩm xét một cách chân thật, hiểu được ý nghĩa ở trong lời nói để thành tựu Văn huệ.

Thiện tư niệm chi: Nghĩa là phải như chỗ đã nghe suy nghĩ nghĩa lý luôn luôn nhớ nghĩ đừng để quên, mới thành tựu được Tư huệ.

Nhược tự tri hữu phạm...: Đã nghe và suy nghĩ rồi phải tìm lấy ý nghĩa tốt xấu tự hiện ra trong tâm mình, phải bỏ hết các điều bất thiện, chọn lấy điều thiện mà tu để thành tựu được Tu huệ. Tu huệ một khi đã được thành rồi thì dòng pháp thường tuôn chảy về tâm.

Hữu phạm: Nghĩa là việc mình đã phạm, chưa đến với người khác để phát lộ sám hối, nay thì phải nên tự phát lộ tội kia mới được nghe giới, chớ đợi để người khác chỉ tội mình, lại phạm thêm tội nữa.

Vô phạm: Nghĩa là không phạm, hoặc đã phạm mà sám hối rồi.

Mặc nhiên: Nghĩa là đã không phạm thì phải nên nhất tâm im lặng mà nghe giới.

Mặc nhiên cố: Bởi vì im lặng cho nên biết không có tội.

Nhược hữu tha vấn diệc như thị đáp: Như ở trong một thời gian khác, một người được kẻ khác hỏi riêng điều gì, thì như thật mà trả lời, đây cũng như vậy, phải nên như thật mà trả lời.

Như thị Tỳ-kheo-ni tại chúng trung, nãi chí tam vấn: Tỳ-kheo-ni này là chỉ cho người phạm tội. *Chúng trung* là hiện tiền Chúng tăng đang nghe giới. *Tam vấn* đó chính là để cho lời nói được đầy đủ, không quá rộng cũng không quá lược. Lược thì người ám độn khó mà hiểu biết liền được, người không tầm quý thì chưa chịu phát lộ để sám hối. Còn rộng thì người nghe sanh phiền chán, tâm mệt mỏi.

Ức niệm...: Nghĩa là do người ta đã hỏi ba lần nhớ biết là mình có phạm tội mà không chịu phát lộ cho nên mắc tội vọng ngữ, tuy là im lặng không nói, nhưng bởi vì hiện ra nơi thân tướng mà tiêu biểu thành ngữ nghiệp; dù từng đã có phạm giới nhưng nay không nhớ biết cho nên không có tội vọng ngữ, mỗi

một phen hỏi tùy theo sự nhớ nghĩ của mình mà phạm tội, ba lần hỏi, ba lần nhớ nghĩ, mắc ba tội.

Chượng đạo pháp: Nghĩa là đức Phật dạy cố ý vọng ngữ là pháp chượng đạo. Chượng ngại những đạo gì? Nghĩa là làm chượng ngại các pháp thiền định Tam muội, bốn Thánh quả và Niết-bàn.

Dục cầu thanh tịnh: Nghĩa là muốn cầu được thanh tịnh không có tội mà sám hối, chớ không phải sợ người cật vấn, trách phạt mà sám hối.

Thanh tịnh có 2: 1. Là tịnh nhơn, 2. Là tịnh quả.

Nhơn: Nghĩa là giới thanh tịnh, *Quả:* Nghĩa là Niết-bàn. Muốn được Niết-bàn phải trì tịnh giới, vừa mới có tỳ vết manh nha trong lòng liền phải nên phát lộ nguồn gốc của nó ra, đừng che dấu để cho cành lá mỗi ngày một sum sê đến nổi thành ra hoa thối mà mất tịnh quả vậy.

Sám hối đắc an lạc: Do phát lộ sám hối mà thân tâm được vắng lặng, tức là được các pháp thiền định Tam muội, cho đến chứng được quả vui Niết-bàn.

4.2. Kết lại để hỏi:

Thưa các Đại tỷ, tôi đã tụng xong tựa giới kinh, nay hỏi các Đại tỷ trong đây có thanh tịnh

không? (hỏi 3 lần). Các Đại tử trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

LƯỢC GIẢI:

Giới kinh tự: Đây là lời mở đầu của kinh Biệt giải thoát gồm có 348 điều.

Thị sự như thị trì: Trì: Là cái nghĩa rõ biết, đã ba lần hỏi, đại chúng đều thanh tịnh, vì thanh tịnh cho nên im lặng, vì đại chúng im lặng cho nên việc này tôi nay biết một cách rõ ràng như vậy, nên mới có thể vì Đại chúng mà nói giới kinh.

Pháp cầu giáo thọ: Là việc công thuộc về đơn bạch. Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, bà Tỳ-kheo-ni Đại Ái đạo thỉnh đức Phật cho các thầy Tỳ-kheo đến thuyết pháp và giáo giới cho Tỳ-kheo-ni. Đức Phật dạy ngài A-nan theo thứ lớp mà sai cử các vị Thượng toạ đến để dạy bảo, vì Ni chúng mà thuyết pháp. Lúc bấy giờ đến phiên Tôn giả Bàn-đà phải qua Ni chúng để giáo thọ, nhưng Tôn giả chỉ tụng một bài kệ 8 câu.

"Người nhập định hoan hỷ,

Thấy pháp được an vui.

Đời không giận vui nhất,

Không làm hại chúng sanh.

Thế gian vô dục vui,

Vượt ra ngoài ái dục.

Điều phục được ngã mạn,

Ấy nguồn vui đệ nhất".

Ba phen, Tôn giả nói một bài kệ này rồi, ba phen nhập đệ Tứ thiên, các vị La-hán Ni đều rất hoan hỷ, nhưng lục quần Tỳ-kheo-ni lại chế nhiễu huỷ báng, lập tức Tôn giả liền bay lên hư không hiện các phép thần thông thuyết pháp rồi bay đi. Hãy xem khi đức Phật tại thế mà còn như vậy, thì lượng xét đời nay không cũng được mà không cũng không được.

Nếu muốn cầu giáo thọ, đến ngày Đại tăng Bồ-tát nên sai một vị Tỳ-kheo-ni đến giữa Đại tăng để cầu thỉnh giáo thọ. Phương pháp tập Tăng vấn hoà như thường đã làm, nên đáp rằng:

Yết-ma sai người thỉnh giáo thọ. Nên hỏi: Ở trong chúng ai có thể đến giữa Đại tăng để cầu giáo thọ? Nếu người nào có thể đi được thì nên trả lời rằng:

Tôi Tỳ-kheo-ni... có thể làm công việc đi thỉnh cầu được. Tất cả Chúng tăng phải nên lượng xét người này, nếu là người am tường giới luật khéo hành trì thì nên bạch nhị Yết-ma để sai. Nên tác bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận, Tăng sai Tỳ-kheo-ni... thay Tỳ-kheo-ni tăng đến Đại tăng cầu thỉnh giáo thọ, theo thông lệ nửa tháng, đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tăng sai Tỳ-kheo-ni... thay Tỳ-kheo-ni tăng đến Đại tăng cầu thỉnh giáo thọ theo thông lệ nửa tháng, các đại tỳ nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo-ni... thay Tỳ-kheo-ni tăng đến Đại tăng cầu thỉnh giáo thọ theo thông lệ nửa tháng thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... thay Tỳ-kheo-ni tăng đến Tỳ-kheo tăng cầu thỉnh giáo thọ theo thông lệ nửa tháng rồi vì đã im lặng. Tôi ghi như vậy".

Sai như thế xong rồi, người kia đi một mình không có ai ủng hộ nên phải sai thêm 2, 3 vị Ni như pháp làm bạn mà đi. Luật dạy: Ni khi đi vào chùa Tăng để cầu giáo thọ phải bạch trước mới được vào, nếu không thì như pháp mà trị, phải đứng ngoài cửa để đợi, có vị Tỳ-kheo đi ra, Ni đến gần trước mặt, cúi đầu chấp tay, tác bạch rằng:

Bạch đại đức, tôi Tỳ-kheo-ni...nay xin vào chùa Tăng để cầu thỉnh giáo thọ sư, nguyện đại đức vì tôi thông tri (nói một lần mà thôi, vị kia nên đáp rằng) tốt lắm!

Phải đợi kê mới được vào, nếu không tác bạch mà vào thì phạm Ba-dật-đề, chỉ cần bước vào một chân là phạm Đột- cát-la, nếu vì những công việc khác mà vào thì đều không phạm. Vào chùa Tăng lễ Phật, vẫn an quý Đại tăng rồi, Tỳ-kheo-ni chánh thọ sai đến chỗ một vị Tỳ-kheo tri thức, đầy đủ oai nghi lay ba lay quỳ xuống chấp tay bạch rằng:

Bạch Đại đức, (nói tên chùa Ni) Tỳ-kheo-ni thanh tịnh hoà hiệp, đánh lễ Tỳ-kheo tăng cầu thỉnh Giáo thọ sư, ngưỡng mong Đại đức vì chúng con bạch Tăng, từ miễn cố (nói 3 lần).

Tỳ-kheo được thọ chúc đáp rằng: Tốt lắm!

Xong rồi đứng dậy lay một lay mà lui về. Ngày hôm sau lại đến thỉnh vẫn có giáo thọ sư hay không. Hai pháp trên đây đều vì sự thuộc công, đơn tác bạch.

Theo tôi nghĩ Tổ đình hoang vắng đã lâu rồi, Tăng Ni hai bộ đã phân chia, Luật học rất sơ sài, hạnh giải, bốn oai nghi đều sai trái. Hơn nữa, đời nay gặp thời mạt vận, ai nấy đều phải nên tránh sự cơ hiểm của người thế tục. Cách Phật đã quá xa, mỗi người cần phải giữ thân mình cho cẩn thận. Phạm làm việc gì mà "những chỉ dẫn không phù hợp với căn cơ" kia đây đều xảy ra sự thị phi thì không nên làm, nếu làm có lý mà tâm không trái đạo, mình và người đều được

phước thiện thì phải nên phụng hành.

Sao gọi là " Giáo bất đầu cơ", như việc sai người thay Tỳ-kheo-ni tăng đến Đại tăng cầu thỉnh giáo thọ sư theo thông lệ nửa tháng của định kỳ thuyết giới và cầu Tự tứ. Hai việc này không nên làm là vì sao vậy? vì 2 lẽ:

1. Ni chúng sai bạch đã phiền phức mà pháp này lập ra tộ sanh không phải ít.

2. Các bậc Đại tăng ứng cơ quá ít ỏi, các Bậc đạo sung đức mẫn thật là hy hữu, nếu gượng làm thì kia đây đều chiêu lấy sự cơ hiềm, chi bằng không làm cả hai đều có lợi. Vì thế mà Tôi nói phạm làm việc gì "những chỉ dẫn không phù hợp với căn cơ" kia đây đều xảy ra thị phi thì không nên làm. Nếu trái lại với trên đây thì nên làm, chính vì lẽ này mà nói "không cũng được, mà không cũng không được" (vô khả, vô bất khả).

Sao gọi là tâm không trái đạo? Như sự nghiệp của một đời tu hành mà việc gì cũng mờ mịt, nếu muốn chứng được đạo Vô-thượng Bồ-đề thì quyết phải hiểu rõ Ba tạng kinh điển, việc này cần phải phụng hành, vì sao? Chỉ vì không hiểu rõ hai chữ " Xuất gia", tuy nói ly tục mà thói tục không trừ, suốt ngày xuất duyên trần mà trần không dứt, không

những chỉ luống tiêu của tín thí mà tánh kỷ linh của mình cũng bị mai một đi vậy. Một khi chết rồi, đường trước chẳng biết đi về đâu, thật là uổng công vào cửa chùa, sống uổng chết uổng. Xuất gia như thế thật đáng thương đáng xót. Do đó hãy kịp thời vào lúc chưa già chưa bệnh nên sớm hỏi các Bậc minh sư để gấp cầu tự độ, đại sự một khi đã rõ rồi thì Tây phương ắt có phần, sau khi đã được thấy đức Di-đà rồi mới có thể siêu độ cho cha mẹ, mới có thể báo đáp được bốn ân, mới có thể cứu giúp được quần sanh, và mới thọ hưởng được sự an vui lâu dài, xuất gia như đây mới là con Phật. Cho nên, nói nếu làm có lý mà tâm không trái đạo mình và người đều được phước thiện thì phải nên vâng làm! Như trên so sánh chọn lựa rõ ràng, chính đó mới thật là người ưu thời mẫn thế. Bộ Luật này là đệ nhất phương tiện trong các phương tiện rất cần yếu dùng để hành trì, xin nguyện người tu hành xem kỹ, nhớ kỹ hầu mong không cô phụ tâm học Luật của mình.

(HẾT QUYỂN I)

QUYỂN II

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ

II. TỔNG NÊU GIỚI TƯỞNG

Chia ra 7 phần:

1. Pháp Quyên khí
2. Pháp Tăng-tàn.
3. Pháp Xả-đọa.
4. Pháp đơn đọa.
5. Pháp Hồi quá.
6. Pháp Chúng học.
7. Pháp Diệt tránh.

1. Pháp Quyên khí:

- Chia ra 3 phần:
1. Tổng tiêu.
 2. Giới tướng.
 3. Kết vấn.

1.1. Tổng tiêu:

Thưa các Đại tỷ, đây là 8 pháp Ba-la-di, xuất từ giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

LƯỢC GIẢI:

Giới kinh trung lai: Nghĩa là 8 pháp này xuất ra từ trong kinh Biệt giải thoát do chính đức Phật thuyết không phải xuất ra từ kinh điển khác, và cũng không phải do người khác thuyết.

Ba-la-di: Vốn có nhiều nghĩa, cho nên tên dịch không nhứt định. Hoa văn dịch là khí, hoặc gọi là tha thắng. Hoặc gọi là vô dư. Nghĩa là không có pháp gì để trị được, không thể phát lộ sám hối được. Hoặc gọi là cực ác. Nghĩa là bởi vì không có tội nào nặng hơn tội này nữa. Hoặc gọi là đoạn đầu: Nghĩa là không có thể sống được nữa. Hoặc gọi là đọa phụ xứ: Nghĩa là Tỳ-kheo-ni thọ giới muốn ra khỏi sanh tử thì phải chiến đấu với bốn ma mà nếu phạm giới này thì bị rơi vào chỗ thua. Lại như cái mầm đã bị đốt cháy, tuy có gieo vào ruộng tốt, ra sức vun quén bón tưới, vẫn không sanh mầm kết trái được. Phạm giới này cũng như vậy, tuy siêng năng tinh tấn chung cuộc cũng không có thể sanh giống tốt đạo quả được, khi vừa mới phạm, tức đã không phải là Sa-môn rồi, không phải là con của đức Thích-ca, mất hẳn bản tính Tỳ-kheo-ni, trái với hạnh Niết-bàn, khi đã sa ngã đọa lạc, bị những người tịnh hạnh khinh dễ. Hơn nữa, Tỳ-

kheo-ni là con của Pháp vương mà bị quân phi pháp đến hàng phục chịu bại trận nơi quân kia nên đã mất hết sự tôn quý, cho nên gọi là tha thắng. Vì không còn tôn quý nữa cho nên vĩnh viễn bị bỏ ra ngoài chúng thanh tịnh, không được cùng đại chúng Yết-ma thuyết giới, bố-tát, tụng, tất cả công đức đều bỏ hết cho nên gọi là khí, đây là tóm tắt giải thích như vậy.

1-2. Giới tướng: 8 điều

ĐIỀU 1: *Bất tịnh hạnh.*

Nếu Tỳ-kheo-ni nào làm việc dâm dục, phạm bất tịnh hạnh, cho đến cùng với loài súc sanh, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

LƯỢC GIẢI:

Đức Như Lai khi xuất thế, trong 12 năm đầu, Đại chúng đều thanh tịnh, chưa sanh pháp hữu lậu, Ngài cùng với các vị vô sự Tỳ-kheo tăng chỉ lược thuyết giới kinh mà thôi, nhưng đến năm thứ 13 thì pháp hữu lậu lần lần phát sanh, khi ấy đức Phật ở tại nước Tỳ-

xá-ly, trong thôn Ca-lan-đà vì các thầy Tỳ-kheo kết giới...

Bước đầu tiên Ni bộ hình thành chính là lúc đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong tinh xá Kỳ-hoàn, khi ấy ngài A-nan đã vì bà Ba-xà-ba-đề và 500 người nữ dòng họ Xá-di, cầu thỉnh đức Thế-tôn cho hàng nữ nhơn được ở trong Phật pháp xuất gia thọ Đại giới. Đức Phật bảo ngài A-nan, nay ta vì hàng nữ nhơn chế ra *8 pháp trọn đời thọ trì không được bỏ qua*, nếu ai đủ năng lực thực hành tức là đã thọ giới. Lúc bấy giờ, bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng với 500 nữ nhơn dòng họ Xá-di đã được ở trong Phật pháp xuất gia thọ giới, liền được thành tựu giới Tỳ-kheo-ni, nhưng từ đó về sau, nếu có kẻ nữ nhơn nào mà cầu Phật để được xuất gia thọ giới thì phải nương vào hai bộ Tăng mới được thọ giới Tỳ-kheo-ni. Sau nếu có ai phạm giới thì các Tỳ-kheo-ni phải đến bạch các thầy Tỳ-kheo để các thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Lúc bấy giờ, đức Thế-tôn ở tại nước Tỳ-xá-ly, bên bờ sông Di-hầu, trên giảng đường Lôu-cát, vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng, dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Mỗi giới đều đầy đủ 10 cú nghĩa:

1. *Nhiếp thủ u tăng*: Nghĩa là trong thế gian có

những người thiện nam, thiện nữ đối với chánh pháp của đức Như Lai sanh lòng tín kính một cách sâu xa, xuất gia thọ giới Cụ túc, phải lấy giới mà nhiếp thủ họ để cho thành một chúng thanh tịnh.

2. *Linh tăng hoan hỷ*: Nghĩa là sống trong giới luật của chánh pháp tu hành phạm hạnh thanh tịnh, khiến điều thiện được tăng trưởng, thường sanh tâm hoan hỷ.

3. *Linh tăng an lạc*: Nghĩa là vì nhờ hoan hỷ mà được cái vui thiền định vắng lặng, cũng do tịnh tu phạm hạnh mà đền trả được nợ tín thí nên tâm được an vui.

4. *Linh vị tín giả tín*: Nghĩa là những người chưa có lòng tin thấy phạm hạnh thanh bạch của các bậc tu hành liền sanh lòng tín tín.

5. *Dĩ tín giả linh tăng trưởng*: Nghĩa là người đã có lòng tin rồi, phải nên khéo giữ gìn lòng tin của họ để cho mỗi ngày mỗi tăng trưởng thêm lên.

6. *Nan điều thuận giả linh điều thuận*: Nghĩa là có người phạm giới mà không biết xấu hổ, dùng pháp Tỳ-ni này mà điều phục họ, người đáng trị phạt thì nên trị phạt, người đáng đuổi phải đuổi.

7. *Tàm quý giả đắc an lạc*: Nghĩa là khiến cho những người tàm quý tu hành phạm hạnh không còn

hoài nghi hối hận, cũng không tranh cãi nhau, được yên ổn mà ở.

8. *Đoạn hiện tại hữu lậu*: Nghĩa là dứt hẳn phiền não trói buộc trong hiện tại.

9. *Đoạn vị lai hữu lậu*: Nghĩa là những phiền não chưa sanh, phải làm cho không sanh, những phiền não đã phát sanh rồi, phải làm cho dứt sạch mầm mống.

10. *Chánh pháp đắc cứu trú*: Nghĩa là do giữ gìn phạm hạnh mà chánh pháp của đức Như Lai được tồn tại lâu ở đời.

Mười món công đức lợi ích này, ở trong mỗi mỗi giới đều có đầy đủ, vì thế trong mỗi mỗi giới đều thường hay phát sanh ra 10 món công đức nhiếp thủ u tăng... Ở trong mỗi mỗi công đức lại hay phát sanh ra 10 món chánh pháp là 5 căn: tín..., 3 thiện căn: Vô tham... và 2 món hộ: Hộ thân hộ khẩu, như vậy là 348 giới cộng lại thành 3 vạn 8 ngàn 280 sông phước. Lại nữa, các giới mà đức Như Lai đã kết trong các kiền-độ, đều hay phát sanh ra 10 món công đức chánh pháp thành ra vô lượng sông phước. Nhờ các sông phước này tuôn chảy luôn luôn nên mới thường thường rửa sạch hết các phiền não kiết sử như nhớt. Do đó, khiến cho người tu hành được giải thoát ra khỏi đường sanh tử, phước trí được viên mãn.

Nhược Tỳ-kheo-ni: Tỳ-kheo-ni có 8 hạng: 1. Danh tự Tỳ-kheo-ni. 2. Tương tự Tỳ-kheo-ni. 3. Tự xưng Tỳ-kheo-ni. 4. Thiện lai Tỳ-kheo-ni. 5. Khất cầu Tỳ-kheo-ni. 6. Trước Các triệt y Tỳ-kheo-ni. 7. Phá kiết sử Tỳ-kheo-ni. 8. Tùng nhị bộ thọ đại giới bạch tứ Yết-ma như pháp đắc xứ sở Tỳ-kheo-ni.

Ở trong này chỉ căn cứ theo hạng thứ 8 tức là "Tùng nhị bộ bạch tứ Yết-ma Tỳ-kheo-ni" mà kết giới, còn các vị Thiện lai Tỳ-kheo-ni và Phá kiết sử Tỳ-kheo-ni tự họ đã có các giới tự nhiên, họ đã vĩnh viễn xa lìa những tội lỗi do phá các giới cấm, đã dứt sạch phiền não, đã lập xong phạm hạnh, Còn 5 hạng Tỳ-kheo-ni kia chỉ có danh và tướng giống nhau, nhưng chẳng phải là Pháp chúng, cho nên không ở trong giới cấm này quy định. Nếu thọ Đại giới trong phương pháp bạch tứ Yết-ma như pháp thành tựu đắc xứ sở Tỳ-kheo-ni, mới là nghĩa Tỳ-kheo-ni đề cập nơi đây.

Tác dâm dục, nãi chí cộng súc sanh: Nghĩa là đối tượng có thể hành dâm được.

Ba-la-di: Nghĩa là cũng giống như người đã bị chặt đầu không thể sống trở lại được nữa, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo-ni phạm giới Ba-la-di này rồi thì không còn thành Tỳ-kheo-ni nữa, cho nên gọi là Ba-la-di.

Không được sống chung là sao? Có 2 nghĩa: 1.

Không cùng Yết-ma. 2. Không cùng thuyết giới. Tỳ-kheo-ni kia không được cho dự trong 2 việc này cho nên nói là không được sống chung.

** Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào?* Nghĩa là Tỳ-kheo-ni có tâm dâm dục thực hiện việc dâm dục vào 1 trong 3 cửa: Đại tiện, tiểu tiện và cửa miệng với những đối tượng bao gồm cả loài người, loài phi nhân, súc sanh nam, người có hai căn, hoàng môn, phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni thuận để cho nam căn của người nam vào 1 trong 3 cửa để thực hiện việc dâm dục, nếu đã lọt qua dù chỉ bằng đầu sợi lông tức phạm Ba-la-di; tiến hành nhưng nam căn chưa vào phạm Thâu-lan-giá. Nếu ở trong các trường hợp có thể thực hiện việc dâm dục như trên dù một phía được bao lại đưa vào một phía được bao lại, hay một phía có bao lại đưa vào một phía không bao lại, hoặc cả hai đều không bao lại bất cứ dưới hình thức nào đều phạm Ba-la-di. Nếu bị giặc cưỡng bức đem đến chỗ của người nam rồi buộc phải hành dâm dục ở trong 3 chỗ khi nam căn vào, đình trú và khi ra khỏi cửa, nếu một trong ba giai đoạn ấy mà có một giai đoạn nào tâm sanh cảm thọ lạc đều phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni bị giặc cưỡng bức đem đến chỗ của người nam đang ngủ hoặc đã chết mà thân chưa bị huỷ

hoại, hoặc huỷ hoại một phần nhỏ, đem nam căn để vào 1 trong 3 chỗ, bị như vậy mà trong 3 giai đoạn: Khi vào, đình trú, lúc ra nếu thọ lạc liền phạm Ba-la-di. Nếu thân thể đã huỷ hoại một nửa, hoặc đã huỷ hoại rất nhiều phần thì phạm thô tội. Nếu khi hành dâm đúng cửa mà mình tưởng là đúng cửa, hoặc mình nghi, hoặc tưởng chẳng đúng cửa, đều mắc tội đó. Nếu khi hành dâm không đúng cửa mà mình tưởng là đúng cửa, hoặc nghi là không đúng cửa thì phạm thô tội. Nếu Tỳ-kheo-ni ở vào trường hợp có thể thực hiện việc dâm dục, muốn phạm bất tịnh hạnh nếu thi hành liền phạm Ba-la-di, không thi hành thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu hướng dẫn cho Tỳ-kheo-ni khác để phạm giới dâm dục, người hướng dẫn phạm thô tội, mà người nhận lời hướng dẫn lại phạm bốn tội. Người ta hướng dẫn mà mình không làm, thì người hướng dẫn phạm Đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm tín chánh giới và biết sợ hãi, nhưng vì bị phiền não ép ngặt nên làm những việc phi pháp mà tâm thì hoàn toàn không có một niệm nào che dấu, buồn rầu, khóc lóc, không muốn xa lìa pháp phục, những người ấy thì cho phép họ được ở giữa Chúng tăng cầu xin 3 lần. Ni tăng nên vì họ mà bạch tứ Yết-ma cho pháp học giới trọn đời thọ trì và tùy thuận thực hành 35 việc, sau đây sẽ nói rõ. Nếu khi Tỳ-kheo-ni tăng thuyết giới và Yết-ma,

người kia có đến dự hoặc không đến dự, Chúng tăng không có lỗi. Nếu thầy Tỳ-kheo phạm giới này cũng mắc tội Ba-la-di, còn Thức-xoa-ma-na, Sa-di và Sa-di-ni thì Đột-cát-la, diệt tận. Đó là những trường hợp phạm giới.

* *Trường hợp không phạm*: Là khi tâm hoàn toàn không cảm thọ lạc không bao giờ có một ý niệm dâm dục và trước khi Phật chế giới này hoặc bị cuồng si, mất trí, khủn trí trói buộc con người.

Tối sơ: Nghĩa là trước khi đức Phật chưa kết giới này.

Cuồng si: Hoặc thân nhân bị chết, hoặc mất tiền của, hoặc thân tứ đại bị bệnh, hoặc do nghiệp báo đời trước mà bị điên cuồng tâm loạn, hoặc bị kẻ phi như bức não, hoặc tứ đại bệnh và nghiệp báo đời trước cho nên bị mất trí, hoặc bị các thứ bệnh, phong, lạnh, nóng... làm cho tâm đau đớn quẫn trí. Các bệnh như vậy hay làm cho con người mất hẳn bản tánh, không còn phân biệt được cái gì sạch dơ và tự thân mình cũng không còn được cái ý niệm mình là Tỳ-kheo-ni nữa, do đó mà không phạm. Các giới sau đều đủ 4 pháp này nên không thành việc phạm giới, căn cứ theo đây nên biết, không cần nhắc lại.

Giới này phải hội đủ 4 điều kiện mới thành phạm giới:

1. Tỳ-kheo-ni như pháp.
2. Đầy đủ tình và cảnh.
3. Đã vào dù chỉ bằng đầu sợi lông.
4. Tâm biết cảm thọ lạc.

Đầy đủ 4 duyên này tức phạm tội vô cứu Ba-la-di. Nếu có tâm tín chánh giới, tâm biết sợ tội, tâm hoàn toàn không che dấu thì được khả hồi Ba-la-di, nên cho học 35 pháp, nếu học pháp này rồi mà lại phạm nữa thì phải nên diệt tận ngay. Trước đã đề cập, nay nói rõ 35 việc:

1. Không được trao giới Cụ túc cho người.
2. Không được làm thầy Y chỉ cho người.
3. Không được nuôi đệ tử Sa-di-ni.
4. Nếu chúng sai làm thầy giáo thọ, không được nhận.
5. Nếu đã sai rồi, không được làm.
6. Không được vì Chúng tăng thuyết giới.
7. Không được hỏi, đáp giới luật ở giữa Chúng tăng.
8. Không được nhận Tăng sai làm Tri sự.
9. Không được nhận Tăng sai đến nơi khác xử đoán việc.

10. Không được nhận Tăng sai làm người lãnh sứ mạng.
11. Không được sáng sớm vào làng xóm tối mịt mới về.
12. Phải thân cận với các Tỳ-kheo-ni, không được gần gũi ngoại đạo và bạch y.
13. Phải thuận theo các pháp của Tỳ-kheo-ni.
14. Không được nói chuyện thế tục.
15. Không được ở trong chúng tụng luật, nếu không có người tụng được mới cho tụng.
16. Không được tái phạm tội này.
17. Các tội khác cũng không được phạm.
18. Hoặc tội tương tự.
19. Hoặc từ nơi tội gốc này mà sinh ra.
20. Hoặc nặng hơn tội này.
21. Không được chê việc Chúng tăng Yết-ma và chê người làm pháp Yết-ma.
22. Không được để vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh trải tòa cho ngồi.
23. Không được để vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh múc nước cho rửa chân.

24. Không được để vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh lau giày dép.
25. Không được để cho vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh xoa bóp thân thể.
26. Không được thọ sự lễ bái của vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh.
27. Không được thọ sự tiếp rước của vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh.
28. Không được thọ sự thăm hỏi của vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh.
29. Không được để cho vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh cầm dùm y.
30. Cầm dùm bình bát.
31. Không được tác pháp Ưc niệm, tác pháp Tự ngôn trị để xử tội vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh.
32. Không được làm chứng cho việc người chơn chánh.
33. Không được ngăn vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh thuyết giới.
34. Không được ngăn Tự tứ.
35. Không được cùng với Tỳ-kheo-ni thanh tịnh tranh luận.

Thập tụng luật dạy rằng: Người này phải nên đi sau và ngồi dưới các hàng Tỳ-kheo-ni, không được ngủ quá 3 đêm trong cùng một nhà với Tỳ-kheo-ni. không được ngủ quá 2 đêm với người chưa thọ Cụ túc. Tỳ-kheo-ni tăng Tự tứ cho phép được dự, Bồ-tát cũng vậy nhưng không được kê túc số, còn ngoài ra tất cả các pháp sự khác đều không được làm, cho thọ tuổi hạ.

Ghi phụ thêm 4 sự việc sau đây để chúng ta cân nhắc suy nghĩ: Đức Phật chế cho các thầy Tỳ-kheo có 250 giới, mà vì sao lại chế cho Tỳ-kheo-ni đến 348 giới. Phải chăng ý Ngài nghĩ rằng nếu không có sự lo xa, ắt phải chịu cái buồn gần, lý đương nhiên như vậy, nhưng trong 8 giới trọng của thiên đầu 4 giới trọng trước thuộc về tánh tội, không luận là người tại gia hay xuất gia, dù nam hay nữ phạm cố ý trái nghịch thì đều phạm tội. Còn 4 giới trọng sau, giới nào cũng có 2 phần đặng lưu là phạm giới và không phạm giới.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô cùng với kẻ nam tử có tâm nhiễm ô xúc chạm nhau, lại được không có tội hay sao? Nhưng nếu với tâm từ bi vì muốn cứu khổ nạn cho người thì xúc chạm cũng đâu có ngại gì?

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô cùng với kẻ nam tử có tâm nhiễm ô đem nhau vào chỗ vắng ắt phải có tình nhiễm lẫn lẫn sanh, thì không có chỗ nào mà họ

không vào, như vậy tội này sẽ về ai? Nếu như với một tâm hồn chơn chánh, tu hành chung thủy, dầu cho có gặp oan gia dùng sức mạnh kéo vào chỗ vắng mà chỉ một lòng niệm Phật trì giới, thà tự giữ giới mà chết đủ làm gương sáng cho đời.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô che dấu tội nặng của người, thì nhất định phải có ý gì ở trong đó, nếu với tâm từ bi tu đức không muốn nghe tội ác của người, nếu nói ra thì không tốt, chằm dứt đi là tốt hơn cả.

Nếu thầy Tỳ-kheo bị Chúng tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy nhưng thầy kia không thuận tòng, không chịu sám hối mà Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô lại tùy thuận theo để cung cho thầy Tỳ-kheo ấy mắc tội là lẽ đương nhiên, nhưng nếu với một tâm hồn chơn chánh muốn can gián để khuyên răn thầy kia nên theo Chúng tăng để sám hối, như pháp mà tu hành thì dù cho có tùy thuận theo, đâu có phạm giới?

Căn cứ như đây để cân nhắc, suy nghĩ chẳng những 4 giới trọng sau mà 4 giới trọng trước và tất cả các giới về sau phải nên so sánh như đây rồi suy nghĩ để hiểu, cho nên biết chốn thâm phòng tử điếm đều là thanh tịnh đạo tràng. Nếu người chấp sự mà tâm nhiễm ô dễ sanh thì Liên đài ở chốn Tịnh độ thật khó có phần.

ĐIỀU 2: *Không cho mà lấy*

Nếu Tỳ-kheo-ni nào hoặc ở làng xóm, hoặc ở chỗ vắng lấy vật không cho mong tâm trộm cắp, tùy theo sự lấy vật không cho ấy mà Vua hay đại thần của Vua hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi khỏi nước, hoặc khiển trách rằng: Ngươi là kẻ trộm, ngươi là người ngu, ngươi là kẻ không biết gì, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni: Ăn trộm đủ 5 tiền phạm Ba-la-di.

Nói ở làng xóm: Nghĩa là nơi có người ở, trong chỗ, có bờ thành, hàng rào.

Nếu ở chỗ vắng: Nghĩa là đất trống ngoài hàng rào làng xóm.

Lấy vật không cho với tâm trộm cướp. Không cho nghĩa là không phải người khác đưa cho mình.

Mang tâm trộm cắp: Nghĩa là biết vật thuộc của người khác sanh tâm lén lút mà lấy để thuộc về mình, không có ý tưởng tạm dùng, cũng không có tư tưởng người thân hữu đồng ý mà lấy vậy.

Tuỳ theo sự lấy vật không cho ấy: Nghĩa là đủ 5 tiền hoặc quá 5 tiền, hoặc vật trị giá chừng 5 tiền.

Vua: Vị chủ của một nước.

Đại thần: Người trông coi việc nước, là vị phụ tướng trong nước vậy.

Bắt: Cầm giữ. *Giết:* Nghĩa là dùng dao, gậy... để dứt mạng sống. *Trói:* Gông, cùm, xiềng xích...

Đuổi khỏi biên giới của đất nước...: Nghĩa là đuổi ra khỏi nước. Đây điều là những vị vương thần không có tâm tín kính ngôi Tam bảo, tâm lượng không rộng rãi, tình sanh bất nhẫn cho nên mới làm như thế để trị phạt. Nếu là vị vương thần biết tin kính ngôi Tam bảo thì chỉ nói lên lời như thế này để quở trách.

Người là kẻ trộm...: Nghĩa là người đã xa lìa thiện tâm và vô ký tâm, chuyên nghĩ các điều ác cho nên gọi là giặc. Vì ngu si không biết gì cho nên mới làm ác pháp này.

** Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào?* Với cái tâm ăn trộm rồi tự mình lấy hoặc bảo người lấy, hoặc bảo người đi tìm cầu rồi tìm phương

tiện để lấy. Vật có chủ mà mình cũng biết là có chủ, đó là tội nặng, giá trị đủ 5 tiền, đã di chuyển vật ấy rời khỏi vị trí cũ rồi nghĩ rằng thuộc quyền sở hữu của mình, thì khi vừa rời vị trí cũ liền phạm Ba-la-di. Nếu dùng phương tiện muốn di chuyển mà không được, cho nên khi xúc chạm vật bị lay động nghiêng ngửa liền phạm Thô tội. Nếu đã di chuyển khỏi vị trí cũ và đã nghĩ rằng thuộc quyền sở hữu của mình, nhưng sau hối hận mang trả lại vị trí cũ cũng mắc Bốn tội. Nếu thấy đồ vật trị giá 5 tiền rồi nghĩ rằng ta sẽ trộm lấy, sau sanh tâm hối hận thì phạm Thô tội.

Nói chữ xứ ấy: Chỉ cho chỗ hoặc chôn dưới đất, trên mặt đất, trên xe, trong gánh, ở giữa hư không, trên hàng rào, trong làng xóm, nơi vắng vẻ, trong ruộng, trong kho tàng, trên thuyền, dưới nước, trong vườn, hoặc lén qua cửa ải không nộp thuế, lấy tín vật mà người đã gởi cho mình, đồ thờ trong am miếu, hoặc vật của chúng sanh không chân (ví dụ ngọc rắn), hai chân, bốn chân, nhiều chân, hoặc của người cùng hùm hạp làm ăn với nhau, hoặc của người cùng ước hẹn với mình, hoặc đứng rình đợi, hoặc gác cửa, gác đường, những chỗ đá kê trên đây có 7 thứ của quý cùng những đồ vật cần dùng có sở hữu chủ, mình đem tâm tham lam trộm lấy vật giá trị tương xứng 5 tiền

trở lên, phạm Bốn tội; phương tiện muốn lấy mà không lấy được, phạm Thô tội. Nếu sai người và người nhận lời sai bảo đều có tâm ăn trộm, lấy của người khác 5 tiền trở lên, cả hai người đều mắc Bốn tội, lấy không được cả hai đều phạm Thô tội..., vật có chủ mà mình cũng biết là có chủ ăn trộm 5 tiền trở lên mắc Bốn tội, dưới 5 tiền phạm Thô tội. Đồ vật mà mình nghi không biết là có chủ hay không, trộm lấy 5 tiền trở lên phạm thô tội, dưới 5 tiền Á c tác. Đồ vật không có chủ mà mình tưởng là có chủ, hoặc tâm sanh nghi không biết có chủ hay không lấy 5 tiền trở lên phạm Thô tội, dưới 5 tiền Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Mặc dù lấy vật không cho nhưng tưởng là được cho - Tưởng là của mình. - Tưởng là vật người ta vất bỏ không có chủ. - Với ý định lấy tạm dùng. - Với ý tưởng là của người thân hữu...

Giới này phải đầy đủ 6 yếu tố mới thành phạm Ba-la-di

1. Tỳ-kheo-ni như pháp.
2. Có tâm ăn trộm.
3. Hoặc tự mình làm, hoặc sai bảo người làm.
4. Đúng là vật có sở hữu chủ mà mình cũng biết là có chủ.

5. Vật ấy có giá trị từ 5 tiền trở lên.
6. Đã di chuyển vật ấy rời khỏi vị trí cũ với ý định chiếm làm sở hữu của mình, tức phạm bốn tội.

Nếu không hội đủ các yếu tố trên thì chỉ phạm Thâu-lan-giá.

ĐIỀU 3: *Dứt mạng sống,*

"Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý tự tay mình dứt sanh mạng loài người hoặc cầm dao đưa cho người khác dứt, hoặc khen ngợi sự chết, hoặc ca tụng sự chết, hoặc khích lệ cho người chết nói rằng: "Này bạn ơi, ích gì đời sống xấu xa này, bạn nên chết đi tốt hơn, hoặc với tâm ý như vậy, tư duy như vậy bằng mọi phương tiện khen ngợi sự chết, ca tụng sự chết, khích lệ cho người chết, người kia do thế mà chết. Tỳ - kheo - ni này là kẻ Ba - la - di, không được sống chung".

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo dạy rằng: Từ nay về sau

Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Cố ý tự tay mình đứt nhân mạng: Cố có nghĩa là chuyên tâm không phải lầm lẫn vậy. Tự tay nghĩa là tự tay mình ra làm. *Đứt* nghĩa là cho mạng căn của người kia không còn tương tục được nữa, tứ đại bị phân tán. Người chính là loài người chứ rõ ràng không phải loài nào khác. Mạng căn là thể nào? Tất cả chúng sanh lấy thức làm căn bản, thức có 6 thứ từ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý phát sanh ra. Vì các cơ quan này hay sanh ra thức cho nên gọi là căn. Từ 6 căn này sanh ra 6 thức gọi là Thọ, vì sao vậy? Bởi vì 6 căn phát sanh ra 6 thức được tiếp nối luôn luôn thì sống mà sự tiếp nối này bị đứt đoạn thì gọi là chết, vì thế cho nên nói gom hết 6 căn 6 thức này lại gọi là mạng. Mạng căn có 2 giai đoạn:

1. Từ khi mới vào thai mẹ có 3 căn là thân, mạng, ý.

2. Đến 49 ngày sau thì 6 căn bắt đầu đầy đủ.

Trong 2 giai đoạn đó đều gọi là nhân mạng, nếu giết trong 2 giai đoạn này thì đều gọi là đứt mạng sống.

Cầm dao đưa cho người: Đây tức là bảo giết, nghĩa là cầm dao, gậy... trao cho người bảo họ đứt sinh mạng của người kia.

Hoặc khen ngợi sự chết, hoặc ca tụng sự chết:

Nghĩa là đối với người ưa chết, khen ngợi, khích lệ, tán thán đức tốt của họ mà nói rằng: Người đã làm bao nhiêu việc lành, đã tạo bao nhiêu công đức, đã cứu giúp biết bao nhiêu người, người sống thì phải chịu các sự khổ, nếu chết đi sẽ được sanh lên cõi trời... dùng bao nhiêu phương tiện khen ngợi để khiến họ chết.

Khuyến khích người chết: Nghĩa là đối với người ưa chết mà khuyến khích họ rằng: Người đã làm các việc ác ô m lòng độc dữ, không có từ tâm, không hề làm điều thiện, cũng không cứu giúp ai, Người nếu sống thì sẽ chịu tội rất nhiều, chi bằng chết đi thì được sung sướng hơn. Đối trước 2 hạng người thiện và ác như đây mà làm cái việc khen ngợi, khuyến khích, khiến họ tự sát.

Bạn ơi: Đó là lời kêu gọi.

Ích gì đời sống xấu xa này, bạn nên chết đi thì tốt hơn: Nghĩa là: người kia vì trước đây đã khen ngợi khuyến khích mà họ không nghe theo cho nên mới nói ra lời mắng nhiếc thế này: " Người sống làm gì với tội ác bất thiện ấy, sống chừng nào thì tội ác ngày càng tăng thêm nhiều chừng ấy mà thôi, thà chết đi thì hơn cả, nếu người không sống thì phước do đó mà tăng thêm nhiều", đến nỗi khiến cho người kia phải tự sát.

Với tâm ý như vậy: Nghĩa là mắng nhiếc mà họ cũng không nghe theo, lại dùng tâm sát hại mà suy nghĩ tìm cầu các phương pháp khác.

Vô số phương tiện...: Nghĩa là dùng bao nhiêu phương tiện khéo léo khen ngợi, khuyến khích khiến cho người phải tự sát.

** Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào?* Nếu dùng bao nhiêu phương tiện như trên khiến cho người ta chết đều phạm Ba-la-di, không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu như giết trời, rồng, thần, quỷ và các loài súc sanh biết tiếng người hay biến hoá hình nếu chết thì phạm Thô tội, không chết phạm Ác tác. Thật là loài người mà mình cũng tưởng là loài người giết chết là phạm Ba-la-di, thật là loài người mà mình nghĩ không biết có phải là người không và tưởng không phải là người đều phạm Thâu-lan-giá, không phải loài người mà mình tưởng là loài người và nghĩ thì đều phạm Thâu-lan-giá.

** Trường hợp không phạm:* Nghĩa là trước sau đều không có tâm sát hại mà chỉ vì vô tâm giết lầm (ngộ sát).

Gới này phải đầy đủ 5 yếu tố mới thành phạm Ba-la-di:

1. Đầy đủ bản thể Tỳ-kheo-ni.

2. Đối tượng là loài người và thai người.
3. Có ý niệm cố sát.
4. Biết đúng đó là loài người.
5. Làm dứt hẳn mạng sống.

Nếu thiếu 1 trong 5 yếu tố trên đây thì không mắc bốn tội.

ĐIỀU 4: *Đại vọng ngữ.*

Nếu Tỳ-kheo-ni thật sự không chứng ngộ mà tự tuyên bố rằng: "Tôi đã chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân, tôi đã chứng nhập Thánh trí thù thắng, tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này". Người ấy vào lúc khác hoặc bị người hỏi, hoặc không bị hỏi, muốn cho mình được thanh tịnh mới nói rằng: "Thưa các Đại tỳ, tôi thật sự không biết, không thấy, nhưng đã nói tôi biết, tôi thấy, đó là lời nói hư dối", ngoại trừ bậc Tăng thượng mạn, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Thế tôn ở tại thành Tỳ-xá-ly, bên bờ sông Di-hầu, trên giảng đường Lôu-cát, vì

nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thật không chứng ngộ: Nghĩa là người ấy đối với pháp thượng nhơn không chứng ngộ gì cả.

Tự tuyên bố: Tự khen ngợi và nói chỗ sở đắc của mình.

Pháp bậc thượng nhơn: Là phép tu chứng của các bậc Hiền Thánh, pháp này đối với tất cả các pháp của phàm phu như ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới, cho đến ngũ dục, thập kết, đối với tất cả các pháp hữu lậu, pháp này là tối thượng, đó là, niệm, huệ, tứ chánh cần, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, tất cả các pháp Thiền định, Giải thoát, Tam-muội, Chánh thọ, lại các pháp này hay tiêu trừ được hết tất cả các pháp hữu lậu cho nên gọi là quá nhơn pháp.

Tôi đã chứng nhập thánh trí thù thắng pháp. Tôi đã chứng nhập nghĩa là tự mình đã chứng nhập.

Thánh: Tức là Phật và các vị Thanh văn.

Trí: Nghĩa là trí hiểu rõ được 4 thánh đế: khổ, tập, diệt, đạo và các trí khác, trí này là pháp tối thượng thù thắng, hay chứng được tam thừa thánh quả.

Tôi biết pháp này: Nghĩa là biết được 4 Thánh đế Khổ, tập, diệt, đạo.

Tôi thấy pháp này: Nghĩa là thấy chơn lý của 4 Thánh đế và được thiên nhãn thanh tịnh, thấy được tất cả chúng sanh, sanh chỗ này chết chỗ kia, tùy theo nghiệp báo thiện ác, hoặc thấy trời rồng, quỷ thần đến với ta. Lại ý là thuộc về ý căn, ý căn được thanh tịnh thì chúng nhập được Thánh trí. Thấy là thuộc về nhãn căn, nhãn căn được thanh tịnh thì thấy rõ tất cả các pháp một cách không sai lầm.

Người ấy vào lúc khác: *Người ấy:* chỉ cho người vọng chúng. *Lúc khác* nghĩa là sau khi nói dối qua một thời gian khác.

Hoặc bị người hỏi: Nghĩa là bị người cật vấn rằng người dùng pháp gì để chúng? Chúng với ai? Chúng ngộ ở đâu? Khi chúng ngộ trạng thái như thế nào? Khi bị hỏi như vậy mới nói.

Hoặc không bị người hỏi: Nghĩa là không ai hỏi mà tự mình sanh tâm hối hận rồi phát lộ vậy.

Muốn cho mình được thanh tịnh: Nghĩa là mong cầu giới thể được thanh tịnh bèn nói với người khác rằng tôi thật tình không biết, không thấy các pháp 4 Thánh đế... mà tôi đã nói rằng biết, rằng thấy, đó chính là lời nói hư dối.

Dối: Tự mình nói lời không thật.

Lừa: Vốn vì muốn dối gạt người khác.

Vọng ngữ: Do vì vọng tâm mới tự mình nói ra lời như vậy. Vì sao giới này có những câu: Nếu hỏi, nếu không hỏi, muốn cho thanh tịnh... Đâu có đợi đến khi người cất vấn rồi mình phát lộ ra mới thành tội ư? Đây vì người kia tự họ trước đây ở trong một bối cảnh nào đó đã phát ra lời nói thì liền đã mắc tội rồi, cho nên sau trở lại muốn đối với cảnh trước kia cầu xin sám hối cho được thanh tịnh, tuy có nói nhưng những lời phát lộ như vậy, nhưng mà ngay khi ban đầu lúc hướng đến người khác để nói thì tội kia đã thành rồi, không phải nhờ sự phát lộ này mà không phạm tội đâu!

Trừ tăng thượng mạn: Nghĩa là trừ những người Tăng thượng mạn, họ không có tâm dối gạt nên không được kết vào tội vọng ngữ, vì trong khi tu đạo các phiền não tạm dừng (vì thiếu duyên nên không khởi) vị ấy tưởng là mình đã đắc Thánh quả, cho nên ở trong pháp xuất thế tăng thượng họ sanh khởi tâm kiêu mạn, nhưng địa vị Tăng thượng mạn này những kẻ lười biếng phá giới không thể nào đạt được, chỉ có những bậc nghiêm trì tịnh giới chuyên tu thiền định nhưng không khéo phân biệt danh sắc rồi người kia khi mới vào pháp Tỳ-bà-xá-na, tâm của họ hết sức đồng mãnh hoặc chứng được Thiền-định, họ dùng thiện lực để giữ gìn các phiền não không thể sanh khởi được, làm tự

cho mình là đã chứng đắc Thánh quả vì thế sanh tâm Tăng thượng mạn. Nếu tự biết mình thật không có chứng đắc gì cả mà cố ý nói để dối gạt người, đó là vọng ngữ.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni nói dối không thật như vậy hoặc tự miệng mình đến nói trước loài người, hoặc đưa tay ra dấu, hoặc sai người đi nói, hoặc khiến đem thơ truyền cho người khác biết, hoặc làm tướng mạo để cho mọi người biết là mình chứng, người nghe, thấy hiểu rõ nội dung mình muốn nói, phạm Ba-la-di, họ không hiểu rõ phạm Thô tội. Nếu đối tượng là trời, rồng, quý thần và loài súc sanh biến hình nếu họ nghe và hiểu biết thì phạm Thô tội, không hiểu biết thì phạm Ác tác. Nếu thật sự mình có chứng đạo mà đến nói với vị Tỳ-kheo không đồng ý với mình thì phạm Ác tác. Nếu vì người nói các pháp tướng mà tự nói rằng: Tôi đã chứng được như vậy đó, thì mắc Bản tội. Nói trước loài người và tưởng là loài người thì phạm Bản tội. Đối tượng mà mình nghi là loài người, đối tượng thật sự là người nhưng tưởng không phải người. Đối tượng không phải loài người mà mình tưởng là người hoặc nghi đều phạm Thâu-lan-giá.

* *Trường hợp không phạm:* Thuyết pháp cho

người nghe mà không tự nói là tôi đã chứng đắc, hoặc là nói giỡn cười, nói một mình ở chỗ vắng, nói trong mộng, nói lầm...

Giới này phải đầy đủ 5 yếu tố mới thành phạm:

1. Tỳ-kheo-ni như pháp.
2. Đối tượng là người.
3. Cố ý nói dối.
4. Thân, miệng hiện bày tướng khiến người thấy, nghe, hiểu rõ.
5. Người nghe hiểu rõ nội dung mình muốn nói.

Đầy đủ 5 yếu tố này mới phạm Ba-la-di, nếu thiếu 1 trong 5 yếu tố trên đây thì tùy theo đó nên biết mà kết tội, 4 giới trọng đã kể trên các thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy, 3 chúng sau phạm Đột-cát-la, Diệt tẩn.

ĐIỀU 5: *Tâm nhiễm ô xúc chạm*

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô cùng với kẻ nam tử có tâm nhiễm ô xúc chạm thân thể nhau từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, hoặc vuốt hoặc xoa, hoặc lôi kéo xô đẩy, hoặc xoa ngược hoặc xoa xuôi, hoặc bông lên hoặc đỡ xuống, hoặc nắm, hoặc

đề ép, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di không được sống chung. Đây là hai thân xúc chạm nhau vậy.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Thế tôn ở tại nước Xá-vệ, trong vườn của ông Cấp-cô-độc và cây của Thái tử Kỳ-đà. Khi ấy có trưởng giả Đại-thiện-lộc-lạc, hình dung đẹp đẽ, bà Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà dung mạo cũng rất đẹp đẽ, Trưởng giả để ý bà Tỳ-kheo-ni Nan-đà và bà Thâu-la Nan-đà cũng để ý Trưởng giả. Về sau, một hôm nọ Trưởng giả vì bà Thâu-la Nan-đà mà mời các vị Tỳ-kheo-ni và Thâu-la Nan-đà đến nhà mình để thọ trai. Ngay trong đêm ấy, Trưởng giả sắm rất đầy đủ tất cả các thức ăn uống sáng sớm hôm sau liền đến bạch rằng: "Bạch chư Ni, thời đã đến". Bà Thâu-la Nan-đà biết Trưởng giả vì mình mà thỉnh Chúng tăng, bà liền ở lại chùa không đi. Các vị Tỳ-kheo-ni đúng thời đắp y cầm bát đến nhà Trưởng giả trải toạ cụ ra ngồi, Trưởng giả nhìn khắp Ni chúng không thấy bà Thâu-la Nan-đà đâu, liền hỏi rằng: "Bà Thâu-la Nan-đà ở đâu, sao không đến?" Chư ni trả lời: "Bà ở chùa, không đi". Ngay lúc ấy Trưởng giả vội vàng sót thức ăn xong liền đi ngay đến chùa, nhắm thẳng chỗ ở của bà Thâu-la

Nan-đà, lúc đó xa xa thấy trưởng giả đi đến, bà Thâu-la Nan-đà liền leo lên giường mà nằm, Trưởng giả đến bên giường hỏi rằng: "Thưa A-di, A-di đau bệnh gì thế?"
Đáp: "Tôi không đau gì cả, tôi chỉ muốn một việc mà người không muốn. Trưởng giả nói: "Tôi cũng muốn, không phải là không muốn". Nói xong ông liền đến ôm lấy bà nằm xuống đưa tay xoa vuốt rồi hôn. Làm xong ông ngồi dậy hỏi rằng: "A-di cần vật gì không?"
Đáp: "Tôi muốn được ít trái táo chua". Trưởng giả liền nói rằng: "Muốn là được ngay, sáng sớm mai tôi sẽ đem đến". Khi ấy có một Sa-di-ni giữ chùa thấy làm những việc như vậy, khi Chư ni thọ trai xong về chùa, Sa-di-ni ấy liền thuật lại đầy đủ hết. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy đến bạch Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tâm nhiễm ô: Trong ý tưởng có sự đắm nhiễm, nhiễm ô tâm nam tử cũng như vậy.

Nách trở xuống: Phần thân thể từ nách trở xuống.

Gối trở lên: Phần thân thể từ đầu gối trở lên.

Thân thể: Từ ngón chân cho đến đầu tóc.

Thân thể chạm nhau: Đem thân này đến gần thân kia để làm việc xúc chạm nhau.

Đây có 9 việc nghĩa là: Vuốt xoa, lôi kéo, xô đẩy, xoa ngược, xoa xuôi, bông lên, để xuống, bóp, đè.

Vuốt xoa: Xoa vuốt phía trước và phía sau của thân thể.

Lôi kéo: Kéo gần đến trước.

Xô đẩy: Đẩy lui về sau.

Xoa ngược: Xoa từ dưới lên trên.

Xoa xuôi: Xoa từ trên xuống dưới.

Bông lên: Bông để lên cao.

Để xuống: Bông để ngồi xuống.

Bóp: Cầm nắm trước và sau của đôi vú.

Đè: Thoa bóp trước và sau của đôi vú.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Ấy là nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô, biết kẻ nam tử cũng có tâm nhiễm ô. Đối tượng là nam tử mà mình cũng tưởng là nam tử. Nam tử lấy tay xoa bóp thân Ni, hai thân xúc chạm vào nhau, ý ưa muốn đắm trước, khi xúc chạm thọ lạc thời phạm Ba-la-di, cho đến nắm đè cũng như vậy. Nam tử mà nghi phạm Thâu-lan-giá. Nam tử mà cũng tưởng là nam tử có tâm dâm dục đắm nhiễm đem thân mình mà va chạm vào y phục, chuỗi anh lạc, tất cả các đồ dùng như vậy mình thoa vuốt, cho đến đè ép, có dục tâm đắm trước, khi va chạm như

vậy có ý cảm thọ lạc, hay không cảm thọ lạc, động thân hay không động thân đều phạm Thâu-lan-giá. Vì sao thế? Vì do tâm dâm dục đấm trước vậy. Thật là nam tử nhưng còn nghi ngờ không xác định được thì phạm Đột-cát-la. Thật là nam tử mà mình cũng tưởng là nam tử dùng hai thân có y phục đụng chạm vào nhau hay đụng vào chuỗi anh lạc, các đồ dùng, cho đến nắm cầm, đè ép có dục tâm đấm trước khi va chạm như vậy có cảm thọ lạc, hay không thọ lạc, động thân hay không động thân đều phạm Đột-cát-la, vì sao vậy? Vì do tâm dâm dục đấm trước vậy. Thật là nam tử nhưng còn ngờ không xác định được thì phạm Đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với kẻ nam tử hai thân va chạm nhau, cứ một lần va chạm là một tội Ba-la-di, tùy theo sự va chạm nhiều ít, mỗi phen va chạm mỗi tội Ba-la-di. Nếu là chư thiên nam, A-tu-la nam, cho đến súc sanh nam, các loại hay biến hình, hai thân va chạm nhau, phạm Thâu-lan-giá, không thể biến hình được mà hai thân va chạm nhau, phạm Đột-cát-la. Nếu cùng với người nữ hai thân va chạm nhau, phạm Đột-cát-la. Nếu cùng với người có hai căn va chạm nhau, phạm Thâu-lan-giá. Nếu kẻ nam tử khi làm lễ tuy thân mình bất động nhưng họ cầm chân mình hay xúc chạm vào thân mình mà mình cảm thọ lạc thì phạm Đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo-ni có dục tâm xúc chạm vào

y, bát, toạ cụ, ống kim, giày da, cho đến tự mình xúc chạm thân mình, đều phạm Đột-cát-la. Đối tượng là nam tử mà mình tưởng là nam tử, phạm Ba-la-di. Đối tượng là nam tử mà mình tưởng không phải là nam tử và nghi, hoặc không phải là nam tử mà mình tưởng là nam tử và nghi đều phạm Thâu-lan-giá. Thầy Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm*: Là khi lấy hoặc đưa cho ai vật gì đó vô tình đụng chạm, hoặc khi giỡn cười vô tình đụng chạm, hoặc khi có tai nạn phải giải cứu xúc chạm nhau... tất cả các trường hợp trên đều không có dục tâm.

ĐIỀU 6: *Tâm nhiễm ô tám việc*

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô, biết kẻ nam tử có tâm nhiễm ô để cho họ cầm tay, cầm y vào chỗ vắng cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đi hoặc hai thân dựa kề nhau, hoặc cùng nhau hện hò, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung, vì đã phạm 8 việc này vậy.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật cư trú ở địa điểm giống như giới trước. Khi ấy có trưởng giả Sa-lâu-lộc-lạc để ý bà Thâu-la Nan-đà. Bà Thâu-la Nan-đà cũng để ý ông Lộc-lạc. Lúc bấy giờ bà Thâu-la Nan-đà có dự tâm để cho Trưởng giả cầm tay, cầm y, cùng nhau đi vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đi song song hai thân dựa kê nhau và cùng nhau hẹn hò. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này liền nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tâm nhiễm ô: Nghĩa là tâm có sự đắm nhiễm, kẻ nam tử có tâm nhiễm ô cũng có sự đắm nhiễm.

Cầm tay: Cầm tay cho đến lôi kéo.

Cầm y: Nghĩa là cầm y áo đang mặc trên thân mình.

Vào chỗ vắng: Chỗ mà mọi người không thấy, không nghe.

Cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đi: Nghĩa là cùng xa lìa đến chỗ mọi người không thấy, không nghe.

Hai thân dựa vào nhau: Hai thân dựa vào nhau.

Cùng hẹn hò: Nghĩa là cùng hẹn đi đến chỗ để làm việc dâm dục.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Tỳ-kheo-ni kia có tâm nhiễm ô để cho kẻ nam tử có tâm nhiễm ô cầm tay, cầm y đi vào chỗ vắng, ở nơi chỗ vắng cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đi song song cho là vui, hai thân dựa kề nhau, mỗi mỗi hành động trên đều phạm Thâu-lan-giá. Trong 8 việc kể trên nếu phạm trong 7 việc trước mà chưa phát lộ sám hối, tội chưa dứt. Nếu phạm đến việc thứ 8 liền phạm Ba-la-di. Đối tượng là các hàng như chư Thiên nam, Rồng nam, Dạ-xoa, Nga-quỷ, Súc sanh, loài có thể biến hình, nếu cùng phạm với họ 7 việc trên, mỗi mỗi đều phạm Đột-cát-la. Nếu phạm tới việc thứ 8 là kết tội Thâu-lan-giá. Đối tượng là loài súc sanh không biến hình được phạm đến việc thứ 8 mắc tội Đột-cát-la. Cùng với kẻ nữ như có tâm nhiễm ô phạm đến việc thứ 8 cũng mắc tội Đột-cát-la. Thầy Tỳ-kheo tùy theo từng việc mà phạm giới, ba chúng sau phạm Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm:* Là khi trao và nhận vật gì hai tay đụng chạm nhau, hoặc khi giỡn cười vô tình đụng chạm, hoặc khi có nạn cần cứu thoát mà phải cầm y áo, hoặc là có vật gì muốn đưa cho, hoặc lễ

bái, hoặc là sám hối, hoặc là thọ pháp... vì các duyên như thế mà phải đi vào chỗ vắng cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đi... hoặc là bị đánh mà mình phải đỡ, hoặc có giặc, voi, ác thú chạy đến, có gai góc vướng vào người phải xoay thân để lẩn tránh, hoặc đến cầu giáo thọ, hoặc đến nghe pháp, đến thọ thỉnh hoặc đến ở trong chùa, hoặc hẹn cùng đi đến chỗ không thể làm việc ác được...

ĐIỀU 7: Bao che tội nặng của người

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di không tự mình phát lộ, không nói cho mọi người biết, không bạch Đại chúng. Nếu qua một thời gian khác Tỳ-kheo-ni kia bị chết, hoặc bỏ đạo, hoặc bị đuổi, hoặc bị Chúng tăng tác pháp để ngăn, hoặc nhập vào chúng ngoại đạo, khi ấy mới nói rằng: Trước đây tôi đã biết có những sự việc như vậy, Tỳ-kheo-ni này là kẻ Ba-la-di không được sống chung vì bao che tội nặng của người.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật cư trú tại địa điểm giống như giới trước. Đề-xá Nan-đà là em ruột của bà Tỳ-kheo-ni Thâu-la

Nan-đà bị phạm giới Ba-la-di khi ấy bà Thâu-la Nan-đà biết mà nghĩ rằng: "Đề-xá Nan-đà là em ta, nay nó phạm pháp Ba-la-di ta cũng muốn đến người khác để nói lảm nhưng sợ nó bị mang tiếng xấu thì ta cũng bị xấu lây". Nghĩ vậy rồi im lặng, dẫu luôn. Đến qua một thời gian khác, Tỳ-kheo-ni Đề-xá bỏ đạo, các Tỳ-kheo-ni khác thấy vậy mới hỏi bà Thâu-la Nan-đà rằng: "Chị có thấy em chị bỏ đạo không?" Đáp: "Em tôi làm như vậy là đúng, không sai đâu". Các Tỳ-kheo-ni liền hỏi rằng: "Vì sao như vậy mà cho là đúng?" Thâu-la Nan-đà đáp rằng: "Trước đây tôi đã biết em tôi có những sự việc như vậy như vậy..." Các Tỳ-kheo-ni hỏi: "Vì sao trước kia chị đã biết mà lại không đến thưa với các vị Tỳ-kheo-ni?" Thâu-la Nan-đà đáp: "Đề-xá là em tôi mà nó phạm pháp Ba-la-di, ý tôi cũng muốn đến nói ngay cho mọi người đều biết nhưng mà sợ nó mang tiếng xấu, nếu nó bị mang tiếng xấu thì tôi cũng bị xấu lây, do đó mà tôi không nói". Khi ấy các vị Tỳ-kheo-ni quả trách Thâu-la Nan-đà rằng: "Vì sao chị lại che dấu tội nặng của Đề-xá như vậy?" Rồi các vị Tỳ-kheo-ni, liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Biết: Nghĩa là tôi biết phạm tội như vậy, như vậy...

Chúng tăng: Nghĩa là đồng một Yết-ma, một thuyết giới.

Đại chúng: Hoặc 4 người, hoặc đông hơn 4 người.

Bỏ đạo: Nghĩa là ra khỏi pháp này.

Đuổi: Nghĩa là Chúng tăng tác bạch tứ Yết-ma để đuổi.

Ngăn: Nghĩa là bị ngăn không cho đi vào trong chúng khi chúng xét xử tội.

Ngoại đạo: Nghĩa là thọ pháp của ngoại đạo.

Tội nặng: Nghĩa là 8 pháp Ba-la-di, ở trong 8 pháp này phạm một pháp nào đều là trọng tội.

* Trong giới này tương phạm được quy định như thế nào? Nếu Tỳ-kheo-ni kia biết Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, trước bữa ăn biết, sau bữa ăn mới nói, sau bữa ăn biết đầu đêm mới nói, đầu đêm biết, giữa đêm mới nói, giữa đêm biết, cuối đêm mới nói đều phạm Thâu-lan-giá. Cuối đêm biết mà không nói đến khi ánh sáng ban mai bắt đầu xuất hiện thì phạm Ba-la-di. Trừ 8 pháp Ba-la-di, còn ngoài ra che dấu các tội khác thì tùy theo tội mà phạm. Tự che dấu trọng tội của mình phạm Thâu-lan-giá, che dấu cho những

người khác mà không phải là Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni thì chỉ phạm Đột-cát-la. Giới này thầy Tỳ-kheo chỉ phạm Ba-dật-đề, ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Là nếu mình không biết hoặc có đến với người để nói, hoặc không có người nào mình có thể nói được, hoặc ý muốn nói mà chưa nói thì ánh sáng ban mai xuất hiện, hoặc giả là nếu nói ra nguy cho tính mạng, có hại cho phạm hạnh thì không nên nói.

ĐIỀU 8: *Thuận tùng làm theo*

Nếu Tỳ-kheo-ni biết thầy Tỳ-kheo bị Chúng tăng cử tội như Pháp, như Luật, như lời Phật dạy không thuận tùng, không chịu sám hối, Chúng tăng chưa tác pháp cho thầy ấy được sống chung, mà Tỳ-kheo-ni thuận tùng theo, các Tỳ-kheo-ni khác can rằng: Đại tỷ, thầy Tỳ-kheo ấy đã bị Chúng tăng cử tội như Pháp, như Luật, như lời Phật dạy mà không thuận tùng, không chịu sám hối, Chúng tăng chưa tác pháp cho thầy ấy được sống chung, người không được thuận tùng theo thầy ấy. Khi các Tỳ-kheo-ni kia can gián Tỳ-kheo-ni này như vậy nhưng vẫn giữ chặt không bỏ. Các Tỳ-kheo-ni

kia nên can gián đến lần thứ hai, lần thứ ba khiến bỏ việc này đi. Nếu can gián đến lần thứ ba bỏ thì tốt, nếu không bỏ Tỳ-kheo-ni này là kẻ Ba-la-di, không được sống chung vì đã phạm tội làm theo.

LƯỢC GIẢI:

Căn cứ theo văn thì chữ *Bỉ* là chỉ cho vị Tỳ-kheo-ni can gián, còn chữ *Thị* là chỉ cho người tạo tội. Về sau chuẩn theo đây để biết.

Lúc bấy giờ đức Thế tôn ở tại thành Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Khi ấy Tôn giả Tỳ-kheo Xiển-đà bị Chúng tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, không thuận tùng, không chịu sám hối, Chúng tăng chưa tác pháp cho thầy ấy được sống chung, thế mà Tỳ-kheo-ni Uất-thứ cứ thường thường lui tới để thừa sự thầy Tỳ-kheo Xiển-đà. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói rằng: "Thầy Tỳ-kheo Xiển-đà bị Chúng tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, không thuận tùng, không chịu sám hối, Chúng tăng chưa tác pháp cho thầy ấy sống chung, người chớ nên thuận tùng theo". Uất- thứ đáp rằng: "Thưa các Đại tỷ, đây là anh tôi, ngày nay không cúng dường còn đợi đến bao giờ?" rồi vẫn cố tình thuận tùng như cũ không bỏ. Các

Tỳ-kheo-ni nghe như vậy rồi quở trách Tỳ-kheo-ni Uất-thứ rằng: "Thầy Tỳ-kheo này bị Chúng tăng cử tội mà không thuận tùng, không chịu sám hối, tăng chưa tác pháp cho thầy ấy sống chung, nay ngươi có sao mà cứ cố ý thuận tùng như vậy?" Các Tỳ-kheo-ni bèn đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Thế tôn, ngay lúc đó đức Thế tôn nhóm họp các thầy Tỳ-kheo, quở trách Tỳ-kheo-ni Uất thứ rằng: "Việc làm của ngươi là quấy, không phải oai nghi, không phải pháp của Sa môn, không phải hạnh thanh tịnh, không phải hạnh tùy thuận, việc không đáng làm! Tỳ-kheo Xiển-đà bị Chúng tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà không thuận tùng, không chịu sám hối, Chúng tăng chưa tác pháp cho thầy ấy sống chung, vì có sao ngươi cố ý thuận tùng theo như vậy? Dừng vô số phương tiện la quở xong. Ngài bảo các thầy Tỳ-kheo cho Ni tăng bạch tứ Yết-ma để quở trách Tỳ-kheo-ni Uất-thứ. Về sau nếu có Tỳ-kheo-ni nào cũng phạm tội thuận tùng theo thầy Tỳ-kheo bị Chúng tăng cử tội như Tỳ-kheo-ni Uất-thứ này thì Ni tăng cũng phải bạch tứ Yết-ma để quở trách. Từ nay về sau ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tăng: Nghĩa là 4 vị Tỳ-kheo trở lên.

Cử: Nghĩa là bị Chúng tăng bạch tứ Yết-ma cử tội.

Pháp: Nghĩa là như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Không thuận tòng: Nghĩa là không thuận theo pháp trị tội.

Không sám hối: Nghĩa là đã phạm tội mà chưa chịu sám hối cho được thanh tịnh.

Chư tăng chưa cho phép sống chung: Nghĩa là Chúng tăng chưa tác Yết-ma giải tội cho người ấy.

Tùy thuận: Có 2 thứ: 1. Pháp. 2. Y thực. *Pháp tùy thuận*: Nghĩa là dạy bảo để cho được tăng tấn về giới, định, huệ, dạy cho học vấn, tụng kinh. *Y thực tùy thuận*: Nghĩa là cung cấp các thức ăn uống, y phục, giường, ghế, thuốc men khi đau ốm...

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Tỳ-kheo-ni kia can gián như trên rằng: "Này em, em chớ tùy thuận theo, em hãy nên bỏ việc này đi, đừng để cho Chúng tăng cử tội, lại phạm tội nặng! Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời khuyên thì các Tỳ-kheo-ni nên tác bạch. Tác bạch xong rồi lại khuyên rằng: "Em hãy nên biết tôi đã tác bạch rồi, chỉ còn có Yết-ma nữa thôi, em hãy nên bỏ việc này đi, chớ để Chúng tăng cử tội lại phạm tội nặng! Nếu nghe theo lời khuyên thì tốt, không nghe theo lời khuyên can thì nên tác pháp Yết-ma lần thứ

nhất, cho đến Yết-ma lần thứ hai, trong mỗi mỗi lần Yết-ma xong rồi lại nên khuyên răn can gián như trên. "Em có biết không, tôi đã tác bạch và Yết-ma lần thứ hai xong rồi, chỉ còn một lần Yết-ma nữa thôi, em hãy nên bỏ việc này đi, chớ để Chúng tăng cử tội, lại phạm tội nặng. Nếu nghe theo thì tốt, không chịu nghe theo lời khuyên can, Yết-ma lần thứ ba xong, phạm Ba-la-di. Tác bạch và Yết-ma lần thứ hai xong mà chịu bỏ thì phạm ba tội Thâu-lan-giá. Tác bạch và Yết-ma lần thứ nhất xong mà chịu bỏ thì phạm hai tội Thâu-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ thì phạm một tội Thâu-lan-giá. Nếu tác bạch chưa xong mà liền bỏ thì phạm Đột-cát-la. Nếu khi chưa tác bạch mà tùy thuận theo thầy Tỳ-kheo bị cử tội, mỗi mỗi đều phạm Đột-cát-la. Nếu khi Chúng tăng tác pháp quở trách mà có Tỳ-kheo-ni nào bảo rằng chớ có bỏ. Tỳ-kheo-ni xúi dục ấy phạm Thâu-lan-giá. Trước khi chưa tác pháp quở trách mà bảo chớ bỏ, người xúi dục đó phạm Đột-cát-la. Thầy Tỳ-kheo phạm giới này kết tội Thâu-lan-giá. Ba chúng sau phạm Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm*: Là khi mới can gián liền bỏ ngay, hoặc Yết-ma phi pháp, biệt chúng, phi luật, không đúng lời Phật dạy.

1.3. Kết vấn:

Thưa các Đại tử, tôi đã tụng xong 8 pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào phạm bất cứ một pháp nào, không còn được sống chung với các Tỳ-kheo-ni, như trước kia, sau khi phạm cũng vậy, Tỳ-kheo-ni ấy mắc tội Ba-la-di, không được sống chung. Nay hỏi các Đại tử trong đây có thanh tịnh không? (3 lần) Các Đại tử trong đây thanh tịnh vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy.

LỜI KÝ :

Phạm bất cứ một pháp nào: Nghĩa là phạm bất cứ một pháp nào trong 8 pháp Ba-la-di thì không còn là Tỳ-kheo-ni nữa, không được cùng với chúng thanh tịnh sống chung.

Như trước kia sau khi phạm cũng vậy: Là chỉ cho trước khi chưa thọ Đại giới, đang còn là người cư sĩ, chưa đắc giới để thành Tỳ-kheo-ni, sau khi phạm giới, người ấy trở lại làm bạch y như trước.

Tỳ-kheo-ni ấy mắc tội Ba-la-di, không được sống chung: Khi đã phạm pháp này rồi liền mắc tội mà tội

này tên là quyên khí, có nghĩa là người ấy đã bị bỏ ra ngoài biển Phật pháp, cho nên không được sống chung. Nếu 8 pháp này đã được thanh tịnh rồi mới cho nghe các giới sau, cho nên phải hỏi đi hỏi lại như vậy.

Việc ấy tôi ghi nhận như vậy. Ghi nhận: Nghĩa là biết rõ ràng, đã ba lần gạn hỏi chúng đều thanh tịnh, do thanh tịnh nên im lặng, vì im lặng tôi ghi nhận như vậy, mới có thể vì chúng nói các giới sau. Các thiên sau dựa vào đây nên biết, không cần phải nói lại. Giới Ba-la-di này khi phạm tội tên tuy giống nhau nhưng quả báo có sự sai khác nhau, vì sao vậy? Ví dụ như giới dâm chẳng hạn đối tượng không phải một, có thể là súc sanh hoặc là người. Mà người thì cũng có nhiều hạng, kẻ xuất gia, người tại gia. Tại gia cũng có hạng trì giới, hạng không trì giới. Trong lãnh vực xuất gia cũng có đến 5 chúng, cũng có vị trì giới, cũng không có người trì giới. Cho đến các bậc Thánh nhân cũng có những sự sai khác nhau như vậy. Như giới ăn trộm chẳng hạn, đối tượng ăn trộm cũng không phải một, như là ăn trộm của người tại gia, hoặc của người xuất gia, trộm lấy đồ vật của người tại gia cũng có sự sai khác, cũng vậy trộm lấy đồ vật của người xuất gia cũng có sự khác biệt nhau, ăn trộm vật của Tam bảo cũng có phân định khác nhau, như giới sát, khi giết

người cũng có người tại gia và người xuất gia, người trì giới, người không trì giới, cho đến giết các bậc Thánh nhân cũng có sai khác nhau như vậy. Như giới vọng ngữ, đến với người tại gia mà nói được pháp Thượng nhơn thì mắc tội nặng hơn là đến với người xuất gia mà nói thì nhẹ hơn. Còn 4 giới trọng sau thì phần nhiều cũng giống như trong giới dâm đã nói. Vì thế cho nên phạm tội này tên tuy giống nhau mà quả báo thì không giống nhau. Luận Tát-bà-đa nói: phạm một khi phạm giới liền có 3 tội: 1. Phạm nghiệp đạo tội. 2. Phạm ác hạnh tội. 3. Phạm giới tội, vì sao vậy? Vì đã không y theo lời Phật đã chế. Luật nhiếp nói rằng: Vì sao trong ba giới tha thắng đầu để giới dâm trước sau mới để giới sát nói ngược thứ lớp, trong khi các chỗ khác lại sắp theo thứ tự: Sát, đạo, dâm, vọng. Đây là căn cứ vào phiền não mạnh nhất mà đức Phật chế ra trước. Tướng của 4 tha thắng này như thế nào? Nghĩa là con người không nhàm chán, không muốn xa lìa, tâm địa bất nhẫn và không thành thật, nhưng trong 4 thứ này thì không nhàm chán và không muốn xa lìa là mạnh hơn cả, cho nên đức Phật phải đặt ra ở đầu và thứ hai: 1. Dâm dục, 2. Tiền của. Vì bất nhẫn cho nên mới làm việc giết hại, vì không thành thật cho nên mới nói dối. Nghĩa là phiền não này xâm chiếm trong tâm con người một địa vị rất quan trọng do đó mà đức Phật

phải chế đầu tiên. Chế thêm 4 tha thắng sau vì biết rõ nữ nhơn nghiệp tánh nặng nề. Vốn dĩ Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni gấp rút ra khỏi ba cõi mà dâm dục chính là đầu mối của sanh tử, là cá nhơn ô trược hữu lậu, cho nên trong kinh Lăng Nghiêm giáo huấn đầu tiên hết: Đức Phật bảo ngài A-nan: Nếu chúng sanh trong sáu đường ở khắp tất cả các thế giới, mà đều không có tâm dâm dục thì nhất định không còn trôi lăn mãi trong đường sanh tử nữa. Người muốn vượt ra khỏi trần lao nên tu Tam-muội nhưng nếu tâm dâm dục không trừ thì trần lao không thể nào ra khỏi được. Dù cho có nhiều trí tuệ và thiền định được hiện tiền chẳng nữa mà không dứt trừ được tâm dâm dục thì nhất định phải bị lạc vào đường ma. Người dạy cho người đời muốn tu pháp Tam-ma-địa, trước hết phải dứt trừ tâm dâm dục, đó chính là lời dạy bảo quyết định thanh tịnh thứ nhất của tất cả chư Phật Thế tôn. Nếu tu các pháp thiền định mà tâm dâm không dứt trừ thì cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu trải qua trăm ngàn kiếp chỉ gọi là cát nóng mà thôi. Vì sao thế? Vì cơm đâu phải do cát nấu thành được. Người nếu đem cái thân dâm dục mà cầu quả vị Phật-đà cao siêu, dầu cho có được diệu ngộ chẳng nữa đều là dâm căn, căn bản đã là dâm thì phải luân chuyển trong ba đường ác, không thể nào ra khỏi được. Con đường nào tu chứng Niết-

bàn Như Lai? Đó chính là phải làm thế nào cho chúng tử dâm ở trong thân và tâm đều dứt sạch, tánh dứt sạch đó cũng không còn nữa, như vậy thì đối với đạo vô thượng Bồ-đề của chư Phật mới có thể trông mong vậy. Như trong kinh đã dạy rõ ràng xin tự mình phải nên quán sát kỹ, khéo suy nghĩ mà tu tập hầu mong không đến nỗi có sai lầm về sau.

2. Pháp Tăng tàn:

- Chia ra 3 phần:
1. Tổng tiêu.
 2. Giới tướng.
 3. Kết vấn.

2.1 Tổng tiêu:

Thừa các Đại tử, đây là 17 pháp Tăng-già-bà-thi-sa, xuất từ giới kinh, nửa tháng tụng một lần.

LƯỢC GIẢI:

Tăng già: Là chúng.

Bà-thi-sa: Là tàn. Nghĩa là 8 pháp Ba-la-di trước nghĩa của nó là vô dư, nếu phạm 1 trong 8 pháp thì không có một chút dư thừa nào có thể trị được. Còn 17 pháp này bản thể của nó là có dư, vì nếu phạm giới này còn có thể cứu chữa được. Nhưng cần phải nương vào Tăng-già mà sám hối tội đã phạm, và phải nương vào Tăng-già mới trừ diệt được tội này, không phải chỉ nương vào bốn bộ chỉ 1, 2, 3 vị Tỳ-kheo-ni mà hành sám hối này được đâu, cũng không phải nương vào hai bộ đại Tăng và Ni mỗi bên không đủ 20 vị mà tội này trừ diệt được. Kinh Tỳ-ni Mẫu dạy rằng: Như người bị giết còn có một chút yết hầu nên gọi là tàn. Như hai người cùng lâm trận, một người bị giặc giết tiêu luôn tánh mạng còn người thứ hai tuy có bị giặc làm hại tánh mạng nhưng chưa đến nỗi chết, còn có thể cứu chữa được nếu gặp thầy hay thuốc tốt, nếu không gặp thì không sao cứu được. Phạm tội Tăng-tàn cũng vậy, còn có một chút lý có thể sám hối được với điều kiện là phải nhờ hai bộ đại chúng thật thanh tịnh vì mình mà nói phương pháp sám hối để trừ tội, tội này mới có thể trừ được. Nếu không có hai bộ đại chúng thanh tịnh, tội kia nhất định không trừ diệt được, cho nên gọi là Tăng-tàn.

2.2 Giới tương:

ĐIỀU 1: *Lui tới làm mai mối:*

Nếu Tỳ-kheo-ni làm mai mối cho người, đem lời người nam nói với người nữ, đem lời người nữ nói với người nam, hoặc đề nên việc vợ chồng, hoặc đề cho tư thông, dù chỉ trong chốc lát, Tỳ-kheo-ni này phạm sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn ở tại thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật, vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tới lui mai mối: Nghĩa là Tỳ-kheo-ni làm sứ giả qua lại giữa hai người nam nữ để làm thành việc cưới gả.

Dem lời người nam nói với người nữ, đem lời người nữ nói với người nam: Nghĩa là đem lời nói bên này bên kia giữa hai người nam nữ nói cho họ biết nhau.

Hoặc để nên việc vợ chồng, hoặc để cho tư thông.
Nên việc vợ chồng nghĩa là: trọn đời thành vợ chồng.
Tư thông: là tạm thời cùng nhau giao hội.

Dù chỉ trong chốc lát: Đây nói rõ không phải là thời gian dài. Một ngày một đêm có 30 tu du, cho đến chỉ làm cho họ giao hội trong một tu du, mình cũng mắc bỗ tội. Hành vi qua lại làm mai mối giữa bên này và bên kia tức là làm sứ giả vậy. Đem lời nói của hai kẻ nam nữ nói cho họ hiểu nhau, đó là người chủ chốt. Để thành việc vợ chồng và tư thông là chỉ cho việc làm. Cho đến một tu du, đó chỉ cho thời gian.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Những kẻ nam nữ kia khiến Tỳ-kheo-ni làm người liên lạc nói rằng: "Cô giúp tôi cưới đi". Hoặc nói: "Giúp tôi được tư thông đi". Nếu kẻ kia nói trong một tu du, trong chừng một niệm thôi, mà Tỳ-kheo-ni tự mình nhận lời nói ấy, đến nói rồi trở về trả lời, phạm Tăng-tàn. Như vậy nên biết, Tỳ-kheo-ni nhận lời của người rồi, đến hỏi, về trả lời ở trong ba công việc đó hoặc tự mình làm việc thứ nhất và việc thứ hai, còn việc thứ ba thì sai khiến người khác làm. Hoặc tự mình làm việc đầu, còn hai việc sau khiến người khác làm. Hoặc tự mình làm việc đầu việc sau, còn việc giữa bảo người khác làm, đều phạm Tăng-tàn. Đây có

4 hành vi đều làm thành việc mai mối: 1. Nói. 2. Viết thư. 3. Ra dấu. 4. Hiện tướng. Dùng 4 hành vi này để nhận lời bên này rồi sang nói cho bên kia biết và trở lại báo cho bên này rõ, trong ba việc ấy hoặc chỉ làm một việc đầu mà thành cả ba việc, hoặc dùng hai ba việc mà làm xen lẫn nhau, tự mình qua lại, hoặc sai bảo người qua lại, khiến họ hiểu ý kiến nhau, đều phạm Tăng-tàn, hoặc họ không hiểu ý nhau thì phạm Thô tội. Trong ba việc ấy mà chỉ làm hai việc thôi thì phạm Thâu-lan- giá, làm một việc thì phạm Đột-cát-la. Tuỳ theo công việc làm mai mối của mình nhiều hay ít nói rõ ràng mỗi một lời mai mối là một tội Tăng-tàn. Nói không rõ ràng thì phạm, Thô tội. Nếu làm mai mối cho trời, rồng, thần, quý, súc sanh có thể biến hình, và kẻ huỳnh môn, người có hai căn đều phạm Thô tội. Làm mai mối cho loài nam nữ súc sanh đều phạm tội Ác tác. Đối tượng làm trung gian là người nữ người nam mà mình cũng tưởng là người nam người nữ thì phạm Tăng-tàn. Người nam người nữ mà mình sanh nghi và tưởng không phải là người nam, nữ, không phải là người nam người nữ và nghi đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu đem thơ tay hộ cho người mà không xem trước, hoặc giả làm kẻ sai khiến cho người bạch y đều phạm Ác tác. Thầy Tỳ-kheo đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm*: Vợ chồng gây gổ nhau bất hoà. Tỳ-kheo-ni khuyên họ sám hối để hoà hiệp trở lại. Vì cha mẹ bị bệnh, vì người bị giam cầm trong ngục, hoặc vì những người tín tâm Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bị bệnh và bị giam, vì Tam bảo, vì tháp, vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bị bệnh, xem thơ trước rồi mới đem đi sau, Ba chúng sau là chỉ cho Thức-xoa, Sa-di, Sa-di-ni, còn nói bốn chúng là gồm cả Tỳ-kheo.

ĐIỀU 2: *Phỉ báng không căn cứ*

Nếu Tỳ-kheo-ni vì giận hờn không vui, đem pháp Ba-la-di không căn cứ mà phỉ báng, vì muốn huỷ đời sống thanh tịnh của kẻ khác, người đó vào lúc khác dầu bị cật vấn hay không bị cật vấn, việc ấy được biết là không căn cứ, Tỳ-kheo-ni này nói rằng tôi vì thù hận mà nói như vậy, phạm sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt, vì nhơn duyên này nhóm họp

các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Giận hờn không vui. Giận hờn: Nghĩa là do tâm tức giận mà phần uất, lại giận người gọi là sân, tự giận mình gọi là nhuế.

Không vui: Nghĩa là bị tâm sân giận làm ngăn che tâm tánh, chứ không phải do thiện tâm và tâm vô ký mà phát sanh ra sự phi báng.

Dem pháp Ba-la-di không căn cứ mà phi báng. Căn cứ là 3 căn cứ: Thấy, nghe, ngờ. *Thấy:* Nghĩa là chính mắt mình thật có thấy người kia phạm 8 pháp khí. *Nghe:* Nghĩa là chính tai mình nghe người kia phạm 8 pháp khí, hoặc nghe người khác kể lại. *Ngờ* có 2 thứ: Hoặc do thấy mà sanh nghi như thấy người kia cùng với kẻ nam tử vào ra loã thể, tay cầm dao, kết bạn với người ác, xúc phạm nhau, đi vào chỗ vắng, che dấu tội nặng cho người khác, tùy thuận theo thầy Tỳ-kheo bị cử tội, những tội này do nghe mà sanh nghi, nghĩa là ví dụ nghe tiếng giường kêu, tiếng trăn trở, tiếng nói chuyện với nhau, tiếng giao hội, nghe ăn trộm 5 tiền, hoặc nghe họ nói: "Tôi giết người, tôi chúng được pháp thượng non". Hoặc nghe người khác nói: Người kia phạm tội xoa vuốt, đi vào chỗ vắng, che dấu tội nặng của người, tùy thuận theo thầy

bị cử tội. Nếu không hội đủ 3 yếu tố kể trên thì gọi là không căn cứ. Lấy các pháp ác không căn cứ này muốn gia tội cho người mà cố ý tạo nên những sự chệch lạc một cách ngang ngược ấy gọi là phi báng không căn cứ.

Muốn huỷ đời sống thanh tịnh của kẻ khác: Nghĩa là ý muốn làm tổn hại phạm hạnh của người kia để cho họ không còn được ở trong hàng Thích tử Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nữa.

Người đố vào lúc khác. Người đố: Là chỉ cho người sân hận. *Vào lúc khác:* Nghĩa là sau qua một thời gian khác tự biết việc huỷ báng này là không căn cứ, tâm sanh hối hận, mong cầu được thanh tịnh rồi tự miệng mình phát lộ ra, hoặc là vì bị người khác gạn hỏi, hoặc là không bị ai hỏi hết mà đến với người khác để nói rằng: "Tôi vì giận hờn ấp ủ không vui mà đã nói ra lời phi báng như vậy, chứ thật tình ra vị kia không có những tội như thế".

Nói như vậy: Nghĩa là dùng những lời nói không có căn cứ để huỷ báng và nói lời hối hận như trên. Nhưng ta đã biết, một khi nói ra lời phi báng rồi thì liền mắc tội, không phải sau đó nhờ đến nơi người khác nói lời sám hối mà thoát tội được. Bắt đầu từ câu: "Giận hờn không vui" cho đến câu: "Muốn huỷ đời

sống thanh tịnh của kẻ khác", đó là nói như duyên sanh khởi phạm tội. Còn từ câu: "Người đó vào lúc khác" cho đến câu: "Nên nói như vậy", đó chính là ý nói tự mình muốn cho được thanh tịnh hết tội. "Nói như vậy", đó chính là lời kết tội.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni dùng 8 pháp Ba-la-di để vu khống huỷ báng Tỳ-kheo-ni khác, hoặc lại dùng những pháp mà các pháp này làm mất bản thể Tỳ-kheo-ni như là nói rằng: Cô là người phạm Biên tội, làm ô Tăng, kẻ tặc trú, phá nội ngoại đạo phạm tội Ngũ nghịch. Là kẻ phi như, là súc sanh, lại huỳnh môn, là kẻ hai căn đem những pháp không phải của Tỳ-kheo-ni mà phỉ báng thì không luận người này thanh tịnh hay không thanh tịnh, chỉ vì không đủ 3 căn cứ mà quấy nói tội của người. Nói rõ ràng phạm Tăng-tàn, không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá. Hoặc trước đó có căn cứ sau quên mất rồi quấy nói rằng có căn cứ, cũng phạm tội giống như trên. Nếu ra dấu, viết thư hoặc khiến người khác làm, hoặc chính mình làm dấu đối tượng mà biết rõ ràng hay không rõ ràng, đều phạm tội như trên đã nói. Nếu dùng 4 tội khi mà vu khống phỉ báng thầy Tỳ-kheo cũng phạm Tăng-tàn. Nếu vu khống không phỉ báng kẻ khác thì phạm Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm

cũng kết như vậy, ba chúng sau phạm thì kết Á c tác.

**Trường hợp không phạm:* Là nếu như mình nói có đầy đủ ba căn cứ để kết tội đó là thấy, nghe, ngờ, lời nói chơn thật, hoặc nói chơi, nói lầm.

ĐIỀU 3: *Lấy tiểu tiết trong phần sự khác mà phỉ báng.*

Nếu Tỳ-kheo-ni vì giận hờn không vui, mà lấy tiểu tiết trong phần sự khác, đối với Tỳ-kheo-ni không phải là Ba-la-di mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ, vì muốn huỷ hoại đời sống phạm hạnh của kẻ khác, về sau vào lúc khác dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, Tỳ-kheo-ni này nói rằng: Tôi vì thù hận nên nói như vậy. Tỳ-kheo-ni nào nói như vậy phạm sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Đức phật cư trú tại địa điểm giống như giới trước. Lúc bấy giờ, đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta

kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Lấy tiểu tiết trong phần sự khác: Nghĩa là lấy một tội vụn vặt trong phần sự khác để huỷ báng người khác, hoặc đem súc sanh so sánh với người khác, hoặc dùng bao nhiêu sự kiện tương tự khác để vu khống huỷ báng người. Lại dị phần sự tức là 8 pháp khí, 8 pháp khí này là nguyên nhân của đọa lạc và sanh tử đối với tịnh nhơn Niết-bàn trái hẳn nhau, cho nên hễ phạm một pháp nào tức là mất hẳn bản tánh Tỳ-kheo-ni, không còn là Thích tử sa-môn nữa, vì thế mà gọi dị phần sự. Trong 8 tội khí này lấy một vài sự kiện vụn vặt như là thấy người ta cùng với kẻ nam nữ nói cười, hoặc là thấy nhặt những đồ quăng bỏ, giết súc sanh, nghe họ đến với súc sanh mà nói tôi chứng được pháp thượng nhơn... rồi vu khống cho người kia là phạm Ba-la-di. Ấy gọi là dị phần sự trung thủ phiến. Hoặc là thấy người kia phạm Tăng-tàn, cho đến phạm Đột-cát-la ác thuyết vu khống huỷ báng là người ấy đã phạm trọng tội cũng gọi là thủ phiến, còn bao nhiêu chi tiết khác như giới trước đã lược giải.

**Trong giới này được quy định là phạm:* Đem những việc của người không thanh tịnh này mà vu khống huỷ báng người thanh tịnh kia bởi tương tự do cùng tên hoặc cùng họ, hoặc do đồng tướng. Hoặc

thấy, nghe người kia khi còn tại gia phạm giới rồi bây giờ lấy đem ra huỷ báng và tất cả những hành vi lấy một tiểu tiết hay loại tương tự tiểu tiết thuộc pháp Ba-la-di mà vu khống cho người khác, nói rõ ràng hay không rõ ràng mắc tội nặng nhẹ, hay có phạm tội, không phạm tội cũng giống như điều trên.

ĐIỀU 4: *Nghệ quan ngôn nhơn*

Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà cầm quyền tố cáo tội của cư sĩ, hoặc con cư sĩ, hoặc tôi tớ, hoặc người làm thuê, dù ban ngày hay ban đêm, tố cáo trong chùng một niệm, trong chùng một tiếng khảy móng tay, hay chỉ trong chốc lát thôi, Tỳ-kheo-ni này phạm sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Thế tôn ở tại vườn của ông Cấp-cô-độc cây thái tử Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, có một vị Tỳ-kheo-ni sống tại chôn A-lan-nhã, có người cư sĩ dựng một tinh xá nơi ấy để cúng cho quý vị Tỳ-kheo-ni tăng ở, nhưng sau đó chôn lan nhã của Chư ni này

có việc hung ác xảy ra, chư ni liền bỏ tinh xá ấy đi, không ở nữa và người cư sĩ kia cũng mạng chung. Lúc đó đưa con của người cư sĩ liền cày bừa trên đất tinh xá, các Tỳ-kheo-ni thấy mới nói rằng: "Đây là đất của Chúng tăng chớ có cày bừa". Người con của vị cư sĩ bèn đáp rằng: "Thật đúng như vậy, trước đây cha tôi đã dựng tinh xá này để cúng cho Tỳ-kheo-ni tăng ở, nay các vị không ở bỏ đi, cha tôi cũng đã mạng chung nay tôi tự do cày bừa, việc gì mà bỏ đất không, cả hai đều không có lợi". Nói thế rồi người con của cư sĩ vẫn cứ cày bừa, các Tỳ-kheo-ni liền đến nhà cầm quyền để kiện, ông quan xử đoán liền kêu con của người cư sĩ đến đúng như pháp luật lúc bấy giờ để trị phạt, bắt người kia phải đem hết tất cả tài sản bỏ vào kho của quan. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe sự việc như trên quả trách Tỳ-kheo-ni kia rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật, vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni. Cũng khi ấy ở nước Câu-tát-la có bà vợ nhỏ của vua Ba-tư-nặc làm một tinh xá để cúng dường cho quý vị Tỳ-kheo-ni tăng ở. Sau chư ni rời tinh xá đi du hoá trong nhơn gian, lúc ấy bà vợ nhỏ của vua nghe các Tỳ-kheo-ni đã đi du hoá trong nhơn gian, bèn đem tinh xá này cúng lại cho các nữ tu sĩ Phạm chí. Khi đó các Tỳ-

kheo-ni nghe tin ấy bèn nghĩ rằng: "Ta đi vắng không có ở nhà, tự tiện lấy tinh xá của ta cúng cho người khác". Nghĩ như vậy bèn trở về lại tinh xá nói với các nữ Phạm chí rằng: "Hãy tránh chúng tôi mà đi đi, đừng ở trong tinh xá của chúng tôi". Các người nữ Phạm chí trả lời: "Tinh xá này thật đúng là của các chị thí chủ đã vì các chị mà làm, nhưng vì các chị đã bỏ đi du hành trong nhân gian nên họ đem cúng cho chúng tôi rồi, chúng tôi ở đây không đi đâu hết". Ngay khi ấy các Tỳ-kheo-ni liền nổi giận, lôi kéo đuổi ra. Các người nữ Phạm chí liền đi đến ngay nhà cầm quyền để kiện. Các quan xử đoán cho đòi các Tỳ-kheo-ni đến. Các Tỳ-kheo-ni tự nghĩ rằng: "Đức Thế tôn chế giới cấm không được đến cửa quan mà kiện nhau". Do đó họ không dám đi, các Tỳ-kheo-ni liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy đến bạch đức Thế tôn, đức Thế tôn bảo các thầy rằng: "Từ nay về sau nếu có lệnh đòi thì phải đến. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni mới đến chỗ quan xử việc, các quan hỏi rằng: "A-di, việc này như thế nào xin trình bày rõ ràng". Tỳ-kheo-ni liền đáp: "Tất cả đất đai là của nhà vua, công việc làm là thuộc về cư sĩ, phòng xá là của thí chủ, giường ghế cũng như vậy, tu sửa phòng xá để cho Chúng tăng ở được phước rất nhiều, vì sao thế? Vì nhờ người kia cúng dường mà ta được yên ổn để ở vậy". Các quan xử đoán việc bèn

nói rằng: "Nhu lời của các A-di đã nói thì vì sao lại bỏ đi như trên, nay tinh xá này đã cúng cho các nữ Phạm-chí rồi thì họ được quyền ở". Các thầy Tỳ-kheo liền đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn bảo các thầy rằng: "Tỳ-kheo-ni này đã không khéo nói mà các quan xử đoán việc cũng không khéo xử, vì sao thế? Vì sự cúng dường trước là đúng pháp, sự cúng dường sau là phi pháp". Khi ấy vua Ba-tư-nặc nghe các Tỳ-kheo-ni trình bày như vậy, các quan xử việc trả lời như kia, và đức Thế tôn dạy như thế, vua liền phạt quan xử kiện bằng cách đem tất cả tài sản bỏ vào kho quan. Các thầy Tỳ-kheo đến bạch đức Thế tôn, đức Thế tôn bảo các Thầy rằng: "Từ nay về sau hãy thuyết giới như vậy".

Tố cáo: Nghĩa là cùng đến cửa quan mà tranh luận phải trái.

Cư sĩ: Nghĩa là người không xuất gia.

Con cư sĩ: Con của cư sĩ sanh ra.

Tôi tớ: Hoặc mua về làm nô lệ, hoặc con của nô lệ trong nhà mình sanh ra.

Người làm thuê: Nghĩa là đem tiền thuê người làm việc.

Nữ phạm chí: Những người xuất gia trong ngoại đạo.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Nếu Tỳ-kheo-ni kiện người, hoặc cư sĩ, hoặc con cư sĩ, hoặc kẻ nô tỳ, hoặc kẻ làm thuê dù ban ngày hay ban đêm, trong chừng một ý niệm, trong khoảng khảy móng tay, trong chốc lát chẳng nữa, cũng giống như các người nữ dòng Phạm chí đến cửa quan mà thưa kiện việc này, nếu nhà cầm quyền hạ tay xét xử việc ấy, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Miệng nói mà không nhằm, viết chữ không rõ, phạm Thâu-lan-giá. Thầy Tỳ-kheo phạm kết tội Đột-cát-la, ba chúng sau phạm cũng kết Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu bị đòi đến, hoặc có gì muốn hỏi phải đến cửa quan, hoặc bị dùng sức mạnh bắt buộc đem đi, hoặc bị trói đem đi, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc miệng tuy nói mà không đi tố cáo với nhà cầm quyền.

ĐIỀU 5: *Tri độ tặc nữ*

Nếu Tỳ-kheo-ni trước đó đã biết người nữ này là kẻ giặc phạm tội đáng chết, mọi người đều biết, không hỏi vua, không hỏi đại thần, không hỏi các người trong dòng quý tộc mà tự tiện độ cho xuất gia thọ giới Cụ túc, Tỳ-kheo-ni này phạm sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Thế tôn ở trên giảng đường Lôu các bên sông Di-hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Khi ấy có các phụ nữ dòng Ly-xa đi ra ngoài thành để dạo chơi, lúc đó có một kẻ tặc nữ xen lộn giữa mọi người cùng đi, rình khi các phụ nữ kia ham vui chơi bèn ăn trộm tài vật rồi chạy trốn, lập tức những người phụ nữ kia liền sai người đến báo cáo cho cả dòng họ Ly-xa đều biết: Ở đây họ đang bị kẻ tặc nữ ăn cắp tài vật chạy trốn rồi, xin hãy mau mau kiếm tìm. Khi ấy các người Ly-xa sai người đi tìm ra lệnh nếu bắt được là giết. Khi ấy kẻ nữ tặc nghe như vậy liền chạy trốn qua thành Vương-xá, đến chốn Tăng già-lam của các Tỳ-kheo-ni mà thưa rằng: "Con có tin tâm ưa muốn xuất gia". Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi liền độ cho xuất gia thọ Cụ túc giới. Các người dòng Ly-xa nghe kẻ tặc nữ này đã chạy trốn đến thành Vương-xá họ liền trình lên vua Bình-sa của nước Ma-kiệt-đà rằng: "Trong này đã có kẻ tặc nữ ăn trộm tài vật của vợ con chúng tôi rồi chạy vào đây, xin vua cho người tìm dùm chúng tôi". Vua Bình-sa liền ban lệnh cho các quan tả hữu phải tìm kiếm khắp nơi. Sau đó các quan tâu lên vua rằng: "Đã tìm có kẻ tặc nữ nhưng nay họ đã xuất gia tu đạo trong

chôn Già-lam của Tỳ-kheo-ni rồi". Vua Bình-sa liền sai người đến báo cho các người Ly-xa được rõ: "Tôi nghe đã có kẻ tặc nữ nhưng nay họ đã xuất gia tu đạo trong Tăng già-lam của Tỳ-kheo-ni rồi, tôi không làm sao nói được". Các người Ly-xa khi nghe như vậy đều cơ hiềm rằng: Các Tỳ-kheo-ni không biết xấu hổ gì cả, đều là một bọn giặc nữ, tự nói mình là người biết chánh pháp mà vì sao lại độ cho kẻ tặc nữ tội đáng chết, mọi người ai cũng biết mà Tỳ-kheo-ni lại độ cho xuất gia thọ Cụ túc giới, như vậy thì có gì gọi là chánh pháp? Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe, hiềm trách Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Em vì sao lại dám độ cho kẻ tặc nữ được xuất gia tu đạo như vậy? " Hiềm trách rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dùng vô số phương tiện để quở trách Tỳ-kheo-ni kia rồi bảo với quý thầy Tỳ-kheo rằng: "Tỳ-kheo-ni này có rất nhiều chủng tử hữu lậu, là người phạm giới đầu tiên. Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni".

Trộm: Nghĩa là ăn trộm 5 tiền, hoặc quá 5 tiền.

Tội đáng chết: Nghĩa là phạm tội đáng xử tử.

Mọi người đều biết: Nghĩa là vua biết, đại thần biết, mọi người dân đều biết.

Vua: Là người mà không phải nhờ ai về sự sống cả.

Đại thần: Nghĩa là người nhận lãnh trọng trách của nhà vua giao cho để giúp đỡ việc nước.

Dòng dõi: Nghĩa là các dòng quý tộc như là: Dòng Xá-di, Quân-ly, Di-ninh, Bạt-kỳ, Mãn-la, Tô-ma...

* Trong giới này tương phạm được quy định như thế nào? Tỳ-kheo-ni kia biết đó chính là kẻ tặc nữ mà không hỏi vua, không hỏi đại thần, không hỏi những người trong dòng quý tộc, tự tiện độ cho họ xuất gia tu đạo, tác bạch và 3 phen Yết-ma xong, Hoà thượng ni phạm Tăng-gia-bà-thi- sa. Tác bạch và 2 phen Yết-ma xong phạm 3 tội Thâu-lan-giá. Tác bạch và 1 phen Yết-ma phạm 2 tội Thâu-lan-giá. Tác bạch xong phạm 1 tội Thâu-lan-giá. Nếu tác bạch chưa xong phạm Đột-cát-la. Nếu trước khi chưa tác bạch cho thể phát xuất gia thọ giới hợp Tăng... tất cả các việc ấy đều phạm Đột-cát-la. Chúng nhóm hợp đầy đủ cũng phạm Đột-cát-la. Thầy Tỳ-kheo phạm giới này kết tội Đột-cát-la, ba chúng sau cũng phạm Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu không biết, hoặc đã hỏi vua, đại thần, những người trong dòng quý tộc, hoặc là tội đáng chết mà nhà vua cho xuất gia, hoặc là

có tội mà nhà vua cho xuất gia, hoặc ở trong ngục phóng thích ra khiến phải đi xuất gia, hoặc vì muốn cứu độ để cho họ được giải thoát... mà cho xuất gia.

(HẾT QUYỂN II)

QUYỂN III

LUẬT TỬ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỔN LƯỢC KÝ

ĐIỀU 6: *Giải cử ni tội*

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia bị Chúng tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, không thuận tùng, không chịu sám hối, Chúng tăng chưa tác pháp Yết-ma cho người ấy được sống chung, mà vì thiên ái cho nên không hỏi chúng tăng, Chúng tăng không sai bảo ra ngoại giới tác pháp Yết-ma giải tội cho người kia, Tỳ-kheo-ni này phạm sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy đức Thế tôn ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ- thọ Cấp-cô-độc, Tỳ-kheo-ni Uất-thứ bị Chúng tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật

dạy, không thuận tùng, không chịu sám hối, Chúng tăng chưa tác pháp Yết-ma cho sống chung, như vậy mà bà Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà không bạch Ni tăng, Chúng tăng không sai bảo, tự tiện đem ra ngoài giới tác pháp Yết-ma giải tội cho Uất-thứ. Các bà Tỳ-kheo-ni nghe biết việc này rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tăng: Nghĩa là 4 vị Tỳ-kheo-ni trở lên.

Cử tội: Nghĩa là Chúng tăng bạch tứ Yết-ma cử tội.

Pháp: Nghĩa là như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Bất thuận tùng: Nghĩa là đức Phật đã chế ra các phương pháp trị tội mà không chịu làm theo.

Bất hối: Có tội mà không đến với người khác để phát lộ.

Vị dự tác cộng trú: Nghĩa là bị Chúng tăng cử tội mà chưa tác Yết-ma để giải tội cho.

* Trong giới này tương phạm được quy định như thế nào? Vì thiên ái cho nên không hỏi Chúng tăng, Chúng tăng không sai bảo mà ra ngoài giới tác pháp Yết-ma giải tội cho người kia, tác bạch và 3 phen Yết-

ma xong thì phạm Tăng- già-bà-thi-sa. Tác bạch và 2 phen Yết-ma xong thì phạm 3 tội Thâu-lan-giá. Tác bạch và 1 phen Yết-ma xong phạm 2 tội Thâu-lan-giá. Tác bạch xong phạm 1 tội Thâu-lan-giá. Tác bạch chưa xong phạm Đột-cát-la. Trước khi chưa tác bạch nhóm chúng, chúng nhóm họp đầy đủ, đều phạm Đột-cát-la. Bốn chúng kia phạm tội này kết Đột-cát -la.

* *Trường hợp không phạm*: Đã bạch Chúng tăng hoặc do Chúng tăng sai bảo, hoặc người bị tội có thể hạ ý xuống sám hối bốn tội của mình, nhưng Chúng tăng vì sân giận cho nên không cho giải tội, người kia giải tội cho họ thì không phạm. Hoặc là trước đây Chúng tăng đã tác Yết-ma giải tội rồi nhưng Chúng tăng này dời đi nơi khác, hoặc qua đời, hoặc đi xa, hoặc bỏ đạo, hoặc bị giặc bắt đem đi, hoặc bị nước trôi, người kia cho giải tội cũng không phạm.

Nhơn đây nói về phương pháp kết và giải các cương giới.

Theo sự ấn định của đức Phật, bất cứ trong trường hợp nào như làng xóm, thôn ấp, cảnh giới nào đều phải kết giới, xét trong bốn Tuỳ Cơ Yết-ma nói cương giới gồm có 2 loại khác nhau:

1. Tác pháp (cương giới ấn định).
2. Tự nhiên (cương giới tự nhiên).

Cương giới tác pháp theo luật Bốn có 3 loại: Đại giới, giới trường và tiểu giới.

Cương giới tự nhiên có 4 loại khác nhau: Tụ lạc, Lan nhã, Đạo hành và Thuỷ giới.

Thứ nhất: Cương giới Tụ lạc có 2 thứ khác nhau:

1. Tụ lạc không có đường ranh rõ ràng: (Tức là nơi nhà cửa của dân cư liên tiếp không thể phân biệt được phạm vi của Tụ lạc). Trong trường hợp này, bộ Tăng Kỳ luật quy định phạm vi cương giới chừng 7 hàng cây, kể chung 6 khoảng 63 bước. Trong đó không có chúng nào khác thì được tác pháp Yết-ma (không cần kết giới).

2. Tụ lạc có đường ranh rõ ràng: (Có thể phân biệt được phạm vi trong và ngoài của tụ lạc). Thập tụng luật quy định tất cả chúng đều nhóm họp trong tụ lạc đó.

Thứ hai: Lan-nhã giới cũng có 2 loại.

1. Tại những nơi Lan-nhã không nguy hiểm (tức không có thú dữ) theo Căn Bốn luật những nơi Lan-nhã đồng trống không có làng xóm, cương giới được quy định rộng 1 câu-lô- xá (1800m). Tỳ-kheo-ni được cùng nhóm họp một chỗ để tác các pháp Yết-ma.

2. Tại những nơi Lan-nhã nguy hiểm, theo bộ luật Thiện kiến, cương giới được quy định trong vòng 7

bàn-đà- la (khoảng 84m). Trong phạm vi này được tác các pháp Yết- ma.

Thứ ba: Đạo hạnh giới (Tức cương giới tự nhiên trong lúc đi đường). Theo luật Thập Tụng, cương giới được quy định trên con đường dọc ngang 600 bước có thể làm các Yết- ma.

Thứ tư: Thuỷ giới (tức cương giới đường thuỷ khi đang đi trên thuyền). Theo luật Ngũ Phần, cương giới được quy định phạm vi ước tính bằng cách cho một người có sức mạnh nhất, lấy nước hay cát tung ra bốn phía tới chỗ nào thì chỗ đó được coi là đường ranh. Trong 6 cương giới tự nhiên kể trên khi hành Tăng sự để giải quyết một vấn đề gì, các Tỳ-kheo-ni đồng hành ngồi đối diện nhau trong phạm vi cương giới đang hành sự, không có chúng khác tham gia thì hành Tăng sự của Tăng mới đúng pháp.

Đại giới: (Tức cương giới lớn như các Tu viện, Già- lam, trú xứ của Tăng). Bộ luật Ngũ Phần quy định phạm vi của Đại giới tối đa là 1 câu-lô-xá (1800m) theo cả hai chiều dọc và ngang. Nếu quả là phi pháp. Nên kết như thế này: Phải trái toạ cụ, đánh kiền chùy, tất cả chúng đều phải nhóm họp hết tại một chỗ, không nên thọ dục vì chưa kết giới nên không có giới để nhiếp. Và lại, thọ dục thì không biết giới tướng

cho nên sẽ có lỗi mất y phá hạ. Trong chúng chỉ định một vị Tỳ-kheo-ni cố cựu để xướng tướng bốn phương của đại giới. Nếu ở phương đông có núi, bờ hào, làng xóm, thành quách, bờ cõi, vườn, rừng, hồ, cây, đá, hàng rào, tường, hoặc miếu thờ thần, tùy theo đó mà xướng lên, cũng giống như phương đông, các phương khác tiêu tướng cũng xướng như vậy. Nhưng ranh giới để kết đại giới không được hai giới liên tiếp nhau, phải lưu lại một khoảng giữa, không được cách giòng nước chảy, trừ ra thường có cầu, thuyền để qua lại. Vị Tỳ-kheo-ni cố cựu này có bốn phạm kiểm tra lại các tiêu tướng một cách rõ ràng để không ai có thể mơ hồ về cương giới, rồi đứng dạy lễ Tăng chấp tay bạch:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni...sống lâu ở trú xứ này (nếu không phải là cựu trú. Người biết giới tướng cũng được thì nên bỏ hai chữ "Cựu trú" đi) xin vì Tăng xướng tiêu tướng bốn phương của đại giới. Từ góc đông nam lấy (nói lên vật dùng làm tiêu tướng)... làm tiêu tướng. Đến góc tây nam lấy... làm tiêu tướng. Từ đây đến góc tây bắc lấy... làm tiêu tướng. Từ đây đến góc đông bắc lấy... làm tiêu tướng. Từ đây trở lại góc đông nam lấy... làm tiêu tướng. Đây là ngoại tướng của đại giới tôi đã xướng xong một vòng".

Phải xứng rõ ràng 3 phen. Nếu có chỗ trồi ra hay sụt vào đều phải nêu rõ, không được nói mập mờ. Nếu không biết rõ địa phận cương giới thì kết giới đã không thành mà Yết-ma cũng luống lập, các pháp như thọ giới... đều không thành. Xứng như vậy xong rồi, trong chúng nên sai một vị có thể làm Yết-ma vấn đáp rồi nên tác bạch rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni sống lâu trú xứ này đã xứng xong tiêu tướng bốn phương của đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận. Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này mà kết đại giới cùng sống chung, cùng thuyết giới. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni sống lâu trú xứ này đã xứng xong các tiêu tướng bốn phương của đại giới. Nay Tăng ở trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này mà kết làm đại giới cùng sống chung, cùng thuyết giới, các Đại tử nào chấp thuận Tăng nay trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này mà kết đại giới cùng sống chung, cùng thuyết giới thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này kết làm đại giới cùng sống chung, cùng thuyết giới nên im lặng, vì im lặng tôi ghi nhận như vậy".

Bộ Luật Nhiếp quy định: Nếu sông, khe có cầu thì được thông kết giới, sườn cầu hư muốn tu bỏ thì được phép trải qua trong 7 đêm thôi, đến đêm thứ 8 giới pháp liền mất, nếu không có tâm muốn trùng tu lại thì tùy theo cầu hư khi nào giới liền mất khi ấy. Khách Tỳ-kheo-ni đến trụ xứ của người khác nên ở đợi 7, 8 ngày rồi mà không có người đến thì nên kết giới mà ở vì đây là chỗ cũ bỏ không, không có Tỳ-kheo-ni ở vậy. Một khi các Tỳ-kheo-ni muốn kết giới mở rộng hay thu hẹp lại thì đức Phật dạy: Muốn thay đổi kết giới trước phải giải giới (người trước đã kết) rồi sau, rộng hay hẹp tùy ý mà kết lại. Phải bạch nhị Yết-ma để giải:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay giải giới trú xứ mà Tỳ-kheo-ni đã cùng sống chung, cùng thuyết giới. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, nay Tăng giải giới trú xứ mà Tỳ-kheo-ni đã cùng sống chung, cùng thuyết giới này các đại tỳ nào chấp thuận Tăng giải giới trú xứ cùng sống chung, cùng thuyết giới này thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận giải giới trú xứ cùng sống chung, cùng thuyết giới nên im lặng. Vì im lặng tôi ghi nhận như vậy".

Nếu giải đại giới có giới trường, vẫn cũng giống như vậy không có gì khác cả.

Lúc bấy giờ có hai trú xứ biệt thuyết giới, biệt lợi dưỡng muốn được cùng thuyết giới, cùng lợi dưỡng. Đức Phật cho mỗi bên tự giải giới rồi cùng nhóm họp lại một chỗ xướng tiêu tướng bốn phương mà kết. Vẫn kết cũng như trên, chỉ khác là nói thêm Chúng tăng ở trong hai trú xứ kia và đây kết đại giới đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng là khác mà thôi. Lại có một trường hợp hai trú xứ biệt thuyết giới, biệt lợi dưỡng, bây giờ họ muốn kết lại đồng thuyết giới nhưng biệt lợi dưỡng, đức Phật cho mỗi bên tự giải xong rồi thông kết lại, vẫn cũng giống như trên nên biết. Vì muốn giữ gìn trú xứ nên có hai trú xứ muốn riêng thuyết giới đồng lợi dưỡng, đức Phật cho giải xong rồi sau kết lại. Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo-ni có những việc xảy ra mà chỉ cần chúng độ 4 người để Yết-ma, hoặc cần 5 vị Tỳ-kheo-ni, hay 10 vị Tỳ-kheo-ni, hoặc có những việc mà cần đến 20 vị Tỳ-kheo-ni để Yết-ma, trong khi đó thì đại chúng nhóm họp rất là khó khăn, trong trường hợp đó đức Phật cho kết giới trường. Phải kết như thế này: Xướng giới tướng của bốn phương hoặc cắm cọc, hoặc dùng đá, hoặc bờ rào làm giới hạn. Nguyên giới trường này vốn vì có việc cần

yếu Chúng tăng đông đảo khó nhóm họp, hoặc thường có việc xảy ra Chúng tăng nhóm họp rất phiền phức, vì thế đức Phật cho kết riêng giới trường. Nếu chúng có thể nhóm họp được hết thì nên ở trong đại giới mà làm các pháp Yết-ma. Giới trường lớn hay nhỏ Luật không quy định. Theo Luật Thiện Kiến ấn định phạm vi giới trường nhỏ nhất phải dung mỗi bên đủ 21 người, đây là tính theo số người đề xuất tội Tăng-tàn, ngoài ra các pháp Yết- ma khác đều được thành tựu.

Muốn kết giới trường phải kết trong đại giới, chỗ không có phòng xứ và nạn xứ. Trong Kinh Tỳ-ni Mẩu dạy rằng: Đại giới phải bao quanh giới trường. Luật Căn Bản và luật Ngũ Phần cũng đều dạy phải kết giới trường trước, kết đại giới sau. Khi giải thì phải giải đại giới trước, giải giới trường sau. Muốn kết trước hết phải an lập 3 lớp tiêu tướng 1 lớp trong cùng gọi là ngoại tướng của giới trường, lớp giữa là nội tướng của đại giới. Tiêu tướng của đại giới cùng tiêu tướng của giới trường không được dính liền nhau, nên chừa một khoảng giữa, lớp bên ngoài là ngoại tướng của đại giới. Lập 3 tiêu tướng rồi tất cả Tỳ-kheo-ni ở trong tự nhiên giới đều nhóm họp trong tiêu tướng của giới trường.

Lời phụ thêm: Tự nhiên giới là cương giới có giới hạn dự định trước. Đầu tiên chỉ định một vị Tỳ-

kheo-ni xướng ngoại tướng giới trường, nên xướng rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni... ở trụ xứ này xin vì Tăng xướng các tiêu tướng bốn phương của tiểu giới. Từ góc đông nam của trụ xứ này lấy (nói tên vật dùng làm tiêu tướng) làm tiêu tướng. Từ đây về hướng tây (nói đến đây Tỳ-kheo-ni xướng tướng đi đến góc tây nam đứng yên hướng về phía Tăng chấp tay bạch tiếp) đến góc tây nam lấy... làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng bắc (nói đến đây Tỳ-kheo-ni xướng tướng đi lần lên phía bắc đến góc tây bắc thì dừng lại đứng yên hướng về phía Tăng chấp tay bạch tiếp) đến góc tây bắc lấy... làm tiêu tướng. Từ đây đi về phía đông (nói đến đây lại đi lần về phía đông đến góc đông bắc thì dừng lại đứng yên hướng về phía tăng chấp tay bạch tiếp) đến góc đông bắc lấy... làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng nam (đi lần về phía nam đến góc đông nam thì dừng lại hướng về phía Tăng chấp tay bạch tiếp) trở lại góc đông nam lấy... làm tiêu tướng. Đây là ngoại tướng của giới trường tôi đã xướng xong một vòng.

Xướng như vậy 3 lần, nếu có trời ra hay sục vào đều phải nêu lên rõ ràng không được nói mập mờ. Vì Yết-ma vấn đáp như trên rồi tác bạch:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni sống lâu trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng bốn phương của tiểu giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng nay trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này mà kết làm giới trường. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni sống lâu trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng bốn phương của tiểu giới. Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này kết làm giới trường. Các đại tỳ nào chấp thuận Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này kết làm giới trường thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này kết làm giới trường nên im lặng. Vì im lặng tôi ghi nhận như vậy".

Kết rồi treo bảng để chỉ rõ cho người đến sau biết chừng hạn của các giới. Tiếp đến xướng các tiêu tướng trong và ngoài của đại giới.

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni... xin vì Tăng xướng các tiêu tướng trong và ngoài bốn phương của đại giới. Trước xin xướng giới tướng bên trong:

Từ góc đông nam cách đường ranh bên ngoài

của giới trường chừng 2 thước lấy...làm tiêu tướng (đây là căn cứ đương thời, có thì nói bất tất phải tụng văn). Đây là tướng bên trong của đại giới.

Từ góc đông nam lấy...làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng tây đến góc tây nam lấy...làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng bắc đến góc tây bắc lấy...làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng đông đến góc đông bắc lấy...làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng nam trở lại góc đông nam lấy...làm tiêu tướng.

Tiếp theo xin xướng giới tướng bên ngoài:

Từ ngoài bìa của trụ xứ này góc đông nam lấy...làm tiêu tướng. Từ đây trở về hướng tây đến góc tây nam lấy...làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng bắc đến góc tây bắc lấy...làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng đông đến góc đông bắc lấy...làm tiêu tướng. Từ đây đi về hướng nam trở lại góc đông nam lấy... làm tiêu tướng. Trên kia là giới tướng bên trong, đây là giới tướng bên ngoài. Như vậy là xong một vòng các đường ranh bên trong và bên ngoài của đại giới".

Xướng như vậy 3 lần rồi, phạm muốn xướng tướng nên đem 4, 5 vị Tỳ-kheo-ni ra ngoài giới trường, phải ở trong tiêu tướng mà tập tăng, sau khi xướng hai lớp tiêu tướng rồi Chúng tăng ở trong địa phận đại giới tác Yết-ma mà kết. Văn giống như văn kết đại

giới trước, không có gì khác cho nên không phải nói lại. Đây là phương pháp kết đại giới có giới trường. Nếu không cần giới trường nên như trước mà kết ngay. Nếu muốn giải thì trước phải giải đại giới, tiếp đến mới giải giới trường, Luật thiếu văn giải nên đối văn kết nói rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe: Đây là giới trường của Tỳ-kheo-ni sống chung ở đây. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay chấp thuận giải giới trường. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe, đây là giới trường của Tỳ-kheo-ni sống chung ở đây, Tăng nay giải giới trường này. Các Đại tử nào chấp thuận Tăng nay giải giới trường này thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng nay đã chấp thuận giải giới trường nên im lặng, tôi ghi nhận như vậy".

Tiểu giới: có 3 thứ vì nạn sự cho nên đức Phật mới chế ra, không có nạn sự và không có duyên có gì thì không được sử dụng.

1. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn ngăn người thọ giới, đức Phật dạy: Người không đồng ý không ra ngoại giới thì được phép ở ngoại giới mau mau nhóm họp một chỗ kết tiểu giới mà thọ giới.

2. Đúng ngày Bố-tát, đi giữa đồng trống không

có chùa chiền (làng xóm), Chúng tăng không hòa hiệp, nên theo những người bạn đồng sư đứng lại bên đường, nhóm họp một chỗ kết tiểu giới để thuyết giới.

3. Đúng ngày Tự tứ ở giữa đường, chốn A-lan-nhã không có chùa chiền, nếu không hòa hiệp nên theo những người bạn đồng sư dời đi chỗ khác kết tiểu giới để tự tứ. 3 tiểu giới này đều không có ngoại tướng, chính ngay chỗ ngồi dùng làm giới thể, cho nên trong văn thọ giới nói: "Nay trong phạm vi các Tỳ-kheo-ni đang tập họp này kết làm tiểu giới". Trong văn thuyết giới nói: "Nay có bấy nhiêu Tỳ-kheo-ni đang nhóm họp kết làm tiểu giới". *Trong văn Tự tứ nói:* "Trong phạm vi vừa đủ các Tỳ-kheo-ni ngồi này kết làm tiểu giới".

Thế đủ biết đều không có ngoại tướng. Để chặn sự ngăn cản của người khác, như Luật dạy: "Người ở ngoại giới ngăn cản cũng không ngăn cản được". Nếu đại giới lập tiêu tướng không xướng tướng là phi pháp. Tiểu giới thì không có tướng nếu lập tướng là phi pháp. Cho nên đại giới thì phải có người xướng tướng, khi Yết-ma trong văn cũng phải lập lại. Tiểu giới không xướng tướng, trong văn Yết-ma tự bày tiêu tướng. Tiểu giới không thể để lâu được, vì thế pháp sự xong rồi liền nên giải giới mà đi. Văn kết và giải tiểu

giới đủ như trong Đại luật và bộ Yết-ma chỉ nam. Muốn kết giới bất thất y, vẫn như trong giới ly y túc sẽ nói sau. Tiếp đến

Kết tịnh địa giới: Nên chọn lấy hoặc phòng nào, hoặc nhà sườn, hoặc nhà kinh hành mà kết làm tịnh địa. Luật dạy phải xướng tướng. Khi kết Chúng tăng không được ở trong các chỗ ấy và không được đứng trong địa phận của đại giới mà phải ra ngoài địa phận đại giới rồi làm Yết-ma vọng đến mà kết. Nếu không thể ra khỏi đại giới thì trước phải làm Yết-ma giải đại giới rồi kết tịnh địa giới, sau đó kết đại giới. Nếu nghi ngờ trước đã có tịnh địa thì nên giải rồi kết lại. Nên chỉ định một vị Tỳ-kheo-ni đầy đủ oai nghi ở giữa Chúng tăng xướng tướng bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni tên...vì Tăng xướng địa điểm của tịnh địa. Trong phạm vi của Tăng-già lam này lấy (phòng hoặc nhà và các chỗ để rau trái) làm tịnh địa" (xướng 3 lần).

Nếu xướng các chỗ khác, tùy việc nên chuẩn theo đây mà biết, xướng rồi trong chúng liền tác pháp Yết-ma:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Tăng nay lấy (địa điểm: phòng hoặc nhà và các chỗ để rau trái) kết làm

tịnh địa. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe, Tăng nay lấy (địa điểm: phòng hoặc nhà, các chỗ để rau trái) kết làm tịnh địa, các đại tử nào chấp thuận Tăng lấy (địa điểm: phòng hoặc nhà, các chỗ để rau trái) kết làm tịnh địa thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận lấy (địa điểm: phòng hoặc nhà, các chỗ để rau trái) kết làm tịnh địa nên im lặng. Vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy".

Đức Phật dạy có 4 trường hợp được coi là tịnh địa:

1. Đàn việt hoặc người kinh dinh trong khi thiết lập Tăng-già-lam đã quy định một nơi nào có thể làm tịnh địa cho Chúng tăng thì những chỗ đó không cần phải kết giới.

2. Tức là Tăng-già-lam mà tín thí thiết lập để cúng dường cho Tăng nhưng chưa cúng dường thì nó cũng vẫn được coi là thuộc của tín thí chứ không phải cương giới của tăng, do đó dù có đun nấu trong đó cũng không phạm.

3. Hàng rào Tăng-già-lam không trọn nghĩa là tường hay hàng rào, bờ rào của Già-lam hoặc quá thấp, hoặc chỗ thấp chỗ cao, hoặc hoàn toàn không có khiến sự ra vào dễ dàng thì cũng không cần phải kết tịnh địa.

4. Tịnh địa do làm Yết-ma để kết, không nên dùng phòng nhà tốt đẹp mà kết làm tịnh địa, nên kết căn nhà xấu, hoặc phòng của 5 chúng xuất gia, phải trừ phòng của người đi vắng, cho đến miếu hay nhà thờ thần, thờ quý đều được kết làm tịnh địa. Nếu có duyên gì cần phải giải rồi kết lại. Trong Luật thiếu văn giải, nên đối văn kết nói rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận, Tăng nay giải tịnh địa (nói địa điểm). Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe, Tăng nay giải tịnh địa (nói địa điểm). Các đại tử nào chấp thuận, Tăng nay giải tịnh địa ở (địa điểm) thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận giải tịnh địa (địa điểm) nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Bộ Ngũ Phần và bộ Căn Bản đều cho thông kết trong Tăng phòng làm tịnh địa, như trong Ký Qui truyện y theo Căn Bản luật có dạy rằng: Có 5 trường hợp được coi là tịnh địa.

1. Khởi tâm làm: Nghĩa là khi mới làm chùa qui định cái móng xong rồi, vị Tỳ-kheo-ni làm người trong coi nên móng tâm rằng: Trong một chùa cần phải để một phòng làm tịnh địa cho Chúng tăng thì những chỗ đó không cần phải kết giới.

2. Cùng nhau ấn định: Nghĩa là khi định nền chùa nếu chỉ có 3 người thì một vị Tỳ-kheo-ni nên nói với các Tỳ-kheo-ni kia rằng: Các Đại tử đều nên dụng tâm ấn định ở trong chùa nên để riêng một phòng làm tịnh địa cho Chúng tăng (nói như vậy 3 lần) thì những chỗ đó không cần phải kết giới.

3. Như trâu nằm (nguru ngoạ) nghĩa là chùa mà nhà cửa ngổn ngang như trâu nằm, cửa ngõ phòng xá đều không có chỗ nhất định, khiến sự ra vào dễ dàng thì cũng không cần phải kết tịnh địa.

4. Chỗ cũ bỏ phế: Nghĩa là chỗ Chúng tăng bỏ phế đã lâu ngày, nếu nay ai đến ở thì nên chọn chỗ xấu để kết làm tịnh địa. Trường hợp này không được để cách đêm, phải tác pháp mà kết liền.

5. Bình pháp tác: Nghĩa là tịnh địa do bạch nhị Yết- ma để kết.

Năm trường hợp trên, sau khi đã được quy định tịnh địa rồi các Tỳ-kheo-ni được hai thứ an lạc:

1. Được cất để ở ngoại giới, nấu trong nội giới.
2. Được cất để ở trong nội giới, nấu ở ngoại giới đều không có lỗi.

Xem xét cả bốn bộ Luật thấy rõ ý chỉ của Luật đại khái đồng như đây về cách lập tịnh địa. Trước khi chưa tác pháp kết tịnh địa, nếu ở trong cương giới

cùng với đồ ăn uống mà ngủ thì sẽ có hai lỗi: Chử và Túc. Sau khi tác pháp rồi, tuy có cùng ở trong cương giới mà ngủ cũng không có hai lỗi Chử và Túc. Nếu nói một chùa túc là xướng cả trụ xứ đều dùng làm tịnh địa hết. Như vậy thì trong phòng nào cũng đều có thể cất đồ ăn sống và chín. Như thế Chúng tăng không được ngủ với đồ ăn thì Chúng tăng phải ra ngoài giới mà ở sao?

1. Chúng tăng không ngại trong khi ngủ.
2. Cất đồ ăn mà không có lỗi.

Cho nên bên Tây Quốc (Ấn Độ) tương thừa đều kết một chùa mà làm tịnh địa là vậy.

Ghi thêm: Một cu-lô-xá = 8 dặm, sách cũ thì nói là 5 dặm.

ĐIỀU 7: Độc độ thôn túc hành.

Nếu Tỳ-kheo-ni lội nước một mình, vào làng xóm một mình, ngủ một mình trong nhà thế gian, đi sau một mình, Tỳ-kheo-ni này phạm sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú đồng như giới trước, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni một mình vén cao y lội qua nước từ bên này sang bờ bên kia, mà Tỳ-kheo-ni kia nhan sắc rất đẹp. Khi ấy có kẻ giặc thấy rồi liền để ý, đợi đến khi lội xuống nước xong liền núp bắt mà quấy nhiễu. Các người cư sĩ thấy đều cùng nhau cơ hiềm rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết xấu hổ, làm việc bất tịnh, bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp mà lại đi một mình vén cao y mà lội qua nước, không khác gì kẻ dâm nữ, như vậy thì có gì là chánh pháp. Lại có Tỳ-kheo-ni Sai- ma có rất nhiều đệ tử. Cách Tăng-già-lam của bà không xa có nhà một người bà con, có một chút công việc nhỏ liền bỏ chúng đi một mình vào nhà thế tục kia, các người cư sĩ thấy mới dị nghị rằng: Tỳ-kheo-ni Sai-ma này sở dĩ đi một mình vì muốn được gặp đàn ông. Tỳ-kheo-ni này trong đêm ấy ở lại nơi nhà thế tục kia ngủ một mình không trở về chùa. Các người cư sĩ lại bàn tán: Sở dĩ ngủ một mình chính là vì cần đàn ông đó. Lại có lục quần Tỳ-kheo-ni và bà Thâu-la Nan- đà cùng với rất đông Tỳ-kheo-ni đi giữa đồng trống trong nước Câu-tát-la, lúc ấy lục quần Tỳ-kheo-ni và bà Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà thường đi

sau một mình, đứng lại bên đường. Các bà Tỳ-kheo-ni thấy vậy hỏi rằng: "Này các em, vì sao các em cố ý đi sau một mình mà không cùng đi với chúng tôi?" Đáp: " Các chị tự lo mà đi, bên này có dính gì đến việc của mấy chị!" Các vị kia liền hỏi: " Các em không nghe đức Phật kết giới: Phải cùng bạn theo nhau mà đi ư?" Lục quần Tỳ-kheo-ni và bà Thâu-la Nan-đà đáp rằng: "Các chị không biết ý chúng tôi sao?" Đáp: "Không biết". Bên này liền nói lại: "Chúng tôi sợ dĩ đi sau là vì muốn gặp đàn ông ấy mà!" Các vị Tỳ-kheo-ni thiếu dục tri tức nghe biết việc kia rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào?

Thủy: Nghĩa là nước sông, không được lội qua một mình. Tỳ-kheo-ni này phải tìm một Tỳ-kheo-ni khác nữa để cùng lội qua. Tỳ-kheo-ni khi xuống nước phải nên lần lần vén y và đọi bạn. Tỳ-kheo-ni nào bỏ đi trước gấp gấp lội vào nước khiến bạn đi sau theo không kịp, phạm Tăng-già-bà- thi-sa. Đến khi vào nước, tùy theo nước sâu cạn mà vén y đọi bạn ở sau,

nếu vội vàng vào nước không đợi bạn đến sau, phạm Thâu-lan-giá. Đến bờ bên kia lần lần hạ y xuống đợi bạn đến sau, nếu móng ý gấp gáp, không lần lần hạ y xuống, lên bờ cũng không đợi bạn đến sau, phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo-ni này phải tìm một Tỳ-kheo-ni khác làm bạn cùng đi vào làng xóm. Nếu Tỳ-kheo-ni đi một mình đến nhà thế tục, cứ đến một nhà là phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu đi một mình trong chỗ không có làng xóm, và đồng trống không có đường xá kẻ xa chừng nghe một tiếng trống, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Đi một mình nhưng chưa đến nhà thế tục, phạm Thâu-lan-giá. Đường xa chừng gần hơn một tiếng trống, phạm Thâu-lan-giá. Đi một mình trong làng xóm đồng trong một cương giới, phạm Đột-cát-la. Tìm phương tiện muốn đi mà chưa đi, hoặc người bạn muốn đi mà không đi, tất cả đều phạm Đột-cát-la.

Tỳ-kheo-ni này cùng ngủ chung (trong nhà thế tục) phải nằm trong tư thế duỗi tay đụng vào nhau, Tỳ-kheo-ni này ngủ riêng một mình tùy theo khi đặt hông nằm xuống, khiến hai tay đụng nhau, nếu duỗi tay mà không đụng nhau, một phen trần trở một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni này cùng đi đường với nhau, không được xa rời nhau chỗ thấy nghe. Nếu Tỳ-kheo-ni đi

đường mà xa rời chỗ thấy nghe, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Rời chỗ thấy, không xa rời chỗ nghe, xa rời chỗ nghe không rời chỗ thấy, phạm Thâu-lan-giá. Bốn chúng khác phạm Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Hai Tỳ-kheo-ni cùng lội nước, khi vào nước tùy theo nước sâu cạn lần lần vén y đợi bạn đi sau, khi lội qua nước không vội vàng, đợi bạn đi sau. Khi lên bờ lần lần hạ y xuống đợi bạn đến sau, hoặc vận thần thông mà bay qua, đi thuyền mà qua, hoặc đi qua trên cầu, nương theo bờ đập đi qua hoặc đi qua trên đá, hoặc Tỳ-kheo-ni bạn lâm chung, hoặc bỏ đạo, hoặc đi xa, hoặc bị giặc bắt đi, hoặc tai nạn về tánh mạng, hoặc tai nạn cho phạm hạnh, nạn thú dữ, hoặc bị kẻ dùng sức mạnh lôi đi, hoặc bị nước cuốn đều không phạm.

Nếu hai Tỳ-kheo-ni vào nhà thế tục, trong khi ở nơi nhà kia một bạn Tỳ-kheo-ni qua đời, hoặc bỏ đạo, cho đến bị nước cuốn như trên đã nói, không phạm.

Nếu hai Tỳ-kheo-ni ngủ trong tư thế duỗi tay đung nhau, hoặc một vị Tỳ-kheo-ni ra ngoài đi đại tiểu tiện, hoặc thọ kinh tụng kinh, hoặc thích ở chỗ vắng đi kinh hành, hoặc vì Tỳ-kheo-ni bị bệnh mà nấu canh, cháo, làm cơm hoặc qua đời, hoặc bỏ đạo, cho đến bị nước cuốn như trên đã nói, không phạm.

Nếu hai vị Tỳ-kheo-ni cùng đi không rời xa nhau chỗ thấy nghe, không phạm. Hoặc một vị Tỳ-kheo-ni đi lia ra để đại tiện, hoặc qua đời, cho đến bị nước cuốn đi cũng như trên không phạm.

ĐIỀU 8: *Nhiễm tâm thọ thực.*

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô, biết kẻ nam tử có tâm nhiễm ô theo kia mà nhận lãnh những thứ có thể ăn được, thức ăn và những đồ vật khác, Tỳ-kheo-ni này phạm sơ pháp ung xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Thời ấy đức Phật ở tại nước Xá-vệ gặp vào lúc lúa gạo rất quý, đi khát thực khó được. Các Tỳ-kheo-ni vào thành khát thực đều mang bát không trở về. Vào thời điểm ấy, bà Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà đến thời mặc y bung bát vào thành khát thực, đến trước một quán cơm im lặng mà đứng. Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà này dung mạo rất đẹp, chủ quán kia thấy rồi liền để ý, đến trước mặt hỏi rằng: "Thưa A-di cần gì? "

Đáp: "Tôi cần món ăn". Người kia liền nói: "Hãy trao bát cho tôi". Bà liền đưa bát, người kia liền đổ đầy một bát cơm canh xong trao cho Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà.

Tỳ-kheo-ni Đề-xá sau đó cứ thường thường đến giờ mặc y bung bát đi thẳng đến quán cơm kia im lặng mà đứng, chủ quán lại hỏi: "Thưa A-di cần gì?" Đáp: "Tôi cần thức ăn". Người kia liền đựng đầy một bát cơm canh và trao cho. Các Tỳ-kheo-ni thấy vậy mới hỏi rằng: "Nay lúa gạo rất quý, khát thực khó được, chúng tôi vào thành khát thực mọi người đều mang bát không trở về, người nào khát cũng đầy bát trở về, xin đâu mà được như vậy?" Đáp: "Tôi xin chỗ nào có thể xin được". Qua một ngày khác, Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà đến thời mặc y bung bát đi thẳng đến quán cơm kia. Người chủ quán thấy Tỳ-kheo-ni xa xa đi đến liền tự nghĩ rằng: "Từ trước đến nay ta cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo-ni này kể thành tiền đã đúng 500 đồng tiền vàng, giá tiền này đủ để mua một người con gái", liền đến trước nắm lấy Tỳ-kheo-ni, muốn hành dâm, Tỳ-kheo-ni la cứu: "Không được như vậy"; người ở gần quán cơm liền hỏi rằng: "Vì có gì khi này cô la lớn như vậy?" Đáp: "Người này muốn tóm bắt tôi". Người kia bèn hỏi: "Cớ gì lại bắt Tỳ-

kheo-ni này?" Chủ quán cơm đáp: "Từ trước đến nay tôi cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo-ni kẻ giá thành tiền đã 500 đồng tiền vàng, đủ để mua một người con gái, nếu Tỳ-kheo-ni này lòng không say đắm tôi vì sao lại nhận món ăn của tôi?" Người kia bèn hỏi Tỳ-kheo-ni: " Có thật vậy không?" Đáp: "Thật vậy". Người kia lại hỏi Tỳ-kheo-ni: " Thế cô có biết tình ý của người kia khi họ cho cô thức ăn không?" Đáp: "Biết". Người kia lại hỏi: " Nếu cô biết thì vì sao lại còn la lớn như vậy..."Bấy giờ các vị Tỳ-kheo-ni thiếu dục tri tức tu hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, nghe việc kia rồi hiềm trách Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà rằng: " Vì sao đã là Tỳ-kheo-ni mà đem tâm nhiễm ô nhận thức ăn của kẻ có tâm nhiễm ô như vậy? Các Tỳ-kheo-ni hiềm trách rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Thế tôn. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo quở trách Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà rằng: " Việc làm của người là quấy, không phải oai nghi, không phải pháp Sa-môn, không phải tịnh hạnh, không phải hạnh tùy thuận, việc không đáng làm. Vì sao dám đem tâm nhiễm ô nhận món ăn của kẻ có tâm nhiễm ô như vậy". Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, Ngài bảo với quý thầy Tỳ-kheo rằng: "Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà này có nhiều pháp hữu lậu, phạm giới đầu tiên, từ nay

về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nhiễm ô tâm: Nghĩa là tâm dâm dục ô nhiễm đắm trước.

Nhiễm ô tâm nam tử: Nghĩa là tâm dâm dục say đắm.

Khả thực: Nghĩa là các thứ như củ, chồi, lá, hoa, quả, dầu mè, đường phèn, bột...

Thực: Nghĩa là cơm, cốm, cơm khô, cá và thịt.

Dư vật: Nghĩa là vàng bạc, trân bảo, ma ni, chơn châu, tỳ lưu ly, kha bối, bích ngọc, san hô hoặc tiền, bạc, vàng...

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô biết kẻ nam tử có tâm nhiễm ô theo họ mà nhận những món có thể ăn được, thức ăn và các đồ vật khác, đây cho kia nhận, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Đây cho kia không nhận phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện muốn cho mà chưa cho, hoặc cùng nhau hẹn hò, hối hận trở về, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá. Chư thiên nam, A-tu-la nam, Càn-thát-bà-nam, Dạ-xoa nam, Ngạ quỷ nam, Súc-sanh nam hay biến hình, theo họ mà nhận những món có thể ăn được, thức ăn và các đồ vật khác, kia cho đây nhận, phạm Thâu-lan-giá. Loài không thể biến hình phạm Đột-cát-la. Theo kẻ nữ nơn có tâm nhiễm ô thọ

lãnh những món có thể ăn, thức ăn và các đồ vật khác đều phạm Đột-cát-la. Kẻ kia có tâm nhiễm ô mà mình cũng biết là có tâm nhiễm ô, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Có tâm nhiễm ô mà mình nghi là không biết có tâm nhiễm ô hay không, phạm Thâu-lan-giá. Không có tâm nhiễm ô mà mình tưởng là có tâm nhiễm ô, phạm Thâu-lan-giá, mình nghi là không có tâm nhiễm ô, phạm Đột-cát-la. Bốn chúng kia phạm Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Trước không biết. Nếu mình không có tâm nhiễm ô và người kia cũng không có tâm nhiễm ô.

ĐIỀU 9: *Khuyến thọ nhiễm thực*

Nếu Tỳ-kheo-ni dạy Tỳ-kheo-ni khác mà bảo rằng: "Này Đại tỳ, người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô đâu có làm gì được chị. Tự mình không có tâm nhiễm ô đối với người kia là được, nếu có món ăn phải thời thanh tịnh thì nhận lấy". Tỳ-kheo-ni này phạm sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật cư trú ở chỗ đồng như giới trước. Khi ấy gặp lúc lúa gạo rất quý, khát thực khó được, các Tỳ-kheo-ni vào thành khát thực mang bát không trở về. Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà cũng vào thành khát thực mang bát không mà về. Các Tỳ-kheo-ni thấy mới hỏi Tỳ-kheo-ni Đề-xá rằng: "Chị thường thường khát thực đầy bát, nay vì sao mà mang bát không trở về. Khát thực khó được phải không?" Đáp: "Đúng vậy!" Hỏi: "Vì sao như vậy?" Đáp: "Các em ạ, trước đây tôi thường đến nhà người buôn bán kia để xin nên dễ được, nay không đến xin nữa vì thế mà khó được". Lục quần Tỳ-kheo-ni, Thâu-la Nan-đà và mẹ của Tỳ-kheo-ni Đề-xá liền nói với Tỳ-kheo-ni Đề-xá rằng: Dầu cho người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô cũng không làm gì được người, miễn người tự mình không có tâm nhiễm ô, nếu được món ăn phải thời thanh tịnh thì cứ nhận lấy. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe hiềm trách lục quần Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà và mẹ của Tỳ-kheo-ni Đề-xá rằng: Các chị vì sao lại nói với Tỳ-kheo-ni Đề-xá là, dầu cho người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô cũng không làm gì được người, miễn người tự mình không có tâm nhiễm

ô, nếu được món ăn phải thời thanh tịnh thì cứ nhận lấy". Các Tỳ-kheo-ni hiềm trách rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Thế tôn. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tặng quở trách lục quần Tỳ-kheo-ni, Thâu-la Nan-đà cùng mẹ của Tỳ-kheo-ni Đề-xá rằng: " Việc làm của các người là quấy, không phải oai nghi, không phải pháp của Sa-môn, không phải tịnh hạnh, không phải hạnh tùy thuận, việc không đáng làm. Vì sao các người lại nói với Tỳ-kheo-ni Đề-xá: "Dầu cho người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô cũng không làm gì được người, miễn người tự mình không có tâm nhiễm ô, nếu được món ăn phải thời thanh tịnh thì nhận lấy?" Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo với các thầy Tỳ-kheo rằng: " Tỳ-kheo-ni này có nhiều pháp hữu lậu, phạm giới đầu tiên, từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni".

Câu: "*Bỉ hữu nhiễm ô tâm, vô nhiễm ô tâm, năng nại như ha*": Tổng nêu. Câu: "*Nhữ tự vô nhiễm ô tâm u bỉ, nhược đắc thực, dĩ thời thanh tịnh thọ thủ*": Biệt tướng.

* Trong giới tướng phạm được quy định như thế nào? Tỳ-kheo-ni này nếu dùng tổng tiêu hay biệt tướng dạy bảo nói rõ ràng thì phạm Tăng-tàn. Nói

không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá. Bốn chúng sau phạm Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm*: hoặc là nói chơi, nói vội vàng, nói một mình, nói trong mộng, hoặc nói chuyện này mà lầm nói chuyện kia...

ĐIỀU 10: *Phương tiện phá Tăng.*

Nếu Tỳ-kheo-ni muốn phá hoại hoà hiệp Tăng, tìm phương tiện học cách phá hoà hiệp Tăng, chấp chặt không bỏ. Các Tỳ-kheo-ni khác nên can gián Tỳ-kheo-ni này rằng: Đại tỷ, chớ phá hoà hiệp Tăng, chớ tìm phương tiện phá hoại hoà hiệp Tăng, chớ học pháp phá hoà hiệp Tăng chấp chặt không bỏ. Đại tỷ nên cùng Chúng tăng hoà hiệp, vì cùng Chúng tăng hoà hiệp vui vẻ không tranh chấp, đồng học một Thầy như nước hoà với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích sống an vui. Tỳ-kheo-ni kia trong khi can gián Tỳ-kheo-ni này vẫn kiên trì không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này đi, cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tỳ-kheo-ni này phạm tam pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật, lúc bấy giờ đức Phật vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Dục hoại hoà hiệp Tăng. *Dục hoại:* Nghĩa là muốn phá vỡ chia ra làm hai phần. *Hoà hiệp:* Nghĩa là không biệt chúng, đồng một Yết-ma, đồng một thuyết giới. Tăng là 4 vị Tỳ-kheo trở lên cho đến vô số.

Có 18 sự kiện dẫn đến sự phá Tăng:

1. Pháp nói là phi pháp (như Thánh đạo 8 chi là con đường duy nhất dẫn đến Niết-bàn lại cho là không phải hoặc không duy nhất).

2. Phi pháp thuyết pháp (trái với trên).

3. Luật nói là phi luật (Thánh đạo 8 chi là nền tảng của Luật, lại nói là không phải, hoặc 4 Thánh chủng là Luật, lại cho không phải Luật).

4. Phi luật nói là luật (trái lại với trên).

5. Phạm nói là không phạm.

6. Không phạm nói là phạm.

7. Khinh nói là trọng.

8. Trọng nói là khinh.

9. Hữu tàn nói là vô tàn (tức ngoại trừ 8 pháp Ba-la-di các thiên tu khác nếu phạm có thể sám hối nhưng lại nói là không thể sám hối).

10. Vô tàn nói là tàn (trái lại với trên).

11. Tội thô ác nói là phi thô ác.

12. Phi thô ác nói là thô ác.

13. Thường sở hành nói là phi thường sở hành (pháp thường sở hành chỉ cho 8 Thánh đạo, phi thường sở hành chỉ cho 5 điều của Đề-bà-đạt-đa).

14. Phi thường sở hành nói là thường sở hành.

15. Chế nói là phi chế (tức là những điều luật Phật cấm chế nói là Phật không cấm chế).

16. Phi chế nói là chế.

17. Thuyết nói là phi thuyết (tức là những điều do chính Phật giảng dạy nói là không phải).

18. Phi thuyết nói là thuyết.

Phương tiện thọ phá Tăng pháp: Nghĩa là dùng phương tiện khuyến dụ bạn học 18 sự kiện dẫn đến sự phá Tăng.

Kiên trì bất xả: Nghĩa là cố chấp chắc lấy 18 tà tôn ấy mà không chịu xả bỏ.

Bỉ Tỳ-kheo-ni ưng gián thị Tỳ-kheo-ni. Bỉ Tỳ-kheo-ni: Nghĩa là chỉ cho người trì chánh pháp trước

phải nên dùng lời riêng can gián Tỳ-kheo-ni phá Tăng này.

Đại tỳ như mạc hoại hoà hiệp Tăng... Đại tỳ là chỉ cho người phá Tăng, đây nói không nên phá hoại sự hoà hiệp của Chúng tăng, nếu phá thì nhất định phải đọa vào địa ngục chịu khổ một kiếp.

Đại tỳ ưng dự Tăng hoà hiệp: Nghĩa là nếu xả bỏ pháp phá Tăng cùng với Chúng tăng hoà hiệp sống chung, không những không có cái khổ địa ngục mà lại có được sự tăng ích sống an vui.

Hoan hỷ bất tránh: Nghĩa là cùng hoà hiệp với Chúng tăng thì thiện pháp được tăng trưởng, ai nảy sanh lòng vui vẻ. Do sự vui vẻ đó mà kia đây kiến giải giống nhau, không có sự tranh chấp.

Đồng nhất sư học: Nghĩa là cùng học chung một giáo pháp của đức Như Lai đại sư thì không nên sanh kiến chấp gì khác, vì giáo pháp của đức Như Lai tuy có chia ra 12 phần mà bản thể vẫn là một.

Như thủy như hiệp: Nghĩa là nước hoà với sữa thành một chủng loại không có màu sắc hương vị gì khác, cũng ví như tứ tánh trong thiên hạ, dòng dõi khác nhưng khi đi xuất gia vào trong giáo pháp của đức Như Lai, đồng một sự tu học, hạnh và lý thuận nhau, một tướng giống nhau không có gì khác.

Ư Phật pháp trung hữu tăng ích an lạc trú: Đã đồng một sự tu học, hạnh lý không trái nhau, thời thiền nào uốn đẹp, giáo pháp của đức Như Lai mới được tăng thêm sự lợi ích, hưng thịnh, an lạc và trường tồn vậy. Lại y vào 4 Thánh chủng thì được hiện tiền an trú pháp lạc, về sau chứng được an vui Niết-bàn tịch diệt.

Bỉ Tỳ-kheo-ni gián thị Tỳ-kheo-ni thời kiên trì bất xả: Nghĩa là Tỳ-kheo-ni này khi được riêng can gián như trên, tự mình vẫn có chấp giữ chặt tà pháp không bỏ.

Bỉ Tỳ-kheo-ni ưng tam gián: Nghĩa là làm một lần tác bạch, ba lần Yết-ma để can gián.

Từ câu "Dục hoại hoà hiệp Tăng" cho đến câu "Kiên trì bất xả" đó là chỉ cái nhân duyên sanh khởi phạm tội. Câu "Bỉ Tỳ-kheo-ni ưng gián thị Tỳ-kheo-ni". nghĩa là dùng lời riêng can gián. "Mạc hoại hoà hiệp Tăng" cho đến câu "Kiên trì bất xả", đó là lời la quở. Từ câu "Dục tăng hoà hiệp" cho đến câu "Hữu tăng ích an lạc trú", đó là lời khuyến dụ. "Ưng tam gián" là ở giữa Chúng tăng một lần tác bạch ba lần Yết- ma can gián.

Bất xả: Là vẫn kết tội.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như

thế nào? Tỳ-kheo-ni kia can gián như trên rằng: "Này Đại tỳ, chớ tìm phương tiện phá hoà hiệp Tăng..." Nói cho đến câu "Thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích sống an vui, Đại tỳ nên bỏ việc này đi, đừng để Chúng tăng tác Yết-ma can gián quở trách mà phạm tội nặng". Nếu Tỳ-kheo-ni này nghe theo lời nói ấy thì tốt, nếu không nghe theo thì nên ở giữa Chúng tăng tác bạch để can gián. Tác bạch rồi lại phải tìm cách nói:

"Đại tỳ, tôi đã tác bạch rồi chỉ còn Yết-ma nữa thôi, chị hãy nên bỏ việc này đi, đừng để Chúng tăng vì chị mà tác Yết-ma lại phạm tội nặng".

Nếu nghe theo lời nói này thì tốt, nếu không nghe theo nên tác Yết-ma lần thứ nhất, cho đến Yết-ma lần thứ hai, sau mỗi một lần Yết-ma rồi đều nên nói như trên, nếu họ vẫn không bỏ tác Yết-ma lần thứ ba rồi liền phạm Tăng-tàn. Tác Yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ thì phạm ba tội Thân-lan-giá. Tác bạch và một lần Yết-ma xong mà bỏ thì phạm hai Thô tội. Tác bạch xong liền bỏ phạm một Thô tội. Tác bạch chưa xong mà bỏ phạm Đột-cát-la. Nếu trước khi chưa tác bạch mà tất cả những sự như: Tìm phương tiện muốn phá hoà hiệp tăng, học pháp phá hoà hiệp tăng, chấp chặt không bỏ, tất cả đều phạm Đột-cát-la. Nếu khi Ni tăng tác Yết-ma kha gián mà có Tỳ-kheo-ni bảo rằng "chớ

bỏ" phạm Thô tội. Lúc chưa tác Yết-ma kha gián mà bảo rằng "chớ bỏ" phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo bảo cũng phạm tội như trên. Các người khác bảo thì phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo đồng phạm, ba chúng sau phạm Á c tác.

**Trường hợp không phạm:* Khi Chúng tăng mới can gián liền bỏ. Những người kia tác Yết-ma phi pháp, phi luật, phi Phật sở giáo hoặc tất cả chưa tác Yết-ma kha gián, hoặc vì phá bạn ác, và Yết-ma phi pháp, phi luật...

Thế nào gọi là phá Tăng: Nghĩa là nói những lời không phải của Phật dạy mà nói dối của Phật dạy (vọng ngữ) nói những lời tương tự, tác Yết-ma, bỏ thãm. Lại không phải một vị Tỳ-kheo-ni mà có thể phá được, cũng không phải Tỳ-kheo tăng và ba chúng sau mà có thể phá được. Chúng bên này 1, 2, 3 Tỳ-kheo-ni, chúng bên kia 1, 2, 3 Tỳ-kheo-ni bỏ thãm phá Tăng tác Yết-ma cũng không phá được, chỉ làm cho Ni tăng thêm trần cấu mà thôi, chỉ khi nào kia đây hai chúng, mỗi bên đều đủ 4 vị Tỳ-kheo-ni trở lên bỏ thãm phá Tăng tác Yết-ma, ấy mới gọi là phá Tăng.

ĐIỀU 11: *Dư đảng trợ phá Tăng.*

Nếu Tỳ-kheo-ni có các Tỳ-kheo-ni khác kết làm bè đảng hoặc 1, hoặc 2, hoặc 3 cho đến vô số. Tỳ-kheo-ni này nói với Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Đại tỳ chớ can gián Tỳ-kheo-ni này, Tỳ-kheo-ni này là Tỳ-kheo-ni nói đúng pháp, Tỳ-kheo-ni nói đúng Luật, những điều Tỳ-kheo-ni ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều Tỳ-kheo-ni ấy nói chúng tôi chấp nhận". Tỳ-kheo-ni kia nên nói với Tỳ-kheo-ni này rằng: "ĐẠI TỶ chớ nên nói rằng: Tỳ-kheo-ni ấy là Tỳ-kheo-ni nói đúng Pháp, Tỳ-kheo-ni nói đúng Luật, những điều Tỳ-kheo-ni ấy nói chúng tôi ưa thích, những điều Tỳ-kheo-ni ấy nói chúng tôi chấp nhận. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo-ni này là Tỳ-kheo-ni nói phi Pháp, nói phi Luật, Đại tỳ chớ nên muốn phá hoại hoà hiệp tăng, nên ưa thích hoà hiệp tăng, Đại tỳ cùng tăng hoà hiệp hoan hỷ không tranh chấp, đồng học một Thầy, hoà hiệp như nước với sữa, ở trong Phật pháp có sự tăng ích sống an lạc". Tỳ-kheo-ni kia khi can gián Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này, cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tỳ-kheo-ni này phạm tam pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức cư trú đồng như giới trước. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Pháp ngữ giả: Là người giảng tạng kinh.

Luật ngữ giả: Là người giảng tạng luật. Lại pháp ngữ là lời lẽ đầy đủ. *Luật ngữ:* Quy định những tội nặng nhẹ, khai, già không sai. Lại pháp ngữ: Là nói nghĩa vô sanh, *Luật ngữ:* Là phương pháp dẹp tan ba độc. Lại hay dẫn những lời nói chơn thật đúng nghĩa, gọi là pháp ngữ, luôn nói ra những lời dịu dàng gọi là luật ngữ.

Ngã đẳng hỷ lạc: Nghĩa là những sự việc mà người kia nói ra chúng tôi sanh lòng vui vẻ ưa thích.

Ngã đẳng nhĩ khả: Nghĩa là chúng tôi đều chấp thuận lời nói của người kia, tùy thuận và thọ trì vậy. Ngoài ra như giới trước đã giải thích.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? nếu Tỳ-kheo-ni một, hai, ba người cho đến rất đông cùng làm bè đảng phi pháp, nói với Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Đại tỳ chớ can gián Tỳ-kheo-ni này, Tỳ-kheo-ni ấy là Tỳ-kheo-ni nói đúng pháp, cho đến..."

chúng tôi chấp nhận". Tỳ-kheo-ni kia nên can gián rằng: "Này Đại tỳ chớ nói như vậy, cho đến nói... có sự tăng ích sống an lạc, nên bỏ việc này đi, chớ để Chúng tăng tác Yết-ma kha gián lại phạm tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời can gián nên vì họ mà tác bạch. Ở trong mỗi một lần Yết-ma như vậy đều cần phải nói lời khuyên cáo và mắc tội nặng nhẹ, có phạm hay không phạm, tất cả đều giống như giới trước. Đây không phải nhắc lại nữa.

ĐIỀU 12: *Ô gia vi gián.*

Nếu Tỳ-kheo-ni nương tựa nơi làng xóm hay thành ấp mà làm hoen ố nhà người và có hành vi xấu. Hành vi xấu mọi người đều thấy, đều nghe, làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe. Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Tỳ-kheo-ni này rằng: "Đại tỳ, chị làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe, sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe. Đại tỳ, chị làm hoen ố nhà người có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa". Tỳ-kheo-ni này nói với Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Đại tỳ, các Tỳ-kheo-ni có thiên vị, có giận

hòn, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Các Tỳ-kheo-ni kia nên nói với Tỳ-kheo-ni này rằng: "Đại tỳ chớ nói rằng: Các Tỳ-kheo-ni có thiên vị, có giận hòn, có sợ hãi, có bất minh, cũng chớ nói rằng: Có Tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Vì sao vậy? Bởi vì các Tỳ-kheo-ni không có thiên vị, không có giận hòn, không có sợ hãi, không bất minh, không có Tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi, mà vì Đại tỳ làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe, sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe". Tỳ-kheo-ni kia khi can gián Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ Tỳ-kheo-ni này phạm tam pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc. Lúc bấy giờ Đức Phật vì nhơn duyên này

nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y thành ấp thôn lạc trú: Kinh đô của nhà vua gọi là thành ấp, những nơi đường hẻm quanh co gọi là thôn, nhà ở xa xa ngoài thôn gọi là lạc. *Y* nghĩa là nương chỗ kia mà ở.

Ô tha gia: Tha gia. Nghĩa là nhà của nam nữ. *Ô*. nghĩa là người kia trước đây có tâm phở kính tịnh tín, nhưng vì Tỳ-kheo-ni này làm những việc phi pháp bằng cách đem đồ vật mà tặng cho họ làm như nhớp tâm phở tín của họ, làm mất hết phước lợi của họ, vì đối với những người không tặng đồ vật cho họ, hoàn toàn họ không có niệm thí kính.

Có 4 trường hợp ô tha gia:

1. *Y gia ô gia:* Nghĩa là nhận tặng vật của gia đình này đem biếu cho gia đình khác, nơi gia đình đã cho mình tặng phẩm sanh tâm bất mãn; nơi gia đình được mình biếu thì nhớ ơn và đền ơn mình, liền nghĩ rằng: Nếu ai cho ta thì ta đền đáp, nếu người không cho việc gì ta phải cúng dường.

2. *Y lợi dưỡng ô gia:* Nếu Tỳ-kheo-ni đem những sở hữu như pháp cho đến như cơm dư trong bát cho một người cư sĩ này mà không cho một người cư sĩ kia, thì người được biếu sẽ nhớ ơn và đền ơn mình, cho

đến họ nghĩ rằng: Nếu người không cho ta việc gì ta phải cúng dường.

3. *Y thân hữu ô gia*: Nếu Tỳ-kheo-ni nhờ nương thế lực của nhà vua, của đại thần giúp đỡ riêng tư cho cư sĩ này, đối với cư sĩ khác thì không, người được giúp đỡ họ nghĩ sẽ đền ơn liền nói rằng: Ai giúp đỡ tôi, tôi cúng dường, ai không giúp đỡ tôi, tôi không cúng dường.

4. *Y tăng già lam ô gia*: Nếu Tỳ-kheo-ni thường lấy hoa quả của Chúng tăng biếu xén cho cư sĩ này, không biếu cho cư sĩ khác, cho đến người được biếu nói rằng: Ai cho tôi, tôi cúng dường, ai không cho tôi, tôi không cúng dường.

Hành ác hạnh: Nghĩa là tự mình trồng hoa, chơi kiếng, cũng dạy cho người làm như vậy, cho đến dự các trò vui chơi giải trí linh tinh...

Diệt kiến diệt văn: Nghĩa là làm các hành vi xấu, phi pháp mọi người đều thấy đều nghe biết.

Bỉ Tỳ-kheo: Là chỉ cho người trì chánh pháp.

Gián: Nghĩa là nói lời can gián này.

Thị Tỳ-kheo-ni: Nghĩa là chỉ cho người làm điều phi pháp.

Kim khả ly thủ thôn lạc khứ, bất tu trụ thủ: Đây

là lời xua đuổi.

Hữu ái: Nghĩa là thiên ái người này nên không đuổi.

Hữu nhuế: Nghĩa là giận hờn người kia nên liền đuổi.

Hữu bố: Nghĩa là sợ người này cho nên không giám trị phạt.

Hữu si: Nghĩa là không có trí thức, không khéo phân biệt, người đáng đuổi không đuổi, người không đáng đuổi mà lại đuổi.

Từ câu "Nhược Tỳ-kheo-ni y thành áp thôn lạc" cho đến câu "Diệc kiến diệc văn" đó là nhơn duyên sanh khởi phạm tội. Từ câu "Đại tỷ nhữ ô tha gia" cho đến câu "Diệc kiến diệc văn" đó là chỉ ra tội lỗi của người kia. Từ câu "Nhữ ô tha gia" cho đến câu "Bất tu trụ thử" đó là lời xua đuổi. Từ câu "Chư Tỳ-kheo-ni hữu ái, nhuế, bố, si" cho đến chữ "Bất khu" đó là lời nói lên sự không phục tùng sự xua đuổi của Chúng tăng. Từ câu "Chư Tỳ-kheo-ni ngữ ngôn mạc tác" cho đến câu "Diệc kiến diệc văn" đó là lời riêng can gián.

Tam gián: Nghĩa là trong Chúng tăng một lần tác bạch và ba lần Yết-ma can gián.

Bất xả: Là vẫn kết tội vậy.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Nếu Tỳ-kheo-ni nương tựa nơi làng xóm hay thành ấp mà làm hoen ô nhà người cho đến mọi người đều thấy đều nghe, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián như trên rồi lại nên nói rằng: "Đại tỳ nên bỏ việc này đi! Chớ để Chúng tăng la rầy lại phạm tội nặng" Nếu nghe theo lời nói thì tốt, nếu không nghe theo lời nói nên ở giữa Chúng tăng một lần tác bạch ba lần Yết-ma can gián, sau mỗi một lần Yết-ma nên yêu cầu người kia bỏ việc này đi, nếu không nghe theo lời khuyên cáo mà cãi hỏi, sau khi Yết-ma lần thứ ba xong phạm Tăng-tàn, còn ngoài ra mắc tội nặng...đều giống như giới phá Tăng trước đã nói.

Trong giới này có một vài khác biệt, nay sẽ tùy theo mà lược giải thích. Nếu trước khi chưa tác bạch mà nói Chúng tăng có thiên vị, giận hờn, sợ hãi, bắt minh thì phạm Đột-cát-la. Thập Tụng luật quy định: Nếu nói các Tỳ-kheo-ni hành động tùy theo tâm thiên vị, giận hờn, sợ hãi, bắt minh thì mắc 4 tội Thâu-lan-giá. Nếu nói có người thì đuổi, có người không đuổi, mắng nhiếc Chúng tăng phạm Ba-dật-đề. Nếu trước khi chưa tác Yết-ma khu xuất mà nói các Tỳ-kheo-ni hành động tùy theo tâm thiên vị, giận hờn, sợ hãi, bắt minh, phạm Đột-cát-la. Nếu đem quà biếu cha mẹ,

người bệnh, trẻ con, đàn bà mang thai, người ở lao ngục thì không phạm ô gia. Nếu vì cúng dường Tam bảo dạy người trồng hoa, kết tràng hoa hoặc chạy trốn giặc, ác thú, tai nạn khủng bố hoặc nhảy qua hầm hố, kêu gọi bạn đồng hành hoặc vì cha mẹ bị bệnh...hoặc vì việc thấp, việc Tăng, hoặc vì Tỳ-kheo-ni bị bệnh, hay việc của Tỳ-kheo-ni mà cầm thư qua lại không phạm ác hạnh.

Nếu ở trong pháp luật của Thánh, ca hát như khóc, múa như điên, cười như con nít, đều không được. Lại cũng không nên làm những việc như: Cạo đầu cho người bạch y, trừ ra họ muốn xuất gia, không nên làm lễ người bạch y và tháp miếu của họ, cũng không được cố ý ngạo mạn, không được coi bói cho người, cũng không được nhờ người coi bói cho mình, không được phụng thờ các pháp ngoại đạo, cũng không được tụng những phù chú của ngoại đạo như an trí xá trạch các hung, chú Giải chi tiết, chú Sát lợi, chú khởi thi quỷ, chú biết người sống đây chết kia, tốt xấu; chú hiểu tiếng nói của cầm thú. Tự mình không được đánh đàn, nếu muốn cúng dường Tam bảo thì nên để cho người bạch y đàn, không được nuôi các giống chim như Anh vũ...và chó. Luật Nhiếp nói: Nếu vì muốn phòng hộ thì cho nuôi chó. Không được đi xe do

voi ngựa kéo và đi võng, đi cang và không được nắm cầm dao kiếm. Nếu vì già bệnh thì cho đi xe kéo bộ, nếu vì muôn lánh nạn thì cho cỡi voi.

ĐIỀU 13: *Ác tánh vi gián.*

Nếu Tỳ-kheo-ni có ác tánh ngoan cố không nghe lời khuyên can, đối với giới pháp các Tỳ-kheo-ni đúng như pháp khuyên can, tự thân không nhận lời can gián, lại nói rằng: "Các Đại tỳ chớ nói với tôi điều gì hoặc xấu hoặc tốt. Tôi cũng không nói với các Đại tỳ điều gì hoặc xấu hoặc tốt. Các Đại tỳ hãy thôi chớ can gián tôi". Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Tỳ-kheo-ni này rằng: "Đại tỳ chớ tự thân không nhận lời can gián, Đại tỳ hãy nên tự thân nhận lời can gián. Đại tỳ như pháp can gián các Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni cũng sẽ như pháp can gián đại tỳ. Như vậy chúng đệ tử Phật được tăng ích lần lượt can gián nhau, lần lượt chỉ bảo nhau, lần lượt sám hối". Tỳ-kheo-ni kia khi can gián như vậy vẫn chấp chặt không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, không bỏ Tỳ-kheo-ni này phạm Tam pháp ung xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật cư trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Ác tánh bất thọ nhơn ngữ: Nghĩa là người kia bảm tánh thô xằng, không lãnh nạp thiện ngôn dạy bảo của các Tỳ-kheo-ni.

Ư giới pháp trung: Nghĩa là trong bảy phạm tỵ: 1. Tha thắng. 2. Tăng-tàn. 3. Ba-dật-đề. 4. Hối quá pháp. 5. Thân-lan-giá. 6. Đột-cát-la. 7. Ác thuyết, các vị kia khi dùng những luật pháp này để can gián dạy bảo mà người này vẫn khư khư giữ chặt ác tánh không lãnh thọ lời can gián của các vị kia.

Chư Tỳ-kheo-ni: Nghĩa là chỉ cho các vị thiện Tỳ-kheo-ni trì chánh pháp.

Như pháp gián: Nghĩa là khuyên răn can gián như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Tự thân bất thọ gián ngữ: Nghĩa là người kia dùng giới luật như pháp dạy bảo mà tự mình trái nghịch không lãnh nạp những lời can gián của những vị kia mới sanh ra những lời nói bất khả cộng ngữ.

Chư đại tử mặc hướng ngã thuyết nhược hảo nhược ó: Nghĩa là việc lợi ích không cần phải khuyến dụ, việc không lợi ích cũng chớ có ngăn đón nhau, đây là lời nói ngạo mạn.

Ngã diệc bất hướng chư đại tử thuyết nhược hảo nhược ó: Nghĩa là muốn tỏ bày tự mình vô sự đối với người, thì người cũng chớ sanh sự với mình, đây đều là những lời ngăn đón đừng can gián.

Thả chỉ: Nghĩa là ngừa trước sự ngăn đón để người kia chưa nói với mình thì đừng nói.

Mặc gián ngã: Nghĩa là tự tâm mình không chấp nhận, lại bày tỏ lời nói không lãnh nạp lời khuyên.

Bỉ Tỳ-kheo-ni gián thị Tỳ-kheo-ni: Nghĩa là lại phải nên như pháp khuyến dụ can gián.

Mặc tự thân bất thọ gián ngữ: Đó là lời giáo giới.

Tự thân đương thọ gián ngữ: Đó là lời dạy bảo.

Đại tử như pháp gián chư Tỳ-kheo-ni...: Đây là lời khuyến dụ, nghĩa là phải nên dùng pháp luật để kia đây dạy bảo, can gián lẫn nhau.

Nhữ thị Phật đệ tử chúng đắc tăng ích: Chính là nói rõ lợi ích của sự can gián lẫn nhau, do sự can gián lẫn nhau ấy mà chúng đệ tử Phật được tăng trưởng thiện pháp, nhờ thiện pháp tăng trưởng mà Phật giáo

được hưng thịnh, do sự hưng thịnh ấy mà chánh pháp được trường tồn.

Triển chuyển tương gián giáo hối: Đây lại ân cần bày tỏ một lần nữa sự dạy bảo can gián lẫn nhau.

Gián: Nghĩa là ngăn những điều không lợi ích.

Giáo: Nghĩa là giúp cho thu hoạch thiện lợi.

Hối: Nghĩa là cải đổi những lỗi lầm về trước, tu hành thiện pháp về sau.

Nhữ thị gián thời kiên trì bất xả: Nghĩa là khi Tỳ-kheo-ni này được Tỳ-kheo-ni kia riêng can gián như vậy nhưng vì ngoan cố vẫn giữ chặt ác tánh không chịu thuận tùng sửa đổi.

Từ câu "Ác tánh bất thọ nhơn ngữ" cho đến câu "Mạc gián ngã", đó là nhơn duyên sanh khởi phạm tội. Từ câu "Mạc tự thân bất thọ gián ngữ" cho đến câu "Triển chuyển sám hối", đó là lời riêng can gián.

Tam gián: Là Chúng tăng một lần tác bạch 3 lần Yết-ma can gián vậy. *Bất xả:* Là vẫn kết tội.

Tướng phạm trong giới này nặng nhẹ và bốn chúng kia mắc tội, có phạm, không phạm, tất cả đều giống như giới trước.

Nếu một khi vì những người không có trí mà la rầy, can gián thì phải nên nói với họ rằng: "Sự tu hành

của các bậc Hoà thượng, A-xà-lê của người cũng như vậy, người phải nên học hỏi và tụng kinh thêm".

Khi ấy đức Phật bảo với quý thầy Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni rằng: Ta nay sẽ vì các người mà nói 8 thứ ngựa dữ và 8 hạng người dữ. 8 thứ ấy là gì?

1. Hoặc có thứ ngựa dữ đã tra hàm thiết và quất roi vào muốn khiến nó đi mà nó vẫn gục gặc, dậm chân không chịu đi.

2. Hoặc có thứ ngựa ù lì dựa vào hai bên gọng xe không chịu bước tới.

3. Hoặc có thứ ngựa lỏng lộn té nhào xuống đất đã gây thương tích cho đầu gối lại còn gãy gọng xe nữa.

4. Hoặc có thứ ngựa cứ giật lùi sau, không chịu bước tới.

5. Hoặc có thứ ngựa cứ lúi đầu vào bụi làm hư xe, gãy trục.

6. Hoặc có thứ ngựa không sợ người cầm cương, cũng không sợ roi, la rống lên, nhảy vọt không thể ngăn cấm được.

7. Hoặc có thứ ngựa đứng dựng trên hai chân như người và phun nước miếng.

8. Hoặc có thứ ngựa ngồi chồm hỏm.

Đó là 8 thứ ngựa dữ. Còn thế nào là 8 hạng người dữ?

1. Hoặc là có Tỳ-kheo-ni bị cử tội đủ kiến, văn, nghi mà Tỳ-kheo-ni bèn nói rằng: "Tôi không nhớ. Tôi không nhớ!" Như con ngựa dữ kia đã tra hàm thiết và quất roi vào mà vẫn gục gặc dậm chân không chịu đi.

2. Hoặc có người lì lợm không nói phạm, cũng không nói không phạm, cứ im lặng mà đứng lì như con ngựa dữ kia dựa vào hai bên gọng xe không chịu bước tới.

3. Hoặc có người lên tiếng nói rằng: "Đại tỳ tự mình cũng phạm tội, làm sao mà có thể trừ tội cho người khác được!" Như con ngựa dữ kia lỏng lộn té nhào xuống đất làm trầy đầu gối, gãy gọng xe.

4. Hoặc có người dám nói rằng: "Đại tỳ ơi! Tự chị cũng còn ngu si lắm, phải nhờ người khác dạy bảo cho, thì làm sao lại còn muốn dạy bảo tôi được?" Như con ngựa dữ kia cứ đi dật lùi không chịu bước tới.

5. Hoặc có người cứ nói những việc vu vơ để đối đáp và sanh giận hờn như con ngựa dữ kia lũi vào trong bụi làm hư xe gãy trục.

6. Hoặc có người không sợ Chúng tăng, cũng không sợ phạm tội, mà cũng không nhận lời cử tội

của Chúng tăng, bèn cầm toạ cụ vất lên vai mà đi ra, không thể la rầy ngăn cấm được, như con ngựa dữ kia không sợ người dữ ngựa, cũng không sợ roi, la rống nhẩy vọt không thể ngăn cấm được.

7. Hoặc có người ở giữa Chúng tăng vất ngược y dơ tay nói lớn "Chao ôi! Ai khiến các người dạy bảo tôi". Như con ngựa dữ kia đứng dựng trên hai chân như người và phun nước miếng.

8. Hoặc có người nói rằng: "Đại tử cũng không cho tôi y bát, ngoạ cụ, thuốc men, vì sao lại dạy bảo tôi?" Người kia liền xả giới tu đạo khác rồi trở lại nơi trú xứ của các vị Tỳ-kheo-ni mà nói rằng: "Tôi đã bỏ đạo, các cô có sung sướng không?" Như con ngựa dữ kia ngồi chồm hỏm.

Đó là 8 hạng người dữ giống như 8 thứ ngựa dữ kia. Nay các đệ tử, những điều đáng thương xót ta đã nói đủ, các con phải nên tìm chỗ vắng lặng dưới gốc cây mà tu tập thiền định, chớ có buông lung, sau khỏi hối hận. Đây là lời răn dạy của Ta.

ĐIỀU 14: *Thân cận phú tội.*

Nếu Tỳ-kheo-ni sống thân cận nhau, cùng làm những hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt

che dẫu tội lỗi cho nhau. Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Tỳ-kheo-ni này rằng: "Này Đại tỳ, các chị chớ nên thân cận, cùng làm những hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che dẫu tội lỗi cho nhau. Các chị nếu không thân cận thì ở trong Phật pháp sẽ có sự tăng ích sống an lạc". Tỳ-kheo-ni kia khi can gián Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này, cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni này phạm tam pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ- thọ Cấp-cô-độc, khi ấy có hai Tỳ-kheo-ni tên là Tô-ma và bà Phả-di sống thân cận nhau, cũng làm những hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt che dẫu tội lỗi cho nhau. Các Tỳ-kheo-ni khác mới nói rằng: "Đại tỳ, các chị chớ nên thân cận cùng nhau làm những hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che dẫu tội lỗi cho nhau. Các chị nếu không thân cận, cùng làm những hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt cùng che dẫu tội lỗi cho nhau thì ở trong Phật pháp sẽ

có sự tăng ích sống an lạc", mà hai người này vẫn ngoan cố không cải hối. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni quở trách Tỳ-kheo-ni Tô-ma và bà Phả-di rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Thế tôn, đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo, quở trách hai Tỳ-kheo-ni này rồi bảo với các thầy Tỳ-kheo rằng: Cho Ni tăng tác bạch tứ Yết-ma ha gián Tô-ma và bà Phả-di để bỏ việc này, nên một lần tác bạch, ba lần Yết-ma. Nếu sau này có Tỳ-kheo-ni nào giống như trường hợp hai Tỳ-kheo-ni này thì Tỳ-kheo-ni tăng cũng phải bạch tứ Yết-ma mà ha gián họ như vậy. Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thân cận: Nghĩa là thường thường hay cùng nhau giỡn cười, chọc ghẹo, nói chuyện.

Ác hạnh: Nghĩa là trồng hoa, cây kiểng, bón tưới, hái hoa, làm tràng hoa, lấy dây xâu hoa thành chuỗi rồi mang đi, mình tự tay làm hay bảo người làm điều là hành vi xấu. Đã là Tỳ-kheo-ni mà đến ở trong một nhà nào hoặc cùng người lớn, hoặc cùng trẻ con ngồi đứng chung trên một cái giường, cùng ăn một mâm, nói nói, cười cười, tự mình hát, múa, đánh đàn, hoặc bảo người khác làm rồi xướng hoạ, hoặc hát chèo, hoặc gảy đàn, đánh trống, thổi sáo, thổi còi, giả tiếng

chim khổng tước kêu, hoặc giả tiếng các loài chim khác kêu, hoặc chạy, hoặc nhảy cò cò, hoặc hú, hoặc uốn éo múa men thân hình, hoặc nhận làm trò cười cho thiên hạ xem.

Ác thanh: Nghĩa là tiếng xấu lưu truyền khắp bốn phương không ai là không nghe.

Tội: Nghĩa là ở đây chỉ cho che dấu các tội khác không phải 8 pháp Ba-la-di.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? nếu Tỳ-kheo-ni cùng nhau thân cận, cùng làm những hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che dấu tội lỗi cho nhau, các Tỳ-kheo-ni khác đã can gián như trên rồi lại phải nói thêm rằng: "Đại tỷ, các chị nên bỏ việc này, chớ để Chúng tăng la rầy lại phạm tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, nếu không nghe theo thì nên tác bạch. Bạch rồi cũng phải nên nói rằng: "Này em, tôi đã tác bạch rồi, chỉ còn có Yết-ma nữa thôi, nên bỏ việc này chớ để Chúng tăng Yết-ma ha gián lại phạm tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo nên tác Yết-ma lần thứ nhất. Làm Yết-ma lần thứ nhất xong rồi lại nên nói rằng: "Này em, trong chúng đã tác bạch và làm Yết-ma lần thứ nhất xong rồi, chỉ còn hai lần Yết-ma nữa thôi, nên bỏ việc này, chớ để Chúng tăng Yết-ma ha gián lại phạm

tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời nói nên làm Yết-ma lần thứ hai. Yết-ma lần thứ hai xong nên nói rằng: "Này em, đã tác Yết-ma lần thứ hai rồi, chỉ còn một lần Yết-ma nữa thôi, nên bỏ việc này, chớ để Chúng tăng Yết-ma ha gián lại phạm tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời nói tác Yết-ma lần thứ ba xong phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tác bạch và hai lần Yết-ma xong mà xả thì phạm ba tội Thâu-lan-giá. Một lần tác bạch và một lần Yết-ma xong mà bỏ thì phạm hai tội Thâu-lan-giá. Tác bạch xong liền bỏ phạm một tội Thâu-lan-giá. Trước khi chưa tác bạch, bỏ ngay, phạm Đột-cát-la. Những sự việc như cùng nhau thân cận, cùng làm những hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp xảy ra trước khi chưa tác bạch đều phạm Đột-cát-la. Thầy Tỳ-kheo tùy theo hành vi mà kết tội phạm, ba chúng sau Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Chỉ khuyên một lần bỏ ngay, Yết-ma ha gián phi pháp, biệt chúng, phi pháp hoà hiệp chúng, đúng pháp mà biệt chúng, tương tự pháp biệt chúng, tương tự pháp hoà hiệp chúng. La rầy phi pháp phi luật, phi Phật sở giáo, hoặc tất cả đều không la rầy can gián thì không phạm.

ĐIỀU 15: *Giáo trụ, phú tội*

Nếu Tỳ-kheo-ni nào khi Tỳ-kheo-ni tăng tác Yết-ma ha gián mà nói với các Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Các chị chớ ở riêng, cứ ở chung với nhau, tôi cũng đã thấy các Tỳ-kheo-ni khác như vậy mà không ở riêng, cứ ở chung, cùng làm các hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che dấu tội lỗi cho nhau, chúng tăng vì giận hờn mà bảo các chị ở riêng. Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Tỳ-kheo-ni này rằng: "Đại tỷ, các chị chớ bảo với các Tỳ-kheo-ni ấy như vậy: Các người chớ ở riêng, tôi cũng thấy các Tỳ-kheo-ni khác, cùng ở chung, cùng làm các hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che dấu tội lỗi cho nhau, chúng tăng vì giận hờn mà bảo các chị ở riêng". Nay chính thật ra chỉ có hai Tỳ-kheo-ni này cùng ở chung, cùng làm các hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che dấu tội lỗi cho nhau chứ không có ai khác nữa cả, nếu các Tỳ-kheo-ni này sống riêng ra thì trong Phật pháp mới có sự tăng ích sống an vui. Tỳ-kheo-ni kia khi can gián Tỳ-kheo-ni này vẫn giữ chặt không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni này phạm tam pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước, khi ấy hai Tỳ-kheo-ni Tô-ma và bà Phả-di bị chúng Tăng tác Yết-ma ha gián rồi, lục quần Tỳ-kheo-ni và Thâu-la Nan-đà bèn xúi giục rằng: "Các em cứ ở chung đi! Vì sao vậy? Vì tôi cũng thấy các Tỳ-kheo-ni khác cùng sống chung, cùng thân cận, cùng làm những hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che giấu tội lỗi cho nhau, chúng Tăng vì giận hờn nên bỏ các em ở riêng". Khi ấy các Tỳ-kheo-ni hiềm trách lục quần Tỳ-kheo-ni và Thâu-la Nan-đà rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Thế tôn, đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng quở trách Thâu-la Nan-đà rằng: "Ni tăng đã vì hai Tỳ-kheo-ni Tô-ma và bà Phả-di mà làm Yết-ma ha gián, vì sao người lại bảo mấy người kia đừng ở riêng cứ ở chung". Đức Thế tôn liền dùng vô số phương tiện la rầy rồi bảo các thầy Tỳ-kheo rằng: "Cho Tỳ-kheo-ni tăng tác bạch tứ Yết-ma ha trách Thâu-la Nan-đà và lục quần Tỳ-kheo-ni. Nếu sau này có Tỳ-kheo-ni nào lại phạm như vậy nữa thì Ni tăng cũng bạch tứ Yết-ma ha gián để bỏ việc này. Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni".

Tăng: Nghĩa là 4 vị Tỳ-kheo-ni trở lên. Từ câu "Nhuộc Tỳ-kheo-ni" cho đến câu "Tăng dĩ nhuế cố giáo nhữ biệt trú", đó là nói nhơn duyên sanh khởi phạm tội. Từ câu "Bỉ Tỳ-kheo-ni gián thị Tỳ-kheo-ni ngôn" cho đến câu "Ư Phật pháp trung hữu tăng ích an lạc trú", đó là lời can gián riêng.

Tam gián: Là ở giữa Chúng tăng một lần tác bạch ba lần Yết-ma can gián.

Bất xả: Là vẫn kết tội.

* Trong giới này tương phạm được quy định như thế nào? Nếu Tỳ-kheo-ni nào khi Chúng tăng tác Yết-ma ha gián xúi giục các Tỳ-kheo-ni khác mà nói: "Chúng tăng vì giận hờn mà bảo các chị ở riêng". Tỳ-kheo-ni kia nên can gián như trên rồi lại nên nói rằng: "Chị nên bỏ việc này ngay đi, đừng để chúng Tăng la rầy lại phạm tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời nói thì nên ở giữa Chúng tăng một lần tác bạch ba lần Yết-ma để can gián, sau mỗi lần Yết-ma rồi phải nên nói với người kia rằng: "Chị nên bỏ việc này đi, đừng để Chúng tăng Yết-ma ha gián lại phạm tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời nói làm Yết-ma lần thứ ba xong phạm Tăng-già-bà- thi-sa. Tác bạch và hai lần Yết-ma xong bỏ thì phạm ba tội Thâu-lan-giá. Tác bạch và

một lần Yết-ma xong mà bỏ thì phạm hai tội Thâu-lan-giá. Tác bạch xong liền bỏ phạm một tội Thâu-lan-giá. Tác bạch chưa xong bỏ ngay phạm Đột-cát-la. Trước khi chưa tác bạch xúi giục rằng: Chị đừng có ở riêng cho đến nói Chúng tăng vì giận hờn mà dạy chị ở riêng, tất cả các sự việc ấy đều phạm Đột-cát-la. Nếu có Tỳ-kheo-ni như vậy, khi Chúng tăng đang tác Yết-ma ha gián mà có thầy Tỳ-kheo xúi giục rằng: Chớ bỏ, hoặc quở trách, phạm Thâu-lan-giá. Nếu không quở trách phạm Đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo-ni xúi giục chớ bỏ, hoặc đã Yết-ma ha gián, phạm Thâu-lan-giá, nếu chưa Yết-ma ha gián phạm Đột-cát-la, bốn chúng kia phạm Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Vừa mới khuyên liền bỏ ngay. Yết-ma Ha trách phi pháp, biệt chúng, phi pháp hoà hiệp chúng, đúng pháp biệt chúng, tương tự pháp biệt chúng, tương tự pháp hoà hiệp chúng, quở trách phi pháp, phi luật, phi Phật sở giáo; hoặc tất cả chúng đều không quở trách, không phạm.

ĐIỀU 16: *Sân xả Tam bảo*

Nếu Tỳ-kheo-ni chỉ vì một việc nhỏ nhặt giận hờn không hoan hỷ bèn nói rằng: "Không những

chỉ có Sa-môn Thích tử này mà cũng lại còn có các Sa-môn, Bà-la-môn tu phạm hạnh khác nữa, chúng tôi cũng có thể đến các vị kia để tu phạm hạnh". Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Tỳ-kheo-ni này rằng: "Này Đại tử, chị chớ nên chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn không hoan hỷ rồi nói rằng: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, không những chỉ có Sa-môn Thích tử này, cũng lại còn có các Sa-môn, Bà-la-môn tu phạm hạnh khác nữa, chúng tôi cũng có thể đến các vị kia để tu phạm hạnh". Nếu Tỳ-kheo-ni kia khi can gián Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần để bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, không bỏ Tỳ-kheo-ni này phạm tam pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú đồng như giới trước. Lúc bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni chỉ vì một việc nhỏ giận hờn không vui, liền nói rằng: " Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, không những chỉ có Sa-môn Thích-tử này mà cũng lại còn có các Sa-môn, Bà-la-môn tu phạm hạnh khác nữa. Chúng tôi có thể đến nơi các vị kia mà

tu phạm hạnh". Khi ấy các Tỳ-kheo-ni hiềm trách lục quần Tỳ-kheo-ni rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo đến bạch đức Thế tôn, đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tặng quở trách lục quần Tỳ-kheo-ni rằng: "Vì sao các người chỉ vì một việc nhỏ giận hờn không hoan hỷ mà nói những lời như vậy?" Ngài liền dùng vô số phương tiện la quở lục quần Tỳ-kheo-ni rồi bảo với các thầy Tỳ-kheo rằng: "Cho Ni tặng tác bạch tứ Yết-ma ha trách lục quần Tỳ-kheo-ni để bỏ việc này mà kết giới cho Ni tăng".

Bắt đầu từ câu: "Nhược Tỳ-kheo-ni triếp dĩ nhưt tiêu sự sân nhuế, tiện tác thị ngữ ngã: xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, bất độc hữu thử Sa-môn Thích-tử" cho đến câu "Ngã đẳng diệc khả ư bỉ tu phạm hạnh", đó là nói nhơn duyên sanh khởi phạm tội. Từ câu "Bỉ Tỳ-kheo-ni đương gián" cho đến câu "Ngã đẳng diệc khả ư bỉ tu phạm hạnh", đó là lời can gián riêng.

Tam gián: Nghĩa là giữa chúng một lần tác bạch, ba lần Yết-ma can gián.

Bất xả: Là vẫn kết tội.

* Trong giới này tương phạm được quy định như thế nào? Nếu Tỳ-kheo-ni chỉ vì một việc nhỏ mà giận hờn không vui rồi đến nổi nói rằng: "Chúng tôi cũng

có thể đến chỗ khác mà tu phạm hạnh". Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Tỳ-kheo-ni này rồi phải nói rằng: "Em nên bỏ việc này chớ để Chúng tăng la rầy lại phạm tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời nói nên ở giữa Chúng tăng một lần tác bạch, ba lần Yết-ma, mỗi một lần Yết-ma xong lại phải nên yêu cầu người kia bỏ, nếu vẫn không nghe theo lời nói làm Yết-ma lần thứ ba xong phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Một lần tác bạch hai lần Yết-ma xong phạm ba tội Thâu-lan-giá. Một lần tác bạch và một Yết-ma xong phạm hai tội Thâu-lan-giá. Tác bạch xong phạm một tội Thâu-lan-giá. Tác bạch chưa xong phạm Đột-cát-la. Trước khi chưa tác bạch giận hờn nói những lời như trên làm thành nhưn sanh khởi phạm tội, đều phạm Đột-cát-la. Nếu Ni tăng khi đang tác pháp Yết-ma ha trách mà có thầy Tỳ-kheo xúi rằng: "Chớ bỏ", hoặc Chúng tăng đã tác Yết-ma ha trách, mà thầy Tỳ-kheo xúi đừng bỏ đều phạm Thâu-lan-giá, chưa Ha trách phạm Đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo-ni xúi cũng như vậy. Trừ xúi giục Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ra còn xúi giục những người khác chớ bỏ thì phạm Đột-cát-la. Bốn chúng kia phạm Đột-cát-la.

* Không phạm: Giống như giới trước đã lược giải.

ĐIỀU 17: *Hỷ tránh bất úc.*

Nếu Tỳ-kheo-ni ưa tranh chấp, không khéo ghi nhớ sự tranh chấp ấy, sau giận hờn rồi nói rằng: "Chúng tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh". Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Tỳ-kheo-ni này rằng: "Này Đại tỳ, chị chớ có ưa tranh chấp, không khéo ghi nhớ sự tranh chấp ấy sau lại giận hờn mà nói rằng: "Chúng tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh, mà thật ra chúng tăng không thiên vị, không giận hờn, không sợ hãi, không bất minh, chị tự có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh". Tỳ-kheo-ni kia khi can gián Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần để bỏ việc này, cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, không bỏ Tỳ-kheo-ni này phạm tam pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại thành Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Khi ấy có bà Tỳ-kheo-ni tên là Hắc ưa tranh chấp, không khéo ghi nhớ sự tranh chấp ấy, sau nổi lên giận hờn mà nói rằng: "Chúng tăng có

thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh". Khi ấy có các vị Tỳ-kheo-ni thiếu dục tri túc tu hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý, nghe rồi quở trách Tỳ-kheo-ni Hắc rằng: "Vì sao ngươi ưa tranh chấp, không khéo ghi nhớ sự tranh chấp ấy, lại có những lời nói như thế?" Khi ấy các Tỳ-kheo-ni đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật, đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này mà nhóm họp các thầy Tỳ-kheo la quở Tỳ-kheo-ni Hắc rằng: "Việc làm của ngươi là quấy, trái với oai nghi, không phải pháp của Sa-môn, không phải pháp tịnh hạnh, không phải hạnh tùy thuận, việc không đáng làm. Vì sao ngươi lại ưa tranh chấp rồi không khéo ghi nhớ sự tranh chấp ấy, sau lại giận hờn mà nói rằng: "Chúng tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh". Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi liền bảo các thầy Tỳ-kheo rằng: Cho Tỳ-kheo-ni tăng bạch tứ Yết-ma ha trách Tỳ-kheo-ni Hắc để bỏ việc này. Ni tăng sau khi tác Yết-ma ha trách Tỳ-kheo-ni Hắc rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy vì nhơn duyên này bạch lên đức Phật, đức Phật dạy: "Nếu có Tỳ-kheo-ni nào giống như Tỳ-kheo-ni này nữa thì Tỳ-kheo-ni tăng cũng phải bạch tứ Yết-ma mà Ha trách, từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni".

Đấu tránh: có 4 thứ.

1. Ngôn tránh (Tránh sự thuộc về lời nói).
2. Mích tránh (Tránh sự do tìm tòi lỗi).
3. Phạm tránh (Tránh sự do phạm tội).
4. Sự tránh (Tránh sự do các hành sự).

Tăng: Nghĩa là đồng một Yết-ma, đồng một thuyết giới. Từ câu: "Nhược Tỳ-kheo-ni hỷ đấu tránh" cho đến câu "Hữu ái, hữu nhuế, hữu bố, hữu si", đó là nhơn duyên sanh khởi phạm tội. Từ câu "Bỉ Tỳ-kheo-ni ung gián" cho đến câu "Nhữ tự hữu ái...", đó là lời can gián riêng.

Tam gián: Nghĩa là giữa chúng 1 lần tác bạch ba lần Yết-ma can gián.

Bất xả: Là vẫn kết tội.

*Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Nếu Tỳ-kheo-ni ưa tranh chấp, không khéo ghi nhớ sự tranh chấp ấy, sau sân giận nói rằng: "Chúng tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh". Tỳ-kheo-ni kia nên can gián như trên rồi lại phải nói rằng: "Ngươi nên bỏ việc này ngay đi chớ để Chúng tăng la quở lại phạm tội nặng". Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời nói phải nên ở giữa Chúng tăng một lần tác bạch ba lần Yết-ma can gián,

sau mỗi lần Yết-ma rồi phải nên yêu cầu người kia bỏ. Nếu không nghe theo lời nói, làm Yết-ma lần thứ 3 xong phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tác bạch và 2 lần Yết-ma xong mà bỏ phạm 3 tội Thâu-lan-giá. Tác bạch và 1 lần Yết-ma xong mà bỏ phạm 2 tội Thâu-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ phạm 1 tội Thâu-lan-giá. Tác bạch chưa xong liền bỏ phạm Đột-cát-la. Trước khi chưa tác bạch ưa tranh chấp, nói những lời: Thiên vị, giận hờn, sợ hãi, bắt minh đều phạm Đột-cát-la. Nếu Ni tăng khi đang tác Yết-ma ha trách mà có thầy Tỳ-kheo xúi rằng: "Chớ bỏ", hoặc đã bị Chúng tăng Yết-ma quả trách. Thầy ấy phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa Yết-ma quả trách phạm Đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo-ni xúi cũng như vậy, trừ xúi giục Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Xúi giục những người khác chớ bỏ phạm Đột-cát-la, bốn chúng kia phạm Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* như trong điều thứ 15 đã lược giải.

2.3. Kết vấn:

Thưa các Đại tỷ, tôi đã tụng xong 17 pháp Tăng-già-bà-thi-sa, 9 giới đầu mới làm liền phạm, 8 giới sau cho đến 3 lần can gián. Nếu Tỳ-kheo-ni

phạm bất cứ một pháp nào cần phải ở giữa hai bộ Tăng nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Hành Ma-na-đỏa xong còn phải xuất tội cần phải ở giữa hai bộ Tăng gồm 40 vị để xuất tội cho Tỳ-kheo-ni này, nếu thiếu 1 người không đủ chúng 40 vị mà xuất tội Tỳ-kheo-ni này, tội Tỳ-kheo-ni ấy không được trừ, các Tỳ-kheo-ni cũng bị khiển trách, như thế là hợp thức.

Nay hỏi các Đại tỳ trong đây có thanh tịnh không? (hỏi 3 lần). Các Đại tỳ trong đây thanh tịnh vì im lặng, nên tôi ghi nhận như vậy.

LƯỢC GIẢI:

Ngã dĩ thuyết: Nghĩa là lời bày tỏ việc mình thuyết giới đã xong, tạm nghỉ một chút muốn khiến cho đại chúng ngồi nghe hãy tự xét lại tội lỗi của mình.

Cửu giới sơ phạm: Nghĩa là 9 giới đầu mới làm liền phạm bốn tội, không đợi đến khi người khác can gián không bỏ mới thành tội.

Bát nãi chí tam gián: Nghĩa là 8 giới sau 1 lần tác bạch 3 lần Yết-ma xong mới mắc tội.

Phàm nhứt nhứt pháp: Nghĩa là trong 17 việc,

tùy phạm 1 việc gì.

Ung nhị bộ Tăng trung: Nghĩa là nương nhờ hai bộ Tăng Ni để nửa tháng hành Ma-na-đỏa.

Ma-na-đỏa: Hán dịch là ý hỷ, nghĩa là khi thực hành pháp này thì tội được thanh tịnh, tự tâm mình hoan hỷ, cũng làm cho Chúng tăng hoan hỷ vì Chúng tăng biết người này do sám hối mà được cải đổi, lại không còn sanh khởi thêm phiền não nữa, thành một người thanh tịnh bèn cho xuất tội.

Hành Ma-na-đỏa dĩ: Nghĩa là trong nửa tháng phải như pháp mà thực hành pháp này xong rồi trong khoảng thời gian đó không được phạm lại pháp ấy.

Dư hữu xuất tội... Nghĩa là trong nửa tháng mà thực hành pháp đó mới chỉ là phương tiện giúp cho tội được thanh tịnh, nhưng còn có việc xuất tội nữa, cần phải giữa hai bộ Tăng gồm 40 vị để xuất tội, nếu thiếu không đủ chúng và xen nhau cho đủ số thì tác pháp bất thành, tội Tỳ-kheo-ni ấy không được trừ. Chúng tăng cũng mắc lấy cái lỗi phi pháp, vì đức Như Lai là đấng Pháp vương, đối với các pháp tự tại, hiểu rõ nghiệp tánh của chúng sanh cho nên Ngài ấn quyết là một bên phải đủ 20 vị Tăng Ni thanh tịnh, tội mới trừ diệt được, không phải phương pháp này thì tội không thoát được. Như một người bị kẻ khác làm hại còn có

cái yết hầu, nếu không phải là thầy giỏi thuốc hay và gia thêm sức lực vào thì không thể sống được nữa. Đây cũng như vậy, nếu không nương nhờ nơi pháp này và không có thanh tịnh Tăng, thiếu chúng, thiếu duyên thì không lý gì mà người kia giới thể thanh tịnh trở lại được.

Thử thị thời: Nghĩa là đây là phương pháp xuất tội. Các văn khác giống như trên đã lược giải, đây không phải nói nữa.

* Trong này phương pháp thực hành như thế nào? Nếu Tỳ-kheo-ni có phạm tội Tăng-tàn cần phải ở giữa hai bộ Tăng cầu xin hành pháp Ma-na-đoả, hai bộ tối thiểu mỗi bên phải 4 vị mới có thể được, nếu xen nhau cho đủ số thì không được làm. Đến khi hành Ma-na-đoả xong, cầu xin Yết-ma xuất tội thì phải nhóm họp hai bộ Tăng, mỗi bên phải đủ 20 người, nếu thiếu 1 người thì tác pháp bất thành. Tỳ-kheo-ni kia nên ở giữa hai bộ Tăng đầy đủ oai nghi lễ Tăng xong quý gồi chấp tay cầu xin rằng:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni... phạm tội Tăng-tàn... nay theo Chúng tăng cầu xin nửa tháng hành Ma- na-đoả. Nguyện Chúng tăng cho tôi Tỳ-kheo-ni... nửa tháng hành Ma-na-đoả, xin thương xót" (xin như vậy 3 lần).

Chúng tăng nên bạch tứ Yết-ma để cho.

Trong khi hành Ma-na-đỏa như vậy mà phạm tội lại thì phải cho người kia bốn nhựt trị. Cần phải xin rằng:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni... đã phạm tội Tăng-tàn... đã theo Chúng tăng xin nửa tháng hành Ma- na-đỏa. Chúng tăng đã cho tôi Tỳ-kheo-ni... nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Tôi Tỳ-kheo-ni... trong khi hành Ma-na-đỏa lại phạm tội Tăng-tàn..., nay theo Chúng tăng xin Yết-ma phạm lại tội Tăng-tàn... nửa tháng hành Ma-na-đỏa lại, và hoại Ma-na-đỏa bốn nhựt trị. Nguyên Chúng tăng cho tôi Tỳ-kheo-ni... phạm tội Tăng-tàn... nửa tháng hành Ma-na-đỏa và Yết-ma hoại Ma-na-đỏa bốn nhựt trị, xin thương xót! (xin 3 phen rồi).

Chúng tăng nên bạch tứ Yết-ma để cho. Nếu nửa tháng hành Ma-na-đỏa mà không phạm tội lại thì không nên xin bốn nhựt trị, chỉ xin ngay Yết-ma xuất tội. Nên xin rằng:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni... phạm tội Tăng-tàn... đã theo Chúng tăng xin nửa tháng hành Ma- na-đỏa. Chúng tăng đã cho tôi Tỳ-kheo-ni... nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Tôi Tỳ-kheo-ni... hành Ma-na-đỏa đã xong, nay theo Chúng tăng

cầu xin Yết-ma xuất tội. Nguyên Chúng tặng cho tôi Tỳ-kheo-ni... Yết-ma xuất tội. Xin thương xót!" (xin 3 lần).

Chúng tặng nên bạch tứ Yết-ma để cho. Hoặc thực hành bốn nhứt trí rồi cũng nên xin xuất tội. Chúng tặng nên bạch tứ Yết-ma cho. Từ khi hành ý hỷ cho đến khi xuất tội, những người phạm tội không được xen nhau mà tác ý hỷ đủ số 20 người mà xuất tội (người có tội phải bỏ ra, không được kể túc số). Lại có 7 việc thất dạ (mất pháp Ma-na-đỏa) mắc tội Á c tác.

1. Đến chùa khác mà không bạch.
2. Khách Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đến mà không bạch.
3. Có duyên sự tự ý ra ngoại giới mà không bạch.
4. Ở trong chùa, đi dạo không bạch.
5. Bị đau không nhờ người thân tín đến bạch.
6. Ở chỗ không có các vị Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.
7. Nửa tháng khi thuyết giới không bạch.

Khi tác bạch phải đầy đủ oai nghi mà thưa rằng:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni... phạm tội Tăng-tàn... đã theo Chúng tặng xin nửa tháng hành Ma- na-đỏa. Chúng tặng đã cho tôi Tỳ-kheo-ni... nửa tháng hành Ma-na-đỏa, tôi Tỳ-kheo-ni

hành Ma-na-đỏa đã được (bao nhiêu) ngày, còn bao nhiêu ngày chưa hành bạch đại đức biết cho, tôi đang hành Ma-na-đỏa" (bạch 3 lần)

Nếu ngày Bô-tát mà người kia quá yếu đuối, có nhiều hồ thẹn thì phải nên đến một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh mà bạch rằng: "Bạch Đại tỷ Thượng tọa, hôm nay tôi xin nghỉ giáo sắc không làm".

Nếu khi muốn làm nên đến chỗ một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh bạch rằng: "Hôm nay vâng theo giáo sắc tôi xin làm".

Trong khi thực hành Ý hỷ thì phải làm 35 việc, không làm phạm tội. 35 việc này như trong giới dâm ở thiên đầu đã nói. Phải biết tội này không phải nhẹ, trong này phương pháp sám hối rất phiền mật, lý phải tinh luyện, tự mình nên y luật mà hành trì, nếu không như vậy sẽ thành ra sám hối suông, tự mình mắc tội nặng. Trong thiên này tướng phạm có sai khác nhau, nguyên tắc Yết-ma xuất tội và phương pháp thực hành Ma-na-đỏa chép đầy đủ trong đại luật ở kiền-độ phú tàng và trong bộ Yết-ma Chỉ nam, đây không chép ra nữa.

Giải thích tội Thân-lan-giá có 2 thứ:

1. *Căn bốn*: Cũng gọi là độc đầu.
2. *Tùng sanh*: Cũng gọi là phương tiện.

Hai loại tội này phương pháp sám hối có 3 bậc:

a. *Tội thượng phạm*: Phải đối trước Đại chúng mà sám hối. Nghĩa là trong tội căn bản ăn trộm 4 tiền, trộm thức ăn của Tăng, giết loài phi nhơn... và trong tội tùng sanh phạm tội Ba-la-di nhẹ là tội Thâu-lan-giá trọng.

b. *Tội trung phạm*: Nên hướng đến 3 vị Tỳ-kheo-ni mà sám hối, nghĩa là trong tội căn bản, phá Yết-ma Tăng, ăn trộm 3, 2 tiền, 2 thân có y che va chạm nhau... và trong tùng sanh phạm tội Ba-la-di nhẹ là Thâu-lan-giá khinh.

c. *Tội hạ phạm*: Đối trước một vị Tỳ-kheo-ni mà sám hối, nghĩa là trong tội căn bản, dùng tâm ác mắng Tăng, ăn trộm 1 tiền, dùng đầu tóc giả, da người, ăn thịt sống, mặc áo ngoại đạo trong tội tùng sanh phạm tội Tăng-tàn nhẹ là Thâu-lan-giá khinh.

Xét trong luật Thập Tụng người phạm tội nặng phải đối trước Chúng tăng mà sám hối, người phạm tội thuộc trung phạm nên ra ngoại giới đối trước 4 vị Tỳ-kheo-ni mà sám hối. Người phạm tội nhẹ giống như trên đã nói.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Thâu-lan-giá từ nơi tội Thô ác phát sanh ra cho nên gọi là Thâu-lan-giá hoặc là ý muốn khởi đại sự mà không thành gọi là Thâu-lan-giá,

hoặc là trong tội Đột-cát-la mà ác thuyết nặng gọi là Thâu-lan-giá. Nếu muốn sám hối trừ diệt tội này, thượng phẩm Thâu-lan- giá khi đối trước đại chúng cần phải đầy đủ oai nghi đến giữa Chúng tăng, theo Chúng tăng mà cầu xin 3 lần rồi, phải thỉnh 1 vị làm chủ trì việc sám hối, vị chủ trì việc sám hối phải tác bạch, bạch rồi vậy sau mới được nhận cho người kia sám hối.

Xét trong luật Thập Tụng, phương pháp đối giữa tất cả Chúng tăng và phương pháp đối trước 4 vị Tỳ-kheo-ni cũng giống như đây.

Người phạm tội thuộc trung phẩm, phải đối trước tiểu chúng mà sám hối, nên đến chỗ 3 vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh thỉnh 1 vị làm chủ trì việc sám hối, vị chủ trì sám hối nên hồi hai vị Tỳ-kheo-ni kia rồi mới được nhận cho người kia sám hối. Muốn đối trước hai vị Tỳ-kheo-ni để sám hối, phương pháp cũng giống như đây.

Người phạm tội thuộc hạ phẩm nên đối trước 1 người mà sám hối. Phải đến chỗ 1 vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, trước phải thỉnh vị ấy làm chủ trì việc sám hối rồi, vậy sau mới được sám hối.

Trong này phương pháp sám hối và bạch Tăng, văn thỉnh vị chủ trì việc sám hối sẽ nói đầy đủ trong

phương pháp sám hối tội xả đọa, chỉ khác một chỗ là không xả đồ vật và đổi tên tội mà thôi, cho nên không nói ra đây nữa.

Trong kinh Quán Phật Tam Muội dạy rằng: Người phạm Thâu-lan-giá đê lâu mà không sám hối, luồng thức ăn của Chúng tăng, lạm ngồi giữa Chúng tăng, cùng Chúng tăng bố tát, cứ như vậy chông chát vô lượng các nghiệp ác bất tịnh, tội hơn đến khi sắp lìa đời, toàn thân đều nghe một mùi hương giống như mùi con xạ hương, không thể chịu nổi, liền nghĩ rằng: "Ta phải đến chỗ nào để không nghe mùi này" Mùi hương này liền tạo nên luồng khí giống như cuồng phong thổi vào xông ướp trong tâm, suy nghĩ như vậy rồi, ngực tốt la sát, tự hoá làm thân mình, cũng giống như cái bình vẽ mà bên trong chứa đầy phấn uế (quỷ hóa người) đến trước người kia lấy tay thoa vuốt, khiến cho tội hơn tâm sanh ái nhiễm, tắt hơi lìa đời. Khi ấy giống như gió thổi cuốn vào địa ngục phất-xí, đọa rồi thân thể tan nát, các loài côn trùng rúc tia để ăn, khi ấy chạy ngược chạy xuôi qua đông về tây, đau như chẻ xương rút tủy, đói khát bức bách, uống nước phân sôi. Các loài côn trùng như: Sên, lã, dòi... đến rúc rửa nơi lưỡi tội hơn, 1 ngày 1 đêm 90 ức lần sống lại, 90 ức lần chết đi, đền

tội xong mới được tha ra, sanh vào nhà bần tiện, bị lệ thuộc kẻ khác, không được tự do, khi sanh ra đời thường gặp ác vương, lệ thuộc những kẻ tà kiến làm chủ đời mình, bao nhiêu là việc bức bách thân mình, khí thủng ghẻ độc làm áo mặc.

(HẾT QUYỂN III)

QUYỂN IV

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỐN LƯỢC KÝ

3. Pháp Xả đọa:

Chia làm 3 phần:

1. Tổng tiêu.
2. Giới tướng.
3. Kết vấn.

3-1. Tổng tiêu:

Thưa các Đại tử, đây là 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, xuất từ giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần

LUỘC GIẢI:

Ni-tát-kỳ: Hán văn dịch: Xả

Ba-dật-đề: Hán văn dịch: Đọa, lại có chỗ giải thích Ni Là tận.

Tát-kỳ: Xả. Nghĩa là những tài vật mang bản chất phạm tội. Các tài vật này cần phải xả trước Tăng, nếu chúng nhiều người hoặc một người, không được xả biệt chúng. Tài vật khi đã được xả rồi, còn lại tội đọa, cần phải đối trước một người sám hối. Bản chất của tội đọa này cùng với 178 tội đọa sau đại khái giống nhau. Tội đọa của Ni tăng gồm có 208 việc, ở đây chỉ nói 30 việc, do sự thọ dụng tài vật không như pháp mà sanh phạm tội. Tâm tham lam quá mạnh nên đức Phật chế phải xả hết bỏ vào Chúng tăng. Còn 178 việc kia thì không có tài vật để xả. Chỉ có khác nhau một điểm đó mà thôi. Cho nên gọi 30 pháp này là Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

3.2. Giới tướng:

ĐIỀU I: *Y quá thập nhật*

Tỳ-kheo-ni nào, y đã đủ Ca-thi-na y đã xả, cất chứa y dư, trong 10 ngày không tịnh thí được phép chứa, nếu quá 10 ngày, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ-thọ Cấp-cô- độc. Lúc bấy giờ đức Thế tôn, vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y dĩ cảnhh: Nghĩa là Tỳ-kheo-ni 3 y đã đủ.

Ca-thi-na-y dĩ xả: Cũng gọi là y đã đủ. Không thọ y Ca-thi-na, cũng gọi là y đã xong. Vì thọ công đức y thì trong vòng 5 tháng được cất để y dư và được hưởng 5 việc mà không phạm giới. Không thọ công đức y cũng được 1 tháng vì có công tọa hạ An cư, tuy không thọ, cũng được thưởng 5 điều lợi ích trong 1 tháng. Công đức y được thọ vào ngày 16 tháng 7 đến rằm tháng chạp thì xả. Ấy gọi là đã xả (xong).

Súc trưởng y: Nghĩa là ngoại trừ 5 y thường thọ trì, nếu có cất chứa các loại y thặng dư, cho đến một miếng vải nhỏ nhất dài chừng 8 ngón tay đức Phật và rộng bốn ngón đều liệt vào y thặng dư.

Y có 10 loại: 1. Dã tầm miên y. 2. Kiếp bối y. 3. Mao y. 4. Sô ma ma y. 5. Thô bố y. 6. Phiến na y. 7. Ma y. 8. Si di-la. 9. Cưu-di-la y. 10. Sấm-la-bán-ni y.

Kinh thập nhật: Nghĩa là trong phạm vi 10 ngày.

Bắt tịnh thí: Tịnh thí có 2 cách:

1. *Chơn thật tịnh thí:* Nghĩa là chơn thật đem cho người khác.

2. *Triển chuyển tịnh thí:* Nghĩa là đối trước một người khác tác pháp rồi vậy sau mới được cất chứa. Phương pháp tịnh thí sẽ nói rõ trong giới tự tiện mang đắp y tịnh thí.

Dắc trì: Nghĩa là được cất chứa và thọ trì trong vòng 10 ngày.

Nhược quá: Nghĩa là y đáng thọ trì đã thọ trì, y cần tịnh thí phải tịnh thí, không làm đúng như vậy đến ngày thứ 11 khi ánh ban mai xuất hiện phạm tội Xả-đọa.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni lãnh thọ y từ một người khác trao vào tay mình, chính ngày lãnh thọ ấy kể là ngày đầu cho đến ngày thứ 10, trong khoảng thời gian 10 ngày ấy, nếu mỗi ngày được thêm y hoặc cách ngày được y, hoặc chỉ ngày đầu tiên ấy được y mà thôi cho đến ngày thứ 11 khi ánh ban mai xuất hiện, tùy theo số y thặng dư đã có đều phạm tội Xả-đọa. Nếu y phạm tội Xả-đọa đó mà không xả, đem đổi y khác thì phạm một tội Xả-đọa cộng với một tội Ác tác. Y này phải xả trước tăng, nếu chúng nhiều người hoặc một người, không được

biệt chúng xả. Nếu xả không thành xả phạm tội Á c tác. Xả xong rồi phải đối trước một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh mà sám hối. Vị nhận sự sám hối ấy phải bạch Chúng tăng rồi sau mới thọ. Nếu Chúng tăng nhiều khó nhóm họp, Tỳ-kheo-ni này có duyên sự muốn đi xa, nên hỏi rằng: Y này chị muốn cho ai? Tùy ý người kia nói, mà cho. Chúng tăng nên bạch nhị Yết- ma trả y cho Tỳ-kheo-ni này. Nếu không có duyên sự như trên thì phải nên trải qua một đêm rồi mới làm pháp Yết-ma để trả.

Trong 30 việc này các phương pháp Yết-ma xả tài vật, sám hối... sẽ ghi chép đầy đủ trong phần kết vẫn ở sau. Không trả y lại, Chúng tăng phạm Á c tác. Nếu có người nào nói rằng: Đừng trả, người ấy cũng phạm Á c tác. Y phạm xả đoạ nếu đem tác tịnh thí hoặc khiến cho người khác hoặc đốt hoặc sung làm 5 y, hoặc làm tạp toái y, hoặc cố ý làm hư, hoặc làm thành phi y, hoặc thường thường mang đắp cho rách, đều phạm Á c tác.

Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy, 3 chúng sau phạm Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Trong khoảng thời gian 10 ngày phải làm pháp tịnh thí, hoặc khiến đem cho người khác...

Lược giải thích về việc y Ca-thi-na: Ca-thi-na Hán văn dịch là công đức, nghĩa là thọ y này nhờ thế lực của y trong 5 tháng được hưởng 5 công đức. Lại gọi là y thường thiện phật ác, nghĩa là Tỳ-kheo-ni An cư có thiện công đức nên đem y này để thưởng. Còn chúng phi pháp phá An cư thì phật không được thọ. Các Tỳ-kheo-ni An cư xong rồi có bốn việc để làm: 1. Tự tứ. 2. Giải giới. 3. Kết giới. 4. Thọ công đức y. Thọ công đức y xong được 5 việc lợi ích:

1. Được cất chứa y dư.
2. Được phép lìa y mà ngủ.
3. Được biết chúng thực.
4. Được ăn nhiều lần.

5. Trước hay sau bữa ăn tách riêng đi vào xóm không cần báo cho một Tỳ-kheo khác biết.

Làm thế nào để thành thọ công đức y? Nếu được y mới hoặc y của người đàn-việt cúng dường, y phẩn tảo, nếu là y mới hoặc y cũ. Nếu là y mới thì phải may vào một miếng vải mà tác tịnh. Nếu là y đã giặt, giặt xong cũng phải may vào một miếng vải mà tác tịnh. Y này không phải do tà mạng mà được, không do nịnh bợ mà được, không phải do hiện tướng mà được, không dùng cách gợi ý mà được. Không được để cách đêm. Y Xả đoạ cũng không được phép dùng làm Công

đức y. Nhận được y ngày nào thì phải như pháp may 4 phía thành y lại. Y 5 điều thì 10 khoảng, hoặc hơn 5 điều cũng nên thọ nghĩa là y 7 điều 21 khoảng, cho đến y 25 điều, 125 khoảng, nên tự tay mình giặt nhuộm thành màu hoại sắc, xếp vuốt sửa sang cắt chia làm 10 khoảng may lại xong rồi ở trong nội giới mà thọ trước Chúng tăng, không được thọ trước một người, cũng không phải chỉ có một người mà thọ Công đức y được. Không phải thọ trước 2, 3, 4 người, cũng không phải 2, 3, 4 người mà thọ Công đức y được. Phạm tối thiểu một trú xứ phải có 5 vị thiện Tỷ-kheo-ni đồng giới, một người thọ sai, 4 người Yết-ma mới thành thọ, không được ở ngoại giới tự thọ, nếu qua 5 người mà thuyết dục cũng thành thọ. Nếu ra ngoại giới trở về nghe Chúng tăng đã thọ Công đức y rồi. Mình liền tùy hỷ cũng thành thọ. Nếu người ta cúng thí y vật nhiều nên chọn một cái đẹp nhất làm Công đức y, còn bao nhiêu nên Yết-ma phân chia. Nên tác bạch rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe, ngày hôm nay Chúng tăng thọ Công đức y, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Chúng tăng hoà hiệp thọ Công đức y. Đây là lời tác bạch".

Tiếp đến nên sai một người trì y. Luật Thập tụng

nói người có 5 điều này không được sai:

1. Hay thiên ái. 2. Dễ nóng giận. 3. Hay sợ hãi. 4. Thường bắt minh. 5. Không biết đã thọ và chưa thọ. Nếu người nào ngược lại với 5 điều kể trên thì nên sai.

Lại có 5 hạng Tỳ-kheo-ni không được phép làm người trì Công đức y. 1. Không có tuổi hạ. 2. Phá hạ An cư. 3. Hậu An cư. 4. Bị đuổi. 5. Đáng bị đuổi.

Luật Bồn nói: Nên hỏi rằng: " Ai có thể trì Công đức y".

Nếu có người đáp rằng: "Tôi...có thể trì".

Vị Yết-ma nên sai như thế này:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng nay chấp nhận sai Tỳ-kheo-ni... Vì Chúng tăng mà trì Công đức y. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tăng sai Tỳ-kheo-ni vì Tăng trì Công đức y. Các Đại tỳ nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo-ni... vì Tăng trì Công đức y thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... vì Tăng mà trì Công đức y rồi. Tăng vì bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Chúng tăng liền bạch nhị Yết-ma giao y công đức cho người trì y. Nên bạch rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tăng trú xứ này nay được y vật đáng phân chia. Tăng hiện tiền nên chia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận đem y này trao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ trì y này vì Chúng tăng mà thọ làm Công đức y. Thọ trì tại trú xứ này. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tăng trú xứ này được y vật đáng phân chia. Tăng hiện tiền nên chia. Tăng nay đem y vật này trao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ trì y này, vì Tăng thọ làm Công đức y. Thọ trì tại trú xứ này. Đại tử nào chấp thuận tăng nay đem y này trao cho Tỳ-kheo-ni... thọ làm công đức y thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận đem y này trao cho Tỳ-kheo-ni... thọ trì làm Công đức y rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Vị Tỳ-kheo-ni trì Công đức y nên đứng dậy cầm y, đi đến các vị Tỳ-kheo-ni khác từ Thượng tọa đến Hạ tọa đưa y vừa tầm duỗi tay đưng vào y, và nói đều được nghe rõ ràng, thưa trước Tăng rằng:

"Y này Chúng tăng sẽ thọ làm Công đức y".

"Y này Chúng tăng nay thọ làm Công đức y".

"Y này Chúng tăng đã thọ làm Công đức y".

Nói ba lần xong rồi. Các Tỳ-kheo-ni nên nói rằng:

"Người thọ trì đã khéo thọ trì, trong đây có những Công đức và danh dự gì, tôi thấy đều có dự phần".

Người thọ trì y nên đáp rằng: "Nhĩ" (kính vâng).

Nếu được vải chưa may thành y, giữa chúng nên Yết- ma sai một vị Tỳ-kheo-ni may. Nên sai như thế này:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp với Tăng. Tăng nay chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... vì Chúng tăng mà may Công đức y. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tăng sai Tỳ-kheo-ni... vì Chúng tăng mà may Công đức y. Các Đại tỳ nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo-ni... vì Chúng tăng mà may Công đức y thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... vì Tăng may Công đức y. Tăng vì chấp thuận nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

May rồi như trước tác pháp mà thọ. Theo luật Thiệt Kiến: Nếu trụ xứ nào không hội đủ 5 vị Tỳ-kheo-ni và không biết phương pháp thọ, có thể mời các Tỳ-kheo-ni các chùa khác đến dự cho đủ túc số và nhờ họ làm Yết-ma, nhưng họ không được hưởng các Công đức của y này, và cũng không được nhận phần

chia y. Bốn tháng mùa đông đã hết rồi Chúng tăng nên xả y Công đức. Nên xả như thế này: Trước phải tác Tiền phương tiện rồi bạch rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Ngày hôm nay Chúng tăng xả Công đức y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận Tăng nay hoà hiệp xả Công đức y. Đây là lời tác bạch".

Xả rồi thì không còn có được 5 việc Công đức. Nếu có y vật dư phải xả hoặc tác tịnh... không làm như vậy quá 10 ngày phạm tội Xả đoạ. Nếu không xuất công đức y trễ quá thời hạn Chúng tăng đều phạm Đột-cát-la.

Có 8 nơn duyên xả Công đức y: *(Trích trong tập Yết Ma Yếu Chỉ của Hoà Thượng Thích Trí Thủ)*

1. Ra đi: Sau khi Y Ca-thi-na đã được thọ, Tỳ-kheo nào vì nhu cầu cần thay đổi trú xứ, bước chân ra khỏi Đại giới của trú xứ với ý nghĩ sẽ không trở lại nữa, với Tỳ-kheo ấy Ca-thi-na bị xả.

2. Y thành: Sau khi Y Ca-thi-na đã được thọ, Tỳ-kheo nào mang vải may y của mình ra khỏi đại giới của trú xứ để may, khi may thành, với Tỳ-kheo ấy, Ca-thi-na bị xả.

3. Y chưa thành: Sau khi Y Ca-thi-na đã được thọ, Tỳ-kheo nào mang vải may y của mình ra khỏi Đại

giới của trú xứ với ý nghĩ không trở lại trú xứ, và dù y chưa may xong, với Tỳ-kheo ấy, Ca-thi-na bị xả.

4. Mất y: Ra khỏi Đại giới, may y xong nhưng bị mất, Ca-thi-na cũng bị xả.

5. Mất hy vọng: Ra khỏi giới để đi đến chỗ với hy vọng có được y, nhưng đến đó không có y.

6. Nghe xả: Khỏi giới, hay tin rằng Tăng trong trú xứ đã xả Ca-thi-na y.

7. Xuất giới: Ra ngoài Đại giới để may y, may y đã xong, nhưng hay tin rằng Tăng đã xả Ca-thi-na.

8. Đồng xả: Ở ngoài Đại giới mà may y dù xong hay không xong, trở lui về trong giới, cùng Tăng hoà hiệp xả Ca-thi-na.

Ba trường hợp cuối cùng tương đương với sự xả toàn bộ, nghĩa là do Tăng Yết-ma xả. Nhưng điểm khác biệt là ở đây xả bất thường, tức không đợi mãn hạn kỳ của y, do tình trạng đặc biệt nào đó. Tăng đồng ý hoà hiệp tác pháp xả.

Về các pháp xả y, hợp Tăng và tác tiền phương tiện vẫn hoà theo thông lệ. Yết-ma xả thuộc loại đơn bạch. Văn bạch như sau:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe, ngày hôm nay Tăng hoà hiệp xả y Ca-thi-na. Nếu thời gian thích hợp

đối với Tăng. Tăng nay hoà hiệp xả y Ca-thi-na".

Theo quan điểm của Yết-ma Chỉ Nam sau khi y Ca-thi-na được xả, quyền sở hữu không thuộc về người trì y. Tăng đã chọn Tỳ-kheo nào có y rách mà cho. Quan điểm này được nói là dẫn từ luật Thiện Kiến nhưng Hành Sự Sao số 19 đã tổng hợp Thập Tụng và Thiện Kiến để nói rằng: Tăng chọn Tỳ-kheo đủ năm đức và trong số các Tỳ-kheo mà ba y đã rách làm người trì y. Như vậy, không có trường hợp Tăng xả y từ người trì y rồi đem cho một Tỳ-kheo khác.

Lại có 2 thứ xả Công đức y: 1. Tỳ-kheo-ni trì Công đức y ra ngủ ở ngoại giới. 2. Chúng tăng hoà hiệp cùng xả.

Phần này nói rộng ở trong Đại luật và bốn Yết-ma.

ĐIỀU 2: *Ly y dị túc*

Tỳ-kheo-ni nào, y đã xong, Ca-thi-na y đã xả là 1 trong 5 y ngủ một đêm ở chỗ khác, trừ Tăng Yết-ma. Ni-tát-kỳ-a-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y dĩ cảnh, Ca-thi-na y dĩ xả: Giống như giới trước đã giải thích.

Ngũ y: 1. An-đà-hội. 2. Uất-đa-la-tăng. 3. Tăng-già-lê. 4. Tăng-kỳ-chi. 5. Phú-kiên-y. Khi ấy các vị Tỳ-kheo-ni đi đường để bày ngực và cánh tay bị người thế tục khinh cười cho nên bạch Phật. Đức Phật cho cất chứa thêm y Tăng-kỳ-chi tức là hạ quần của Ni và y Phú kiên phải mặc vào trước để che cả hai vai, sau mới đắp pháp y lên trên.

Ly: Nghĩa là thân và y ở khác chỗ nhau.

Nhứt nhứt y: Nghĩa là xa lia 1 trong 5 y.

Dị xứ túc: Nghĩa là ngủ ở chỗ khác, khi ánh ban mai lộ dạng liền phạm tội xả đọa. Đây là căn cứ 3 y đã thọ trì rồi, nếu lia y qua 1 đêm liền gọi là mất y cho nên phạm tội này.

Trừ Tăng Yết-ma: Nghĩa là bị bệnh, Chúng tăng Yết-ma cho phép được lìa y thì không phạm.

Phương pháp làm Yết-ma: Tỳ-kheo-ni bị bệnh, nên đến trước Chúng tăng đánh lễ Tăng rồi quỳ gối chấp tay tác bạch như sau:

"Bạch Đại tử tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo-ni... vì bệnh hoạn, có duyên sự cần đi xa, nhưng y Tăng-già-lê phần tảo này nặng, không kham mang theo. Nay tôi thỉnh cầu Tăng kết pháp không mất y" (Xin 3 lần).

Tăng nên tác Tiền phương tiện. Khi đáp nên trả lời rằng: " Yết-ma kết pháp không mất y".

Vấn đáp xong rồi vị Yết-ma nên bạch như sau:

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vì bệnh hoạn, có duyên sự cần đi xa, nhưng y phần tảo Tăng-già-lê nặng không kham mang theo, nên thỉnh cầu Tăng kết pháp không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng nay vì Tỳ-kheo-ni... kết pháp không mất y. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vì bệnh hoạn, có duyên sự cần đi xa, nhưng y phần tảo Tăng-già-lê nặng không kham mang theo, nay thỉnh cầu Tăng kết pháp không mất y. Các Đại tử nào chấp thuận Tăng vì Tỳ-kheo-ni... Kết pháp không mất y thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận vì Tỳ-kheo-ni... kết pháp không mất y, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Y xả đọa này phải xả rồi mới sám hối.

Phương pháp xả và sám hối đều giống như giới

trước. Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma trả y cho Tỳ-kheo-ni này ngay, nếu không trả mà thường đem ra đập dùng làm hư hoại phạm Á c tác.

Bốn chúng kia cũng phạm tội giống như trước.

**Trường hợp không phạm:* Khi ánh ban mai chưa xuất hiện mà tay mình đã cầm được y, cho đến về kịp đến chỗ nào sức mạnh cầm một viên sỏi ném đến đích trụ xứ để y, hoặc là mình tưởng rằng y của mình đã bị cướp, mất, cháy, trôi, hư hoại..., hoặc đi giữa đường gặp tai nạn nguy hiểm, bị bắt giam cầm, hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn...

*Nhơn đây nói rõ kết giới không mất y. Đức Phật cho bạch nhị Yết-ma kết giới không mất y trừ ra trường hợp cách dòng nước chảy:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Đây là trú xứ cùng sống cùng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận; Tăng nay ở trong phạm vi trú xứ này, trừ xóm và phần quanh xóm, kết giới không mất y. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tăng nay trong phạm vi của trú xứ cùng sống cùng thuyết giới này, trừ xóm và phần quanh xóm, kết giới không mất y. Các Đại tỳ nào chấp thuận. Tăng nay trong phạm vi của trú xứ cùng sống cùng thuyết giới này, trừ xóm và phần

quanh xóm kết giới không mất y thì im lặng. Ai không chấp thuận hãy nói. Tăng đã chấp thuận trong phạm vi của trú xứ cùng sống cùng thuyết giới này trừ xóm và phần quanh xóm kết giới không mất y, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Cương giới không mất y này không có tiêu tướng riêng, tức là ngay nơi đồng một trú xứ đại giới mà kết. Kết đại giới trước, kết giới không mất y sau. Nhưng có 3 thứ Tăng-già-lam.

1. Đại giới và Tăng già lam bằng nhau.
2. Đại giới nhỏ hơn Tăng-già-lam thì không cần kết.
3. Đại giới lớn hơn Già-lam phải như pháp kết, tuy theo giới mà nhiếp y vậy.

Trừ thôn thôn ngoại giới: Nghĩa là trừ nhà của thế gian và giới vực quanh thôn xóm, lấy đất trống của thôn xóm và trú xứ mà kết. Làm Yết-ma kết giới không mất y, trước đó do khi lập Yết-ma không có thôn xóm, nay trong thôn xóm mà nhiếp y, sau này có việc xảy ra, vì thế mới trừ thôn xóm ra. Nay không luận là có thôn xóm hay không, đúng pháp phải trừ như vậy. Trong luận Tát-bà-đa nói rõ nghĩa này: Có nhà của người thế tục dựng lên vì 5 ý mà phải trừ:

1. Trước không có thôn xóm, làm Yết-ma kết rồi,

kẻ tinh khôn ở chỗ khác vào ở, thì tùy theo chỗ nào họ đến ở đều không phải là thuộc giới của y.

2. Trước có nhà cửa sau bỏ đi, y giới vẫn nhiếp.

3. Nhà cửa có trước thì không nhiếp vào y giới.

4. Nhà dân dỡ đi còn lại khoảng đất trống thành giới của y.

5. Nhà cửa của người thế tục bỏ đi và đến ở không thường, khỏi phải kết, giải.

Nếu Tỳ-kheo-ni thân ở tại thôn xóm, y cũng ở nơi thôn xóm, phải đến chỗ ở y. Nếu thân ở tại thôn xóm, y ở tại Lan-nhã, phải ra khỏi ngoại giới vực của thôn. Nếu thân ở A-lan-nhã mà y ở trong thôn xóm, phải đến chỗ ở y. Nếu thân và y cùng ở trong Lan-nhã thì không phạm. Muốn giải thì phải giải giới không mất y trước, sau mới giải đại giới. Nên tác bạch để giải như sau:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Đây là trú xứ cùng sống, cùng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận nay giải giới không mất y. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Đây là trú xứ cùng sống, cùng thuyết giới. Nay giải giới không mất y. Các Đại tỳ nào chấp thuận trong trú xứ cùng sống, cùng thuyết giới này, nay giải giới không mất y thì im lặng.

Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận trong trú xứ cùng sống, cùng thuyết giới này. Nay giải giới không mất y, vì im lặng; Tôi ghi nhận như vậy".

Luật Thập tụng nói: Nếu xả Đại giới, giới không lìa y cũng xả. Nếu xả giới không lìa y, đại giới không xả.

ĐIỀU 3: *Y quá nhứt nguyệt*

Tỳ-kheo-ni nào, y đã đủ, Ca-thi-na y đã xả, nếu Tỳ-kheo-ni được vài phi thời, cần thì nhận, nhận xong nhanh chóng may thành y, đủ thì tốt, không đủ thì được phép chứa 1 tháng vì đợi cho đủ. Nếu chứa quá hạn, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế-tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y dĩ cảnh Ca-thi-na y dĩ xả: Như giới trước đã giải thích.

Nhược đắc, phi thời y. Đắc: Nghĩa là từ nơi những người nam nữ tại gia hay xuất gia mà được. Sao gọi là y đúng thời? Sao gọi là y phi thời? Nếu không thọ Công đức y, 1 tháng sau khi Tụ tứ, nếu thọ Công đức y thì 5 tháng sau Tụ tứ. Ấy gọi là y đúng thời. Quá thời hạn này gọi là y phi thời. Trong lúc không phải thời nhận y mà được y thì gọi là y phi thời.

Dục tu tiện thọ. Dục tu: Ý muốn được y, *Tiện thọ:* Nghĩa là được phép cất chứa.

Thọ dĩ tât tât thành y: Nghĩa là đã nhận được vải rồi, trong 3 y cái nào bị thiếu hoặc rách nên may nhanh cho xong trong vòng 10 ngày để thọ trì đừng để quá.

Nhược túc giả thiện: Nghĩa là được vải đồng một thứ, lượng đầy đủ có thể may thành một y mà không thiếu.

Nhược bất túc giả đắc súc nhứt nguyệt: Nghĩa là vải thiếu có đối tượng hy vọng sẽ được thêm cho đủ y. Cho phép cất chứa để chờ đợi tối đa trong vòng 30 ngày, vì để cho đủ số vải.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu trong vòng 10 ngày mà có đủ số vải đồng loại nên cắt may mà thọ trì, hoặc tịnh thí, hoặc khiến cho người khác, nếu không làm như vậy đến ngày thứ 11, khi

ánh ban mai xuất hiện tùy theo số vải nhiều, ít đều phạm tội Xả đọa. Trong ngày thứ 11 nếu vải đồng loại đầy đủ phải cắt may ngay hoặc làm các việc như trên, không như vậy đến ngày thứ 12 khi ánh ban mai xuất hiện tùy theo vải nhiều hay ít đều phạm Xả đọa. Cho đến ngày thứ 29 cũng vậy. Ngày thứ 30 dù đủ hay không đủ, vải đồng loại hay không đồng loại phải may thành y ngay, hoặc tác tịnh...các việc như trên. Không như vậy đến ngày 31 khi ánh ban mai xuất hiện, phạm Xả đọa. Y này phải xả rồi mới sám hối. Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma trả y cho Tỳ-kheo-ni này. Còn phạm hay không phạm, bốn chúng kia phạm tội giống như giới trước.

Phương pháp may 3 y: Lúc bấy giờ, đức Phật dạy ngài A-nan hãy hướng dẫn cho các thầy Tỳ-kheo cắt đứt vải ra mà may y giống như một thửa ruộng có các bờ đập bằng phẳng. Đệ tử của các đức Phật trong đời quá khứ cũng như vị lai đều mang đắp một loại y như vậy, cũng giống như Ta ngày hôm nay dùng dao cắt đứt vải để may thành y Sa-môn, sẽ không bị kẻ oán tặc cướp giết, cho phép các thầy Tỳ-kheo cắt vải ra để may thành y An-đà-hội, y Uất -đa-la tăng, y Tăng-già-lê, cũng cho phép được may y An-đà-hội mà không cần cắt vải ra. Chương Phục Nghi nói rằng: Tướng

điều cách làm giống như bờ đập của thửa ruộng, chứa nước để nuôi lớn mầm lúa cũng giống như người đắp y này hay sanh ra các công đức. Đức Phật dạy phải làm giống như đây, không phải là không có ý nghĩa. Cho may lá đường may giống như chân chim, hoặc viên một bên tay may như răng ngựa phải may 5 điều không được may 6 điều. Nên may 7 điều cho đến 25 điều. Nếu quá điều số này không được cất dùng. Nếu vải mới may y An-đà-hộ

Đàn cách 2 khoảng dài, 1 khoảng ngắn.

2. *Ba phẩm thứ hai*: 15 điều, 17 điều, 19 điều, 3 khoảng dài, 1 khoảng ngắn.

3. *Ba phẩm thứ ba*: 21 điều, 23 điều, 25 điều, 4 khoảng dài, 1 khoảng ngắn.

Uất-đa-la tăng 7 điều, 2 khoảng dài, 1 khoảng ngắn.

An-đà-hội 5 điều, 1 khoảng dài, 1 khoảng ngắn.

Đức Phật dạy: Ba y phải thọ trì, nếu nghi nên xả rồi thọ lại. Nếu có 3 y không thọ trì phạm Đột-cát-la. Nhưng Luật thiếu văn thọ, căn cứ trên các bộ Luật khác thì đều có phương pháp thọ y. Nay y vào luật Thập Tụng thì phải đầy đủ oai nghi đến trước một vị Tỳ-kheo-ni bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm, con Tỳ-kheo-ni... Đây là An-đà-hội: 5 điều, mỗi điều gồm 1 khoảng dài, và 1 khoảng ngắn, là y được cắt rọc. Nay con xin thọ trì" (nói 3 lần).

Nếu thọ Uất-đa-la tăng nên nói:

"Đại tử nhứt tâm niệm, con Tỳ-kheo-ni... Đây là Uất-đa-la tăng 7 điều, mỗi điều gồm 2 khoảng dài, và 1 khoảng ngắn.

Nếu thọ Tăng-già-lê nên nói:

"Đại tử nhưt tâm niệm, con Tỳ-kheo-ni... Đây là Tăng-già-lê (bao nhiêu) điều. (bao nhiêu) khoảng dài 1 khoảng ngắn là y được cắt rọc, nay con xin thọ trì (nói 3 lần).

Nếu vì một duyên có phải xả, nên y theo luật Tăng kỳ thừa rằng":

"Đại tử nhưt niệm, con Tỳ-kheo-ni... Đây là Tăng-già-lê 1 trong số 3 y của con. Trước đã thọ trì nay xin xả" (nói 1 lần).

Hai y kia cần xả, chuẩn theo đây nên biết. Theo luật Thập Tụng ba mang y cũng cho thọ trì

Theo Nam Sơn Sao nói: An-đà-hội có 4 thứ: 1. Cát triệt. 2. Nhiếp điệp. 3. Điệp điệp. 4. Mang tác, tựu trung có 2 phẩm chánh và tụng. *Phẩm chánh có 3 thứ: 1. Cát triệt. 2. Nhiếp điệp. 3. Điệp điệp. Phẩm tụng có 21 thứ: 1 thứ thuộc mang tác, 2 thứ thuộc trung y và 18 thứ thuộc đại y.*

Luật Thập Tụng bảo rằng: Nếu Tỳ-kheo-ni nghèo thiếu vải không sắm nổi 1 y cắt rọc, nên ở trên tấm vải cắt từng điều khoảng rồi đặt lên trên mà may hoặc 5 điều, hoặc 7 điều, hoặc 9 điều, hoặc 11 điều, hoặc 13 điều, hoặc 15 điều, hoặc hơn 15 điều.

* Uất-đa-la tăng: *Phẩm chánh có 2 thứ: 1 Cát triệt. 2. Điệp điệp. Phẩm tụng cho 22 thứ gồm 4 hạ y*

và 18 đại y.

* Tăng-già-lê: *Phẩm chánh* gồm có 18 thứ là cát triệt và điệp điệp đều có 9 phẩm. *Phẩm tụng* có 6 thứ: Nghĩa là 2 trung y và 4 hạ y.

Nếu được chánh y, thì phải tác pháp như trên mà thọ trì. Nếu y may nhiếp điệp hay điệp điệp thì khó thọ trì chỉ cần đổi hai chữ "Cát triệt". Nếu thiếu y An-đà-hội mà hai y trên có dư thì khai cho đem tác tụng mà thọ trì. Nên tác pháp rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm, con Tỳ-kheo-ni... Đây là An-đà-hội 25 điều mỗi điều gồm 4 khoảng dài. 1 khoảng ngắn, là y được cắt rọc, nay con xin thọ trì" (nói 3 lần).

Cho đến y 9 điều, 7 điều cũng giống như đây nên biết. Nếu thiếu y Uất-đa-la-tăng mà hai y kia có dư, khi đem tác tụng mà thọ trì, thì so sánh đây có thể hiểu, y Tăng-già-lê thiếu cũng vậy. Nếu khi đem mang y mà tác tụng thay cho An-đà-hội nên bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm, tôi Tỳ-kheo-ni... Đây là mang y An-đà-hội xin thọ trì" (nói 3 lần).

Nếu muốn đem mang y mà làm tụng cho Uất-đa-la-tăng hay Tăng-già-lê thì cũng chuẩn theo phương pháp thọ y An-đà-hội này.

Không được không xả y mà đem đổi cho người

khác, phải xả rồi vậy sau mới đổi.

Luận Tát-bà-đa nói: 3 y nếu rách, nhưng thành của y chưa đứt, chưa mất sự thọ trì; Căn Bản luật nói: Về kích thước lớn nhỏ sai khác của y được quy định ba thứ: Thượng, trung, hạ.

* *Cỡ lớn nhất*: Của đại y là dài 3 khuỷu tay và rộng 5 khuỷu tay.

* *Cỡ nhỏ nhất*: Của đại y là dài 2 khuỷu tay rưỡi và rộng 4 khuỷu tay rưỡi.

* *Cỡ trung*: Giữa hai y lớn nhất và nhỏ nhất nay gọi là y trung. Hai y kia cũng vậy, Y ngũ điều lại có 2 thứ: Cao 2 khủy tay rộng 5 khủy tay. Cao 2 khuỷu tay rộng 4 khủy tay.

Luận Ngũ Phần nói: khủy tay dài ngắn không nhất định. Đức Phật dạy: Tùy theo tầm thước của thân người mà phân lượng cao rộng. Luật Nhiếp nói: Thân lớn, cánh tay ngắn thì phải đo thân mà may, nếu trái lại cũng phải đo thân làm chừng, không căn cứ nơi khuỷu tay.

Phương pháp may y: Vải may y phải được rọc thành từng miếng ráp lại như thừa ruộng. Lá xoay về hai phía không nên xếp về một phía. Lá có 3 thứ khác nhau: thượng, trung, hạ: Thượng: Rộng 4 lóng tay hoặc như chân con chim xò ra. Hạ: Hai lóng tay.

Giữa hai chùng cỡ đó thì gọi là trung. Phàm làm đàn nhỏ phải bằng nửa đàn lớn, khi ráp vào đàn nhỏ phải đối giữa với đàn lớn. Khi cắt vải phải thêm chùng nửa lá để sau khi may rồi mới được trái mặt giống nhau nếu trái với đây là không đúng vậy. Bốn bên đặt thành, nhỏ thua lá một chút, cách thành 4 ngón tay góc trên vai đặt một miếng vải (bần bà) ở giữa miếng vải ấy xoi một lỗ nhỏ, đặt sợi dây khuy, dài chùng 2 ngón tay, lật lại cột với nhau, liền thành 2 khuy, một bên thành ở trước ngực nên đặt một hột nút, xếp thành ba nếp, đây là chỗ đặt khuy nút, hoặc tùy theo thân lớn nhỏ.

Nút có 3 thứ:

1. Tợ như hạt anh áo.
2. Tợ như hạt quỳ.
3. Tợ như hạt lê.

Phía trên đã như vậy, phía dưới cũng như vậy, ngược xuôi tùy ý mà đắp đều thành không phạm. Nếu khi đi ra ngoài nên gài hột nút vào trong hai khuy, quần lên trên cổ trùm cả hai vai, góc vắt lên vai. Nếu thành y bị hư hoại nên lấy vải vá lại, hoặc dùng chỉ nhíp lại, nếu y gần rách nên lấy sợi chỉ dài may lại, nếu thấy có lỗ thủng nên mạng lại. Nếu thân đắp y, không nên ngồi ở chỗ đất thấp rít, nhám, cây đá, chỗ như nhớp không phải chỗ ngồi mà buông thân ngồi.

Phàm đắp y không như pháp đều phạm tội Á c tác. Nên dùng đầy đưng y.

Phương pháp may đầy y:

Hãy lấy một tấm vải dài 3 khuỷu tay, rộng 1 khuỷu tay rưỡi, xếp đôi lại may thành cái đầy, hai đầu may lại với nhau, chừa một cái miệng để y vào trong đó, mang trên vai, miệng đầy nên đặt một sợi dây, chớ để sâu trùng bò vào.

Phàm khi cất y vào đầy cái nào thường dùng thì để lên trên, cái nào ít dùng để xuống dưới, vả lại 3 y phải để trên, các y khác để dưới. Phải lưu ý giữ gìn như giữ da nơi thân. Vì muốn để cho người thí chủ được nhiều phước và cho mình khi cần dùng không thiếu thốn vậy.

Đại y là chủ trong các y, không được tùy ý chỗ nào cũng đắp dùng, chỉ khi nào làm các sự nghiệp, khi vào tụ lạc, khi khát thực, khi ăn, khi vào trong chúng ăn, khi lễ tháp, khi nghe pháp, khi lễ bái hai thầy và người đồng phạm hạnh; các sự việc như trên mới có thể đắp đại y. Y bảy điều sử dụng ở những chỗ sạch sẽ và khi ăn... còn y 5 điều tùy ý đắp dùng chỗ nào cũng được, đều không phạm lỗi.

Phàm khi đắp y nên là bỏ ba thứ tâm niệm:

1. Tâm ưa ngắm cho đẹp.

2. Tâm khinh lòn thọ dụng.

3. Tâm ưa cần danh tướng, trá hiện đắp y cũ rách muốn để cho người biết mình có đức có hạnh.

Ba thứ tâm niệm ấy đều không nên sanh khởi, nhưng tâm chỉ cầu mong áo hoại sắc vừa đủ che thân, thuận theo lời dạy bảo của bậc Đạo sư, tinh tấn tu thiện pháp, nên sanh 5 thứ tâm niệm.

1. Biết lượng xét mà dùng chớ để hư hoại.

2. Phải biết thay đổi không nên đắp một y để hôi hám mau hư.

3. Biết suy nghĩ nơi đem đến cúng cho mình rất khó khăn, mình phải sanh lòng biết ơn đền ơn, khi thọ dụng không nên làm những điều phi pháp.

4. Biết thời tiết nóng lạnh để hợp thời mà thọ dụng.

5. Biết rõ 3 y là 1 trong 13 thứ dụng cụ, đủ để nuôi thân, cất chứa nhiều y tăng trưởng lòng tham bỏ phé đạo nghiệp.

Lại nói về phương pháp may hai y dưới.

Thời đó, các vị Tỳ-kheo-ni để bày ngực và cánh tay mà đi bị người thế tục cơ hiểm khinh mạng cho nên bạch Phật, đức Phật dạy: Cho Ni sắm thêm Tăng-kỳ-chi và Phú kiên y. Trong Căn Bản Bách Nhút Yết-

ma: Năm y của Ni cái thứ tư là Khuyết-tô-ma-lạc-ca chánh dịch là Thuyên (chuyên), ý là lấy hình trạng mà đặt tên, tức là hạ quân của Ni, rộng 4 khuỷu tay dài hai khuỷu tay, hai bên may bít lại, trên hẹp dưới rộng, mặc vào kéo lên quá rốn, che khắp phía sau lấy dây buộc lại đó là Tăng-kỳ-chi. Y thứ 5 là Tăng-khước-kỳ dịch là yếm dịch y. Trước phải mặc vào để che cả hai vai. Vậy sau mới đắp pháp y lên trên. Trong này Phú kiên y tức là Tăng-khước-kỳ, rộng dài cũng như phương pháp may Tăng-kỳ-chi. Nay tùy theo cỡ người mặc mà may giảm lượng, tùy theo cỡ người mặc mà may giảm lượng ấy nghĩa là dài chỉ cần 2, 3 khuỷu tay. Cho nên trong Ký Qui Truyện nói: Phương này áo che cánh tay dài một khuỷu tay chính là đúng lượng. Đây là y theo luật chế mà chép lại. Nhưng quốc độ không đồng nhau chỉ cần ba y, bát, ngoạ cụ là y giáo phụng hành mà thôi, còn các y phục khác thì tùy theo quốc độ mà may mặc, không thể cuộc định, nếu muốn đắp mặc nay chuẩn theo luật Tăng-kỳ gia pháp bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm, con Tỳ-kheo-ni... Đây là Tăng-kỳ-chi may đúng pháp, nay con xin thọ trì" (nói 3 lần).

Nếu thọ phú kiên y gia pháp bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm, con Tỳ-kheo-ni... Đây là phú

kiên y may đúng pháp, nay con xin thọ trì" (nói 3 lần).

Nếu có đổi chác cần phải xả. Luật Bôn nói: Có nghi thì phải xả rồi mới thọ lại, không có chép văn xả. Luật Tăng Kỳ nói: 3 y khi có duyên sự cần xả đầy đủ oai nghi tác pháp bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm, con Tỳ-kheo-ni... Đây là Tăng-già-lê 1 trong số 3 y của con. Trước thọ trì nay xả" (nói 1 lần mà thôi).

Y 7 điều, y 5 điều cho đến 2 y sau... Cần xả cũng như vậy. Luật Ngũ Phần nói: Nếu thọ 3 y khi không xả liền thọ y khác rồi lấy y trước tịnh thí và cho người, được gọi là thọ lại, cũng gọi là tịnh thí cho người. Nhưng không xả thì phạm Đột-cát-la. Tội Đột-cát-la này là tội khuyết pháp vậy. Các y khác cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni thọ 4 y cũng đồng như giới trước. 4 y ấy là gồm 2 mang y thượng và hạ, cùng với y Tăng-kỳ và y Phú kiên.

13 thứ dụng cụ là: 3 y, toạ cụ, quần, quần ngắn, áo che nách, áo lót mình, khăn lau thân, khăn lau mặt, khăn dùng khi cạo tóc, khăn che ghế, đũa đựng thuốc...

ĐIỀU 4: *Phi thân khát y*

Tỳ-kheo-ni nào, xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt: *Trường hợp đặc biệt là: Nếu Tỳ-kheo-ni y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn; đây gọi là trường hợp đặc biệt.*

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại nước Xá-vệ trong vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc. Khi ấy, đức Thế tôn nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thân lý: Cha mẹ bà con, nghĩa là từ bảy đời trở lại, có bà con họ hàng đều gọi là thân lý, khác với ý nghĩa này thì không phải là thân quyến. Vì khi đến với người không thân quyến nhận y để dùng thì mình sẽ không rõ họ có dư dả hay thiếu hụt, nếu đến với người bà con thì mình sẽ có tâm biết rõ hoàn cảnh của họ để lượng chừng vừa mức mà thọ dụng cho nên đức Phật mới chế không được xin y từ người cư sĩ không phải thân quyến.

Cư sĩ, cư sĩ phụ: Nghĩa là người tại gia nhiều tiền của giàu có, sự nghiệp to lớn. Lại giải thích rằng: Ưa nói lời hay ho ở chỗ thanh tịnh gọi là cư sĩ, mà vợ

chồng đồng tâm cúng dường vậy.

Khất y: Nghĩa là xin được từ nơi một người khác, y có 10 thứ như trên đã nói.

Trừ dư thời: Nghĩa là khi có các nạn duyên xin không phạm.

Đoạt y: Nghĩa là bị giặc cướp mất.

Thất y: Nghĩa là tự mình làm thất lạc hoặc để quên chỗ nào.

Thiêu y: Nghĩa là bị lửa đốt cháy.

Phiêu y: Nghĩa là bị nước cuốn đi.

Trong giới này phương pháp xả, sám hối và trả y lại đều giống như giới trước, thầy Tỳ-kheo cũng phạm như đây. Ba chúng sau phạm thì mắc tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu xin từ người thân quyến, hoặc xin dùm cho người khác, người khác xin giúp cho mình, hoặc không xin tự nhiên mà được.

ĐIỀU 5: *Tri túc thọ y*.

Nếu Tỳ-kheo-ni nào, y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn, nếu có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến đem cho nhiều y yêu cầu tùy ý nhận, Tỳ-kheo-ni ấy nên biết đủ mà nhận y,

nếu nhận quá, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Doạt y... Như giới trước đã giải thích.

Tự tứ thỉnh: Nghĩa là người cư sĩ yêu cầu Tỳ-kheo-ni tùy ý nhận.

Đương trì túc thọ y: Trì túc có 2 cách.

1. *Tại gia nhơn trì túc:* Tùy ý người bạch y cho bao nhiêu nhận bấy nhiêu.

2. *Xuất gia nhơn trì túc:* Chỉ cầu đủ 3 y.

Nếu mất 1 y không nên nhận. Nếu mất 2 y chỉ còn 1 y, mà y ấy, 2 lớp, 3 lớp, 4 lớp, thì nên tháo ra mà may thành các y khác. Nếu 3 y đều mất hết thì nên biết vừa đủ mà nhận. Nếu người cư sĩ đem cho nhiều y yêu cầu tùy ý nhận, nếu vải may y mịn, hoặc mỏng, hoặc không bền chắc thì nên nhận mà may hoặc 2 lớp, 3 lớp, 4 lớp, phải nên đặt thành, trên vai phải may một tấm vải che mồ hôi, đặt khuy nút vào chỗ ấy, nếu may rồi còn dư

vải nên nói với người cư sĩ rằng: Vải cắt may y còn dư để làm gì? Nếu người đàn-việt nói: Tôi không phải vì cô mất y mà cúng dường. Tôi tự ý đem cúng dường cho Đại tử đó thôi. Nếu muốn nhận xin cứ nhận.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni thọ nhận y quá lượng tri túc Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Phương pháp xả y... phạm, không phạm đều giống như giới trước đã nói. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm được kết tội Đột-cát-la. Các bộ Luật khác cho ba chúng dưới thọ 2 y, thượng và hạ.

ĐIỀU 6: *Tham hảo khát y.*

Tỳ-kheo-ni nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo-ni để dành tiền sắm y, nghĩ rằng: Mua y như thế cho Tỳ-kheo-ni có tên như thế" Tỳ-kheo-ni ấy trước không được yêu cầu tùy ý mà đi đến nhà cư sĩ nói như vậy: Lành thay! Cư sĩ, nên vì tôi mua y như vậy, như vậy, vì muốn đẹp, nếu nhận được y, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Cư sĩ, cư sĩ phụ: Nghĩa là vợ chồng đồng tâm cùng nhau cúng dường.

Biện y giá: biện: Nghĩa là để dành cất đó chuẩn bị sẵn sàng.

Y giá: Nghĩa là vàng bạc tiền các thứ bảy báu.

Mại: Nghĩa là đem những vật giá trị đổi mà có được chứ không phải xin được từ nơi một người khác.

Nhu thị: Nghĩa là 10 loại y, ấy là những thứ mà Tỳ-kheo-ni có thể dùng được.

Dữ: Không phải do người kia xin mà tự họ muốn cúng dường vậy.

Tiên bất thọ Tự tứ thỉnh: Nghĩa là trước chưa từng được người đàn-việt kia thưa thỉnh yêu cầu mình tùy ý nhận mà tự tiện đến cầu xin 1 đại y quý giá. Cầu xin có 2 thứ:

1. Cầu xin tăng giá chỉ 1 phần trong 16 phần của 1 tiền.
2. Cầu xin tăng lượng y dù chỉ thêm 1 sợi chỉ.

Thiện tai cư sĩ: Đây là lời tán thán, khuyến khích

muốn khiến cho người kia cúng thêm vào để may y cho tốt đẹp.

Như thị, như thị y: Nghĩa là y dài, rộng, tốt đẹp, bền chắc vậy.

Vị hảo cố đấng: Nghĩa là Tỳ-kheo-ni làm như vậy là vì muốn xin y rất đẹp vậy. Nếu nhận được y phạm xả đoạ, cầu xin mà không nhận được phạm Ác tác. Thấy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Ác tác. Phương pháp xả y, sám hối, và trả y cùng phạm, không phạm đều giống như giới trên.

ĐIỀU 7. *Tham hảo cộng sách*.

Tỳ-kheo-ni nào, có hai nhà cư sĩ hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho Tỳ-kheo-ni, đều nghĩ rằng: "Mang số tiền như thế, để mua y như thế, cho Tỳ-kheo-ni có tên như thế", Tỳ-kheo-ni ấy trước chưa nhận được sự yêu cầu tùy ý nhận của hai nhà cư sĩ, mà đi đến nhà hai cư sĩ nói như vậy: "Lành thay, dành số tiền may y như thế cho tôi, hãy chung lại làm 1 y". Vì muốn đẹp, nếu nhận được y, Ni-tát-kỳ- ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Duyên khởi, chỗ cư ngụ của Phật giống như giới trước. Chỉ khác một điểm, giới trước do vợ chồng của một thí chủ để dành chuẩn bị sẵn sàng tiền sắm y cho Tỳ-kheo-ni, định mua y để cúng dường mà Tỳ-kheo-ni khuyến khích họ tăng thêm giá tiền đóng y cho đẹp giới này hai gia đình cư sĩ đều để dành tiền sắm y, mỗi bên muốn sắm riêng một y, mà Tỳ-kheo-ni đề nghị họ hùn tiền cả hai nhà lại để sắm một y cho mình, để được tốt đẹp tinh xảo hơn, chỉ khác nhau ở hai nhơn duyên này mà thôi, ngoài ra tất cả đều giống như giới trước.

ĐIỀU 8: *Quá lục sách y.*

Tỳ-kheo-ni nào, hoặc Vua, hoặc đại thần, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ hay vợ cư sĩ, sai sứ mang tiền đến Tỳ-kheo-ni, bảo rằng: "Hãy mang số tiền sắm y như thế, cho Tỳ-kheo-ni có tên như thế". Người sứ ấy đến chỗ Tỳ-kheo-ni, nói với Tỳ-kheo-ni rằng: "A-di nay tiền sắm y này được gửi đến cô, cô hãy nhận". Tỳ-kheo-ni ấy nên nói với sứ giả rằng: "Tôi không được phép nhận tiền may y này, khi nào cần y hợp thời và thanh tịnh, tôi sẽ nhận". Người sứ giả này có thể hỏi Tỳ-kheo-ni rằng: "A-di, có

người chấp sự không?" Tỳ-kheo-ni cần y nên nói "có", và chỉ một tịnh như Tăng-già-lam, hoặc một Ưu-bà-di nói rằng: "Đó là người chấp sự của Tỳ-kheo-ni, thường chấp sự cho các Tỳ-kheo-ni". Bây giờ sứ giả ấy đi đến chỗ người chấp sự, trao số tiền sấm y, rồi trở lại chỗ Tỳ-kheo-ni nói như vậy: "Thưa A-di, tôi đã trao tiền sấm y cho người chấp sự mà cô đã chỉ; Đại tử, khi nào cần, hãy đến người ấy sẽ được y". Tỳ-kheo-ni khi cần y sẽ đến chỗ người chấp sự, hoặc 2 lần, hoặc 3 lần, khiến cho nhớ lại, bằng cách nói rằng: "Tôi cần y". Hoặc 2 lần, hoặc 3 lần như vậy khiến cho nhớ lại. Nếu nhận được y thì tốt, bằng không thì 4 lần, 5 lần, 6 lần, đứng im lặng trước người ấy. Nếu 4 lần, 5 lần, 6 lần đứng im lặng trước người ấy mà được y thì tốt, bằng không được y mà cố cầu quá giới hạn ấy, nếu được y, Ni-tát-kỳ- ba-dật-đề. Nếu không được y, tự mình hoặc sai người đến chỗ người xuất tiền sấm y nói rằng: "Ngài trước sai người cầm tiền sấm y cho Tỳ-kheo-ni tên như vậy; Tỳ-kheo-ni ấy cuối cùng không được y, ngài hãy lấy lại, đừng để mất" như vậy là hợp thức.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật thuyết pháp tại thành Vương-xá. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Vương và đại thân, cư sĩ: Như giới trước đã giải thích.

Ba-la-môn: Hán dịch là Tịnh hạnh, lại dịch là Tịnh duệ, là con cháu của Phạm thiên cũng gọi là Phạm chí, chính là dòng quý phái của nước Thiên trúc, nước khác không có, cho nên nước đó được gọi là Thiên phương.

Khiển sú: Hoặc là sai người nam, người nữ, huỳnh môn...

Tống y giá: Nghĩa là đem vàng, bạc, tiền... bày vật báu để cúng dường vậy.

Ngã bất ưng thọ thủ y giá: Nghĩa là các pháp của Tỳ-kheo-ni không được cầm, nắm, cất giữ vàng bạc, các vật báu và gạo nếp, lúa, đậu, ruộng vườn, tôi tớ trâu ngựa, xe cộ... Nếu cúng cho thường trú tăng thì được cất giữ nhưng phải giao cho người tịnh nhơn và người thế tục cất giữ, trừ phần đóng thuế, còn lại cúng cho Chúng tăng.

Hiệp thời thanh tịnh đương thọ: Hiệp thời là đúng lúc mà Tỳ-kheo-ni đang cần y, hoặc hợp đúng

thời gian quy định đức Phật khai cho Tỳ-kheo-ni được cất chứa nhiều y.

Thanh tịnh: Nghĩa là không trái với lời cấm chế của đức Như Lai và không có các chương nạn có thể thọ dụng, ta nên nhận lấy để may thành y mà thọ trì.

Tăng già-lam dân: Là người tịnh nhơn ở trong chùa thường vì Chúng tăng làm các công việc, thường chấp sự cho các Tỳ-kheo-ni.

Uu-bà-di: Hán dịch là Cận sự nữ nghĩa là người đã quy y Tam bảo và thọ trì 5 giới, có thể thừa sự cho các Tỳ-kheo-ni, tức là người chấp sự cho Tỳ-kheo-ni vậy.

Bỉ sứ vãng chí chấp sự nhơn sở: Nghĩa là người sứ giả kia đến chỗ người chấp sự này giao số tiền đóng y và dặn rằng: Khi nào hợp thời nên sắm y thanh tịnh mà cúng dường cho Tỳ-kheo-ni kia...

Đại tỷ tri thời vãng bỉ đương đắc y: Nghĩa là người sứ giả kia sau khi giao phó số tiền sắm y rồi liền trở lại chỗ của Tỳ-kheo-ni mà bảo rằng: "Xin Đại tỷ biết cho, khi nào cần y nên đến nơi người chấp sự...sẽ được y thanh tịnh".

Tu y Tỳ-kheo-ni đương vãng chấp sự nhơn sở: Nghĩa là Tỳ-kheo-ni này khi muốn cần dùng y nên đến chỗ người đã nhận lãnh số tiền sắm y.

Nhược nhị phản tam phản vị tác ức niệm đấng...
Nghĩa là 2, 3 lần lui tới nhắc nhở để cho người tịnh
nhơn kia nhớ lại. Người tịnh nhơn kia hoặc ở một chỗ
nào khác nên nói rằng: "Tôi nay cần y hãy sắm y cho
tôi, đó là nói cho họ nhớ lại".

Nhược đắc y gia thiên: Nghĩa là xứng hiệp với
tâm mong cầu của mình không đòi gì khác nữa.

*Nhược bất đắc y tứ phản, ngũ phản, lục phản tại
tiền mặc nhiên trú...* Nghĩa là đã lui tới 3 lần nói lời
nhắc nhở để đòi y mà không được thì nên lui tới 4 lần,
5 lần, 6 lần chỗ kẻ tịnh nhơn kia, dù họ ở nhà, hoặc ở
chợ, hoặc chỗ làm việc nên đến trước họ mà đứng im
lặng. Nếu người tịnh nhơn kia hỏi rằng: "Cô đứng đây
có việc gì?" Tỳ-kheo-ni đáp: Người tự hiểu lấy. *Nếu
người tịnh nhơn nói:* Tôi không hiểu.

Nếu có một người khác biết việc này Tỳ-kheo-ni
nên nói rằng: Có người kia hiểu! Làm như vậy mà
được y thì tốt, nếu không nhận được y thì không phép
được đến đòi thêm nữa. Nếu 1 lần nói thì trừ 2 lần
đứng im lặng, cho đến 3 lần nói thì trừ 6 lần đứng im
lặng.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu
quá 3 lần lui tới nói lời nhắc nhở để đòi quá 6 lần lui
tới đứng im lặng, nếu được y thì phạm xả đọa. Nếu

không nhận được y thì tự mình nên đến hoặc nhờ người đến báo lại cho người đàn-việt biết để họ lấy lại đừng để mất. Nếu người đàn-việt nói rằng: Tôi không cần, tôi đã cúng cho cô, nên tìm phương tiện mà lấy lại.

* *Trường hợp không phạm*: Là khi lấy được y một cách như pháp. Các phương pháp xả y, sám hối, trả y. Phạm hay không phạm đều giống như giới trên. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

ĐIỀU 9: *Tự thọ kim bảo.*

Tỳ-kheo-ni nào tự tay cầm vàng, bạc, hoặc tiền, hoặc bảo người cầm, hoặc dùng miệng nói để nhận, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật dạy tại núi Linh-thứu rằng: Nếu thầy Sa- môn Thích tử nào tôn Ta là bậc Đạo sư nhưng còn cầm nắm vàng, bạc, tiền, các vật báu, thì phải xác định rằng đó không phải là đệ tử Ta. Phải nên biết rằng:

Mặt trời, mặt trăng có 4 sự thiệt hại khiến cho không được sáng, không được trong, không soi tỏ, không có uy lực. 4 sự ấy là gì? Đó là bị A-tu-la che, bị mây che, bị sao mù phủ, bị bụi mờ, đó là những sự thiệt hại lớn của mặt trời, mặt trăng. Các Sa-môn, Bà-la-môn cũng có 4 sự tai hại như vậy khiến cho không được sáng, không được trong sạch, không soi tỏ, cũng không có oai lực. Bốn sự tai hại ấy là gì? Đó là không tránh xa sự uống rượu, không dứt bỏ sự dâm dục, không từ bỏ việc nắm cầm, vàng, bạc, không từ bỏ tà mạng nuôi thân. Đó là 4 sự tai hại lớn hay làm cho Sa-môn, Bà-la-môn không còn sáng, không còn trong sạch, không soi tỏ, cho đến không còn có oai lực. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tự thủ thủ: Nghĩa là tự tay mình cầm nắm và dùng các bộ phận khác trong thân mình mà thọ nhận.

Kim ngân: Nghĩa là đã làm thành đồ dùng và chưa thành đồ dùng người đời trọng dụng vậy.

Tiền: Nghĩa là trên có vẽ hình tượng, tùy theo quốc độ dùng tiền bằng đồng, thiết, chì..

Giáo nhơn tróc: Nghĩa là bảo người cầm cũng mắc tội vậy.

Khẩu khả thọ: Không những từ nơi tay người khác trao cho mình, mình mới mắc tội, mà miệng mình thọ nhận cũng mắc bốn tội, cho đến dùng áo và các đồ vật... mà nhận lấy cũng như vậy. Vật này phải xả, tội nên sám hối. Cách xả trong giới này là, nếu có một người giữ vườn đáng tin cậy hoặc một Ưu-bà-di nên nói với họ rằng: "Người nên biết, đây là vật không thích hợp đối với tôi", người ấy sẽ nhận rồi lui lại đưa cho Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni bấy giờ, có thể nhận với tâm niệm là cầm dùm vật cho người ấy. Nếu cần thì gởi một người tịnh nhơn cất giữ. Nếu được thì nên đổi lấy tịnh y, bát, ống kim, toạ cụ, mà thọ trì. Nếu người kia nhận rồi lại trao cho Tỳ-kheo-ni tịnh y, bát, ống kim, toạ cụ, thì nên nhận mà thọ trì. Nếu người kia nhận rồi mà không trả lại thì nên nhờ các vị Tỳ-kheo-ni khác nói rằng: Đức Phật có dạy: "Đây chỉ là cho người để tác tịnh, người nên trả vật ấy cho Tỳ-kheo-ni... kia". Nếu các Tỳ-kheo-ni khác không chịu nói hộ, thì tự mình nên đi bảo với người ấy rằng: Đức Phật có dạy: " Đây chỉ là cho người để tác tịnh, người nay nên đem cúng dường Tăng, cúng dường Tháp, cúng dường Hoà thượng, đồng hàng Hoà thượng, cúng dường A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê, cúng dường cho các vị thân cụu tri thức, nếu không nên trả lại cho chủ củ". Vì sao thế? Vì không muốn để mất vật của tín thí. Nếu không

nói với người kia rằng: "Nên biết đây, nên xem đây"
Mà bảo thẳng họ cầm lấy thì phạm Đột-cát-la. Thầy
Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm
Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Kẻ nhận, người cho
và vật đem cho cả ba đều như pháp...

ĐIỀU 10: *Chúng chúng mại mãi.*

**Tỳ-kheo-ni nào, kinh doanh bảo vật dưới mọi
hình thức, Ni-tát-ky-ba-dật-đề.**

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở trong núi Linh-thứu, vì
nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy
rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Chúng chúng mại mãi: Không phải một việc đổi
chác mà thôi, nghĩa là đem vàng đã làm thành đồ dùng
đổi lấy vàng chưa làm thành đồ dùng, đem bạc đã làm
thành đồ dùng đổi lấy bạc chưa làm thành đồ dùng.

Thành: Nghĩa là đem vàng bạc làm thành các vật
dụng.

Vị thành: Nghĩa là chưa làm thành các vật dụng. Hoặc đem tiền đổi lấy vàng bạc, đem vàng bạc đổi lấy tiền, hoặc đem tiền đổi lấy tiền. Tiền có 8 thứ: Nghĩa là tiền bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng, bằng sắt, bằng đồng bạch, bằng chì, bằng thiết, bằng hồ giao.

Bảo vật: Tức là vàng, bạc, bảy thứ báu và chuỗi anh lạc...

Trong giới này, phương pháp xả và bốn chúng phạm tội đều giống như giới nhận vàng và các vật báu đã nói trên. Nếu vì Phật, Pháp, Tăng mà đem tiền đổi lấy chuỗi anh lạc, đem chuỗi anh lạc đổi lấy tiền... đều không phạm.

ĐIỀU 11: *Chủng chủng phiến mại.*

Tỳ-kheo-ni nào kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phiến: Mua rẻ bán mắc.

Mại: Tăng giá lên cao.

Chủng chủng phiến mại: Nghĩa là lấy thời được, phi thời được, thất nhật được, tận hình thọ được và y vật... mà đổi chác cho nhau vậy.

*Trong giới này được định quy là phạm: Nếu Tỳ-kheo-ni làm các nghiệp vụ thương mại buôn bán có lợi, phạm xả đoạ. Không có lợi, phạm Á c tác. Phương pháp xả sám hối và trả lại như giới trưởng y đã nói: Giới trước đem vàng bạc, tiền và các vật báu mà đổi chác cho nên khiến phải xả cho người tịnh nhơn, còn giới này thì lấy y được mà đổi chác cho nên khiến phải xả cho Chúng tăng. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác. Nếu cùng với những người trong 5 chúng xuất gia mà đổi chác cho nhau tự mình xét định không quá cao hạ như phương pháp đổi chác ngoài chợ thì không phạm. Không được đổi chác với những người khác. Nếu cùng với người tịnh nhơn đổi chác mà họ thấy hối hận thì nên trả lại, hoặc là lấy sữa đổi dầu, lấy dầu đổi sữa... đều không phạm.

(HẾT QUYỂN IV)

QUYỂN V

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỔN LƯỢC KÝ

ĐIỀU 12: *Bát giảm ngũ chuyết.*

Tỳ-kheo-ni nào, có bát vá dưới 5 chỗ, không chảy rĩ mà tìm xin thêm bát mới, vì muốn đẹp. Ni- tát-kỳ-ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni này phải cầm bát này đến giữa Ni chúng mà xả. Ni tăng lần lượt đổi lấy bát tội hậu trao cho Tỳ-kheo-ni này nói rằng: Em hãy trì bát này cho đến khi vỡ. Như vậy là hợp thức.

LUỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Giảm ngũ chuyết: Giảm: Nghĩa là chưa đủ.

Ngũ chuyết: Nghĩa là cách nhau chừng hai lóng tay một đường ràng.

Chuyết: Nghĩa là ràng rịt tu bổ cho chắc chắn.

Bát lậu: Còn có thể đựng cơm canh vậy.

Cánh cầu tân bát vị hảo cố: Nghĩa là hiện có cái bát không chảy, mà vì tham mới cho đẹp nên theo người khác mà xin cái bát thứ hai. Nếu dưới 5 lớp ràng chưa chảy mà cầu xin thêm bát mới phạm Xả đoạ. Nếu đã đủ 5 lớp ràng mà chưa chảy cầu xin thêm bát mới phạm Á c tác.

Thử Tỳ-kheo-ni: Nghĩa là chỉ người phạm tội.

Đương tri thử bát ư ni chúng trung xả... Nghĩa là phải đem ra giữa Chúng tăng mà xả, lại phải xả ngay nơi trụ xứ này, không được xả ở trụ xứ khác, xả rồi phải sám hối. Chúng tăng nên tác Yết-ma để trao bát. Bát này nếu là bát quý giá đẹp đẽ thì nên để lại, lấy cái bát được đổi sau cùng bạch nhị Yết-ma mà trao cho kia. Tác Yết-ma xong rồi, bát quý giá kia nên lần lượt mà đổi giữa Chúng tăng. Nếu cuối cùng không ai nhận hết, Tăng sẽ trao bát xả ấy lại cho Tỳ-kheo-ni kia giữ gìn trọn đời. Bát vá cũ đã thọ trì trước phải như pháp mà thọ trì. Còn bát mới không được tác pháp thọ trì mà phải thường mang theo bên mình. Khi hành bát

phải tác bạch Tăng rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với tăng. Tăng chấp thuận đem bát này theo thứ lớp hỏi từ Thượng tọa sắp xuống. Đây là lời tác bạch".

Bạch rồi nên cầm bát này trao cho vị Tỳ-kheo-ni lớn nhất trong Tăng. Nếu ngài nhận, thì đổi lấy bát cũ của ngài đưa cho vị kế tiếp, nếu trao cho Tỳ-kheo-ni kia, Tỳ-kheo-ni kia nên nhận, không được vì nhường Chúng tăng mà không nhận. Cũng không được vì lý do này mà thọ trì bát tối hạ, nếu thọ trì phạm Đột-cát-la. Nếu vị Thượng tọa đệ nhị nhận bát này, nên lấy cái bát cũ của ngài mà trao cho vị đệ tam Thượng tọa. Nếu trao cho Tỳ-kheo-ni kia, Tỳ-kheo-ni kia nên nhận không được vì nhường Chúng tăng mà không thọ, cũng không được vì lý do này mà thọ trì bát tối hạ nếu thọ trì phạm Đột-cát-la. Lần lượt đổi như vậy cho đến Tỳ-kheo nhỏ nhất trong Tăng. Hoặc đem bát của Tỳ-kheo-ni này trả lại cho Tỳ-kheo-ni này, hoặc đem bát của vị Tỳ-kheo-ni tối hạ, mà trao thì phải bạch nhị Yết-ma để trao:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận Tăng nay lấy bát của vị tối hạ này (nếu là bát của Tỳ-kheo-ni này thì

nên nói: Tăng nay đem cái bát rất xấu của Tỳ-kheo-ni này) mà trao cho Tỳ-kheo-ni... thọ trì cho đến vỡ. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tăng nay đem bát của vị tối hạ này trao cho Tỳ-kheo-ni... thọ trì cho đến vỡ, các Đại tỳ nào chấp thuận Tăng trao bát cho Tỳ-kheo-ni này thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận trao bát cho Tỳ-kheo-ni... rồi. Vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Theo luật Căn Bản thì trước hết phải bạch nhị Yết-ma sai một vị Tỳ-kheo-ni đầy đủ 5 đức để làm người hành bát, trước hết vị Tỳ-kheo-ni được tăng sai hành bát nên đưa bát phạm xả này ra giữa Chúng tăng mà bạch rằng:

Thưa các Đại tỳ, tôi Tỳ-kheo-ni... sẽ làm người hành bát vì bát phạm tội, xin các Đại tỳ sáng mai mỗi người nên tự đem cái bát của mình đến giữa Chúng tăng. Đến sáng hôm sau tất cả các vị Tỳ-kheo-ni mỗi người nên tự cầm bát của mình đến giữa Chúng tăng. Vị Tỳ-kheo-ni hành bát nên cầm cái bát phạm tội kia đến trước vị Thượng toạ tán thán, khen ngợi rằng: Đây là cái bát rất thanh tịnh, viên mãn có thể thọ sử dụng được. Nếu vị Thượng toạ nhận hay không nhận giống như trên đã nói, đổi như vậy cho đến vị cuối cùng sẽ

được một bát, đem bát này giao phó cho Tỳ-kheo-ni kia dặn dò phải giữ gìn.

Nãi chí phá ung trì: Nghĩa là khỏi phải tác pháp thọ trì, nghĩa là người kia khi đã được bát tối hạ phải tự bảo trì cẩn thận, nhẹ nhàng thọ dụng cho đến khi bát vỡ. Trong chánh văn tuy không nói hai chữ "Ung trì" khi lược giải thêm vào cũng không có ngại gì.

Thử thị thời: Đây là nói phương pháp trao bát tối hạ để giữ gìn. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu bát vá dưới 5 chỗ mà bị rỉ chảy lại xin một bát mới, hoặc xin từ chỗ thân quyền, xin từ chỗ những người xuất gia, xin cho người khác, hoặc người khác xin cho mình, hoặc không xin mà được, hoặc họ đem cúng dường cho Chúng tăng theo thứ lớp Tăng chia cho, hoặc tự có tiền mua cất để.

ĐIỀU 13: *Khất lữ chức y.*

Tỳ-kheo-ni nào, tự mình xin chỉ sợi, khiến thọ dật không phải thân quyền dật làm y, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tự cầu: Tự mình đi cầu xin bất cứ ở chỗ nào.

Lũ tuyền: 10 loại y và chỉ như trên đã nói.

Phi thân lý: Như trên đã giải thích.

Chức sự: Người dệt y.

Tác y: Hoặc may thành 3 y, hoặc may các y khác để thọ trì.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu như người thọ dệt và người cho chỉ đều không phải là thân quyến, hoặc người thọ dệt không phải là thân quyến, người cho chỉ là thân quyến, hoặc người cho chỉ không phải là thân quyến, người thọ dệt là thân quyến đều phạm Xả đoạ. Nếu mình đứng coi dệt, hoặc mình tự dệt, hoặc mình tự kéo suốt, đều phạm Đột-cát-la.

Phương pháp xả, sám hối và trả lại đều giống như giới trưởng y. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu người thợ dệt và người cho chỉ đều là thân quyến, hoặc tự mình dệt làm thành đũa đựng bát, dây thiên, dây lưng, mũ, tất, đũa đựng giày dép.

ĐIỀU 14: *Tham hảo chúc chức*.

Tỳ-kheo-ni nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ khiến thợ dệt vì Tỳ-kheo-ni dệt làm y. Tỳ-kheo-ni ấy trước không nhận được yêu cầu tùy ý. Liền đến chỗ thợ dệt nói rằng: "Này vốn làm cho tôi, hãy dệt cho tôi thật hết sức khéo, khiến cho dài rộng, bền chắc, tôi sẽ trả công cho ít nhiều". Tỳ-kheo-ni ấy trả công dù chỉ đáng một bữa ăn, nếu được y, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Cực hảo chúc: Nghĩa là khiến dệt hết sức khéo cũng có nghĩa là khiến dệt y thật rộng, dài, bền, chắc.

Quảng: Đúng kích thước bề rộng.

Trường: Đúng kích thước chiều dài.

Kiên: Thật bền thật chắc.

Tề chỉnh hảo: Khiến dẹt thật sít thật mịn màng.

Nãi chí nhứt thực trị: Nghĩa là trả công ít nhứt dù chỉ đáng giá một bữa ăn. Còn các văn cú khác thì như giới trước đã giải thích.

**Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu Tỳ-kheo-ni trước chưa được yêu cầu tùy ý mà tự tiện đến cầu y. Nếu được y phạm Xả đọa, không được y phạm Á c tác.

Phương pháp xả, sám hối và trả y đều giống như giới trên. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

** Trường hợp không phạm*: Nếu xin từ chỗ thân quyến và những người xuất gia, hoặc người khác xin cho mình...

ĐIỀU 15: *Sân nhuế đọa y.*

Tỳ-kheo-ni nào, trước đã cho Tỳ-kheo-ni khác y, sau vì giận hờn, tự mình đọa hay sai người đọa lấy, nói rằng: Hãy trả y lại cho tôi, tôi không cho

chị, nếu Tỳ-kheo-ni kia trả y, Tỳ-kheo-ni này nhận lấy, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tiên dữ Tỳ-kheo-ni y: Rõ không phải là cho tạm, cũng không phải là mượn đắp, nghĩa là vốn đã quyết ý cho hẳn người kia rồi vậy.

Hậu sân nhuế: Rõ ràng không phải là ý niệm thương yêu vì người nhận đã làm trái với lòng mong muốn của mình nên tâm sanh bất mãn giận hờn, tạo ra ác nghiệp nơi ý.

Nhược tự đoạt: Đây là nói rõ thân nghiệp đã làm ác vậy.

Nhược giáo nhơn đoạt thủ: Là nói rõ khẩu nghiệp đã làm ác.

Hoàn ngã y lai bất dữ nhữ: Nghĩa là trông mong lấy lại y trước mà trở lại đòi vậy.

Thị Tỳ-kheo-ni ưng hoàn y: Nghĩa là y đã lìa khỏi thân Tỳ-kheo-ni này.

Bỉ thủ y: Nghĩa là lấy ra cầm vào tay và nghỉ là thuộc sở hữu của mình.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu đoạt lại đem đi cất phạm Xả đoạ, không đem cất phạm Á c tác. Nếu để trên cây, trên tường, trên hàng rào, trên giá, trên giường, trên móc áo, trải trên đất và lấy đem đi khỏi chỗ cũ phạm Xả đoạ, không là chỗ cũ phạm Á c tác. Phương pháp xả y, sám hối trả y đều giống như giới trước. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Không giận hờn, người được cho biết tâm người cho hối tiếc nên đem y trả lại, hoặc những người khác khuyên nên trả y lại. Hoặc đoạt y lại từ những người mượn y mà không có đạo lý. Hoặc đoạt y lại, không cất chứa không phạm ở các trường hợp hoặc sợ mất y, hư y, hoặc người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc bị đuổi hoặc vì việc này mà sinh ra mạng nan, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 16: *Dược quá thất nhật.*

Tỳ-kheo-ni nào có bệnh, các loại thuốc dư tàn như tô, dầu, sanh tô, mật ong, thạch mật, trong

thời hạn 7 ngày được phép dùng, nếu quá 7 ngày còn dùng, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô độ. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Hữu bệnh: Nghĩa là thân mình bị tật bệnh, thầy thuốc bảo phải dùng 5 món dục thực.

Tô: Nghĩa là sữa trâu, dê vắt lấy mà thành, hoặc lấy cây cỏ, thuốc bỏ vào trong sữa mà thành.

Du: Nghĩa là dầu trái gai, dầu mè, dầu phụng...

Sanh tô: Do sữa trâu dê làm thành nhưng chưa nấu chín. Ban đầu từ nơi sữa mà thành lạt, lạt thành sanh tô, sanh tô thành thực tô, thực tô thành đề hồ. Đề hồ là một món dục thực tối thượng.

Mật: Mật của các loài ong.

Thạch mật: Nước mía, nấu luyện đóng cứng lại gọi là thạch mật, có 2 loại đen và trắng, đường trắng mùi vị hoàn toàn ngọt hay trị được bệnh nhiệt, đường đen mùi vị hơi đắng hay trị được bệnh lạnh. Nếu các

thứ đường mía hoặc đặc hoặc lỏng, hoặc chưa thành đường, hoặc có lẫn lộn nước đều thuộc về một loại của thạch mật. Nước mía chưa nấu chín cho uống phi thời, đã nấu chín rồi thì không được uống, mía phải ăn vào lúc đúng thời. Khi ấy thấy có người làm thạch mật lấy các thứ khác hoà vào, không dám ăn phi thời, bạch đức Phật. Đức Phật dạy: Cho ăn phi thời, tác pháp rồi thì được dùng. Nếu có bệnh phong, dầu mỡ có thể trị được. Mỡ có 5 thứ, ấy là mỡ gấu, lừa, heo, cá voi, nên thọ dụng đúng thời, nấu đúng thời, lọc đúng thời. Dùng dầu phải như pháp phải lọc cho trong, rồi thọ nhận từ nơi một người khác, phải tác pháp thọ trì, tùy ý dùng cho đến khi lành bệnh. Không được lọc, nấu và thọ phi thời. Dùng tô và thạch mật hay trừ được bệnh nhiệt, mật trị được bệnh đàm ẩm, và bệnh nước độc, đường cát cũng trị được bệnh đàm ẩm, tô và mật cũng trị được bệnh phong đàm. Đường đen hay trừ được 3 thứ bệnh: Phong, đàm, nhiệt.

Đắc thực tàng túc: Nghĩa là thọ nhận được từ nơi một người khác rồi, hoặc ăn hay không ăn để qua đến ngày thứ 2 tức gọi là tàng túc.

Nãi chí thất nhật đắc phục: Khi từ nơi một người khác nhận được thuốc vào tay mình được kể là ngày đầu, cho đến 7 ngày, nội trong 7 ngày ấy được tự tay

mình lấy dùng đúng thời hay phi thời, đây là nói thời gian cùng tốt cho nên nói 7 ngày. Nhưng ngày ban đầu khi vừa mới thọ nhận được thuốc cần phải tác pháp như thế này: Nên cầm món thuốc này đến trước một vị Tỳ-kheo-ni mà thưa rằng:

"Đại tỷ nhứt tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo-ni... vì nhơn duyên bệnh (tên bệnh) muốn cắt (tên thuốc) này là loại thất nhứt dược, muốn cắt chứa bên mình để dùng, nay đối trước Đại tỷ thọ trì" (nói 3 lần).

Nếu muốn dùng ít ngày thưa thì nên tùy theo số ngày mà nói.

Nhược quá thất nhứt phục: Nghĩa là vượt quá giới hạn vậy.

* Trong giới này được quy định phạm: Ngày thứ nhứt nhận được thuốc cho đến ngày thứ 7 trong khoảng thời gian đó hoặc nhận được thêm, hoặc không nhận được gì cả, hoặc tịnh thí, không tịnh thí, tùy theo có nhiều hay ít cắt chứa đến ngày thứ 8 khi ánh ban mai xuất hiện đều phạm Xả đọa, cho đến khiến đem cho người khác hoặc bị mất, bị hư... và phương pháp xả, sám hối, trả lại đều giống như trong giới trường y đã nói. Ở đây chỉ khác có một điểm là thuốc và thời hạn 7 ngày mà thôi. Nếu món dược thực đã phạm Xả đọa rồi mà không xả lại đem đổi lấy một

món dược thực khác, phạm 1 tội Xả đoạ. Lại thêm 1 tội Ác tác nữa. Tăng Yết-ma trả món dược thực ấy lại cho Tỳ-kheo-ni nên dùng để xoa chân hoặc thắp đèn. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Ác tác.

**Trường hợp không phạm:* Tô, du để quá 7 ngày đem xoa cửa. Nếu mật, thạch mật đem cho người giữ vườn, hoặc đến ngày thứ 7 xả đem cho các vị Tỳ-kheo-ni khác ăn.

Dược: Không ra ngoài 4 thứ

1. Thời dược: Nghĩa là cơm, bột, bánh, củ, chồi, hoa, lá được phép ăn từ sáng sớm cho đến giữa trưa, ngoài thời gian đó là phi thời không được ăn, ấy gọi là thời dược.

2. Phi thời dược: Nghĩa là 8 thứ nước: 1. Nước trái lê, 2. Nước trái diêm phù (hình dáng giống trái trầm qua lớn, màu đỏ, chua và hơi ngọt). 3. Nước táo chua. 4. Nước mía. 5. Nước trái thị. 6. Nước xá-lâu-già (nước ngó sen) ép lấy nước để cho lóng trong. 7. Nước trái bà-lâu-sur (quả của nó giống như trái anh áo, cũng giống như trái xoài). 8. Nước nho.

Ngoài 8 thứ nước này còn có các thứ trái như quýt, kim quật, lựu, chuối... nước của nó không làm say người cũng được gọi là nước, nên chứa trong đồ

sạch, lóng thật trong như nước, lấy nước lạnh để điêm tịnh, thọ nhận từ nơi tay một người tịnh như rồi đem đến trước một vị Tỳ-kheo-ni tác pháp thưa rằng:

"Đại tỳ nhứt tâm niệm, tôi Tỳ-kheo-ni... vì nhơn duyên bệnh... đây là nước (tên trái cây) là loại phi thời được, muốn dùng trong phi thời. Nay đối trước Đại tỳ thọ"(nói 3 lần).

Thọ rồi, được dùng từ giữa trưa trở đi cho đến sáng hôm sau, khi ánh ban mai xuất hiện, ấy gọi là phi thời được. Không được thọ hôm nay cất chứa đến ngày mai mới uống, nếu uống như pháp mà trị.

3. *Thất nhứt được*: Sữa... các thứ như trên thọ nhận được từ nơi một người khác rồi. Sau khi đối trước một vị Tỳ-kheo-ni tác pháp thọ rồi, chỉ được phép cất và tự tay mình lấy dùng trong 7 ngày. Nên gọi là thất nhứt được.

4. *Tận hình thọ được*: Nghĩa là trái A-lê-lặc (tục gọi là trái A tử). Bê-ích-lặt (giống như trái đào công dụng của nó cũng như trái A-lê-lặc). A-ma-lặc (các thứ trái ngọt). Nuy-la, tất-bạt, hồ tiêu và các thứ củ, chồi, lá, hoa, quả có thể làm thuốc để dùng. Và các loại cao đơn hoàn tán, than, cao, tất cả những thứ mặn, đắng, chua, cay cho đến tro, đất... những thứ ấy không thể ăn được. Vì nhơn duyên bệnh lâu dài, nên dùng

thuốc đáng dùng, nhận được từ nơi một người khác rồi đem trước một vị Tỳ-kheo-ni tác pháp, sau khi tác pháp xong tự tay mình được lấy dùng suốt đời. Khi tác pháp nên bạch rằng:

"Đại tỳ nhưt tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo-ni... vì nhơn duyên bệnh...đây là (tên thuốc) là loại tận hình dục. Muốn cắt chứa bên mình trọn đời để dùng. Nay đối trước Đại tỳ thọ trì" (nói 3 lần).

Nếu 4 thứ dục thực trên cùng để chung lại với nhau thì nên tác pháp, món dục thực thứ nhưt; 3 món dục thực sau để chung lại với nhau nên tác pháp món dục thực thứ 2. Hai món dục thực sau cùng để chung lại với nhau nên tác pháp món dục thực thứ 3. Một món dục thực thứ 4 cùng để chung với 1 món dục thực thứ 4 nên tác pháp món dục thực thứ 4. Nhưng 4 món dục thực này dùng để trị bệnh. Cho nên cho dùng. Khi uống khi ăn phải nên có ý nghĩ là dùng để trị bệnh mới được ăn uống. Như món dục thực thứ 1 là dùng để trị bệnh đói. Vì muốn thành đạo nghiệp mà mới thọ thức ăn, chứ không phải vì ham ngon ngọt, muốn cho hình dung mập mạp mà thọ dụng.

ĐIỀU 17: *Cấp thí y quá.*

Tỳ-kheo-ni nào, còn mười ngày nữa mới hết ba tháng hạ, nếu được y cấp thí, Tỳ-kheo-ni biết đó là y cấp thí, có thể thọ nhận, thọ xong, có thể cất chứa cho đến thời của y. Nếu cất chứa quá hạn, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật An cư ở chốn Tỳ-lan-nhã. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thập nhật vị mãn hạ tam nguyệt: Nghĩa là tính từ ngày kết tiền tam nguyệt An cư chưa xong, còn 10 ngày nữa mới đến ngày Tụ tứ tức từ ngày mồng 6 tháng 7 đến rằm tháng bảy.

Cấp thí y: Nếu nhận thì được, không nhận thì mất, nghĩa là chỉ các y hay vải mà thí chủ cúng dường cho Tăng, Ni. Trong trường hợp có việc khẩn cấp vì cầu phước lợi, như sắp đi ra trận hoặc mắc bệnh hoạn, hoặc người sắp sinh, các trường hợp như vậy người thí

chủ cúng gấp, các trường hợp ấy qua đi rồi thì họ không cúng nữa cho nên gọi là cấp thí y.

Tri thí cấp thí y: Đây rõ ràng không phải là các loại y khác. Vì tất cả các loại y khác, phải An cư xong mới được thọ, nếu có đàn-việt cúng dường thì phải nên bạch nhị Yết- ma sai một người thay Chúng tăng mà trông coi cất y, đợi đến khi An cư xong rồi mới phân chia.

Ứng thọ: Nghĩa là đúng thời thọ y mà không thọ thì người thí chủ mất công đức lợi ích, mà tăng ni cũng mất cái lợi được y, cho nên cho thọ.

Thọ dĩ: Nhận được y vào tay.

Nãi chí y thời ung súc: *Súc*: là cất chứa nghĩa là Tự tứ xong rồi không thọ công đức y thì 1 tháng, có thọ công đức y thì được 5 tháng đó là thời y. Ở trong 2 thời gian này được cất chứa các loại trường y mà không phạm giới, cho nên nói nên cất chứa.

Nhược quá súc: Nghĩa là quá 1 tháng, 5 tháng vậy. Nếu không thọ công đức y, đến ngày rằm tháng 8 y này phải xả, hoặc làm pháp tịnh thí, nếu 3 y bị thiếu đem tác pháp thọ trì, không làm như vậy đến ngày 16 khi ánh ban mai xuất hiện phạm Xả đạo. Nếu có thọ công đức y đến ngày rằm tháng chạp nên tác pháp xả... như trên đã nói. Không như vậy đến ngày 16 tháng

chạp khi ánh ban mai xuất hiện phạm xả đoạ.

* Trong giới này tướng phạm sai khác như thế nào? Nếu trước Tự tứ của tiền An cư 10 ngày được cấp thí y nên cất chứa cho đến y thời. Nếu còn 9 ngày được cấp thí y nên cất chứa cho đến y thời cộng thêm 1 ngày nữa. Như vậy cho đến chỉ còn 1 ngày, mà được cấp thí y cho cất chứa cho đến y thời tăng thêm 9 ngày nữa. Như trước đây, sau cộng đủ 10 ngày cất chứa không phạm.

Nếu trước ngày Tự tứ của tiền An cư quá 10 ngày mà nhận y liền phạm. Nếu sau thời y tăng thêm nhiều hơn số ngày được cất chứa y dù chỉ 1 ngày cũng phạm xả đoạ. Phương pháp xả, sám hối, trả y giống như giới trước. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn, cất chứa quá thời hạn ấn đình trước không phạm, hoặc mình tưởng rằng y của mình bị cướp, bị mất... hoặc giặc, ác thú, nước dâng, hiểm nạn, nạn vua, tai nạn, tánh mạng, tai nạn về phạm hạnh, hoặc nhận cho người kia thọ ký y mà họ chết, hoặc đi xa, bỏ đạo... các trường hợp như vậy cất chứa quá hạn không phạm. Luật Căn Bản nói: Có 5 trường hợp y cúng gấp:

1. Người bệnh tự mình cúng y.
2. Vì người khác bệnh mà cúng y.
3. Người sắp chết cúng.
4. Vì người đã chết cúng.
5. Người ra chiến trận cúng.

Luận Tát-bà-đa nói: Nếu vua, vương tử, phu nhon, đại thần, tướng trận đem y vật đến cúng dường cho Chúng tăng, vì thiện tâm của họ bất thường rất khó có, hoặc người con gái sắp lấy chồng, hoặc người bệnh cúng dường, mong cho người còn kẻ mất đều được lợi ích, hoặc có các nhon duyên tai nạn khẩn cấp khác, cho nên gọi là cấp thí y.

Nhon đây nói rõ những việc nên làm trong khi An cư kết hạ, khi ấy nhóm 6 Tỳ-kheo-ni thường du hành trong nhon gian bất cứ mùa nào, các cư sĩ thấy đều than phiền rằng: Tu sĩ ngoại đạo hằng năm còn có 3 tháng sống cố định tại một chỗ, ngay đến các loài cầm thú vẫn còn có mùa trú ẩn của chúng, huống chi những người Sa-môn Thích tử không biết xấu hổ, thường du hành trong nhon gian gặp nước lớn trôi mất y bát, gây tổn hại cho các loài cây cỏ tươi, và đoạn mạng sống của sâu bọ. Đức Phật dạy: Từ nay về sau phải An cư 3 tháng mùa hạ. Phải bạch với vị y chỉ rằng: " Con kết hạ An cư ở chỗ này". Luật Tứ Phần

của ni dạy: Ni không kết tiền An cư phạm Đột-cát-la, không hậu An cư phạm Ba-dật-đề. Thầy Tỳ-kheo phạm Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu vì Tam Bảo sự duyên, hoặc vì săn sóc bệnh... không kịp thọ hậu An cư không phạm. Những việc phải làm ấy là: Phân phòng xá, ngoạ cụ, hành trừ... lúc bấy giờ có Tỳ-kheo-ni không xem trước phòng xá ngoạ cụ, liền đem trao cho người đến An cư trong các vị ấy có người nhận được phòng xá, ngoạ cụ nhóm, nổi sân nói rằng: Tâm người không bình đẳng, cho nên phân chia không bình đẳng. Các Tỳ-kheo-ni vì nhơn duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy: Từ nay về sau nên bạch nhị Yết-ma cử người trước phải xem xét kỹ vậy sau mới được trao cho người sử dụng.

Phương pháp tập tăng vẫn hòa như thường làm. Nên đáp rằng: "Yết-ma cử người phân chia phòng xá ngoạ cụ".

Vị Yết-ma nên tác bạch rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với tăng; Tăng nay chấp thuận đề cử Tỳ-kheo-ni... chia phòng xá và ngoạ cụ. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Tăng sai Tỳ-kheo-ni..."

phân chia phòng xá và ngoạ cụ. Các Đại tử nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo-ni... phân chia phòng xá và ngoạ cụ thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận. Tăng sai Tỳ-kheo-ni... phân chia phòng xá và ngoạ cụ, vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy".

Sai như vậy rồi, người được đề cử nên sắp đặt trước các phòng xá, bao nhiêu chỗ có người, bao nhiêu chỗ không có người. Phải trừ các chỗ công cộng và phòng khách ra ngoài, còn ngoài ra các phòng xá khác tùy theo số người an cư nhiều hay ít theo thứ lớp mà phân chia ngoạ cụ... các đồ dùng cũng như vậy. Phải nên lưu lại ít phòng và ít đồ dùng để dự bị cho người đến An cư sau dùng. Trước phải phân chia tất cả rồi vậy sau mới thọ trừ để An cư. Nên ở trong ngày rằm vào lúc xế chiều đánh kiện chùy nhóm họp Chúng tăng, đến lễ Phật rồi theo thứ lớp mà đứng. Căn Bản Bách Nhứt Yết-ma nói rằng: Người lo việc phải xem số người nhiều hay ít để sắm thẻ, thẻ không được thô xấu, lấy nước thơm mà rửa, lấy bột hương để xoa, đặt trên một cái mâm sạch, lấy hoa tươi rải lên trên, lấy vải sạch dầy lên.

Đại chúng nhóm họp xong, sau khi đã an tọa rồi, vị chủ pháp nên hỏi Tăng hoà hiệp như thường đã làm. Nên đáp rằng:

"Yết-ma thọ trừ".

Khi ấy nên tuyên cáo các chế lệnh An cư. Tuyên cáo xong rồi. Vị Yết-ma nên bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tăng nay chuẩn bị tác pháp kết hạ An cư. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận ngày hôm nay Tăng nhận thẻ, ngày mai kết hạ An cư. Đây là lời tác bạch".

Bạch như thế rồi, trong chúng nếu trước đã có người được đề cử rồi thì bất tất phải sai nữa, tức người này phải tác bạch để hành trừ, nếu chưa có người từng được đề cử thì nên bạch nhị Yết-ma để cử. Nếu sai 1, 2, 3 người nên làm 1 lần Yết-ma để sai, nếu sai 4 hoặc 6 người, thì phải làm 2 lần Yết-ma để sai. Vì 1 lần Yết-ma không sai được 4 người. Vị Yết-ma nên bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... và Tỳ-kheo-ni... vì Tăng hành xá-la. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tăng sai Tỳ-kheo-ni... và... Vì Tăng hành xá-la. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo-ni... và... vì Tăng hành xá-la thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo-ni... và... vì Tăng hành xá-la, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Sai xong rồi người thọ sai nên đứng dậy lễ Thượng tọa 1 lạy xong rồi trở về chỗ của mình mà ngồi, chấp tay thưa rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận. Tôi Tỳ-kheo-ni... vì Tăng hành xá-la. Đây là lời tác bạch".

Nếu hai người đi phát thẻ nên nói tên của cả hai người khi tác bạch. Bạch rồi lại phải đứng dậy lễ vị Thượng tọa 1 lạy rồi mới làm. Như trong Căn Bản Bách Nhứt Yết-ma nói: Thẻ thứ nhứt, dâng lên đức Bổn- sư giáo chủ. Kế đó, đến trước vị Thượng tọa mà đứng Thượng tọa nên rời chỗ ngồi, quỳ xuống mà thọ lấy thẻ kia, xong rồi đặt thẻ vào một mâm không khác, làm như vậy cho đến người cuối cùng. Nếu có Sa-di-ni, Thân giáo sư, Quỷ phạm sư, phải nên thay thẻ mà nhận một thẻ. Cuối cùng phải dâng một thẻ nơi vị Thiên thần hộ tự. Làm xong rồi, nên đếm số thẻ, bạch đại chúng rằng: Hôm nay, nơi trú xứ này hiện tiền người nhận thẻ: Khách, cựu Tỳ-kheo-ni cộng có bao nhiêu vị. Cầu tịch ni cộng có bao nhiêu. An trí thẻ xong rồi. Xoay thân hướng về phía trên người hành trì nên thưa rằng:

"Tôi vì Chúng tăng hành xá-la đã xong".

Vị chủ pháp nên đáp rằng: "Tốt".

Thưa lại rằng: "Dạ".

Rồi lễ vị Thượng tọa 1 lạy trở về chỗ cũ mà ngồi để nghe vị chủ pháp khai thị, xong lạy Phật 3 lạy ai nấy về chỗ ở của mình. Qua đến sáng sớm mai ngày 16 đánh kiền chùy nhóm họp đại chúng An cư tại nơi công sở. Tất cả đều lên chánh điện lễ Phật rồi, đến trước tượng đức Vi-đà mà xá, kế đó vào Phương trượng đánh lễ vị Luật sư mà mình y chỉ cầu vị y chỉ cho trong tất cả các thời nên làm những phương pháp dụng tâm hành đạo tấn tu như thế nào. Cần phải đợi ngài chỉ dạy xong lễ tạ 3 lạy rồi ai nấy lui ra. Chỉ để lại một vị thủ lãnh đứng ở trong mà tác pháp, còn tất cả phải đầy đủ oai nghi lễ xong rồi quỳ gối chấp tay bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo-ni... nay y nơi (tên trú xứ) Tăng-già-lam (nếu ở trong thôn nên nói tụ lạc) gì...nếu ở nơi phòng riêng nên nói phòng nào...). An cư 3 tháng đầu của mùa hạ. Phòng xá có hư hoại đã tu bổ" (nói 3 lần).

Thượng tọa dạy rằng: "Vậy hãy cẩn thận chớ có buông lung".

Đáp: "Xin thọ trì".

Chuẩn theo lý trong ý của Luật nên hỏi vị kia rằng: "Y vị nào làm Luật sư".

Đáp: "Y (nói hiệu Luật sư y chỉ) làm Luật sư".

Vị Luật sư dạy rằng: "Có điều gì nghi nên đến hỏi".

Đáp: "Đạ".

Thưa như vậy rồi lễ một lạy đứng dậy lui ra. Người thứ hai đi vào làm lễ lời tác bạch cũng như trên. Nếu nhiều người An cư, nên sai nhiều vị Thượng tọa thủ lãnh, ở nhiều nơi để tác pháp tuy vị mình bạch có khác nhau nhưng trong văn xưng tên vị Luật sư thì không khác, tất cả sau khi tác pháp xong nên nhóm họp một chỗ để vào phương trượng mà lễ tạ xong rồi ai nấy trở về chỗ của mình.

Trong luật Ngũ Phần đức Phật dạy rằng: Phải An cư chỗ có vị trì luật, nếu chỗ ở của ngài chật hẹp ồn ào thì phải nên ở chỗ nào để có thể đi đến ngài và trở về nội trong 7 ngày. Ở xa mà tâm niệm luôn luôn y chỉ. Hai chúng sau lời tác bạch chỉ sửa lại là: Thức-xoa, hoặc Sa-di-ni là khác, còn ngoài ra các lời khác đều giống nhau. Luật Bốn dạy: ngài Xá-lợi-phất và ngài Mục-kiền-liên muốn được cùng An cư với đức Thế tôn, ngày 17 mới về đến nơi, đức Phật dạy cho hậu An cư. Từ ngày 17 tháng 4 đến ngày 16 tháng 5 có người đến An cư đều nên hậu An cư. Lời văn tác bạch chỉ đổi chữ "Tiền" thành chữ "Hậu" còn ngoài ra các lời

khác đều giống nhau. Người hậu An cư nên cùng với người tiền An cư Tụ tứ, thọ thí, nhưng riêng mình phải đợi 90 ngày xong mới được ra ngoại giới. Chuẩn theo văn trong Luật cũng cho trung gian An cư. Nếu là trung gian An cư thì bắt đầu ngày 17 tháng 4 cho đến hết rằm tháng 5 tùy theo ngày nào kết hạ cũng được. Trong Căn Bản Bách Nhứt Yết-ma có dạy rằng: Ngài Ưu-ba-ly thỉnh ý đức Thế tôn rằng: Bạch đại đức, có được phép 1 ngày 1 đêm ra ngoại giới không? Đức Phật dạy: Được.

Như vậy thì có được phép 2 ngày 2 đêm cho đến 40 ngày không? Đức Phật dạy: "Được, tùy theo có công việc đưa đến, căn cứ vào công việc nhiều hay ít, lượng xét công việc mà thọ nhứt".

Ngài lại hỏi: "Có thể cho quá 40 đêm ra ngoại giới được không?" Đức Phật dạy: "Không được".

Như vậy nếu ra ngoại giới quá 40 đêm thì có lỗi gì?

Đức Phật dạy: "Vì trong 1 mùa hạ An cư nên ở trong nội giới nhiều, ra ngoại giới ít".

Ngài lại hỏi: "1 đêm, 2 đêm, cho đến 7 đêm đối trước ai để tác pháp".

Đức Phật dạy: "Nên đối trước 1 người. Nếu quá 7 đêm cho đến 40 đêm thì phải đối trước Tăng-già mà tác pháp để xin" (điều này bất cộng).

Căn Bản luật dạy: Các Tỳ-kheo-ni An cư khi có các duyên sự chính đáng như việc Phật Pháp Tăng và cha mẹ, người đàn-việt thỉnh cầu, hoặc truyền trao giới, sám hối..., cùng khán bệnh, xin thuốc, đi hỏi các vấn đề nghi ngờ, thỉnh vấn Phật pháp, những công việc như vậy không thể đi và về trong 1 ngày. Đức Phật cho phép xuất giới trong 7 ngày, đến ngày thứ 7 phải trở về.

Nên đây đủ oai nghi đến trước một vị Tỳ-kheo-ni bạch rằng:

"Đại tỳ nhứt tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo-ni... nay có duyên sự... xin được xuất giới 7 ngày. Sau khi duyên sự xong sẽ trở lại đây An cư. Kính mong Đại tỳ chứng tri" (nói 3 lần).

Trả lời rằng: "Thiện", mình thừa lại: "Dạ".

Nếu việc ấy không cần đến 7 ngày thì nên tùy theo việc mà xin. Không được tâm niệm thọ. Nếu không có các nhơn duyên như đức Phật đã cho phép thì không được ra ngoài giới mà ngủ dù chỉ một đêm. Cho phép hai chúng sau An cư và hai chúng sau cũng được thọ nhứt. Nếu thọ nhứt 7 ngày ra ngoài giới mà công việc kia chưa xong, hoặc đường thủy, đường bộ không thông và các tai nạn, cho đến ý muốn trở về mà không kịp ngày, không gọi là mất hạ. Nếu chỗ An cư

có mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc vì mình ở chỗ đó cho nên có việc phá Tăng, hoặc vì công việc đình chỉ sự phá Tăng, hoặc vì sự hòa hiệp của Chúng tăng khác, hoặc không được như ý các sự ăn uống, thuốc men, người tịnh nhơn, có các sự kiện như vậy thì nên đi. Nếu đã kết tiền An cư ở trú xứ này rồi, nghe chỗ khác được lợi dưỡng nhiều hơn, liền đến chỗ kia, Tỳ-kheo-ni này không được thọ tuế nơi đã kết tiền An cư, trái với bốn yếu mắc tội, hoặc không có việc gì cả mà ra ngoại giới, hoặc thọ pháp thất nhựt mà đi quá 7 ngày, người kia đã phá tiền An cư trái với bốn yếu mắc tội, và đi đúng 7 ngày trở về thì thành tiền An cư, không trái với bốn yếu, không mắc tội. Còn 7 ngày cuối cùng xin thọ thất nhựt để ra ngoại giới. Về hay không về đều thành tiền An cư không mắc tội. Hậu An cư cũng như vậy. Nếu An cư chỗ này nghe chỗ khác Chúng tăng được nhiều lợi dưỡng mà đến chỗ kia để ở. Tức mất lợi dưỡng ở chỗ này, ở chỗ kia một thời gian ngắn rồi lại trở về, lại mất luôn lợi dưỡng ở chỗ kia. Nếu nhận sự cầu thỉnh An cư của người đàn-việt mà thấy có mạng nạn và phạm hạnh nạn thì nên đến nói cho họ biết để dời đi nơi khác, họ bằng lòng thì tốt, không bằng lòng cũng cứ đi. Lúc bấy giờ các vị Tỳ-kheo-ni kết hạ An cư tự đặt cho mình một quy chế: Không được nói chuyện, lễ bái và thăm hỏi nhau. Đức Phật

dạy: "Như vậy là các người cùng sống chung với nhau như oan gia, như dê câm. Ta đã dùng vô số phương tiện giáo hoá các Tỳ-kheo-ni, người này người kia phải dạy bảo lẫn nhau phải nghe nhau nói, cùng giác ngộ cho nhau. Không được cùng giữ quy chế pháp cấm khẩu như vậy, không khác gì ngoại đạo. Nếu ai thực hành pháp cấm khẩu này phạm Đột-cát-la". Nếu vào mùa xuân và mùa đông, phòng xá đã được giao phó có vị Thượng tọa đến nên nhường để tùy theo thứ lớp mà ở. Nhưng khi An cư phòng xá đã được giao phó, vị Thượng tọa đến thì không nên nhường tùy theo thứ lớp để ở, nếu đuổi người đã ở trước ra ngoài phạm tội. Không được phép không nói chuyện với nhau, nếu muốn phương tiện cho ít việc để không nói, thì nửa tháng đến ngày Bố-tát phải nói chuyện với nhau, hỏi thăm nhau, giải đáp các việc, chúc tụng nhau. Qua ngày Bố-tát xong rồi lại nên tiếp tục như trước. An cư xong nên tác pháp để Tụ tứ.

Tụ tứ: Nghĩa là ở trong 3 tháng hạ An cư, hoặc có phạm tội mà không biết, nay thỉnh cầu Tăng tùy ý chỉ những khuyết điểm của mình, căn cứ trên ba trường hợp tội do được thấy, được nghe và được nghi, để như pháp sám trừ, cũng nói là tùy ý tức nghĩa là tùy theo người kia ở trong 3 việc tùy ý nói tội để cho được

tiêu trừ tội lỗi. Nếu một trụ xứ có 5 người hoặc hơn 5 người, nên sai người bạch Tự tứ. Trước buổi ăn sáng vị Thượng toạ nên xưng lên rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Hôm nay ngày... tháng... lúc mấy giờ Chúng tăng nhóm họp tại (chỗ nào) để Tự tứ".

Cho ở trong nhà thuyết giới Tự tứ. Nên Tự tứ vào những ngày 14, 15, 16... Đức Phật dạy hạ An cư xong rồi nên sai một vị Tỳ-kheo-ni thay Ni tăng đến giữa Đại tăng để bạch Tự tứ. Nếu hai bộ Tăng, Ni đều không đủ chúng 5 người, đến ngày Tự tứ, Tỳ-kheo-ni nên đến trụ xứ của thầy Tỳ-kheo mà lễ bái thăm hỏi. Nếu đủ chúng thì phải đánh kiện chùy, họp Tăng vấn hòa như thường đã làm. Nên đáp rằng:

"Yết-ma sai người Tự tứ".

Vị Yết-ma nên tác bạch rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích họp đối với Tăng. Tăng chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... qua đại Tăng vì Tỳ-kheo-ni tăng nói 3 sự Tự tứ: Thấy, nghe và nghi. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Tăng nay sai Tỳ-kheo-ni... qua Đại tăng vì Tỳ-kheo-ni tăng cầu nói 3 sự Tự tứ là: Thấy, nghe và nghi. Các Đại tỷ nào chấp thuận Tăng nay sai Tỳ-kheo-ni... qua Đại tăng vì Tỳ-

kheo-ni tăng cầu nói 3 sự Tự tứ là: Thấy, nghe và nghi thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... qua Đại tăng vì Tỳ-kheo-ni tăng cầu nói 3 sự Tự tứ là: Thấy, nghe và nghi, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Sai như vậy rồi nên cử thêm 2, 3 người nữa làm bạn cùng đi. Người kia khi đi đến giữa Đại tăng, lễ Đại tăng xong rồi quỳ xuống chấp tay bạch rằng:

"Bạch Đại đức tăng (nói tên chùa) Tỳ-kheo-ni tăng hạ An cư đã xong Tăng sai chúng con Tỳ-kheo-ni... qua Đại tăng vì Tỳ-kheo-ni tăng cầu nói 3 sự Tự tứ là các tội được thấy, được nghe, được nghi ngờ. Ngưỡng mong Đại đức tăng rủ lòng thương tưởng chỉ giáo. Nếu chúng con thấy có tội sẽ như pháp sám hối" (nói 3 lần).

Thượng toạ dạy rằng:

"Đại đức tăng chúng không thấy chúng Tỳ-kheo-ni có tội thấy, nghi, nghi gì đáng nói ra. Tuy nhiên như vậy người nên truyền lời giáo sắc. Sắc rằng: Chúng Tỳ-kheo-ni như pháp Tự tứ, cần thận chớ có buông lung".

Vị ni thọ sai nên đáp rằng: "Y giáo phụng hành".

Xong rồi lễ tạ lui ra, trở về trụ xứ của mình. Theo lời Đại đức tăng đã giáo sắc tuyên lại, tuyên xong rồi

như pháp Tự tứ. Bạch nhị Yết-ma sai người nhận Tự tứ. Người này phải có đầy đủ 5 đức tánh đó là không yêu, không ghét, không rụt rè, không ngu dốt biết rõ đã tự tứ hay chưa Tự tứ. Nhóm họp Chúng tăng vẫn hòa, như thường đã làm. Nên đáp rằng: "Yết-ma Tự tứ".

Lại hỏi rằng: "Trong chúng có vị nào có thể vì Chúng tăng làm người nhận Tự tứ không?"

Đáp: "Tôi Tỳ-kheo-ni... kham năng".

Nên tác bạch Yết-ma để sai:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng sai Tỳ-kheo-ni... làm người nhận Tự tứ. Đây là lời tác bạch"

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tăng sai Tỳ-kheo-ni... làm người nhận Tự tứ. Các Đại tỳ tăng nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo-ni... làm người nhận Tự tứ thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... làm người nhận Tự tứ rồi, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Các bộ khác cho sai một lúc 2, 3 người không được quá số này. Vị Thượng toạ hoặc vị ngũ đức trước phải tác bạch rồi sau mới Tự tứ. Tác bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Hôm nay Chúng tăng Tự tứ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận hoà hiệp Tự tứ. Đây là lời tác bạch".

Bạch rồi vị ngũ đức đến trước vị Thượng tọa, theo thứ lớp mà Tụ tứ. Vị Thượng tọa nên rời chỗ ngồi, trích vai áo bên hữu, bỏ giày dép quỳ xuống chấp tay đối trước vị Ngũ đức tác bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm. Hôm nay Chúng tăng Tụ tứ. Tôi Tỳ-kheo-ni... cũng Tụ tứ. Nếu thấy tôi có tội, hoặc nghe và nghi tôi có tội, nguyện Đại tử thương tưởng chỉ giáo cho tôi. Nếu tôi thấy có tội sẽ như pháp sám hối" (nói 3 lần)

Tụ tứ xong rời lại ngồi xuống. Nếu người già bệnh tùy theo thân ngồi chỗ nào thì tại chỗ đó Tụ tứ. Nếu khi nói có sai lầm hoặc quên, nên nhắc dùm. Bộ Bách Nhứt Yết-ma dạy: Nếu người không tụ bạch được cho viết vào giấy để đọc. Nếu có 8 nạn và các nhơn duyên bức thiết, cũng như thuyết giới cho được phép lược Tụ tứ. Nên cân nhắc nạn duyên còn ở xa nên quãng thuyết. Nếu nạn duyên quá bức thiết không đủ thời gian để bạch 3 lần nên bạch 2 lần. Nếu không bạch đủ 2 lần thì ít nhứt cũng bạch 1 lần. Nếu không làm như vậy thì nên như pháp mà trị tội. Nếu riêng mỗi người bạch 1 lần cũng không được. Thì các Tỳ-kheo-ni nên tác bạch để đồng loạt bạch 3 lần mà Tụ tứ. Nhưng Tụ tứ theo cách này thì phải Yết-ma:

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích

hợp đối với Tăng. Tăng nay mỗi mỗi đồng loạt nói Tự tứ 3 lần. Đây là lời tác bạch".

Tác bạch rồi đều đồng loạt nói Tự tứ 3 lần. Nghĩa là mọi người đối nhau mà tác bạch, bạch 2 lần hay 1 lần cũng như trên. Nếu nạn sự quá bức thiết không thể bạch 3 lần cũng không thể tác bạch được, liền nên vì việc này mà giải tán. nếu chỉ có 4 người thì không được tác Yết-ma sai người nhận Tự tứ, mỗi người phải đối nhau mà tác bạch với nhau để Tự tứ. Nên bạch rằng:

"Ba Đại tử nhứt tâm niệm, ngày nay Chúng tăng Tự tứ. Tôi Tỳ-kheo-ni... thanh tịnh" (nói 3 lần).

Nếu chỉ gồm có 3 người, 2 người cũng tác pháp như trên chỉ đối lại câu đầu, số người đối thủ khác mà thôi.

Không được biệt Chúng Tự tứ và cùng người có tội mà Tự tứ. Vì không đúng pháp. Người phạm tội phải sám hối rồi vậy sau mới Tự tứ. 4 người không được thọ dục của người thứ 5 để phải đối thủ Tự tứ. Cho đến 2 người thì không được thọ dục của người thứ nhứt để phải tâm niệm Tự tứ. Người hậu An cư được phép theo người tiền An cư để Tự tứ, nhưng Tự tứ xong rồi vẫn ở trong nội giới đợi đủ ngày, cho đến rằm tháng 8. Nếu phân chia đồ vật đã được trong hạ

và ngoạ cụ... cũng được nhận. Không được kết hạ chưa đủ 3 tháng mà kê tuổi hạ. Nếu như người tiền và hậu An cư cùng ở chung với nhau, nên tùy theo chỗ ở của vị Thượng tọa mà Tụ tứ. Vị Thượng tọa hoặc tiền An cư, hoặc hậu An cư nên tùy theo người cụ trú mà Tụ tứ. Người cụ trú cũng có tiền An cư và hậu An cư thì nên theo số đông mà Tụ tứ. Nếu có Chúng đông Tỳ-kheo-ni An cư tinh tấn chứng quả tăng thượng, sợ rằng: Nếu ngày hôm nay mà Tụ tứ thì sẽ không còn được cái vui an lạc này, thì phải nên tác pháp đơn bạch tăng ích Tụ tứ, để cho đến khi đủ 4 tháng rồi mới Tụ tứ. Sa-di-ni và Học pháp nữ nên đối trước một vị Tỳ-kheo-ni mà Tụ tứ. Nếu 5 chúng xuất gia và những người thế tục đem dao n hiệp, kim chỉ vải lụa để cúng dường lễ giải hạ cho chúng hiện tiền. Sở dĩ ngày giải hạ này họ cúng dường là vì ý muốn cầu nguyện cho âm dương đều được lợi ích. Khi ấy vị ngũ đức nên đem tất cả vật dụng... đến trước vị Thượng tọa đứng mà thưa rằng:

"Thưa Đại tỷ các đồ vật này có được tùy ý bố thí cho những người đã An cư xong không? Nếu trong trụ xứ này lại nhận được các lợi vật khác hòa hiệp Tăng-già có nên phân chia không?" Cả chúng nên đồng loạt đáp rằng: " Nên phân chia".

Nếu làm khác với cách này Tỳ-kheo-ni thọ sai và đại chúng... đều mắc tội việ pháp.

Không được Tụ tứ xong rồi lại thuyết giới. Vì Tụ tứ tức là thuyết giới rồi. Trong Nam Sơn Thích Bồn bộ, không cho ngày hôm nay Tụ tứ xong rồi, liền ra ngoại giới, như vậy là phá hạ ly y, vì còn 1 đêm nữa, chưa hết ngày vậy. Phải đợi phần đêm của ngày rằm hết rồi đến ngày 16 khi ánh ban mai xuất hiện ấy mới gọi là tọa hạ đã xong.

Hỏi: vì sao chỉ kết hạ có 3 tháng? Đáp: 1. Một đời sanh tử đều phải nhờ tư vật để dưỡng nuôi, kết hạ 3 tháng trước khai cho 1 tháng, sau vì để đủ y phục cung cấp cho thân. 2. Nếu kết hạ cả 4 tháng thì ngày 16 tháng 4 kết mới được thành hạ, nếu có người bị sai thoát liền không được kết hạ, giáo pháp rất gấp vật dụng khó được cho nên đức Như Lai thuận theo nhu cầu của người mới bắt đầu ngày 16 tháng 4 đến ngày 16 tháng 5 khai cho trong 1 tháng ấy tiếp tục kết hạ để cho mọi người An cư đều được thành tựu, bộ Chích Hoa Sao dạy rằng: Trong các kinh luật đều lấy ngày 16 tháng 7, kể 1 tuổi vì đó là ngày ngũ phần pháp thân của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni sanh ra, thời ngày rằm tháng 7 là hết hạ. Người Thích tử xuất tục chỉ kể tuổi hạ mà thôi.

ĐIỀU 18: *Cố quá tặng vật.*

Tỳ-kheo-ni nào biết đó là Tặng vật mà tự xoay về cho mình, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tặng dạy rằng: Từ này về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tri: Hoặc tự mình biết. Hoặc do người khác nói cho mình biết, không phải là không biết.

Vật: Nghĩa là 6 đồ vật dùng để tư thân của Tỳ-kheo-ni: 3 y, bát, toạ cụ, đũa lọc nước, nhỏ nhất cho đến cái ly uống nước.

Hướng tặng: Vì Chúng tăng cho nên họ đã móng ý cúng dường cho Chúng tăng và đã hứa cúng dường cho Chúng tăng rồi.

Tặng: Nghĩa là chúng đệ tử của Phật.

Tự cầu nhập kỳ: Nghĩa là biết đó là đồ vật thuộc về Chúng tăng mà xoay đem về dùng riêng cho mình.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu

Tỳ-kheo-ni nào biết đó là đồ vật của Chúng tăng mà tự xoay về cho mình phạm Xả đọa. Nếu đem đồ vật của Chúng tăng xoay lại cúng dường vào tháp, hoặc đem đồ vật của tháp xoay lại cúng dường cho Chúng tăng, hoặc đem đồ vật của tứ phương Tăng, đồ vật của hiện tiền Tăng, đồ vật của Tỳ-kheo tăng, đồ vật của Tỳ-kheo-ni tăng, đồ vật của trụ xứ này, đồ vật của trụ xứ kia, các đồ vật như thế xen nhau chuyển đổi đều phạm Đột-cát-la, vì không đem về cho mình nên mắc tội nhẹ. Nếu họ đã hứa mà mình cũng biết là họ đã hứa phạm Xả đọa. Họ đã hứa mà mình nghi không biết họ có hứa không phạm Ác tác. Nếu họ chưa hứa mà mình tưởng họ đã hứa và sanh nghi đều phạm Ác tác. Pháp xả vật, sám hối, trả vật lại đồng như trước. Tỳ-kheo đồng phạm. Ba chúng dưới phạm Ác tác.

**Trường hợp không phạm:* Nếu không biết, nếu họ đã hứa mà mình tưởng là họ chưa hứa. Nếu họ hứa cúng ít mà mình khuyến họ cúng nhiều. Hoặc họ hứa cúng ít người mà mình khuyến họ cúng nhiều người, muốn hứa cúng đồ xấu, mà mình khuyến họ cúng đồ tốt, hoặc nói giỡn chơi, nói lầm, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này mà nói lầm việc khác.

Nhơn đây nói rõ việc cúng dường thuộc về đối tượng nào và phương pháp phân chia y vật. Trong này

có 2 nguồn gốc của Tăng vật. 1. Do 7 chúng phát tâm dâng cúng. 2. 5 chúng từ trần để lại.

Hai thứ Tăng vật này đều có những thứ thuộc về tứ phương Tăng và hiện tiền Tăng, vật đáng chia hay không đáng chia, trước phải minh định rõ ràng, thời sự phân chia mới không bị sai lầm. Nói tứ phương ấy là do người đàn-việt phát tâm cúng dường rộng rãi không cuộc hạn vào số người hiện tiền, phạm có vị nào đến cũng đều được hưởng phần. Trong tứ phương Tăng này lại có hiện tiền tứ phương và cữ viễn tứ phương.

Nếu người đàn-việt bố thí y, bát, ngoạ cụ, ống kim, nệm lông rộng 3 khuỷu tay, dài 5 khuỷu tay, lông dài 3 lóng tay, và dao cạo tóc, các đồ dùng lật vật... Tất cả những khinh vật như vậy thời không luận những vị hiện ở trong trú xứ này và những người từ bốn phương đến đều có phần, ấy gọi là đồ vật thuộc về hiện tiền tứ phương Tăng. Đồ vật của Chúng tăng từ trần để lại, các khinh vật của họ thuộc các đối tượng sử dụng cũng như thế. Nếu người đàn-việt cúng dường: Chùa, vườn, ruộng, cây ăn trái, biệt phòng, bình bằng đồng, nồi đồng, búa, đục, đài để đèn, giường dây, giường gỗ, nệm nằm, nệm ngồi, gối, nệm lông, xe cộ, chậu tắm, tích trượng, quạt, đồ dùng bằng sắt, đồ dùng

bằng gỗ, đồ dùng bằng sành, đồ dùng bằng da, đồ dùng bằng tre, tất cả những đồ dùng như vậy thuộc về biệt phòng, hoặc dùng đồ vật giúp cho người giữ vườn chùa, có các vật dụng cúng dường như vậy, đều không được phân chia, phải cất giữ tại bốn xứ thường trú để cung cấp cho các vị từ bốn phương đến được dùng lâu dài, đó là đồ vật mà cửu viên tứ phương Tăng được hưởng. Những đồ vật của Chúng tăng từ trần để lại tất cả các trọng vật đều phải cất giữ để sử dụng giống như trên. Nếu người đàn-việt phát tâm cúng dường cho hiện tiền Tăng, hoặc cúng dường cho Tỳ-kheo, hoặc cúng dường cho Tỳ-kheo-ni, hoặc cúng dường cho lưỡng bộ, hoặc thừa đích danh mà cúng dường, hoặc cúng cho một người nên tùy ý người kia muốn phát tâm cúng cho ai thì thuộc về người ấy. Không có phần của khách Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, tức là hiện tiền Tăng cũng không được, nói lời bắt buộc phải chia. Nếu Tăng, Ni lưỡng bộ đồng thọ vật dụng của người đàn-việt cúng dường, thì phải được chia thành 2 phần đồng đều, để mỗi bộ tùy theo số người nhiều hay ít mà phân chia cho khách. Nếu chúng Tỳ-kheo-ni ít, hoặc không có Tỳ-kheo-ni, toàn là Thức-xoa-ma-na, hoặc Thức-xoa-ma-na cũng không có, toàn là Sa-di-ni, cũng nên chia làm 2 phần, nếu Sa-di-ni cũng không có nên cúng dường cho quý thầy Tỳ-kheo. Nếu quý thầy Tỳ-

kheo ít, hoặc không có quý thầy Tỳ-kheo, toàn là Sa-di cũng nên chia làm 2 phần. Nếu Sa-di cũng không có nên chia cho Tỳ-kheo-ni. Nếu 1 bộ đại tăng rất đông đảo nhận được rất nhiều y vật đáng phân chia, sau bị chia ra làm 2 bộ, nên phân chia y vật đó ra làm 2 phần riêng mỗi bộ tác pháp mà chia. Nên vâng lời Phật dạy: Đếm số người nhiều ít mà chia, tốt xấu xen nhau chia đều. Nếu Chúng tăng hoà hiệp thì Sa-di-ni và người giữ vườn chùa cũng nên phân chia bình đẳng đồng đều. Nếu không hoà hiệp thì nên cho một nửa phần. Nếu một nửa phần cũng không bằng lòng thì nên chia cho Sa-di-ni một phần ba, người giữ vườn chùa một phần tư, nếu không cho thì không được phân chia, nếu phân chia thì phải như pháp mà trị. Vốn không có pháp Yết-ma phân chia y vật, sau đó hơn có một sự kiện phân chia y vật mà y vật này được quy định thuộc về tứ phương Tăng, phân chia rồi khách Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đến, nên phải phân chia lại. Cứ như vậy khách ni đến mãi không dứt, các vị Tỳ-kheo-ni phân chia quá mệt nhọc, đem việc này đến bạch Phật, đức Phật dạy: Tác bạch nhị Yết-ma mà phân chia, để ngăn người đến sau. Nếu khách Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào đang khi Yết-ma mà đến thời có phần, Yết-ma xong rồi mới đến, thì không có phần. Nếu phân chia đồ vật mà không thuộc về của tứ phương Tăng thì không cần

Yết-ma, chỉ cần chiếu theo số người mà phân chia là được. Vì không có tăng và giảm. Nếu 5 người trở lên mà nhận được y vật, thì trước hết phải nên đem y vật ấy đến chỗ nhà công cộng.

Nghi thức tập Tăng vấn hoà thuyết dục... như thường đã làm.

Nên đáp rằng: "Yết-ma chia Tăng vật".

Y theo luật nên đề cử một vị Tỳ-kheo đầy đủ 5 đức để vì Chúng tăng mà phân chia y vật nghĩa là vị ấy không thiên vị, không hay giận hờn, không ngu si, không sợ hãi. Và biết rõ người đã chia hay chưa chia. Có đầy đủ 5 đức này, vì Chúng tăng mà phân chia y vật sẽ được sanh lên cõi trời như tên bắn. Nếu trái lại thiếu 5 đức trên mà vì Chúng tăng phân chia y vật cũng vào địa ngục như tên bắn.

Vị Yết-ma nên tác bạch rằng:

"Đại đức tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng bằng lòng cho, Tăng nay sai Tỳ-kheo-ni... vì Tăng phân chia Tăng vật. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Tăng nay sai Tỳ-kheo-ni... vì tăng phân chia tăng vật. Các Đại tỷ nào chấp thuận, tăng nay sai Tỳ-kheo-ni... vì tăng phân chia tăng vật thì im lặng. Ai không chấp thuận hãy nói.

Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... vì tăng chia tăng vật, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Đã sai người xong rồi nên Yết-ma giao vật để phân chia nên bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Trú xứ này được (nói Tăng vật) nên chia hiện tiền Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng bằng lòng cho Tăng nay đem (Tăng vật) này cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ phân chia giữa Tăng... Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Trú xứ này nhận được (Tăng vật) nay trao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ phân chia giữa Tăng. Các Đại tỳ nào chấp thuận Tăng nay đem (Tăng vật) hiện tiền Tăng nên phân. Chia Tăng nay đem Tăng vật giao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ phân chia thì im lặng. Ai không chấp thuận hãy nói. Tăng đã chấp thuận. Tăng nay đem (Tăng vật) này trao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ phân chia giữa Tăng, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Bạch như vậy rồi, nếu có người đến sau không có phần. Người thọ sai bước ra nhận Tăng vật đem xét kỹ tốt xấu. Nếu mỗi người chỉ được một cái thì phải theo thứ lớp bắt đầu từ vị Thượng tọa nên dâng cái tốt nhất. Nếu mỗi người được 2 cái hay nhiều hơn nữa thì tốt

xấu phải nên xen nhau.

Chiếu theo số người mà phân phối. Chỉ có bình đẳng là tốt hơn cả!

Phương pháp chia trực tiếp y vật cho Chúng Tăng 4 người. Nếu có trụ xứ được cúng dường y vật thuộc tứ Phương Tăng, mà hiện tiền chỉ có 4 vị Tỳ-kheo-ni, không được tác 2 thứ Yết-ma là sai người và giao vật, vì sao thế? Vì chỉ có đủ 4 người, không có dư người để sai và giao phó được. Phải nên như trong Tỳ-Ni Mẫu nói: Nếu Tăng số chỉ có 4 người thì nên tác Yết-ma phân chia trực tiếp. Nghi thức họp Tăng vẫn hoà... đều giống như trên. Nên tác bạch rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích họp đối với Tăng. Tăng nay chấp thuận trú xứ này. Nhận được (Tăng vật) nên chia hiện tiền Tăng. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Trú xứ này nhận được (Tăng vật) nên phân chia hiện tiền Tăng. Các Đại tỷ nào chấp thuận Tăng nay phân chia (Tăng vật) này thì im lặng. Ai không chấp thuận thì hãy nói. Tăng đã chấp thuận phân chia (Tăng vật) này, vì im lặng tôi ghi nhận như vậy".

Tác bạch rồi nên phân chia ra làm 4 phần, người đến sau không có phần.

Phương pháp chia Tăng vật cho 2, 3 người. Nếu trú xứ nào nhận được rất nhiều y vật thuộc tứ phương và hiện tiền Tăng nên phân chia. Mà hiện tiền chỉ có 3 Tỳ-kheo-ni, nên làm như trong Bốn luật dạy: Lần lượt từng vị tác bạch 3 lần rồi cùng chia. Trước hết một người nên hướng đến 2 Tỳ-kheo-ni kia lễ 1 bái rồi nên tác bạch rằng:

"Hai Đại tử nhứt tâm niệm. Trú xứ này nhận được (Tăng vật) nên phân chia hiện tiền Tăng. Nay đây không đủ túc số Tăng nên thuộc về chúng ta" (nói 3 lần).

Xong rồi lễ 1 bái, 2 vị Tỳ-kheo-ni kia cũng như vậy. Nếu chỉ có 2 người. Vẫn bạch tác pháp cũng như trên nhưng bỏ tiếng hai. Bạch rồi chiếu theo số người mà chia đều, người đến sau không có phần.

Phương pháp chia trực tiếp y vật thuộc về hiện tiền Tăng, hoặc đúng thời, hoặc phi thời, hoặc cúng dường lưỡng bộ, hoặc cúng dường 1 bộ. Không luận số người nhiều hay ít. Nếu người đàn-việt phát tâm lấy số người hiện tiền làm nhứt định để cúng dường thì không cần dùng đến các phương pháp như bạch nhị Yết-ma, và triển chuyển, tâm niệm để phân chia, chỉ tùy theo số người nhiều hay ít. Nếu 100 người thì 100 phần, nếu 1 người thì 1 phần, chỉ có bình đẳng là đúng

pháp. Nếu vì An cư mà cúng dường thẳng hoặc có vị Tỳ-kheo-ni An cư ở trú xứ này, vì có công việc Phật Pháp Tăng, hoặc vì duyên sự săn sóc bệnh xin phép ra ngoại giới không kịp trở về khi phân chia y vật, phải nên để dành ra 1 phần cho vị kia. Vị kia cũng phải nên dặn người thay mình để nhận phần. Lúc bấy giờ có Tỳ-kheo-ni kết hạ An cư ở trú xứ này rồi, sau lại qua trú xứ khác An cư tiếp cho đến mãn hạ, khi phân chia y vật, vị ấy không biết nên nhận phần ở chỗ nào. Đức Phật dạy: Được phép nhận phần ở chỗ nào An cư nhiều ngày. Nếu cả 2 chỗ số ngày An cư bằng nhau thì cho nhận mỗi bên 1 nửa phần. Nếu Chúng tăng cùng An cư trong một trú xứ, sau đó nội bộ Tăng chia làm hai, có y vật cúng dường hạ An cư nên đếm số người mà chia.

Phương pháp xử đoán và phân chia y vật của người xuất gia qua đời để lại.

Luật Thập tụng dạy: Có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni viên tịch y vật rất nhiều, vua và gia đình quyền thuộc muốn lấy. Đức Phật dạy: Vua và quyền thuộc đều không được lấy, chỉ Tăng, ni được hưởng mà thôi, chính Phật và Pháp cũng không có phần. Căn cứ vào duyên để quy định quyền sở hữu lại có 10 thứ.

1. Phần tảo thủ. Như trong luật Ngũ Phần dạy:

Người bị nước cuốn chết, ai thấy trước thì y vật thuộc về người ấy được quyền nhận.

2. *Hiện tiền thủ*. Như trong luật Thập Tụng dạy: Một người bị đuối và một người giữ giới cùng ở chung, có người chết, thì y vật thuộc về người còn sống. Nếu hiện tiền lại có người giữ giới khác thì người bị đuối không nên lấy phần.

3. *Đồng kiến thủ*. Nghĩa là kia đây lưỡng bộ có người chết, người đồng thấy, đều cùng được nhận y vật của người kia.

4. *Công năng thủ*. Như trong Luật dạy: Nếu người chết đã từng bị ba lần cử tội, Chúng Tăng đã từng cùng nhau dự Yết-ma cử tội người kia, được nhận y vật.

5. *Ngũ chúng thủ*. Như trong luật Bôn dạy: Nếu đi đến chỗ không có Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ở mà chết, trong 5 chúng xuất gia tùy theo ai đến trước thì được y vật.

6. *Diện sở hướng thủ*. Như trong luận Tỳ-bà-sa dạy: nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ở giữa hai giới hạn của đại giới Tăng và Ni mà chết, tùy theo mặt của người kia xoay vào chỗ nào thì chỗ đó được y vật.

7. *Hòa thượng và đồng giới Tăng thủ*. Như trong luật Tăng Kỳ dạy: nếu Sa-di và Sa-di-ni qua đời thì y

vật thuộc về Hoà thượng. Nếu Hoà thượng không nhận, bây giờ Tăng trong đồng giới nên nhận.

8. *Bạch y thú*. Như trong luật Tát-bà-đa dạy: Nếu người bị diệt tận chết thì y vật nên để cho người bạch y thân quyến lấy.

9. *Tùy sở tại thú*. Như trong luật Thập tụng dạy: Ký thác nơi người, chứ không phải ký thác vào trú xứ. Đây có nghĩa là có đồ vật đem ký thác cho người chứ không phải ký thác vào trú xứ mà người đó ở. Người chủ của đồ vật kia qua đời tại một nơi đồ vật để tại một nơi khác, người được ký thác ở tại một trú xứ khác nữa. Nơi người chủ đồ vật qua đời không được phân chia, chỗ để đồ vật cũng không được phân chia, đồ vật ấy thuộc về sự phân chia của Tăng tại trú xứ mà người được ký thác đang ở.

10. *Yết-ma thú*. Nghĩa là trong chúng có người mất thì nên dùng phương pháp Yết-ma hiện tiền tứ phương Tăng để phân chia. Nếu chúng không hòa hiệp vân tập, hoặc không có người bình pháp thì nên làm pháp sơ hậu. Nghĩa là lấy một ít tài vật của người qua đời, hoặc 2 đồng tiền... dâng lên vị Thượng thủ 1 đồng và trao đến vị nhỏ nhất 1 đồng, để tỏ rằng sự phân chia mình đã quyết định xong, sau đó Chúng tăng hiện tiền như thường lệ cùng nhau phân chia, lại không

phiền phải tác pháp nữa. Nếu sau khi tác pháp sơ hậu rồi, có người đến sau không nên chia phần. Theo Tăng pháp Yết-ma phân chia. Ba chúng nhỏ sau mất những di vật của họ đều thuộc quyền Bốn sư, nếu Bốn sư không nhận thì Chúng Tăng cùng sống chung trong một trú xứ được hưởng. Di vật này không thông tứ phương Tăng. Không nên tác Yết-ma phân chia.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni viên tịch, người nuôi bệnh nên đem tất cả di vật của người qua đời đến chỗ nhà công cộng. Đợi đến khi đưa đám xong trở về bạch nhị Yết-ma mà phân chia. Phương pháp tập Tăng, vẫn hòa như thường đã làm. Nên đáp rằng: Yết-ma phân chia y vật của người qua đời. Người nuôi bệnh bây giờ nên đầy đủ oai nghi lễ Chúng tăng 3 lạy quỳ xuống chấp tay tác bạch rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung nơi trú xứ này, các vật dụng của Tỳ-kheo-ni ấy để lại, nên phân chia hiện tiền Tăng trong trú xứ này"(nói 3 lần).

Khi ấy vị Thượng tọa hoặc vị Yết-ma nên hỏi người nuôi bệnh rằng: "Người quá cố có di chúc hay dặn dò gì với em không?" Người nuôi bệnh trả lời: "Vị kia trước khi lâm chung có dặn rằng": Ông hay bà... có mắc nợ của người quá cố vật gì.. bao nhiêu.

Người quá cố có mắc nợ của ông hay bà... vật gì... bao nhiêu".

Khi ấy vị Yết-ma nói rằng: "Đức Như Lai có chế: Nếu người nào vay mượn đồ vật của vị đã qua đời cần phải cho đòi về để nhập vào sổ vật dụng phân chia cho hiện tiền Tăng".

Nếu người qua đời có vay mượn ai vật gì chưa trả nên lấy các thứ trường vật để trả, nếu không có trường vật thì nên bán 3 y mà trả nợ. Nay đã thanh toán xong các món vay mượn của hai bên, chỗ nên đòi thì đến đòi, chỗ nên trả thì nên đem vật tính giá mà trả.

Nếu người nuôi bệnh nói rằng: Vị ấy trước đây đã từng nói rằng: Đem vật dùng... cúng dường Phật, hoặc nói cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, cúng dường Tháp, cho người nào... đó. Đợi sau khi tôi chết rồi sẽ cúng. Nếu di chúc như vậy thì vị Yết-ma nên nói rằng:

"Đây không thành di chúc, không được cúng".

Người nuôi bệnh thưa: "Vị y theo lời người mất di chúc tôi đã cúng rồi". Nên nói rằng: "Nhưng phải đòi về, để phân chia cho hiện tiền Chúng tăng. Vì sao thế? Vì tâm bố thí của vị kia chưa dứt khoát, nên sau khi mất liền thuộc về Chúng Tăng.

Người nuôi bệnh nhớ nếu nói rằng: "Vị kia khi

còn sanh tiền đã đem đồ vật... cho... rồi, đã đem đi rồi".

Như vậy sự bố thí đã thành tựu, được đem đồ vật ấy đi.

Nếu người nuôi bệnh nói rằng: "Khi sanh tiền vị ấy đem đồ vật... cho..., người kia chưa đem đi đồ vật ấy vẫn còn ở tại đây".

Vị Yết-ma nên nói rằng: "Vật này đúng là thuộc về người kia, nhưng chưa kịp đem đi thì người bệnh đã qua đời, nay không phải một người mà có thể quyết định việc này được, phải đợi trong chốc lát, chuẩn theo luật Ngũ Phần thì phải nên bạch nhị Yết-ma để cho.

Phương pháp tưởng thưởng người nuôi bệnh.

Nên hỏi: "Em! Khi nuôi bệnh là do Tăng sai hay tự phát tâm".

Nếu nói tự phát tâm thì lại nên nói rằng: " Khi em mới phát tâm có chủ đích gì không?"

Nếu nói vì lòng từ bi thương xót, muốn giúp đỡ cho người bệnh. Và lại trong chúng đều biết người kia có đầy đủ 5 pháp, nên tuyên bố giữa đại chúng rằng: "Đức Thế tôn có dạy: Không được làm công việc nuôi bệnh rất ít ỏi mà lại lấy y bát của họ, phải đủ 5 pháp mới được hứa khả".

1. Cần phải biết người bệnh có thể ăn được thứ gì, không ăn thứ gì, nếu ăn được thứ gì thì nên cho ăn.

2. Không nhàm gớm đồ đại tiểu tiện và khạc nhổ của người bệnh.

3. Phải có tâm từ bi thương xót, không vì cơm áo mà nuôi bệnh.

4. Lo liệu thuốc thang cho đến khi lành, hoặc cho đến khi mất.

5. Thường hay vì người bệnh thuyết pháp khiến họ hoan hỷ, tự mình đối với thiện pháp cũng được Tăng thêm lợi ích, có đủ 5 pháp như vậy nên tướng thưởng y bát.

Luật Tăng-kỳ có dạy: Có 4 hạng người không nên thưởng:

Nếu làm tạm thời hoặc Tăng sai, hoặc vì muốn cầu phước mà làm, hoặc vì muốn cầu phước cho mình mà làm, hoặc vì tà mạng mà làm, đều không nên thưởng. Dù thấp một ngọn mà gặp lúc người bệnh qua đời với mục đích muốn làm lợi ích cho họ để giúp cho họ mau lành, nên tướng thưởng y vật cho người này. Vị Thượng toạ nói: "Tôi từ trước đến nay đã từng nghe người này nuôi bệnh việc gì cũng như pháp, không biết đại chúng nghe như thế nào?" Nếu đại chúng đều nói: "Đúng như lời Thượng toạ đã dạy".

Khi ấy nên đem 3 y và bát... 6 đồ vật dụng của người quá cố bạch nhị Yết-ma mà thương. Nên bạch rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung những vật dụng tùy thân của Tỳ-kheo-ni ấy nên phân chia hiện tiền Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng nay chấp thuận đem các vật dụng tùy thân ấy cho Tỳ-kheo ni... nuôi bệnh. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung. Những vật dụng tùy thân của Tỳ-kheo-ni ấy nên phân chia hiện tiền Tăng. Tăng nay đem các vật dụng tùy thân ấy cho Tỳ-kheo-ni... là người nuôi bệnh. Các Đại tử nào chấp thuận Tăng đem các vật dụng tùy thân ấy cho Tỳ-kheo-ni... là người nuôi bệnh thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận Tăng nay đem các vật dụng tùy thuận ấy cho Tỳ-kheo-ni... là người nuôi bệnh, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Bạch rồi đem y bát và các vật dụng thương cho người ấy, người này nên lễ tạ rồi tiếp nhận, đây là căn cứ nơi người đủ năm pháp để thưởng. Còn những người nuôi bệnh được liệt vào hàng trung và hạ phương pháp tương thưởng công lao hoặc Tăng, hoặc

giảm, nếu họ hoàn toàn không có năm pháp thời không nên thưởng. Nếu người bạch y nuôi bệnh nên cho một ít đồ vật.

Phương pháp trả đồ vật cho người mà người quá cố đã tặng. Luật Ngũ Phần dạy, có một vị thiếu tri thức Tỳ-kheo-ni qua đời còn lưu lại y thượng, y hạ, vải và đồ dùng. Các Tỳ-kheo-ni không biết xử trí cách nào bèn đến bạch Phật. Đức Phật dạy: Nếu khi còn sống mà không đem cho người thì nên phân chia Chúng tăng hiện tiền. Nếu khi còn sống đã cho ai mà chưa đem đi, thì Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma mà cho. Nên tác bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni... ở trụ xứ này vừa mạng chung. Vị kia khi còn sống đã đem... cho... song người ấy chưa đem đi. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận nay đem... cho... Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... ở trụ xứ này vừa mạng chung. Vị kia khi còn sống đã đem các (Tặng vật) cho... song người kia chưa đem đi. Tăng nay đem... cho... các Đại tỳ nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận đem... cho... rồi, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Bạch rồi cho mang đi, nếu không có người nhận hiện tiền thì đợi sang ngày khác mà cho.

Phương pháp phân chia khinh vật và trọng vật của người quá cố. Vị Yết-ma phải nên lựa chọn trong chúng người có đầy đủ 5 đức, có thể tính giá, biết phân biệt các vật khinh, trọng thì mới nên sai. Vị kia phải nên định giá để xưng lên mà phân chia. Phải tác bạch (như thế này để sai cử).

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận Tăng nay sai Tỳ-kheo-ni... vì Tăng phân chia vong vật khinh trọng. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tăng nay sai Tỳ-kheo-ni... vì Tăng phân chia vong vật khinh trọng. Các Đại tử nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo-ni... vì Tăng phân chia vong vật khinh trọng thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo-ni... vì Tăng phân chia vong vật khinh trọng rồi, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Bạch rồi người thọ sai nên lễ vị Thượng tọa 1 lay rồi trở về chỗ cũ, Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma mà giao đồ vật của người quá cố để phân chia. Nên tác bạch rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vừa

mạng chung. Những vật dụng của Tỳ-kheo-ni... để lại nên phân chia hiện tiền Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng nay đem các vật dụng ấy trao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ phân chia các vật dụng ấy giữa Tăng. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung các vật dụng Tỳ-kheo-ni ấy để lại nên phân chia hiện tiền Tăng. Tăng nay đem các vật dụng ấy trao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ phân chia các vật dụng ấy giữa Tăng. Các Đại tỳ nào chấp thuận Tăng nay đem các vật dụng ấy trao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ phân chia các vật dụng ấy giữa Tăng thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận đem các vật dụng ấy trao cho Tỳ-kheo-ni... Tỳ-kheo-ni này sẽ phân chia các vật dụng ấy giữa Tăng, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Bạch như vậy rồi, người thọ sai nên đứng dậy đem các đồ vật sở hữu ấy phân biệt ra từng thứ khinh, trọng như trong phương pháp thọ thí đã nói. Nếu là trọng vật thì nên để lại cho thường trú làm vật cho tứ phương Tăng dùng. Nếu là khinh vật thì nên tính giá từng cái một cọng lại tất cả được bao nhiêu xong rồi mới tùy theo số người hiện tiền nhiều hay ít mà chia. Nếu y vật ít thì chuẩn theo luật Ngũ Phần nên bạch nhị

Yết-ma cho vị Tỳ-kheo-ni nào không có y. Nếu cả chúng đều đủ y, nên làm như trong luật Thiện Kiến dạy: Nếu vị ấy chỉ có một y rất đẹp, không nên xé nát ra mà chia. Khi ấy phải theo nhu cầu từ vị Thượng tọa sắp xuống ai cần phải trao ngay. Nếu như tất cả đều không cần thì nên làm như trong luật Nhiếp dạy: Có một cái y rất tốt đẹp quý giá không nên xé nát phải nên bán lấy lại giá tiền mà chia đều cả chúng. Nếu chúng quá đông không đủ để chia khắp được nên thiết một bữa tiệc trà cả chúng đều dùng chung. Phương pháp phân chia này chỉ áp dụng cho chúng 5 người trở lên. Nếu 4 người trở xuống thì không nên phân chia như vậy.

Phương pháp đem y vật của người quá cố tặng cho vị Tỳ-kheo-ni không có y.

Một vị thủ lãnh trong chúng nên bạch chúng rằng: Luật Ngũ Phần có dạy: Một trú xứ nọ, Chúng tăng muốn phân chia y có khách Tỳ-kheo-ni đến các Tỳ-kheo-ni nhận được ít nên không muốn chia. Vì thế đến bạch Phật, đức Phật dạy: Dù cho chỉ nhận được một vật giá trị bằng một sợi dây lưng cũng phải nên phân chia, nếu ít không đủ chia, thì nên bạch nhị Yết-ma để tặng cho vị Tỳ-kheo-ni không có y, nay đây ở trong chúng này Tỳ-kheo-ni... không có y cần phải tôn trọng

lời Phật dạy Yết-ma mà trao tặng đó, xin nguyện đại chúng hòa hiệp phát tâm hoan hỷ để bố thí là tốt hơn cả, tuyên cáo như vậy rồi. Vị Yết-ma nên tác bạch:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Chúng tăng được (Tăng vật) đều đem cho Tỳ-kheo-ni... nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Chúng tăng được (Tăng vật) nay đều đem cho Tỳ-kheo-ni... các Đại tỳ nào chấp thuận thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo-ni... (Tăng vật) vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Bạch như vậy rồi liền đem y vật ấy mà trao ngay. Không những phân dị vật của người quá cố phải như vậy, nếu trường hợp người đàn-việt dưng cúng y vật mà không đủ để phân chia cũng phải làm như vậy.

Phương pháp trực tiếp phân chia khinh vật của người quá cố cho Tăng số 4 vị.

Làm lễ tổng tán xong, vị Tỳ-kheo-ni nuôi bệnh nên đem di vật của người quá cố đến chỗ phòng công cộng. Nên tập Tăng, vấn hoà như thường đã làm. Nên đáp rằng: Yết- ma phân chia di vật của người quá cố. Đợi đáp xong rồi người nuôi bệnh nên bước đến trước 3 vị kia lễ 1 lạy quỳ xuống thưa rằng:

"Các Đại tử xin ghi nhận Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung. Các vật dụng của Tỳ-kheo-ni... ấy để lại nên phân chia hiện tiền Tăng". (Thưa 3 lần).

Ba người kia nên lượng đức mà thương công cho người nuôi bệnh như trên kia đã nói phải biết châm chước và suy nghĩ rồi một vị nên bạch rằng:

"Hai Đại tử xin ghi nhận, Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung. Các vật dụng của Tỳ-kheo-ni ấy để lại nên phân chia hiện tiền Tăng, chúng ta đem (Tăng vật) này cho Tỳ-kheo-ni... là người nuôi bệnh". (Bạch 3 lần rồi cho).

Người kia nên lễ tạ mà nhận. Đợi vị ấy nhận xong rồi nên phân định rõ ràng các kinh vật và trọng vật rồi mỗi mỗi phân chia. Nếu là kinh vật thì theo Tỳ-Ni Mâu đã dạy: Vì tăng số chỉ có 4 Tỳ-kheo-ni thì chỉ nên tác Yết-ma phân chia trực tiếp. Nên bạch rằng:

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung. Các vật dụng của Tỳ-kheo-ni ấy để lại nên phân chia hiện tiền Tăng. Đây là lời tác bạch".

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung. Các vật dụng của Tỳ-kheo-ni ấy để lại nên phân chia hiện tiền Tăng. Các Đại tử nào chấp thuận Tăng nay phân chia hiện tiền tăng các vật dụng mà Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung để lại thì im lặng. Ai

không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận phân chia các vật dụng này rồi, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Tác bạch xong chia ra làm 4 phần người sau đến không có phần.

Phương pháp phân chia kinh vật của người quá cố cho hiện diện 2, 3 vị. Nếu có Tỳ-kheo-ni qua đời, lưu lại các y vật thì hiện tiền Chúng tăng nên phân chia mà chỉ hiện diện 3 Tỳ-kheo-ni sắp xuống như trên đã nói phải nên suy tính để thưởng công cho người nuôi bệnh xong rồi. Sau đó từng vị một lần lượt thay nhau tác bạch để thọ nói 3 lần rồi phân chia. Trước hết một người nên hướng đến 2 Tỳ-kheo-ni kia lạy 1 lạy xong bạch rằng: Hai Đại tử xin ghi nhận. Tỳ-kheo-ni... vừa mạng chung. Các vật dụng của Tỳ-kheo-ni ấy để lại nên phân chia hiện tiền tăng. Nay đây không có tăng, các vật dụng ấy thuộc chúng ta (nói 3 lần) rồi lạy 1 lạy còn 2 Tỳ-kheo-ni khác cũng nói như vậy. Nếu chỉ có 2 người thì trong văn tác bạch chỉ cần bỏ chữ hai còn các chữ khác thì giống như vậy tác bạch xong chiếu theo số người mà chia đều. Người đến sau không có phần.

Phương pháp tâm niệm thọ nhận kinh vật của người quá cố. Nếu 2 vị Tỳ-kheo-ni cùng ở chung 1

Tỳ-kheo-ni qua đời, những y vật lưu lại của vị ấy nên phân chia cho hiện tiền tăng, mà không có khách Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đến thì nên đầy đủ oai nghi tâm niệm miệng nói rằng: "Các vật dụng ấy thuộc về tôi" nói như vậy 3 lần. Nếu sau đó có các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đến không có phần.

(HẾT QUYỂN V)

QUYỂN VI

LUẬT TỬ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỔN LƯỢC KÝ

ĐIỀU 19: *Cầu thị sách bí.*

Tỳ-kheo-ni nào muốn xin thứ này lại đòi thứ khác, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LUỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ trong vườn Kỳ-thọ Cấp-cô độc. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà có một người đàn-việt, Tỳ-kheo-ni này đến nhà người ấy mà nói rằng:

Tôi cần tô. Người kia liền thưa: "Dạ được", liền mua về để cúng dường.

Khi đó lại nói rằng: Tôi không cần dùng tô, tôi muốn dầu thôi; người kia liền than phiền rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết nhàm chán và tri túc, bên

ngoài tự nói ta biết chánh pháp mà xin sữa mà lại đòi dầu, xin dầu đòi sữa như vậy thì có gì là chánh pháp, nếu cần sữa thì xin sữa, cần dầu xin dầu, cần các đồ vật khác thì xin các đồ vật khác. Lúc ấy các vị Tỳ-kheo-ni thiếu dục sau khi quở trách Thâu-la Nan- đà xong đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật, đức Phật dạy: Từ nay về sau. Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Dục sách thị, cánh sách bỉ: Xin sữa lại đòi dầu, xin dầu lại đòi sữa. Nếu xin các đồ vật khác cũng vậy.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu như Tỳ-kheo-ni muốn xin vật này lại đòi vật kia, phạm Xả đọa. Vật dụng phạm Xả đọa này nên xả giữa Chúng tăng, dù chúng đông người, hoặc chỉ một người cũng không được xả biệt chúng, nếu xả mà không thành phạm Á c tác. Phương pháp xả, sám hối, trả vật lại đều giống như giới trên. Bốn chúng kia mà phạm thì kết Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu cần sữa xin sữa, cần dầu xin dầu, hoặc cần các đồ vật khác xin các đồ vật khác, hoặc xin từ người trong thân quyến, hoặc xin nơi người xuất gia, hoặc mình xin cho người khác, hoặc người khác xin cho mình, hoặc là không xin mà được.

ĐIỀU 20: *Đường trị tác y.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết đó là vật người đàn-việt cúng dường cho Chúng tăng để làm việc này, tự xoay để làm việc khác, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bấy giờ có chúng Tỳ-kheo-ni đông đảo ngồi giữa trời nghe thuyết giới có một người cư sĩ thấy như vậy mới hỏi rằng: Thưa A-di vì sao ngồi giữa trời thuyết giới, không có nhà thuyết giới hay sao? Đáp: Không.

Nếu tôi cúng tiền làm nhà có được không? Đáp: Được.

Người kia liền đem cúng các vật dụng để làm nhà thuyết giới. Khi ấy cả chúng Ni lại nghĩ rằng: Trong khi thuyết giới chúng ta ngồi ở chỗ nào thuận tiện cũng được. Còn y phục rất khó có, nên sắm cho đủ 5 y, nay chúng ta nên đem vật dụng này mà đổi lấy y để chia nhau, dự tính xong liền đem đổi lấy y chia cho nhau. Sau đó qua thời gian khác các Tỳ-kheo-ni cũng

vẫn ở ngoài trời mà thuyết giới, người cư sĩ thấy mới hỏi rằng: Trước tôi đã dâng cúng các vật dụng làm nhà thuyết giới, đem sử dụng vào việc gì rồi mà nay vẫn ngồi ngoài trời để thuyết giới? Tỳ-kheo-ni đáp: Chúng tôi nghĩ rằng. Trong khi thuyết giới chúng tôi ngồi ở chỗ nào thuận tiện cũng được, còn y phục rất khó có nên sắm cho đủ 5 y, nên đã đem các vật dụng ấy để đổi lấy y mà chia nhau rồi. Khi ấy người cư sĩ mới than phiền rằng: Tôi đâu lại không biết y phục rất khó có, nên sắm đủ 5 y ư!

Như đức Phật đã dạy: Nếu người nào tạo lập được một phòng xá tốt đẹp để cúng dường tứ phương Tăng, đó là phước điền đệ nhất. Khi ấy các vị thiếu dục tri túc quả trách Tỳ-kheo-ni kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng, quả trách Tỳ-kheo-ni kia, việc làm của người là quấy không phải oai nghi, không phải pháp của Sa-môn. Không phải tịnh hạnh, không phải hạnh tùy thuận, việc không đáng làm, vì sao người đem vật dụng của người cư sĩ cúng để làm nhà mà đổi lấy y cùng nhau phân chia. Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quả trách Tỳ-kheo-ni kia rồi dạy. Với các

thầy Tỳ-kheo rằng: Tỳ-kheo-ni kia có nhiều giống hữu lậu phạm giới đầu tiên. Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sở vị tăng thí dụ: Nghĩa là cúng dường để làm nhà thuyết giới mà đem may y. Cúng dường để may y mà đem làm nhà thuyết giới, cúng chỗ này đem dùng cho chỗ kia.

* Trong giới này được kết là phạm: Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết người đàn-việt vì Chúng tăng cúng dường để làm một việc này xoay đem làm việc kia phạm Xả đọa. Vật dụng này phải xả giữa chúng dù chúng đông người hay một người cũng không được xả biệt chúng. Nếu xả mà không thành xả phạm Đột-cát-la. Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma trả y lại cho Tỳ-kheo-ni này, không trả phạm Đột-cát-la. khi trả có người nói rằng: Đừng trả, hoặc thọ làm 5 y, hoặc chuyển làm tịnh thí hoặc làm các đồ dùng khác, hoặc khiến đem cho người, hoặc cố ý làm hư hoại, hoặc đốt, hoặc làm thành phi y, hoặc thường thường mang đắp, tất cả các hành động trên đều phạm Đột-cát-la. Bốn chúng kia nếu phạm thì kết Đột- cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Nếu dùng đúng pháp hoặc khi cúng thí chủ nói: Tỳ y thọ dụng...

ĐIỀU 21: *Thực tri tác y.*

Tỳ-kheo-ni nào đem đồ cúng thí do mình xin nhân danh Chúng tăng để dùng vào việc khác, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bảy giờ Tỳ-kheo-ni An-ôn muốn đến nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo-ni trước đã sống lâu tại đây, nghe tin Tỳ-kheo-ni An-ôn sẽ đến, liền vì bà đi đến từng nhà xin rất nhiều tài vật và thức ăn đến ngày hẹn Tỳ-kheo-ni kia không đến, chúng Tỳ-kheo-ni cự trú ấy bàn với nhau rằng: Tỳ-kheo-ni An-ôn hẹn với chúng ta là sẽ đến nước Xá-vệ, đến hạn rồi mà không đến, y phục rất khó có nên sắm đủ 5 y, chúng ta có thể lấy các đồ vật này mà đổi y để chia nhau, liền đổi để sắm 5 y. Sau một thời gian khác, Tỳ-kheo-ni An-ôn đến nước Xá-vệ, đúng thời trước y trì bát vào thành khát thực. Khi ấy các người cư sĩ thấy liền hỏi rằng: Thưa A-di cần xin cái gì? Đáp: Khát thực. Lại hỏi rằng: Chúng tăng không có thức ăn sao? Đáp: Không.

Hôm sau người cư sĩ đến chỗ của các vị Tỳ-kheo-ni cưu trú mà hỏi rằng: Chúng tôi trước đây mỗi người đều đem vật dụng cung cấp cho Tỳ-kheo-ni An-ôn để làm thức ăn, quý vị có làm không? Đáp: Không làm. Hỏi: Vì sao không làm? Đáp: Tôi trước có nhận lời hẹn của Tỳ-kheo-ni An-ôn đến nước Xá-vệ mà bà không đến, chúng tôi liền nghĩ rằng: Bà hẹn mà không đến. Tỳ-kheo-ni y phục rất khó được nên sắm 5 y, có thể lấy các đồ vật này đổi y mà chia nhau nghĩ như vậy rồi liền đem đổi y và chia nhau rồi. Khi ấy các cư sĩ đều than phiền rằng: Chúng tôi sở dĩ cúng dường là vì Tỳ-kheo-ni An-ôn ở xa đến để cung cấp ẩm thực, tại sao lại đổi lấy y như vậy? Các vị thiếu đức Tỳ-kheo-ni nghe rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo đến bạch đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này dạy quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sở vị thí dĩ: Nghĩa là cúng dường để làm thức ăn mà đem may y, cúng dường để may y, đem làm thức ăn, hoặc cúng dường cho chỗ này đem sử dụng vào chỗ khác.

Tự cầu: Nghĩa là tự mình đi khắp nơi để cầu xin vật dụng, có thứ vì Chúng tặng, có thứ thuộc Chúng tặng.

Vì Chúng tăng: Có nghĩa là vì Chúng tăng mà làm mà chưa hứa cúng dường cho Chúng tăng.

Thuộc Tăng: Nghĩa là đã hứa cúng dường Chúng tăng rồi và đã xả đưa vào giữa Chúng tăng rồi.

* Trong giới này được quy định phạm: Nếu Tỳ-kheo-ni nào vì Chúng tăng tự mình đi cầu xin thí chủ cúng dường vào một việc khác mà mình xoay làm một việc khác, xả đọa. Vật này nên xả giữa Chúng tăng... như giới trên đã nói, xả rồi sám hối Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma để trả y lại cho người kia. Nếu không trả, sung làm 5 y, cho đến thường thường mang đắp các hành động như vậy đều phạm Đột-cát-la. Bốn chúng kia phạm kết Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu người cư sĩ cúng dường vật dụng mà thưa rằng: Tùy ý sử dụng.

ĐIỀU 22: *Phòng trị tác y.*

Tỳ-kheo-ni nào được đàn-việt cúng dường để làm việc này sau lại xoay đem dùng vào việc khác, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Thế tôn ở tại nước Xá-vệ trong vườn Kỳ thọ Cấp-cô-độc. Khi ấy Tỳ-kheo-ni An-ôn có một người cư sĩ kia là đàn-việt của bà, cứ thường thường đúng thời đắp y trì bát đến nhà người đàn-việt kia trải tọa cụ mà ngồi, người cư sĩ hỏi thăm rằng: Chỗ trú ngụ của cô có được an lạc không? *Đáp:* Không an lạc. *Hỏi:* Vì sao vậy? *Đáp:* Vì chỗ đó ồn ào náo nhiệt cho nên không được an lạc. *Hỏi:* Cô không có phòng riêng sao? *Đáp:* Không.

Nếu tôi xin cúng dường số tiền để làm phòng riêng có được không? *Đáp:* Được. Người kia liền đem số tiền để làm phòng xá mà cúng dường. Tỳ-kheo-ni kia liền nghĩ rằng: Nếu làm phòng xá, thì sẽ có rất nhiều công việc lặt vặt, Tỳ-kheo-ni y phục rất khó có, ta nên sắm cho đủ 5 y, nay hãy đem số tiền làm nhà này mà đổi lấy y có được không? Nghĩ rồi liền đem đi đổi lấy y. Sau đó qua một thời gian khác, Tỳ-kheo-ni An-ôn cũng đắp y trì bát đến nhà người cư sĩ kia trải tọa cụ mà ngồi.

Người ấy liền hỏi rằng: Thừa cô chỗ trú ngụ có được an lạc không? *Đáp:* Không an lạc. *Hỏi:* Vì sao không an lạc? *Đáp:* Vì chỗ ở ồn ào náo nhiệt cho nên

không an lạc. *Liên Hỏi:* Không có phòng riêng sao? *Đáp:* Không; *Lại hỏi:* Trước tôi đã cúng dường số tiền để làm phòng, rồi không làm phòng hay sao? *Đáp:* Không làm. *Lại hỏi:* Vì sao không làm? *Đáp:* Tôi nghĩ rằng nếu đem tài vật này mà làm phòng xá thì sẽ có nhiều công việc rộn ràng, Tỳ-kheo-ni y phục khó có, nên sắm đủ 5 y. Liên lấy tài vật này mà đổi lấy y. Khi ấy người cư sĩ liền than phiền rằng: Tỳ-kheo-ni này thọ nhận không nhàm chán, không biết đủ, bên ngoài tự nói mình là người biết chánh pháp, như vậy thì có gì là chánh pháp. Tôi cúng dường để làm phòng xá, mà lại đem đổi lấy y phục, tôi đâu không biết Tỳ-kheo-ni rất khó được y phục, nên sắm đủ 5 y. Nhưng tôi nghe đức Thế tôn dạy rằng: Phước điền tối thượng chính là làm phòng xá để cúng dường cho tứ phương tăng. Khi ấy các vị Tỳ-kheo-ni thiếu dục quả trách An-ôn rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo tăng, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng quả trách Tỳ-kheo-ni An-ôn: Việc làm của người là quấy, không đúng oai nghi, không phải pháp của Sa-môn, không phải hạnh thanh tịnh, không phải hạnh tùy thuận. Việc không đáng làm, vì sao người đàn-việt cúng dường tài vật để làm phòng xá, người lại đem dùng đổi lấy y phục. Khi ấy đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quả trách rồi

bảo quý thầy Tỳ-kheo rằng: Tỳ-kheo-ni An-ôn này có nhiều chủng tử hữu lậu, là người phạm giới đầu tiên. Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sở vị thí vật dị: Nghĩa là cúng dường để làm phòng riêng mà đem dùng may y phục, cúng dường để may y lại đem dùng làm phòng riêng. Hoặc cúng dường chỗ này lại đem dùng cho chỗ khác.

*Trong giới này được kết là phạm: Nếu Tỳ-kheo-ni nào đem tài vật cúng dường làm phòng xá, xoay dùng làm việc khác phạm xả đọa.

Trong giới này phương pháp xả, sám hối, trả lại và bốn chúng kia phạm đều giống như giới thứ 20 đem số tiền làm nhà mà đổi lấy y phục đã nói.

**Trường hợp không phạm:* Tuỳ theo sự phân định của người đàn-việt mà sử dụng. Nếu có người thân quyến nói rằng: Cứ tuỳ nghi sử dụng, tôi sẽ nói lại với người chủ tài vật.

ĐIỀU 23: *Xả trí tác y.*

Tỳ-kheo-ni nào, đem tài vật của đàn-việt cúng dường cho mình nhân danh Chúng tăng mà xin, xoay làm việc khác, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Thế tôn ở tại vườn Cấp-cô-độc, có rất đông Tỳ-kheo-ni muốn làm phòng nhà cho nên vào trong nhân gian để xin đi khắp nơi nơi cầu xin tài vật được rất nhiều. Liên tục nghĩ rằng: Nếu ta đem tài vật này mà làm nhà có rất nhiều việc, Tỳ-kheo-ni y phục khó có, nên sắm 5 y, chúng ta có thể đem tài vật này đổi lấy y phục để chia nhau, nghĩ như vậy rồi đem đổi lấy y chia nhau. Sau qua một thời gian khác, các người cư sĩ hỏi rằng: Trước đây chúng tôi có cúng dường tài vật để làm nhà thế đã làm xong chưa? *Đáp:* Không làm. *Hỏi:* Vì sao không làm? *Đáp:* Như trước đã nghĩ. Khi ấy các người cư sĩ hiềm trách rằng: Chúng tôi đâu không biết Tỳ-kheo-ni y phục rất khó có, nên sắm đủ 5 y ư? Nhưng nghe đức Thế tôn dạy: Phước điền tối thượng chính là làm phòng xá để cúng dường cho tứ phương tăng. Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Thế tôn. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các Tỳ-kheo tăng quở trách các Tỳ-kheo-ni: Vì sao các người đem tiền của người đàn-việt cúng dường làm nhà mà đổi lấy y phục chia nhau như vậy? Dùng vô số phương tiện quở trách rồi

bảo với quý thầy Tỳ- kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sở vị thí vật dị: Nghĩa là cúng dường làm phòng cho Chúng tăng đem dùn may y, cúng dường sám y đem làm phòng cho Chúng tăng, hoặc cúng chỗ này đem sử dụng cho chỗ khác.

Tự cầu: Nghĩa là tự mình đi khắp nơi để cầu xin.

Vị tăng: Như trên đã nói.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni nào đem tài vật của đàn-việt cúng dường cho mình nhân danh Chúng tăng mà xin, xoay làm việc khác phạm Xả đọa. Trong giới này phương pháp xả, sám hối, trả lại và bốn chúng mắc tội giống như giới trước.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu hỏi ý kiến chủ tài vật và tùy theo sự phân định của họ mà sử dụng. Hoặc khi cúng dường tài vật mà họ nói rằng: Tùy ý sử dụng, hoặc người trong thân quyến nói rằng: Tùy ý sử dụng, tôi sẽ nói lại với người chủ tài vật.

Từ giới dùn số tiền làm nhà cho đến giới này dùn số tiền làm phòng xá tất cả là 4 giới đều nói chung một ý cấm xen dùn.

ĐIỀU 24: *Súc hảo trường bát.*

Tỳ-kheo-ni nào chứa bát dư, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bảy giờ Lục quần Tỳ-kheo-ni thọ trì bát tốt đẹp còn bát cũ để lại, họ cất chứa rất nhiều bát mà không chịu rửa ráy cho sạch sẽ bỏ bừa bãi trên đất, những người cư sĩ đến chùa thăm viếng thấy vậy bèn than phiền rằng: Các Tỳ-kheo-ni này thọ dụng không nhàm chán cất chứa nhiều bát tốt đẹp, bát cũ bỏ bừa bãi dưới đất, không khác gì hàng đồ gốm. Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Thế tôn; lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tặng quở trách lục quần Tỳ-kheo-ni rằng: Vì sao các người thọ trì những bát tốt đẹp còn các bát cũ thì không rửa ráy bỏ bừa bãi giữa đất. Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách lục quần Tỳ-kheo-ni rồi bảo với các thầy Tỳ-kheo từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trường bát: Nghĩa là thọ trì những bát tốt đẹp, còn các bát cũ thì bỏ bừa bãi giữa đất đó gọi là trường vậy.

* Trong giới này được quy định là phạm: Tỳ-kheo-ni kia chính trong ngày nhận được bát ngay ngày ấy nên thọ trì một bát, còn các bát dư nên tịnh thí hoặc đem cho người khác, nếu cất chứa nhiều bát quá một đêm phạm Xả đọa.

Trong giới này phương pháp xả, sám hối và trả lại đều giống như giới trước. Thầy Tỳ-kheo cất chứa quá 10 ngày phạm Xả đọa. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* Trường hợp không phạm: Chính trong ngày được bát, trong ngày ấy liền thọ trì một bát, bát dư đem tịnh thí hoặc khiến đem cho người khác. Nếu có ý tưởng bát đã bị đoạt, bị mất, bị vỡ, bị trôi, không tịnh thí, không cho người khác không phạm. Nếu những cái bát bị đoạt, bị vỡ, bị trôi, hoặc tự mình lấy dùng hoặc người khác đưa cho mình dùng đều không phạm. Hoặc người giữ bát cho mình bị mạng chung, hoặc đi xa, hoặc bỏ đọa, hoặc bị giặc bắt đem đi, hoặc gặp nạn ác thú, hoặc bị nước cuốn trôi, không tịnh thí, không đem cho người khác... đều không phạm.

Nhơn đây nói về phương pháp làm bát:

*Bát có 2 loại: 1. Bằng sắt. 2. Bằng đất nung.

* Màu sắc cũng có 2 thứ: 1. Màu đỏ. 2. Màu đen.

* Lượng định cũng có 2: 1. Cỡ lớn nhưt không được quá 3 đấu. 2. Cỡ nhỏ nhưt phải chứa được 1 đấu

rươi, đây là bát đung cỡ để thường dùng nhưng luật Bôn không có văn thọ, xét trong các bộ khác đều có phương pháp thọ, nên đối trước một vị Tỳ-kheo-ni, lấy bát để giữa giữa lòng bàn tay trái, tay mặt úp trên miệng bát mà thưa rằng:

"Đại tỳ nhưt tâm niệm, con Tỳ-kheo-ni... đây là Bát-đa-la đung cỡ để thường dùng, nay con xin thọ trì" (nói 3 lần).

Nếu có duyên sự muốn xả giống như phương pháp xả y nên biết. Gọi là Bát-đa-la nghĩa là vật dụng này đúng pháp vì thể, sắc và lượng 3 điều này đều đúng pháp.

Thể: Có nghĩa là bằng sắt, bằng đất nung.

Sắc: Nghĩa là màu đỏ, màu đen.

Lượng: Nghĩa là 3 đấu, 1 đấu rươi. Nếu quá 3 đấu, hoặc nhỏ thua không chứa đủ 1 đấu rươi đều không phải là ứng lượng khí, không cho thọ trì.

ĐIỀU 25: *Đa súc hảo khí*

Tỳ-kheo-ni nào cất chứa nhiều đồ dùng màu sắc tốt đẹp, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Duyên khởi cũng như trên. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật. Đức Phật bảo quý thầy Tỳ-kheo: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đa súc: Nghĩa là chỉ được cất chứa 16 thứ cần dùng. Còn dư ra thì gọi là đa súc.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia chính ngày được vật dụng ngay ngày đó thọ trì 16 thứ cần dùng, còn bao nhiêu phải tịnh thí, hoặc khiến đem cho người khác, không làm như vậy cất chứa nhiều vật dụng phạm Xả đọa. Bốn chúng kia phạm thì kết Đột-cát-la. Phương pháp xả, sám hối và trả lại đều giống như giới trước.

* *Trường hợp không phạm:* Chính ngày được đồ dùng ngay trong ngày ấy nên thọ trì 16 thứ cần dùng, ngoài ra, các thứ khác thì như trong giới cất chứa nhiều bát tốt đẹp đã nói, 16 thứ đồ dùng ấy là: 1. Nồi lớn. 2. Nắp nồi. 3. Cái ghè lớn. 4. Cái gáo. 5. Nồi nhỏ. 6. Nắp nồi. 7. Cái ghè nhỏ. 8. Cái gáo. 9. Bình đựng nước. 10. Nắp bình. 11. Cái ghè. 12. Cái gáo. 13. Bình chứa nước rửa. 14. Nắp bình. 15. Cái ghè. 16. Cái gáo. Ấy gọi là 16 thứ.

ĐIỀU 26: *Bệnh y bất dự.*

Tỳ-kheo-ni nào đã hứa cho Tỳ-kheo-ni khác mượn vật dụng vệ sinh, sau không cho, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni đến ngày thủy nguyệt ra làm nhơ nhớp thân y, toạ cụ. Các Tỳ-kheo-ni đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy: Cho mặc áo ngăn thủy nguyệt, nếu bị sút cho đặt dây để cột, nếu thủy nguyệt còn chảy ra hai bên làm nhớp y, lại cho làm cái bệnh y nhiều lớp mà mặc vào trong, bên ngoài mặc Niết-bàn-tăng. Nếu đến nhà người bạch y thì nên nói rằng: Tôi có bệnh, nếu người bạch y nói: Cô cứ ngồi tự nhiên không can chi. Tỳ-kheo-ni kia liền nên vén Niết-bàn-tăng chỉ để bệnh y ngăn thân mà ngồi. Lúc bấy giờ có Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na thường tự cho mình là không có ý tưởng dục vọng nên bảo với Tỳ-kheo-ni khác rằng: Em, nếu đến thời kỳ thủy nguyệt ra hãy đến nơi tôi mà lấy bệnh

y này, người kia đáp: Dạ được. Tỳ-kheo-ni kia cứ hy vọng vào nơi bệnh y ấy nên không sấm. Sau qua một thời gian khác Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na đến kỳ thủy nguyệt ra và Tỳ-kheo-ni kia cũng đến kỳ thủy nguyệt. Khi ấy Tỳ-kheo-ni kia liền nhớ người đến chỗ Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na mà nói rằng: Trước có hứa cho tôi bệnh y nay hãy cho tôi xin. *Đáp:* Em, tôi nay cũng đến thời kỳ thủy nguyệt không thể cho được. Tỳ-kheo-ni kia hiềm trách Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na rằng: Trước hứa với tôi đến kỳ thủy nguyệt đến chi để lấy bệnh y, tôi vẫn hy vọng nơi bệnh y ấy, nên không lo tự sấm sửa trước, bây giờ đến xin lại không cho tôi ư? Các Tỳ-kheo-ni thiếu dục nghe được quở trách Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na: Em, vì sao đã hứa cho Tỳ-kheo-ni kia bệnh y để cho họ không tự sấm sửa trước, nay đến xin lại không cho như vậy? Quở trách xong rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp các Tỳ-kheo tăng quở trách Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na rằng: Việc làm của người là quấy, không phải oai nghi, không phải pháp Sa-môn, không phải hạnh thanh tịnh, không phải hạnh tuỳ thuận việc không đáng làm, vì sao đã hứa cho Tỳ-kheo-ni kia bệnh y, để cho họ không tự sấm sửa, nay

đến xin lại không cho? Dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo với quý thầy Tỳ-kheo rằng: Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu- na kia có nhiều giống hữu lậu, phạm giới đầu tiên, từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bệnh y: Là y dùng trong thời kỳ thủy nguyệt để ngăn trong thân rồi mặc Niết-bàn-tăng ra ngoài.

Y: Có nhiều thứ như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni nào đã hứa cho Tỳ-kheo-ni kia bệnh y mà không cho, phạm xả đọa, nếu hứa cho các y khác, hoặc hứa cho các vật dụng khác mà không cho phạm Á c tác.

Trong giới này phương pháp xả, sám hối và trả lại, bốn chúng kia mắc tội như thế nào đều giống như giới trước.

* *Trò hợp không phạm:* Hứa cho bệnh y là cho, hoặc không có bệnh y, hoặc đã may bệnh y rồi, hoặc đã giặt nhuộm cất chỗ kỹ lưỡng xin không cho, và Tỳ-kheo-ni kia hoặc phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc bị đuổi, hoặc sắp bị đuổi, hoặc do nhơn duyên cho này mà bị mạng nạn, phạm hạnh nạn thì có thể đã hứa rồi vẫn không cho.

ĐIỀU 27: *Phi thời, thời y.*

**Tỳ-kheo-ni nào đem y phi thời làm y phải thời,
Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.**

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Khi ấy Lục quần Tỳ-kheo-ni đem y phi thời làm y phải thời, các Tỳ-kheo-ni thấy nói rằng: Đức Thế tôn cho phép Tỳ-kheo-ni được cất chứa 5 y, đây là y gì? *Đáp:* Đây là y phải thời của chúng tôi. Liên bảo rằng: Nay em, nay là phải thời hay là phi thời y. Các Tỳ-kheo-ni nghe quở trách lục quần Tỳ-kheo-ni rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo tăng, quý thầy bạch lên đức Phật. Lúc bấy giờ đức Phật vì nhơn duyên này nhóm họp các thầy Tỳ-kheo tăng quở trách kia rồi bảo với các thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thời: Nghĩa là An cư xong không thọ Công đức y thì được 1 tháng, có thọ Công đức y thì được 5 tháng.

Phi thời: Nghĩa là trừ 2 thời hạn được quy định này còn trong những lúc khác mà cất chứa nhiều y thì gọi là y phi thời.

Y: Có 10 thứ như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni nào đem y phi thời làm y phải thời phạm Xả đoạ.

Trong giới này phương pháp xả, sám hối, trả lại và bốn chúng mắc tội giống như giới trên.

**Trường hợp không phạm:* Y phi thời thì thọ làm y phi thời, y phải thời thì thọ làm y phải thời...

ĐIỀU 28: *Mâu y sân đoạt.*

Tỳ-kheo-ni nào đổi y với Tỳ-kheo-ni khác sau sân giận tự đoạt lại, hoặc sai người đoạt lại bảo rằng: Trả y lại cho tôi. Tôi không cho nữa, y của em thuộc về em. Y của tôi thuộc về tôi, Ni-tát-kỳ-ba- dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà đổi y với các Tỳ-kheo-ni khác, sau sân giận đoạt trở lại bảo rằng: Trả y lại cho tôi, tôi không đổi nữa y của em thuộc về

em, y của tôi thuộc về tôi, em hãy lấy y của em lại đi, tôi lấy y của tôi trở lại, khi ấy các Tỳ-kheo-ni quở trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà rằng: Vì sao em lại sân giận mà làm như vậy? Quở trách xong rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tặng quở trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà, rồi bảo với quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y: 10 thứ như trên.

Mâu dịch: Nghĩa là đem y đổi lấy y phi thời, đem y phi thời đổi lấy y, hoặc đem y phi thời đổi lấy y phi thời, hoặc đem ống kim, dao, chỉ các vật dụng lật vạt, cho đến 1 viên thuốc mà đổi cho nhau.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni nào đổi y với Tỳ-kheo-ni khác sau sân giận đoạt lại hoặc sai người đoạt lại lấy cất phạm Xả đọa.

Đoạt mà không cất phạm Á c tác. Nếu người kia được y đang vắt trên cây, trên tường, trên cọc, trên ngà voi, trên móc áo, trên giường dây, trên giường gỗ, trên nệm lớn, nhỏ, trải trên đất, nếu lấy di chuyển dời khỏi vị trí cũ phạm Xả đọa, không dời khỏi vị trí cũ phạm Đột-cát-la. Y này phải xả giữa Chúng tăng, xả rồi, sám hối như giới trên, Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma đề

trả y lại cho người kia, nếu không trả mà đem thọ làm 5 y, cho đến thường thường mang đắp đều phạm Đột-cát-la. Bốn chúng kia phạm thì kết Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Nếu nói lời hòa nhã rằng: Tôi hối tiếc lắm, cho tôi xin cái y lại đi em, người kia biết họ có ý ân hận liền trả lại. Hoặc có các Tỳ-kheo-ni khác nói rằng: Em trả y lại đi, Tỳ-kheo-ni này hối tiếc lắm, hoặc người mượn mà sử dụng không đúng đạo lý nên lấy lui nếu biết trước rằng sẽ bị mất, hoặc sợ bị hư hoại, hoặc là người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bị cử tội, hoặc bị đuổi, hoặc sẽ bị đuổi, hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn, đoạt lại mà không cất.

ĐIỀU 29: *Trọng y quá trị.*

Tỳ-kheo-ni nào xin y dày được phép xin đến trị giá bốn trương điệp, nếu quá, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Bà-già-bà ở tại nước Tỳ-xá-ly bên bờ sông Di-hầu trên giảng đường Lôu các, khi ấy

tại nước Tỳ-xá-ly. Lê-xa có nhơn duyên nên đến nhà một cư sĩ được rất nhiều tài vật, lúc đó có vị Tỳ-kheo-ni tên là Ca-la thường hay ra vào nhà người cư sĩ này vì là đàn-việt của bà, Lê-xa liền nói với Ca-la rằng: Tôi muốn cậy A-di một việc về tài vật. *Đáp:* Có thể được. Rồi liền vì người kia mà làm xong các công việc, người kia sau khi được tài vật rất là vui mừng bèn hỏi rằng: Thưa A-di; muốn cần vật dụng gì? *Đáp:* Thôi đi, nói như vậy là đã cúng dường cho tôi rồi. Người kia lại hỏi: Nếu cần vật gì xin cứ nói. *Đáp:* Thôi đi, cần gì phải nói, dầu cho có những sự cần dùng, cũng không thể cung ứng cho tôi được. Người Cư sĩ thưa: Xin cứ nói vật cần dùng, tôi sẽ cúng ngay người kia liền chỉ một xấp vải trị giá ngàn trương điệp và nói rằng: Tôi cần cái y như vậy. Khi ấy các người cư sĩ đều cùng nhau than phiền rằng: Vì sao lại đòi cái y đến như vậy, dầu cho người đàn-việt có cúng dường chẳng nữa, cũng phải nên tri túc, người kia liền hứa đem đến cúng, Ca-la lại nói rằng: Nếu tôi có đi khỏi, nên làm việc này cho chắc chắn, đừng để mất áo này.

Lúc bảy giờ Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-ca-la đến nhà thân quyến trải toà mà ngồi, những người cư sĩ hỏi rằng: Thưa A-di, cần dùng gì? *Đáp:* Thôi đi, như vậy là đã cúng dường cho tôi rồi.

Lại nói rằng: Xin cứ nói cần dùng vật gì. *Đáp:* Cần gì phải nói, dầu cho có những sự cần dùng, cũng không thể cung ứng cho tôi được. *Đáp:* Sẽ cung ứng, không phải là không cung cấp chỉ cần nói muốn cần vật gì? Người kia liền chỉ một xấp vải giá trị ngàn trương điệp và nói rằng: Tôi cần y này, khi ấy các người cư sĩ đều cùng nhau than phiền rằng: Tỳ-kheo-ni này thọ dụng không biết nhàm chán, bên ngoài thì tự nói rằng: Tôi biết chánh pháp, như vậy thì có gì là chánh pháp, đòi một cái y giá trị đến như vậy, dầu cho người đàn-việt có cúng dường chẳng nữa, cũng phải nên tri túc mà thọ, họ liền cúng y cho rồi và hỏi rằng: Tỳ-kheo-ni dùng y quý giá này để làm gì? Khi ấy các Tỳ-kheo-ni quở trách Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-ca-la rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Thế tôn. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tặng quở trách Tỳ-kheo-ni Ca-la, Bạt-đà-ca-tỳ-la rồi bảo với các thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trọng y: Nghĩa là áo che lạnh.

Y: 10 thứ như trên. Khi Tỳ-kheo-ni cầu xin y dày nhiều như là 16 điều.

**Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-

kheo-ni nào xin y dày trị giá quá 4 trương điệp phạm Xả đọa. Y này phải xả giữa Chúng tăng, xả rồi sám hối, Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma trả lại y cho Tỳ-kheo-ni kia, nếu không trả thọ làm 5 y, cho đến thường thường mang đắp, đều phạm Đột-cát-la, bốn chúng kia phạm thì kết Đột-cát-la.

**Trường hợp không phạm:* Chỉ xin giá ngang chừng 4 trương điệp hoặc ít hơn, hoặc xin từ nơi người xuất gia, hoặc người vì mình, mình vì người, hoặc không xin mà được... đều không phạm.

ĐIỀU 30: *Khinh y quá trị.*

Tỳ-kheo-ni nào xin y mỏng cho đến trị giá tối đa hai rưỡi trương điệp, nếu quá, Ni-tát-kỳ-ba-dật-dề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước, duyên khởi như trên, giới trước xin y dày trị giá ngàn trương điệp, giới này xin y mỏng trị giá 500 trương điệp, những người cư sĩ than phiền, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật, đức Phật vì đó mà kết giới.

Khinh y: Y mặc về mùa nóng.

Y: 10 thứ như trên.

** Trong giới này được quy định là phạm: Nếu Tỳ-kheo-ni nào xin y mỏng nhiều nhưt là 10 điều, nếu quá 2 trương rưỡi điệp phạm xả đọa.*

Phương pháp xả sám hối, trả lại và bốn chúng mắc tội đều giống như giới trước.

** Trường hợp không phạm: Chỉ xin giá ngang chừng 2 trương rưỡi điệp hoặc ít thua, hoặc xin từ nơi người xuất gia, mình xin cho người khác, người khác xin cho mình, hoặc không xin mà được...*

3-3. Kết vấn:

"Thưa các Đại tỷ, tôi đã tụng 30 pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nay hỏi các Đại tỷ trong đây có thanh tịnh không? Các Đại tỷ trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

LƯỢC GIẢI:

Trong đoạn văn kết này, như các thiên tụng trước đã nói, trên kia đã sơ lược từng giới tướng một, nay sẽ

tổng quát giải thích phương pháp sám hối. Nhưng phương pháp sám hối này việc sám hối thì như nhau cả, nhưng đối trước tăng chúng để sám hối thì có khác nhau. Sự sám hối này bao gồm ý nghĩa của 3 thứ xả:

1. *Xả tài*: nghĩa là xa lìa duyên sanh ra tội.
2. *Xả tâm*: nghĩa là xa lìa nguyên nhân gây tội.
3. *Xả tội*: nghĩa là dứt trừ hết nghiệp sanh tử.

Nếu tài vật không xả thời pháp sám hối không thành, tâm không xả thì nguyên luân hồi không dứt. Tội không xả thời hạnh nhiễm ô không tiêu.

Trong 3 thứ xả này mà thiếu 1 thứ thời không thanh tịnh. Nếu lại được thêm tài vật nữa vừa cầm vào tay liền mắc tội. Do sức mạnh của tội trước đang còn nên nhiễm nhau mà sanh ra, cho nên luận Tát-bà-đa dạy rằng: Y đã xả, tội đã sám hối rồi, mà tâm mong cầu y không dứt, nếu chính trong ngày đó, cho đến 1 tháng mà nhận được bổng tài và dị tài đều phạm Xả đọa. Do tâm tham tiếp nối không dứt cho nên chính ngay trong ngày được y liền phạm tội, không đợi trải qua ngày khác. Nếu chính ngay ngày xả y, sám hối, tâm cũng dứt luôn, ngày hôm sau lại sanh tâm mong cầu y thì không phạm, vì tâm đã đoạn trong một khoảng cách trung gian rồi. Nếu y đã xả, tâm mong cầu y cũng đã dứt, mà tội chưa sám hối, thì dầu cho rất nhiều

ngày kế tiếp được bốn tài và dị tài, nên xả chỉ sám hối tội Đột-cát-la thôi. Phạm làm pháp xả, thì tâm phải quyết xả trong lòng không được luyến tiếc, nếu trả lại bốn tài, thì như khi mới nhận được, hoặc là thọ trì, hoặc là như pháp thuyết tịnh thì mới được cất chứa.

Trong 30 thứ tài vật phải xả này thì trừ ra 2 thứ báu vật là không được xả trước người thọ đại giới, còn các thứ khác, thì phải tùy theo trụ xứ mình đang ở nếu Chúng tăng hoặc nhiều người hoặc một người, đều phải xả giữa Chúng tăng, không được xả biệt chúng, nếu xả không thành xả thì phạm tội Á c tác. Khi xả nên đem y vật tới giữa Chúng tăng trích vai áo bên phải, cởi bỏ giày dép, đến trước một vị Thượng toạ đánh lễ quỳ gối chấp tay tác bạch như thế này để xả:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Con Tỳ-kheo-ni... có ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều, nếu biết rõ số lượng thì phải đúng như số lượng mà thừa, nếu số y tài không thể đếm được thì nên nói rất nhiều) y dư thừa, quá 10 ngày (còn bao nhiêu việc khác như cố ly y cho đến xin giá tiền may y mỏng cho mình thì đều phải tùy theo, chủng loại, tên tội, sự việc mà tác bạch riêng) phạm Xả đọa, con nay xin xả giữa Chúng tăng". (nói 1 lần), xả rồi, vậy sau mới cầu xin Chúng tăng mà sám hối.

Phải tác bạch như thế này để xin.

"Đại tử tăng xin lắng nghe. Con Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư thừa, quá 10 ngày. (còn bao nhiêu việc khác tùy theo chủng loại, tên tội, sự việc mà bạch riêng), phạm Xả đọa. Y này con đã xả giữa Chúng tăng, trong đây con đã phạm (bao nhiêu, hoặc nhiều) tội Ba-dật-đề, nay con xin Chúng tăng cho con được sám hối, xin nguyện Chúng tăng chấp thuận cho con Tỳ-kheo-ni... được sám hối xin thương tưởng con" (nói 3 lần).

Xong rồi, ngay giữa Chúng tăng phải thỉnh một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh làm chủ trì việc sám hối, luật thiếu văn thỉnh các bộ Yết-ma đều có, phải đầy đủ oai nghi đến trước vị Tỳ-kheo-ni kia mà thưa rằng:

"Đại tử nhất tâm niệm. Con Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư thừa quá 10 ngày (còn bao nhiêu việc khác, tùy theo sự việc mà bạch riêng) phạm Xả đọa y này đã được xả giữa Chúng tăng. Trong đây con đã phạm (bao nhiêu, hoặc nhiều) tội Ba-dật-đề, nay con xin thỉnh Đại tử làm vị chủ trì việc sám hối cho con, nguyện Đại tử vì con mà làm vị chủ trì sám hối, xin thương tưởng con" (nói 3 lần).

Vị chủ trì sám hối không được hứa liền mà phải bạch Chúng tăng rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư, quá 10 ngày (còn bao nhiêu việc khác tùy theo sự việc mà tác bạch riêng) phạm Xả đoạ. Y này đã xả giữa Chúng tăng, ở trong đây có (bao nhiêu, hoặc nhiều) tội Ba-dật-đề. Nay theo Chúng tăng để cầu xin sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo-ni... Đây là lời tác bạch".

Tác bạch rồi mới được trả lời với kia rằng: Có thể được.

Người kia phải nên đầy đủ oai nghi chí thành khấn thiết và xấu hổ, phải dứt sạch tâm tương tục, cầu xin chứng minh rồi tỏ bày cho hết tội kia, nếu như phớt qua hoặc khinh lờn, thì nhứt định tội kia không thể nào tiêu diệt được, phải nên tác bạch như thế này để sám hối:

"Đại tỳ nhứt tâm niệm. Con Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư, quá 10 ngày (còn bao nhiêu các việc khác tùy theo sự việc mà tác bạch riêng) phạm Ni- tát-kỳ-ba-dật-đề, y này con đã xả giữa Chúng tăng, trong đây con đã phạm (bao nhiêu, hoặc nhiều) tội Ba-dật-đề. Nay con xin hướng đến các Đại tỳ để xin sám hối, không dám che dấu, sám hối thì được an vui, không sám hối không an vui. Nhớ nghĩ có

phạm tội nên xin bày tỏ, biết mà không che dấu, nguyện Đại tỳ nhớ nghĩ cho con giới thân được thanh tịnh, đầy đủ thanh tịnh để Bồ-tát" (bạch 3 lần), xong rồi.

Vị chủ trì nhận sự sám hối nên nói với người kia rằng:

"Hãy tự trách tâm nguoi, nên sanh tâm nhàm chán xa lìa".

Người kia nên thưa rằng: "Dạ".

Nếu vật bị xả đọa này đã hư hết, tuy không còn có y vật, nhưng mà tội thì phải mỗi mỗi đều như pháp sám hối trừ diệt, khi đã sám hối xong rồi, Chúng tăng nên trả y vật lại cho Tỳ-kheo-ni này.

Phương pháp trả có 3 cách.

1. Chính nơi đương tọa lần lượt trao y.
2. Trải qua một đêm rồi trao y.
3. Trả ngay nơi đương tọa.

Nếu y dư thừa, y 1 tháng, y cấp thí, cất chứa nhiều bát tốt đẹp, tàng dược, 5 thứ trưởng vật này có duyên sự thì phải chính nơi đương tọa trao y trả.

Nếu không có duyên sự thì cần phải trải qua 1 đêm mới trả, còn tất cả các thứ khác đều phải trả ngay nơi đương tọa.

Nói có duyên sự: Nghĩa là có 2 trường hợp:

1. Chúng tăng trong trú xứ quá đông khó vân tập.
2. Tỳ-kheo-ni này vì có công việc phải đi xa. Phải nên hỏi rằng: Y vật này em muốn cho ai? Phải tùy theo ý trả lời của họ mà cho.

Phải tác bạch như thế này để chuyên giao.

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... Cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư thừa, quá 10 ngày (còn bao nhiêu các việc khác tùy theo sự việc mà bạch riêng) phạm Xả đọa, đã xả giữa Chúng tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận Tăng nay đem vật này trao cho Tỳ-kheo-ni... kia. Tỳ-kheo-ni... kia sẽ trả y vật lại cho Tỳ-kheo-ni... này. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư thừa, quá 10 ngày (còn bao nhiêu các việc khác tùy theo sự việc mà bạch riêng) phạm Xả đọa, đã xả giữa Chúng tăng, Chúng tăng này đem y vật này trao cho Tỳ-kheo-ni... kia. Tỳ-kheo-ni... kia sẽ trả lại cho Tỳ-kheo-ni... này. Đại tỳ nào chấp thuận Tăng nay đem y này trao cho Tỳ-kheo-ni... kia. Tỳ-kheo-ni... kia sẽ trả lại cho Tỳ-kheo-ni... này thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận trao y vật cho Tỳ-kheo-ni... kia rồi. Tăng

chấp thuận nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Luật Tăng Kỳ nói: Vị Tỳ-kheo-ni tri thức kia khi nhận được y ở giữa Chúng tăng rồi, nên đem y vật này đến chỗ kín mà trả lại. Nếu không phải là 5 thứ trường vật thì phải trả ngay nơi đương tọa, và nếu là 5 thứ trường vật thì phải trả vật lại cho người kia sau khi trải qua một đêm, phương pháp trả đều giống như nhau nên tác bạch rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư thừa, quá 10 ngày (còn bao nhiêu các việc khác tùy theo sự việc mà bạch riêng) phạm Xả đọa, y vật này đã xả giữa Chúng tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng nay đem y vật này trả cho Tỳ-kheo-ni... Đây là lời tác bạch".

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư thừa, quá 10 ngày (còn bao nhiêu các việc khác tùy theo sự việc mà tác bạch riêng) phạm Xả đọa. Y vật này đã xả giữa Chúng tăng, Tăng nay đem y vật này để trả cho Tỳ-kheo-ni... các Đại tỷ nào chấp thuận Tăng đem y vật này trả cho Tỳ-kheo-ni... thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận trả y vật cho Tỳ-kheo-ni này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy".

Căn cứ theo các bộ luật khác, thì tất cả các y vật đều phải trải qua 1 đêm, rồi mới được trả cho người chủ. Bộ Căn Bản thì dạy phải để đến ngày thứ 3 mới trả là cốt phải cách đúng đắn 1 ngày ở khoảng trung gian. Nếu y vật này đã xả giữa Chúng tăng rồi, mà không chịu trả, cho đến thường thường mang đáp cho hư đều phạm tội Đột-cát-la.

Nếu đối trước 3 vị Tỳ-kheo-ni mà sám hối, thì phải đến chỗ 3 vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, đầy đủ oai nghi tác bạch rằng:

"Đại tỳ nhứt tâm niệm con Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư thừa, quá 10 ngày, phạm Xả đọa, con nay xin xả cho các Đại tỳ (nói 1 lần) xả rồi nên sám hối tội căn bản, trước phải thỉnh 1 vị chủ trì sám hối, phương pháp thỉnh giống như trên. Vị chủ trì sám hối nên hỏi 2 vị Tỳ-kheo-ni kia rằng: Nếu 2 Đại tỳ bằng lòng tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo-ni... tôi sẽ nhận".

Hai vị Tỳ-kheo-ni nên đáp rằng: Có thể được.

Vị chủ trì sám hối mới trả lời với người sám hối kia rằng: "Vâng".

Hứa rồi vậy sau mới được sám hối, lời văn sám hối cũng giống như trên và trả y lại cũng theo cách trên mà làm.

Nếu đối trước 2 vị Tỳ-kheo-ni mà sám hối.

Phương pháp đều giống như đối trước 3 vị, không có gì khác cả. Nếu đối trước 1 người mà sám hối, thì chỉ trừ ra hỏi ý kiến người bên cạnh, còn ngoài ra đều giống như trên. nhưng tội xả đọa này, khi phạm không phát lộ ngay và đắp dưng tài vật bị phạm tội, liền có các tội tùng sanh và phú tàng. Như trong bộ San Bôn Yết-ma nói đầy đủ có tất cả là 8 phẩm Đột-cát-la gồm 2 phẩm.

1. Căn bản. 2. Phẩm tùng sanh. Còn phú tàng, hiệp lại có 6 phẩm, 2 phẩm đầu do che dấu tội đọa gốc mà sanh ra. 2 phẩm giữa do che dấu đã đắp dưng y bất tịnh mà sanh ra. 2 phẩm sau do che dấu khi Chúng tăng thuyết giới im lặng mà sanh ra đều trải qua đêm đầu và kể từ đêm thứ 2 trở đi làm chuẩn định. Nếu căn cứ theo bộ Tứ Phần và bộ Yết-ma nêu rõ ra và tổng kê các tội trước sau địa vị sai khác nhau, hiệp lại có 10 thứ, mỗi thứ có 3 tội.

Thứ nhất: Có 3 tội: Đó là trường Ba-dật-đề và 2 thứ Phú tàng là căn bản và triển chuyển.

Thứ hai: Có 3 tội: Đó là khi Chúng tăng thuyết giới bảo thanh tịnh Ba-dật-đề và 2 tội Phú tàng.

Thứ ba: Có 3 tội: Đó là đối thủ thuyết giới tự nói thanh tịnh Ba-dật-đề và 2 tội Phú tàng.

Thứ tư: Có 3 tội, khi Chúng tăng Tự tứ nói thanh tịnh Ba-dật-đề và 2 tội Phú tàng.

Thứ năm: Có 3 tội, đối thủ Tự tứ nói thanh tịnh Ba-dật-đề và 2 tội Phú tàng.

Thứ sáu: Có 3 tội, tự thân mình có tội mà vì chúng thuyết giới phạm Đột-cát-la và 2 tội Phú tàng.

Thứ bảy: Có 3 tội, tự thân có tội không được nghe giới mà cứ nghe phạm Đột-cát-la và 2 tội Phú tàng.

Thứ tám: Có 3 tội, khi Chúng tăng thuyết giới 2 chỗ 3 lần hỏi, quấy im lặng phạm Đột-cát-la và 2 tội Phú tàng.

Thứ chín: Có 3 tội, tự thân có tội thọ người sám hối phạm Đột-cát-la và 2 tội Phú tàng.

Thứ mười: Có 3 tội, đắp dùm y xả đọa phạm Đột-cát-la và 2 tội Phú tàng.

Các tội này hoặc có, hoặc không, phải tự suy xét tùy theo có phạm nhiều hay ít nên chuẩn theo văn mà làm phương pháp sám hối.

Nay phương pháp sám hối chia ra làm 3:

Thứ nhất: Đồng sám hối 20 tội Phú tàng: Nghĩa là từ tội căn bản Ba-dật-đề cho đến thứ 10 đắp dùm y Xả đọa, 2 tội Phú tàng ở dưới mỗi thứ đều là Đột-cát-

la. Vì các tội này chủng loại đều giống nhau.

Thứ hai: Đồng sám hối 5 tội Đột-cát-la: Không được thuyết giới... Bởi vì các chủng loại này đều giống nhau.

Thứ ba: Đồng sám hối 5 tội Ba-dật-đề: Trưởng y... Luận rằng: Muốn sám hối, trước phải sám hối tội Phú tàng và Tùng sanh, tiếp đến mới sám hối bốn tội. Trước hết phải sám hối 20 tội Phú tàng. Nên chí thành khẩn thiết đầy đủ oai nghi tác bạch rằng:

"Con Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu, hoặc nhiều) y dư thừa, quá 10 ngày (còn bao nhiêu các vật khác tùy theo chủng loại mà bạch riêng) phạm (bao nhiêu, hoặc nhiều) tội Xả đọa. Đã phạm tội này rồi, khi Chúng tăng thuyết giới bảo là thanh tịnh phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật- đề. Đối thủ thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề. Khi Chúng tăng Tự tứ nói thanh tịnh phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề. Đối thủ Tự tứ nói thanh tịnh phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề. Tự thân có tội vì Chúng tăng thuyết giới phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la. Tự thân có tội không được nghe giới, phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la. Khi Chúng tăng thuyết giới 2 chỗ 3 lần hỏi phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la, vì dối im lặng. Tự thân có tội thọ người khác sám hối phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la,

đắp dùng y Xả đọa, phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la. Các tội như vậy đều đã rõ biết mà cố ý không phát lộ, để trải qua cách đê mê phạm thêm tội Phủ tàng Đột-cát-la, không nhớ hết được số tội (biết số thì phải y nơi số tội mà nói) để trải qua thêm đê mê thứ hai sắp đi lại phạm thêm tội tùy triển chuyển Phủ tàng Đột-cát-la, không nhớ số tội (biết rõ tội phải nói số) con nay sám hối không dám che dấu. Sám hối thì được an vui, không sám hối thì không được an vui. Nhớ nghĩ phạm tội xin phát lộ, biết mà không che dấu con nay tự trách mình, tâm sanh nhàm chán xa lìa" (nói 1 lần).

Tuy nói trách tâm, lời trình bày phải đầy đủ rõ ràng, 3 nghiệp phải hiển bày, thành khẩn tội mới có thể trừ diệt. Tuy là tự trách nhưng phải đối trước một vị khác thỉnh cầu chứng minh cho, không giống như tội ngộ tác phạm Đột-cát-la, thì chỉ cần tự hối hận và tự trách tâm mình là đủ. Nếu căn cứ theo bộ San Bản Yết-ma và các bộ luật khác, thì phải đối trước một vị khác để cầu trách, các tội dưới đây cũng giống như vậy. Tiếp đến sám hối 5 tội Đột-cát-la: Không được thuyết giới... phải đầy đủ oai nghi mà tác bạch rằng:

"Con Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu) y dư thừa, quá 10 ngày (còn bao nhiêu các vật khác tùy theo chủng loại mà bạch riêng) phạm (bao nhiêu) tội

Xả đọa. Đã phạm tội này rồi mà còn vì chúng thuyết giới, phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la. Lại tự thân có tội không được nghe giới phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la. Khi Chúng tăng thuyết giới 2 chỗ, 3 lần hỏi quấy im lặng phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la. Tự thân có tội thọ người sám hối, phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la. Đắp dùm y Xả đọa phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la, con nay xin sám hối. Cho đến tự trách tâm mình sanh nhàm chán xa lìa giống như trên (bạch 1 lần).

Sám hối rồi mới sám hối 5 tội Ba-dật-đề: Cát chứa y dư thừa... Phải đầy đủ oai nghi đến trước 1 vị chủ trì sám hối mà tác bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm. Con Tỳ-kheo-ni... cố ý cất chứa (bao nhiêu) y dư thừa quá 10 ngày (ngoài ra tùy theo chủng loại mà thừa) phạm Xả đọa. Y này đã xả giữa Chúng tăng. Ở trong này có bao nhiêu) tội Ba-dật-đề. Đã phạm tội này rồi mà khi Chúng tăng thuyết giới bảo thanh tịnh phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề. Đối thủ thuyết giới tự nói thanh tịnh phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề. Khi Chúng tăng Tự tứ bảo thanh tịnh phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề. Đối thủ Tự tứ tự nói thanh tịnh phạm (bao nhiêu) tội Ba-dật-đề. Nay đến Đại tử xin sám hối, không dám che dấu, sám hối thì

được an lạc, không sám hối không an lạc, nhớ nghĩ có phạm nên phát lộ, biết mà không dám che dấu. Nguyên Đại tử nhớ nghĩ cho tôi giới thân thanh tịnh, đầy đủ thanh tịnh để Bồ-tát".

Vị chủ trì sám hối dạy rằng: "Tự trách tâm người, nên sanh nhàm chán xa lìa". Đáp: Dạ.

Nếu không có các tội Tùng sanh, Phú tàng... thì căn cứ theo văn trước mà làm. Nay sợ người sám hối tội vàng khó mà biết liền nên lại phải chỉ bày ra văn này. Nhưng vị nhận làm chủ trì sám hối phải gạt hỏi trước thử các tội Phú tàng, Tùng sanh... không? Rồi vì họ mà phân biệt rõ ràng các tên tội, chủng loại, tánh tội. Vậy sau mới thọ sự sám hối.

Nói tên tội ấy: Nghĩa là 6 tụ sai khác nhau.

Chúng: Nghĩa là cất chứa nhiều y, là y...30 việc khác nhau.

Tánh: nghĩa là 1, nhiều không giống nhau, cho nên trong Luật dạy: Một tên tội có nhiều chủng loại, tự tánh của tội này không phải tự tánh của tội kia trú biệt khác nhau.

(HẾT QUYỂN VI)

QUYỂN VII

LUẬT TỬ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ

4. Pháp Ba-dật-đề:

Chia ra 3 phần.

1. Tổng tiêu.
2. Giới tướng.
3. Kết vấn.

4-1. Tổng tiêu:

Thưa các Đại tỷ, đây là 178 pháp Ba-dật-đề, xuất từ giới kinh, nửa tháng tụng 1 lần.

LƯỢC GIẢI:

Ba-dật-đề: Nghĩa là đọa lạc. Thập Tụng luật dạy: Đọa vào địa ngục nấu ngăn che trong đó có 8 ngục

nóng và 8 ngục lạnh. Luật Căn Bản dạy: Người phạm tội đọa vào các đường ác: Địa ngục, nga quỷ, bàng sanh, chịu các sự khổ bị đốt, nấu. Lại nữa phạm tội này nếu không ân cần nói ra để sám hối cho tiêu trừ tội thì liền bị chướng ngại các thiện pháp. Luật Nhiếp nói: Ba-dật-đề-ca, nghĩa là đọa vào ác thú thiêu nấu. Lại Ba-dật-đề-ca chỉ gọi là đọa. Thiêu chử là chỉ cho chỗ bị đọa. Tội đọa này giống như 30 tội đọa trước. Nhưng việc phạm giới đọa của Tỳ-kheo-ni gồm 208 thứ. Lựa ra 30 thứ đó vì tài vật mà sanh phạm tội, vì tâm tham mạng quá mạnh, nên đức Phật chế phải xả tài vật giữa Chúng tăng. Còn 178 việc này thì không có tài vật để xả chỉ có một điều này là khác thôi. Cho nên tên gọi là 178 pháp Ba-dật-đề, lại đối với các học xứ mà cứ tùy nghi phương tiện thì sẽ phải mắc tội không kính Thánh giáo đều kết tội Ba-dật-đề-ca.

4-2. Giới tương:

ĐIỀU 1. *Tri nhi vọng ngữ.*

Tỳ-kheo-ni nào, cố ý nói dối. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại thành Thích-sĩ-sâu trong nước Ca-di-la-vệ, vườn Ni-câu-luật, vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tri: Nghĩa là tự tâm mình biết rõ, không phải làm lẫn.

Vọng ngữ: Đối với một người nói lời dối gạt, lời nói khác hẳn với sự suy nghĩ của tâm. Trong vọng ngữ có 8 thứ: Nghĩa là không thấy, không nghe, không xúc cảm, không biết, mà nói tôi thấy, nghe, xúc cảm, biết. Nếu có thấy, nghe, xúc cảm, biết, mà nói tôi không thấy, không nghe, không xúc cảm, không biết. Thấy là thuộc về nhãn thức, nghe thuộc về nhĩ thức. Xúc là thuộc về 3 thức: Tỷ, thiệt, thân. Biết thuộc về ý thức. Lấy 6 thức này gom lại thành 4 tên. Vì 3 căn: nhãn, nhĩ, và ý tánh nó lanh lợi, lực dụng biến khắp nhiều nơi, lại hay thủ cảnh giới xa, cho nên chia riêng ra từng tên để nói. Còn 3 căn: Tỷ, thiệt, thân tánh nó chậm lụt, lực dụng cũng ít thua, lại chỉ thủ những cảnh giới gần, cho nên hiệp lại gọi một tên chung là xúc.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nói một cách rõ ràng thì phạm tội đọa, không rõ ràng thì

phạm Á c tác. Nếu khi thuyết giới 3 lần hỏi nhớ nghĩ mình có tội mà không nói ra phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu mình cứ thật tình mà nói, nếu ý nghĩ mình biết có thấy, nghe, xúc cảm đúng như ý nghĩ mà nói...

Tổng quát có 5 thứ vọng ngữ:

1. Có thứ vọng ngữ phạm vào tội Ba-la-di như tự xưng mình chứng được pháp của bậc thượng hơn.

2. Có thứ vọng ngữ phạm vào tội Tăng-tàn như đem pháp Ba-la-di không có căn cứ mà huỷ báng người.

3. Có thứ vọng ngữ phạm vào tội Ba-dật-đề, như đem pháp Tăng-tàn không có căn cứ mà huỷ báng người.

4. Trong các tội phạm này có thứ vọng ngữ được kết vào tội Thâu-lan-giá, như nói chứng pháp thượng hơn mà nói không rõ ràng, hoặc đem pháp không căn cứ mà huỷ báng người mà nói không rõ ràng.

5. Có thứ vọng ngữ được kết vào tội Đột-cát-la như khi thuyết giới 3 lần hỏi (mình im lặng) và phạm vào trong giới này mà nói không rõ ràng.

Luật Thiện Kiến nói vọng ngữ: Miệng và tâm trái ngược nhau, cũng gọi là nói không.

Luật Nhiếp nói: Khi ý muốn mê hoặc người kia mỗi một câu nói phạm một tội. Khởi tâm muốn dối gạt người thì phạm tội trách tâm, cho đến phát ra lời nói mà người đối diện chưa hiểu thì phạm tội dối thuyết Ác tác. Nói ra sự việc gì mà dùng thân để tiêu biểu cho họ biết cũng phạm bốn tội.

Là đệ tử Phật lời nói phải thường thường chân thật. Không nên tỏ bày cho những người không tin sự trong sạch của mình mà thề thốt. Nếu khi bị vu báng cũng không được thề. Luật Bốn dạy: Lúc bấy giờ lục quần có một việc nhỏ xảy ra bèn thề thốt rằng: Tôi nếu làm việc như vậy sẽ bị đọa vào trong 3 đường ác, không được sanh trong Phật pháp. Nếu chị làm như vậy cũng đọa vào trong 3 đường ác, không sanh trong Phật pháp. Đức Phật dạy: Không được nói như vậy mà phải nói như thế này. Nếu tôi có làm việc như vậy Nam Mô Phật. Nếu chị làm việc như vậy cũng Nam Mô Phật. Nếu người cư-sĩ bị hắt hơi và đến lễ dưới chân nên chú nguyện cho họ trường thọ. Nếu khi vị hạ tọa hắt hơi nên chú nguyện không bệnh. Nếu khi vị Thượng tọa hắt hơi nên nói hòa nam.

ĐIỀU 2: *Chủng loại huỷ tử.*

Tỳ-kheo-ni nào, nói lời bôi bác. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, vì nhơn duyên này, nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Hủy tử ngữ: Nghĩa là miệng nói ra lời hủy nhục, mắng nhiếc người, khiến cho họ phải hổ thẹn. Trong việc nói lời bôi bác bằng các chủng loại có 7 thứ:

1. Chủng tộc thấp kém.
2. Dòng họ thấp kém.
3. Nghề nghiệp thấp kém.
4. Kỹ thuật thấp kém.
5. Phạm tội.
6. Kết sử phiền não.
7. Bệnh hoạn.

Chủng tộc thấp kém: Nghĩa là người chủ giết người, gánh phân, thợ tre, kéo xe...

Dòng họ thấp kém: Nghĩa là các dòng họ thấp hèn. Nếu vốn không phải là dòng họ thấp hèn, nhưng tập theo những nghề nghiệp thấp hèn cũng gọi là dòng họ thấp hèn.

Nghề nghiệp thấp hèn: Mua bán heo dê, giết trâu, thả chim ưng, lưới bẫy, làm giặc, bắt giặc, giữ thành, cai ngục... đó là các nghề nghiệp thấp hèn.

Kỹ thuật thấp hèn: Thợ rèn, thợ mộc, thợ gôm, thợ thuộc da, thợ cạo... làm các nghề nghiệp thấp hèn.

Phạm tội: Nghĩa là phạm 7 tội từ Ba-la-di cho đến ác thuyết.

Kết sử: Nghĩa là phiền não sân hận, ganh ghét cho đến 500 phiền não kết sử.

Bệnh hoạn: Mù, chột, sói, què, trệt, điếc, ngọng... cho đến ghẻ lác, ung thư, và bao nhiêu bệnh đã mắc vào.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu lấy 7 sự việc như trên, hoặc mắng trước mặt rằng: Người là người chủ sát nhơn, cho đến nói người là người điếc ngọng. Hoặc ví để mà mắng như nói rằng: Người giống như người chủ sát nhơn, cho đến người giống như người điếc câm ngọng. Hoặc tự ví để mắng như nói tôi không phải là người chủ sát nhơn cho đến nói tôi không phải là kẻ điếc câm ngọng. Dùng những lời như vậy mà bôi bác các vị Tỳ-kheo-ni khác đều

phạm tội đọa. Nói không rõ thì phạm Ác tác. Nói những thiện pháp để mà nhục như nói người là người A-lan-nhã, là kẻ khát thực, là người mặc áo bá nạp, cho đến người tọa thiền người giống người A-lan-nhã... tôi không phải là người A-lan-nhã... thầy Tỳ-kheo cũng phạm giống như vậy. Ba chúng sau phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm*: Vì lợi ích cho nhau mà nói, vì pháp, vì luật, vì giáo thọ, vì thân quyền mà nói. Hoặc nói giỡn cười, nói lỡ lời, nói một mình, nói trong mộng, nói lầm. Xét trong luật Tăng Kỳ và luận Tát-bà-đa dù cho dùng những chủng tộc dòng họ, nghề nghiệp tôn quý mà nói với tâm khinh huỷ cũng đều mắc tội Ác tác. Nếu khinh huỷ 4 chúng và người tại gia đều phạm tội Ác tác.

ĐIỀU 3: *Lưỡng thiệt ngữ ngôn.*

Tỳ-kheo-ni nào, nói hai lưỡi, Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này, nhóm

họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Lưỡng thiệt: Đem lời người này nói với người kia, khiến sanh ra đấu loạn, làm việc gây chia rẽ.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Đem 7 việc giống như trên, tùy theo lấy 1 việc rồi đến với người khác mà nói rằng: Cô... nói chùng tộc của chị là người chủ sát non, cho đến nói là kẻ điếc câm. Nói rõ ràng thì phạm tội đọa, nói không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nói vì muốn phá ác tri thức, bần đặng ác, phá người muốn phá Tăng và phá Yết-ma phi pháp, phi luật, phá những kẻ muốn phá tháp phá chùa... và lời nói của người kia không đáng kể vì không đúng nghĩa, không có lợi ích, nói lạch xạch cả ngày...

Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu có chủ ý muốn gây chia rẽ giữa hai người, người kia có xa lìa nhau hay không xa lìa đều phạm Ba-dật-đề. Luận Tát-bà-đa nói: Đem lời nói của những người trong bốn chúng và của tất cả những người tại gia mà nói đều phạm tội Đột-cát-la. Nếu không đem lời nói bên kia đến nói bên này mà chỉ nói hai bên lè khiến họ ly gián phạm Đột-cát-la. Luật Thập Tụng dạy: Nếu kẻ bạch y ở trong chùa

muốn làm những việc ác, tổn hại các vị Tỳ-kheo-ni, nên dùng lời khỏ thiết để nói, để dẫn dẹp họ. Nếu không dẫn dẹp được thì không nên trình thẳng lên vua mà trước hết phải nói với những người tri thức của họ, rồi nói với các vị vương tử, đại thần... nếu người kia bỏ việc ác này đi thì mình cũng chấm dứt luôn, đừng để cho thành to chuyện.

ĐIỀU 4: *Dự nam tử đồng thất túc.*

Tỳ-kheo-ni nào ngủ đêm chung nhà với người nam. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn, vì nhơn duyên này, nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo Tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nam tử: Người nam có biết mạng căn chưa dứt.

Thất: 4 bên tường vách ngăn che, trên có lợp kín. Hoặc trước mái hiên không có tường, hoặc tuy có lợp mà không kín, hoặc tuy có lợp kín mà có chỗ trống.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni nào đã ngủ trước rồi kẻ nam tử mới đến sau. Hoặc người nam tử đến trước, Tỳ-kheo-ni đến sau. Hoặc hai người cùng đến một lần. Nếu nằm hông sát đất và tùy theo cứ một lần trần trở đều phạm một tội đọa. Nếu cùng ngủ đêm chung trong một nhà với chư thiên nam, rồng nam, thần nam, quỷ nam, súc sanh nam và kẻ hoàn môn, người nhị căn đều phạm tội Ác tác. Nếu ban ngày kẻ nam tử đứng, Tỳ-kheo-ni nằm cũng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Không biết trong nhà kia có kẻ nam tử. Hoặc nhà trống trên có lợp bốn phía không có vách. Hoặc có vách ngăn một nửa, ngăn một ít. Hoặc đều có ngăn hết nhưng không lợp. Hoặc lợp một ít, lợp một nửa, ngăn một nửa. Lợp một ít, ngăn một ít. Hoặc giữa đất trống, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc bị bệnh nằm, bị người khác bắt trối... luật Nhiếp dạy: Nếu kẻ nam tử ở trên gác, Tỳ-kheo-ni ở dưới, hoặc trái lại có thang thì phải cất đi, có cửa thì đóng kỹ lại. Nếu không cất thang được nên đóng cửa cài then. Hoặc tuy đồng trong một nhà nên dùng các chương ngại vật để ngăn dứt đường đi, nếu không làm như vậy khi ánh ban mai xuất hiện liền phạm tội đọa. Nếu trời

nam, rông nam, có thể thấy hình tướng và bàng sanh nam, khi đồng ngủ chung một chỗ đều phạm Á c tác. Bàng sanh nam còn nhỏ không thể hành dâm được không phạm. Nếu có cha mẹ các bậc tôn thân vì mình mà giữ gìn, đồng ngủ chung trong một căn nhà cũng không phạm. Luật Ngũ Phần dạy: Nếu nhà đồng mái lợp mà có ngăn cách riêng, hoặc đại hội thuyết pháp, hoặc cha, anh, người thân quyến bị bệnh. Có người nữ hiểu biết làm bạn... ngồi mà không nằm đều không phạm.

ĐIỀU 5: *Dự vị cụ nhơn tam túc.*

Tỳ-kheo-ni nào, ngủ đêm chung nhà với người nữ chưa thọ đại giới, nếu quá 3 đêm. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại thành Khoáng dã, vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni. Sau đó, các Tỳ-kheo-ni đuổi các Sa-di-ni nhỏ tuổi ra ngủ trên nhà xí. Đức Phật liền khai cho được phép ngủ

chung nhà với người nữ chưa thọ Đại giới hai đêm, nếu đến đêm thứ ba khi ánh ban mai xuất hiện phải đứng dậy tránh đi chỗ khác. Nếu đến đêm thứ 4, hoặc tự mình đi, hoặc bảo người kia đi.

Vị thọ Đại giới nữ nhơn: Trừ Tỳ-kheo-ni ra còn lại tất cả các người nữ khác.

Đồng túc: Cùng ngủ trong một nhà.

Thất: Như trên đã giải thích.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu đi đến trước, sau, hoặc cùng đến một lần, hông dính đất, trần trở đều phạm tội. Nếu trời, rông, thân, quý, súc sanh nữ cùng ngủ chung quá 2, 3 đêm phạm Á c tác. Bốn chúng kia mắc tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Cũng giống như giới trên. Luận Tát-bà-đa dạy rằng: Nếu không cho ngủ chung nhà 2 đêm thì chắc sẽ có bao nhiêu việc buồn và nhơn duyên mất mạng. Vì tâm thương xót cho nên được ngủ chung 2 đêm. Vì hộ trì Phật pháp không cho ngủ 3 đêm. Nếu đã ngủ chung 2 đêm rồi đến đêm thứ 3 lại cùng với người khác ngủ chung phạm Ba-dật-đề. Vì sự tương tục của người trước. Nếu ngủ chung 2 đêm rồi dời đi chỗ khác cách 1 đêm rồi trở lại ngủ chung thì không có lỗi, hoặc ngồi suốt đêm thì không phạm. Luật Tăng Kỳ dạy: Khi đến đêm thứ 4 thì phải

sang phòng khác, hoặc ra giữa đất trống. Nếu ở giữa đất trống bị gió mưa tuyết lạnh nên trở lại vào phòng ngồi cho đến khi thấy rõ đất. Nếu già bệnh không thể ngồi được nên dùng tấm chắn để ngăn ngang đầu và nách. Tấm chắn đó phải hạ sát đất, nên dùng vật gì bền chắc mà làm, con chồn chui qua cũng không được. Nếu khi đi đường không có màn trướng cùng ở với người chưa thọ Cụ túc giới đáng tin cậy nên nói với họ rằng: Em ngủ tôi ngồi. Đến khi mình muốn nằm nên đánh thức người kia dậy nói rằng: Tôi ngủ, em ngồi, nếu em ngủ nữa sẽ không có phước đức. Luật Nhiếp dạy: Ngủ đến đêm thứ 3 khi khiến ra ngoài để ngủ, không được khiến ra khỏi chùa và cách xa thềm trước nhà, chỉ nên cách địa thế của phòng mình mà thôi. Nếu sợ ác Tỳ-kheo-ni do đây mà phá giới, thì nên khiến vị Sa-di-ni ấy đến nơi phòng thiện hữu của mình mà ngủ, nếu phòng thiện hữu cũng không có thì nên cùng đuổi ác Tỳ-kheo-ni kia ra. Hoặc tự mình đem vị Sa-di-ni ấy đến chỗ khác để ngủ. Nếu mình đã An cư rồi, không thể đi được, nên sanh tâm niệm: Vì phòng hộ cho nên Phật chế, dù ngủ chung cũng không phạm. Phàm khi ngủ lấy y ngũ mặc vào trong, nằm nghiêng bên tay mặt hai chân chồng lên nhau, thân không lay động, tư tưởng nghĩ đến ánh sáng, an trú chánh niệm. Tâm không rối loạn y phục không xóc xếch. Đối với

giác ngủ phải biết chừng độ, suy nghĩ nên dậy sớm. Đầu đêm cuối đêm thường tu các thiện pháp. Đây là phương pháp nằm ngủ của các vị Sa-môn. Nếu không bệnh hoạn thì ban ngày không nên nằm. Người bị bệnh tuy có ngủ chung quá 2 đêm cũng không phạm.

ĐIỀU 6: *Dự vị thọ cụ như cọng tụng.*

Tỳ-kheo-ni nào cùng tụng đọc chung với người chưa thọ Đại giới. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bảy giờ đức Phật ở tại thành Khoáng đã vì nhưn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Vị thọ Đại giới nhưn: Như trên đã giải thích.

Cọng tụng: Cùng tụng đọc kinh pháp chung từng câu từng chữ.

Đồng trú: Hai người đồng tụng một câu không trước không sau, hoặc một người tụng câu trước chưa rồi người thứ hai tụng lập lại.

Đồng tụng: Hai người cùng tụng một chữ không

trước không sau. Hoặc một người tụng chữ trước chưa rồi, người thứ hai tụng lập lại.

Kinh pháp: Do chính đức Phật giảng, hoặc các vị Thanh văn thuyết, các vị tiên nhơn, trời thuyết được đức Phật ấn chứng đều gọi là pháp.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Cùng với người chưa thọ Cụ túc giới tụng chung, hoặc trao bằng miệng, hoặc biên chép mà đưa cho rõ ràng thì phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Á c tác. Cùng tụng chung với trời rồng, quý, thần, súc sanh hay biến hình rõ ràng hay không rõ ràng đều phạm Á c tác. Nếu thầy không dạy rằng: Ta tụng xong các người sẽ tụng sau thì thầy phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Ta tụng xong các người tụng. Một người tụng xong, một người chép, hoặc hai người đồng nghiệp cùng tụng. Cho đến nói lầm... xét luật Tăng Kỳ, luật Thập Tụng, luật Ngũ Phần, luật Căn Bản và bộ luật này đều không cho cùng tụng đọc chung kinh pháp với người chưa thọ Đại giới. Căn cứ trong Kinh Giới Nhân Duyên, lục quán Tỳ-kheo-ni đến với các Sa-di-ni mà nói luật Tỳ-Ni- Nhơn đó đức Phật chế không được đến với người chưa thọ đại giới mà nói một câu trong giới pháp. Y

trong luật Nhiếp cũng giống như vậy. Nghĩa là chữ pháp trong câu chánh văn này cùng với pháp Tỳ-ni giống nhau. Luật Thiện Kiến dạy: Nếu vị pháp sư soạn ra văn tự gì, cùng đọc tụng thì không phạm. Do đây nên biết 5 thiên, 7 tụ chỉ có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mới được nghe, những người khác không có phần. Giống như kho tàng bí mật của nhà vua, các quan chức bên ngoài không thể trông coi được. Nếu hướng đến người chưa thọ đại giới mà nói thì mình và người đều tồn tại, lại chướng ngại cho đường xuất gia của họ, vì trọn đời sẽ không được thọ giới Cụ túc. Nếu đọc tụng kinh pháp thì căn cứ trong luật có khai, già tự mình nên biết phương tiện.

ĐIỀU 7: Hướng vị thọ cụ nhor thuyết tha Thô tội.

Tỳ-kheo-ni nào, biết rõ tội thô ác của người khác mà đem nói với người chưa thọ Cụ túc, trừ Tăng Yết-ma. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại núi Linh Thứu, vì nhor duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy

rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tri: Tự tâm mình biết rõ người kia có tội, không phải là không biết.

Tha: Người thọ giới Cụ túc.

Thô ác tội: Ba-la-di, Tăng-tàn.

Hướng vị thọ đại giới như thuyết: Nghĩa là đối với một kẻ khác nói một cách rõ ràng tội lỗi mà người kia đã phạm.

Trừ Tăng Yết-ma: Nghĩa là trừ đại chúng sai đi nói lỗi của người kia thì không phạm.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu nói rõ ràng thì phạm tội đọa, không rõ ràng thì phạm Ác tác. Trừ tội Thô ác, đem các tội khác đến nói với người chưa thọ cụ giới cũng phạm Ác tác. Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, đem tội Thô ác của người khác mà đến nói với người chưa thọ Cụ giới đều phạm Ác tác. Tội Thô ác mà mình cũng biết là Thô ác phạm tội đọa, nghi ngờ đều phạm Ác tác. Không phải tội Thô ác mà mình tưởng là tội Thô ác và nghi đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia mắc tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Không biết, hoặc người bạch y kia họ đã biết rõ hết tội Thô ác này rồi...

Luật Thập Tụng dạy: Nếu Yết-ma sai Tỳ-kheo-ni

này đi nói tội mà các Tỳ-kheo-ni khác nói thì phạm Á c tác. Nếu khiến đến người này chỗ này để nói mà lại đến người khác chỗ khác nói đều phạm Á c tác. Nếu Chúng tăng Yết-ma cho phép tùy ý, tùy thời, tùy chỗ nói tội, thì có nói cũng không phạm. Luật Nhiếp dạy: Yết-ma sai khiến nói cho mọi người đều biết, vì muốn ngăn cản người kia làm tổn hại Tam bảo. Vì ngăn cản người phá giới và ngăn ác đảng của người phá giới, để bỏ bạn ác gần bạn lành. Lại vì hộ tâm cho mọi người đừng để họ nói càng hết: Chúng tăng đều làm hạnh ác. Cũng chớ có để cho họ nói: Các Tỳ-kheo-ni phạm nhiều phạm giới rồi che dấu cho nhau. Lại chớ để cho người kia làm những việc vô ích trong nhà người bạch y. Tuy đã Yết-ma rồi, nhưng biết người kia có tâm giận riêng mà đến nói phạm Á c tác. Do đây nên biết người xuất gia có nói thô điều gì đều vì lợi ích, chớ không nên vì giận riêng mà nói lỗi người. Luận Tát-bà-đa nói: Thà phá tháp, hoại tượng không nên đến người chưa thọ giới Cụ túc mà nói tội ác của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Nếu nói tội lỗi của người tức là phá pháp thân của mình. Nếu đến mà nói tên tội của 2 thiên đầu thì phạm tội đọa, nói sự việc của tội thì phạm Á c tác. Nói tên tội và sự việc của tội thuộc 3 thiên sau đều phạm Á c tác.

ĐIỀU 8: *Hướng vị thọ cụ hơn thuyết tự chứng pháp.*

Tỳ-kheo-ni nào đối người chưa thọ đại giới nói mình chứng ngộ pháp thượng hơn rằng: Tôi biết điều này, tôi biết điều này, nếu đây là sự thật. Ba-dệt-đề.

LƯỢC GIẢI:

Nguyên nhân giống như giới vọng ngữ trong thiên đầu đã nói. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì hơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni. Trong giới này có sự khác biệt, nghĩa là đem những pháp thật sự mình có chứng ngộ, đến nói với người chưa thọ giới Cụ túc, cho nên không mắc vào cái tội hư dối đại vọng ngữ.

Quá hơn pháp: Tức là pháp của các bậc thượng hơn, nghĩa là pháp này thuộc Thánh trí, vượt lên tất cả các pháp phàm ngu, không ai có thể hơn được. Vì sao lại nói quá hơn mà không nói quá thiên. Nghĩa là đức Phật xuất hiện trong loài người, ngay nơi loài người mà Ngài kết giới vì trong loài người mới có giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Lại loài người vượt hơn chư Thiên

ở chỗ loài người hay tu tập các thiện pháp và phần nhiều chứng được Thánh đạo. Chư thiên say đắm theo dục lạc không chịu siêng năng tu tập. Vì thế mà chỉ nói quá nhơn, tức là đã quá thiên rồi vậy.

Thật: Nghĩa là tự mình chân thật có chứng được pháp này.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu thật sự có việc này, đến với người chưa thọ giới Cụ túc mà nói, và lấy tay ra dấu, vẽ tướng, sai khiến đi nói, rõ ràng thì phạm tội đoạ, không rõ ràng phạm Ác tác. Nếu đến với vị Tỳ-kheo-ni không đồng ý mà nói, cũng phạm Ác tác. Còn ngoài ra phạm, không phạm, đều giống như trong giới Ba-la-di thứ 4 đã nói: Trong giới này có khác hơn: Giới kia thì phạm tội Khí, trong giới này thì phạm tội đoạ. Nơi giới kia thì phạm Thâu-lan-giá, trong giới này thì phạm Ác tác chỉ những tướng ấy là khác nhau mà thôi.

Bốn chúng kia mắc tội giống như trên. Luận Tát-bà-đa dạy: Nếu thật sự chứng Tứ quả cho đến chứng Bất tịnh quán đến nói với người khác đều phạm tội đoạ. Nếu vì danh lợi mà nói tội trì giới thanh tịnh, thật sự tụng thông suốt ba tạng, và tùy theo, nếu tụng bộ kinh nào tôi đều hiểu nghĩa được hết, ai hỏi gì cũng đáp được cả, đến với người mà nói như vậy đều phạm Ác tác.

Luật Ngũ Phần dạy: Khi sắp nhập Niết-bàn mà nói thì không phạm.

Luật Nhiếp dạy: Hiện thân thông trước người thế tục phạm Á c tác. Nếu vì muốn hiển bày Thánh giáo, hiện những sự việc hy hữu, tự phơi bày đức của mình, hoặc muốn khiến cho loài hữu tình, cần phải hoá độ kia, tâm được đều phục, tuy có nói cũng không phạm.

ĐIỀU 9: *Dự nam tử quá ngữ thuyết.*

Tỳ-kheo-ni nào nói pháp cho người nam quá 5, 6 lời, trừ có mặt người nữ có trí Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nam tử: Người hay hiểu biết các lời thiện ác.

Thuyết: Miệng nói ra.

Pháp: Như trên đã giải thích.

Quá: Quy định trong 5, 6 lời mà nói quá nhiều.

Ngũ, lục ngũ. Ngũ: âm, như nói sắc là vô ngã, thọ tướng, hành, thức, vô ngã.

Lục: Lục căn, như nói nhãn vô thường, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là vô thường. Hoặc lại có các pháp giống như ngũ lục ngũ, gọi là ngũ lục ngũ.

Hữu trí nữ nhơn: Kẻ bạch-y biết rõ các việc thô ác và không thô ác, tình không dâm loạn, có thể làm chứng minh cho mình, do đối với người này không dám nói lời tà vạy, lại dứt sự cơ hiềm. Nếu tất cả đều là người xuất gia, không gọi là chứng minh. Vì sự tướng giống nhau.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nói pháp cho kẻ nam tử, đáng nói 5 lời, nói quá 5 lời đến 6 lời. Đáng nói 6 lời, nói quá 6 lời đến 7 lời. Rõ ràng không rõ ràng và bốn chúng mắc tội đều giống như giới trước.

* *Trường hợp không phạm:* Nói ngang chừng 5, 6 lời. Nếu có kẻ nữ nhơn có trí ở bên cạnh nói quá số lời cũng không phạm. Nếu không có kẻ nữ nhơn có trí ở bên cạnh, đối trước người thọ ngũ giới nói pháp ngũ giới. Trao bát quan trai giới nói pháp bát quan trai giới, nói pháp 8 Thánh đạo, 10 điều ác, 10 điều thiện và người nam tử hỏi nghĩa, nên trả lời. Nếu không hiểu nên vì họ mà nói rộng rãi.

Luật Ngũ Phần dạy: Nếu vì kẻ nam tử nói 5, 6 lời xong rồi nên nói rằng: Pháp chánh chỉ ngang đây, nên rời chỗ ngồi mà đi. Nếu lại có nhơn duyên gì trở lại ngồi chỗ cũ, vì họ mà nói, không phạm. Nếu nói 5, 6 lời xong rồi lại có kẻ nam tử khác đến vì kẻ nam tử sau lại tiếp tục nói như vậy. Cho nên không lường vì những người nam tử mà nói đều không phạm. Nếu mình tụng kinh kẻ nam tử đến nghe. Nếu kẻ nam tử hỏi nghĩa thì nên nói tóm tắt khiến cho họ hiểu được, dù quá 5, 6 lời đều không phạm.

Luận Tỳ-ni Tỳ-bà-sa nói: Thuyết các pháp bố thí phước báo, chú nguyện đều không phạm. Nếu nói những việc thường tình của thế gian thì phạm Đột-cát-la.

ĐIỀU 10: *Tự thủ quật địa.*

Tỳ-kheo-ni nào tự tay mình đào đất, hoặc khiến người đào. Ba-dật -đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành khoáng dã. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-

kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Địa: Đất đã đào và đất chưa đào... đất đã đào: Nghĩa là đất đã từng bị đào, các loại trùng đã ăn náu đi hết, cây cỏ không thể sống được, gọi là đất chết. Đất chưa đào: Nghĩa là đất chưa bị đào, hoặc đã từng bị đào trải qua thời gian bốn tháng, do trời mưa, và các thứ nước khác thấm, các loại trùng cây cỏ phát sanh như cũ, nó cũng trở lại thành sanh địa, cũng gọi là đất chưa đào.

Luật Nhiếp dạy: Nếu đã từng bị đào, trời mưa thấm ướt, hoặc các loại nước khác thấm ướt trải qua 3 tháng đất đó gọi là sanh địa. Nếu không có trời mưa và nước thấm trải qua 6 tháng cũng gọi là sanh địa. Khác với đây thì không phải là đất sống. Xét luật Thiện Kiến, nếu đất 4 phần mà chỉ 1 phần đất, 3 phần còn lại là cát sỏi sạn và đất bị đốt đều không phải là sanh địa.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu dùng bừa, hoặc dùng thềm, xuống, hoặc dùng chày đập, hoặc dùng lưỡi liềm để moi, cho đến dùng móng tay bấm, đóng cọc vào đất, đốt lửa trên đất đều phạm tội đoạ. Nếu không nói để sai khiến rằng: Hãy xem đây biết đây thì phạm Á c tác. Bốn chúng kia đều phạm tội như trên.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu nói hãy nhận biết cái này, hãy xem xét cái này, hoặc kéo củi tre, hoặc hàng rào ngã trên đất sửa lại cho ngay thẳng, lật sửa gạch đá, lấy phân trâu, lấy đất bờ lở, lấy đất chuột moi, hoặc xúc đất trên đường đi kinh hành, xúc đất trong nhà đổ đi, hoặc đi kinh hành qua lại, hoặc quét đất, hoặc chống tích trượng trên đất, hoặc không có ý đào, đều không phạm giới. Nhưng pháp của Tỳ-kheo-ni, muốn cần gì thì phải nói lời tác tịnh: Hãy nhận biết cái này, hãy xem xét cái này, để cho người kia tự biết, tự xem, chỗ nào đáng đào, chỗ nào đáng để lại. Không được nói thẳng rằng đào chỗ này, để chỗ này.

Luật Ngũ Phần dạy: Ba chúng sau nếu không có duyên sự gì mà đào đất phạm Á c tác. Nếu lấy đất không phạm.

Luật Thập Tụng dạy: Nếu Tỳ-kheo-ni làm người hướng dẫn thợ muốn bắt đầu xây dựng Phật điện hay Tăng phòng, vẽ dưới đất để làm biểu mẫu đều không phạm. Các Tỳ-kheo-ni khác vẽ thì phạm tội. Luật Căn Bản dạy: Nhỏ cọc phạm Á c tác. Nếu Tỳ-kheo-ni làm công việc xây cất, khi muốn định nền chùa mà đã được ngày, giờ, tốt nhưng không có người tịnh như tự mình có thể đóng cọc dưới đất sâu chừng 4 ngón tay để làm ranh giới không phạm.

ĐIỀU 11: *Hoại quỷ thần thôn.*

**Tỳ-kheo-ni nào phá hoại xóm làng quỷ thần.
Ba-dật-đề.**

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Hoại: Tên chung của những việc: Chặt, đốn, thiêu đốt, lôi kéo, bẻ gãy.

Quỷ thần: Các vị phi nhơn.

Thôn: Các thứ cây cỏ nghĩa là cái nơi mà tất cả quỷ thần đều nương ở, cũng giống như nhà cửa của loài người, nhà cửa này có 5 thứ cũng gọi là 5 mầm sống cây cối:

1. Loại sanh từ rễ hay củ: Gừng, hương phụ, tước đầu hương, huỳnh liên... đều do củ sanh ra.
2. Loại mầm sống từ cọng hay nhánh: Dương liễu, bồ đề, bói đa, đều do nhánh sanh ra.
3. Loại mầm sống sanh từ mắt: Hoa xưng ý, cây

la lật, rau đắng... đều do mắt sanh ra.

4. Loại mầm sống giữa ruột trồng: Mía, tre, lau, củ sen... đều do cây chính giữa ruột trồng không mà sanh ra.

5. Loại mầm sống từ hạt, nghĩa là hạt giống lại trở lại sanh ra hạt: Như lúa, bắp, đậu, mè, hột cải...

Kinh Giới Nhơn Duyên dạy rằng: Có vị thần nương ở nơi gốc cây, có vị nương nơi nhánh cây, có vị nương vỏ cây, có vị nương nơi vỏ cây nứt nẻ, có vị nương cây hoa sắp nở, có vị nương nơi lá cây, có vị nương nơi hoa, có vị nương nơi quả, tất cả các loại dược thảo cây cối đều có thần nương ở, thức ăn của họ là mùi hương vậy.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Đối với 5 thứ mầm sống của cây cối, nếu là mầm sống mà mình cũng biết là mầm sống tự mình chặt, rang, nấu, và bảo người làm đều phạm tội đoạ. Hoặc nghi là mầm sống, và tưởng không phải là mầm sống. Hoặc không phải là mầm sống mà tưởng là mầm sống và nghi, tự mình làm bảo người làm đều phạm Đột-cát-la. Nếu không phải là mầm sống mà mình cũng biết không phải là mầm sống thì không phạm. Luật nói: Lược câu này. Xét theo nghĩa thì phải nên có. 6 cảnh tượng này tất cả các giới đều có so sánh, đây nên biết. Nếu cây cỏ sống và không

phải cây cỏ sống thì cảnh tượng nên lập 5 câu. Tự mình chặt, sao, nấu và bảo người làm, phạm tội nặng nhẹ như trên nên biết. Nếu đóng cọc dính trên cây, lấy lửa đốt trên cây cỏ sống, và chặt cây cỏ sống ra làm nhiều phần đều phạm tội đọa. Nếu chặt cây cỏ nửa khô, nửa còn tươi, phạm Á c tác. Nếu không nói: Hãy nhận biết cái này, hãy xem xét cái này phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm giới như trên.

Luật Ngũ Phần dạy: Ba chúng sau không có duyên có gì giết hại cây cỏ tươi, phạm Đột-cát-la. Căn cứ theo đây nên biết ba chúng sau có việc thì không ngăn cấm, không có việc thì phải ngăn lại ngay. Sanh địa theo đây cũng như vậy.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu nói, hãy nhận biết cái này, hãy xem xét cái này, chặt cây cỏ khô, kéo củi tre, sửa hàng rào cho ngay thẳng, dỡ ngói, gạch, chống gậy xuống đất. Cỏ phủ đường đi, lấy gậy vạch ra mở đường, quét chỗ đi kinh hành qua lại. Tất cả đều không có tâm nếu lỡ làm đứt mạng sống cây cỏ cũng không phạm. Trái cây không tác tịnh, không được ăn. Nên làm 5 cách tác tịnh rồi vậy sau mới được ăn.

1. Hỏa tịnh: Cho đến đưa ngang qua lửa một lần.
2. Đao tịnh: Dùng dao cắt ra.
3. San tịnh: Trên quả tự nó đã có chỗ bị hư.

4. Điều trác tịnh: Chim chóc đã mổ vào.

5. Bất trúng chủng tịnh: Không thể làm giống được, hoặc hạt đang còn non.

Trong 5 cách tác tịnh này, cách thứ nhứt và cách sau cùng. Hai cách tác tịnh này sau khi đã làm rồi đều ăn được hết, còn 3 cách tác tịnh kia khi ăn nên bỏ hột ra.

Lại có 5 cách tác tịnh nữa.

1. Bì bát: lột một ít vỏ.

2. Bát bì: Lột hết vỏ.

3. Hủ: Hư hoại.

4. Phá: Cắt chẻ ra.

5. Ú táo: Tự nó héo khô.

Không được ăn rau chưa tác tịnh. Không được tự mình tác tịnh, không được tự tay mình trao cho người khiến họ tác tịnh. Nên để dưới đất khiến người tác tịnh. Tác tịnh rồi, không được tự tiện lấy ăn, nếu không nhận được từ kẻ khác trao cho.

Luật Nhiếp dạy: Trái bồ đào, trái dưa để chung lại một chỗ, ở trên đó lấy lửa hơ qua 3, 4 chỗ, liền thành tịnh. Nếu dùng dao hay móng tay thì phải tác tịnh riêng từng trái. Nếu tự tay mình đưa dao... người tác tịnh khi ăn không phạm, nhưng khi tác tịnh phạm tội đọa.

Luật Ngũ Phần dạy: Nếu ăn các loại rễ hay củ cũng nên làm 5 cách tác tịnh là lột, cắt, chẻ, rửa, lửa nấu. Nếu ăn cọng lá nên làm 3 cách tác tịnh: Dao cắt, lửa nấu và rửa. Nếu khi tác tịnh, nên tác tổng tịnh, dồn hết vào một đồ đựng rồi tác tịnh một lần gọi là tổng tịnh. Nếu cỏ mọc trước sân trụ xứ, cho phép được khiến người tịnh nhơn nhận biết.

Luật Tăng Kỳ dạy: Có quốc độ làm vừa lúa sợ kẻ phi nhơn ăn trộm, lấy tro lửa rải lên trên để làm dấu, đây tức là đã tác tịnh. Nhưng vị chủ chùa có lầm lúa chưa tác tịnh sợ Tỳ-kheo-ni nhỏ tuổi không biết pháp, khiến kẻ tịnh nhơn làm hoả tịnh, cho đến hết lầm lúa, Tỳ-kheo-ni thường được bảo người đi xay thì không phạm.

Nếu có bèo nổi phủ đầy mặt nước, không được lấy tay vạch bèo ra để lấy nước dùng, phải tìm những chỗ mà trâu ngựa... đã lội qua. Nếu không có chỗ như vậy, nên cầm một khối đất mà quăng và nói rằng: Quý vị hãy sanh lên cõi trời Phạm thiên. Khối đất rơi xuống chỗ nào nước mở ra thì được lấy dùng không có tội. Nếu lật bèo nổi trên mặt nước, phạm tội viêt Tỳ-ni. Lấy quăng lên bờ phạm tội đoạ. Nếu khi lượm phân trâu khô có dính cỏ tươi vào phạm tội đoạ. Luận Ma-đất-lặc-già dạy: Lấy tro đất hoặc cát trải trên cỏ

tươi phạm Ác tác. Nếu nói với người khác rằng: Lấy quả này tôi muốn ăn, phạm Ác tác. Trái cây có hạt mà chưa tác tịnh, nuốt qua khỏi cổ phạm Ác tác, nếu cắn cho vỡ phạm tội đọa. Hái nắm mè, phạm Ác tác. Đánh quả chín rụng xuống, phạm Ác tác. Đánh quả xanh rụng xuống phạm tội đọa.

Luật Thiện Kiến dạy: Nếu làm phép hoá tịnh rồi mà sau lại sanh mầm, chỗ sanh mầm lại phải tác tịnh lại, chỗ không sanh mầm thì được ăn. Nếu cần dùng hoa quả thì được kéo cành cây xuống bảo người tịnh như hái thì không phạm. Không được làm cho cành cây bị gãy. Nếu cây gãy ngã đụng đề nhằm Tỳ-kheo-ni mà không chết; tuy trong tay có dao, búa... thà tự mình giữ giới mà chết chứ không được tự chặt cây, đào đất để thoát mạng, vì sao vậy? Vì đào đất, chặt cây phạm tội đọa. Người có trí tuệ thà giữ giới mà chết, không chịu phạm giới để sống. Nếu cây đè người khác thì được chặt cây đào đất để cứu mạng cho họ, không phạm. Nếu người phóng hoả đến đốt chùa, vì bảo vệ trú xứ cho nên được cắt cỏ đào đất để dập tắt lửa, không phạm. Luật Căn Bản dạy rằng: Nếu trên cỏ tươi và đất cỏ rêu xanh khi đi kinh hành khởi lên ý niệm làm cho cỏ bị tổn hại, tùy theo từng chỗ bị tổn hại đều phạm tội đọa. Nếu chỉ có một tâm niệm đi kinh hành

thì không phạm tội. Nếu nhỏ nắm dưới đất phạm Á c tác. Nếu bình ché và y phục, mền chiếu... có râu xanh mọc trắng sanh ra mình có tâm làm tổn hoại, đều phạm Á c tác. Khiến người họ biết để tác tịnh rồi mới thọ dụng thì không phạm. Phạm Tỳ-kheo-ni nhận lãnh công việc. Khi muốn làm công việc cho nên phải chặt cây. Trong vòng trước 7, 8 ngày ở dưới gốc cây ấy phải thiết lễ các thức ăn để cúng, tụng 3 biến kinh Vô Thường. Vị Tỳ-kheo-ni kỳ túc nên vì cây mà chú nguyện. Nói về pháp 10 thiện đạo, khen ngợi các điều thiện. Lại cũng nên cáo tri với các vị Thiên thần đã ở trên đây: Quý vị nên tìm chỗ khác để nương ở, cây này nay vì Tam bảo sẽ làm công việc. Qua 7, 8 ngày rồi nên khiến kẻ tịnh như chặt. Nếu khi chặt cây có dị tướng hiện ra, nên vì họ mà tán thán công đức thí xả nói những tội lỗi của xan tham. Nhưng nếu dị tướng vẫn cứ hiện thì không nên chặt. Nếu không có tướng lạ gì cả thì nên chặt. Luận Bà- sa dạy: Có 3 điều cấm giới rất lợi ích cho Phật pháp, đó là: Không được gánh, không được chặt cây cỏ, không được đào đất. Nếu đức Phật không chế ra 3 điều cấm này, thì tất cả các vị Quốc vương sẽ khiến Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni... những người xuất gia đi làm phu dịch. Có 3 điều cấm giới này làm dứt tâm niệm ở những người lãnh tụ, Quốc vương.

ĐIỀU 12: *Dị ngữ nã tha giới.*

Tỳ-kheo-ni nào, nói quanh và gây phiền vị khác, Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại nước Câu-diệm-di, vì nhơn duyên này, nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Vọng: Đối đáp không đúng như sự việc.

Dị ngữ: Nói lời khác, nghĩa là khi các vị Tỳ-kheo-ni nói một cách như pháp, không bằng lòng, liền nói lời khác để trả lời. Như nói: Các vị hỏi ai? Nói chuyện gì? Đang thảo luận điều gì? Nói với tôi hay nói với ai? Vì ai mà nói đó? Ai phạm tội? Tội do đâu mà sanh? Tôi không thấy tội. Nếu khi Chúng tăng chưa tác bạch, nói quanh như vậy đều phạm Á c tác. Sau khi đã tác bạch rồi, nói quanh như vậy đều phạm tội đọa.

Nã tha: Cố tâm muốn khiến người trước mặt sanh phiền nã. Gọi đến không đến, không gọi lại đến.

Cho đến không đáng nói lại nói. Nếu trước khi chưa tác bạch, làm xúc não Chúng tăng như vậy đều phạm Ác tác. Sau khi đã tác bạch rồi, mà xúc não Chúng tăng như vậy đều phạm tội đọa. Nếu vị Thượng tọa gọi đến mà không đến phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy, ba chúng sau phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nặng tai nghe không rõ, người đối diện nói lời lơ mờ, mà phải hỏi lại người kia. Giống như nói những lời khắc. Nếu người kia muốn vì mình mà tác Yết-ma phi pháp phi luật. Muốn vì hai thầy, thân hữu mà làm Yết-ma không lợi ích, không cùng họ hoà hiệp, gọi đến không đến. Hoặc mình muốn biết mà bảo chớ đến, cứ đến. Hoặc ngồi một chỗ mà ăn. Hoặc khi bị bệnh kêu đến thì nên nói: Xin đại đức vui lòng, tôi có những nhân duyên như vậy nên không đứng dậy được. Hoặc có các tai nạn bảo đừng đứng dậy vẫn cứ đứng dậy. Hoặc họ hỏi với tâm ác, không nên nói. Hoặc tác Yết-ma phi pháp phi luật không lợi ích bảo đừng nói cứ nói... như vậy giống như là xúc não nhưng đều không phạm.

Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu trong Chúng tăng hỏi một đường đáp một nẻo, đều phạm tội đọa. Giữa đám đông, trước hai Thầy, trước bậc Túc đức, hỏi một đường đáp một ngã việt Tỳ-ni. Luật Nhiếp dạy: Nếu ra giữa Tăng-

già và các bậc tôn trọng dạy bảo những lời đúng lý mà mình đem tâm không tốt gây phiền nhiễu, cũng phạm tội đọa. Nếu dạy bảo những lời không đúng lý, nói lại để gây phiền nhiễu, phạm tội Á c tác. Nếu Chúng tăng sai làm việc tri chúng mà đem tâm dơ bẩn xấu ác việc đáng làm không làm, không đáng làm lại làm, đều phạm tội đọa. Không có tâm dơ bẩn thì phạm Á c tác. Luật Ngũ Phần dạy: Nếu khinh hai thầy và giới thì đều phạm tội đọa, còn khinh bốn chúng kia thì phạm Á c tác. Cho đến thầy bảo quét đất mà không quét. Bảo quét xuôi lại quét ngược đều phạm tội Á c tác.

ĐIỀU 13: *Hiềm mạ tri sự.*

Tỳ-kheo-ni nào chê bai nhiếc mắng người. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Duyên khởi và chỗ đức Phật cư trú giống như trong giới vô căn huỷ báng ở thiên thứ hai. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: từ nay về sau Ta kết giới

này cho Tỳ-kheo-ni.

Hiềm: Trong lòng không ưa, căm hờn mắng nhiếc người. Hoặc chê bai trước mặt, hoặc chê bai sau lưng. Ở trong này nói về cái nghĩa chê trước mặt.

Trước mặt: Nói ở chỗ mắt thấy nhưng lại không nghe mắng rằng: Có thiên vị, giận hờn, sợ hãi, bất minh.

Mạ: Nói ra những lời bất thiện để mắng nhiếc người. Hoặc mắng trước mặt, hoặc mắng sau lưng. Trong đây nói về nghĩa mắng sau lưng. Mắng sau lưng: Nói ở chỗ tai nghe mà mắt không thấy mắng rằng: Có thiên vị, giận hờn, sợ hãi, bất minh.

**Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu mắng trước mặt, hoặc mắng sau lưng, nói rõ ràng thì phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Á c tác. Nếu vị Thượng toạ sai đi mắng nhiếc, mà mình nhận lời đi mắng phạm Á c tác. Bốn chúng kia mắc tội giống như trên.

**Trường hợp không phạm:* Người kia thật có sự việc như vậy sợ sau hối hận, nên nói để cho họ như pháp phát lộ. Hoặc nói giỡn cười. Nói một mình, nói trong mộng, nói lầm... xét trong các bộ luật khác đều nói chê bai người do Chúng tăng sai cử phạm tội đọa. Chê bai những người khác phạm Á c tác.

ĐIỀU 14: *Phu tăng ngoạ cụ bất cử.*

Tỳ-kheo-ni nào mang giường dây, giường gỗ, ngoạ cụ, đệm ngồi của Tăng, tự mình hoặc bảo người dọn trải ở chỗ trống, khi bỏ đi, không tự mình hoặc không bảo người dọn cất. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thủ: Hoặc tự mình lấy ra, hoặc bảo người lấy ra.

Tăng: 4 vị Tỳ-kheo-ni trở lên. Trong này giường dây... nghĩa là những đồ vật của Chúng tăng.

Tăng vật: Hoặc họ vì Chúng tăng mà làm nhưng chưa xả cho Chúng tăng, hoặc đã thuộc về Chúng tăng, nghĩa là đã cúng cho Chúng tăng đã xả cho Chúng tăng.

Thăng sàng: Có 5 thứ: Giường chân xoay, chân thẳng, chân cong, giường ráp bệ, giường không chân.

Mộc sàng: Cũng như vậy.

Ngọa cụ: Vật dùng để ngồi, hoặc dùng để nằm.

Tọa nhục: Đệm để ngồi.

Lộ địa: Chỗ không có mái che.

Phu: Trái ra.

Xả khí: Rời trụ xứ mà đi.

Bất tự cử: Tự mình không thu dọn, không bảo người dọn dẹp nghĩa là không dặn dò giao phó cho người khác vì mình mà dọn cất. Nếu có duyên sự muốn đi phải nên dặn dò giao phó lại cho vị Tỳ-kheo-ni cưu trú, hoặc người kinh dinh... nếu không có ai hết, thì phải nên lo liệu như pháp rời đi. Không nên để hư hoại đồ vật của Chúng tăng.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu không làm những phương tiện như trên mà bỏ đi vừa bước ra khỏi cửa liền phạm tội đọa. Nếu một chân ngoài cửa, một chân trong cửa, ý muốn đi mà hồi hận không đi về trở lại đều phạm Ác tác. Nếu hai người cùng ngồi một giường vị hạ tọa phải nên dọn cất rồi đi. Vị hạ tọa có ý nghĩ là vị Thượng tọa phải dọn cất mà vị thượng tọa không dọn. Vị hạ tọa phạm tội đọa. Lại vì không đúng oai nghi cho nên lại phải phạm thêm tội Ác tác. Vị thượng tọa có ý nghĩ là vị hạ tọa phải cất dọn, mà vị hạ tọa không dọn. Vị Thượng tọa phạm tội đọa, vì không biết thời. Nếu hai vị bằng nhau không

trước không sau, đều không dọn dẹp, cả hai đều phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

**Trường hợp không phạm:* Làm xong các phương tiện như trên. Nếu vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, cho phép đi mà không dọn dẹp. Nếu hai vị cùng ngồi, vị hạ tọa nên dọn cất. Nếu khi bàn luận pháp luật cách nhau ba hạ cho được cùng ngồi chung trên giường gỗ. Cách nhau hai hạ cho cùng ngồi chung trên giường dây nhỏ. Xét trong các bộ Luật khác nếu Tỳ-kheo-ni không có hạ không cho ngồi chung với người ba hạ. Người một hạ không cho ngồi chung với người bốn hạ. Người hai hạ sắp lên được cùng ngồi chung với người lớn hơn ba hạ sắp lên. Nếu nhà bạch y chật hẹp, tuy là vị thân giáo sư nhưng được cùng ngồi chung không phạm, tùy nghi phương tiện cho nên không phạm.

ĐIỀU 15: *Tăng phòng bất cử ngoại cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, ở trong tăng phòng, tự mình hoặc bảo người trải ngoại cụ của tăng để nằm hay ngồi, khi đi, không tự mình hay bảo người dọn cất. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tăng phòng: Nghĩa là trụ xứ mà Chúng tăng được tùy ý đi, đứng, nằm, ngồi.

Ngoạ cụ...: Như trên đã giải thích. Nếu trải giường, mền, nệm gối của Chúng tăng, ít nhất là nệm nằm, khi đi phải nên dọn cất. Hoặc phải dặn dò giao phó rằng: Cất cẩn thận đừng dẫm, nếu không có người thì phải tùy nghi phương tiện lo liệu mà đi, không được để hư hoại đồ vật của Chúng tăng.

**Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu không làm các phương tiện như trên mà bỏ đi, đến khi ra khỏi cương giới phạm tội đoạ. Một chân còn trong cương giới cho đến hện mà không đi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

** Trường hợp không phạm:* Sau khi làm xong các phương tiện như trên rồi đi, hoặc có các nhơn duyên tai nạn như trên đã nói.

Luật Thiện Kiến dạy: Dem ngoạ cụ của Chúng tăng trải trong phòng, nếu không có hàng rào ngăn che, bỏ đi cách xa chừng ném một hòn đá thì phạm Á c tác.

Cách xa chừng hai lần đường ném một hòn đá, thì phạm tội đọa.

Luật Tăng Kỳ dạy rằng: Nếu khi muốn đi phải quét đất trong phòng xá cho sạch, mền gối phải phơi cho khô, nói với người trông coi về giường nệm cho họ biết. Nếu ngủ lại trong nhà thế tục khi muốn đi phải nói cho họ biết. Nếu trải chiếu cỏ khi đi nên hỏi: Chiếu cỏ này để ở đâu? Theo lời người chủ nói mà để. Nếu như người chủ nói rằng: Xin cứ đi, tôi tự lo liệu, thì nên cuốn lại để trong một góc rồi đi.

ĐIỀU 16: *Ý tôn xúc nã.*

Tỳ-kheo-ni nào, đã biết đó là chỗ ngủ của Tỳ-kheo-ni khác, mình đến sau cố chen vào giữa trải ngọa cụ để ngủ nghỉ với ý nghĩ rằng: "Vị ấy nếu hiềm chật sẽ tự tránh đi chỗ khác" hành động với mục đích như vậy, chứ không gì khác, không phải oai nghi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý

thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tri: Hoặc tự mình biết rõ, hoặc người khác nói cho biết, rõ ràng không phải là không biết.

Tỳ-kheo-ni tiên trú xứ: Tỳ-kheo-ni kia trước đã ngủ nghỉ trong chỗ ấy rồi.

Hậu lai: Đến sau ý thể mạnh, trên ngọn cựa của người kia ngang nhiên buông thân nằm ngò.

Trung gian phu ngựa cựa: Muốn gây xúc não ở trong phòng kia trái ngọn cựa bằng cỏ, lá...

Niệm ngôn: Sanh tâm bất thiện, muốn khiến cho người kia tự tránh đi.

Bỉ nhược hiềm trách...: Người kia bị chạt chội khổ sở, bức bách không vui, tự họ sẽ lìa ta mà đi.

Tác như thị nhơn duyên phi dư: Làm những việc ý mạnh bất thiện như trên khiến cho người kia phải tự tránh, không phải duyên có gì khác.

Phi oai nghi: Không phải việc Tỳ-kheo-ni nên làm cho nên mắc tội.

**Trong giới này đợc quy định là phạm:* Hông dđnh xuống giường tùy theo từng lần trăn trở đều phạm Ba-dật-đề. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm*: Trước kia không biết, hoặc nói rồi mới nằm. Hoặc chỗ rộng rãi không có chướng ngại gì nhau. Hoặc bị bệnh té ngã xuống hoặc bị giam cầm... các tai nạn.

ĐIỀU 17: *Ý cường khiên xuất*.

Tỳ-kheo-ni nào, đối với Tỳ-kheo-ni khác, do giận hờn bất mãn ở trong phòng xá của Tăng mà tự mình lôi ra, hoặc khiến người khác lôi ra. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Khiên xuất: Hoặc lấy tay kéo ra, hoặc đuổi khiến họ tự ra. Còn bao nhiêu như trên đã nói.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu kéo nhiều người ra nhiều cửa phạm tội đọa. Nếu kéo nhiều người ra một cửa phạm nhiều tội đọa. Nếu kéo

một người ra một cửa phạm một tội đọa, kéo ra nhiều cửa phạm nhiều tội đọa. Hoặc đem đồ vật của họ mà quăng ra ngoài cửa. Hoặc đóng cửa lại bỏ người ngoài cửa, đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trùng hợp không phạm*: Không có tâm sân giận, tùy theo thứ lớp mà đi ra. Hoặc đến đêm thứ ba khiến người chưa thọ giới Cụ túc đi ra. Hoặc những người phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị người khác cử tội, bị đuổi, và đáng bị đuổi, hoặc vì người này mà sẽ có phạm hạnh nạn, mạng nạn, những người như vậy kéo đuổi ra không phạm.

ĐIỀU 18: *Trùng cát Thượng tọa thoát cước sàng.*

Tỳ-kheo-ni nào, trên tầng gác; nằm hay ngồi trên giường dây hoặc giường gỗ mà chân sút. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp

quý thầy Tỳ- kheo dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trùng cát: Phòng trên gác hai tầng đứng không đưng đầu. Xét ở đây gác này chính là cái gác bằng gỗ mục không chắc chắn, hoặc gác bằng tre, lau, cỏ...

Thoát cước sàng: Tức là giường bằng chân lếp, giường đã sút chân, gác mỏng không bền chắc, lại không nhẹ nhàng, do đó mà sanh ra tội lỗi. Nếu giường sút chân mà gác bền chắc thì không có lỗi, gác không bền chắc, chân giường nên buộc bằng một sợi dây, hoặc ràng buộc cho chắc, hoặc dùng miếng ván mà chống làm như dây thì đều không có lỗi. Tuy gác bền chắc, giường bền chắc cũng phải nên nhẹ nhàng. Nhưng pháp của Tỳ-kheo-ni. Đi, đứng, nằm, ngồi đều phải nhiếp niệm xem xét, nếu buông lung cười giỡn liền mắc tội.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu hông dính giường, tùy theo trần trở mà mắc tội đọa. Trừ giường chân lếp ra, nếu ngồi trên giường độc tọa, hoặc giường một tấm ván, hoặc ghé tấm, đều phạm tội Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Ngồi giường chân xoay, chân thẳng, chân cong không chân hoặc giường một tấm ván lớn, hoặc trên gác có ván lót, hoặc

giường để ngựa, hoặc giường đã sút thẳng chân...

ĐIỀU 19: *Dụng trùng thủy nghiêu nê thảo.*

Tỳ-kheo-ni nào biết nước có trùng mà tự mình hay bảo người rưới lên bùn hoặc cỏ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Câu-diệm-di, lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tri: Hoặc tự mình xét biết, hoặc người khác nói cho biết.

Thủy: Nước, sông, hồ, giếng cho đến các loại nước tương giấm...

Trùng: Mắt mình có thể thấy được trong nước, hoặc lọc rồi sau đó thấy.

Nghiêu: Tươi cũng là tên khác của dùm.

Dụng: Có bên ngoài và bên trong.

Bên trong: Thuộc về ăn uống. Bên ngoài: Tươi

xối, rửa ráy, giặt nhuộm, tắm gội các thứ. Trong giới này chỉ nói về dùng bên ngoài cho nên đức Phật chế. Còn dùng bên trong như trong giới cấm sau.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Biết nước có trùng mà đem tưới lên bùn hoặc cỏ. Hoặc đem cỏ đất mà quăng vào trong ấy, đều phạm tội đọa. Nước có trùng mà mình cũng biết là nước có trùng, phạm tội đọa. Nghi là nước có trùng và không có trùng. Tưởng có trùng và nghi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Không biết có trùng, có ý tưởng là không có trùng, hoặc có trùng lớn lấy tay khoát nước khiến trùng tránh đi, hoặc lọc nước rưới đất...

Nếu chuẩn theo luật Ngũ Phần và Nhứt Thế Hữu Bộ: nếu nghi có trùng cũng phạm bốn tội, so sánh với bộ này thì không giống nhau. Các giới khác về nghi tội, so sánh đây nên biết. Luật Thập Tụng dạy: Tùy theo mỗi một con trùng chết là phạm một tội đọa.

Luật Căn Bản dạy: Nước sông hồ có nhiều loài trùng cá, Tỳ-kheo-ni có tâm sát hại xoi bỏ nước ao hồ, tùy theo số mạng sống của loài trùng bị dứt mà phạm tội đọa, trùng không chết phạm Á c tác. Nếu ngăn nơi chỗ nước này khiến dứt dòng, các loài côn trùng ở

dưới bị chết phạm tội giống như trước.

Luật Nhiếp dạy: Dầu nước không có trùng, Hắt đổ mạnh phạm Á c tác. Phải nên đổ nhẹ, hoặc phải đến bên bờ hồ ngang chừng một cánh tay mà nghiêng đổ. Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu Tỳ-kheo-ni làm việc xây dựng phòng xá, nhà tắm, khi cần dùng nước nếu lấy nước hồ, sông, giếng, lọc chứa cho đầy đồ dùng, xem xét kỹ không có trùng vậy sau mới dùng, nếu vật có trùng nên dùng đũa dầy lọc lại, xem xét kỹ lại, nếu vẫn có trùng, thì nên huỷ bỏ việc xây cất ấy đi, tìm đến chỗ khác, trùng sanh không thường, hoặc trước không nay có, hoặc nay có sau không. Vì thế Tỳ-kheo-ni ngày ngày phải xem xét kỹ, không có trùng mới được dùng.

Luật Bà-sa dạy: Muốn làm một trụ xứ, trước hết phải nên xem xét nước, làm một đũa lọc một lớp bằng lụa, mịn tốt, khiến một vị Tỳ-kheo-ni trì giới xem xét thật kỹ, lọc nước xong chứa trong đồ đựng nước đợi khi có mặt trời soi đến xem xét cho kỹ nếu vẫn có trùng thì nên làm đũa lọc nước ba lớp, đũa ba lớp mà vẫn có trùng, không nên ở trụ xứ này. Phạm sát sanh có ba thứ: 1. Có người vì tham lông, sừng, da thịt mà giết. 2. Có người oán giận thù hằn mà giết. 3. Có người không tham lợi và không oán giận thù hằn mà

giết gọi là ngu si sát. Nơi đây gọi người dùng nước có trùng là ngu si sát.

ĐIỀU 20: *Đại phòng quá phú.*

Tỳ-kheo-ni nào làm phòng xá lớn, cánh cửa, khung cửa sổ, và các thứ trang sức khác, chỉ bảo người lợp tranh ngang chùng hai, ba lớp nếu quá. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tác: Tự mình làm hay bảo người khác làm.

Đại phòng xá: Quá lượng và dùng quá nhiều đồ.

Hộ phi: Cánh cửa.

Song dữ: Chừa khoảng trống nơi tường để thông ánh sáng.

Du trang sức cụ: Các đồ trang sức: Chạm, trổ, khắc, vẽ. Theo nước Ấn Độ, khi làm nhà cửa chùa

chiền, nhà ván bằng dầu, tường trét tro đất đá, lợp bằng ngói gạch, hoặc lợp bằng tranh bằng cỏ, và dùng ván gỗ, cửa sổ, vách tường, vẽ, khắc, chạm, bao nhiêu sự chế tạo lạ lùng, trang sức không phải một.

Chỉ thợ: Dạy bảo chỉ bày.

Phú triêm: Lợp nhà, lợp có hai thứ: lợp ngang, lợp dọc.

Tề nhị tam tiết: Ngang chừng hai, ba lớp.

Nhược quá: Vượt quá chừng hạng cho nên phạm tội.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu chỉ bảo che lợp hai lớp, lợp xong rồi, đến lớp thứ ba chưa xong, phải nên bỏ đi đến chỗ không thấy, không nghe. Nếu không đi lợp hết lớp thứ ba xong, phạm tội đoạ. Nếu đến chỗ không nghe nhưng thấy, hoặc đến chỗ không thấy nhưng nghe, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia mắc tội như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Lợp đến lớp thứ ba chưa xong, đi đến chỗ không thấy, không nghe. Nếu bị các nạn sự ngăn trở, không đi không phạm. Xét trong Bốn bộ và luật Thập Tụng: Lợp đến lớp thứ ba chưa xong bỏ đi không phạm. Các bộ khác thì nói đến lớp thứ tư mới thành tội. Luật Căn Bản dạy rằng: Nếu khi khởi công xây tường, bùn ướt, bắt đầu dọn dẹp đất rồi

đắp nền, xây dựng tường vách, nên trải hai ba lớp gạch quá số này phạm tội đọa. Nếu dùng gạch chín hoặc đá gỗ, hoặc người thí chủ muốn cho mau thành, tuy quá số lượng đều không phạm.

Nhơn đây nói rõ phương pháp làm phòng xá. Lúc bấy giờ bà Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo nghĩ rằng: Đức Thế tôn dạy Tỳ-kheo-ni không được ở nơi chốn A-lan-nhã, nhưng trụ xứ của Tỳ-kheo-ni trong vườn nhà vua rất kiên cố, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật, đức Phật dạy: Trừ trụ xứ của Tỳ-kheo-ni trong vườn nhà vua, còn ngoài ra các chỗ A-lan-nhã khác không nên ở. Từ đây về sau cho phép Tỳ-kheo-ni được làm phòng xá, ngọa cụ thô xấu trong vườn nhà vua mà ở, hoặc phòng riêng, nhà nóc nhọn, phòng nhỏ, nhà đá, hai phòng một cửa, các nhà như vậy được ở. Nếu người đàn-việt vì Tỳ-kheo-ni mà làm giảng đường, lầu các lớn và các loại phòng, cho làm. Tỳ-kheo-ni muốn làm phòng, tất cả các thứ đồ cần dùng đều cho sắm. Được sắm giường nệm, gối, hoặc gối vuông, gối tròn, gối ba cạnh, cho làm cửa: Chốt cửa, cánh cửa, ống khoá. Cho làm cửa gió, cánh cửa gió, chấn song, khung cửa. Nơi khung cửa để then ngang. Có Sa-di-ni nhỏ tuổi cho ở trong phòng nhưng có ngăn cách. Cho làm giường lớn, giường nhỏ, giường một

người ngồi. Cần ván cho ván, cần chiếu trải đất, cho chiếu trải đất. Cho làm nhà bố-tát. Khi Bố-tát đông người nên làm ghé dài, ván dài, toà bằng cỏ, chiếu trải đất bằng cỏ, hoặc toà bằng lá, cho làm nhà dài để đi kinh hành. Nếu già bệnh ốm yếu cho lấy dây buộc hai đầu, lần theo dây mà đi. Nếu cầm dây bị trầy tay cho làm cái ống, hoặc ống tre, xâu dây vào cầm ống mà đi kinh hành. Đi kinh hành mà mệt nhọc cho để hai đầu hai cái ghé. Nên làm một chỗ riêng để rửa chân. Trong chùa cho làm hồ bên trên có mái che, bốn bên làm lan can. Cho làm riêng một cái nhà để nước. Tỳ-kheo-ni bị bệnh không được ở trên gác và trong các phòng lớn, cho làm riêng một phòng nhỏ để đồ tiểu tiện và khắc nhỏ. Nếu trâu dê vào chùa cho đào mương để ngăn. Lấy cây ván làm cầu, hai bên cầu phải đặt lan can. Cho làm ngòi rạch để thông nước, hoặc đào giếng cho làm thành giếng, bên trên phải làm nhà che lại, cho phép ở một bên nhà ấy nơi chỗ vắng làm nhà tắm, nên đặt một cánh cửa. Bên trên mở cửa sổ. Nên thông một lỗ cho khói ra. Cho làm ghé tắm. Lấy gạch đá mà lót trên đất. Nên làm riêng một cái nhà để y, nhà để củi. Vào nhà tắm nên tùy theo thứ lớp mà ngồi. Không nên tắm chung với người bạch y. Nếu người khen ngợi Tam bảo thì cho tắm. Cho ngăn che bốn phía lại mà tắm, hoặc ngăn bằng tường vách, cây cối, ngăn bằng

cỏ, ngăn bằng nước. Khi tắm sợ lạnh nên làm riêng một nhà để đốt lửa, để lò lửa ở trong đó. Không nên suốt đời chỉ lo một việc kinh dinh nhà cửa. Nếu làm nhà lâu tốt cao hơn, cho phép trong vòng 12 năm kinh dinh, 6 năm phải lợp cho xong, còn bao nhiêu tùy theo lượng lớn nhỏ nên làm. Vị Tỳ-kheo-ni dinh sự không nên sử dụng phòng dinh sự tất cả các thời gian. Sau khi ba tháng hạ xong tùy theo vị Thượng tọa phân chia. Không nên chỗ nào cũng lấy làm phòng dinh sự. Trong 90 ngày lấy một chỗ riêng mà ở. Vị dinh sự không nên ở nơi chỗ chúng đông. Không nên vì một chút đỉnh kinh dinh liền đòi phòng dinh sự. Khi hạ An cư đã nhận phòng xong rồi, không nên đi ở phòng khác. Tức là phòng mình đang ở làm phòng An cư. Nếu phòng của Chúng tăng cũ bị hư hoại, có người cư sĩ khác nói rằng: nếu cho phép, tôi sẽ vì Chúng tăng xin tu sửa lại. Ni tăng nên bạch nhị Yết-ma mà cho. Vị Tỳ-kheo-ni dinh sự có việc cần đi khi Chúng tăng chưa phân phòng, trước khi đi nên dặn người lấy phòng, nên chỉ thị lấy phòng nào. Không nên cất chứa đồ của người bạch y như cày, bừa, cào. Không nên làm ghé bằng sành, hộc, thặng, đấu bằng sành.

Luật Ngũ Phần dạy: Không nên cất chứa ruộng, nhà, quán tiệm. Nếu có người cúng thì cho trong

chúng nhận, khiến người bạch y trông coi.

ĐIỀU 21: *Quá thọ nhứt thực thí*

Tỳ-kheo-ni nào, tại chỗ người ta cúng một bữa ăn nếu không bệnh mà thọ quá một bữa. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở nước Xá-vệ. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thí: Cung cấp những sự cần dùng.

Nhứt thực xứ: Chỗ nào mà vốn chỉ cung cấp ngũ lại một đêm và cúng một bữa ăn, chữ Thực ở đây chính là thời thực.

Vô bệnh: Bốn đại điều hoà, không có các bệnh khổ. Nếu thân có bệnh không thể đi đứng được, nếu rời chỗ này thì bệnh có thể tăng lên nguy kịch, không được an ổn, đó chính là bệnh vậy.

Ứng nhứt thực: Chỉ nên thọ đúng một bữa ăn do người kia cúng dường. *Nhược quá thọ:* Thọ đến bữa

ăn thứ hai, tức phạm tội.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu không có bệnh tại chỗ người ta cúng ở lại một đêm, và một bữa ăn mà thọ quá một bữa, mỗi một miếng nuốt phạm một tội đoạ. Lại thọ các thứ khác như áo lót mình, y, đèn, dầu... đều phạm Á c tác.

**Trường hợp không phạm:* Nếu người cư sĩ thỉnh lưu lại, hoặc người đàn-việt theo thứ lớp thỉnh dùng cơm. Ngày nay thọ thức ăn của người này, ngày mai thọ thức ăn của người kia, hoặc vì các nạn sự ngăn trở. Luận Tát-bà-đa dạy: nếu ngủ quá một đêm mà không ăn phạm Á c tác. Nếu ngủ chỗ khác mà trở lại ăn chỗ này phạm tội đoạ. Người bệnh: Cho đến từ cách một tụ lạc đi đến thân bị thương, cho đến bị tre cào đều gọi là bệnh.

ĐIỀU 22: *Biệt chúng thọ thực.*

Tỳ-kheo-ni nào, nhóm riêng mà ăn, trừ trường hợp đặc biệt. Ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là: Bệnh, may y, cúng y, đi đường, đi thuyền, dự đại hội, Sa môn thí thực, đây là những trường hợp được ăn riêng chúng.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại núi Linh-thứ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Biệt chúng thực: Bốn vị Tỳ-kheo-ni trở lên, họp riêng một chỗ để ăn.

Thực: Chánh thực cơm, bột, bánh...

Bệnh: Ít nhất là bị nứt gót chân.

Tác y thời: Sau khi tự tứ xong một tháng, năm tháng cho đến may một đường trên y.

Thí y thời: Không thọ công đức y thì 1 tháng, có thọ công đức y được 5 tháng, hoặc trường hợp đặc biệt: Người ta cúng dường thức ăn và y.

Đạo hành: Hoặc đi hoặc về ít nhất trong nửa do tuần, đi thuyền cũng như vậy.

Dại chúng tập: Chúng gồm nhiều vị Tỳ-kheo-ni nhóm họp món ăn ít nhất đủ cho bốn người, dư ra một người thì thiếu. Đây nghĩa người nhiều mà thức ăn không đủ. Cho nên phải tùy theo người đàn-việt phân chia ra thỉnh để ăn riêng. Luận Tát-bà-đa dạy: Hoặc vì pháp sự, hoặc vì các duyên sự khác, Chúng tăng nhóm

họp ít nhất cữu Tỳ-kheo-ni bốn vị, khách Tỳ-kheo-ni bốn vị thì gọi là đại chúng. Tuy chúng nhóm họp, thức ăn dễ có, không được ăn riêng chúng.

Sa-môn thí thực. Sa-môn: Hán dịch: Cẩn lao, cũng gọi là cẩn hành. Trong giới này đề cập đến Sa-môn không phải chỉ cho Sa-môn Thích tử. Nguyên bên Ấn Độ có 96 thứ xuất gia ngoại đạo, đều gọi là Sa-môn, Vì những người kia họ cũng phải lao nhọc thân mình để cầu đạo. Nếu những người ngoại đạo này thiết lễ cúng dường, hoặc họ xuất gia trong những ngoại đạo kia thỉnh cúng dường thức ăn, đều gọi là Sa-môn thí thực.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni không có nhơn duyên gì mà ăn riêng chúng tức phải đứng dậy mà bạch rằng: Tôi không có nhơn duyên gì ở trong này ăn riêng chúng tôi muốn đi ra ngoài, cho đi ra. Nếu hai người, ba người tùy ý ăn. Nếu bốn người hoặc quá bốn người nên chia ra làm hai thay nhau vào ăn. Nếu Tỳ-kheo-ni có nhơn duyên ăn riêng chúng, muốn vào, liền phải đứng dậy tác bạch riêng: Tôi có nhơn duyên ăn riêng chúng xin được vào, cho tùy theo vị Thượng tọa thứ lớp mà vào. Nếu người không có nhơn duyên gì ăn riêng chúng mỗi miếng nuốt phạm một tội đọa. Nếu có nhơn duyên không nói

thì phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy.
Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Không đủ bốn người, hoặc bốn người thay nhau mà ăn.

Luận Tát-bà-đa dạy rằng: Vào thời Chúng tăng ăn, nên làm 4 thứ dấu hiệu:

1. Là đánh bảng.

2. Là thổi ốc.

3. Là đánh trống.

4. Là xướng hiệu lệnh cho người trong cương giới đều nghe biết.

Bốn thứ dấu hiệu này tùy theo ấn định mà làm 1 thứ, không được lộn xộn, không thành Tăng pháp. Nếu không làm dấu hiệu mà ăn thức ăn của thường trú, tức là ăn không thanh tịnh, gọi là ăn trộm thức ăn của Tăng kỳ. Không gọi là ăn riêng chúng. Nếu làm dấu hiệu để ăn, dấu cho trong cương giới, có Tỳ-kheo-ni hay không có Tỳ-kheo-ni, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc biết có Tỳ-kheo-ni, không có Tỳ-kheo-ni, hoặc đến không đến, chỉ không có người bị ngăn cản, đều không có tội. Nếu có người bị ngăn cản, dù cho có đánh bảng, ăn không thanh tịnh, gọi là ăn trộm của Tăng kỳ. Phạm ăn riêng chúng, đều là ăn thức ăn của người đàn-việt. Nếu là thức ăn của thường trú, đều

không có tội biệt chúng, chỉ có những người ăn thức ăn của thường trú không như pháp, thì ăn mới không thanh tịnh, phần nhiều đều mắc tội ăn trộm của thường trú. Nếu người đàn-việt thỉnh 4 người trở lên ở trong nhà của họ để cúng dường thức ăn, tuy đánh bả, nếu người đàn-việt ngăn cản, biết có vị Tỳ-kheo-ni không được vào ăn tất cả đều phạm tội đọa. Trong kinh Giới Nhơn Duyên dạy: Mẹ của Tỳ-xá-khur thỉnh riêng Phật và 500 vị A-la-hán thọ thực. Đức Phật biết mà cố ý hỏi ngài A-nan rằng: Ở trong chúng này có ai xướng lên đề cử một vị Tỳ-kheo-ni đi ăn không? Bạch: Dạ không. Đức Phật dạy: Thương thay cho Tỳ-xá-khur này không được phước gì cả. Tại sao không cúng dường thức ăn cho một vị Tỳ-kheo tăng sai. Cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo tăng sai được phước rất lớn, được quả báo rất lớn. Nếu trong chúng Tỳ-kheo không có một người xướng lên mà riêng đi hội thì phạm tội đọa.

LƯỢC GIẢI:

Xét ý của kinh luật, nếu có người đàn-việt muốn thỉnh riêng các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, đại đức, tri thức thì phải nên dạy cho họ thỉnh hết tất cả Chúng

tăng. Nếu không thể thỉnh tất cả chúng được thì ít nhất phải thỉnh một vị trong chúng theo thứ lớp tăng sai thọ thỉnh tức là không có lỗi biệt chúng.

ĐIỀU 23: *Quá tam bát thọ thỉnh.*

Nếu Tỳ-kheo-ni nào đến nhà đàn-việt, được người ta ân cần mời ăn bánh bột gạo, muốn ăn thì nên nhận 2, 3 bát đem về chùa chia cho các Tỳ-kheo-ni khác cùng ăn. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà thọ quá 3 bát, đem về chùa lại không chia cho các Tỳ-kheo-ni khác ăn. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này, nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni

Chí: Đến nhà kia.

Đàn-việt gia: Nam nữ tại gia cung kính cúng dường ngôi Tam bảo, ý muốn vượt qua biển khổ bản cùng cho nên gọi là nhà đàn-việt.

Ân cần thỉnh: Thành tâm cố thỉnh.

Dự: Giúp cho.

Bính: Bánh làm bằng gạo nếp.

Sao: Lấy lúa nếp gạo... xay mà làm thành bột, có 2 thứ. 1. Bột rời. 2. Dùng đường mật vắt lại cho dính nhau.

Thực: Lúa, bắp, nếp các thức ăn.

Dục tu: Ý muốn có được.

Nhị tam bát ưng thọ: Đó là hạng lượng, bát có thứ lớn nhỏ như trên đã lược giải.

Trì chí tỳ nội: Đem về trụ xứ.

Phân dự Tỳ-kheo-ni thực: Cùng các vị phạm hạnh chia đều ra mà ăn cũng gọi là lợi hòa đồng quân ấy vậy.

Vô bệnh: Như giới trước đã lược giải.

Qúa: Thọ quá ngoài hạng lượng liền phạm tội.

**Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni đến nhà đàn-việt, họ ân cần mời ăn, nên hỏi thí chủ, nếu họ nói rằng: Đây là lương thực của cô gái trở về nhà chồng, lương thực của người sắp lên đường đi buôn, thì nên ăn xong đi về đến chùa bảo với các Tỳ-kheo-ni khác rằng: Trong nhà kia có thực phẩm của cô gái trở về nhà chồng, có lương thực của người

đi buôn để đi xa, nếu muốn ăn thì ăn xong nên về, nếu muốn đem thức ăn về, thì nên đem 2, 3 bát. Nếu chính mình có đem về 1 bát cùng chia nhau ăn. Nên nói với các Tỳ-kheo-ni khác rằng: Nếu đến nhà người kia thì nên ở đây mà ăn. Nếu muốn đem về thì nên lấy 2 bát. Nếu mình đã đem về 2 bát cùng phân chia nhau ăn rồi thì nên bảo các Tỳ-kheo-ni khác đến đó chỉ nên ăn, nếu muốn đem về thì chỉ nên đem thêm 1 bát. Nếu mình đã đem về 3 bát cùng phân chia nhau ăn rồi, thì nên bảo các Tỳ-kheo-ni khác rằng: Nếu đến nhà kia thì nên ở đó mà ăn, cẩn thận không nên đem về bát nào, tôi đã đem đủ 3 bát về. Nếu không có bệnh mà thọ quá 2, 3 bát nơi nhà kia ra khỏi cửa phạm tội đọa. Nếu đã bước một chân ra khỏi cửa. Phương tiện muốn đi mà đứng lại đều phạm Á c tác. Nếu không hỏi thức ăn của người vợ về nhà chồng, lương thực đi đường của người đi buôn, mà nhận để ăn, hoặc đem về chùa không phân chia cho các Tỳ-kheo-ni khác cùng ăn, hoặc không nói cho các Tỳ-kheo-ni khác biết, đều phạm tội Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Không vi phạm các điều Phật chế ở trên, hoặc người kia đem đến trong chùa Ni để cúng dường thì được thọ.

ĐIỀU 24: *Phi thời đạ̄m thực.*

Tỳ-kheo-ni nào, nhai ă̄n phi thời. Ba-dậ̄t-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở trong núi Linh-thứu. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tặ̄ng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thời: Từ khi ánh ban mai xuất hiện cho đến giữa ngày.

Phi thời: Từ giữa ngày cho đến khi ánh ban mai chưa xuất hiện, đây không phải thời gian ă̄n của Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni trước giữa ngày phải đi khát thực. Sau giữa ngày thanh tịnh chấp tay tọa thiền, tụng kinh, tu các chánh nghiệp. Nếu ă̄n vô độ, tức không phải là đệ tử Phật. Lại đức Phật chế giới để đoạn trừ nhơn thọ sanh trong sáu đường, nên khiến ă̄n như chư Phật trong ba đời đều ă̄n. Nghĩa là sáng sớm là giờ ă̄n của chư thiên, giữa ngày là giờ ă̄n của chư Phật, mặt trời nghiêng về tây là giờ ă̄n của súc sanh, tối là giờ ă̄n của quỷ thần. Tỳ-kheo-ni học Phật phải ă̄n đúng giờ ngày.

Vì sao đức Phật ăn đúng giờ ngày? Như Luận Bà-sa nói: Bốn tánh của đức Thế tôn vốn đã liả hẳn sự ăn phi thời, đức Như lai từ khi đản sanh trong cung vua cho đến khi nhập Niết-bàn, trong suốt thời gian đó chưa từng ăn phi thời bao giờ. Vì tánh của chư Phật là thường ở trong trung đạo, không đả nhị biên, cho nên liả hẳn sự ăn phi thời để tiêu biểu cho lý trung đạo, cho nên chế ra phải ăn giữa ngày. Mà trước giữa ngày được ăn để tiêu biểu cho tiền phương tiện cũng có thể chứng ngộ. Cũng khiến cho tâm tâm được lợi ích hiện tại. Sau giữa ngày không ăn, thì ít ngủ mê. Không ăn đêm thì ít bệnh hoạn. Thân thể nhẹ nhàng an ổn. Tâm dễ được định. Có những ý nghĩa như vậy cho nên khiến phải ăn giữa ngày. Thực có 2 loại: Chánh thực và phi chánh thực, các thứ: cơm, bột, cơm khô, bánh, củ, lá, hoa, trái...

* Trong giới này được quy định là phạm: Phi thời mà nhận món ăn, cứ ăn mỗi một miếng nuốt, phạm một tội đoạ. Nếu phi thời được mà uống quá nhiều cũng là phi thời. Thất nhựt được mà dùng quá hạn thất nhựt được đều phạm tội đoạ. Tận hình thọ được nếu không có nhơn duyên gì mà đem dùng thì phạm Ác tác. Phi thời mà mình cũng biết là phi thời

thì phạm tội đọa. Phi thời mà tưởng là đúng thời và nghi. Và đúng thời mà mình tưởng là phi thời hoặc nghi đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu ăn đường phèn, có bệnh uống thuốc xổ, cho nấu gạo khiến cho không được vỡ vỏ ra, lọc lấy nước trong mà uống hoặc trong vỏ ọc ra rồi nuốt lại.

ĐIỀU 25: *Thực tàng túc thực*.

Tỳ-kheo-ni nào, ăn đồ ăn để cách đêm. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tàng túc thực: Thức ăn ngày nay tự tay nhận được, để đến ngày mai, tự mình lấy ăn đó gọi là tàng túc, cũng gọi là xúc thực. Thức ăn này đối với tất cả

Sa-môn Thích-tử đã thọ đại giới, đều là thức ăn không thanh tịnh.

Thực: Chánh thực và phi chánh thực.

Đạm: Nhai nuốt vậy.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Cát chứa thức ăn cách đêm mà ăn mỗi miếng nuốt phạm một tội đoạ. Không được cố ý để thức ăn cách đêm vào thức ăn tịnh thực khiến thành không thanh tịnh. Làm dơ thì phạm Á c tác, không làm dơ thì không phạm. Không được cùng ngủ chung và nấu thức ăn mà ăn trong cương giới, phải kết tịnh trù trong một căn phòng ở nơi vắng lặng. Món ăn cách đêm mà mình cũng biết là món ăn cách đêm, phạm tội đoạ. Món ăn cách đêm mà mình tưởng không phải món ăn cách đêm và nghi. Và không phải món ăn cách đêm mà mình tưởng món ăn cách đêm và nghi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nhận thức ăn dư cách đêm đem cho cha mẹ, hoặc trao đồ ăn ấy cho người làm tháp, làm phòng, sau từ nơi họ xin lại mà ăn. Thức ăn cách đêm của Tỳ-kheo-ni đem cúng cho Tỳ-kheo tăng thành thanh tịnh. Thức ăn cách đêm của Tỳ-kheo tăng đem cho Tỳ-kheo-ni thành thanh tịnh.

ĐIỀU 26: *Bất thọ thực thực.*

Tỳ-kheo-ni nào, không thọ thức ăn, hoặc thuốc mà bỏ vào miệng, trừ nước và tắm. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bất thọ thực: Không nhận: Không từ nơi những người trong 5 chúng xuất gia và nam nữ tại gia mà nhận được. Nhận có 5 cách:

1. Người ta tự tay trao, mình tự tay nhận.
2. Người trao tay mình cầm bát mà nhận.
3. Người cầm đồ vật trao, mình cầm đồ vật để nhận.
4. Người cầm đồ vật trao, mình đưa tay để nhận.
5. Người cho từ xa ném vào tay người nhận. Người cho và người nhận đều biết trung gian không có gì cách ngại rơi vào tay người nhận.

Lạ có 5 thể thức nhận:

1. Tự thân người trao tự thân mình nhận.
2. Người trao bằng y mình lấy y để nhận.
3. Người trao go cánh tay lại để trao, mình go cánh tay lại để nhận.
4. Người trao bằng khí mãnh, mình cũng nhận bằng khí mãnh.

5. Người trao có nhân duyên phải để xuống đất mà cho, ví như có người đem thức ăn đến, bỗng có tai nạn xảy ra không kịp trao cho, để giữa đất mà đi. Vì nhân duyên này nên vì họ mà thọ món ăn. Lại có quốc độ rất ghét người khát thực thì nên làm một cái đàn nhỏ đặt bát vào trong đó, rồi ở xa chỉ cho người ta trao thức ăn vào trong bát, liền thành thọ thực.

Thực: Chánh thực và phi chánh thực.

Dược trước khẩu trung: Phi thời dược, thất nhựt dược, tận thọ dược, cho đến thuốc viên thuốc bột cần phải nhận từ nơi một người khác, không được tự tay mình lấy mà nhai nuốt.

Thủy: Tất cả các thứ nước sông hồ, suối, giếng trong sạch. Nếu nước muối mặn cũng phải nhận từ nơi một người khác.

Dương chi: Nhánh cây dương liễu và nhánh

những thứ cây không có chất độc, đều có thể dùng làm
tăm xỉa răng, cho làm dài nhưt bằng một gang tay,
ngắn là bốn ngón tay, có chỗ nói dài 1 thước 2 tấc,
ngắn: 6 tấc, lớn: như ngón tay út, nhỏ như chiếc đũa.
Nhẹ nhàng chà sát trong răng dùng nước mà súc, súc 3
lần cho sạch rồi nhổ đi đừng nuốt.

Không xỉa răng có 5 lỗi:

1. Hơi trong miệng hôi.
2. Không phân biệt được mùi vị.
3. Tăng thêm bệnh nóng.
4. Ăn không tiêu.
5. Mắt không sáng.

Xỉa răng có 5 điều lợi ích trái lại với trên vậy.
Nếu lưỡi có đóng nhiều chất dơ, cho làm một cái dao
nạo lưỡi, cho làm một cái ngoáy tai có thể dùng xương,
ngà, sừng, đồng, thiết, chì, tre lau, cỏ cây để làm.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Thức
ăn không nhận được mà tự mình lấy bỏ vào trong
miệng mỗi một miếng nuốt phạm một tội đọa. Không
nhận mà mình cũng biết là không nhận phạm tội đọa
Không nhận mà nghi. Nhận mà tưởng là không nhận
và nghi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm cũng
giống như trên.

* *Trường hợp không phạm*: Tỳ-kheo-ni được trao thức ăn cho quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy Tỳ-kheo được trao thức ăn cho Tỳ-kheo-ni.

ĐIỀU 27: *Thọ thỉnh bất chúc.*

Tỳ-kheo-ni nào, đã nhận lời mời, nhưng trước hay sau bữa ăn đi đến nhà khác, mà không dặn các Tỳ-kheo-ni khác biết, trừ trường hợp đặc biệt. Ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là khi bệnh, thời gian làm y, thời gian thí y, đây là những trường hợp đặc biệt.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thỉnh: Nhà thí chủ thỉnh.

Tiền thực: Khi ánh ban mai xuất hiện cho đến bữa ăn.

Hậu thực: Từ bữa ăn cho đến chính giữa ngày.

Nghệ: Đến.

Dư gia: Không phải cái nhà trước đã mời thỉnh cúng dường thức ăn.

Bất chúc thọ dư Tỳ-kheo-ni: Không bạch với các Tỳ-kheo-ni khác cùng ở trong một cương giới, ngoài ra như trên đã nói:

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Nếu trước hay sau bữa ăn, đi đến nhà khác, mà không dẫn dò, phạm tội đọa. Nếu một chân trong cửa, một chân ngoài cửa. Phương tiện muốn đi, mà không đi đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Trừ trường hợp đặc biệt, hoặc nhiều nhà thỉnh, hoặc bị thế lực giữ lại, hoặc mạng nạn phạm hạnh nạn. Luật Nhiếp dạy: Nếu nói với nhà thí chủ rằng: Dầu tôi không đến cũng phải cúng dường Chúng tăng đừng để thiếu sót. Nếu thí chủ không coi vị này là bậc tiên thủ trong chúng, thì không đi cũng không phạm.

ĐIỀU 28: *Thực gia cưỡng toạ.*

Tỳ-kheo-ni nào, tại gia đình đang thọ thực, có vật báu, mà cố nán ngồi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ đức Phật cư trú giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thực: Nam lấy nữ là thực, nữ lấy nam là thực, vì rằng khi nam nữ giao hội, chúng thọ dụng nhau, cho nên gọi là thực.

Gia: Nhà của bạch y.

Bảo: Thất bảo xét trong ý này, cũng lấy tâm thọ dụng lạc của hai người nam nữ mà gọi là bảo.

Cưỡng an toạ: Người kia không đồng ý, mà tự mình muốn ngồi lại, cho nên gọi là cưỡng. Buông thân xuống ghé gọi là an toạ, nghĩa là Tỳ-kheo-ni biết kẻ nam nữ kia khi có dục ý muốn giao hội mà cố ý gượng ngồi để cản trở việc của họ, khiến dục tâm của họ không vừa ý, đến nổi sanh tức giận.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Biết rằng tại gia đình đang thọ thực có vật báu, mà cố nán ngồi trong ấy, phạm tội đoạ. Nếu mù mà không điếc, điếc mà không mù, đứng chớ không ngồi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Không nán ngồi, hoặc bị thế lực cầm giữ lại.

ĐIỀU 29: *Thực gia bình tọa.*

Tỳ-kheo-ni nào, tại gia đình đang thọ thực có bảo vật ngồi chỗ khuất. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bình xứ: Lấy các đồ vật khác để ngăn che, giới trước là cùng với vợ chồng trưởng giả nán ngồi ở chỗ trống. Giới này chỉ riêng một mình ngồi chung với người chồng tại chỗ khuất, chỉ có một sự tương đó là khác thôi. Còn tất cả đều giống như giới trên.

ĐIỀU 30: *Dự nam tử lộ tọa.*

Tỳ-kheo-ni nào, ngồi một mình với người nam tại chỗ trống. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Độc: Một nam tử, một Tỳ-kheo-ni.

Nam tử: Biết người đó mạng căn không đoạn.

Lộ địa: Chỗ vắng không ngăn che.

Toạ: Cùng ngồi một chỗ.

* Trong giới này được quy định phạm hay không phạm đều giống như giới trước. Luận Tát-bà-đa dạy: Nếu ngồi gần trong tầm duỗi tay có thể chạm nhau phạm tội đọa. Ngồi trong một tầm rưởi phạm Á c tác. Nếu hai tầm, quá hai tầm, không phạm. Luật Nhiếp dạy: Nếu cùng ngồi tại chỗ khuất với nam phi nhơn, nam huỳnh môn hoặc người điếc, người điên và những đối tượng không thể hành dâm được đều phạm Á c tác.

LƯỢC GIẢI: Một tầm tay bằng 8 thước.

ĐIỀU 31: *Hứa thực khiến hoàn.*

Tỳ-kheo-ni nào, nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng:

Đại tử hãy cùng tôi vào tụ lạc, tôi sẽ cho Đại tử thức ăn, Tỳ-kheo-ni kia đi theo đến tụ lạc, cuối cùng không bảo cho Tỳ-kheo-ni kia thức ăn mà từ khước rằng: Đại tử hãy đi chỗ khác. Tôi với chị cùng ngồi cùng nói chuyện không vui. Tôi ưa ngồi một mình, nói một mình vui hơn. Chỉ với mục đích là tìm cách đuổi đi chứ không có gì khác. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này, nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy: rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đương dự nhữ thực: Muốn làm xúc não người kia cho nên nói lời dối gạt này.

Thực: Thời thực.

Đại tử khứ: Lời xua đuổi.

Cộng tọa cộng ngữ bất lạc...: Lại nói lời xua đuổi nữa khiến cho kia sanh buồn khổ.

Tọa: Thiên định.

Ngữ: Đọc tụng.

Dĩ thử nhơn duyên phi dư: Chính là do nhơn

duyên thù hận muốn khiến cho người kia không được ăn mà sanh phiền não, chứ không phải vì các việc lợi ích khác mà đuổi đi.

Phương tiện khiến khú: Nghĩa là mượn có cùng ngôi, cùng nói chuyện, không vui... tìm bao nhiêu cách đuổi người kia đi vậy.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu tìm cách đuổi đi đến chỗ không nghe không thấy được. Hoặc tự mình bỏ đi đến chỗ không nghe, không thấy được đều phạm tội đọa. Nếu người kia, hoặc tự mình bỏ chỗ thấy được mà đi đến chỗ có thể nghe được, bỏ chỗ nghe được mà đi đến chỗ thấy được đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy, ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu cho ăn xong rồi mới bảo đi, hoặc bị bệnh, nếu không có oai nghi, người ta thấy không vui, hoặc nói rằng: Chị cứ đi đi tôi sẽ mang thức ăn về trong chùa, nếu người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị chúng cử tội, hoặc bị đuổi, hoặc đáng bị đuổi. Nếu gặp tai nạn nguy đến tánh mạng, đến phạm hạnh nên phải phương tiện mà bảo đi chứ không phải vì giận hờn.

Luật Ngũ Phần dạy: Nếu làm việc xúc não này, bốn chúng kia phạm Á c tác. Tỳ-kheo-ni làm việc xúc

não này với hai chúng trên phạm tội đọa, ba chúng dưới phạm Á c tác.

ĐIỀU 32: *Tứ nguyệt được quá.*

Tỳ-kheo-ni được thỉnh cầu thọ nhận thuốc 4 tháng. Tỳ-kheo-ni không bệnh có thể nhận, nếu quá hạn mà nhận, trừ có sự thỉnh thường xuyên, thỉnh tiếp tục, thỉnh chia phần, thỉnh suốt đời. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Thích-thị, trong vườn Ni-câu-luật. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tứ nguyệt: Bốn tháng hạ, đây là căn cứ vào nhơn duyên mời thỉnh lúc đương thời mà kết giới. Nếu chuẩn theo lý thì phải tùy theo người thí chủ họ thỉnh hoặc mùa xuân, mùa hạ, mùa đông, hoặc thỉnh ba tháng, hai tháng sự việc không nhứt định chỉ quá kỳ hạn thì không được xin nữa.

Bệnh: Thầy thuốc bảo dùng thuốc.

Ung thọ: Đức Phật đã hứa cho.

Quá thọ: Quá hạn lượng mà còn đến yêu sách.

Thường thỉnh: Nếu người kia nói rằng: tôi xin thường cúng thuốc.

Cánh thỉnh: Đã hết thời hạn rồi sau lại thỉnh cúng dường nữa.

Phân thỉnh: Tự họ đem thuốc đến chùa phân chia cúng dường.

Tận hình thọ thỉnh: Người kia nói rằng: tôi xin cúng dường thuốc suốt đời.

Thỉnh có 4 thứ:

1. Thời gian có hạn. thuốc không có hạn.
2. Thuốc có giới hạn, thời gian có giới hạn, nên thọ 4 tháng hạ.
3. Thuốc có giới hạn, thời gian vô hạn định.
4. Thời gian không giới hạn, thuốc không giới hạn, nên tùy theo thời gian thí chủ cúng mà thọ.

Ở đây dùng chữ đêm vì ngày là gồm cả đêm, nếu phần đêm chưa qua cũng chưa quá hạn lượng.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu thọ nhận quá, mỗi miếng nuốt phạm một tội đọa. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy, ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Thọ nhận trong điều kiện ước định. Nếu bị bệnh được thọ nhận quá. Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu kỳ hạn đã hết không được đến yêu sách nữa. Nếu thí chủ nói: Thưa A-di xin nhận bữa ăn tiền thực của tôi, không được xin hậu thực. Nếu thỉnh hậu thực không được xin tiền thực. Thuốc và các vật dụng khác cũng như vậy. Nếu họ nói xin nhận ở tôi sự cúng dường trọn đời về cơm, áo, ngựa cụ, thuốc thang, như vậy thì được tùy ý xin. Luật Ngũ Phần dạy: Nếu người ta cúng dường thuốc cho Chúng tăng thì nên bạch nhị Yết-ma để sai một vị Tỳ-kheo-ni đã thành tựu 5 pháp làm người giữ gìn thuốc cho Chúng tăng. Nghĩa là vị ấy không thiên vị, không giận hờn, không bất minh, không sợ hãi, biết thứ gì là thuốc và thứ gì là không phải thuốc. Vị ấy phải nên lấy đồ dùng mới mà chứa trái a tử. Các thứ khác như cam tử, tỳ lê lặc, tất bạt, gừng khô, má, đường, đường phèn. Các thứ như sữa, dầu, mật, thì nên lấy đồ dùng không chảy mà đựng, lấy một miếng da mà bịt miệng lại rồi đề tên thuốc ở trên. Nếu khi vị Tỳ-kheo-ni có bệnh thì phải hoan hỷ mà trao cho họ. Nếu người bệnh tự biết cần dùng thuốc này nên tự mình lấy uống, nếu không biết nên hỏi thầy thuốc. Nếu không có thầy thuốc nên hỏi hai thầy: Con bị bệnh như vậy, như vậy, nên uống thuốc gì? Nếu hai thầy không biết thì nên lấy thuốc

uống thử hai ba phen không lành, lại lấy các thứ thuốc khác mà uống.

ĐIỀU 33: *Vãng quán quân trận.*

**Tỳ-kheo-ni nào, đi xem quân trận. Ba-dật-đề.
Trừ có nhân duyên hợp thời.**

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế-tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng mà dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trận: Hoặc trận giả, hoặc trận thật.

Quân: Có bốn thứ: Voi, ngựa, xe, bộ binh.

Trừ thời nhân duyên: Nếu có việc cần đến hỏi, hoặc có mời thỉnh thì cho đi đến.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Cố ý đến xem quân trận, từ đường đến đường cái, từ đường cái đến chỗ không phải đường, từ chỗ không có đường đến chỗ đường cái, từ chỗ thấp đến chỗ cao, từ chỗ cao đến chỗ thấp, đi xem mà có thấy được phạm tội đ.

Không thấy được phạm Á c tác. Muốn xem mà không đi, đi giữa đường gặp quân trận mà không tránh, đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội cũng như trên.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu bị thế lực cưỡng bức đến, hoặc có các tai nạn trở lại không tránh đường được.

Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu quân đi đến chùa không cố ý xem thì không phạm. Nếu cố ý xem thì phạm tội việt Tỳ-ni. Cho đến xem người đấu khẩu cũng phạm tội việt Tỳ-ni. Căn Bản bộ dạy: Nếu có người đánh nhau không được đứng một bên mà xem, nếu thấy người gây gỗ nhau thì nên bỏ đi gấp. Nếu thấy quân đội không được phê bình tốt xấu.

ĐIỀU 34: *Quân trung quá túc.*

Tỳ-kheo-ni nào, có nhân duyên được phép đến trong quân trại ngủ lại hai, ba đêm, nếu quá. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế-tôn vì nhân duyên này nhóm họp

quý thầy Tỳ- kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Hữu nhân duyên: Nghĩa là có vua quan hoặc bà con của quan, quân mời đến, hoặc vì việc Tam bảo cần phải đến thưa hỏi.

Quân trung: Chỗ quân đội đánh nhau.

Nhị tam túc: Giới hạn của phần đêm được ngủ lại.

Qúa: Vượt quá giới hạn, tức phạm tội.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu có việc cần vào trong quân đội ở lại chỉ được ở hai đêm, đến đêm thứ ba, khi ánh ban mai chưa xuất hiện, phải rời khỏi chỗ thấy nghe được, đến khi ánh ban mai xuất hiện mà không rời liền phạm tội đoạ. Nếu bỏ chỗ nghe được, đến chỗ thấy được. Bỏ chỗ thấy được, đến chỗ nghe được đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Có các tai nạn trở ngại.

Luật Ngũ Phần dạy: Tuy có việc mà nếu viết thư cũng được, thì nên viết thư sai người đem đi. Nếu cần đích thân đi thì mới đi, việc xong phải về liền, không được ở lại đêm. Nếu không xong hãy ở lại một đêm, một đêm không xong thì hai đêm, nếu không xong nữa thì chỉ ở lại đêm thứ ba dù xong hay không xong ở lại

quá ba đêm phạm tội đọa. Nếu việc xong không đáng ở lại mà cứ ở phạm Á c tác.

ĐIỀU 35: *Túc quân quán trận.*

Tỳ-kheo-ni nào ở trong quân trại hai, ba đêm khi ấy xem quân đội diễn tập. Hoặc xem thế lực quân bộ, quân voi, quân ngựa. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế-tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Quân: Bốn loại như trên, hoặc có quân của vua, của giặc, và của cư sĩ.

Trận: Nhiều cách bày trận, hoặc trận hình vuông, hoặc trận hình tròn, hoặc trận hình bán nguyệt, hoặc trận hình rẽ quạt, hoặc trận hình cái hòm.

Đấu chiến: Hai bên đánh nhau hoặc đấu thật hoặc đấu chơi.

Du quân: Là hành quân.

Thế lực: Sức mạnh của voi, ngựa, xe và bộ binh.

* Trong giới này được quy định là phạm hay không phạm đều giống như giới trước. Nếu coi chim, thú đá nhau phạm Á c -tác.

ĐIỀU 36: *Vi chế ẩm tửu.*

Tỳ-kheo-ni nào uống rượu. Ba-dật-đề.

LUỢC GIẢI:

Đức Phật ở nước Chi-đà. Lúc bấy giờ đức Thế-tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Ẩm: Uống, nuốt.

Tửu: Dùng men ủ trên gạo, bắp... mà thành. Hoặc có các thứ tạp rượu, dùng hoa quả, củ sen, đường, mía, mật... thêm vào một ít gạo lấy men ủ mà thành, khi uống khiến người say, cho nên gọi là rượu.

* Trong giới này được quy định là phạm: Nếu rượu nấu, rượu do hoà hiệp mà có, nếu ăn hoặc uống phạm tội đoạ. Nếu uống rượu có vị ngọt, chua, ăn men rượu, và hèm rượu đều phạm Á c tác. Rượu mà mình

cũng biết là rượu, nghi là rượu, và nghi không phải là rượu đều phạm tội đoạ. Không phải là rượu mà mình tưởng là rượu và nghi, đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu có bệnh các thứ thuốc khác chữa không lành, lấy rượu làm thuốc, hoặc rửa ghê. Luật Nhiếp dạy: Phạm chế tạo sắc rượu, hương rượu, vị rượu, hoặc thiếu một, thiếu hai trong ba thứ trên nhưng hay làm cho người say đều phạm tội đoạ. Không làm cho người say phạm Á c tác. Nếu ăn men và các loại hoa quả làm say người đều phạm Á c tác. Nếu rượu đã được nấu chín không làm say người thì không phạm. Nếu rượu đã biến thành dấm không say người, lóng thật trong soi thấy mặt, lấy nước điêm tịnh, lấy lọc lọc qua, cũng giống như nước phi thời có thể tùy ý uống. Đức Phật dạy: Nương Ta làm thầy mà xuất gia thì không nên uống rượu, không mời người uống rượu, không cất chứa rượu, cho đến không được lấy đầu ngọn cỏ nhúng vào rượu giọt vào miệng.

Luật Thiện Kiến dạy: Nếu dùng rượu để nấu đồ ăn, nấu thuốc cho nên có mùi rượu, vị rượu đều phạm Á c tác. Nếu không có mùi rượu, vị rượu thì được ăn.

Luận Tát-bà-đa dạy: Ăn men mà phạm là vì dùng men và các dược thảo, lấy rượu hòa ủ lại để khô đem

hòa với nước uống cũng làm say người. Ăn các thứ men khác không say không phạm.

ĐIỀU 37: *Thủy trung hy hý.*

Tỳ-kheo-ni nào, đùa giỡn trong nước. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế-tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thủy trung hý: Buông lung tâm ý tha hồ giỡn cười.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Bơi từ bờ bên này đến bờ bên kia, hoặc thuận dòng, nghịch dòng, hoặc lặn chỗ này trôi lên chỗ kia, hoặc lấy tay vẽ trên nước hoặc lấy nước vẩy vào nhau cho đến lấy bát đựng đầy nước mà chơi, đều phạm tội đọa. Nếu chơi giỡn trên nước sữa, nước rượu bấp đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy, ba chúng sau phạm Á c tác.

**Trường hợp không phạm:* Lội qua nước, hoặc kéo tre gỗ trong nước, hoặc lấy cát đá trong nước, hoặc mất đồ vật trong nước vào lấy, hoặc tập bơi lội.

Luật Nhiếp dạy: Nếu khi giỡn cười lấy nước tạt đến người khác tùy theo giọt nước nhiều hay ít chạm đến người kia đều phạm tội đọa.

Luật Thập Tụng dạy: Trên bàn, ghế, giường, có nước lấy tay mà vẽ đều phạm Á c tác.

Luật Thiện Kiến dạy: Nếu lay thuyền để giỡn nước đều phạm Á c tác.

Luật Ngũ Phần dạy: Giỡn sương tuyết trên đầu ngọn cỏ đều phạm Á c tác.

ĐIỀU 38: *Dĩ chỉ tương kích.*

Tỳ-kheo-ni nào lấy ngón tay thọt lét người khác. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế-tôn vì nhân duyên này nhóm họp

quý thầy Tỳ- kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Dĩ chỉ tương kích lịch: Đây là do thân nghiệp gây nên nghĩa là dùng ngón tay ngón chân thọt lét vào da thịt người khác khiến họ ngứa ngáy khó chịu phát cười lên.

Chỉ: Mười ngón tay và chân.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu dùng ngón tay ngón chân thọt lét nhau phạm tội đọa. Nếu lấy đầu gậy, chìa khoá, cán chổi, hay bất cứ vật gì khác mà thọt lét đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội cũng giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu người kia ngủ muốn đánh thức dậy và tất cả các trường hợp lỡ đụng nhau.

Luật Ngũ Phần dạy: Thọt lét Sa-di-ni cho đến súc sanh đều phạm Á c tác.

ĐIỀU 39: *Bất thọ gián ngữ.*

Tỳ-kheo-ni nào không nhận lời can gián. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Câu-diệm-di. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bất thọ gián: Nghĩa là người kia dùng lời thành thật để khuyên can mà không chịu nghe.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu người can ngăn nói rằng: Đừng làm như vậy, việc này không đáng làm nhưng vẫn cố ý làm phạm Đột-cát-la. Nhưng tự mình biết việc làm ấy là quấy mà vẫn cố ý làm, phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu người không có trí đến can gián, hoặc nói giỡn cười, nói lầm...

ĐIỀU 40: *Khủng bố tha Ni.*

Tỳ-kheo-ni nào, dọa nạt Tỳ-kheo-ni khác. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Ba-la-lê-tỳ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Khủng bố: Nghĩa là làm bao nhiêu hình trạng rất đáng sợ để khủng bố người khác, dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm người khác sợ hãi.

Dùng sắc: Như làm hình con voi, con ngựa, con chim, con thú, các loại phi nhân...

Dùng âm thanh: Như thổi ốc, đánh trống, tiếng voi, tiếng ngựa.

Dùng hương: Nghĩa là các thứ hương của rễ cây hoa lá và các mùi hôi hám.

Dùng vị: Các mùi vị chua, ngọt, mặn, đắng...

Dùng xúc: Nghĩa là các cảm xúc mạnh, nóng, nhẹ, nặng, mịn, thô, láng, rít, mềm, cứng...

Dùng pháp: Nghĩa là nói với đối tượng rằng: Tôi mộng thấy chị chết, mất y bát, bỏ đạo, thầy chị cũng như vậy cha mẹ bị bệnh nặng, hoặc qua đời, nói như vậy để người kia sợ hãi.

* Trong giới này được quy định là phạm: Nếu

dùng sắc... mà khủng bố người khiến người kia thấy nghe biết dù họ sợ hay không sợ, đều phạm tội đọa. Người kia không thấy, không nghe, không biết, phạm Á c tác. Nếu nói mà rõ ràng, thì phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm, kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu chỉ sắc... cho người không có ý khủng bố hoặc thật có việc này, hoặc thấy các tướng như vậy, hoặc là mộng thấy, hoặc sắp chết, hoặc bỏ đạo, mất y bát, cho đến cha mẹ bị bệnh nặng sắp mất, thì nên nói với người kia rằng: Tôi thấy chị có biến tướng như vậy, cho đến nói làm...

Luật Nhiếp dạy: Nếu dùng sắc, thanh..., khả ố khiến cho đối tượng sanh ra sợ hãi phiền não phạm tội đọa. Nếu dùng sắc, thanh... khả ái khiến cho họ sanh ra phiền não sợ hãi phạm Á c tác. Nếu nói về địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ mà trong lòng muốn hoá đọa, đối tượng tuy có sợ hãi nhưng không phạm giới.

ĐIỀU 41: *Vô bệnh quá dục*.

Tỳ-kheo-ni, nửa tháng tám một lần, Tỳ-kheo-ni không bệnh nên thọ, nếu quá, trừ trường hợp đặc biệt. Ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt: thời gian

nóng khi bệnh, khi lao tác, khi gió và mưa, khi đi đường, đó là các trường hợp đặc biệt.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành Vương-xá trong vườn Trúc. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bán nguyệt tỳ dục: Tỳ-kheo-ni không bệnh trong vòng 15 ngày cho tắm một lần.

Nhược quá: Nghĩa là phải y lời dạy mà làm theo, không được vi phạm vượt quá.

Trừ dư thời: Nghĩa là vào những lúc nóng nực tắm không phạm.

Nhiệt thời: Bốn mươi lăm ngày mùa xuân và một tháng đầu mùa hạ. Bốn mươi lăm ngày mùa xuân nghĩa là mùa xuân còn một tháng rưỡi nữa thì kết hạ An cư. Tức là từ mồng một tháng ba đến rằm tháng tư, tháng đầu của mùa hạ nghĩa là khi mới nhập hạ một tháng từ mười sáu tháng tư đến rằm tháng năm. Hai tháng rưỡi này được gọi là thời gian rất nóng.

Bệnh thời: Ít nhất là thân thể bị dơ ứ.

Tác thời: Cho đến quét nhà, quét sân.

Phong vũ nhị thời: Dù chỉ một cơn gió nhẹ, một hạt mưa dính vào thân.

Viễn hành lai thời: Trong vòng ít nhứt nữa do tuần hoặc đi, hoặc về.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Trừ trường hợp đặc biệt mà Tỳ-kheo-ni tắm quá một lần, và rửa nửa thân mình, đều phạm tội đọa. Nếu sửa soạn muốn tắm mà không đi tắm đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Bị thế lực bắt tắm.

Luật Nhiếp dạy: Nếu gặp chỗ địa phương quá nóng bức cũng cho tùy ý tắm nếu khi tắm rửa không được khiến người không tin và người mới tin Tam bảo đi vào nhà tắm. Trong khi tắm, phải nên chánh niệm nghĩ rằng: Hôm nay ta tắm rửa là vào thời gian nào, vậy sau mới tắm. Không được để lộ thân thể mà tắm, nên sắm khăn tắm dài bốn, năm go tay, rộng một go tay rưỡi. Khi muốn tắm rửa phải xem kỹ nước không có trùng mới được tắm. Nếu không có khăn tắm nên dùng cây lá che thân ở chỗ vắng mà tắm. Nếu khi tắm ở sông hồ xong rồi phải lấy tay căng khăn tắm ra để che thân rồi từ từ ra khỏi nước. Đừng để cho các loại côn trùng nhỏ dính vào thân mình. Ra khỏi nước rồi

lau thân cho khô mới đắp y vào, nếu không tùy thuận làm theo những lời đã nói trên đều phạm Á c tác.

ĐIỀU 42: *Lộ địa nhiên hỏa.*

Tỳ-kheo-ni không bệnh để tỳ sưởi, nhóm lửa tại đất trống, hoặc bảo người nhóm trừ có nhân duyên. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành Khoáng dã, lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Vô bệnh: Nghĩa là không phải có bệnh nhưng muốn dùng lửa để sưởi ấm thân.

Tự vi thích thân: Không phải làm cho người khác.

Lộ địa: Ngoài phòng chỗ không có che lợp. Đây là căn cứ theo nhân duyên phạm của đương thời mà chế. Nếu không có lý do chính đáng nhen lửa ở trong nhà cũng không cho. Vì nhen lửa để hơn có 5 lỗi:

1. Khiến cho con người không còn nhan sắc.
2. Yếu mất sức khỏe.
3. Làm mờ mắt.
4. Ủa tụ tập đông người huyên náo.
5. Nói chuyện thể tục.

Nhiên hoả: Lấy cỏ, củi... mà đốt lửa.

Nhược giáo nhơn nhiên: Không những chỉ cấm tự mình làm, bảo người làm cũng phạm tội.

Trừ dư thời nhân duyên: Nghĩa là có vị Tỳ-kheo-ni bị bệnh, và đốt lửa nấu thức ăn cho người bệnh, hoặc trong nhà bếp, phòng ấm, hoặc nung bát, nhuộm y, đốt đèn, đốt hương... đó là đúng thời.

* Trong giới được quy định là phạm: Nếu đốt cỏ cây cành lá, phân trâu, rác quét, vỏ trấu... đều phạm tội đoạ nếu lấy lửa để trên cỏ cây, cho đến vỏ trấu, cũng phạm tội đoạ. Nếu ném cây đã cháy một nửa vào lửa và tro than đều phạm Á c tác. Nếu không nói với người khác rằng: Người hãy xem xét cái này, hãy nhận biết cái này, phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trùng hợp không phạm:* Nếu có các nhân duyên đặc biệt.

Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu cầm đuốc đi đường

muốn gạt tàn đuốc, không được gạt trên đất chưa đốt, gạt trên tro, hoặc trên gạch. Nếu lửa đuốc tự rớt xuống đất, ngay nơi chỗ ấy gạt tàn không có tội. Nếu đốt tóc, lông đuôi ngựa... và đốt da nướng bánh, đốt độc được đều phạm tội Việt Tỳ-ni.

Luật Nhiếp dạy: Nếu đem tóc, lông, móng, xương, đồ khắc nhỏ, máu... bỏ vào trong lửa đều phạm Ác tác.

Luận Tát-bà-đa dạy: Nếu đi đường gặp mùa đông quá lạnh nhen lửa không phạm.

ĐIỀU 43: *Tàng Ni y vật.*

Tỳ-kheo-ni nào, giấu y bát, toạ cụ, ống đựng kim của Tỳ-kheo-ni khác, tự mình giấu hoặc bảo người khác giấu, dù chỉ giỡn chơi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tàng: Giấu kín.

Y: Ba y và các y khác.

Bát: Hai thứ ứng lượng khí 1. Bằng thiết. 2. Bằng đất.

Toạ cụ: Đồ trải ra để ngồi. nằm.

Châm đồng: Đồ đựng kim những vật này đều là sáu vật dụng cần thiết nuôi thân của Tỳ-kheo-ni.

Hạ chí hý tiếu: Cố ý khiến cho người kia sanh phiền não mà giấu hoặc chỉ muốn đùa chơi để cười mà giấu, đều phạm tội. Bốn chúng kia phạm, kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Vì thế tất mà cất giữ. Sợ gió mưa tàn phá mà cất đi. Nếu người chủ có tánh bừa bãi sáu thứ vật dụng bạ đâu để đó vì muốn răn nhắc họ mà cất đi. Nếu mượn y của người kia để mặc, trả lại họ không cất vì sợ thất lạc mình cất đi, hoặc nếu vì những vật ấy có thể đưa đến tai nạn về tánh mạng và phạm hạnh nên lấy cất giấu.

Luật Ngũ Phần dạy: Nếu giấu đồ vật của bốn chúng kia cho đến đồ vật của súc sanh đều phạm Á c tác. Tỳ-kheo-ni giấu đồ vật của hai chúng trên phạm tội đọa, của người khác đều phạm Á c tác.

ĐIỀU 44: *Tịnh thí triếp trước.*

Tỳ-kheo-ni nào đã cho y Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni về sau không nói với chủ, lấy lại mà dùng. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tặng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thí: Đã cho rồi.

Thức-xoa-ma-na: Hán dịch là Học pháp nữ, nghĩa là trong vòng hai năm phải học sáu pháp và các oai nghi của Tỳ-kheo-ni. Nếu người con gái mười tuổi đã có chồng trao cho họ sáu pháp đến khi mười hai tuổi trao cho giới Cụ túc. Nếu người đồng nữ mười tám tuổi cho học sau pháp, đủ hai năm liền trao cho giới Cụ túc. Sáu pháp là:

1. Nhiễm tâm tương xúc.
2. Ăn trộm của người bốn tiền.
3. Dứt mạng sống của súc sanh.

4. Tiểu vọng ngữ.

5. Ăn phi thời.

6. Uống rượu.

Nếu phạm sáu pháp này thì phải học lại. Nếu phạm những giới điều căn bản thì phải khai trừ.

Sa-di: Hán dịch: Cầu tịch, nghĩa là cầu đến được cõi Niết-bàn tuyệt đối hoàn toàn vắng lặng.

Ni: Nữ.

Y: Mùi thứ như trên.

Bất vấn chủ thủ trước: Nghĩa là y đã giao cho người khác rồi, sau không hỏi người chủ đã nhận y ấy mà tự tiện lấy đắp.

Tịnh thí có hai thứ:

1. Chân thật tịnh thí: Nghĩa là chân thật cho người nên nói:

"Đại tỳ nhưt tâm niệm, tôi Tỳ-kheo-ni... có y dư này chưa tác tịnh. Nay vì tác tịnh nên xả và biếu cho Đại tỳ để chân thật tịnh thí" (nói một lần).

2. Triển chuyển tịnh thí: Nghĩa là đối trước người khác để tác pháp, nhưng sau đó vẫn cất dùm. Nên cầm y đến trước một vị Tỳ-kheo-ni mà thưa rằng:

"Đại tỳ nhưt tâm niệm, tôi Tỳ-kheo-ni... có y dư này chưa tác tịnh. Nay vì tác tịnh nên gửi nơi Đại tỳ"

để triển chuyển tịnh thí'

Vị Tỳ-kheo-ni nhận sự tịnh thí đáp rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm. Đại tử có y dư này chưa tác tịnh. Nay vì tác tịnh nên gọi nơi tôi. Tôi nay thọ nhận". Thọ rồi nên hỏi: "Vậy Đại tử muốn tịnh thí đến vị nào?" Vị thuyết tịnh nói: "Tôi tịnh thí đến..." Người nhận sự tịnh thí lại nói rằng: "Đại tử! Chị có y dư này chưa tác tịnh. Vì tác tịnh nên gọi nơi tôi. Tôi đã thọ nhận. Đại tử muốn gọi y này đến Tỳ-kheo-ni... người ấy đã sở hữu, chị hãy vì... mà khéo hộ trì, tùy ý dùng".

Văn để tịnh thí trường bát và tàng được cũng như đây. Người đã chân thật tịnh thí rồi, thì phải hỏi chủ trước rồi sau mới được lấy đắp. Người triển chuyển tịnh thí thì nói hay không nói đều được tùy ý lấy đắp.

Luật Thiện Kiến dạy: Nếu y vật nhiều, y thì nên cầm lên từng cái mà nói. Nếu muốn tổng thuyết tịnh thì nên cột dính lại với nhau vậy sau mới nói.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu chân thật tịnh thí y cho người rồi, không hỏi chủ mà lấy đắp phạm tội đọa. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Căn cứ trên nên biết.

Triển chuyển tịnh thí: Tức là cầm y đến đối trước một người khác mà thuyết tịnh. Tân dịch là Phân biệt,

khi đã triển chuyển thuyết tịnh rồi thì lâu hay mau tùy ý cất chứa. Đây không giống như chân thật cho người khác. Nói cho người nào, tức là tùy ý mình chỉ tên một vị Tỳ-kheo-ni thân hữu ở xa, nhưng không cần phải nói để cho họ biết.

Luận Tát-bà-đa dạy: Chín mươi sáu thứ ngoại đạo không có pháp tịnh thí Đức Phật vì lực đại từ bi cho nên Ngài phương tiện dạy cho Tịnh thí, khiến cho các hàng đệ tử cất chứa tài vật dư mà không phạm giới.

Hỏi: Vì sao đức Phật không dạy ngay cho đệ tử được cất chứa tài vật dư mà gượng kết giới rồi lại lập ra phương tiện này?

Đáp: Phật pháp vốn lấy thiếu dục làm gốc, vì thế mà kết giới không được cất chứa tài vật dư. Nhưng chúng sanh căn tánh không giống nhau, hoặc có chúng sanh cho cất nhiều tài vật mà sau hành đạo mới chúng được Thánh pháp. Vì thế đức Như Lai trước phải vì họ kết giới rồi sau mới phương tiện, đối với Phật pháp không ngại gì, miễn chúng sanh được lợi ích. Phương pháp tịnh thí như tiền bạc và tất cả các thứ bảo vật trước hết phải kiếm một người bạch y tịnh nhơn biết pháp, nói ý cho họ hiểu rằng: Pháp của Tỳ-kheo-ni chúng tôi là không được cất chứa tiền và các vật báu, nay mượn người đàn-việt làm tịnh chủ. Sau được tiền,

các vật báu đều đem tịnh thí cho người đàn-việt, khi đã tìm được tịnh chủ rồi, sau đó được tiền và các vật báu đều ở một bên Tỳ-kheo-ni mà thuyết tịnh. Không cần nói tên tịnh chủ. Thuyết tịnh rồi cất để lâu mau tùy ý. Nếu người tịnh chủ mất hoặc đi nước ngoài, nên tìm một tịnh chủ khác. Trừ tiền và các vật báu, tất cả các y vật dư khác đều phải ở bên năm chúng mà tác tịnh. Nên cầu một vị trì giới đa văn, có đức làm tịnh chủ, sau nếu được y vật thì nên ở bên một vị Tỳ-kheo-ni nói tên tịnh chủ mà làm pháp thuyết tịnh. Nếu vị tịnh chủ qua đời hoặc ra nước ngoài, nên tìm một vị tịnh chủ khác. Trừ những người có tội, người bệnh. Phạm người làm pháp tịnh thí muốn cho được các vị thanh tịnh, đa văn làm chứng minh, không sanh tranh cãi. Những người không như vậy thì không đúng pháp.

ĐIỀU 45: *Đắc y bất nhiễm.*

Tỳ-kheo-ni nào, được y mới, tùy ý dùng một trong ba màu, hoặc xanh, đen, mộc lan, làm cho hoại sắc. Nếu Tỳ-kheo-ni được y mới không làm hoại sắc bằng ba thứ hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan, mà mặc nguyên y mới. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tân y: Vải mới may thành y, hoặc mới được người ta cho, đều gọi là y mới. Nếu được người ta cho y màu sắc như pháp, căn cứ theo lý thì không phạm. Nhưng phải như pháp điểm tịnh rồi đắp.

Đương tác tam chủng hoại sắc: Nhuộm bằng ba màu: xanh, đen, mộc lan.

Thanh: Không phải màu xanh rất đậm, cũng không phải thuần màu xanh.

Hắc: Lấy bùn trộn với đất đỏ, gạch đỏ, vỏ cây mà nhuộm.

Mộc lan: Tên của một loài cây cũng gọi là lâm lan, người ta thường lấy vỏ của nó mà nhuộm áo, sắc hơi đỏ. Trong ba màu đó tùy ý dùng làm một màu.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu được y mới không làm hoại sắc bằng ba màu trên, đắp mặc phạm tội đọa. Nếu có y dày, y mỏng, túi đựng bát, đựng kim chỉ, giày dép, dây toạ thiền, dây thắt lưng,

mũ, bít tất, khăn... không điểm tịnh mà cất chứa, đều phạm Á c tác. Nếu đem y chưa nhuộm mà gói nơi nhà bạch y phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Không vi phạm các điều Phật chế trên. Nếu y đã bạt màu nên nhuộm lại.

LƯỢC GIẢI:

Phàm khi nhận được những y màu sắc không như pháp, phải dùng ba màu như trên để tẩy tịnh.

(HẾT QUYỂN VII)

QUYỂN VIII

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỔN LƯỢC KÝ

ĐIỀU 46: *Cố đoạn súc mạng.*

Tỳ-kheo-ni nào, cố ý giết chết mạng sống loài vật. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Cố: Nghĩa là không phải vô tình.

Đoạn: Nghĩa là dứt trừ mạng căn, khiến không còn tương tục được nữa, hoặc tự mình dứt hoặc bảo người dứt, cho đến dùng thuốc độc, để thuốc độc vào trong đồ ăn... Đã nói rộng trong thiên đầu.

Súc sanh: Thuận theo thời phương mà nói đúng ra phải gọi là bàng sanh, vì hình nó nằm ngang, lưng hướng lên trời mà đi, cho nên đi cũng ngang. Không phải đợi người nuôi dưỡng mới gọi là súc sanh, mà gọi chung tất cả các loài chim, thú, cá, trạch, bò, bay, máy, cựa, phàm có mạng sống ấy vậy.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu có tâm làm việc sát hại dứt mạng sống của súc sanh phạm tội đọa. Nếu tìm cách muốn giết, mà không giết phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Hoàn toàn không có tâm sát hại mà vô tình làm tổn thương mạng sống. Luận Ma-đắc-lặc-già dạy: Muốn chặt sợi dây mà chặt lầm con rắn không phạm. Muốn chặt con rắn mà chặt lầm sợi dây phạm Á c tác. Muốn giết con trùng này mà giết con trùng kia. Muốn chặt con trùng, mà chặt nhầm đất. Muốn đè con trùng mà đè trật xuống đất đều phạm Á c tác.

LƯỢC GIẢI:

Nguyên giới có tánh giới và già giới. Thể đầy đủ vô tác. Thể tánh vô tác này từ khi mới thọ giới sau 3

lần Yết-ma liền được. Sau khi đã được thể tánh này rồi, tự mình bỏ ác, tự mình làm lành, không cần phải cố ý cho nên gọi là vô tác. Vì thế đối với tất cả các vị phàm, thánh được các giới không bao giờ sát hại đối với tất cả các loài hữu tình, vô tình được các giới không bao giờ ăn trộm. Cho đến đối với tất cả các thứ đất, được cái giới không bao giờ cuốc. Đối với tất cả cỏ cây được các giới không bao giờ phá hoại.

Như vậy là 348 giới pháp đã bao trùm cả pháp giới. Trì được một giới phước lớn như hư không. Huống gì là giữ gìn đầy đủ giới luật. Vì thế dù xuất gia một ngày một đêm chuyên tâm trì giới công đức không thể cùng tận.

Tánh giới: Vốn tánh của nó là tội. Không luận có thọ giới hay không thọ giới hề phạm đến thì tự tánh của nó là ác. Còn giữ gìn thì tự tánh của nó là thiện. Không phải do đức Phật chế ra mới thành thiện hay ác. Đây cũng gọi là cữ giới.

Già giới: Vốn bản tánh không phải là tội. Do đức Phật chế giới ngăn không cho làm, phạm thì mắc tội. Không thọ thì không phạm và không mắc tội. Như cỏ cây... không cấm đối với người thế tục, họ phá hoại không có tội. Tỳ-kheo-ni thọ được giới rồi, liền phát sanh riêng cho vị ấy giới thể Vô tác. Nếu giữ gìn thì

cảm được phước, phá hoại liền chịu lấy tội. Lại già tội, thì trên tất cả các tánh giới đều có, sám hối thì già tội hết, mà tánh tội hãy còn.

Ví dụ: Như chặt cỏ, sát hại chúng sanh, đều được xếp trong thiên tội đọa. Sám hối thì hai tội ấy liền dứt, nhưng cái nợ đền mạng thì hãy còn. Vì thế tánh giới, già giới không giống nhau và thuộc vào những thiên tụ cũng khác nhau. Ta phải nên biết rằng: 348 giới trong tất cả các tánh giới là gồm cả già giới. Trong tất cả các già giới là gồm cả tánh giới. Ngoài tánh giới không có già giới. Ngoài già giới không có tánh giới. Không những 348 giới này như vậy mà 8 vạn 4 ngàn pháp môn cũng lại như vậy. Vì sao thế? Vì vốn đức Phật đã hiểu rõ cùng tận nghiệp tánh của chúng sanh cho nên Ngài chế ra giới luật. Sở dĩ, vì biết rõ cùng tận nghiệp tánh của chúng sanh mà Ngài phải chế ra pháp luật để ngăn cấm. Cho nên luận Minh Liễu nói.

Đức Phật lập giới có 3 loại: 1. Tánh tội. 2. Chế tội. 3. Gồm cả 2 tội tánh chế.

Tánh tội: Những ác nghiệp do thân khẩu ý hoặc do tùy hoặc và đẳng lưu hoặc mà phạm. Lại ở trong các tội phạm này do cố ý nên có các nghiệp nhiễm ô tăng trưởng. Hai yếu tố này đều có nên tội tiếp tục sanh ra, vì thế gọi là tánh tội. Nếu phạm giới khác với

ba nguyên nhân này, hoặc do không phân biệt được giới, hoặc do thất niệm, hoặc do không cố ý phạm tội, trong này nếu không có tùy hoặc và hoặc đẳng lưu, lại cũng không có niệm niệm tăng trưởng ấy gọi là chế tội. Nếu đầy đủ cả hai tướng của tội trên thì gọi là 2 tội chế tánh. Nếu người nào hay đúng như lý phân biệt rõ được ý nghĩa của giới này. Thì người ấy đối với giới luật đã hiểu một cách rõ ràng, không cần tìm đầu nữa.

ĐIỀU 47: *Âm dụng trùng thủy.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết nước có trùng mà uống hoặc dùng. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tri: Tự mình xem xét mà biết, hoặc do người khác nói cho biết.

Thủy: Các thứ nước, nghĩa là: sông, hồ, suối,

giếng, ngòi, lạch, cho đến tương, giấm, sữa, tất cả các thứ nước.

Trùng: Hoặc mắt nhìn thấy được, hoặc lọc xong thấy được.

Ấm dụng: Đây là thọ dụng bên trong, còn thọ dụng bên ngoài thì như giới trước đã cấm.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Biết nước có trùng và tương, giấm có trùng mà vẫn uống dùng phạm tội đọa, các cảnh tưởng như trước. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên. Đức Phật dạy: Cho làm đầy lọc nước để lọc hình giống như cái gáo, hoặc làm hình ba góc, hoặc làm bình lọc. Nếu trùng quá nhỏ lọt qua, cho để cát vào trong đầy, lọc rồi trùng trong cát đổ lại vào trong nước. Đi đường thì không được không có đầy lọc nước, dù chỉ nửa do tuần. Nếu không có thì phải dùng một chéo góc y Tăng-già-lê để lọc.

Luật Nhiếp dạy: Có 5 loại mắt không được xem nước:

1. Mắt bị bệnh. 2. Mắt loà. 3. Mắt cuồng loạn. 4. Mắt già bệnh. 5. Thiên nhãn. Vì thiên nhãn sử dụng vào việc của loài người không giống nhau, cho nên không cho xem. Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu trong nước có trùng rất nhỏ không được dùng để rửa tay và mặt

và đi đại tiểu tiện. Nếu người không tin, không được bảo hộ lọc nước. Tỳ-kheo-ni phải nên tự tay mình lọc nước mà dùng. Ngài Tam tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dạy rằng: Đầy lọc nước là 1 trong số 6 vật dụng không thể không thọ trì. Nếu đi đường xa 15 dặm mà không có đầy lọc nước thì không nên đi. Nếu biết trong chùa không lọc nước thì không nên ăn uống. Thà chết khát trên đường dài mà đủ để làm gương sáng cho đời sau. Thánh giáo của đức Như Lai lấy từ bi làm gốc, vì thế Ngài chế ra giới luật. Tội có Tánh tội và Già tội. Già tội thuộc về sự nên nhẹ. Tánh tội thì thuộc về lý nên nặng. Trong Tánh tội sát sanh là đứng đầu cho nên người có trí phải nên đặc biệt giữ gìn. Nếu cho giới này là nhẹ, thì còn giới nào nặng hơn nữa? Nếu thường vâng theo lời dạy mà hành trì hiện tại được quả báo sống lâu, đời sau sẽ sanh vào cõi tịnh độ. Dầu cho người học thông tam tạng, ngồi chứng được Tứ thiên, dẹp bỏ hết được các vọng tưởng không cho phát sanh, lắng lòng trong lý không. Nếu không hộ mạng vâng theo lời dạy bảo mà giữ gìn, thì chung cuộc cũng không tránh khỏi được lời quở trách của chư Phật. Đây là tội thứ nhất trong 10 tội ác, ai là người có thể thay thế cho mình chịu tội, như thấy có người dắt dê vào trong chùa thì không khỏi miệng mình cứ thường thường xin họ thả ra để gây nhơn sống lâu, mọi người

cùng xúm lại xem trong khoảng khảy móng tay đã khen ngợi là thiện. Đâu có biết nước uống dùng ngay trong phòng mình hằng ngày giết hàng ngàn hàng vạn chúng sanh. Đã biết lý dạy không phải nhẹ cho nên cần phải lọc kỹ xem kỹ, lợi mình, lợi vật. Hãy khéo giữ gìn, khéo suy nghĩ. Lại có người bảo người khác cày ruộng, trồng cây, trông mong một cái lợi nhỏ, mà không thấy cái hại lớn. Dưới nước, trên bờ, đều thương tổn, giết hại chúng sanh vô số kể. Tội này biết là chừng nào? Cuối cùng đành bó tay đến cửa chết, mặc cho kia phân xử. Cho nên trong kinh dạy: Người sát sanh phải bị đọa trong 3 đường ác. Dầu cho được làm người cũng bị chết yếu và nhiều bệnh. Than ôi! cái khổ này ai chịu cho. Còn nếu người nào hay làm được, lành thay rất tốt. Có thể nói những người này đã kết cái nhơn từ niệm trong đời mạt pháp của đức Thích ca. Và sẽ chứng được quả vô sanh trong thời đức Phật Di-lặc mới thành đạo.

Trân trọng, trân trọng, tin chắc, tin chắc.

ĐIỀU 48: *Cố não tha Ni.*

Tỳ-kheo-ni nào, cố ý gieo nghi ngờ cho Tỳ-

kheo-ni khác, dù chỉ khiến cho họ không yên tâm trong chốc lát. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Có nào: Cố tâm làm cho người kia nghi ngờ mà sanh ra buồn phiền. Hoặc sanh nghi về thời gian người kia ra đời.

Như hỏi: Chị sanh vào thời nào.

Cô kia đáp: Thời gian như vậy... bèn nói lại: Không phải đâu, chị không phải sanh vào thời ấy, chị sanh vào thời của người khác. Hoặc sanh nghi về tuổi hạ.

Như hỏi chị mấy tuổi hạ rồi.

Cô kia đáp: Đã bao nhiêu tuổi, bèn nói rằng: Chị không phải tuổi ấy, chị bằng tuổi hạ với những người thọ giới khác, chị chưa bằng tuổi ấy đâu. Hoặc sanh nghi về sự thọ giới như bảo: Chị thọ giới mà tuổi chưa đầy 20, lại thọ trong Đại giới mà biệt chúng, hoặc vì

Yết-ma mà sanh nghi, như nói khi chị thọ giới tác bạch không thành, Yết-ma không thành, phi pháp biệt chúng. Hoặc sanh nghi về phạm giới như nói: Chị phạm Ba-la-di cho đến Đột-cát-la ác thuyết. Hoặc nghi về pháp, như nói: Điều chị vừa hỏi là phạm Ba-la-di, đó không phải là Tỳ-kheo-ni.

Thiếu thời bất lạc: Khiến người kia cho đến trong một khoảng khắc lòng không an ổn.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu cố ý đem những việc này làm cho người nghi ngờ hoang mang, nói rõ ràng phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Việc kia đúng thật như vậy, không cố ý gây hoang mang, có tâm lợi ích mà nói cho đến nói lầm... luật Nhiếp dạy: Nếu có tâm làm lợi ích, tùy thuận luật giáo, khai ngộ cho người bằng chánh lý thì không phạm.

ĐIỀU 49: *Phú tha thô tội.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết rõ Tỳ-kheo-ni khác phạm tội Thô ác mà cố ý che dấu. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tri: Tự mình thấy biết, hoặc do người khác nói cho biết.

Tha Tỳ-kheo-ni: Người đã thọ Đại giới trong chánh pháp này.

Thô tội: 17 tội Tăng-tàn.

Phú tàng: Che dấu tội lỗi mà không nói.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Biết vào lúc ăn sáng, sau bữa Ngọ mới nói. Biết vào lúc sau bữa ăn, đến đầu đêm mới nói. Biết từ lúc đầu đêm cho đến nửa đêm mới nói đều phạm Ác tác. Biết từ lúc nửa đêm mà cho đến cuối đêm muốn nói mà chưa nói, khi ánh ban mai xuất hiện liền phạm tội đọa. Nếu che dấu các tội khác hoặc tự che dấu thô tội cho mình. Hoặc che dấu thô tội cho người chưa thọ đại giới đều phạm Ác tác. Thô tội mà mình cũng biết là thô tội, phạm tội đọa. Ngoài ra đều kết Ác tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Ác tác. Nếu che dấu tội khí cho người thì phạm Ba-la-di.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu trước không biết, thô tội mà tưởng không phải thô tội, hoặc không có người nào để nói. Nếu nói ra sẽ nguy hiểm đến tánh mạng đến phạm hạnh thì không nói không phạm. Nếu Tỳ-kheo-ni đủ 5 pháp mới được cử tội người:

1. Biết nói đúng thời, không nói lúc không đúng thời.
2. Nói chân thật không nói trái sự thật.
3. Có tâm lợi ích, không làm tổn hại.
4. Nói ôn hoà không nói thô xướng.
5. Có tâm từ bi, không sân giận.

Nếu oai nghi nơi thân không thanh tịnh. Lời nói không thanh tịnh. Mạng sống không thanh tịnh. Ít học không hiểu biết kinh điển. Ít học không thông hiểu luật tạng. Lời nói không rõ ràng. Đức Phật ví dụ những người này như dê trắng, khuyên họ không nên thường thường cử tội người khác. Nếu người được đầy đủ các pháp cũng phải đúng thời, đúng pháp mà cử tội người khác. Lại nữa Tỳ-kheo-ni kia có tâm ái kính đối với ta, thì nên cử tội. Hoặc không ái nhưng có cung kính, hoặc không cung kính mà có ái thì nên cử tội. Tuy không ái, không cung kính, nhưng hay làm cho đối tượng bỏ ác làm lành cũng cử tội. Nếu người kia có lòng tôn trọng, kính mến, tin ưa các vị Tỳ-kheo-ni,

để giúp cho họ bỏ ác làm lành, nên cử tội. Nếu người hoàn toàn không có được các điều trên thì Chúng tăng nên xả bỏ an trí họ một nơi rồi đuổi đi. Nên nói rằng: Đại tử, hãy nên đi chỗ khác tùy ý chị. Chúng tăng sẽ vì chị mà tác Yết-ma cử tội, tác Yết-ma ức niệm, tự ngôn trị, ngăn không cho xuất tội, ngăn không cho thuyết giới, ngăn không cho Tự tứ. Cũng giống như ông thầy dạy ngựa, gặp con hung ác khó điều phục liền phải đóng khớp, tra dây cương, hoặc đuổi đi. Tỳ-kheo-ni như vậy thì đối với họ trước không cần phải cầu thỉnh, chính ngay khi nói tức là cầu thỉnh rồi.

Luận Tát-bà-đa dạy: Có 4 thứ che dấu thô tội cho người.

1. Che dấu tội khí cho người phạm Ba-la-di.
2. Che dấu tội Tăng-tàn cho người phạm tội đoạ.
3. Che dấu các tội làm thân Phật chảy máu, phá hoại Tăng luân phạm Thâu-lan-giá.
4. Che dấu tội đoạ cho người phạm Ác tác vì che dấu tội ác là làm nhiễm ô Phật pháp.

Luật Thập Tụng dạy: Chính thật mình thấy tội của người khác mới đến với một người để nói, còn nếu nghe và nghi thì không nên nói.

Luật Tăng Kỳ dạy rằng: Khi nói không nên đến nói với người bình thường, mà phải nói với vị Thiện

Tỳ-kheo, hoặc vì đồng hàng Hoà thượng, A-xà-lê. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội kia hung bạo, hoặc cậy vào thế lực của vua, đại thân. Thế lực của người hung ác, hoặc vì nhân duyên này mà sanh khởi nên sự dứt mạng sống, làm tổn hại phạm hạnh, thì phải nên suy nghĩ rằng: Người đã làm các hạnh nghiệp tội lỗi kia, ắt phải tự chịu quả báo, họ hãy tự biết lấy. Giống như nạn lửa, chỉ tự cứu thân mình, đâu còn biết việc gì khác. Rồi Chúng tăng chỉ nên hộ sáu căn của mình cho thanh tịnh thì không có tội.

ĐIỀU 50: Tránh diệt phát khởi.

Tỳ-kheo-ni nào, biết tránh sự đã được như pháp giải quyết rồi, sau đó lại khởi dậy. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tri: Tự mình biết rõ, hoặc người khác nói cho biết.

Tránh sự: Vì việc này, sự tranh cãi do đó phát sanh ra.

Tranh cãi có 4 loại: Tranh chấp do lời, do sự tìm kiếm, do phạm tội và tranh chấp vì công việc, sẽ được nói rõ ở sau.

Như pháp: Như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Sám hối nhi: Việc kia đã khéo trừ diệt rồi.

Hậu cánh phát cử: Việc tranh chấp kia đã trừ diệt rồi, sau vì tâm không thiện mà bươi móc ra, khiến cho không chấm dứt được.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Biết một chuyện tranh chấp đã như pháp diệt rồi, sau còn bươi móc ra mà nói rằng: Quán xét không thành quán, cho đến diệt không thành diệt. Nói mà rõ ràng thì phạm tội đọa, không rõ ràng thì phạm Á c tác. Nếu các việc tranh cãi và mắng nhiếc khác, hoặc tự mình gây sự, hoặc cùng gây gỗ với người chưa thọ đại giới lại bươi móc ra đều phạm Á c tác. Đã như pháp diệt rồi, mà mình cũng biết là đã như pháp diệt, phạm tội đọa. Nghi thì phạm Á c tác. Không như pháp diệt mà mình tưởng là đã như pháp diệt và nghi đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy, ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu trước không biết

đã như pháp diệt rồi và thật sự không như pháp diệt...

ĐIỀU 51: *Tri tặc bạn cộng hành.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết đó là đồng bọn giặc cướp mà giao hẹn cùng đi chung một đường, dù chỉ trong khoảng một xóm làng. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tặc bạn: Ăn trộm, ăn cắp, cướp, giết và người trốn thuế, hoặc đi làm giặc về, hoặc sắp đi làm giặc.

Cộng nhứt đạo hành: Ước hẹn với người ấy cùng đi như bạn, cùng ở tại một tụ lạc, cùng đi khắp đó đây.

Nãi chí nhứt tụ lạc: Tối thiểu cùng đi một đường qua một thôn xóm, cũng mắc bốn tội.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu cùng ước hẹn với giặc cướp cùng đi như bạn cho đến chỉ đi trong giới hạn một thôn xóm, tùy theo ranh giới

bọn cướp ấy đi nhiều hay ít mỗi mỗi đều phạm tội đọa. Nếu đi giữa khoảng đất trống không có làng xóm, đường xa cho đến 10 dặm, phạm tội đọa. Nếu khu vực nhỏ hơn một thôn, đường ngắn thua 10 dặm, hoặc là sửa soạn muốn đi, cùng hẹn hò sắm sửa, tất cả đều phạm tội Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Không biết, không hẹn ước kết bạn, và dùng sức mạnh kéo lôi đi...

Luật Ngũ Phần dạy: Cùng hẹn đi với một Tỳ-kheo-ni ác phạm Á c tác. Nếu có các nạn duyên cùng hẹn nhau đi không phạm.

Luật Căn Bồn dạy: Nếu nhờ giặc giúp đỡ để dẫn đường, hoặc đi làm đường người kia đến để chỉ bảo thì tuy cùng đi một đường cũng không phạm.

ĐIỀU 52: *Tà kiến sanh báng.*

Tỳ-kheo-ni nào nói như vậy: Tôi biết rằng theo pháp mà Phật dạy: Sự hành dâm dục không phải là pháp chướng đạo. Các Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Tỳ-kheo-ni này rằng: Đại tỳ chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế tôn, xuyên tạc Thế tôn là không tốt. Thế tôn không nói như vậy: Thế tôn

dùng vô số phương tiện nói rằng: Sự hành dâm dục là pháp chướng đạo. Khi được các Tỳ-kheo-ni kia can gián. Tỳ-kheo-ni này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần để bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tác thị ngữ: Nhận lời dạy bảo của đức Thế tôn một cách lầm lẫn, để chứng minh cho sự hiểu biết của mình. Cũng do vì thấy cư sĩ tại gia, tuy có vợ chồng mà cũng có thể chứng đắc đạo quả Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm, cho nên sanh ác tà kiến như vậy.

Ngã tri: Tự mình suy xét mà biết.

Phật sở thuyết pháp: Phật là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Sở thuyết: Tỏ bày ý nghĩa.

Pháp: có 2 thứ:

1. Do chính đức Phật dạy ra.

2. Do các vị đệ tử nói ra, tuy rằng do các vị đệ tử nói, nhưng đều do nương nhờ vào sự dạy bảo của đức Phật, cho nên cũng gọi là pháp.

Hành dâm dục: Việc ô uế xấu xa.

Phi chướng đạo pháp: Tập làm theo những việc kia, không làm chướng ngại quả vị thánh đạo.

Bỉ Tỳ-kheo-ni gián thử Tỳ-kheo-ni ngôn: Nói lời để riêng can gián.

Đại tử: Lời kêu gọi người kia.

Mạc tác thị ngữ: Nghĩa là không nên nói lời ác kiến như vậy.

Mạc báng Thế tôn: Pháp do đức Phật thuyết ra đều minh định xa lìa ái dục mới được vắng lặng.

Nếu nói rằng dục không phải là pháp chướng đạo, tức trái với lời Phật dạy chính là đã phỉ báng đức Thế tôn.

Báng: Nói ra những lời phi lý.

Bất thiện: Trong tương lai nhứt định sẽ chịu lấy quả báo ác.

Thế tôn bất tác thị ngữ: Nghĩa là đức Phật không nói dâm dục là pháp không chướng đạo.

Vô số phương tiện...: Nghĩa là đức Phật đã dùng

bao nhiêu là ngôn từ để chỉ dạy thâm dục là ô uế, là pháp hữu lậu, là pháp chương ngại.

Bỉ Tỳ-kheo-ni, gián thử Tỳ-kheo-ni thời kiên trì bất xả: Nghĩa là nói lời riêng can gián như trên mà vẫn không bỏ ác kiến nên nói rằng: Nay chị nên bỏ việc này đi, chớ để Chúng tăng quở trách lại phạm tội. Nếu người kia nghe theo lời nói thì tốt. Nếu không nghe theo lời nói cho đến tác bạch ba lần Yết-ma can gián.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Xương Yết-ma lần thứ ba xong phạm tội đọa. Tác bạch rồi, hai lần Yết-ma xong mà bỏ thì phạm ba tội Ác tác. Một lần Yết-ma xong liền bỏ phạm hai tội Ác tác. Tác bạch xong mà bỏ phạm một tội Ác tác. Nếu tác bạch chưa xong, hoặc trước khi chưa tác bạch mà nói những lời phi pháp ấy. Hoặc ngăn người kia chớ bỏ. Tất cả đều phạm Ác tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu Yết-ma phi pháp, đáng lẽ ba lần Yết-ma xong thì phạm tội đọa, nhưng chỉ phạm Ác tác.

Luật Nhiếp dạy: Nên đối giữa chúng phát lộ để sám hối tội đọa này.

ĐIỀU 53: *Tà kiến chỉ túc.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết người nói lời như thế chưa được tác pháp (giải), tà kiến như thế chưa bỏ, lại cung cấp các nhu yếu, cùng Yết-ma, cùng ngũ ngũ, cùng nói chuyện. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ trong vườn Kỳ thọ Cấp-cô- độc. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Như thị ngữ nhor: Tỳ-kheo-ni nói làm dâm dục không phải là pháp chương đạo.

Vị tác pháp giả: Bị cử tội, nhưng vì cố chấp giữ chặt ác tà kiến, không có tâm ăn năn sửa đổi. Ni tăng chưa tác pháp Yết-ma giải tội.

Như thị tà kiến: Do ác kiến nên nói không phải là pháp chương đạo.

Bất xả: Ni tăng la rầy can gián do cố chấp vẫn giữ chặt ác tà kiến.

Cung cấp sở tu: Có 2 loại: 1. Pháp: Dạy tu tập

tăng thượng giới, định, huệ học vấn, tụng kinh. 2. Tài: Cung cấp y phục. Ăn uống; ngoại cụ, thuốc men.

Đồng nhứt Yết-ma: Cùng thuyết giới cùng làm các pháp sự.

Chỉ túc: Ngủ chung trong một nhà.

Nhà có 4 thứ: Hoặc bốn phía có vách lợp kín, hoặc lợp kín mà không ngăn che, hoặc ngăn che nhưng không lợp kín, hoặc không lợp cũng không ngăn che.

Ngôn ngữ: Dạy bảo và cùng bình luận các việc thiện ác.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà trước, người ác kiến vào sau, hoặc người kia vào trước, Tỳ-kheo-ni vào sau, hoặc cả hai người cùng vào nghỉ đêm trong nhà ấy, vừa đặt lưng nằm xuống đất liền phạm tội đọa. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác. Nếu tuỳ thuận theo thầy Tỳ-kheo bị cử tội ba lần can gián không bỏ phạm Ba-la-di.

* *Trường hợp không phạm*: Không biết có người nói lời như vậy đang ngủ chung một nhà, hoặc nhà không lợp và ngăn che khắp, hoặc chỗ đất trống, hoặc bị bệnh té xuống đất và các nạn duyên. Căn cứ theo văn luật thì trong bốn việc: Cung cấp, Yết-ma, chỉ túc,

ngôn ngữ thì tùy làm một việc nào đều phạm tội đọa.

Luật Thập Tụng dạy: Hoặc dạy pháp cho người kia, hoặc theo người kia mà thọ pháp, hoặc cung cấp tài vật cho người kia, hoặc nhận tài vật của họ đều phạm tội đọa. Suốt đêm ngồi không nằm phạm Á c tác.

Luật Căn Bản dạy: Nếu thân thể người kia bị bệnh phải săn sóc, không phạm. Hoặc cùng ở chung để giúp cho họ xả bỏ ác kiến cũng không phạm.

ĐIỀU 54: *Súc dưỡng bị tấn Sa-di-ni.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết Sa-di-ni ấy nói như vậy: Tôi biết pháp từ đức Phật nói rằng: Hành dâm dục không phải là pháp chướng đạo. Các Tỳ-kheo-ni kia nên can gián Sa-di-ni này như vậy: Người chớ nói lời ấy. Chớ xuyên tạc Thế tôn, xuyên tạc Thế tôn là không tốt. Thế tôn không nói như vậy. Nay Sa-di-ni Thế tôn dùng vô số phương tiện nói rằng: Dâm dục là pháp chướng đạo. Phạm dâm dục là chướng ngại đạo. Khi được các Tỳ-kheo-ni can gián như thế mà Sa-di-ni này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo-ni nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ. Các Tỳ-kheo-ni kia nên nói với Sa-di-ni ấy rằng:

Ngươi từ nay trở đi không phải là đệ tử Phật. Không được theo các Tỳ-kheo-ni khác như các Sa-di-ni kia, được ở qua hai đêm với Tỳ-kheo-ni, còn ngươi thì không được như vậy. Ngươi hãy đi đi không được ở đây nữa. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Sa-di-ni đã bị đuổi giữa chúng như vậy, mà dụ đem về nuôi dưỡng, cùng ngủ chung. Ba-dật-đê.

(Giới bản và đề mục thế văn theo lý phải ghi chép như vậy).

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Văn cú trong này từ câu đầu đến câu dâm dục thì chương đạo pháp: Đó là lời quở trách và can gián. Nếu vẫn giữ chặt không bỏ, cho đến ba lần Yết-ma can gián. Ba lần can gián vẫn không bỏ, mới Yết-ma diệt tận. Từ câu "Nhữ tị kim dĩ khứ" cho đến câu "Bất ưng trụ thử" đó là văn Yết-ma diệt tận.

Những dòng văn sau là kết giới. Diệt tận: Khai trừ đuổi đi, không được ở chung với các Tỳ-kheo-ni.

Chúng trung: Trong Ni tăng.

Bị tẩn: Đã bị Chúng tăng bạch tứ Yết-ma diệt tẩn.

Sa-di-ni: Đã thọ 10 giới, là người sanh ác kiến.

Dụ tương: Dùng tài vật và pháp cho rồi dụ dẫn kêu gọi đem đi. Hoặc tự mình dụ dỗ, hoặc bảo người khác dụ dỗ, đều phạm tội.

Súc dưỡng: Hoặc tự mình nuôi, hoặc gởi người khác nuôi.

Súc: Nhận đem về cho y chỉ.

Dưỡng: Cung cấp cơm áo và cho học kinh pháp.

Cộng chỉ trú túc: Ngủ chung một nhà. Còn những ý nghĩa khác và có phạm hay không phạm đều giống như giới trước đã giải thích.

Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu Sa-di-ni bị hai thầy quở trách, Tỳ-kheo-ni không được dụ dỗ đem về ở chung, mà nói rằng: Tôi sẽ cho em y bát, thuốc men, dạy cho học kinh. Nếu biết Sa-di-ni ấy hơn việc này mà hoàn tục, thì được dùng lời dụ dỗ đem về, khi về rồi, phải nói với họ rằng: Án nặng của Hoà thượng A-xà-lê rất khó đền đáp em hãy nên trở về ở lại để hầu hạ.

Sa-di-ni có 3 phẩm:

1. Từ 7 tuổi đến 13 tuổi gọi là khu ô Sa-di.
2. Từ 14 tuổi đến 19 tuổi gọi là Ứng pháp Sa-di.

3. Từ 20 tuổi đến 70 tuổi gọi là danh tự Sa-di.
Ba phẩm này đều gọi là Sa-di.

LƯỢC GIẢI:

Khu ô: Người kia đã xuất gia, nhưng tuổi còn quá nhỏ, chưa thể tự một mình làm các công vụ được, cho nên bảo họ phải giúp Chúng tăng quét dọn trong nhà ăn, nhà trù của Chúng tăng và chỗ toạ thiền... xua đuổi chim quạ để thay thế một chút nhọc nhằn mà sanh ra phước thiện vậy.

ĐIỀU 55: *Nghịch gián nạn vấn.*

Tỳ-kheo-ni nào, khi được các Tỳ-kheo-ni như pháp can gián lại nói rằng: Tôi nay không học điều giới này, trừ khi tôi hỏi rõ Tỳ-kheo-ni trì luật có trí khác. Ba-dật-đề.

Nếu muốn hiểu biết thì nên hỏi.

(Thế vấn của giới bốn này và đề mục nay so sánh lý phải ghi chép như vậy. Thể thức các giới sau đây và đề mục cùng đại luật và giới kinh không giống nhau căn cứ theo đây thì biết.)

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở trong vườn Mỹ-âm. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Dư Tỳ-kheo-ni: Người ở trong pháp này.

Như pháp: Như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Gián thời: Chính là lúc dùng lời thành thực giáo hoá can gián.

Như thị ngữ: Nói lời kháng nghị.

Ngã kim bất học thị giới: Không tu tập Ba-la-đề-mộc-xoa. Thật tình không phải là không tu tập, nhưng muốn dùng lời nói này để chống cự lại lời can gián của đối tượng.

Nạn vấn: Dùng lời khéo léo để gạt vấn người khác.

Trí tuệ: Trí tức là Huệ. Nếu phân tích ra thì Trí là sự hiểu biết, Huệ là kiến thức. Lại quyết định tìm cho ra lý gọi là Trí. Đem tâm phân biệt gọi là Huệ.

Trì luật: Trì tạng luật.

Vị câu giải: Muốn hiểu biết một cách rộng rãi và rõ ràng các văn nghĩa Kinh, trọng, khai, già, trì, phạm.

Ứng nạn vấn: Muốn hiểu biết, muốn học hỏi mà nạn vấn thì không phạm.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Khi người kia như pháp can gián mà nói lời chống nghịch, nói rõ ràng thì phạm tội đọa. Không rõ ràng phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Người can gián kia thật là người ngu si, cho đến nói lầm...

ĐIỀU 56: *Khinh huỷ thuyết giới.*

Tỳ-kheo-ni nào, khi tụng giới, nói lời như vậy: Đại tử nói những giới vụn vặt ấy có ích lợi gì? Khi nói giới ấy chỉ làm người ta phiền muộn, xấu hổ, hoài nghi, vì khinh chê giới. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thuyết giới thời: Giới: Từ 8 giới trọng cho đến 7 pháp diệt tránh. Thời: Khi tuyên thuyết.

Như thị ngữ: Nói ra những lời chê bai.

Đại tử: Kêu người kia để nói rõ ý mình.

Hà dụng: Đây chính là tướng chê bai, vì thường hay phạm tội nên khi nghe thuyết giới, thấy lòng không an, bèn nói ra những lời chê bai.

Tạp toái giới: Ba thiên sau.

Linh nhơn: Mượn người khác để hiển bày tự thân mình.

Não quý hoài nghi: Tự mình phạm lỗi, nghe người kia thuyết giới, lòng sanh không vui, vì không vui cho nên phiền muộn ở trong lòng gọi là não. Hối hận về những điều mình đã phạm gọi là quý. Không thể tự quyết được những tội mình đã phạm, ấy là hoài nghi.

Khinh huỷ giới: Nói ra những lời chê bai.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu khinh chê giới, nói rõ ràng thì phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Ác tác. Nếu chê A-tỳ-đàm (luận) và các kệ kinh đều phạm Ác tác. Bốn chúng nếu phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu khiến người

trước phải tụng luận, khế kinh vậy sau mới tụng luật. Nếu có bệnh nói để cho lành rồi sau hãy tụng. Nói để cho họ cần cầu chứng quả xong rồi sau đó sẽ tụng.

Kinh Ngũ Bách Vấn dạy: Ngài Mục-kiền-liên bạch đức Phật rằng: Sau khi đức Như Lai diệt độ ai sẽ là người thọ trì tạng Tỳ-ni này?

Đức Phật dạy: Người suy nghĩ học hỏi Tỳ-ni tạng. Nên biết chính người ấy hay tu tập và thực hành Tỳ-ni tạng này. Sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chê bai Tỳ-ni này, nên biết chính kẻ ấy là bạn hữu của ma, không phải đệ tử của Ta. Hạng người như vậy đời đời học đạo không thành, không thể ra khỏi ba cõi.

Luật Thiện Kiến dạy: Nếu người học Tỳ-ni có 5 đức:

1. Tự thân mình giữ giới.
2. Hay giúp cho người chấm dứt những sự nghi ngờ.
3. Vào trong chúng không sợ.
4. Hay hàng phục được oan gia.
5. Làm cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Nếu ở giữa cuộc đời tối thiểu chỉ cần có 5 vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hiểu rõ tạng luật cũng có thể làm

cho chánh pháp được tồn tại lâu dài. Nếu Phật pháp bị tiêu diệt ở nước Thiên- trúc mà ở chốn biên địa mỗi bên còn đủ 5 vị cũng được trao giới, mỗi bên đủ 10 vị đến trong nước Thiên trúc được trao giới Cụ túc cho người thì đó cũng gọi là làm cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Lại nữa người trì luật có 6 đức:

1. Giữ gìn Ba-la-đề-mộc-xoa.
2. Biết Bô-tát.
3. Biết Tự tứ.
4. Biết phương pháp trao giới Cụ túc cho người.
5. Nhận cho người y chỉ.
6. Được nuôi Sa-di-ni.

Nếu không hiểu rõ luật, mà chỉ biết kinh và luận thì không được nuôi Sa-di-ni, cho người y chỉ. Vì một vị luật sư trì luật Phật pháp được trụ thế 5 ngàn năm.

ĐIỀU 57: *Tâm bất để thính.*

Tỳ-kheo-ni nào, khi nghe tụng giới, nói như vậy: Nay tôi nói biết pháp này được ghi trong giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần, xuất từ giới kinh. Các Tỳ-kheo-ni khác biết Tỳ-kheo-ni này đã

từng ngồi dự tụng giới hoặc 2 hoặc 3 lần, huống nữa là nhiều lần, nhưng Tỳ-kheo-ni kia không biết không hiểu. Nếu có phạm tội thì phải được xử trị như pháp, rồi lại chồng thêm tội vô tri. Bảo rằng: Đại tỷ, thật không ích lợi gì cho chị, không có sở đắc tốt đẹp gì cho chị. Vì trong khi tụng giới chị không dụng tâm, không nhưt niệm lắng tai nghe. Vì ấy vì vô tri. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thuyết giới: Từ 8 giới trọng cho đến 7 pháp diệt tránh theo thứ lớp mà nói yếu nghĩa.

Tác như thị ngữ: Giả dối nói rằng: mới biết.

Ngã kim thì tri thử pháp: Thường cùng nghe giới mà nay dối trá nói rằng mới biết.

Pháp: 8 giới trọng cho đến 7 pháp diệt tránh.

Giới kinh sở tải: Kinh Biệt Giải Thoát, chính giới trong kinh này trích ra.

Bán nguyệt bán nguyệt thuyết giới kinh trung lai:
Vào thời trăng tối và trăng sáng hai kỳ Bồ-tát thuyết giới, rút từ trong giới kinh không phải kinh điển nào khác.

Nhược nhị nhược tam thuyết giới trung toạ, hà hướng đa: Đã từng ngồi 2, 3 lần Bồ-tát nghe thuyết giới kinh. Hướng nữa là đã quá 2, 3 lần ư?

Vô tri vô giải: Không biết được tướng của tội gọi là vô tri, không phân biệt được ý nghĩa của tội là vô giải.

Nhược phạm tội ưng như pháp trị: Không phải do vì không biết mà khỏi tội, phải nên đúng như tội đã phạm mà xử trị, lại còn chồng thêm tội vô tri trên tội đọa nữa.

Đại tỷ: Lời khuyên răn ngăn ngừa.

Bất dụng tâm niệm: Không khéo để tâm suy nghĩ.

Bất nhứt tâm nhiếp nhĩ thính pháp: Vì không chuyên chú cho nên không nhứt tâm, vì không nhứt tâm cho nên tai duyên cảnh khác. Vì duyên cảnh khác, cho nên không nghe pháp.

Bỉ vô tri cố: Vì người kia vô tri cho nên phạm tội.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu khi tự mình thuyết giới, hoặc khi người khác thuyết

giới mà nói như vậy, phạm tội đọa. Nếu Chúng tăng không cử tội người kia, Chúng tăng phạm Ác tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy.

* *Trường hợp không phạm*: Thật chưa từng nghe thuyết giới nay mới nghe, hoặc chưa từng nghe nói rộng, nay mới nghe cho đến nói giỡn chơi, nói lầm lộn...

ĐIỀU 58: *Vi phản Yết-ma.*

Tỳ-kheo-ni nào, sau khi đã cùng chúng Yết-ma lại nói như vậy: Các Tỳ-kheo-ni tùy theo chỗ thân hậu mà cho vật của Tăng. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở trong núi Linh-thứ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Cộng đồng Yết-ma: Cùng bằng lòng thoả thuận để làm việc.

Như thị thuyết: Sau khi cùng Chúng tăng Yết-ma

xong rồi, mà tự trái với tâm mình nói lời hối hận như vậy.

Chư Tỳ-kheo-ni: Những người cùng làm Yết-ma.

Thân hậu: Hoà thượng, A-xà-lê, đồng hàng Hoà thượng, A-xà-lê, các bạn thân, ngồi, đứng, đều nói chuyện tương đắc.

Tặng vật: Như trước đã giải thích.

Vật: 6 vật dụng của Tỳ-kheo-ni, ít nhất là cái ly uống nước.

Dự: Đem đồ vật của Chúng tăng cho riêng một người.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu trước cùng Chúng tăng Yết-ma xong rồi, sau lại nói lời hối hận nói rõ ràng phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Đúng sự thật như vậy.

Luận Tát-bà-đa dạy: Người chịu khó làm công việc khổ nhọc trong Chúng tăng. Hoặc là đại đức mà nghèo thiếu. Nếu Chúng tăng đã hòa hiệp đồng cho, thì đều được cho. Nếu ai nói không nên cho, phạm tội đọa.

ĐIỀU 59: *Bất dự dục khứ.*

Tỳ-kheo-ni nào khi tăng đoán sự chưa xong, không dự dục mà đứng dậy đi ra. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tăng: Cùng một thuyết giới, một Yết-ma.

Đoán: Bình luận.

Sự: 18 việc phá Tăng như pháp nói là phi pháp cho đến Phật thuyết nói là không phải Phật thuyết. Và bao nhiêu Yết-ma về các pháp sự khác.

Bất dự dục: Tự mình có công việc đưa đến, không dấn dò bạch lại Chúng tăng, hoặc nói với các Tỳ-kheo-ni khác biết, mà im lặng bỏ đi.

Khởi khứ: Từ chỗ ngồi đứng dậy đi ra khỏi chúng.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu đứng dậy đi ra khỏi cửa phạm tội đoạ. Một chân ngoài cửa, và sửa soạn muốn đi mà không đi. Hoặc hẹn hò

muốn đi mà không đi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu làm việc tháp, việc tăng, việc nuôi bệnh, thì được gởi dục mà đi, hoặc cấm khẩu không thể gởi dục được hoặc Yết-ma phi pháp, phi luật, hoặc muốn làm những việc tổn hại không lợi ích cho tháp, cho Chúng tăng, cho hai thầy, cho thân hữu, không gởi dục bỏ đi không phạm. Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu muốn đi đại tiểu tiện một lát rồi trở vào không bỏ việc Tăng thì không phạm.

ĐIỀU 60: *Dự dục hậu hối.*

Tỳ-kheo-ni nào đã dự dục, sau đó tỏ sự bất bình. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Dự dục cảnh: Chúng tăng có những pháp sự như

pháp, trước đó tâm mình đã thanh tịnh gởi dục hứa khả xong rồi.

Hậu hối: Sau khi đã gởi dục rồi, lòng lại hối hận, giới này và giới vi phạm Yết-ma trước đại khái giống nhau. Trong ấy có một điểm nhỏ khác nhau.

Giới trước thì trước khi đó đã biết sự việc rồi cùng nhau bằng lòng Yết-ma, sau lại sanh hối hận phải báng Chúng tăng.

Còn giới này thì căn cứ trên sự việc không biết sau sanh hối hận rút lui sự dục dục. Hai giới đều muốn huỷ phá Yết-ma, khiến cho việc trước không thành tựu được.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu đã gởi dục với người khác rồi, sau lại nói lời hối hận. Nói mà rõ ràng thì phạm tội đoạ. Không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

** Trường hợp không phạm:* Nếu sự thật như vậy nghĩa là Yết-ma không đúng.

Luận Tát-bà-đa dạy: Phạm Chúng tăng xử đoán công việc hoà hợp mà làm xong rồi sau lại hối hận, phàn nàn phạm Á c tác. Nếu Chúng tăng đã như pháp làm các Yết-ma xong. Sau mình lại nói không được phạm tội đoạ. Nếu Chúng tăng làm Yết-ma không như pháp, trong lúc đó mình không thể làm gì được, im

lặng không nói, sau đó bảo: không được thì không phạm.

ĐIỀU 61: *Khiêu thoan bỉ thử.*

Tỳ-kheo-ni nào, sau khi các Tỳ-kheo-ni tranh cãi nhau, nghe lời người này đem nói với người kia. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đấu tránh: Có 4: Ngôn tránh cho đến sự tránh.

Thính thử ngữ hướng bỉ thuyết: Ở chỗ này cố ý nghe lóm người khác nói, tìm kiếm lỗi lầm, lại cùng nhau truyền nói, khiến sanh ra giận hờn gây gổ, đến nỗi việc ban đầu xảy ra thì nhỏ, mà sau thành tranh cãi lớn. Việc tranh cãi lớn mà đã thành, thì không thể dứt được.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu muốn nghe người khác nói lời cãi vả nhau, nếu đi đến mà nghe được phạm tội đọa. Đi đến mà không nghe được phạm Á c tác. Nếu muốn đi mà không đi hoặc cùng hẹn mà không đi, đều phạm Á c tác. Nếu hai người cùng ngồi ở chỗ tối nói chuyện, hoặc chỗ vắng nói chuyện. Trên đường đi nếu gặp hai người đi trước đang nói chuyện, những việc như vậy nên biết, tất cả những trường hợp ở chỗ vắng nói thàm, Tỳ-kheo-ni tình cờ mà gặp đều phải gãy móng tay, đánh hắng làm thành tiếng động. Nếu không làm như vậy đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm, kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu họ làm Yết-ma phi pháp phi luật làm tổn hại, không lợi ích gì cho hai thầy và thân hữu của mình, muốn được biết, đến nghe không phạm. Như vậy thì khi Tỳ-kheo-ni nhóm họp, phải nên làm hai pháp: 1. Im lặng như hiền thánh. 2. Luận bàn và giảng giải ý nghĩa chánh pháp.

ĐIỀU 62: *Sân đã tha Ni.*

Tỳ-kheo-ni nào, vì giận hờn, không hoan hỷ, đánh Tỳ-kheo-ni khác. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bát hỷ: Sân si giận hờn trối buộc tâm, lòng sanh không vui.

Đả: Đánh bằng tay, bằng đá, gậy, gộc.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu dùng tay, đá, gậy, gộc mà đánh người đều phạm tội đọa. Nếu dùng then cửa, móc câu, cán chổi, cán lư hương mà thọc đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu bị bệnh phải đâm bóp, ăn bị nghẹn phải đập sau lưng và lỡ xúc chạm...

ĐIỀU 63: *Sân nhuế thủ bát.*

Tỳ-kheo-ni nào, vì giận hờn, không hoan hỷ, khoa tay dọa đánh Tỳ-kheo-ni khác. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bát: Nắm tay lại dọa đánh người khác mà không đụng vào thân họ. Đức Thế tôn đã chế giới không được đánh, lại đưa tay ra để dọa khiến họ sợ hãi.

Trong giới này phạm tội nặng, nhẹ đều giống như giới trước. Nhưng giới trước trong lòng vốn cố đánh, đánh không trúng thân, không phạm bốn tội. Giới này chỉ đưa tay lên để dọa, vừa dọa liền mắc bốn tội, chỉ khác một ý này thôi.

**Trường hợp không phạm:* Nếu người khác toan đánh, mình đưa tay lên ngăn, cho đến tất cả đều không cố ý đánh đều không phạm.

ĐIỀU 64: *Vô căn sân báng.*

Tỳ-kheo-ni nào, vì giận hờn không vui vu khống Tỳ-kheo-ni khác bằng pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ- theo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Căn: Gồm có 3: Kiến căn, văn căn, nghi căn, Giống như trong 17 pháp Tăng-tàn đã giải thích:

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Đem tội Tăng-tàn không căn cứ mà vu cho người, nói rõ ràng thì phạm tội đọa. Không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nói sự thật có căn cứ. Muốn làm cho họ hối cải chứ không phải huỷ báng.

ĐIỀU 65: *Nhập quá vương cung quốc.*

Tỳ-kheo-ni nào, khi nhà vua quán đánh đồng Sát-đế-lợi chưa ra, bảo vật chưa được thu cất, mà vào cung vua, bước qua khỏi ngạch cửa. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sát lợi thủy nghiêu đầu vương chủng. Sát lợi, Hán dịch: là điền chủ. Về đời thượng cổ là một người có đức được mọi người bầu lên làm người phân xử ruộng đất cho mọi người, do đó mà được tôn quý và tự tại, đời này nối qua đời khác làm thành dòng quý tộc.

Thủy nghiêu đầu: Khi lập lên làm vua, nhóm họp hết các vị tiểu vương đại Bà-la-môn, lấy nước bốn biển lớn, rưới trên đầu vua. Nếu là người thuộc giòng Sát-lợi, được làm lễ tôn vương này thì được gọi là Sát-lợi vương. Còn thủy nghiêu đầu chủng: Nếu không phải là giòng họ này, mà được làm lễ rưới nước lên đầu thì được gọi là: Sát-lợi vương thủy nghiêu đầu chủng.

Vương vị xuất...: Vua chưa ra khỏi cửa cung, thế nữ chưa trở về chỗ của họ.

Vị tàng bảo: Chưa cất cửa báu, chuỗi anh lạc các thứ trang sức thân thể gọi là chưa cất giấu cửa báu. Lại nữa cung nữ là những người vua rất ái trọng chưa kịp

khiến lẫn tránh đi, cũng gọi là chưa che dấu của quý.

Nhập: Vào cửa cung vua.

Quá: Chân bước vào quá cửa cung.

Quắc: Ngách cửa, nghĩa là dưới cửa người ta đặt một lè gỗ ngang để làm chùng hạn trong và ngoài.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Vào khỏi ngách cửa cung vua phạm tội đọa. Nếu một chân còn bên ngoài, hoặc móng ý muốn đi, hoặc cùng hện hò mà không đi hoặc vào nhà của các ông hoàng, tiểu vương, hào quý, trưởng giả đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Vua đã ra thể nữ đã trở về chỗ của họ, các châu báu đã cất rồi, hoặc có chuyện cần tâu bạch, hoặc bị vua mời gọi, hoặc bị thể lục bắt đến.

ĐIỀU 66: *Tróc di bảo vật.*

Tỳ-kheo-ni nào, tự mình cầm nắm bảo vật hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm nắm, trừ ở trong Tăng già-lam hay chỗ ký túc. Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong Tăng già-lam hoặc chỗ ký túc mà tự mình cầm nắm bảo vật, hay

đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm, nên nghĩ như vậy: Nếu sở hữu chủ nhận ra, sẽ nhận lấy, chỉ với nhân duyên ấy chứ không gì khác.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bảo: Bảy thứ báu.

Bảo trang sức: Đồng, sắt, chì, kẽm, nhôm, được trang sức bằng đồ báu lên trên.

Tự tróc: Tự tay mình nắm cầm.

Giáo nhơn tróc: Bảo người khác nắm cầm.

Tăng già-lam: Hán dịch là chúng viên, nghĩa là vườn Chúng tăng ở cũng nhờ vườn này mà gieo trồng các thứ cây, là chốn mà các vị đệ tử Phật nương ở để nẩy mầm đạo chúng quả thánh. Cũng dịch là chúng viện. Viện là thuận theo tiếng nói Trung Quốc, dùng để gọi chỗ nhà cửa, đình quán. Ngày nay chỗ Chúng tăng ở được gọi là Tự. Tự ở Trung Quốc cũng dùng để gọi chỗ công viện, nơi trú ở của các chư hầu. Ngày

xưa khi các vị Tăng từ bên Tây-trúc mới qua ở tạm nơi Hồng- lô Tự. Sau đó nhà vua lập ra tinh xá Bạch Mã mà thỉnh các Ngài đến ở. Tuy dời chỗ ở nhưng vì không quên chỗ gốc, nên vẫn gọi là Tự. Từ đây về sau đều gọi là Tự. Gọi tinh xá là vì chỗ ấy những người thô bạo không ở được, nơi cư ngụ của những vị tinh luyện tu hành.

Ký túc xứ: Nhà của người bạch y mà mình nghỉ nhờ.

Dương tác thị ý: Nghĩa là ở trong chùa và chỗ nghỉ nhờ, thấy các vật báu, phải nên nghĩ như vậy: Nếu sở hữu chủ đến nhận ra đúng, ta liền cho. Vậy sau mới lấy cất.

Tác như thị như duyên phi dư: Trừ hai nhân duyên mà Phật đã khai trên ra thì không có một lý do gì mà được nắm cầm.

* Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào? Tự mình nắm cầm, bảo người khác nắm cầm, phạm tội đọa. Nếu trong chùa, trong nhà thấy có bảo vật, tự mình nắm cầm, hoặc bảo người nắm cầm, nhưng phải nhận rõ hình dạng cái bao đựng, nhận rõ cách gói, cách cột, nên mở ra xem đồ đựng trong bao, biết rõ mấy cái đã khâu với nhau, mấy cái chưa khâu, mấy vuông, mấy tròn, mấy cũ, mấy mới. Khi người mất đồ tới xin lại, thì phải nói: Vật đó hình trạng ra

sao? Nếu họ trả lời đúng thì nên trả lại: Nếu không đúng thì nên nói rằng: Tôi không thấy vật như vậy. Nếu có hai người cùng đến xin lại cũng phải vấn đáp như trên. Nếu cả hai người cùng nói đúng, thì nên đưa vật ra để trước mặt, bảo rằng: Vật đó của các người cứ lấy mà đi. Nếu không nhận rõ tướng như trên và không mở ra để xem đều phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu đồ cúng dường để trang nghiêm tháp chùa vì muốn chắc chắn lấy đem cất.

ĐIỀU 67: *Phi thời nhập tỳ lục*.

Tỳ-kheo-ni nào, phi thời vào tỳ lục mà không báo cho Tỳ-kheo-ni khác biết. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phi thời: Từ sau nửa ngày cho đến khi ánh ban mai chưa xuất hiện.

Tụ lạc: Như trên đã giải thích.

Bất chúc Tỳ-kheo-ni: Không bảo cho các Tỳ-kheo-ni khác biết. Nếu có việc của Tăng, của tháp, nuôi bệnh cho dặn dò lại với các Tỳ-kheo-ni khác mà đi. Phải nên làm thế này để dặn: Đến trước một vị Tỳ-kheo-ni đầy đủ oai nghi mà thưa rằng:

"Đại tỳ nhưt tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo-ni... phi thời vào tụ lạc, tôi sẽ đến nhà... vì duyên sự... thưa để Đại tỳ biết cho (nói 1 lần).

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu có Tỳ-kheo-ni mà không báo cáo vừa vào cổng làng liền phạm tội đoạ. Một chân còn ngoài cổng, và muốn đi mà không đi. Cùng hẹn nhưng không đi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu đi đường phải xuyên qua đường trong thôn xóm, nếu có chuyện phải bạch, nếu bị gọi, nếu nhận lời mời thỉnh, và các nạn duyên...

Luận Ma-đắc-lặc-già dạy: Nếu không có Tỳ-kheo-ni thì phải bạch với quý thầy Tỳ-kheo, cho đến nói với Sa-di-ni.

Luật Nhiếp dạy: Nếu không có Tỳ-kheo, Tỳ-

kheo-ni thì phải nên dặn với những người thế tục cũng không phạm.

ĐIỀU 68: *Tác sàng quá lượng.*

Tỳ-kheo-ni làm giường dây hay giường gỗ, chân phải cao bằng 8 ngón tay của Như Lai, đã trừ phần lỗ mộng để ráp thành giường trở lên, nếu quá. Ba-dật-đề, phải bớt bỏ.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tác: Tự mình làm hoặc bảo người khác làm.

Sàng: Như trước đã nói.

Như Lai bát chỉ: Một ngón tay của đức Phật dài 2 tấc.

Trừ nhập bộ không thượng: Trừ khoảng tra mộng để ghép thành giường trở lên không kể, dưới đó là chân giường chỉ cao 8 ngón tay.

Triệt cảnh: Làm giường cao quá lượng 8 ngón tay, phải cắt bỏ đoạn chân dài ấy, cắt xong mới sám hối.

Nhược quá: Nghĩa là cao quá 8 ngón tay tức phạm tội này.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tự mình làm, bảo người khác làm, khi đã thành phạm tội đoạ. Không thành phạm Ác tác. Vì người khác mà làm thành hay không thành đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Cao đúng 8 ngón tay, hoặc thấp thua 8 ngón tay. Nếu của người đem cúng dường đã thành hình, nên cắt cho đúng lượng rồi dùng:

Luật Nhiếp dạy: 8 ngón tay của Phật bằng một khuỷu tay người thường, tức là bằng một thước rưỡi(1). Nếu quá đây tức là giường cao quá lượng, nếu dùng thì phạm tội.

Luận Tát-bà-đa dạy: Giới này sở dĩ không dễ vào tội xả đoạ, vì dư thì cắt bỏ đi, cắt đúng lượng xong rồi đến giữa ni tăng mà sám hối. Nếu ở chỗ thấp ướt thì cho giường cao đúng 8 ngón tay, nhưng được kê thêm chân. Khi làm giường nếu quá 8 ngón tay đều phạm.

ĐIỀU 69: *Đâu la miên trừ tác sàng.*

(1) *So sánh với thước Hốt.*

Tỳ-kheo-ni nào, dùng bông Đâu-la-miên dòn làm đệm lớn đệm nhỏ lót giường dây, giường gỗ, đã dòn thành. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trì: Tự mình nắm cầm.

Đâu-la-miên: Tên chung của các loài hoa: Bạch dương, dương liễu, bò đào.

Trữ: Độn đầy.

Tác: Tự mình làm, bảo người khác làm.

Sàng: Có 5 thứ như trước đã nói.

Ngọa cụ: Tức là một tên khác của nệm lớn, dùng để ngồi nằm.

Tọa cụ: Tức là một tên khác của nệm nhỏ, dùng

để ngồi.

Thành: Khi đã làm xong liền phạm tội này.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tự mình làm, bảo người khác làm thành, đều phạm tội đọa, không thành đều phạm Á c tác.

Nếu vì người khác mà làm thành hay không thành đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm, kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu dùng cỏ, hoặc lông, lá kiếp bối, vật hư rách, hoặc dùng làm vật lót vai, làm nệm xe.

Luận Tát-bà-đa dạy: Đây là đồ dùng của những người sang quý. Nếu người tu hành mà dùng thì bị người chê bai. Lại nệm hay sanh ra các loại côn trùng, nếu người tu hành nằm trên vật êm ấm, sau gặp trời quá lạnh và nằm trên chỗ cứng sẽ không chịu nổi.

Luật Thập Tụng dạy: Phải nên tháo phá đi, rồi sau mới sám hối tội lỗi. Nếu chưa phá. Chúng tăng nên dặn phải phá đi.

ĐIỀU 70: *Thủ tha toán đạm.*

Tỳ-kheo-ni nào ăn tối. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly, bên sông Di-hâu. Trên giảng đường Lâu các, bấy giờ tại một chỗ khác có vườn tỏi. Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà đi cách vườn tỏi không xa.

Chủ vườn hỏi: A-di có cần tỏi không? Đáp: Cần. Chủ bèn lấy tỏi đưa cho.

Tỳ-kheo-ni này được tỏi rồi, sau đó cô thường xuyên tới xin, cứ đi cách vườn không xa, người kia thấy lại hỏi như trước. *Đáp:* Tôi nếu có tỏi mới ăn được cơm. Chủ lại cho tỏi. Cho tỏi xong rồi, dặn người giữ vườn rằng: Bắt đầu từ ngày hôm nay cung cấp cho mỗi Tỳ-kheo-ni 5 bẹ tỏi. Khi ấy chủ nhân sai một người ở lại giữ vườn, tự mình đem tỏi đến thành Tỳ-xá-ly để bán. Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà trở về chùa báo với các Tỳ-kheo-ni khác rằng: Các chị có biết không chỗ kia... Có người đàn-việt tên... nguyện cúng hằng ngày cho mỗi vị Tỳ-kheo-ni 5 bẹ tỏi, chúng ta có thể đến nhận. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni liền đem theo Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, đồng đến vườn tỏi, hỏi người giữ vườn rằng: Chủ nhân khu vườn ở đâu? Đáp: Không có ở đây. Người giữ vườn lại hỏi: Hỏi chủ vườn có việc gì? Tỳ-kheo-ni nói lại duyên có như

trên. Người giữ vườn tôi nói rằng: Hãy đợi trong chốc lát chủ sẽ đến, còn tôi chỉ là người trông coi giữ gìn mà thôi. Tỳ-kheo-ni này liền nói: Chủ vườn đã chịu cho, mà đây tớ không chịu cho, bèn bảo nhỏ tôi trong vườn đến xem nhiều ất, nói cái này để cho Thượng tọa, thứ tọa, Hoà thượng. A-xà-lê. Cái này để cho đồng hàng Hoà thượng... Những người thân của họ, cái này để ăn hôm nay, cái này để mai ăn, cái này để một ăn, chẳng mấy chốc cả vườn tôi bị nhỏ sạch. Chủ vườn tôi trở về thấy không còn tôi, hỏi rằng: Vườn tôi vì sao hết sạch như vậy? Người giữ vườn cứ đúng như sự việc trước kia mà trình bày, do đó mà vườn tôi hết trội. Người chủ vườn liền chê trách rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, nhận không biết chán, ngoài tự xưng ta biết chánh pháp, mà như vậy có gì là chánh pháp. Dù đàn- việt có cho, cũng nên tri túc chớ. Đẳng này không gặp chủ mà lấy hết của người ta. Khi ấy các vị Tỳ-kheo-ni khác nghe. Đến bạch quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tặng quả trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà rằng: Việc làm của người là quý, không phải oai nghi, không phải pháp Sa-môn, không phải tịnh hạnh, không phải hạnh tuỳ thuận. Việc không nên làm. Vì sao không gặp mặt

chủ mà dám nhỏ hết tội của người ta như vậy. Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo quý thầy Tỳ-kheo rằng: Ngày xưa có một Bà-la-môn 120 tuổi, thân thể gầy yếu. Vợ thì dung mạo đẹp xinh, sanh nhiều con trai con gái. Vợ chồng con cái ân ái tình thâm, thường nghĩ nhớ nhau, chẳng bao lâu ông chết, liền sanh vào loài chim nhạn, lông sắc như vàng ròng do nhân duyên đời trước nhiều phước đức, tự nhớ túc mạng suy nghĩ muốn trợ giúp con cái khỏi nghèo khổ, nên mỗi ngày bay tới nhà cũ rụng một cái lông vàng rồi bay đi. Các con được cái lông vàng ấy, suy nghĩ, do nhơn gì con chim nhạn kia mỗi ngày bay đến thả một sợi lông vàng? Chi bằng chúng ta đợi nó đến tìm cách bắt lấy, rồi nhỏ hết lông. Mưu định như vậy rồi tóm bắt lấy chim nhạn, bị nhỏ hết lông vàng, lấy rồi, liền sanh ra lông trắng. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Người Bà-la-môn chết làm chim nhạn ấy, đâu có ai khác? Chính là người chủ vườn tội ngày nay, còn vợ đẹp sanh nhiều con cái chính là Tỳ-kheo-ni Thân-la Nan-đà. Con cái hai người chính là Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni... ấy. Nhơn vì cái gốc tham ái mà khiến cho lông vàng bị nhỏ hết, lại sanh lông trắng. Nay cũng vì ái mà tội bị nhỏ hết trở lại nghèo khó. Đức Thế tôn dạy: Nhơn duyên của đời trước rồi báo với các thầy

Tỳ-kheo rằng: Tỳ-kheo-ni này có nhiều giống hữu lậu. Phạm giới đầu tiên. Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo-ni: Nghĩa như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu ăn tỏi sống, tỏi chín, ăn tỏi xen với thức ăn, mỗi miếng nuốt phạm một tội Ba-dật-đề. Thầy Tỳ-kheo phạm tội Đột-cát-la. Ba chúng dưới phạm Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm*: Hoặc có bệnh phải dùng như vậy, lấy bánh lọc tỏi mà ăn, hoặc các thứ thuốc khác không trị lạnh được, chỉ cần phải uống tỏi mới lành, cho uống, hoặc dùng để thoa ghẻ.

ĐIỀU 71: *Tam xú thế mao.*

Tỳ-kheo-ni nào, cạo lông ba chỗ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan- đà cạo lông ba chỗ. Đến nhà đàn-việt, ngồi trước mặt phụ nữ, không che thân thể, để lộ thân hình.

Khi ấy các người phụ nữ thấy rồi, mới nói rằng

A-di hãy cùng tắm chung với chúng tôi. *Đáp:* Thôi đi. Các phụ nữ cúng dường cho cô ăn xong lại bèn mời cùng đi tắm. *Đáp:* Tôi không muốn tắm.

Khi ấy các phụ nữ cưỡng bách cởi y phục, thấy những chỗ được cạo lông, liền nói rằng: Người thế gian sở dĩ cạo lông là vì việc dâm dục. A-di, vì sao lại cạo? Thâu-la Nan- đà đáp: Tôi từ khi còn ở thế tục đến nay, đã quen làm việc này rồi, không phải chỉ ngày hôm nay mà thôi đâu. Khi ấy các người phụ nữ liền chê bai rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, tập hạnh bất tịnh, ngoài tự xưng ta biết chánh pháp mà như vậy thì có gì là chánh pháp? Cạo lông ở ba chỗ y như dâm nữ, tặc nữ, các Tỳ-kheo-ni nghe, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tam xứ mao: Chỗ đại tiểu tiện và dưới nách.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu cạo lông ba chỗ, mỗi nhấc dao phạm một tội đoạ. Nếu nhỏ, cắt, đốt đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm kết Thâu-lan-giá, còn ba chúng sau thì phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có bệnh như vậy. Nếu có ghẻ cần phải cạo lông để bôi thuốc. Hoặc bị cường lực bắt...

ĐIỀU 72: *Thủy tịnh quá tiết.*

Tỳ-kheo-ni lấy nước tẩy tịnh, nên dùng hai ngón tay mỗi ngón một đốt, nếu quá. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành Thích-s í-sâu, nước Ca-di-la, trong vườn Ni-câu-luật. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni Maha Ba-xà-ba-đề, đi đến chỗ Thế tôn, đầu mặt lay sát đất rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng: Kính bạch Thế tôn: Thân nữ thật ơ nhớp không sạch, nói xong, đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Nhân đã đ ỨC Thế tôn liền nhóm quý thầy Tỳ-khetã dạy rằng: Từ nay trở đi cho phép các Tỳ-kheo-ni dùng nước tẩy tịnh. Thâu-la Nan-đà nghe lời ấy xong, bèn lấy nước tẩy tịnh, đục tâm khở lêđưa vào â ao, óng ta là ỏn bên trong, xúc huyết đơ ả y phục ò nằm. Các Tỳ-kheo-ni thấy hỏi nguyên do, biết rồi, phiên trá ến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật, kết giới.

Thủy tác tịnh: Dùng nước ể rửa bên trong.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu dùng nước để rửa bên trong âm đạo, dùng hai ngón tay mỗi ngón chỉ vào một đốt, nếu quá phạm tội đoạ. Hai chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu dùng hai ngón tay mỗi ngón chỉ một đốt, hoặc dưới một đốt. Hoặc nếu có bệnh như vậy, hoặc bên trong có cỏ, trùng muốn kéo ra.

ĐIỀU 73: *Hồ dao tác căn.*

**Tỳ-kheo-ni nào, dùng hồ dao làm nam căn.
Ba-dật-đề.**

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp-cô-độc. Lúc bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni dục tâm xí thanh, nhan sắc tiều tụy, thân thể ốm yếu, vào trong cung vua Ba-tu-nặc. Các người phụ nữ thấy mới hỏi rằng: Quý cô có bệnh hoạn gì không? *Đáp:* Chúng tôi có bệnh về sắc. *Lại hỏi:* Bệnh về sắc là bệnh gì? *Đáp:* Chúng tôi dục tâm xí thanh. Các người phụ nữ ấy bảo:

Chúng tôi ở trong cung lâu lâu mới được gần kẻ nam tử. Nếu khi không có nam tử, dùng hồ keo làm nam căn để vào trong nữ căn, đã được thích ý mà không gọi là hành dâm, các cô cũng có thể làm như vậy đã được thích ý mà không gọi là hành dâm. Khi ấy, lục quân Tỳ-kheo-ni bắt chước làm nam căn như vậy rồi cùng nhau làm việc dâm dục. Các Tỳ-kheo-ni khác thấy tưởng là cùng với kẻ nam tử hành dâm. Khi đứng dậy mới biết là không phải là nam tử, phiền trách xong rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy Tỳ-kheo bạ

ĐIỀU 74: *Ni cọng tương phách.*

Tỳ-kheo-ni nào cùng xúc chạm nhau. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Duyên và xứ giống như trước. Khi đã cảm không được dùng hồ keo và các tạp vật làm nam căn. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni bèn vổ nhau, các Tỳ-kheo-ni khác thấy tưởng là cùng làm việc dâm dục với kẻ nam tử. Đến khi đứng dậy mới biết là không phải nam tử, liền bạch quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy bạch lên đức Phật kết giới.

Phách: Hoặc lấy tay, lòng bàn tay, chân mà vổ, hoặc nữ căn vổ nhau.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni vổ nhau, người vổ phạm Ác tác, người nhận sự vổ phạm tội đoạ. Nếu hai người dùng nữ căn vổ nhau cả hai đều phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm kết Ác tác tội.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc có bệnh như vậy, hoặc trong lúc đi lại, kinh hành, quét đất lỡ đụng nhằm chớ không cố ý, hoặc khi rửa mà xúc chạm.

ĐIỀU 75: *Cung cấp thủy phiến.*

Tỳ-kheo-ni nào, trong khi thầy Tỳ-kheo không có bệnh, khi họ ăn mà cung cấp nước, đứng trước mặt lấy quạt mà quạt. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy có một ông Trưởng giả cùng vợ đi tu. Đúng giờ ăn vào xóm khát thực. Sau khi được đồ ăn thì trở về chùa ni mà ăn. Cô Tỳ-kheo-ni trước kia là vợ của ông, đem nước tới trước mặt ông và lấy quạt quạt cho ông. Thầy Tỳ-kheo nói: Hãy tránh đi chỗ khác, tôi hổ thẹn với người ta chớ có đứng trước mặt tôi. Tỳ-kheo-ni lại nói rằng: Đại đức vì sao mà thẹn với tôi. Thầy Tỳ-kheo lại bảo: Sao không tránh lệ đi cho, tôi xấu hổ lắm. Tỳ-kheo-ni bèn nói: Tôi đứng trước mặt thì bảo rằng đáng hổ thẹn. Vậy chớ ngày xưa làm những chuyện như thế, như thế sao không thẹn. Tỳ-kheo-ni vợ đó vì sân giận nói xong trở cán quạt mà đánh ông, lấy nước đổ trên đầu ông rồi trở về phòng. Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni quở trách Tỳ-kheo-ni này: Người vì sao sân giận đánh thầy Tỳ-kheo, quở trách xong rồi đến

bạch quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật, kết giới. Kết giới xong các Tỳ-kheo-ni nghi không dám săn sóc thầy Tỳ-kheo bệnh. Không ai rót nước cũng không dám hỏi để rót dùm. Đức Phật cho phép các Tỳ-kheo-ni nuôi bệnh Tỳ-kheo, nếu không có nước, cho hỏi: Từ nay về sau cho kết giới như vậy.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu thầy Tỳ-kheo không có bệnh khi ăn Tỳ-kheo-ni cung cấp nước, đứng ở trước mặt lấy quạt mà quạt, phạm tội đoạ. Bốn chúng kia nếu phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Săn sóc thầy Tỳ-kheo bị bệnh...

ĐIỀU 76: *Khất sanh cốc mễ.*

Tỳ-kheo-ni nào xin ngũ cốc sống. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy, lục quần Tỳ-kheo-ni đi xin ngũ cốc sống như mè, lúa, đậu lớn, đậu nhỏ, lúa mạch lớn nhỏ. Các cư sĩ trông thấy chê bai rằng: Các Tỳ-kheo-ni cầu xin không biết nhàm chán, không hổ thẹn, bên ngoài tự nói ta

biết chánh pháp, như vậy thì có gì là chánh pháp, đi xin bao nhiêu thứ ngũ cốc sống, trông giống như dâu nữ, tặc nữ. Các Tỳ-kheo-ni nghe phiền trách lục quần Tỳ-kheo-ni rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia xin ngũ cốc sống cho đến lúa mạch lớn nhỏ đều phạm tội đoạ. Bốn chúng kia nếu phạm kết tội Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu xin từ những người trong thân quyến, hoặc xin từ những người xuất gia, hoặc người khác xin hộ mình, mình xin giúp người khác, hoặc không xin mà tự được.

ĐIỀU 77: *Sanh thảo tiện lợi.*

Tỳ-kheo-ni nào, đại tiểu tiện trên cỏ sống. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước,

cách tịnh xá ni không xa, có một đám cỏ da lâu xanh tươi. Các cư sĩ thường tới nằm, ngồi, giỡn cười, ngâm thơ, hát, múa, hoặc có khi la khóc, các âm thanh đó làm loạn động chư ni toạ thiền. Các Tỳ-kheo-ni bèn chờ cư sĩ đi rồi, đem đồ đại tiểu tiện đổ trên ấy. Lần sau các người cư sĩ trở lại đến chơi bị phân tiểu lấm cả y phục. Vì đồ bất tịnh đó trên cỏ, cỏ cũng chết dần. Vì việc này các người cư sĩ đều chê trách. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia đại tiểu tiện trên cỏ sống phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc có bệnh như vậy, hoặc đại tiểu tiện nơi không có cỏ bị chảy xuống nơi có cỏ, hoặc gió thổi, chim tha làm dơ cỏ...

ĐIỀU 78: *Bất kháng khí uế.*

Tỳ-kheo-ni nào, ban đêm đi đại tiểu tiện trong đồ chứa, sáng ra khi đồ không xem ngoài tường. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật ở tại thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật. Lúc bấy giờ có một người trong lục quần Tỳ-kheo-ni ban đêm đại tiểu tiện trong đồ chứa, sáng ra không xem ngoài tường mà đổ. Gặp lúc đại thần không thích Tam bảo, sáng sớm cỡi xe đến châu vua Bình-sa. Trên đường đi phải đi ngang một bên tịnh xá Tỳ-kheo-ni... Ni đổ đại tiểu tiện từ trên đầu đại thần xuống làm dơ hết cả y phục.

Đại thần nói rằng: Tôi sẽ đến quan xử kiện để tố cáo việc này. Khi ấy một Bà-la-môn biết coi tướng, rất tin Tam bảo hỏi: Đại thần muốn đi đâu?

Đại thần đáp: Tỳ-kheo-ni đổ đồ đại tiểu tiện làm ô nhục tôi, tôi muốn đi kiện. Vị Bà-la-môn biết coi tướng can ngăn rằng: Thôi đi, không nên mang việc này đi kiện, hoặc giả là việc đã không thành, lại thêm bị tội.

Khi ấy, quan đại thần liền nghe theo, trở về. Vị Bà-la-môn biết coi tướng kia, liền vào tịnh xá của Tỳ-kheo-ni hỏi rằng: Tỳ-kheo-ni nào, ban đêm dùng đồ chứa đựng đồ đại tiểu tiện, không xem ngoài tường mà đổ như vậy.

Các Tỳ-kheo-ni đáp rằng:

Chúng tôi không biết, nhưng vì sao mà hỏi việc này?

Bà-la-môn trình bày cho các Tỳ-kheo-ni rõ đầy đủ nhân duyên. Tôi đã can ngăn đại thân này đã thôi rồi, từ nay về sau đừng như vậy nữa. Các Tỳ-kheo-ni bèn họp lại hỏi xem ai đã làm việc này, biết một trong lục quần Tỳ-kheo-ni là thủ phạm. Đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới. Tỳ-kheo-ni kia ban đêm đi đại tiểu tiện trong đồ chứa, sáng mai phải xem ngoài tường mới đổ. Nếu ban đêm thức dậy, trước phải khảm móng tay và đảnh hắng.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu ban đêm đi đại tiểu tiện vào trong đồ chứa, sáng sớm không xem ngoài tường mà đổ phạm tội đoạ. Nếu ban đêm không đảnh hắng, không gậy móng tay, mà đổ, phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Ban đêm đi đại tiểu tiện trong đồ chứa, sáng mai, xem ngoài tường rồi mới đổ, hoặc ban đêm gậy móng tay, đảnh hắng, hoặc nơi ấy đã có đá, gạch, gốc cây, gai, chỗ để đồ đồ bất tịnh, hoặc có vũng nước, hồ bờ, có đồng rác, quét dọn...

ĐIỀU 79: *Vãng quán kỹ nhạc.*

Tỳ-kheo-ni nào, đi xem múa hát. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ gặp ngày hội lớn trong nước, mọi người đều vui chơi múa hát, khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni đi xem. Các người cư sĩ thấy đều chê bai rằng: Họ có khác gì dân nữ, tặc nữ đâu? Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc này rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Quán thích: Xem các thứ vui chơi.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu từ đường đến đường cái, từ đường cái đến chỗ không phải đường. Từ chỗ không có đường đến chỗ đường cái. Từ chỗ cao đến chỗ thấp. Từ chỗ thấp đến chỗ cao, đi đến xem kỹ nhạc, nếu thấy, thì phạm tội đoạ, không thấy thì phạm Á c tác. Nếu nảy ý muốn đi mà không đi, hoặc hẹn đến rồi lại trở về đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có việc đến hỏi, hoặc bị người gọi, hoặc đi đường gặp kỹ nhạc, hoặc chỗ ngủ đậu có kỹ nhạc, hoặc bị cường lực bắt đem đi, hoặc gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 80: *Thôn nội cộng nam bình lập ngữ.*

Tỳ-kheo-ni nào, vào trong làng xóm, cùng nam tử đứng nói chuyện ở chỗ vắng. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp-cô-độc. Lúc bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni, vào làng, ở chỗ vắng cùng người nam đứng nói chuyện. Các cư sĩ trông thấy đều chê bai rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, vào xóm ở chỗ vắng đứng nói chuyện với người nam, giống như dâm nữ, tặc nữ một thứ. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc này rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo. Quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Thôn: Nhà bạch y.

Bình xứ: Là chỗ không thấy không nghe. Không thấy như những chỗ khói, mây, bụi, mù đen tối. Không nghe là không nghe lời nói thường.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu vào thôn xóm cùng người nam đứng nói chuyện ở chỗ vắng, phạm tội đoạ. Nếu cùng với một người bạn mà

họ mù nhưng không điếc, điếc mà không mù, đứng mà không nói, đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu hai Tỳ-kheo-ni làm bạn, nếu có người hiểu biết làm bạn, nếu có nhiều nữ nhơn cùng đứng, hoặc không mù, không điếc, hoặc đi không đứng, hoặc bị bệnh té xuống đất, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói dẫn đi, hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 81: *Dự nam tử nhập bình xứ.*

Tỳ-kheo-ni nào, cùng nam tử đi vào chỗ vắng, khuất. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni cùng nam tử đi vào chỗ khuất vắng. Các cư sĩ thấy đều chê bai. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Bình chương xứ: Dưới cây, sau tường, hàng rào

hay có vải hoặc vật khác che ngăn.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu cùng nam tử vào chỗ khuất vắng phạm tội đoạ. Nếu có đồng bạn mù mà không điếc, điếc mà không mù, đứng mà không đi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Giống như giới trước đã nói.

ĐIỀU 82: *Nhập thôn bình xứ dự nam nhĩ ngữ.*

Tỳ-kheo-ni nào, vào trong thôn, đường hẻm bảo bạn đi cách xa rồi mình với nam tử ở chỗ vắng đứng kề tai nói nhỏ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni ở chỗ vắng trong đường hẻm xóm làng, đứng nói chuyện với nam tử, bảo bạn đi chỗ khác, một mình với nam tử kề tai nói chuyện nhỏ. Các cư sĩ trông thấy chê bai rằng Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, ở chỗ vắng trong xóm làng một

mình với nam tử kê tai nói chuyện nhỏ, nào có khác gì
dâm nữ, tặc nữ. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi
đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch
lên đức Phật kết giới.

*Thôn: Lối đi vào nhỏ hẹp trong làng xóm của
người bạch y.*

*Bình xứ: Chỗ không thấy không nghe, như trên
đã giải thích.*

Nhĩ ngữ: Kê tai nói.

* *Trong giới này được quy định là phạm: Nếu
vào thôn xóm, tại chỗ vắng cùng kẻ nam tử đứng kê
tai nói nhỏ phạm tội đoạ. Rời chỗ thấy đến chỗ nghe,
rời chỗ nghe đến chỗ thấy đều phạm Á c tác. Bốn
chúng kia phạm kết tội Á c tác.*

* *Trường hợp không phạm: Nếu có hai Tỳ-kheo-
ni, hoặc có người nữ hiểu biết, hoặc có người khác
làm bạn, nếu bạn không mù không điếc, hoặc bị bệnh
té xuống đất, bị cường lực bắt, bị trói dẫn đi, hoặc
mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc bạn bị bệnh, bị mất
oai nghi nên bảo họ rằng em hãy đi đi, tôi sẽ đem thức
ăn lại cho em, hoặc họ phá giới, phá kiến, phá oai nghi,
bị cử tội, hoặc bị diệt tẩn, hoặc đáng diệt tẩn, hoặc vì
việc này mà có mạng, phạm hạnh nạn...*

ĐIỀU 83: *Tọa bất ngữ chủ nhưn nhi xả khứ.*

Tỳ-kheo-ni nào, vào nhà bạch y ngồi, không nói với chủ mà bỏ đi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy có một Tỳ-kheo-ni đến thời đắp y cầm bát đi tới nhà một cư sĩ, vợ cư sĩ trải một chỗ ngồi riêng mời cô ngồi rồi đi vào trong nhà trong. Tỳ-kheo-ni ngồi một lát, không bảo với chủ bỏ đi, vừa ra khỏi cửa có một thiếu niên vào, dòm bốn phía không thấy người, liền nghĩ rằng, cái ghế này rất ích lợi cho ta, bèn lấy đem đi. Khi vợ cư sĩ từ nhà trong đi ra không thấy Tỳ-kheo-ni cũng không thấy cái ghế ngồi một người đó, bèn sai người đến hỏi Tỳ-kheo-ni, cái ghế ngồi một mình ấy ở đâu rồi? Tỳ-kheo-ni đáp: Tôi không biết, trong lúc tôi đi ra, thì có một thiếu niên vào nhà bà, có lẽ nó lấy đi. Hãy theo nó mà hỏi, tìm kiếm, lấy ghế đem về. Khi ấy, các cư sĩ đều chê bai rằng Tỳ-kheo-ni không biết tầm quý đối với người tự xưng là Tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp, vì sao ngồi trên ghế của người ta, rồi không từ giả mà bỏ đi, khác

gì dâm nữ, tặc nữ. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu vào trong nhà bạch y ngồi không từ giả chủ nhơn mà bỏ đi ra khỏi cửa phạm tội đoạ. Một chân trong, một chân ngoài cửa, hoặc sửa soạn muốn đi mà không đi, hoặc cùng hẹn để đi mà không đi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Cáo từ chủ nhà mà đi. Nếu có người khác ngồi, khi đi dặn lại người ngồi bên cạnh, người ấy nói rằng, cứ đi không ngại gì, hoặc ngồi trên tảng đá, trên cây, trên đồng gạch, trên thảm cỏ, trên đất, trên nhà sụp, hoặc nhà cháy. Nếu có rắn độc, ác thú, giặc cướp, hoặc bị cường lực bắt, bị trói, bị mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 84: *Bất ngữ chủ nhơn triếp toà.*

Tỳ-kheo-ni nào, vào nhà thế tục tự tiện không nói với chủ mà ngồi trên giường ghế. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy trong thành La-duyệt có một vị đại thần không tin Phật, có một cái ghế một người ngồi, không ai dám ngồi trên đó. Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà thường ra vào nhà ấy coi như đàn-việt. Một hôm đến thời Thâu-la Nan-đà đáp y cầm bát đến nhà người kia, không nói với chủ, bèn ngồi trên cái ghế của đại thần. Đại thần thấy mới hỏi rằng: Ai khiến Tỳ-kheo-ni này ngồi trên ghế của tôi? *Đáp:* Không ai khiến cả, cô ta tự ngồi.

Đại thần liền chê bai, lại nhằm lúc có kinh nguyệt làm như nhóp nộm ghé rồi bỏ đi. Đại thần thấy nổi sân mắng nhiếc: Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý vì sao không nói với chủ mà ngồi trên ghế của họ, kinh nguyệt làm dơ dấy nệm ngồi của người ta, không khác gì dâm nữ tặc nữ. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc ấy rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới. Giới này vẫn nghĩa giống như giới trước đã nói.

** Trong giới này được quy định là phạm: Và bốn chúng phạm tội cũng giống như giới trước.*

** Trường hợp không phạm: Hoặc chỗ vẫn thường*

ngồi, hoặc nhà thân quyến, hoặc có thân quyến nói cô cứ ngồi không can gì, tôi sẽ nói với chủ sau...

ĐIỀU 85: *Bất ngữ chủ nhơn phu toà túc.*

Tỳ-kheo-ni nào, vào nhà bạch y, không bảo chủ, tự tiện trải đồ nằm ra nghỉ. Ba-dật-đê.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp-cô-độc. Khi ấy có chúng đông Tỳ-kheo-ni đang đi giữa đường hướng về phía nước Câu-tát-la, đến một làng không có trụ xứ. Đến nơi không bảo chủ, bèn tự tiện trải tọa cụ ra nghỉ. Cư sĩ trông thấy bèn hỏi ai để cho những Tỳ-kheo-ni ấy ở lại nơi đây? *Đáp:* Không ai sắp đặt cả, họ tự tiện vào nghỉ. Khi ấy các cư sĩ chê bai rằng: Các Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, không bảo với chủ mà vào nhà người ta tự tiện nằm nghỉ, nào có khác gì dân nữ tặc nữ. Các Tỳ-kheo-ni nghe, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Bạch y gia...: Như trên.

Phu tòa: Trái cỏ hoặc trái lá cây, cho đến đồ để năm.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu vào nhà bạch y, không nói với chủ, tự tiện trái đồ nằm ra nghỉ, đặt lưng xuống đất, một lần trần trở phạm một tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có nói với chủ nhân rồi nghỉ, nếu đó là nhà bỏ không, nhà làm phước, nhà quen biết, hoặc có người thân quyến nói: Cô cứ nghỉ, tôi sẽ nói với chủ, hoặc bị cưỡng lực bắt...

ĐIỀU 86: *Dự nam tử nhập ám thất.*

Tỳ-kheo-ni nào cùng người nam tử vào trong nhà tối. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni cùng nam tử vào nhà tối bị các cư sĩ thấy chê bai rằng, vì sao lại cùng với kẻ nam tử đi vào trong nhà tối có khác gì dâm nữ, tặc nữ đâu? Các Tỳ-kheo-ni nghe đều xấu hổ, phiền trách lục

quần Tỳ-kheo-ni rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Ám thất trung: Không có đèn lửa, không có cửa sổ, không có ánh sáng

. * *Trong giới này được quy định là phạm: Kia cùng với kẻ nam tử đồng đi vào trong nhà tối, phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.*

* *Trường hợp không phạm: Nếu có đèn, lửa, có cửa sổ mở ra, có ánh sáng hoặc bị cường lực bắt vào, hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn...*

ĐIỀU 87: *Bất thâm thọ ngữ hương nhơn thuyết.*

Tỳ-kheo-ni nào, không xét kỹ lời mình nghe, ngòì nói với người khác. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà là đệ tử của Tỳ-kheo-ni Sâm- ma. Vị này bảo đệ tử: Người hãy lấy y bát, tọa cụ, ống kim lại đây. Tỳ-kheo-ni Đề-xá liền nhận lời thầy nói, không suy xét kỹ, bảo với các Tỳ-

kheo-ni khác rằng: Thầy tôi dạy tôi ăn cấp y, bát, tọa cụ, ống kim. Các Tỳ-kheo-ni nghe xong hỏi lại Tỳ-kheo-ni Sám-ma: Có thật chị đã dạy cho đệ tử ăn cấp y, bát, tọa cụ, ống kim không? *Đáp:* Thưa các Đại tử tôi đâu có ý này, tôi đâu có dạy đệ tử ăn cấp y, bát, ngọa cụ, ống kim. Tôi chỉ nói hãy lấy những thứ ấy đến đây, không bảo ăn cấp. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe phiền trách Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Bát phẩm để: Tâm tán loạn, lơ đĩnh, không cẩn thận.

Y: 3 y và các y khác.

Bát: 2 loại bằng thiết, bằng đồ gốm, đồ dùng ứng lượng.

Tọa cụ: Trải ra để ngồi, nằm.

Châm đồng: Đồ đựng kim.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu không nghe cho kỹ đã vội nói với người khác rằng: Thầy bảo tôi ăn cấp y bát, tọa cụ, ống kim, nói mà rõ ràng phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có sự thật như vậy, hoặc nói giỡn chơi, hoặc nói gáp gáp, nói một

mình, nói trong mộng, hoặc muốn nói điều này lại nói làm điều kia...

ĐIỀU 88: *Hữu tiểu duyên sự tiện chú trớ.*

Tỳ-kheo-ni nào, như một việc nhỏ bèn thề thốt độc trong ba đường ác, không gặp Phật pháp. Nếu tôi có chuyện như vậy sẽ đọa trong ba đường ác không gặp Phật pháp. Nếu chị có chuyện như vậy cũng sẽ đọa trong ba đường ác không gặp Phật pháp. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni như một việc nhỏ, mà giận nhau nói lên những lời thề thốt. Các Tỳ-kheo-ni nghe khiển trách kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới, đức Phật dạy: Từ nay trở đi cho phép thốt lên Nam mô Phật. Nếu tôi có chuyện như vậy, Nam mô Phật, nếu chị có chuyện như vậy cũng niệm Nam mô Phật.

* *Trong giới này được quy định là phạm: Nếu có*

việc nhỏ mà tự thề thốt đọa vào ba đường ác, không được sinh vào chỗ Phật pháp, hoặc tôi cũng vậy, hoặc chị cũng như vậy. Nói mà rõ ràng phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Ác tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu nói Nam mô Phật, hoặc nói giỡn cười, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này làm nói việc kia...

ĐIỀU 89: *Cộng đấu tránh chùy hung đề khóc.*

Tỳ-kheo-ni nào cãi lộn nhau, không nhớ rõ việc cãi vã, đấm ngực la khóc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại Câu-diêm-di, nước Cù-su-la. Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ca-la, cãi lộn với các cô khác, không nhớ kỹ chuyện tranh chấp, bèn tự tay đấm ngực la khóc. Các Tỳ-kheo-ni thấy thế đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đầu tránh: Có 4 thứ tranh cãi như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu cùng cãi vả nhau rồi không nhớ rõ, đấm ngực la khóc, một cái đấm ngực, một tội đọa, một giọt nước mắt rơi xuống, một tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc có bệnh như vậy, hoặc khi ăn mặc nghẹn phải đấm sau lưng, hoặc do đi đại tiểu tiện chảy nước mắt, hoặc do gió, lạnh, nóng, khói xông, hoặc khi nghe pháp tâm sanh nhàm chán, hoặc mắt bị bệnh điếm thuốc các duyên có đó, làm nước mắt chảy không phạm.

ĐIỀU 90: *Vô bệnh đồng sàng ngọa giới.*

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà hai người cùng nằm một giường. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Ba-kỳ-đà. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni, hai người nằm một giường. Các Tỳ-kheo-ni khác thấy cho là cùng nằm với nam tử. Khi dậy mới

biết là không phải. Khi ấy có một vị đại tướng mạnh mẽ đa trí, đầy đủ tài năng chiến đấu rất giỏi, mới cưới vợ không bao lâu, bị vua sai đi viễn chinh, liền nghĩ thế này: Ta nay đánh giặc xa, đem vợ gởi cho ai đây. Muốn đem gởi cho nhà cư sĩ, nhà cư sĩ rất đông con trai, không thể gởi được. Đại tướng trước kia có quen biết với Tỳ-kheo-ni Bạt -đề Ca-tỳ-la, ta nay nên đem vợ mà ký thác cho Tỳ-kheo-ni Ca-tỳ-la rồi, sau đó sẽ xuất chinh, liền đem gởi. Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ca-tỳ-la bèn nhận lời uỷ thác. Vì muốn bảo vệ cho bà vợ ấy nên tối cho nằm chung giường. Tỳ-kheo-ni Ca-tỳ-la này thân thể mềm mại. Bà vợ này xúc chạm sanh tâm ái luyến. Khi ấy đại tướng chinh phạt xong trở về, đón đưa vợ về nhà, người vợ kia đắm say thân thể mềm mại của Tỳ-kheo-ni, nên bà lại trốn trở về lại chốn của Tỳ-kheo-ni kia. Đại tướng này lại nghĩ rằng: Ta muốn làm việc tốt mà hoá ra xấu. Tại sao vợ ta bấy giờ không yêu ta nữa, mà lại đắm say Tỳ-kheo-ni, bỏ ta trốn theo cô ấy. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe chuyện ấy rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tặng quở trách lục quần, Tỳ-kheo-ni và Tỳ-kheo-ni Ca-tỳ-la rồi, bèn kết giới. Khi ấy có người nghi không dám cùng nằm chung với Tỳ-kheo-ni bị bệnh, cũng không dám xen ngồi, xen nằm.

Đức Phật dạy cho phép được nằm chung một giường với người bệnh, cũng cho xen nhau để ngồi, nằm, rồi dạy quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau nên kết giới như vậy.

Sàng: Có 5 thứ như trước đã giải thích.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni không có bệnh, hai người cùng ngủ chung một giường, đặt lưng xuống giường chiếu, mỗi mỗi đều phạm tội đọa, mỗi lần trần trở phạm một tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu cùng nằm chung với người bệnh, hoặc đổi nhau nằm, ngồi, hoặc bị bệnh té xuống đất. Hoặc bị cường lực bắt buộc, hoặc bị trói hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn...

(HẾT QUYỂN VIII)

QUYỂN IX

LUẬT TỬ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỔN LƯỢC KÝ

ĐIỀU 91: *Cộng đồng nhứt nhục bị ngộa.*

Tỳ-kheo-ni nào, hai người cùng nằm một mền nệm. Ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật nước Bà-kỳ-đà. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni, hai người nằm một nệm đắp chung một mền các Tỳ-kheo-ni trông thấy tướng nằm với nam tử. Khi dậy mới biết không phải nam tử, quở trách kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới. Sau có người chỉ có một nệm bằng cỏ, hoặc là lá cây mà không dám nằm chung. Đức Phật liền cho phép các Tỳ-kheo-ni nên mỗi người trải nệm riêng mà nằm. Nếu trời lạnh mà chỉ có một cái

mền, thì cho phép các ni mặc áo lót, bên trong cho kín đáo rồi cùng nằm chung. Từ nay về sau nên kết giới như vậy.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu hai người cùng nằm một nệm đắp chung một mền, lưng dính xuống giường liền phạm tội đọa, mỗi lần trần trở phạm một tội đọa. Nếu cùng nằm một nệm mà đắp mền khác hoặc cùng đắp một mền, riêng nệm đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm, kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu chỉ có một tấm nệm hoặc bằng cỏ, hoặc bằng lá cây, mỗi người trải một tấm nệm riêng của mình. Nếu khi mùa lạnh đắp chung một mền, nhưng mọi người phải mặc áo lót mình cho kín đáo. Hoặc bị bệnh té xuống đất, hoặc bị cường lực bắt, hoặc mạng nạn phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 92: *Tiên hậu cố não tụng kinh vấn nghĩa.*

Tỳ-kheo-ni nào biết người kia ở trước, mình đến sau biết người đến sau mình ở trước, vì muốn xúc não, trước mặt người kia tụng kinh, hỏi nghĩa, giáo thọ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ trong vườn Kỳ thọ Cấp-cô- độc. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni vì muốn xúc nã người ở trước mình đến sau, cố ý ở trước họ tụng kinh, hỏi nghĩa, giáo thọ. Các Tỳ-kheo-ni quở trách lục quần Tỳ-kheo-ni rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu người kia biết người ở trước, mình đến sau, người đến sau, mình ở trước vì muốn xúc nã mà ở trước họ tụng kinh, hỏi nghĩa, giáo thọ, nói mà rõ ràng thì phạm tội đoạ, không rõ ràng thì phạm Á c tác. Bốn chúng kia nếu phạm, kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu không biết hoặc đã bằng lòng trước, hoặc là thân quyến, hoặc người thân quyến nói cô cứ dạy bảo đi tôi sẽ vì cô mà nói. Hoặc người ở trước xin học kinh với người đến sau, hoặc người đến sau xin tụng kinh với người ở trước, hoặc hai người cùng theo người khác mà học, hoặc kia hỏi đây trả lời, hoặc cùng tụng chung, hoặc nói giỡn cười, nói gáp gáp, nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này nói lầm việc kia.

ĐIỀU 93: *Bất chiêm thị bệnh.*

Tỳ-kheo-ni nào, có bạn cùng sống bị bệnh mà không chăm nom. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà, có một người bạn Tỳ-kheo-ni cùng sống bị bệnh mà không chăm sóc. Các Tỳ-kheo-ni hỏi rằng: Chị vì sao cùng sống với Tỳ-kheo-ni ấy mà lại không chăm sóc? Cô kia vẫn không chịu chăm nom. Vì không chăm nom săn sóc nên người ấy phải chết. Các Tỳ-kheo-ni liền quở trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà xong, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Đồng hoạt: Nghĩa là hai Tỳ-kheo-ni cùng sinh hoạt chung.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu người đồng sinh hoạt với mình bị bệnh mà không chăm sóc phạm tội đọa Trừ người cùng sinh hoạt với mình bị bệnh, còn các vị Tỳ-kheo-ni khác, hoặc Hoà thượng, A-xà-lê, hoặc là đồng hàng Hòa thượng A-xà-

lê, hoặc đệ tử, hoặc thân quyến quen biết... bị bệnh mà không chăm sóc đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm kết tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm*: Săn sóc cho người đồng sinh hoạt bị bệnh, hoặc mình cũng bệnh không thể chăm sóc bệnh cho người kia được, hoặc nếu vì việc chăm sóc mà phải nguy đến tánh mạng, đến phạm hạnh nạn thì không săn sóc không phạm.

ĐIỀU 94: *Sơ thỉnh an sàng hậu sân khu xuất.*

Tỳ-kheo-ni nào, đầu mùa An cư đã cho các Tỳ-kheo-ni khác để giường trong phòng, sau nôi sân đuổi ra. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà đầu mùa An cư đã cho các Tỳ-kheo-ni khác bày giường trong phòng giữa mùa An cư nôi sân kéo giường đuổi ra. Khi ấy Tỳ-kheo-ni kia xấu hổ, sợ mất giới thất dạ bèn hoàn tục. Các Tỳ-kheo-ni nghe quở trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la

Nan-đà xong rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

An cư trung: Nghĩa là thọ An cư xong rồi.

Sàng: Có 5 thứ như trên.

* *Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào?* Nếu đầu mùa An cư đã cho các Tỳ-kheo-ni khác bày giường trong phòng, sau sân giận đuổi ra, tùy theo các cách đuổi, và tùy theo số cửa lòi ra, mỗi mỗi đều phạm tội đọa. Nếu sửa soạn đuổi nhiều người ra nhiều cửa, hoặc đuổi nhiều người ra một cửa, hoặc đuổi một người ra nhiều cửa, đều phạm nhiều tội đọa. Nếu đuổi một người ra một cửa phạm một tội đọa. Nếu ném y bát đồ dùng của họ ra phạm tội Á c tác. Nếu đóng cửa không cho họ vào phạm tội Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu không vì sân giận, Thượng tọa đuổi Hạ tọa ra, hoặc đuổi người chưa thọ đại giới ở đến đêm thứ ba, hoặc khiến người bệnh đi ra chỗ đại tiện để đi, hoặc nếu người kia là kẻ phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bị cử tội, bị đuổi hoặc đáng khai trừ, hoặc nếu vì việc cho ở này mà mình bị mạng nạn, phạm hạnh nạn... đuổi ra không phạm.

ĐIỀU 95: *Nhứt thiết thời du hành.*

Tỳ-kheo-ni nào, vào tất cả thời tiết xuân, hạ, đông du hành trong nhơn gian, trừ có việc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni đi rong trong nhân gian cả ba thời xuân, hạ, đông, gặp lúc mưa to gió lớn, nước sông dâng lên trôi mất y bát, toạ cụ, ống kim, lại dẫm chết cỏ tươi. Các cư sĩ thấy đều chê bai. Các Tỳ-kheo-ni này cứ sao cứ du hành suốt năm như vậy, gặp lúc mưa to gió lớn nước lụt mất hết cả đồ vật, lại còn dẫm chết cỏ tươi hại mạng sống của chúng sanh như thế ư? Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới. Nếu có việc Phật, Pháp, Tăng, nuôi bệnh thì đức Phật cho phép 7 ngày ở ngoại giới để đi.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu đi rong trong nhân gian suốt cả ba thời. Xuân, hạ, đông... tùy vào giới hạn của thôn, mỗi mỗi đều phạm tội. Nếu không có thôn và chỗ không có ranh giới, du hành

trong phạm vi 10 dặm phạm tội đọa. Chưa đến một thôn, đi dưới 10 dặm phạm Á c tác. Đi trong giới hạn một thôn phạm Á c tác. Sửa soạn muốn đi mà không đi, hoặc cùng hẹn mà không đi, đều phạm tội Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu vì việc Tam Bảo, việc nuôi bệnh Tỳ-kheo-ni, đã thọ pháp 7 ngày ở ngoại giới rồi mới đi, hoặc bị cưỡng lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 96: *Thọ thỉnh an cư ngật bất khứ.*

Tỳ-kheo-ni nào, thọ cư sĩ cúng dường chế độ An cư, trong thời hạn 3 tháng, hạ An cư xong rồi không đi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ những người cư sĩ trong thành Xá-vệ mời Tỳ-kheo-ni Sám-ma cùng nhau lập chế độ chúng tôi cùng nhau cúng dường Chúng tăng, cho đến cuối mùa

hạ An cư thì thôi. Tỳ-kheo-ni Sám-ma đến thời gian phải đi mà cứ ở không chịu đi. Các cư sĩ đều chê trách rằng: Chúng tôi trước đây thỉnh cúng dường có chế độ, mà nay An cư xong rồi, vì lý do gì mà lại không đi như vậy? Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia, rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu cư sĩ thỉnh cúng dường chế độ An cư ba tháng xong rồi phải ra đi, cho đến một đêm, nếu không ra đi phạm tội đoạ. Bốn chúng kia nếu phạm kết tội Á c tác.

** Trùng hợp không phạm:* Hạ An cư xong đi ngay. Nếu người cư sĩ mời ở lại, cúng dường trở lại. Nếu hết nhà này đến nhà khác mời ăn. Nếu có nam nữ thân quyến mời ăn hôm nay, hoặc ăn vào ngày mai, hoặc bị bệnh không có ai săn sóc, hoặc gặp nạn nước, ác thú, giặc cướp, hoặc bị cường lực bắt, bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 97: *Biên giới hữu nghi du hành.*

Tỳ-kheo-ni nào, du hành chỗ biên giới có sự nghi nan và đáng sợ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ chỗ biên giới nước của vua Ba-tư-nặc nhân dân nổi lên làm loạn, lục quân Tỳ-kheo-ni du hành trong nhân gian đến chỗ đáng sợ ấy. Bọn giặc trông thấy liền bảo, lục quân Tỳ-kheo-ni này đều được vua Ba-tư-nặc cúng dường, ta nên quấy nhiễu họ. Các cư sĩ đều chê trách. Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Biên giới: Chỗ xa kinh thành.

Hữu nghi: Nghi có giặc cướp.

Khủng bố: Sợ có giặc cướp.

* Trong giới này được quy định là phạm: Nếu ở chỗ có giặc và những việc đáng sợ mà đi du hành, tùy theo đi vào một thôn phạm một tội đoạ. Không có thôn xóm đi trong chốn A-lan-nhã trong vòng 10 dặm phạm một tội đoạ. Đi dưới một thôn, dưới 10 dặm đều phạm Á c tác, nếu đi giới hạn trong một thôn và sửa soạn muốn đi hện hò mà không đi đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu được mời đến hoặc bị thỉnh, hoặc có việc phải thưa hỏi, hoặc bị cường lực bắt hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Hoặc mình đã đến trước sau chuyện khủng bố mới xảy ra.

ĐIỀU 98: *Giới nội hữu nghi du hành.*

Tỳ-kheo-ni nào, ở trong cương giới, chỗ có sự nghi đáng sợ, mà du hành trong nhưn gian. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Duyên và xứ đều giống như giới trước. Khi ấy các người cư sĩ đều cùng nhau chê bai. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Giới nội: Chung quanh bốn mặt thành đô.

Hữu nghi khủng bố: Như trên.

Tướng phạm trong giới này và bốn chúng phạm tội, không phạm hoàn toàn giống giới trước.

ĐIỀU 99: *Thân cận cư sĩ dự ni.*

Tỳ-kheo-ni nào thân cận cư sĩ, con cư sĩ, cùng ở chung, làm hạnh không hợp chánh pháp, bị các Tỳ-kheo-ni khác can rằng: Này em, chớ thân cận cư sĩ, con cư sĩ, ở chung với họ làm chuyện không hợp chánh pháp, em hãy ở riêng, nếu ở riêng thì trong Phật pháp mới có sự tăng ích sống an vui. Tỳ-kheo-ni kia khi can gián Tỳ-kheo-ni này vẫn giữ chặt không bỏ. Tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần, cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, không bỏ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy có Tỳ-kheo-ni thân cận cư sĩ cùng ở chung, các Tỳ-kheo-ni khác can gián mà không bỏ, liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật cho phép ni tăng làm pháp bạch tứ Yết-ma để quở trách can gián cho bỏ việc này đi rồi như đó mà kết giới.

Thân cận: Thường nói chuyện, cười giỡn, đùa cợt nhau.

Cư sĩ, cư sĩ nhi: Chỉ chung những người chưa xuất gia.

Bỉ Tỳ-kheo-ni gián thủ Tỳ-kheo-ni ngôn: Nghĩa là nói lời riêng can gián như trên.

Đại tỷ: Đó là tiếng kêu gọi.

Bỉ Tỳ-kheo-ni gián thủ Tỳ-kheo-ni kiên trì bất xả: Nghĩa là nói lời riêng can gián trên mà vẫn thân cận không bỏ. Thì nên nói rằng: Này em! Nên bỏ việc này đi chớ để Chúng tăng la rầy lại phạm tội. Nếu nghe theo lời nói thì tốt, không nghe theo lời nói, nên ở giữa Chúng tăng một lần tác bạch ba lần Yết-ma can gián.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Sau khi Yết- ma lần thứ ba xong phạm tội đoạ. Tác bạch và hai lần Yết- ma xong phạm ba tội Á c tác. Tác bạch và một lần Yết-ma xong mà xả thì phạm hai tội Á c tác. Tác bạch xong, xả, thì phạm một tội Á c tác. Tác bạch chưa xong liền xả và trước khi chưa tác bạch, thân cận với cư sĩ và con cư sĩ làm những hạnh không tùy thuận đều phạm tội Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Nếu vừa nói đã bỏ, nếu làm các pháp Yết-ma phi pháp,... đúng ra sau khi Yết-ma lần thứ ba xong thì phạm tội đoạ, nhưng chỉ phạm Á c tác thôi, hoặc tất cả những việc làm đều không bị la rầy thì không phạm.

ĐIỀU 100: *Vãng quán vương cung đường, lâm trì*

Tỳ-kheo-ni nào, đi xem cung vua, lâu đài trang trí mỹ thuật, vườn rừng hồ tắm... Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni đi xem cung vua, lâu đài trang trí mỹ thuật, vườn rừng ao tắm, bị các cư sĩ thấy chê bai. Các Tỳ-kheo-ni nghe bèn đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu cố ý đến xem cung vua... từ đường đến đường cái, từ đường cái đến chỗ không phải đường, từ chỗ không có đường đến chỗ đường cái, từ chỗ cao đến chỗ thấp, từ chỗ thấp đến chỗ cao, đi xem mà có thấy thì phạm tội đoạ. Đi xem nhưng không thấy phạm Á c tác. Sửa soạn muốn đi mà không đi, hoặc hẹn mà không đi đều phạm tội Á c tác. Bốn chúng kia phạm đều kết tội Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Nếu vào đây có việc, nếu được gọi, được mời đến. Nếu đi đường ngang qua

đó, hoặc ngủ nhờ, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói đem đến, hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn. Hoặc nếu vì việc Tăng việc pháp đi xem để lấy mẫu, đều không phạm.

ĐIỀU 101: *Lộ hình tại hà đấng xir thủy dục.*

Tỳ-kheo-ni nào lộ thân hình tắm trong dòng nước sông, nước suối, nước lạch, nước hồ, nước chảy. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni lộ thân hình tắm trong nước, trong sông, hồ, lạch... bị các tặc nữ, dân nữ đi đến chỗ ấy bảo rằng: Các cô còn trẻ, nách chưa có lông mà tại sao đã xuất gia tu hành như vậy. Sao không nhân tuổi nhỏ mà hưởng thụ khoái lạc đã, đến già hãy tu phạm hạnh, như vậy được cả đôi đường chẳng hơn ư? Có cô còn trẻ nghe vậy thì không thích tu nữa, các cư sĩ thấy đều chê bai. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý

thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Nên dùng 4 việc che người mà tắm:

1. Tắm nơi bờ sông có khúc quanh.
2. Chỗ có bóng cây che.
3. Nước che.
4. Dùng y che thân.

Nếu 3 việc trên không được, thì cho lấy đồ che kín lại, dùng y che kín lại. Tất cả đều phải *như pháp* mới được làm.

* *Trong giới này quy định là phạm*: Nếu lộ thân hình tắm những nơi dòng nước chảy, thấm ướt cả thân mình phạm tội đọa, không thấm ướt toàn thân phạm Ác tác. Sửa soạn muốn tắm mà không tắm, hẹn đi tắm nhưng không đi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Ác tác.

* *Trường hợp không phạm*: Dùng 4 việc trên để che người mà tắm, hoặc bị cường lực bắt...

ĐIỀU 102: *Tác dụng y quá lượng.*

Tỳ-kheo-ni nào, may áo tắm, phải đúng lượng, là dài 6 gang tay Phật, rộng 2 gang rưỡi, nếu quá. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy, đức Thế tôn cho phép Tỳ-kheo-ni may áo tắm. Lục quần Tỳ-kheo-ni liền may những thứ áo tắm dài rộng, các Tỳ-kheo-ni thấy rồi hỏi rằng: Đức Phật cho Tỳ-kheo-ni cắt chứa 5 y. Vậy đây là y gì? *Đáp:* Đây là áo tắm của chúng tôi. Các Tỳ-kheo-ni vì nhân duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Dục y: Áo để che thân mà tắm.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Bề dài quá lượng, bề rộng vừa đủ. Bề dài vừa đủ, bề rộng quá lượng, hoặc cả hai chiều đều quá lượng. Tự mình cắt may, hoặc nói người cắt may, may xong phạm tội đoạ, không xong phạm Á c tác. Nếu vì người khác mà may thành hay không thành đều phạm Á c tác, thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* May đúng lượng hoặc ít thua lượng định, hoặc nhận được y đã may thành rồi, cắt sửa cho đúng pháp, hoặc may chồng lên nhau.

ĐIỀU 103: *Phùng y quá nhật.*

Tỳ-kheo-ni nào may y Tăng-già-lê quá 5 ngày, trừ khi xin y Tăng-già-lê, xuất công đức y, 6 chướng nạn xảy ra. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ có một Tỳ-kheo-ni muốn may y Tăng-già-lê. Thân-la Nan-đà bảo rằng: Này em, hãy đem đến đây, tôi sẽ cắt may giùm cho. Cô kia liền đem vải đến cắt. Tỳ-kheo-ni kia là người thông minh, nhiều người quen biết, giáo hoá rất giỏi. Tỳ-kheo-ni Thân-la Nan-đà nghĩ rằng ý muốn khiến Tỳ-kheo-ni cúng dường cho mình lâu, cắt xong đã lâu mà không chịu may cho thành. Khi ấy tình xá của Tỳ-kheo-ni Thân-la Nan-đà đang ở bị hoả hoạn. Vải vóc tài sản đồ vật đều bị lửa thiêu rụi, lại bị gió thổi bay tứ tán, các cư sĩ thấy đều chê trách. Các Tỳ-kheo-ni vì nhân duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Tăng-già-lê y: Có 3 phẩm:

Qúa ngũ nhựt: Sau khi xuất công đức y rồi quá 5 ngày.

Lục nạn sự: Nếu khi may, khi sửa, mà không có dao kéo, kim, hoặc không có chỉ, hoặc thiếu không đủ vải, hoặc người có y đã phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bị cử tội, bị diệt tẩn, hoặc đáng diệt tẩn.

** Trong giới này được quy định là phạm: Nếu may Tăng-già-lê quá 5 ngày phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.*

** Trường hợp không phạm: Khi đã xuất công đức y rồi cần may Tăng-già-lê mà 6 nạn xảy ra thì quá 5 ngày không phạm, hoặc vì hoàn tất mà bị nạn nguy đến mạng sống, đến phạm hạnh...*

ĐIỀU 104: *Qúa ngũ nhựt bất khán y.*

Tỳ-kheo-ni nào, quá 5 ngày không xem y Tăng-già-lê. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Tỳ-xá-ly, bên sông Di-hầu trong giảng đường Lôu các. Lúc bảy giờ Chúng tăng

được cúng dường nhiều y. Khi ấy có Tỳ-kheo-ni cất y Tăng-già-lê trong phòng không xem đến, bị sâu ăn phai màu. Sau đó sự cúng dường cho Chúng tăng chấm dứt, Tỳ-kheo-ni không xem y này mới đến bên phòng để xem y, khi vào trong phòng rồi mới thấy y bị sâu ăn phai màu. Các Tỳ-kheo-ni vì nguyên nhân này, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu để y ở trong phòng 5 ngày phải đến xem, không xem, phạm tội đoạ. Trừ y Tăng-già-lê ra. Quá 5 ngày không xem các Y khác phạm Á c tác. Không xem các đồ dùng khác, để hư hoại mất mát, bị sâu cắn phai màu đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Nếu để Tăng-già-lê trong phòng cứ 5 ngày xem một lần, nếu để chỗ chắc chắn, nếu nhờ người khác xem chừng giúp, mà người kia nói rằng cứ yên tâm...

ĐIỀU 105: *Dự Tăng y tác lưu nạn.*

Tỳ-kheo-ni nào, khi người ta cúng dường y cho Chúng tăng, mình ngăn lại. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp-cô- độc. Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà có người đàn-việt thân tình muốn cúng dường vật thực và y cho Chúng tăng. Thâu-la Nan-đà nghe, bèn tới hỏi: Em muốn cúng dường vật thực và y cho Chúng tăng có phải không? *Đáp:* Dạ phải.

Thâu-la Nan-đà nói: Chúng tăng có công đức lớn, oai thần lớn, nhiều đàn-việt đã cúng rồi, em đã cúng nhiều nơi, bấy giờ chỉ nên cúng thức ăn, không cần cúng y nữa. Người đàn-việt liền thưa: Dạ vâng. Rồi theo lời không cúng y, liền trong đêm đó sắm đầy đủ để cúng dường một bữa ăn. Sáng sớm hôm sau đến bạch: Thời đã đến.

Các Tỳ-kheo-ni đắp y bung bát đi đến nhà kia vào chỗ ngồi mà ngồi. Khi ấy người đàn-việt thấy đoàn Ni tăng oai nghi đĩnh đạc, pháp phục chỉnh tề, thấy rồi tâm sanh hối tiếc bất giác thốt lên rằng: Đại chúng tốt đẹp thế này, sao lại ngăn tôi cúng dường y. Các Tỳ-kheo-ni hỏi rằng vì sao thốt lên lời như vậy? Người đàn-việt liền thưa đầy đủ duyên cớ. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi, vì nhơn duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Chúng tăng: Như trên.

Y: có 10 thứ như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu ngăn sự cúng dường y cho Chúng tăng phạm tội đọa, ngăn sự cúng dường cho những người khác phạm Á c tác, ngăn cúng dường các vật khác ngoài y phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu người ta muốn cúng ít mà mình khuyên cúng nhiều. Muốn cúng ít người khuyên cúng nhiều người. Muốn cúng đồ xấu khuyên họ cúng đồ tốt, hoặc nói giỡn chơi, nói chớ vắng, nói nhanh, nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này nói lầm việc khác.

ĐIỀU 106: *Bất vấn trước tha y.*

Tỳ-kheo-ni nào, không hỏi chủ, tự tiện đáp y của họ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ có Tỳ-kheo-ni mặc y của cô khác, không

hỏi chủ, vào thôn khát thực. Vị chủ chiếc y không biết, tưởng mất y, bèn đi tìm kiếm, mới thấy Tỳ-kheo-ni kia mặc y của mình mà đi, liền cho cô kia là phạm giới ăn trộm. Cô kia liền nói rằng: Tôi không ăn trộm y của chị vì nghĩ là thân tình lấy y của chị mặc mà thôi. Các Tỳ-kheo-ni kia nghe quở trách cô kia rồi. Đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu lấy y của người khác mặc không hỏi chủ mà đi, phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có hỏi chủ, nếu đó là người thân tình. Hoặc có người thân bảo chị cứ mặc đi, tôi sẽ bảo chủ sau...

ĐIỀU 107: *Trì y thí ngoại đoạ.*

Tỳ-kheo-ni nào, đem y Sa-môn mà cho bạch y và ngoại đoạ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ Bạt-nan-đà thích tử có hai Sa-di. Một

người tên Nhi, một người tên Mật. Một người thôi tu. Một người đắp ca-sa mà vào trong chúng ngoại đạo. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni đem y Sa-môn mà cho người thôi tu và người đã vào ngoại đạo. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi vì nhơn duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Sa-môn y: Y nhuộm màu hoại sắc.

Ngoại đạo: Người xuất gia theo pháp khác với Phật pháp.

Bạch y: Người tại gia.

* *Trong giới này được quy định là phạm: Nếu đem y Sa-môn cho người kia nhận, phạm tội đoạ. Mình cho mà người kia không nhận, phạm Á c tác. Sửa soạn muốn đem cho mà không cho. Hẹn sẽ cho mà không cho, đều phạm tội Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội giống như trên.*

* *Trường hợp không phạm: Nếu cho cha mẹ, cho người xây chùa tháp, cho người làm giảng đường, nhà cửa, tính giá trị bữa ăn mà cho, hoặc bị cường lực đoạt lấy...*

ĐIỀU 108: *Giá tăng phân y.*

Tỳ-kheo-ni nào, khởi lên ý nghĩ, Chúng tăng như pháp chia y, ta hãy ngăn lại, khiến đừng chia, vì sợ đệ tử của mình không được phân. Ba-dật-đề.

LUỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ chúng Tỳ-kheo-ni được sự cúng dường y đúng pháp muốn phân chia. Thâu-la Nan-đà có rất nhiều đệ tử đi xa hết không hiện diện. Cho nên bà liền nghĩ rằng: Ta hãy ngăn Chúng tăng phân y như pháp, vì sợ đệ tử không được phân. Các Tỳ-kheo-ni biết ý ấy, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Chúng tăng: Như trên.

Pháp: Như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Y: Có 10 thứ như trên.

* Trong giới này được quy định là phạm: Nếu khởi ý như vậy: Chúng tăng phân y như pháp, ta hãy ngăn lại khiến đừng chia, sợ đệ tử không được phân, phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu phân y không đúng thời, hoặc phi pháp... nếu khi muốn phân chia mà sợ mất, sợ hỏng ngăn không cho phân...

ĐIỀU 109: *Linh tăng bất xuất Ca-si-na y.*

Tỳ-kheo-ni nào, khởi lên ý nghĩ: Hãy làm cho Chúng tăng không xuất công đức y được. Sau sẽ xuất. Vì muốn được phóng xả 5 việc cho lâu. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ chúng Tỳ-kheo-ni tăng như pháp xuất y Ca-si-na. Lục quần Tỳ-kheo-ni khởi lên ý nghĩ nay khiến cho Chúng tăng không xuất y Ca-thi-na, sau sẽ xuất, vì muốn 5 việc phóng xả được lâu. Các Tỳ-kheo-ni biết lục quần Tỳ-kheo-ni có ý ấy đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu có ý khởi lên ý tưởng đình chỉ Chúng tăng như pháp xuất công đức y, muốn để được 5 việc phóng xả lâu, phạm

tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trùng hợp không phạm*: Nếu xuất phi thời, phi pháp... hoặc nếu khi xuất sợ mất, sợ hỏng mà ngăn lại không cho xuất... đều không phạm.

Năm việc phóng xả.

1. Được cất chứa y dư
2. Được lìa y mà ngủ.
3. Được ăn biệt chúng.
4. Được ăn nhiều bữa.
5. Trước giờ ăn, sau giờ ăn được vào làng không dặn lại các Tỳ-kheo-ni khác.

ĐIỀU 110: *Già tăng bắt xuất Ca-si-na y.*

Tỳ-kheo-ni nào, có ý nghĩ như vậy: Hãy ngăn Tỳ-kheo-ni tăng dừng xuất y Ca-si-na. Vì muốn được 5 việc phóng xả cho lâu. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo-ni tăng muốn xuất y Ca-si-

na. Lục quần Tỳ-kheo-ni khởi ý nay Tỳ-kheo-ni tăng như pháp xuất y Ca-si-na, hãy ngăn khiến đừng xuất, vì muốn được 5 việc phóng xả cho lâu. Các Tỳ-kheo-ni biết lục quần Tỳ-kheo-ni có ý nghĩ ấy, liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Người kia nếu khởi ý ngăn Tỳ-kheo-ni tăng như pháp xuất y Ca-si-na, muốn được 5 việc phóng xả cho lâu. Nói rõ ràng thì phạm tội đoạ, không rõ ràng thì phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu xuất phi thời, phi pháp... hoặc sợ mất, hư...

ĐIỀU 111: *Bất dự diệt tránh.*

**Nếu Tỳ-kheo-ni bảo Tỳ-kheo-ni khác rằng:
Hãy dàn xếp việc tranh cãi này dùm tôi, mà không
tìm cách chấm dứt tranh chấp. Ba-dật-đề.**

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước.

Lúc bấy giờ có các Tỳ-kheo-ni cãi nhau, đi đến Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà nói rằng: Hãy giúp chúng tôi đình chỉ cuộc tranh chấp này. Thâu-la Nan-đà thông minh, có trí có thể hoà giải tranh chấp, thế mà không chịu tìm cách đình chỉ việc tranh chấp. Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni kia do tranh chấp không hoà hợp, ưu sầu không vui, bèn bỏ đạo đi về. Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo tặng bạch lên đức Phật kết giới.

Đầu tránh: Có 4 thứ như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm: Tỳ-kheo-ni kia nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: Xin vì chúng tôi diệt chuyện tranh chấp này mà không tìm cách để diệt đi, phạm tội đoạ, trừ sự gây gỗ lớn, nếu có những cuộc cãi nhau nhỏ mà không tìm cách diệt phạm Ác tác. Nếu việc gây gỗ của mình mà không tìm cách để diệt cũng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Ác tác.*

* *Trường hợp không phạm: Nếu vì họ mà diệt, hoặc bày cho phương cách, hoặc bị bệnh, hoặc nói mà họ không làm theo, hoặc người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bị cử tội, bị đuổi, đáng bị đuổi, hoặc nếu làm thì bị nạn nguy đến tánh mạng và phạm hạnh...*

ĐIỀU 112: *Trì thực dự bạch y ngoại đạo.*

Tỳ-kheo-ni nào tự tay đem thức ăn cho bạch y và ngoại đạo ăn. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy Bạt-nan-đà Thích tử có hai Sa-di, một người tên Nhĩ, một người tên Mật. Một người thô tu, một người nhập chúng ngoại đạo mà vẫn đắp Ca-sa. Lục quần Tỳ-kheo-ni đem thức ăn cho người bạch y và người đã vào ngoại đạo ấy. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo lên bạch đức Phật kết giới. Các Tỳ-kheo-ni nghi không dám để trên đất mà cho, cũng không dám sai người đem cho, để trên đất mà cho. Từ nay về sau phải thuyết giới như vậy.

Bạch y: Người tại gia.

Ngoại đạo: Người đi tu theo tôn giáo khác.

Thực: Như trên.

** Trong giới này được quy định là phạm: Tỳ-*

kheo-ni kia tự tay đem đồ ăn cho bạch y và ngoại đạo. Đây cho, kia nhận, phạm tội đọa, không nhận, phạm Á c tác. Sửa soạn muốn cho mà không cho, hoặc hẹn sẽ cho sau hối hận không cho, đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Hoặc để trên đất mà cho, hoặc khiến người cho, hoặc cho cha mẹ, cho người xây tháp, hoặc bị cường lực cướp đoạt...

ĐIỀU 113: *Vị bạch y tác sứ.*

Tỳ-kheo-ni nào làm sứ giả cho bạch y. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni làm những công việc trông nom việc nhà cho người bạch y: Hoặc xay giã, hoặc thổi cơm, rang bắp, nấu ăn, trải giường chiếu, quét nhà, múc nước, hoặc để cho họ sai sử. Các cư sĩ thấy chê bai khinh bỉ rằng, lục quần Tỳ-kheo-ni này

cũng giống như vợ ta làm các công việc nhà, xay lúa, giã gạo, nấu cơm, cho đến để cho người khác sai sử. Khi ấy các cư sĩ đều sanh tâm khinh lờn không cung kính nữa, các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Vị bạch y tác sứ: Tức là xay giã như trên cho đến để cho người sai sử.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni kia trông nom việc nhà: Xay giã cho đến để cho họ sai sử đều phạm tội đoạ. Thầy Tỳ-kheo tùy theo sự phạm giới mà kết tội. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu cha mẹ bị bệnh, bị giam giữ, nên vì cha mẹ mà trải giường chiếu, quét nhà, lấy nước, cung cấp tất cả những sự cần dùng và nhận sự nhờ vả, hoặc có người đàn-việt tín tâm bị bệnh hoặc bị giam cầm giúp họ trải giường chiếu, quét nhà, lấy nước, giúp đỡ họ, hoặc bị cường lực bắt buộc.

ĐIỀU 114: *Tự thủ phương tích.*

Tỳ-kheo-ni nào, tự tay quay sợi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni tự tay quay sợi. Cư sĩ thấy đều chê cười, thật giống như vợ ta quay sợi. Các cư sĩ liền sanh tâm khinh lờn, không còn tôn trọng cung kính nữa. Các Tỳ-kheo-ni nghe đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Lữ: Có 10 thứ như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu tự tay quay sợi, một tay quay một tội đoạ. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu tự mình xin sợi kết lại làm dây, bị cưỡng lực bắt buộc...

ĐIỀU 115: *Tục sàng tọa ngoại.*

Tỳ-kheo-ni nào vào nhà bạch y, nằm ngòì trên giường nhỏ, giường lớn. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà vào thời khát

thực đắp y cầm bát đến nhà cư sĩ trải đồ ra ngồi, khi đó vợ cư sĩ cởi y phục và nữ trang đi ra vườn sau tắm gội, Thâu-la Nan-đà bèn lấy y phục và đồ nữ trang của bà ấy mặc vào, nằm trên giường họ. Người chồng khi ấy đi ra ngoài không có ở đó, sau trở về nhà thấy Thâu-la Nan-đà tưởng là vợ mình, liền đến nằm một bên lấy tay thoa vuốt và hôn. Khi sờ thấy đầu trọc mới hỏi rằng: Cô là ai vậy? *Đáp:* tôi là Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà.

Cư sĩ bảo: Tại sao cô mang đồ nữ trang và y phục của vợ tôi, nằm trên giường tôi, làm cho tôi tưởng là vợ tôi như vậy? Cô hãy ra khỏi nhà tôi mau, từ nay trở đi đừng vào nhà tôi nữa. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Bạch y xá: Thôn xóm.

Tiểu sàng: Ghế ngồi.

Đại sàng: Giường nằm.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu ngồi hoặc nằm tùy theo lưng dấn xuống giường một lần trần trở phạm một tội đoạ. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu khi ấy có bệnh như vậy, nếu ngồi trên chỗ ngồi một người. Nếu họ vì

chúng Tỳ-kheo tăng mà trải rất nhiều chỗ ngồi. Nếu bị bệnh té xuống đất hoặc bị cường lực bắt buộc, hoặc bị giam cầm, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 116: *Tục trú bất từ nhi khứ.*

Tỳ-kheo-ni nào, đến nhà bạch y, nói với chủ trải đồ nằm ra ngủ lại, sáng mai không từ giả chủ mà bỏ đi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ có rất nhiều Tỳ-kheo-ni đi đường hướng về nước Câu-tát-la, đến một thôn không có trụ xứ bèn vào nhà cư sĩ xin trải đồ ra ngủ nhờ một đêm. Đến sáng hôm sau không từ biệt chủ mà bỏ đi. Sau đó trong thôn có đám cháy, người cư sĩ tưởng trong nhà đã có người, nên không trở về cứu hoả, nên nhà bị thiêu trụ, liền hỏi: Thế các Tỳ-kheo-ni ở đâu? *Đáp:* Đã đi rồi.

Các cư sĩ đều chê trách rằng: Các Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý. Vì sao nói với chủ để xin ngủ lại

trong nhà, sáng mai không từ giả chủ mà bỏ đi, chúng tôi cứ tin tưởng là trong nhà đã có người, nên không cứu hoả, khiến cho nhà cháy hết ư? Các Tỳ-kheo-ni nghe đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Bạch y xá: Như trên.

Chỉ túc: Chỗ ngủ nghỉ.

Phu toà: Hoặc trải thảm cỏ, hoặc trải lá, cho đến tự mình trải nệm.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni kia đến nhà bạch y nói với chủ trải đồ nằm ra để ở lại đêm, sáng ra không từ biệt chủ mà bỏ đi, ra khỏi cửa phạm tội đoạ, một chân trong, một chân ngoài, sửa soạn muốn đi mà chưa đi, hẹn đi mà chưa đi, đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu từ giả chủ rồi đi. Nếu trước đã có người ở chung, nếu trong nhà trước đó là nhà trống, nếu trước đó là phước xá, nếu là nhà thân quyến, hoặc người thân quyến nói rằng: Cô cứ đi, tôi sẽ nói lại chủ nhà, hoặc nhà bị đổ, bị cháy, hoặc trong nhà có rắn độc, ác thú, hoặc có giặc đột nhập, hoặc bị cường lực bắt, bị trói, bị giam, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 117: *Tụng tập thể tục chú thuật.*

Tỳ-kheo-ni nào, tụng tập chú thuật của người thể tục. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni tụng đủ thứ chú thuật, hoặc chú chi tiết, hoặc chú sát lợi, quý chú, cát chú, hung chú, hoặc tập phép bói (chuyển lạc luân) hoặc tập các chú đoán âm thanh. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Thể tục chú thuật: Nghĩa là hiểu các âm thanh.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu tụng tập chú thuật thể tục, cho đến âm thanh, hoặc truyền miệng, hoặc cầm sách mà đọc, nói rõ ràng thì phạm tội đoạ, không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu tụng chú để trị bệnh sán lã, trị đau bụng ăn không tiêu, hoặc học viết, hoặc tụng các chú thể tục để hàng phục ngoại đạo, chú để trừ độc.

ĐIỀU 118: *Giáo nhơn tụng tập thể tục chú thuật.*

Tỳ-kheo-ni nào, dạy người tụng tập chú thuật thể tục. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Duyên và xứ giống như giới trước, chỉ có giới trước tự mình tụng tập, giới này dạy cho người khác tụng tập là khác mà thôi.

Trong giới này được quy định là phạm hay không phạm và bốn chúng kia phạm tội nặng nhẹ, đều giống như giới trước đã nói.

ĐIỀU 119: *Độ nhâm thân thọ Cụ túc giới.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết nữ nhơn mang thai mà độ cho thọ giới cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ có một Tỳ-kheo-ni, tên là Bà-la, độ phụ

nữ có thai cho thọ giới Cụ túc xong, về sau sinh một con trai bồng vào xóm khát thực, các cư sĩ thấy đều chê cười. Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự nói ta tu chánh pháp, mà như vậy thì có gì là chánh pháp. Ai ơi, hãy xem đây người xuất gia này mới sinh con. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia, liền quở trách Tỳ-kheo-ni Bà-la, rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Tri: Không phải là không biết.

** Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào?* Nếu biết phụ nữ có thai độ cho thọ giới Cụ túc, làm Yết-ma lần thứ ba xong Hoà thượng ni phạm tội đọa. Một lần tác bạch hai lần Yết-ma xong phạm ba tội Ác tác. Tác bạch và một lần Yết-ma xong phạm hai tội Ác tác. Tác bạch xong phạm một tội Ác tác. Tác bạch chưa xong phạm Ác tác. Trước khi chưa tác bạch cạo đầu, đắp y hứa cho thọ giới Cụ túc, hoặc nhóm chúng, chúng nhóm đầy đủ đều phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

** Trường hợp không phạm:* Nếu không biết hoặc tin lời người kia nói, hoặc tin lời người đáng tin nói, hoặc tin lời cha mẹ của họ nói, mà cho thọ giới Cụ túc, sau sinh con thì không phạm. Nếu sanh xong rồi nghĩ,

không dám bồng bế, đức Phật dạy đứa con chưa có thể là mẹ mà tự sống nổi, thì cho phép mẹ được cho bú mớm nuôi con. Về sau có người nghi không dám ngủ chung một phòng với bé trai, Phật dạy. Nếu đứa con chưa thể là mẹ mà ngủ được thì cho phép ngủ với mẹ thì không phạm.

Từ giới 119 đến giới 139, cộng có 21 điều duyên khởi đều do trao giới Cụ túc cho người một cách phi pháp mà chế ra. Cho nên nghi thức thọ giới từ khi ban đầu thọ Tam quy cho đến khi hai bộ Tăng ni trao giới Cụ túc đã chép rõ ràng trong một tập khác. Đây không cần phải chép ra nữa.

ĐIỀU 120: *Độ nữ phụ thọ Cụ túc giới.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết phụ nữ đang còn cho con bú mà cho thọ giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Duyên khởi và chỗ cư trú của đức Phật cũng giống như giới trước. Chỉ có giới trước biết người phụ nữ đang mang thai mà cứ độ, còn giới này thì biết

người đàn bà đang cho con bú là khác mà thôi. Còn tất cả đều giống như giới trước đã nói.

ĐIỀU 121: *Dự giảm niên thọ Cụ túc giới.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết con gái chưa đủ 20 tuổi mà trao giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Các Tỳ-kheo-ni nghe Phật chế giới cho phép độ người, bèn độ thiếu nữ nhỏ tuổi xuất gia, không biết chúng có dục tâm hay không dục tâm, sau cùng đứng nói chuyện với nam tử có tâm nhiễm ô, giỡn hớt nhau. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi, vì nhơn duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới. Đức Phật dạy: Cho phép Tỳ-kheo-ni có trí tuệ đầy đủ 12 hạ được trao giới Cụ túc và cho người y chỉ, được làm các pháp của Hoà thượng, A-xà-lê.

Hoà thượng: Là vị mà mình theo để được thọ 10 giới và giới Cụ túc. Hoà thượng là vị hơn mình 12 hạ.

A-xà-lê có 5 loại:

1. Xuất gia A-xà-lê: Vị mà mình y chỉ để được xuất gia.

2. Thọ giới A-xà-lê: Vị làm Yết-ma khi thọ giới.

3. Giáo thọ A-xà-lê: Dạy bảo các oai nghi.

4. Thọ kinh A-xà-lê: Nhờ vị này mà mình học được các kinh điển, nói ý nghĩa cho đến chỉ một bài kệ 4 câu.

5. Y chỉ A-xà-lê: Cho đến dù chỉ y chỉ ngủ trong một đêm. A-xà-lê. Là những vị hơn mình 5 hạ. 5 bậc người như trên đều là đã vào địa vị thầy, hay sống trong quy tắc mô phạm. Cho nên đều được gọi là Quý phạm sư.

Hoà thượng hán dịch: Thân giáo sư. Đức Phật dạy phải đầy đủ 12 hạ mới được làm thầy, lại phải thành tựu 5 pháp, cho đến giới đức, kiến giải, đa văn, đều làm cho mình và người đều được lợi ích. Oai nghi hạnh pháp đều không huỷ phạm phải đầy đủ các đức như vậy mới được gọi là Thân giáo sư. Bởi vì Hoà thượng là hay tự mình dạy bảo các pháp xuất ly cho người. Nếu như không thành tựu được giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến... 5 pháp, thì cũng không có thể dạy bảo cho người kiên trụ trong 5 pháp này. Không được độ người, không được trao giới Cụ túc

cho họ và cũng không được cho họ y chỉ.

Tri niên bất mãn nhị thập: Tri: Hoặc Hoà thượng ni và Ni tăng tự biết, hoặc người thọ giới và những người khác nói cho biết. Vì người kia tuổi còn nhỏ ý chí và tánh tình còn thô động, không thể nào học đầy đủ giới hạnh và oai nghi để tấn tu đạo nghiệp được, lại cũng không chịu đựng được những lời nói ác độc và trì giới ngày ăn một bữa. Không kham nhẫn nổi sự đói khát lạnh nóng... Lại nữa, vì thô động cho nên hay bị la rầy, chê bai Phật pháp. Nếu còn ở địa vị Sa-di-ni thì không bị người quở trách.

Dự thọ Cụ túc giới: Dự: Năng thọ. *Thọ:* Sở thọ.

Năng thọ: Tức là 3 thầy và 7 vị tôn chứng.

Sở thọ: Là người cầu thọ giới Cụ túc. Nghi thức thọ giới đã chép rõ ràng trong một tập riêng, đây không phải nói nữa.

** Trong giới này tương phạm được quy định như thế nào?* Hoà thượng ni nếu biết hoặc nghi chưa đủ 20 tuổi mà trao giới Cụ túc, Yết-ma lần thứ ba xong phạm tội đọa. Yết- ma lần thứ hai xong phạm ba tội Á c tác. Yết-ma lần thứ nhất xong phạm hai tội Á c tác. Tác bạch xong phạm một tội Á c tác. Nếu khi chưa tác bạch mà vì họ sửa soạn hoặc cạo đầu, hoặc muốn nhóm họp Chúng tăng, hoặc Chúng tăng đã nhóm họp

rồi, đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu trước kia không biết, hoặc tin lời người thọ giới nói, hoặc tin lời người bên cạnh nói, hoặc tin lời cha mẹ họ nói. Đủ 18 tuổi cho 2 năm học giới, đến khi đủ 20 tuổi, mới cho thọ giới Cụ túc. Nếu sau khi thọ giới rồi mà nghi thì cho tính năm tháng trong thai mẹ và kể luôn cả tháng nhuận, và tất cả các kỳ thuyết giới chỉ tính 14 ngày dùng để kể năm. Như vậy mà đủ thì tốt, nếu vẫn không đủ thì phải lui lại làm Sa-di-ni, thời gian sau đó mới lại trao giới Cụ túc cho, nếu không làm như vậy thì chẳng khác nào kẻ giặc cùng sống chung. Nếu không có Hoà thượng, hoặc hai Hoà thượng cho đến rất nhiều Hoà thượng đều không được gọi là thọ giới Cụ túc. Không được độ cho người làm quan, nếu vua bằng lòng thì cũng được xuất gia. Không có y bát không được thọ giới Cụ túc. Không được mượn y bát của người khác để thọ giới Cụ túc. Không cho phép những người đã phạm giới với thầy Tỳ-kheo, xuất gia thọ Đại giới. Nếu đã lỡ thọ rồi thì phải đuổi. Không được độ cho người có tâm làm giặc vào đạo xuất gia. Đã lỡ cho xuất gia rồi thì phải đuổi. Không được độ cho những người phá hoại pháp của ngoại đạo. Muốn

độ cho kẻ ngoại đạo trước hết phải cho họ cạo đầu, mặc áo hoại sắc, thọ Tam quy và 10 giới, rồi theo Chúng tăng xin được ở chung trong vòng 4 tháng. Chúng tăng nên bạch nhị Yết-ma để cho, với điều kiện người kia không còn chấp chặc các pháp của ngoại đạo và bạch y, không còn thân cận với người ngoại đạo. Không tụng kinh điển của ngoại đạo nữa. Khi nghe nói cái lỗi của ngoại đạo không nổi sân giận. Tuỳ thuận theo các Tỳ-kheo-ni và hay là cho các Tỳ-kheo-ni vui lòng mới cho thọ giới Cụ túc. Nếu sau khi thọ giới rồi, trở về ngoại đạo, sau lại trở lại xin xuất gia, không được cho xuất gia nữa. Đây gọi là phá hoại pháp của ngoại đạo. Phương pháp độ cho kẻ ngoại đạo và nghi thức thọ giới đã nói rõ ràng trong tập sách khác. không được độ cho người tội tứ gái, người làm giặc, người mắc nợ. Nếu có người chịu trả nợ cho họ thì được độ.

Không được độ cho 5 loại người huỳnh môn.

1. Sanh (sinh ra đã bị bệnh)
2. Kiện (lớn lên bị thiếu)
3. Đố (do ganh ghét sanh mà ra khi nam khi nữ)
4. Biến (tự nhiên biến đổi)
5. Bán (nửa tháng nam, nửa tháng nữ)

Nếu đã lỡ độ rồi thì phải đuổi. Nếu loài súc sanh

có thể biến hình người đến xin không được độ cho xuất gia. Không được độ cho người phạm tội ngũ nghịch và không có nữ căn.

Có 3 hạng người không được thọ giới Cụ túc:

1. Không chịu xưng tên mình.
2. Không chịu xưng tên của vị Hoà thượng ni.
3. Không chịu khất giới.

Có 3 hạng người không đắc giới:

1. Mặc y phục thế tục.
2. Mặc y phục ngoại đạo.
3. Không cởi bỏ đồ trang sức nơi thân.

Không được trao giới cho người ngủ, người say, người điên và người sân giận.

Những người như thế này: Bị cụt tay, cụt chân, sút tai, sút mũi, sút vú, sút cườm tay, sút cánh tay, sút ngón tay, thường hay bị ghẻ lở, hoặc hiện tướng gần chết, hoặc thân gầy gò, thân như thân đàn ông hoặc có tên trốn thuế trong sổ của quan thu thuế, thân loang lỗ, đầu nhọn, lưng lõ, răng sún, thân có trùng, đầu có trùng, hoặc tóc xoắn tròn, ngón tay co rút, bàn tay 6 ngón, tay có da liền nhau như chân vịt, một vú, không có vú hoặc bị lát, gù lưng, ưỡng ngực, bị bệnh hơi đưa lên, bệnh yết hầu, bệnh nước miếng nhiều hoàì, lát đỏ,

ung thư, lát trắng, gầy ốm, điên cuồng và các thứ bệnh khổ khác: Mắt xanh, mắt vàng, mắt đỏ, mắt bết, mắt ửng đỏ, mắt loà, mắt thuỷ tinh, mắt sâu hoáy, mắt tam giác, mắt như mắt khi, mắt mở to, mắt lồi, một mắt, mắt lé, mắt giận dữ, mắt lác liếng, mắt bị lở ghẻ, mắt loang lỗ. Thân tanh hôi hoặc bị bệnh gian mai, hoặc câm, điếc, què, xà lét, người chân tay co rút, một tay, một chân, một lỗ tai, không có tóc, không có lông, không có răng, tóc xanh, tóc vàng, tóc trắng. Người quá cao, quá thấp. Đầu giống như đầu voi, đầu ngựa, trâu, chó, dê, nai, rắn, cá, chim, một đầu, nhiều đầu, tất cả các màu da xanh, vàng, đỏ, trắng và tất cả các bệnh phong nhiệt đàm ẩm, bệnh bứu trong bụng, bứu cổ, sút môi, không có lưỡi, thân lồi trước, thân lồi sau, bệnh bên trong, bệnh bên ngoài, bệnh nằm mãi không trăn trở được. Thân hình giống như người quá già bộ đi mất oai nghi không biết tốt xấu. Cho đến tất cả những điều gì làm ô nhục Chúng tăng, đều không được độ, theo vị Hoà thượng ni không trì giới để thọ giới Cụ túc, nếu không biết thì được đắc giới, nếu biết thì không đắc giới. Nếu có 8 tai nạn và các nhân duyên khác thì được một lần Yết-ma cho hai, ba người để trao giới Cụ túc. Không được quá số này, nếu quá thì không đắc giới vì phi pháp Chúng tăng làm như vậy cũng phạm tội. Nếu khi thọ Cụ túc giới mà người

chỉ thọ trước mình trong khoảnh khắc cũng lớn hơn người thọ sau. Nếu hai, ba người cùng Yết-ma một lần thì không phân lớn nhỏ, không cần phải lễ kính nhau. Nếu Hoà thượng và những vị túc số không hiện diện và ở chỗ xa lìa thấy và nghe, hoặc ở ngoại giới, đều không được gọi là đã thọ giới Cụ túc.

Nếu trước không trao giới Sa-di-ni mà lại trao ngay cho giới Cụ túc, vẫn đắc giới, nhưng tất cả Ni tăng ấy đều phạm tội. Nếu ở chôn kinh đô mà Chúng tăng mỗi bên không đủ 10 vị thì không được trao giới Cụ túc. Nếu ở ngoài biên giới thì mỗi bên chỉ cần đủ 5 vị trì luật cũng được trao giới Cụ túc. Cha mẹ không bằng lòng thì không được độ cho xuất gia. Nếu muốn thế phát trong Già-lam của Ni tăng thì phải tác bạch với tất cả Ni tăng. Nếu trong chúng không hoà hiệp, thì phải đi từng phòng mà thưa để cho biết. Như đây nói rõ về phương pháp y chỉ. Lúc bấy giờ vị Hoà thượng ni của các tân thọ giới Tỳ-kheo-ni qua đời, không có người dạy bảo, không ai kiểm soát oai nghi, khi ấy đức Phật dạy một vị Tỳ-kheo-ni 12 hạ đầy đủ trí tuệ có thể cho những người kia y chỉ, làm A-xà-lê cho họ, vị A-xà-lê đối với đệ tử phải coi như con. Đệ tử đối với A-xà-lê phải coi như mẹ, cùng dạy bảo cho nhau, ở trong Phật pháp mới có sự lợi ích lưu bố. Phải

bạch như thế này để thỉnh: "Đại tử nhứt tâm niệm. Con... nay cầu Đại tử làm y chỉ. Nguyên Đại tử cho con được y chỉ. Con xin y chỉ Đại tử để ở" (bạch 3 lần).

Vị kia nên đáp rằng: Được. Tôi cho em y chỉ, em đừng buông lung. A-xà-lê và Hoà thượng đều cùng một pháp như nhau. Phương pháp của người đệ tử hầu Hoà thượng cũng giống như hầu thầy A-xà-lê. Nếu tân thọ giới Tỳ-kheo-ni muốn ở chỗ vắng lặng, thì cho phép được ở chỗ khác mà vẫn y chỉ, nhưng chỉ cách xa nội trong một ngày đi và trở về kịp. Nếu không được thì cho ở chỗ không có vị y chỉ. Vì khi ấy các vị tân thọ giới và cựu trụ Tỳ-kheo-ni nghe Phật kết giới bèn bỏ trú xứ mà đi cầu y chỉ, trụ xứ ấy liền bị hư hoại. Đức Phật dạy: Để giữ gìn trú xứ cho ở chỗ không có vị y chỉ. Không được sai người thay mình đi cầu y chỉ, và gián tiếp cho người y chỉ. Nếu Hoà thượng hay A-xà-lê, đi không kịp trở về trong ngày, hoặc đệ tử đi không kịp trở về trong ngày, đều phải nên thọ y chỉ lại, vì đã xa lìa một đêm mà ngủ, liền mất y chỉ. Nếu một đêm không y chỉ phạm một tội Đột-cát-la. Luật Thập Tụng và luật Ngũ Phần cho được phép không có y chỉ trong 6 đêm. Bộ Ni-đà-na dạy: Nếu có tâm cầu y chỉ sư thì được phép không có y chỉ 5, 6 đêm. Nếu không

có tâm cầu thì chỉ một đêm cũng không được. Những người ấy đối với tất cả các thứ thọ dụng ăn uống của Ni tăng, đều không nên thọ dụng. Không được không chọn lựa mà nhận y chỉ và cho người y chỉ. Nếu bị bệnh và săn sóc bệnh thì dù không có y chỉ cũng được ở. Nếu Chúng tăng vì hai thầy và đệ tử mà tác Yết-ma quở trách... Thì không mất y chỉ. Nếu tác Yết-ma diệt tẩn thì liền mất y chỉ. Cho phép các Tỳ-kheo-ni 5 hạ có trí tuệ được theo các vị Tỳ-kheo-ni 12 hạ có trí tuệ xin y chỉ. Nếu người ngu si không có trí tuệ thì phải y chỉ trọn đời. Có 5 pháp mất y chỉ.

1. Thầy la rầy.
2. Bỏ đi.
3. Bỏ đạo.
4. Không cho y chỉ.
5. Lên giới trường.

Lại có các trường hợp mất y chỉ: Hoặc chết, hoặc đã đủ 5 hạ, hoặc đã quá 5 hạ, hoặc gặp lại vị Hoà thượng cũ của mình, hoặc hai thầy bỏ đạo, hay chết, hoặc trở về hầu hạ lại Hoà thượng cũ của mình.

Có 5 hạng luật sư mà tất cả đều phải y chỉ:

1. Tụng bài tựa giới kinh cho đến 30 pháp Xả đạo.
2. Tụng cho đến 178 pháp Đơn đạo.
3. Quảng tụng giới Tỳ-ni.
4. Quảng tụng hai bộ giới Tỳ-ni.
5. Tụng hết cả *luật tạng*.

Trong những mùa xuân và đông phải nên theo y chỉ vào một trong bốn hạng luật sư trước, nếu không y chỉ mà ở thì phạm tội Á c tác. Nhưng đến mùa An cư kết hạ thì phải y chỉ với vị luật sư trì luật thứ 5. Nếu không y chỉ mà ở thì phạm tội đoạ.

Luật Tăng-kỳ dạy có 4 hạng A-xà-lê:

1. Không cho ăn, không dạy kinh pháp, không thừa cứ đi.
2. Có cho ăn nhưng không dạy kinh pháp nên thừa một tiếng mà đi.
3. Không cho ăn nhưng lại có dạy kinh pháp, tuy khô trợn đời không nên đi.
4. Có cho ăn có dạy kinh pháp, tuy có đuổi trợn đời cũng không đi.

ĐIỀU 122: *Bất dự học niên mãn thọ cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, người đồng nữ 18 tuổi không cho 2 năm học giới đến khi đủ 20 tuổi bèn cho thọ giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bảy giờ các Tỳ-kheo-ni nghe đức Thế tôn chế giới 18 tuổi cho 2 năm học giới, đủ 20 tuổi cho thọ giới Cụ túc. Những người kia không phải 18 tuổi không qua 2 năm học giới mà đến 20 tuổi lại cho thọ giới Cụ túc, vì thiếu 2 năm học giới, người kia khi thọ giới Cụ túc rồi, không biết học những giới gì. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới. (Nghĩ thức thọ giới đã nói đầy đủ trong tập khác, đây không phải nói ra nữa) * *Tướng phạm trong giới này được quy định như thế nào?* Nếu người đồng nữ 18 tuổi không cho 2 năm học giới, mà cứ cho thọ giới Cụ túc, xướng Yết-ma lần thứ ba xong, Hoà thượng ni phạm tội đọa. Bạch nhị Yết-ma xong phạm ba tội Ác tác. Bạch nhứt Yết-ma xong phạm hai tội Ác tác. Tác bạch xong phạm một tội Ác tác. Tác bạch chưa xong, trước khi chưa tác bạch nhóm chúng, và chúng nhóm họp đầy đủ, đều phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Truyền giới và thọ giới đúng pháp.

ĐIỀU 123: *Dự học, bắt dự pháp, niên mãn thọ cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, đối với con gái 18 tuổi, cho 2 năm học giới, mà không dạy cho 6 pháp, đủ 20 tuổi bèn cho thọ giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni nghe đức Thế tôn chế giới, người con gái 18 tuổi cho 2 năm học giới, cho học 6 pháp, khi đủ 20 tuổi cho thọ giới Cụ túc, có người không cho học 6 pháp, mà đã trao cho giới Cụ túc. Người đệ tử trong thời gian học giới làm hạnh bất tịnh, ăn trộm 5 tiền, dứt mạng sống loài người, tự xưng là đã được pháp thượng hơn, quá ngộ vẫn ăn và uống rượu. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới. (Nghị thức thọ giới đã nói đầy đủ trong tập khác, đây không phải nói ra nữa).

** Tương phạm trong giới này được quy định như thế nào? Cho thọ giới một cách phi pháp, xướng Yết-ma lần thứ ba xong Hoà thượng ni phạm tội đoạ. Tác bạch và xướng Yết-ma lần thứ hai xong phạm ba tội*

Ác tác. Bạch nhứt Yết- ma xong phạm hai tội Ác tác. Tác bạch xong một tội Ác tác. Tác bạch chưa xong và trước khi chưa tác bạch nhóm chúng, chúng nhóm họp đầy đủ, đều phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm*: Truyền giới và thọ giới đúng pháp.

ĐIỀU 124: *Dự học pháp niên mãn, tăng bất thính vi thọ.*

Tỳ-kheo-ni nào cho người con gái 18 tuổi 2 năm học giới và 6 pháp, đến khi đủ 20 tuổi Chúng tăng không cho, mà tự tiện truyền giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Các Tỳ-kheo-ni nghe đức Phật chế giới cho người con gái 18 tuổi học giới và 6 pháp trong 2 năm, đủ 20 tuổi cho thọ giới Cụ túc. Khi ấy có Tỳ-kheo-ni độ cho những người 6 căn không đầy đủ và mang bao nhiêu

thứ bệnh, làm ô nhục Chúng tăng. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia, rồi rất xấu hổ đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này bảo quý thầy Tỳ-kheo: Từ nay về sau hãy cho Tỳ-kheo-ni thành tựu giới Cụ túc bằng bạch tứ Yết-ma (tất cả phương pháp thành tựu giới Cụ túc đều chép đầy đủ trong Đại luật và trong bộ Yết-ma Huyền Ty Sao, còn nghi thức truyền giới đã chép riêng một tập). Truyền giới và thọ giới phải đúng pháp, cứ như vậy mà kết giới.

Tăng: Giống như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Người con gái 18 tuổi đã cho 2 năm học giới và 6 pháp, tuổi đủ 20, Chúng tăng không chấp thuận mà tự tiện cho thọ giới Cụ túc, Yết-ma lần thứ ba xong Hoà thượng ni phạm tội đoạ. Bạch nhị Yết-ma xong phạm ba tội Ác tác. Bạch nhứt Yết-ma xong phạm hai tội Ác tác. Tác bạch xong phạm một tội Ác tác. Tác bạch chưa xong, trước khi chưa tác bạch nhóm chúng, chúng nhóm họp đầy đủ đều phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

**Trường hợp không phạm:* Truyền giới và thọ giới đúng pháp.

ĐIỀU 125: *Dự học giới niên giảm thập nhị thọ cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, độ cho phụ nữ đã có chồng 10 tuổi cho 2 năm học giới, đến khi đủ 12 tuổi mới cho thọ giới Cụ túc, nếu dưới 12 tuổi mà cho thọ giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn chế giới, cho phép Tỳ-kheo-ni trao giới Cụ túc cho người. Bèn độ con gái nhỏ đã từng kết hôn cho thọ giới Cụ túc, thọ xong rồi không biết nam tử có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, bèn cùng với những người nam tử có tâm nhiễm ô, cùng đứng nói chuyện, cười giỡn với nhau. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc phi pháp kia, rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này bảo với quý thầy Tỳ-kheo, từ nay về sau cho Tỳ-kheo-ni độ phụ nữ đã có chồng 10 tuổi, cho 2 năm học giới, đến khi đủ 12 tuổi, bạch tứ Yết-ma cho thọ giới Cụ túc (có chép đầy đủ nghi thức thọ giới trong một tập khác). Hãy kết giới như vậy.

Tăng giá: Đã gã cho người rồi vậy.

Phụ: Đã mất phạm hạnh.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Biết người kia dưới 12 tuổi, cho thọ giới Cụ túc, Yết-ma lần thứ ba xong Hoà thượng ni phạm tội đoạ, bạch nhị Yết-ma xong phạm ba tội Ác tác. Bạch nhứt Yết-ma xong phạm hai tội Ác tác. Tác bạch xong phạm một tội Ác tác. Tác bạch chưa xong. Trước khi chưa tác bạch nhóm chúng, chúng nhóm họp đầy đủ đều phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu trao giới và thọ giới một cách đúng pháp.

ĐIỀU 126: *Dự học giới, niên giảm bắt bạch thọ cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, độ cho phụ nữ đã có chồng còn nhỏ tuổi, cho 2 năm học giới, khi đủ 12 tuổi không bạch Chúng tăng, tự tiện trao giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước.

Các Tỳ-kheo-ni nghe đức Phật chế giới, được phép độ con gái 10 tuổi đã gã chồng, cho 2 năm học giới, đủ 12 tuổi cho thọ giới Cụ túc. Họ bèn độ cho những người 6 căn không đầy đủ, và mắc đủ các thứ bệnh, huỷ nhục Chúng tăng. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các thầy Tỳ-kheo, từ nay về sau cho phép Tỳ-kheo-ni muốn độ người trao giới Cụ túc, trước hết phải bạch Chúng tăng (nghỉ thức thọ giới đã nói rõ ràng trong một tập khác). Phải kết giới như vậy.

Tăng giá: Như trên đã giải thích.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Độ con gái nhỏ tuổi đã có chồng, cho 2 năm học giới, đủ 12 tuổi, không bạch Chúng tăng, tự tiện cho thọ giới Cụ túc, Yết-ma lần thứ ba xong, Hoà thượng ni phạm tội đoạ. Bạch nhị Yết-ma xong phạm ba tội Á c tác. Bạch nhứt Yết-ma xong phạm hai tội Á c tác. Tác bạch xong phạm một tội Á c tác. Tác bạch chưa xong và trước khi chưa tác bạch nhóm chúng, chúng nhóm họp đủ, đều phạm tội Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Truyền giới và thọ giới đúng pháp.

ĐIỀU 127: *Dự dâm nữ thọ cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết người như vậy mà trao giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ các Tỳ-kheo-ni độ kẻ dâm nữ cho thọ giới Cụ túc, những người khi trước đã từng thân cận với kẻ ấy thấy thế bảo rằng: Dâm nữ này trước kia đã làm những chuyện như vậy, như vậy với chúng ta. Nghe thế các Tỳ-kheo-ni đã độ và các Tỳ-kheo-ni khác đều hổ thẹn, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Như thị nhơn: Là dâm nữ, hoặc có chồng, hoặc có anh em của chồng, chủ, cho đến trước kia đã có tư thông. Nếu Tỳ-kheo-ni cho người như vậy Thọ Cụ túc giới thì phải đem đi xa cách 5, 6 do tuần. Nếu không đem đi thì phải dấu kín tại một nơi. Tỳ-kheo-ni kia độ cho người như vậy thọ cụ giới rồi. Nếu không đem đi xa 5, 6 do tuần, hoặc không dấu kín, Ba-dật-đề. Thầy Tỳ-kheo phạm Đột-cát-la.

* *Trường hợp không phạm*: Trước không biết người như vậy, nên độ cho thọ giới Cụ túc. Nếu đem đi đến chỗ khác xa 5, 6 do tuần, hoặc bảo người đem đi đến chỗ xa 5, 6 do tuần, hoặc đem dẫu đi.

ĐIỀU 128: *Phi pháp độ nhơn.*

Tỳ-kheo-ni nào, ưa nhiều đệ tử, mà không dạy 2 năm học giới, không dùng 2 pháp để nuôi nấng. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ Tỳ-kheo-ni An-ôn độ nhiều đệ tử mà không giáo giới, vì họ không được dạy dỗ nên không có oai nghi, mặc y không tề chỉnh, khát thực không đúng pháp, đi khắp nơi thọ đồ ăn bất tịnh, hoặc thọ bát đựng thức ăn bất tịnh, lớn tiếng nói cười trong các bữa ăn chính và tiểu thực, giống như kiểu tụ hội của Bà-la-môn. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni thấy hỏi rằng: Này em, vì sao mà làm những việc phi pháp như vậy? Chúng phi pháp ấy đáp rằng: Chúng tôi là đệ tử của Tỳ-kheo-ni An-ôn, sư cô ấy có rất nhiều đệ tử mà không giáo dục

chúng tôi, vì không được dạy dỗ mà ra như vậy. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Nhị pháp: 1. Giáo pháp. 2. Y phục thực phẩm.

Pháp nhiếp thủ: Nghĩa là dạy cho tăng trưởng giới, định, tuệ, học vấn, tụng kinh.

Y thực nhiếp thủ: Nghĩa là cho y phục thực phẩm đồ nằm, thuốc thang... Tùy khả năng mình mà cung cấp nhu yếu phẩm cho đệ tử.

** Trong giới này tướng phạm được quy định như thế nào?* Nếu độ nhiều đệ tử, cho thọ giới Cụ túc mà không dạy 2 năm học giới, không dùng 2 pháp để nuôi dưỡng, Ba-dật-đề. Thầy Tỳ-kheo phạm Đột-cát-la.

** Trường hợp không phạm:* Nếu độ và cho 2 năm học giới. Dùng 2 pháp là giáo pháp và y thực để nhiếp thủ. Nếu thọ Cụ túc giới rồi bỏ Hoà thượng mà đi, hoặc phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bị cử tội, bị diệt tẩn, đáng diệt tẩn. Hoặc nếu vì việc này mà bị nguy đến tánh mạng, phạm hạnh...

ĐIỀU 129: *Nhị tuế bất y.*

Tỳ-kheo-ni nào, không có 2 năm theo Hoà thượng Ni. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ các Tỳ-kheo-ni, độ nhiều đệ tử, sau đều bỏ Hoà thượng mà đi, không có được sự giáo thọ, nên không theo đúng oai nghi, mặc y không tề chỉnh, khát thực không đúng pháp, đi khắp nơi thọ đồ ăn bất tịnh, hoặc thọ bát đựng thức ăn bất tịnh, lớn tiếng nói cười trong bữa ăn chính và tiểu thực, giống như kiêu tự hội của Bà-la-môn. Các vị Tỳ-kheo-ni như pháp thấy rồi hỏi rằng: Này các em, vì sao mà làm những việc không đúng pháp như vậy? Các chúng phi pháp ấy liền đáp rằng: Chúng tôi thọ giới Cụ túc rồi, bỏ Hoà thượng mà đi, không được giáo thọ cho nên mới ra như thế. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia thọ Cụ túc giới rồi, không có 2 năm theo Hoà thượng ni phạm tội đoạ. Bốn chúng kia nếu phạm kết tội Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Sau khi thọ Cụ túc

giới rồi nương ở với vị Hoà thượng ni trong 2 năm. Nếu Hoà thượng ni cho phép đi. Nếu Hoà thượng ni phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bị cử tội, bị diệt tận, đáng diệt tận, hoặc nếu vì việc này mà bị mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 130: *Vi Tăng thọ Cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, Tăng không cho phép mà cứ trao giới Cụ túc cho người. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn chế giới cho phép độ người trao giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo-ni ngu si cũng độ người không biết dạy dỗ. Vì không dạy dỗ nên đệ tử không có oai nghi, mặc y không tề chỉnh khát thực không đúng pháp, đi khắp nơi thọ đồ ăn bất tịnh, hoặc thọ bát đựng thức ăn bất tịnh, lớn tiếng nói cười trong bữa ăn chính và tiểu thực, giống như kiểu tụ hội của Ba-la-môn. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên

đức Phật. Đức Phật dạy từ nay về sau cho phép Ni tăng bạch nhị Yết- ma để cho phép người độ đệ tử trao giới Cụ túc. Người nào muốn độ đệ tử thì phải đến trước Tăng mà cầu xin. Nên đến trước chúng Tỳ-kheo-ni tăng đầy đủ oai nghi đảnh lễ Tăng rồi, chân mặt quỳ sát đất, chấp tay tác bạch như sau:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tôi Tỳ-kheo-ni... yêu cầu Chúng tăng xin được độ người, truyền giới Cụ túc. Kính mong Tăng chấp thuận, tôi Tỳ-kheo-ni... được phép độ người truyền giới Cụ túc. Từ muôn cổ. Bạch như vậy ba lần". Ni tăng nên nghiệm xét nếu nhận thấy Tỳ-kheo-ni này đủ tư cách có thể dạy bảo cho 2 năm học giới, hai việc nhiếp thủ có được hay không? Nếu nhận thấy Tỳ-kheo-ni này chưa đủ điều kiện và khả năng thì nên nói rằng: "Này em, thôi đi, hãy khoan độ người". Nếu như người có trí tuệ, có thể dạy bảo cho 2 năm học giới, và dùng 2 pháp để nhiếp thủ, thì nên cho độ người. Vị Yết-ma phải nên tác bạch rằng:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe... Tôi Tỳ-kheo-ni... Nay thỉnh cầu Tăng cho phép độ người, truyền thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận nay cho phép Tỳ-kheo-ni... được độ người truyền thọ giới Cụ túc. Đây là lời tác bạch".

" Đại tử tăng xin lắng nghe... Tỳ-kheo-ni này. Nay thỉnh cầu Tăng cho phép độ người truyền thọ giới Cụ túc. Tăng nay cho phép Tỳ-kheo-ni... được độ người truyền thọ giới Cụ túc. Các Đại tử nào chấp thuận, tăng cho phép Tỳ-kheo-ni... được độ người truyền thọ giới Cụ túc thì im lặng, ai không chấp thuận xin nói. Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo-ni... được độ người truyền thọ giới Cụ túc. Tăng vì chấp thuận nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy. Phải kết giới như vậy".

Tăng: Như trên.

Thính: Chúng tăng, bạch nhị Yết-ma cho phép.

* Trong giới này được quy định là phạm: Nếu Tỳ-kheo-ni nào Tăng không cho phép mà tự tiện trao giới Cụ túc cho người phạm tội đoạ, cho người y chỉ mình, nuôi Sa-di- ni, Thức-xoa-ma-na đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác.

* Trường hợp không phạm: Chúng tăng thoả thuận cho phép...

ĐIỀU 131: Hạ giảm thọ hơn Cụ túc.

Tỳ-kheo-ni nào, chưa đủ 12 tuổi hạ mà trao giới Cụ túc cho người. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Những vị Tỳ-kheo-ni nhỏ tuổi mới học, xin Chúng tăng để truyền trao giới Cụ túc cho người rồi, không kham làm giáo thọ, những người này vì không được dạy dỗ nên có những điều phi pháp. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này dạy các thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ 12 hạ mà trao giới Cụ túc cho người, phạm tội đoạ. Nếu cho người y chỉ, nuôi Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni đều phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

** Trường hợp không phạm:* Đủ 12 hạ mới trao giới Cụ túc cho người, cho người y chỉ, nuôi Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni.

ĐIỀU 132: *Hạ mãn vi Tăng thọ hơn Cụ giới.*

Tỳ-kheo-ni nào, đủ 12 hạ, Chúng tăng không cho mà tự tiện truyền giới Cụ túc cho người. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ các Tỳ-kheo-ni nghe đức Thế tôn chế giới cho phép đủ 12 hạ thì được truyền giới Cụ túc, đều tự xưng ta đã đủ 12 hạ, người ngu si cũng tự tiện truyền giới Cụ túc cho người, không biết làm sao mà giáo thọ cho người khác, những người kia vì không được dạy bảo, nên không có oai nghi, mặc y không tề chỉnh, khát thực không đúng pháp, đi khắp nơi thọ đồ ăn bất tịnh, hoặc thọ bát đựng thức ăn bất tịnh, lớn tiếng nói cười trong bữa ăn chính và tiêu thực, giống như kiểu tụ hội của Bà-la-môn. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này dạy các Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni kia tự xưng mình đã đủ 12 hạ, Chúng tăng không cho mà tự tiện trao giới Cụ túc cho người phạm tội đoạ, nhận cho người y chỉ nuôi Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni đều phạm tội Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Đủ 12 hạ, Chúng

tăng thỏa thuận cho phép truyền giới Cụ túc cho người, cho người y chỉ, nuôi Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni...

ĐIỀU 133: *Bất thính bán Tăng.*

Tỳ-kheo-ni nào, Tăng không cho truyền giới Cụ túc cho người bèn nói Chúng tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh, muốn cho thì cho, không muốn cho thì không cho. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni ngu si không kham giáo thọ người, theo Chúng tăng xin được làm thầy trao giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo-ni can rằng: Này em, hãy dừng, chớ xin Tăng cho phép truyền giới Cụ túc cho người. Tỳ-kheo-ni kia, vì cầu Tăng cho truyền giới Cụ túc cho người mà không được, bèn nói: Các Tỳ-kheo-ni có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh, hễ thương ai thì cho mà không ưa ai thì không cho. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức

Phật vì nhơn duyên này dạy các thầy Tỳ-kheo rằng:
Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tăng: Như trên.

Bất thính: Chúng tăng nói, em hãy thôi đi, không nên độ người cho thọ giới Cụ túc.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu người kia vì Chúng tăng không cho phép truyền giới Cụ túc cho người, mà thốt lên lời nói: Các Tỳ-kheo-ni này có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh, hễ thương ai thì cho, mà không ưa ai thì không cho, nói mà rõ ràng thì phạm tội đoạ, không rõ ràng thì phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu sự thật như vậy, hoặc nói đùa, nói gấp gấp, nói chổ vắng, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này, mà nói lầm sang việc khác...

ĐIỀU 134: *Thân ái bất thính dự thọ Cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, truyền giới Cụ túc cho một người mà cha mẹ, chồng, chủ của họ không đồng ý. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ các Tỳ-kheo-ni nghe đức Thế tôn chế giới cho phép độ người, truyền giới Cụ túc bèn tự tiện độ người mà cha mẹ, chồng, chủ của họ không cho phép. Độ cho thọ giới xong, cha mẹ, chồng tới dẫn về. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này dạy các Tỳ-kheo rằng từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu cha, mẹ, chồng, chủ, của người kia không bằng lòng mà tự tiện độ cho thọ giới Cụ túc, Yết-ma lần thứ ba xong Hòa thượng ni phạm tội đọa. Yết-ma lần thứ hai xong phạm ba tội Á c tác. Tác bạch và một lần Yết-ma xong phạm hai tội Á c tác. Tác bạch xong phạm một tội Á c tác. Tác bạch chưa xong và trước khi chưa tác bạch, sửa soạn để bạch Tăng, cho xuống tóc, nhóm chúng, chúng nhóm đầy đủ, đều phạm tội Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Cha, mẹ, chồng, chủ cho phép, hoặc không có cha mẹ chồng chủ...

ĐIỀU 135: *Tri nhơn bất chánh độ thọ Cự.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết con gái đang cùng đồng nam, nam tử thương yêu nhau, nên hay sàu ưu giận hờn mà độ cho xuất gia thọ giới Cự túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ các Tỳ-kheo-ni nghe đức Thế tôn chế giới được phép độ người có vị bèn độ cho những kẻ đang cùng đồng nam, nam tử luyện ái nhau, nên hay sàu muộn sân giận cho thọ giới Cự túc xong rồi. Mà kẻ kia vì còn luyện ái nhau, nên hay sàu ưu sân giận, cãi lộn với các Tỳ-kheo-ni khác. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này dạy với quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Twong kính ái: Cùng tư thông với người kia.

Sàu ưu sân nhuế: Cho thọ giới rồi mà nhớ nam tử, cho nên gây gổ với các Tỳ-kheo-ni khác.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu đã biết kẻ nữ nhơn kia có cái việc như vậy mà trao cho giới Cụ túc, Yết-ma lần thứ ba xong Hòa thượng ni phạm tội đọa. Bạch nhị Yết-ma xong phạm ba tội Á c tác. Bạch nhứt Yết-ma xong phạm hai tội Á c tác. Tác bạch xong phạm một tội Á c tác. Tác bạch chưa xong, và trước khi chưa tác bạch xuống tóc cho thọ giới, nhóm chúng, chúng nhóm đủ đều phạm tội Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu trước không biết, hoặc tin lời người đáng tin nói, hoặc tin lời cha mẹ họ nói, hoặc thọ giới xong rồi mới sanh bệnh...

(HẾT QUYỂN IX)

QUYỂN X

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỔN LƯỢC KÝ

ĐIỀU 136: *Bất thọ học nữ Cụ túc.*

Tỳ-kheo-ni nào, bảo Thức-xoa-ma-na rằng: "Em hãy bỏ pháp này, học pháp này. Ta sẽ cho thọ giới Cụ túc", mà sau không tìm cách trao giới Cụ túc cho. Ba-dật-đề.

LUỘC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, vườn Kỳ thọ Cấp-cô-độc. Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà bảo Thức-xoa-ma-na rằng: " Em hãy bỏ pháp này, học pháp này, ta sẽ cho em thọ giới Cụ túc". Người kia liền thưa: " Dạ. Thức-xoa-ma-na ấy là người thông minh, có trí tuệ, có tài khuyến hoá", Thâu-la Nan-đà có ý muốn để cho cô kia khuyến hoá cúng dường mình cho lâu nên không lo liệu cho cô ấy thọ giới Cụ túc. Thức-xoa-ma-

na kia bèn hiềm oán rằng: "Thâu-la Nan-đà nói với tôi rằng: Em hãy bỏ pháp này học pháp này, tôi sẽ cho em thọ giới Cụ túc, mà vì sao đến nay vẫn không lo liệu cho tôi thọ giới Cụ túc? " Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi quả trách Thâu-la Nan-đà xong, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này bảo quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Xả thí học thí: Ý nói xả pháp trên mà học pháp dưới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni kia nói với Thúc-xoa-ma-na rằng: Em hãy bỏ pháp này học pháp này, tôi sẽ cho em thọ giới Cụ túc. Sau không lo liệu cho thọ giới Cụ túc, phạm tội đoạ. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

* *Trùng hợp không phạm:* Nếu hứa trao giới liền trao giới, hoặc Thúc-xoa ấy bị bệnh, hoặc không cùng sinh hoạt chung, hoặc không có 5 y, hoặc chúng không đủ 10 người, hoặc Thúc-xoa ấy khuyết giới, hoặc phá giới, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, bị đuổi, đáng bị đuổi. Hoặc vì vậy này mà có tai nạn cho tánh mạng và phạm hạnh... nên không lo liệu cho thọ giới Cụ túc đều không phạm.

ĐIỀU 137: *Thọ y bất thọ giới.*

**Tỳ-kheo-ni nào, bảo Thức-xoa-ma-na rằng:
"Đem y đến cho ta, ta sẽ cho em thọ giới Cụ túc"
rồi không tìm cách cho thọ. Ba-dật-đề.**

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ có Thức-xoa-ma-na cầm y đến chùa nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: "Cho tôi thọ giới Cụ túc, tôi sẽ đem y này đến cúng". Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà nói: "Em hãy cúng y cho tôi, tôi sẽ trao giới Cụ túc cho em". Người kia liền đem y đến cúng Thâu-la Nan-đà nhận y xong không lo liệu cho vị ấy thọ giới. Thức-xoa-ma-na kia liền khiển trách rằng, vì sao nói với tôi, em hãy cúng y cho tôi, tôi sẽ trao giới Cụ túc cho em, mà đã nhận y của tôi rồi lại không cho tôi thọ giới Cụ túc? Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi quở trách Thâu-la Nan-đà xong liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhơn duyên này dạy quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y: Có 10 thứ như trên.

* Trong giới này được quy định là phạm: Nếu Tỳ-kheo-ni kia nói với Thức-xoa-ma-na rằng: "Em đem y đến cho tôi, tôi sẽ cho em thọ giới Cụ túc". Nhận y xong không lo liệu cho thọ giới Cụ túc, phạm tội đoạ. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác.

* Trường hợp không phạm: Như giới trước đã nói.

ĐIỀU 138: *Hạ giảm đa thọ giới.*

Tỳ-kheo-ni nào, chưa đủ 12 hạ đã truyền giới Cụ túc cho người. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni An-ôn độ nhiều đệ tử, cho thọ Cụ túc giới, không thể giáo thọ từng người một. Những đệ tử này vì không được dạy dỗ nên có nhiều lỗi lầm. Các Tỳ-kheo-ni thấy rồi, hỏi rằng: "Các em vì sao có nhiều lỗi lầm như vậy?" Các người kia đáp: "Chúng tôi là đệ tử của Tỳ-kheo-ni An-ôn, vì thầy chúng tôi không dạy dỗ cho nên mới như vậy". Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi quả trách Tỳ-kheo-ni An-ôn, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo

bạch lên đức Phật kết giới: Nếu Tỳ-kheo-ni đủ 12 hạ, được trao giới Cụ túc cho người, cho người y chỉ, được trao cho Thúc-xoa-ma-na 2 năm học giới, được độ Sa-di-ni.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Không đủ 12 hạ mà trao giới Cụ túc cho người, phạm tội đọa. Cho người y chỉ, độ Thúc-xoa-ma-na, sa-di-ni, đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Đủ 12 hạ trao giới Cụ túc cho người.

ĐIỀU 139: *Thọ cụ kinh túc vãng Tăng.*

Tỳ-kheo-ni nào, cho người thọ Cụ túc giới xong, qua đêm mới đến Tỳ-kheo tăng cho thọ Cụ túc giới. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo-ni nghe đức Thế tôn chế giới cho phép truyền giới Cụ túc cho người, bèn ở trong Ni chúng cho thọ giới Cụ túc xong, qua đêm mới đến Tỳ-kheo tăng để cho thọ Cụ túc giới. Trong thời gian đó

hoặc có người bị mù, lòa, điếc, què, trệt và đủ thứ bệnh, hủy nhục Chúng tăng. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi quở trách các vị thầy của họ xong đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới: Tỳ-kheo-ni trong ngày thọ Cụ túc giới thì phải ngay trong ngày đó đưa đến Tỳ-kheo tăng để được trao giới Cụ túc.

**Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni kia cho người thọ giới Cụ túc xong rồi, để qua đêm mới đưa đến Tỳ-kheo tăng để thọ giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

** Trường hợp không phạm:* Trong ngày thọ giới Cụ túc, chính ngay trong ngày ấy đưa qua Tỳ-kheo tăng để thọ giới Cụ túc. Nếu sắp đi để cầu thọ giới Cụ túc thì bị bệnh, hoặc đường thủy, hoặc đường bộ bị gián đoạn, hoặc có nạn ác thú, nạn cướp, nạn lụt, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói, bị tù, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không thể chính trong ngày ấy qua đại Tăng được.

ĐIỀU 140: *Vô bệnh vi giáo.*

Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đi nhận sự giáo thọ. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Đức Phật chế cho phép các Tỳ-kheo-ni tăng mỗi nửa tháng phải đến Tỳ-kheo tăng cầu giáo thọ, mà vào ngày giáo thọ các vị kia không đến nhận sự giáo thọ. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni thích học giới đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni kia không đến nhận sự giáo thọ, trừ trường hợp đặc biệt. Ba-dật-đề.

* *Trường hợp không phạm:* Vào ngày giáo thọ, đến nhận sự giáo thọ, hoặc có việc Phật, Pháp, Tăng và nuôi bệnh, cho phép dặn người khác đi.

ĐIỀU 141: *Bán nguyệt vi giáo.*

Tỳ-kheo-ni nửa tháng phải đến giữa Tỳ-kheo tăng mà cầu giáo thọ, nếu không cầu. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước.

Bấy giờ các Tỳ-kheo-ni nghe đức Thế tôn chế giới cho phép các Tỳ-kheo-ni nửa tháng theo Tỳ-kheo tăng cầu giáo thọ, nhưng có những người không đi cầu giáo thọ. Khi ấy có các Tỳ-kheo-ni ưa học giới đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni kia nửa tháng không đến giữa Tỳ-kheo tăng mà cầu giáo thọ, phạm tội đoạ.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có các nạn duyên.

ĐIỀU 142: *Hạ cảnh vi chế.*

Tỳ-kheo-ni tăng sau khi hạ An cư xong thì phải tới giữa Tỳ-kheo tăng mà nói lên ba việc Tỳ tứ là *thấy, nghe, và nghi*, nếu không. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Đức Phật chế Tỳ-kheo-ni hạ An cư xong nên đến giữa Tỳ-kheo tăng cầu ba việc Tỳ tứ là *thấy nghe và nghi*.

Nhưng có những vị hạ An cư xong không đến giữa đại Tăng để nói lên ba việc Tụ tứ là *thấy nghe và nghi*. Các Tỳ-kheo-ni thích học giới đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu Tỳ-kheo-ni hạ An cư xong mà không đến giữa đại Tăng cầu ba việc Tụ tứ là *thấy, nghe và nghi*, phạm tội đoạ.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu có các nạn duyên. (Pháp này đã được lược giải trong quyển thứ năm nơi giới "Cấp thí y". Cho nên nói vô khả, Vô bất khả).

ĐIỀU 143: *Vô Tăng An cư*.

Tỳ-kheo-ni nào, An cư mùa hạ ở chỗ không có Tỳ-kheo. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ các Tỳ-kheo-ni An cư kết hạ tại chỗ không có Tỳ-kheo. Nên ngày cầu giáo thọ không có chỗ để đến

thọ giáo, có điều nghi cũng không thể hỏi ai. Các Tỳ-kheo-ni thích học giới vì nhơn duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo tăng bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia An cư mùa hạ ở chỗ không có Tỳ-kheo, phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm, kết tội Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Ở chỗ có Tỳ-kheo tăng như pháp kết hạ An cư hoặc y Tỳ-kheo tăng An cư, nửa chừng Tỳ-kheo mạng chung hoặc đi xa, hoặc bị bỏ đạo, hoặc bị giặc bắt đem đi, hoặc bị ác thú làm hại, hoặc bị nước trôi, không phạm.

ĐIỀU 144: *Nhập tỳ bất bạch.*

Tỳ-kheo-ni nào biết chùa có Tỳ-kheo tăng, không bạch mà vào. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo-ni nhiều người quen biết, mạng chung, có các Tỳ-kheo-ni bạn

xây tháp cho vị này trong chùa có Tỳ-kheo ở. Sau đó, các Tỳ-kheo-ni thường đến viếng chùa, đi đứng nói cười hoặc ca ngâm, hoặc khóc lóc, hoặc có người trang sức thân thể mình, làm rối loạn các vị Tỳ-kheo đang toạ thiền. Khi ấy có trưởng giả Ca-tỳ-la thường ưa toạ thiền, chờ các Tỳ-kheo-ni đi rồi, trong ngày bèn phá cái tháp vất đồ ra ngoài chùa. Các Tỳ-kheo-ni nghe nói Ca-tỳ-la đã phá cái tháp, vất đồ ra ngoài chùa liền vác dao, gậy, ngói, đá... tới toan đánh ném. Ca-tỳ-la dùng thần túc bay lên hư không mà né. Các Tỳ-kheo-ni thích học giới vì nhơn duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni biết chùa có Tỳ-kheo tăng, không bạch mà vào, phạm tội đọa. Một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, sửa soạn muốn vào, hoặc hện vào mà không vào đều phạm tội Á c tác. Bốn chúng kia phạm, kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu trước không biết, nếu không có Tỳ-kheo ở, nếu vào để đánh lễ tháp Phật, tháp Thanh văn, hoặc đến để cầu giáo thọ, hoặc đến để thưa hỏi Phật pháp, hoặc được mời, hoặc đi đường ngang qua đó, hoặc nghỉ đêm tại đó, hoặc bị cưỡng

lực bắt đến, hoặc bị trói đem đến, mạng nạn phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 145: *Mạ ly Tỳ-kheo.*

Tỳ-kheo-ni nào mắng Tỳ-kheo. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ trưởng lão Tỳ-kheo Ca-tỳ-la, qua đêm ấy rồi, sáng mai đắp y cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni trông thấy Ca-tỳ-la liền mắng nhiếc rằng: "Này cái giống thợ thuyền hạ tiện tê ác kia, đã phá hoại tháp của chúng ta vất ra ngoài chùa". Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Mạ: Mắng nhiếc. Như nói: Sanh nơi hạ tiện, dòng họ hạ tiện, làm nghề hạ tiện, làm các việc hạ tiện hoặc nói đồ phạm tội, hoặc nói người có những kiết sử như vậy như vậy... hoặc xúc phạm đến tên huý.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni dùng bao nhiêu chủng loại trên mắng

nhiếc thầy Tỳ- kheo cho đến cho xúc phạm đến tên hứ, nói rõ ràng phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu nói đùa, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nói lầm việc kia...

ĐIỀU 146: *Hỷ tránh sân Tăng.*

Tỳ-kheo-ni nào, ưa cãi lộn, không nhớ rõ việc gây gỗ, vì giận hờn áp ủ không vui, mắng chúng Tỳ-kheo-ni. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại Câu-diệm-di. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Ca-la ưa gây gỗ, không khéo nhớ việc gây gỗ, sau sân giận mắng nhiếc Ni chúng. Các Tỳ-kheo-ni vì nhơn duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Tránh: Có 4 việc như trên.

Chúng: Hoặc 4 người, hoặc hơn 4 người.

* Trong giới này được quy định là phạm: Tỳ-kheo-ni kia ưa gây gổ, qua đêm sau lại mắng ni chúng, nói rõ ràng phạm tội đoạ, không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm Á c tác.

* Trường hợp không phạm: Nếu nói đùa, hoặc nói gấp gáp, hoặc nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này mà nói làm việc khác...

ĐIỀU 147: *Phá san bất bạch.*

Tỳ-kheo-ni nào thân sanh ung nhọt và các thứ ghẻ, không bạch chúng và người khác, liền để cho nam tử mổ xẻ hoặc băng. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành Thích-s í-sấu, nước Ca-tỳ-la trong vườn Ni-câu-luật. Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-la. Khi ấy thân sanh ung nhọt, bảo nam tử mổ xẻ. Tỳ-kheo-ni ấy có thân hình đẹp như Chư thiên, nam tử chạm xúc sự mềm mại của da thịt sanh tâm nhiễm trước, bèn nắm phía trước toan phá phạm hạnh. Cô liền lớn tiếng la to: "Không được, không được". Các

Tỳ-kheo-ni hai bên nghe tiếng la đều đi đến hỏi rằng: "Vì sao khi này la lên vậy?", cô liền nói hết có sự. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Chúng: Như trên đã giải thích.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia nếu thân sanh ung nhọt và các thứ ghẻ, không bạch chúng, bảo kẻ nam tử mổ xẻ, hạ một lát dao phạm một tội đọa. Nếu băng bó một vòng băng một tội đọa. Bốn chúng kia phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu thân thể có ghẻ mọt, bạch chúng rồi mới bảo kẻ nam tử mổ hoặc băng bó, hay bị cường lực bắt buộc.

ĐIỀU 148: *Thực túc hậu thực.*

Tỳ-kheo-ni nào, trước đã nhận mời mà ăn no rồi, sau lại ăn cơm, bún, cơm khô, cá và thịt. Bà-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp-cô-độc. Lúc bấy giờ có một nữ cư sĩ muốn sắm đầy

đủ các thức ăn uống để thỉnh các Tỳ-kheo-ni. Đêm ấy cư sĩ làm đủ các món ăn thượng vị. Sáng hôm sau đến báo, giờ thọ thực đã đến. Hôm ấy trong thành Xá-vệ, theo phong tục là ngày hội lớn, nhiều cư sĩ mang đủ thức ăn nào cơm, cơm khô, bột, cá, thịt đến chùa cúng dường cho các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni ăn những thứ này xong rồi mới đi đến nhà cư sĩ, cho nên khi cư sĩ tự tay mình sót thức ăn như canh, cơm cho các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni đều nói rằng: "Thôi, thôi. Cư sĩ đừng sót nhiều".

Cư sĩ thưa rằng: "Tôi sợ dĩ sắm rất nhiều các món ăn thượng vị, mỗi vị một đĩa thịt, chính là vì A-di đầy thôi. Đừng bảo rằng tôi không có tín tâm mà không dùng. Quý A- di cứ dùng đi. Tôi thật tình rất có tín tâm".

Các Tỳ-kheo-ni đáp rằng: "Chúng tôi không phải vì việc này. Thật ra sáng nay là ngày hội lớn, nhiều cư sĩ mang đủ thức ăn nào là cơm, cơm khô, bột, cá, thịt, bao nhiêu là món thượng vị đến chùa cúng dường cho các Tỳ-kheo-ni. Chúng tôi đã ăn trước rồi, vì thế ăn ít đó thôi".

Khi ấy các cư sĩ đều buồn trách. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi liền đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni trước đã nhận lời mời, nếu đã ăn no rồi, sau ăn mỗi một miếng cơm, bún, cơm khô, cá thịt, mỗi một miếng nuốt phạm một tội đoạ. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu nhận lời mời ăn, đồ ăn không phải chánh thực. Nếu mời ăn không no. Nếu trước không được mời. Nếu trong khi ăn được đồ ăn thêm. Hoặc ngay trong nhà đó mà nhận bữa ăn trước và bữa ăn sau...

ĐIỀU 149: *Ư gia tật đố.*

Tỳ-kheo-ni nào, nơi nhà thí chủ sanh tâm ganh tị. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy Tỳ-kheo-ni Đề-xá là đệ tử của Tỳ-kheo-ni An-ôn. Vị này có nhà đàn-việt cũ.

Tỳ-kheo-ni An-ôn bảo Tỳ-kheo-ni Đề-xá: "Hãy cùng tôi đi đến nhà đàn-việt kia". *Đáp:* "Nếu muốn đi cũng được".

Hai người cùng nhau đến đó. Tỳ-kheo-ni An-ôn y phục chỉnh tề không mất oai nghi, đàn-việt thấy sanh tâm hoan hỷ bèn cúng dường trọng hậu.

Sau khi ăn An-ôn trở về chùa bảo Đề-xá rằng: "Cư sĩ ấy thật rất thuần thành hoan hỷ, cúng dường trọng hậu". Đề-xá có tâm ganh tị liền nói: "Cư sĩ ấy thuần thành, cúng dường trọng hậu cho cô". Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni kia nơi nhà thí chủ sanh tâm tật đố nói rằng: "Đàn việt ấy thuần thành, cúng dường trọng hậu cho cô". Nói rõ ràng phạm tội đoạ, không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu sự thật có như vậy, hoặc nhà đàn-việt kia có tín tâm ưa bố thí cúng dường đối với vị ấy liền nói rằng: Đây là đàn-việt của cô, có tín tâm đối với cô, hoặc nói đùa, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nói lầm việc khác...

ĐIỀU 150: *Hương đồ ma thân.*

Tỳ-kheo-ni nào, dùng hương thơm thoa vào thân. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni dùng hương thơm thoa ướp vào thân. Các cư sĩ thấy đều chê bai rằng: Các Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, cho đến dùng cả hương thơm thoa ướp vào thân mình giống như dâm nữ, dâm tặc. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni nào dùng hương thơm thoa ướp vào người, phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có bệnh như vậy, hoặc bị cường lực bắt buộc.

ĐIỀU 151: *Ma du đồ thân.*

**Tỳ-kheo-ni nào, lấy cặn dầu mè thoa vào thân.
Ba-dật-đề.**

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni lấy cặn dầu mè thoa

vào thân. Các cư sĩ thấy liền chê bai rằng: Các Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, vì sao đem cặn dầu mè mà thoa vào thân như dâm nữ, tặc nữ vậy? Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni nào lấy cặn dầu mè mà thoa vào thân, phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có bệnh như vậy, hoặc bị cường lực ép buộc.

ĐIỀU 152: *Sử Tỳ-kheo-ni đồ thân.*

Tỳ-kheo-ni nào, bảo Tỳ-kheo-ni khác thoa chà thân thể. Ba-dật-đề.

ĐIỀU 153: *Sử Thức-xoa-ma-na đồ thân.*

Tỳ-kheo-ni nào, bảo Thức-xoa-ma-na thoa chà thân thể. Ba-dật-đề.

ĐIỀU 154: *Sử Sa-di-ni đồ thân.*

Tỳ-kheo-ni nào, bảo Sa-di-ni thoa chà thân thể. Ba-dật-đề.

ĐIỀU 155: *Sử phụ nữ đồ thân.*

Tỳ-kheo-ni nào, sai bạch y phụ nữ thoa chà thân. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Bốn giới trên đây chỗ cư trú của đức Phật và duyên khởi phạm tội đều giống nhau. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni bảo Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, bạch y phụ nữ... thoa chà vào thân, các cư sĩ đều chê bai rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, bảo Tỳ-kheo-ni cho đến bạch y phụ nữ... thoa chà vào thân, không khác gì dâm nữ, tặc nữ. Các Tỳ-kheo-ni nghe quở trách lục quần Tỳ-kheo-ni xong đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia nếu bảo Tỳ-kheo-ni hoặc Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, bạch y phụ nữ thoa chà vào thân đều phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm đều Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có bệnh như vậy, hoặc bị cường lực ép buộc...

ĐIỀU 156: *Trước trừ khổ y.*

Tỳ-kheo-ni nào, mặc áo độn. Ba-dật-đê.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ Thâu-la Nan-đà nghĩ rằng: Ta nên mặc áo độn khiến cho thân hình nữ nang. Các cư sĩ thấy đều chê bai rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, bên ngoài tự nói tôi biết chánh pháp, như vậy thì có gì là chánh pháp: Vì sao lại mặc áo độn cho thân hình nữ nang, có khác gì dâm nữ, tặc nữ đâu! Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới:

Trừ khổ y: Nghĩa là áo độn bằng lông, lá kiếp bói, lá câu-giá-la, cỏ sữa, cỏ sô ma, tơ tầm núi...

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Tỳ-kheo-ni kia mặc áo độn, phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Có bệnh như vậy, bên trong mặc bệnh y, ngoài mặc quần rồi đắp y, hoặc bị cường lực ép buộc...

ĐIỀU 157: *Súc phụ nghiêm cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, chứa đồ nữ trang, trừ lý do phải thời. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni cất chứa đồ trang sức phụ nữ như vòng, xuyên và đồ trang sức các chỗ kín. Các cư sĩ thấy đều chê bai rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết xấu hổ. Bên ngoài tự nói rằng ta biết chánh pháp, như vậy thì có gì là chánh pháp, cất chứa đồ trang sức phụ nữ như vòng xuyên và đồ trang sức các chỗ kín, đâu khác gì dâm nữ, tặc nữ! Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni cất chứa đồ trang sức phụ nữ, vòng, xuyên, các đồ trang sức những chỗ kín cho đến lấy vỏ cây làm tràng để đeo, đều phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có bệnh như vậy,

hoặc gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn, mặc đeo đồ trang sức để đào tẩu, hoặc bị cường lực bắt.

ĐIỀU 158: *Trước cách tỳ trì cái.*

Tỳ-kheo-ni nào mang giày da, cầm dù đi, trừ lý do phải thời. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni mang giày da, tay cầm dù mà đi. Các cư sĩ thấy đều chê bai rằng: Các Tỳ-kheo-ni này không biết xấu hổ, vì sao lại mang giày da, tay cầm dù mà đi, có khác gì dân nữ, tặc nữ? Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm: Tỳ-kheo-ni kia mang giày da, cầm dù mà đi, tùy theo đi vào trong giới hạn của thôn, mỗi mỗi đều phạm tội đoạ. Nếu đi giữa đồng trống không có thôn, đi xa 10 dặm, hoặc đi trong đại giới, hoặc sửa soạn muốn đi mà không đi, hẹn mà không đi, đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội Á c tác.*

* *Trường hợp không phạm*: Hoặc có bệnh như vậy, hoặc để hộ thân, hộ y, hộ ngoạ cụ, trong chùa làm dù bằng vỏ cây, bằng lá cây, dù tre... cầm đi không phạm. Vì hộ thân, hộ y, hộ ngoạ cụ, trong chùa làm dép mà mang, không phạm. Hoặc bị cường lực ép buộc, bị trói, bị tù, mạng nạn phạm hạnh nạn, mang giày da, cầm dù mà đi, đều không phạm.

Nhơn đây, xét thời nay không biết ở nước Nam vào thời nào và người nào đã dạy lấy lá làm thành nón lớn, nón nhỏ. Tăng ni dùng.

1. Là tránh sự cơ hiểm của người thế tục.

2. Là người thế tục không dùng, rất là hay, tôi cũng bắt chước đó.

ĐIỀU 159: *Vô bệnh thừa thặng hành.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh mà đi xe. Ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni đi xe trên đường. Các cư

sĩ thấy đều chê bai rằng: Các Tỳ-kheo-ni này không biết xấu hổ, bên ngoài tự nói rằng ta biết chánh pháp, cỡi xe mà đi như dâm nữ, tặc nữ, như vậy thì có gì là chánh pháp! Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Thặng: Có 4 thứ xe: xe voi kéo, ngựa kéo, người kéo, các loại xe khác.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni không có bệnh mà đi xe, qua mỗi một thôn phạm một tội đoạ. Nếu chỗ không có thôn xóm thì đi cứ 10 dặm phạm một tội đoạ. Đi dưới một thôn, ít hơn 10 dặm, đi trong phạm vi một nhà, sửa soạn đi mà không đi, hoặc hẹn mà không đi, đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu khi già, bệnh cho đi các loại xe do thú vật nữ kéo. Hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn phải dùng xe chạy trốn, hoặc bị cường lực ép buộc.

ĐIỀU 160: *Giảm y nhập thôn.*

Tỳ-kheo-ni nào, không mặc Tăng-kỳ-chi đi vào làng xóm. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni không mặc Tăng-kỳ-chi đi vào làng xóm, để lộ ngực, nách, vú, thắt lưng. Các cư sĩ thấy đều chê bai rằng, các Tỳ-kheo-ni này không biết xấu hổ. Bên ngoài tự nói rằng ta biết chánh pháp, như vậy thì có gì là chánh pháp. Vì sao lại không mặc Tăng-kỳ-chi mà đi vào làng xóm, giống như dân nữ, tặc nữ. Các Tỳ-kheo-ni nghe, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Tăng-kỳ-chi: Căn Bản Yết-ma dạy là Khuyết-tô-lạc-ca, tức Thập Tụng luật gọi là Khuyết-tu-la cũng gọi là Cù-tu-la. Nếu nói mặc Cù-tu-la tức không cần mặc Tăng-kỳ-chi. May Tăng-kỳ-chi thì bề rộng 4 khuỷu tay, bề dài 2 khuỷu tay. Tăng-kỳ-chi này do đức Phật chế trong kiên-độ nói về Y thì cho may Tăng-kỳ-chi trên hẹp dưới rộng.

Thôn: Như trên.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu Tỳ-kheo-ni không mặc Tăng-kỳ-chi vào cửa xóm làng, phạm tội đoạ. Một chân trong cửa một chân ngoài cửa, hoặc sửa soạn muốn đi mà không đi, hoặc hẹn mà không đi, đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia

phạm tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu có bệnh như vậy, hoặc dưới nách có ghẻ, hoặc không có Tăng-kỳ-chi, hoặc đang may, hoặc giặt chưa khô, hoặc tưởng mắt, hoặc cắt quá kỹ, hoặc bị cường lực bắt buộc, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 161: *Mộ chí tục gia.*

Tỳ-kheo-ni nào, chiều tối đến nhà bạch y, không được mời từ trước. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ Tỳ-kheo-ni Thân-la Nan-đà vào chiều tối đến nhà cư sĩ, đến chỗ ngồi, ngồi một lát, không bảo với chủ nhà, mở cửa đi ra. Khi ấy có kẻ trộm thường rình để ăn trộm nhà này, gặp dịp cửa mở, liền lén vào trộm tài vật mà đi. Cư sĩ mất đồ hỏi rằng: "Ai đã mở cửa ra đi vào buổi chiều?" *Đáp*: "Đó là Tỳ-kheo-ni Thân-la Nan-đà". Cư sĩ liền chê bai rằng: Tỳ-kheo-ni này không biết xấu hổ, bên ngoài tự xưng là ta biết chánh

pháp mà lại cùng âm mưu với kẻ giặc để ăn trộm tài sản của ta, như dâm nữ, tặc nữ, như vậy thì có gì là chánh pháp! Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni vào chiều tối đến nhà bạch y, không được mời từ trước, bước vào cửa phạm tội đoạ. Một chân ngoài cửa, một chân trong cửa, hoặc sửa soạn muốn đi mà không đi, hoặc cùng hẹn để đi mà không đi đều phạm tội Á c tác. Tỳ-kheo-ni kia nếu đến nhà bạch y, tuý lưu lại trong chốc lát, không nói với chủ nhà mà bỏ đi, ra khỏi cửa phạm tội đoạ. Sửa soạn muốn đi mà không đi, hoặc hẹn đi mà không đi đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu vì việc Phật, Pháp, Tăng, đi thăm bệnh, hoặc bị mời đi, hoặc bị cường lực bắt buộc, hoặc bị trời đem đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, trước không được mời mà đến, nhưng đến nhà kia rồi lưu lại chốc lát, nói với chủ nhà rồi đi, hoặc nhà kia bị hoả hoạn, bị sập, có rắn độc, có giặc, có ác thú, không phải nói với chủ cứ đi.

ĐIỀU 162: *Mộ khai tự môn.*

Tỳ-kheo-ni nào trời tối mở cổng chùa đi ra, không dặn các Tỳ-kheo-ni khác. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ trong chúng lục quần Tỳ-kheo-ni có một vị mở cổng chùa đi ra vào lúc trời tối, không nói với ai. Khi ấy có một kẻ trộm thấy rồi liền nghĩ: "Ta phải thừa cơ hội này vào ăn trộm tài vật". Nghĩ xong liền đi vào cửa vợ vét hết tài vật. Các Tỳ-kheo-ni hỏi nhau rằng: " Ai đã mở cổng chùa đi ra vào lúc trời tối mà không nói với ai như vậy?" Mới nghe biết là một người trong lục quần Tỳ-kheo-ni đã mở cửa ra đi. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm: Tỳ-kheo-ni kia trời tối mở cổng chùa, không nói với ai, đi ra khỏi cửa phạm tội đoạ. Một chân trong, một chân ngoài, hoặc sửa soạn muốn đi mà không đi, cùng hẹn đi mà không đi, đều phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm tội Á c tác.*

* *Trường hợp không phạm*: Nếu có việc Phật, Pháp, Tăng, hoặc sẵn sóc bệnh, dặn rồi đi. Hoặc chùa bị phá hoại, bị hoả hoạn, bị rắn độc, có giặc, có ác thú, hoặc bị cường lực bắt buộc, hoặc bị trời đem ra khỏi chùa, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không dặn cứ đi...

ĐIỀU 163: *Nhứt một khí bất chúc.*

Tỳ-kheo-ni nào, mặt trời lặn mở cổng chùa không dặn dò mà ra đi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ một người trong lục quân Tỳ-kheo-ni nhằm lúc trời tối mở cổng chùa đi ra, không dặn lại, khi ấy có kẻ cướp bị tù, phá ngục mà ra, xa thấy cổng chùa mở bèn vào trốn. Người cai ngục truy nã sau đó chạy đến hỏi các Tỳ-kheo-ni có thấy kẻ giặc thân hình như vậy... vào chùa không? Người không thấy nên đáp không thấy. Người cai ngục sau khi lục tìm ra kẻ cướp ấy trong chùa, các cư sĩ liền chê bai rằng: Thấy kẻ cướp mà nói là không thấy. Các Tỳ-kheo-ni hỏi nhau rằng: Ai đã mở cổng chùa vào lúc trời tối đi ra ngoài

vậy? *Đáp:* Một người trong lục quần Tỳ-kheo-ni đã mở cổng đi ra. Các Tỳ-kheo-ni nghe đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni lúc mặt trời lặn mở cổng chùa không dặn mà đi ra khỏi cửa phạm tội đoạ. Một chân trong cổng, một chân ngoài cổng, sửa soạn muốn đi mà không đi, hẹn đi mà không đi đều phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu có việc Tam bảo, thăm bệnh, có dặn rồi mới đi, hoặc chùa bị phá, bị hoả hoạn, có giặc, ác thú, rắn độc ở trong ấy, bị cường lực bắt, bị trói đem đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn không dặn cứ đi.

ĐIỀU 164: *Vi thất An cư.*

Tỳ-kheo-ni nào, không tiền An cư, không hậu An cư. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy có Tỳ-kheo-ni không An cư mùa hạ, các Tỳ-

kheo-ni nghe quở trách xong đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật dùng vô số phương tiện la quở rồi liền kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo ni không tiền An cư, phạm Á c tác, không hậu An cư phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu bận việc Phật, Pháp, Tăng hoặc nuôi bệnh cho thân nhân nên thọ hậu An cư.

ĐIỀU 165: *Dự thường lậu thọ Cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết con gái thường rĩ đại tiểu tiện, mũi dãi... mà trao giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

Trước có 21 giới và thêm 4 giới sau đều do nhơn duyên độ và trao giới một cách phi pháp cho nên nghi thức thọ giới đã có ghi riêng trong một tập. Trong ấy có ghi rõ về chỗ hỏi các nạn sự... phải nên biết.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ các Tỳ-kheo-ni nghe đức Phật chế giới cho

phép độ người trao giới Cụ túc, bèn độ cho những người thường rĩ đại tiểu tiện, mũi dãi cho thọ giới Cụ túc. Những người này làm dơ uế thân thể, y phục, đồ nằm. Các Tỳ-kheo-ni khác thấy quả trách họ xong, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật dùng vô số phương tiện quả trách xong rồi vì đó mà kết giới.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni biết người thường rĩ đại tiểu tiện, mũi dãi... độ cho thọ giới Cụ túc, Yết-ma lần thứ ba xong Hoà thượng ni phạm tội đọa. Tác bạch và Yết ma lần thứ hai xong phạm ba tội Á c tác. Tác bạch xong phạm một tội Á c tác. Tác bạch chưa xong phạm Á c tác. Trước khi chưa tác bạch xuống tóc, cho thọ giới nhóm chúng, chúng nhóm đủ đều phạm tội Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Nếu trước không biết, hoặc tin lời người đáng tin nói, tin lời cha mẹ nói, hoặc cho thọ giới Cụ túc rồi mới có bệnh như vậy.

ĐIỀU 166: *Dự nhĩ hình thọ Cụ túc.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết người có hai hình mà trao giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ có Tỳ-kheo-ni độ người hai hình, khi đại tiểu tiện, có Tỳ-kheo-ni thấy, bạch các Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni nghe, quở trách rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Nhi hình: Một người có hai cơ quan sinh dục vừa nam vừa nữ.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu biết người có hai hình mà cho thọ giới Cụ túc, Yết-ma lần thứ ba xong Hòa thượng ni phạm tội đoạ. Tác bạch và Yết-ma lần thứ hai xong phạm ba tội Ác tác. Tác bạch và Yết-ma lần thứ nhất xong phạm hai tội Ác tác. Tác bạch xong phạm một tội Ác tác. Tác bạch chưa xong, trước khi chưa tác bạch, xuống tóc, cho thọ giới, nhóm chúng, chúng đầy đủ đều phạm Ác tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Trước không biết, hoặc cho thọ giới rồi, sau đó mới biến thành hai hình.

ĐIỀU 167: *Dự đạo hiệp thọ cụ.*

Tỳ-kheo-ni nào, biết người đại tiểu tiện hợp một mà cho thọ giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ các Tỳ-kheo-ni độ người hai đường hợp một cho thọ giới Cụ túc. Khi đại tiểu tiện có Tỳ-kheo-ni thấy bạch quý Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni nghe bạch lên quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Nhị đạo hiệp: Là đường đại tiện và tiểu tiện chỉ có một lối.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu biết hai đường hợp một mà cho thọ giới Cụ túc, bạch tam Yết-ma xong Hoà thượng ni phạm tội đoạ, bạch nhị Yết-ma xong phạm ba tội Ác tác, bạch nhất Yết-ma xong phạm hai tội Ác tác. Tác bạch xong phạm một tội Ác tác. Tác bạch chưa xong, trước khi chưa tác bạch, xuống tóc, cho thọ giới, nhóm chúng, chúng nhóm đầy đủ...đều phạm Ác tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu trước không biết, hoặc tin lời người kia nói, hoặc tin lời người đáng tin nói, tin lời cha mẹ họ nói, hoặc cho thọ giới xong rồi, hai đường mới hợp một.

ĐIỀU 168: *Dụ trái, bệnh thọ Cụ.*

Tỳ-kheo ni nào, biết người có mắc nợ và có bệnh mà cho thọ giới Cụ túc. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ các Tỳ-kheo-ni nghe đức Phật chế giới cho độ đệ tử bèn độ cho những người mắc nợ, có bệnh, cho thọ giới Cụ túc xong rồi, người có nợ thì bị chủ nợ đến tìm đòi nợ, người bệnh thì cần người săn sóc không thể xa rời. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Phụ trái: Mắc nợ cho đến một phần mười sáu tiền (ma sáu) tiền vàng.

Bệnh: Cho đến đau đầu thường xuyên.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Biết người mắc nợ và có các thứ bệnh mà độ cho thọ giới Cụ túc, tác bạch Yết-ma lần thứ ba xong Hoà thượng ni phạm tội đoạ. Tác bạch Yết-ma lần thứ hai xong phạm ba tội Á c tác. Tác bạch và Yết-ma lần thứ nhất

xong phạm hai tội Á c tác. Tác bạch xong phạm một tội Á c tác. Tác bạch chưa xong, trước khi chưa tác bạch, xuống tóc, cho thọ giới, nhóm chúng, chúng đầy đủ đều phạm Á c tác. Thầy Tỳ-kheo phạm Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu trước không biết, hoặc tin lời người kia nói, hoặc tin lời người đáng tin nói, tin lời cha mẹ họ nói, hoặc cho thọ giới xong sau đó mới mắc nợ, mới lâm bệnh...

ĐIỀU 169: *Học thuật hoạt mạng.*

Tỳ-kheo-ni nào, học nghề thế tục để tự nuôi sống. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ lục quần Tỳ-kheo-ni học tập chú thuật tự nuôi sống. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia bèn quở trách lục quần Tỳ-kheo-ni xong đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Học thế tục kỹ thuật: Nghĩa là học chú chi tiết, chú sát lợi, chú quỷ khởi thi, học coi tướng chết,

chuyển luân bói cầm thú, biết nghe được tiếng chim kêu...

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia học các nghề thế tục, cho đến biết nghe các tiếng chim kêu, nói mà rõ ràng thì phạm tội đọa, không rõ ràng phạm tội Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu học chú trị bệnh sán lãi, trị bệnh khó tiêu, hoặc học viết, học đọc, hoặc các luận của thế gian để hàng phục ngoại đạo, hoặc các chú trừ độc để tự hộ thân chứ không phải để mưu sinh.

ĐIỀU 170: *Giáo dục kỹ thuật.*

Tỳ-kheo-ni nào, đem kỹ thuật thế tục mà dạy cho bạch y. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Khi ấy lục quần Tỳ-kheo-ni đem kỹ thuật thế tục dạy cho người bạch y, nói rằng: "Các người chớ hướng về

mặt trời, mặt trăng và miếu thờ thần mà đại tiểu tiện. Cũng đừng có hướng đến mặt trời, mặt trăng, miếu thờ thần mà đổ rác và đổ các nước bất tịnh, cũng chớ hướng đến mặt trời, mặt trăng, miếu thờ thần mà ngồi duỗi chân. Nếu muốn làm phòng xá, nhà cửa cày ruộng hãy hướng về mặt trời, mặt trăng và miếu thờ thần. " Hoặc nói: Ngày hôm nay là ngày gì, sao gì đó rất tốt nên gieo giống, nên làm nhà, nên thuê người, cạo tóc cho trẻ con, nên để tóc dài, nên cạo râu, nên tích trữ tài vật nên đi xa... khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Kỹ thuật: Như đã nói ở trên. Nếu muốn nói thì hãy nói với người như thế này: Chớ hướng về tháp Phật, tháp Thanh văn mà đại tiểu tiện, đổ rác, đổ nước bẩn. Cũng chớ hướng đến tháp thờ Phật, tháp thờ Thanh văn mà ngồi duỗi chân. Nếu muốn tạo phòng, nhà, làm ruộng, trồng trọt nên hướng về tháp Phật và tháp Thanh văn. Người nếu muốn nói ngày hôm nay có sao tốt như vậy nên làm nhà, trồng trọt, nên thuê người, nên cạo tóc cho con nít, để tóc dài, cạo râu thì nên nói rằng: Các vị nên vào chùa tháp mà cúng dường cho Tỳ-kheo tặng thọ bát quan trai vào các ngày mùng 8, 14, rằm, ngày hiện biến hoá.(1)

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia dùng kỹ thuật thể tục giáo thọ cho bạch y, nói những lời như trên cho đến chỗ nên đi xa, nói rõ ràng phạm tội đoạ, không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu dạy họ: Người đừng hướng đến tháp của đức Như Lai, tháp Thanh văn mà đại tiểu tiện, đổ rác và đổ nước bất tịnh, cũng không nên hướng đến tháp thờ Phật, thờ Thanh văn mà ngồi duỗi chân. Nếu muốn làm ruộng, trồng trọt, dựng nhà nên hướng về tháp Phật, cho đến nói: "Nên thọ bát quan trai", hoặc nói đùa, nói gắp gắp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nói làm việc khác.

(1) Ngày đản sanh, thành đạo, nhập diệt... của chư Phật và các vị Bồ-tát.

ĐIỀU 171: Bị tấn bất khứ.

Tỳ-kheo-ni nào, bị đuổi mà không đi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Châu-na-hy-la. Bấy giờ lục quân Tỳ-kheo-ni bị đuổi mà không đi. Các Tỳ-kheo-ni vì nhơn duyên này đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni bị đuổi đi mà không đi phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu bị đuổi liền đi ngay, nếu tuý thuận theo Chúng tăng, hạ ý sám hối, cầu xin giải Yết-ma diệt tẩn, hoặc đang bệnh, hoặc không có bạn cùng đi, hoặc đường thủy, đường bộ bị đứt đoạn, hoặc có các nạn: Giặc cướp, ác thú, lụt, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói, bị tù, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, bị đuổi mà vẫn không đi.

ĐIỀU 172: *Bất cầu vãn nghĩa.*

Tỳ-kheo-ni nào, muốn hỏi thầy Tỳ-kheo nghĩa lý, trước không cầu mà hỏi. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vê, trong vườn Kỳ thọ

Cấp-cô- độc. Bây giờ Tỳ-kheo-ni An-ôn có trí tuệ hỏi các thầy Tỳ-kheo nghĩa lý, các thầy Tỳ-kheo bị hỏi không đáp được đều hổ thẹn. Các Tỳ-kheo-ni thấy vậy quở trách Tỳ-kheo-ni An-ôn xong, bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

Nghĩa: Tức là kinh, luật, luận, nghĩa lý Phật pháp.

* *Trong giới này được quy định là phạm*: Nếu Tỳ-kheo-ni hỏi thầy Tỳ-kheo nghĩa lý, trước không cầu mà hỏi, nói mà rõ ràng phạm tội đọa, không rõ ràng phạm Á c tác. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu cầu trước rồi sau mới hỏi, nếu trước thường đã hỏi, nếu trước là thân quyến, nói rằng: "Cô cứ hỏi tôi sẽ xin cho". Hoặc theo thầy học, hoặc hai người cùng học một thầy. Hoặc kia hỏi đây đáp, hoặc hai người cùng đọc, hoặc nói giỡn chơi, hoặc nói mau mau, nói chỗ vắng, nói trong mộng. Muốn nói việc này lắm nói việc kia...

ĐIỀU 173: *Dục não loạn bi*.

Tỳ-kheo-ni nào, biết người ở trước, mình tới sau, người đến sau mình ở trước, muốn làm não loạn người kia nên đi kinh hành, đứng, ngồi, nằm trước mặt họ. Ba-dật-dề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni, người ở trước, mình tới sau, người đến sau mình ở trước, muốn làm nã loạn người kia nên cố ý đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm. Các Tỳ-kheo-ni biết quả trách lục quần Tỳ-kheo-ni rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni kia biết người ở trước mình tới sau, người đến sau mình ở trước, muốn làm nã loạn người kia nên đi kinh hành, đứng ngồi nằm trước mặt họ, phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu trước không biết, nếu hỏi, nếu họ bằng lòng cho mình đi kinh hành. Nếu là bậc Thượng toạ, hoặc đổi nhau đi kinh hành, hoặc muốn đi kinh hành, hoặc đó là thân quyến. Hoặc người thân quyến bảo: "Cô cứ đi kinh hành, tôi sẽ vì cô mà nói lại". Nếu bị té xuống đất, hoặc bị cường lực bắt, bị trói, bị mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 174: *Tăng tự khởi tháp.*

Tỳ-kheo-ni nào, ở trong chùa có Tỳ-kheo mà xây tháp. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ trong thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo-ni nhiều bạn qua đời. Các Tỳ-kheo-ni khác xây tháp cho vị ấy trong chùa của quý thầy Tỳ-kheo. Các cô đi thâu lượm hết các phiến đá rửa chân của quý thầy Tỳ-kheo mà làm tháp. Có khách Tỳ-kheo đến không biết tháp của Tỳ-kheo-ni, cứ lễ bái. Các Tỳ-kheo-ni nghe, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni biết trong chùa có quý thầy Tỳ-kheo mà vẫn xây tháp, tùy theo lấy mỗi một phiến đá rửa chân, một nắm bùn, một nắm cỏ, lấy bao nhiêu thì phạm tội đọa bấy nhiêu. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Nếu trước không biết, hoặc chùa cũ hư hoại, hoặc làm tháp trước xây dựng chùa tăng sau...

ĐIỀU 175: Mạng tân Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo-ni nào, thấy thầy Tỳ-kheo mới thọ giới phải đứng dậy nghinh tiếp, cung kính lễ bái hỏi thăm, mời ngồi, nếu không. Ba-dật-đề. Trừ có lý do phải thời.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Phật chế giới: Tỳ-kheo-ni 100 tuổi thấy thầy Tỳ-kheo mới thọ giới phải đứng dậy lễ bái, cung kính hỏi han, trải tòa mời ngồi. Nhưng các Tỳ-kheo-ni không đứng dậy bái lễ, cung kính hỏi han, trải tòa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni nghe biết việc kia rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách kia rồi, dạy với các thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni thấy thầy Tỳ-kheo không đứng dậy, trừ có lý do phải thời, phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

** Trường hợp không phạm:* Nếu đứng dậy tiếp rước, hoặc đang ăn, hoặc không làm pháp dư thực hoặc để ăn cho đủ, nên nói rằng: Xin đại đức vui lòng,

tôi có lý do như vậy. Hoặc bị té xuống đất, hoặc bị cường lực bắt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn...

ĐIỀU 176: *Vị hảo cố diêu thân.*

**Tỳ-kheo-ni nào, vì muốn đẹp, đi lặc thân mình.
Ba-dật-đề.**

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni đáp y đi lặc thân hình vì muốn đẹp. Cư sĩ thấy đều chê bai, các Tỳ-kheo-ni này không biết xấu hổ, bên ngoài tự nói rằng ta biết chánh pháp, lại muốn làm đẹp lặc thân hình mà đi giống như dân nữ, tặc nữ, như vậy thì có gì là chánh pháp! Các Tỳ-kheo-ni nghe, đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Tỳ-kheo-ni nào vì muốn đẹp đi lặc thân hình phạm tội đoạ. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc có bệnh như vậy, hoặc bị người khác đánh né qua một bên, hoặc gặp voi dữ tới, giặc tới, ác thú, hoặc có gai nhọn lầy

tay đỡ ngăn, hoặc lội qua sông hoặc lội qua khe, suối, lạch nước sâu, hoặc lội qua bùn, hoặc đắp y sửa cho tề chỉnh, sợ có chỗ cao thấp so le, hoặc cuốn như vôi voi, hoặc xòe như lá, hoặc xếp lẫn nhỏ, làm như vậy phải liếc ngó hai bên thân lay động mà xem, không phạm.

ĐIỀU 177: *Tác phụ nữ trang nghiêm.*

Tỳ-kheo-ni nào, dùng hương trang sức của phụ nữ mà thoa chà vào thân. Ba-dật-đề.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni tự trang sức thân mình, chải tóc, lấy hương thoa vào thân. Các cư sĩ trông thấy đều chê cười rằng: Vợ của chúng ta cũng trang sức thân thể, chải tóc, thoa hương vào thân, các Tỳ-kheo-ni này cũng làm như vậy, nên sanh tâm khinh lờn, không còn cung kính nữa. Các Tỳ-kheo-ni nghe, quả trách lục quần Tỳ-kheo-ni rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

* Trong giới này được quy định là phạm: Tỳ-

kheo-ni kia dùng hương trang sức phụ nữ thoa vào thân, cho đến chỉ cần chấm một chấm thôi cũng phạm một tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

* *Trường hợp không phạm*: Hoặc có bệnh như vậy, hoặc khi cha mẹ bị bệnh, hoặc bị trói, bị tù phải vì cha mẹ mà tắm rửa, chải tóc. Nếu vì người Ưu-ba-di có lòng tin thuần thành bị bệnh, bị trói, bị tù cho tắm rửa, hoặc bị cưỡng lực bắt.

ĐIỀU 178: *Sử ngoại nữ đồ thân*.

Tỳ-kheo-ni nào, sai người nữ ngoại đạo dùng hương thoa chà vào thân. Ba-dật-đê.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ Tỳ-kheo-ni Ca-la Chiên-đà-thâu-na, là chị ruột của một nữ tu ngoại đạo. Tỳ-kheo-ni kia sai người em gái ngoại đạo lấy hương thoa chà vào thân, các cư sĩ thấy đều chê cười: Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, bên ngoài tự nói rằng tôi biết chánh pháp mà lại khiến con gái ngoại đạo thoa hương vào thân

như vậy thì có gì là chánh pháp, có khác gì dâm nữ, tặc nữ đâu! Các Tỳ-kheo-ni nghe quở trách Tỳ-kheo-ni Ca-la Chiên-đà-thâu-na rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo-ni Ca-la Chiên-đà-thâu-na rồi bảo với quý thầy Tỳ-kheo rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

** Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu Tỳ-kheo-ni sai người nữ ngoại đạo lấy hương thoa chà vào thân phạm tội đọa. Bốn chúng kia phạm kết tội Á c tác.

** Trùng hợp không phạm:* Hoặc bị bệnh như vậy, hoặc bị cường lực bắt.

4.3. Kết vấn:

"Thưa các Đại tỷ, tôi đã tụng xong 178 pháp Ba-dật-đề. Nay hỏi các Đại tỷ trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại tỷ trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy".

LƯỢC GIẢI:

Trong văn kết này, nghĩa như trước đã giải thích. Ở trên đã nói riêng từng giới tướng một, bây giờ xin nói rõ tổng quát phương pháp sám hối. Các tội đọa này đại để cũng giống như 30 tội đọa trước, chỉ có một điều không có tài vật để xả là khác mà thôi. Khi sám hối thì khai cho riêng chúng mà phát lộ. Nếu muốn sám hối tội này thì trước phải sám hối tội phứ tàng, phẩm số nhiều ít căn cứ theo trước đã nói mà biết. Khi sám hối bốn tội phải thỉnh một vị chủ trì sám hối. Phương pháp thỉnh và lời bạch chúng của vị sám hối chủ như trước đã nói. Thỉnh xong rồi phải đỗi trước vị chủ trì sám hối mà bạch rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm. Con Tỳ-kheo-ni... cố ý nói dối (bao nhiêu tùy theo chúng, danh, sự mà thừa). Phạm (tùy theo nhiều ít căn cứ nơi số tội phạm mà thừa, nếu không nhớ số thì nên nói rất nhiều. Phải thừa đúng như sự thật không được dối trá). Tội Ba-dật-đề. Nay hướng về Đại tử xin phát lộ sám hối, không che dấu. Sám hối được an lạc, không sám hối không an lạc. Nay nhớ mình phạm tội nên phát lộ, biết mà không dám che dấu. Xin Đại tử nhớ nghĩ cho con thanh tịnh giới thân Cụ túc, thanh tịnh Bồ-tát" (thừa 3 lần).

Vị sám chủ nên nói rằng: "Hãy tự trách tâm

ngươi, nên sanh tâm nhằm chán xa là". Người sám hối thưa rằng: "Dạ vâng".

5. Pháp hồi quá:

- Chia ra 3 phần:
1. Tổng tiêu.
 2. Giới tướng.
 3. Kết vấn.

5-1. Tổng tiêu:

Thưa các Đại tỷ, đây là 8 pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, xuất từ giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

LƯỢC GIẢI:

Tám pháp này đều do ăn mà tăng trưởng tham lam, phá hoại tâm tín kính của người, nên đức Phật cấm chỉ.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Tiếng hán không có từ dịch chính, nhưng theo nghĩa để giải thích thì gọi là "Hương bĩ hối". Tất cả tội đều phải hướng đến người khác phát lộ cầu xin sám hối. Nhưng vì sao chỉ riêng thiên này gọi là Hương bĩ hối? Bởi vì tội này nếu phạm thì phải lập tức hướng đến người khác mà phát

lộ sám hối, thỉnh cầu người ta quở trách mình, vì thế mới có một tên riêng như vậy. Căn Bản luật Nhiếp dạy: Trong trú xứ hiện diện bao nhiêu vị Tỳ-kheo-ni đều phải đối trước các vị đó mà trình bày để sám hối, không giống như các tội khác cho nên mới có một tên riêng như vậy. Lại phạm tội này phải phát lộ ngay, không được để lại ngày mai, đó cũng là khác với những tội khác. Theo như luật Tăng-kỳ, Thập tụng và Căn Bản thì đều dạy phải đối trước một người thưa lên một lần lời sám hối, tội liền dứt.

5-2. Giới tương:

ĐIỀU 1: *Bất bệnh khát tô.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh xin tô mà ăn, phạm pháp nên sám hối đáng khiển trách, cần phải đối trước Tỳ-kheo-ni khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại tỷ, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại tỷ xin phát lộ sám hối. Đây gọi là pháp Hồi quá".

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp-cô- độc. Bảy giờ lục quần Tỳ-kheo-ni xin tô mà ăn. Các cư sĩ thấy đều chê bai rằng, các Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, cầu xin không nhằm chán, bên ngoài tự xưng rằng ta biết chánh pháp mà lại xin tô để ăn, giống như dâm nữ, tặc nữ. Như vậy thì có gì là chánh pháp! Khi ấy các Tỳ-kheo-ni nghe, những người ưa học giới, biết tầm quý quả trách lục quần Tỳ-kheo-ni rồi đến bạch quý thầy Tỳ-kheo, quý thầy Tỳ-kheo bạch lên đức Phật kết giới.

** Tướng phạm trong giới này được quy định như thế nào?* Tỳ-kheo-ni kia không có bệnh xin tô mà ăn, mỗi một miếng nuốt phạm một tội Ba-la-đề-đề-xá-ni. Thầy Tỳ-kheo phạm tội Đột-cát-la. Ba chúng sau phạm tội Đột-cát-la.

** Trường hợp không phạm:* Nếu có bệnh mới xin, nếu xin cho người bệnh hoặc không xin mà được...

Bảy giới sau này duyên khởi phạm tội cùng chỗ cư ngụ của đức Phật đều giống như giới này. Và phạm, không phạm. Bốn chúng phạm kết tội, tất cả đều giống như giới này. Cho nên không cần phải giải thích nữa.

ĐIỀU 2: *Bất bệnh khát du.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh xin dầu mà ăn, phạm pháp nên sám hối đáng khiển trách. Cần phải đối trước Tỳ-kheo-ni khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại tỳ, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại tỳ xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp Hồi quá.

ĐIỀU 3: *Bất bệnh khát mật.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh xin mật mà ăn, phạm pháp nên sám hối đáng khiển trách, cần phải đối trước Tỳ-kheo-ni khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại tỳ, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại tỳ xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp Hồi quá.

ĐIỀU 4: *Bất bệnh khát thạch mật.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh xin đường phèn mà ăn, phạm pháp nên sám hối đáng khiển trách, cần phải đối trước Tỳ-kheo-ni khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại tỳ, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại

tỷ xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp Hồi quá.

ĐIỀU 5: *Bất bệnh khát nhũ.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh xin sữa mà ăn, phạm pháp nên sám hối đáng khiển trách, cần phải đối trước Tỳ-kheo-ni khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại tỷ, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại tỷ xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp Hồi quá.

ĐIỀU 6: *Bất bệnh khát lạc.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh xin lạc mà ăn, phạm pháp nên sám hối đáng khiển trách. Cần phải đối trước Tỳ-kheo-ni khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại tỷ, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại tỷ xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp Hồi quá.

ĐIỀU 7: *Bất bệnh khát ngư.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh xin cá mà ăn,

phạm pháp nên sám hối, đáng khiển trách. Cần phải đối trước Tỳ-kheo-ni khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại tỳ, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại tỳ xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp Hồi quá.

ĐIỀU 8: *Bất bệnh khát nhục.*

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh xin thịt mà ăn, phạm pháp nên sám hối, đáng khiển trách. Cần phải đối trước Tỳ-kheo-ni khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại tỳ, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại tỳ xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp Hồi qua.

5-3: Kết vấn:

"Thưa các Đại tỳ, tôi đã tụng xong 8 pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay hỏi các Đại tỳ trong đây có thanh tịnh không? Các Đại tỳ trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy".

LƯỢC GIẢI:

Văn kết như trước đã giải thích. Muốn sám hối tội này trước hết phải thỉnh một vị làm chủ trì sự sám hối. Văn thỉnh sẽ ghi ở sau, thỉnh xong tác bạch để sám hối như thế này:

"Đại tử một lòng thương xót. Tôi Tỳ-kheo-ni... Không bệnh xin tô mà ăn (còn bao nhiêu chũng, danh, sự khác tùy đó mà thừa), phạm (bao nhiêu hoặc nhiều) tội Ba-la-đề-đề-xá-ni. Đại tử, tôi phạm pháp đáng quở trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại tử xin sám hối, không dám che dấu. Sám hối thì được an lạc, không sám hối không an lạc, nhớ nghĩ mình có phạm tội nên phát lộ, biết mà không che dấu. Xin Đại tử biết cho tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh để Bồ-tát" (3lần).

Vị kia quở rằng: "Nên tự trách tâm nguoi, phải sanh tâm nhàm chán xa lìa". Đáp: "Dạ".

Tiếp đây nói phương pháp thỉnh sám chủ. Phải đầy đủ oai nghi mà thưa rằng:

"Đại tử một lòng thương xót. Tôi Tỳ-kheo-ni... không có bệnh xin tô mà ăn (còn bao nhiêu chũng, danh, sự khác tùy đó mà thừa), phạm (bao nhiêu hoặc nhiều) tội Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay thỉnh Đại tử làm sám hối chủ. Nguyên Đại tử vì tôi mà làm vị sám hối chủ. Xin thương xót" (3lần).

Vị chủ sám hối không được hứa liền phải bạch Tăng trước:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe Tỳ-kheo-ni... không có bệnh xin tô mà ăn (còn bao nhiêu củng, danh, sự khác tùy đó mà thừa) phạm (bao nhiêu hoặc nhiều) tội Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay theo Chúng tăng xin sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận, tôi nay nhận sự sám hối của Tỳ-kheo-ni... Đây là lời tác bạch".

Tác bạch xong rồi mới trả lời với vị kia rằng: Có thể được.

Nếu đối trước hai người, ba người để sám hối thì phương pháp thỉnh và lời tác bạch của vị sám chủ cũng như trên, trừ khi chỉ đối trước một người mà sám hối thì không cần phải hỏi người bên cạnh là khác mà thôi.

(HẾT QUYÊN X)

QUYỂN XI

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ

6. Pháp chúng học:

- Chia ra 3 phần:
1. Tổng tiêu.
 2. Giới tướng.
 3. Kết vấn.

6-1. Tổng tiêu:

Thưa các Đại tỳ, đây là 100 pháp Chúng học xuất từ giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

LUỘC GIẢI:

Tiếng phạn: Thúc-xoa-ca-la-ni, cũng gọi là Thi-xoa-kế-lại-ni. Hán văn dịch: Ứng đương học: Nghĩa là những việc này phải nên học. Chư Tăng nước Hồ dịch là Thủ giới. Giới này khó giữ mà tội nhẹ. Cho nên phải học phải giữ gìn, lấy ý nghĩa đó mà đặt tên chứ không phải là chánh dịch. Luận Tỳ-ni, Tỳ-bà-sa

có câu hỏi: Tại sao các thiên khác không nói "Ưng đương học" mà chỉ có những giới này nói? *Đáp*: Các giới khác dễ giữ mà tội nặng, phạm liền thành tội, hoặc phải sám hối giữa chúng hoặc đối thủ sám hối. Những giới này khó giữ mà tội nhẹ, chỉ sơ ý một chút liền phạm, nếu có phạm thì tâm ăn năn nhớ học pháp, tội liền tiêu, không kết tên tội mà chỉ nói ngay rằng: Cần nên học. Nhưng các học pháp này tuy không nói tên tội nhưng nếu vi phạm thì phải làm pháp sám hối tội Đột-cát-la. Nhưng phạm thì cũng có cố ý phạm và lầm phạm, nên sám hối cũng có hai bậc. Nếu cố ý phạm thì phải hướng đến trước một người mà phát lộ sám hối, còn nếu lầm phạm thì chỉ tự trách tâm mình. Trong các luật, luận đều có phân biệt rõ hai tâm cố ý phạm và lầm phạm. Như luật Bản dạy: Nếu cố ý làm thì phạm Đột-cát-la phải sám hối, và do cố ý làm nên lại phạm thêm tội Đột-cát-la phi oai nghi. Nếu lầm phạm không cố ý chỉ phạm tội Đột-cát-la thôi. Luật Căn Bản Nhiếp dạy: Nếu thầy Tỳ-kheo không nương lời Phật dạy, không nghĩ đến sự xấu hổ, muốn làm những việc trái chánh pháp, cầm y mà giảng ra thì phạm tội trách tâm Ác tác, nếu mang đắp trên thân thì phạm tội đối thuyết Ác tác. Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni có tâm vâng lời Phật dạy mà sơ ý đắp y không như

pháp, hoặc quên tưởng niệm, hoặc có khi không biết là mình đấp y phi pháp thì chỉ phạm tội trách tâm Á c tác. Xét trong các bộ luật, luận đều nói: Chúng học giới này đức Phật kết đầu tiên. Nhưng những vị kết tập Luật tạng về sau để ở sau chót là vì tên tội tuy 1 mà khinh trọng có 5. Để giới trọng ra trước, giới khinh ra sau, nhưng giới này đối với trong 5 thiên là nhẹ nhứt, nên để sau cùng.

Lại 1 là thật tội. 2 là giả tội, để thật tội ở đầu, giả tội sau rốt. Lại 1 là vô tâm. 2 là hữu tâm. Vì thế, giới trọng để trước, giới khinh để sau. Trong 100 việc này, chưa chắc là được đức Phật đều kết trước hết, nhưng vì giới đấp y này đức Phật kết trước, lại để đầu thiên, cho nên nói thiên này kết trước các Ngài sắp đặt để ở trước, cho nên nói là ban đầu. Như đức Phật lúc ban đầu độ cho 5 vị Tỳ-kheo xuất gia, y phục còn giống như thế tục, đức Phật liền nghĩ: "Chư Phật trong đời quá khứ dạy đệ tử mặc y phục như thế nào". Ngài liền dùng thiên nhãn xem và biết rằng như người ở cõi trời Tịnh Cư phục sức. Bèn dạy 5 vị Tỳ-kheo rằng: "Từ nay về sau các người phải mang đấp Niết-bàn-tăng một cách tề chỉnh giống như cách phục sức của người ở cõi trời Tịnh Cư".

Luận Tát-bà-đa có câu nói rằng: Các giới trong 5 thiên trước tại sao đức Phật chỉ khi chế giới về sự mặc Nê-hoàn-tăng và 3 y, Ngài mới phải quán sát chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại và Tịnh Cư Thiên? "*Đáp:* Phật kết giới trong 5 thiên thì giới này ở đầu, vì giới này kết ban đầu cho nên nói thiên này kết trước, còn những thiên khác không nói. Lại nữa, những giới này đối với các thiên khác là giới khinh, sợ đệ tử tương lai không sanh tâm chú trọng nên đức Như Lai phải dùng Phật nhãn quán sát chư Phật quá khứ, vị lai và Tịnh Cư Thiên rồi sau mới kết, khiến cho chúng sanh đời sau khỏi sinh tội khinh lờn. Lại nữa, 3 đời chư Phật kết giới đều có đồng và bất đồng. Những giới trong 5 thiên bất tất đều giống nhau cả. Giới mặc Nê-hoàn-tăng và Ca-sa thì ba đời chư Phật đều giống nhau. Do đó giới này phải quán sát chư Phật và trời Tịnh Cư, còn các giới khác thì không quán. Thật tội tức là tánh tội. Vì độ cho người nữ xuất gia thọ giới mà đức Thế tôn do nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

6-2. Giới tương:

Các giới pháp Chúng học này văn cú giản lược

mà sự thì phân nhiều trùng điệp cho nên không cần phải nêu tên riêng từng giới. Căn cứ trên văn mà suy nghĩ thì liền rõ được ý chỉ, cho đến phần duyên khởi, giải thích ý nghĩa trong luật BỔN hoặc có chép đủ, hoặc không đủ, nhưng xét trong các kiền-độ thì phần nhiều đều do lục quần khởi phạm. Điều là già tội, và đều là thực hành để giữ gìn oai nghi, nhẹ hay nặng phân chia rõ ràng đều do cố ý hay lầm phạm, lại không có tướng gì khác, nhưng sự, lý, đơn, kép không nhứt định.

Nay 100 Chúng học pháp này tóm lại có 10 việc:

1. Mặc y. 2. Vào thôn xóm. 3. Đứng ngồi. 4. Ăn nhai. 5. Cầm bát. 6. Đại tiểu tiện. 7. Nói pháp. 8. Thập tượng. 9. Đi đường. 10. Leo cây.

Tụng rằng:

"Mặc quần và 5 y tề chỉnh.

Việc vào thôn nhà, ngồi, ăn nhai.

Nghi hộ bát, tiện lợi, thuyết pháp.

Kính thập, phòng, tượng, đi, leo trèo".

ĐIỀU 1: Phải bận Niết-bàn-tăng cho tề chỉnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nội y: Tức một tên khác của cái quần. Giống như cách mặc quần của ni chúng ở phương này. Tuy không phải do Phật chế nhưng là một phương tiện rất hay.

Đương tề chỉnh: Nghĩa là phải xa lìa cái lỗi ăn mặc không tề chỉnh. Thế nào là không tề chỉnh? Hoặc buộc dây dưới rún, hoặc vén cao ngang đầu gối.

* *Trong giới này được quy định là phạm:* Nếu không y lời Phật dạy mà cố ý làm thì phạm Đột-cát-la, nên sám hối. Vì là cố ý cho nên phạm thêm tội phi oai nghi Đột-cát-la. Nếu không cố ý thì chỉ phạm Đột-cát-la. Các giới sau chuẩn theo đây nên biết, không cần phải nói riêng từng giới nữa. Thầy Tỳ-kheo cũng phạm như vậy. Ba chúng sau phạm Đột-cát-la. 100 pháp này chung cho cả Tăng Ni đều học. Trong đây có 1, 2 giới không giống nhau, về sau sẽ tùy theo việc mà lược giới.

* *Trường hợp không phạm:* Có ghề ở rún, nên mặc thấp xuống, bấp chân có ghề nên mặc cao lên. Hoặc ở trong chùa đi ngoài làng xóm, khi làm việc,

khi đi đường. Hạn định này do đức Phật tự thân chế, không phải tự ý con người cho cao thấp, thì đâu nên trái giáo chỉ mà thuận theo phàm tình mặc quần áo dài quét đất.

1. Làm tổn hại vật tịnh thí của người tín tâm.
2. Khinh lờn lời dạy của Đại sư.

Người tu hành phải nên xem kỹ, nhớ kỹ. Đừng phụ chí xuất gia vậy.

ĐIỀU 2. Phải khoát 5 y cho tề chỉnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đương tề chỉnh: Nghĩa là xa lìa sự không tề chỉnh. Thế nào là không tề chỉnh? Hoặc mặc thòng xuống quá cánh tay bày hông. Hoặc cao quá bắp chân, hoặc thòng trước một góc như mũi voi, hoặc thòng trước hai góc, sau vén cao lên xếp nhỏ đặt thành.

* *Trường hợp không phạm:* Vai, cánh tay có ghé

nên mặc thấp xuống. Còn bao nhiêu đều giống như giới trước.

Nội Pháp truyện nói về phương pháp mặc y và cách đặt khuy nút đúng như trong luật mà chỉ dẫn: Lấy một tấm vải chừng 5 go tay xếp làm 3 lớp, chỗ xếp trên đầu vai cách thành chừng 4 lóng tay, đặt vào đó 1 miếng vải vuông, bề rộng chừng 5 ngón tay may quanh 4 phía, chính giữa xoi 1 lỗ nhỏ để đặt dây khuy. Khuy làm bằng dây hoặc bằng lụa, lớn nhỏ giống như khuy áo, dài chừng 2 ngón tay, kết chặt ở giữa lại. Dem sợi dây khuy ấy xuyên vào lỗ, kéo qua bên ngoài buộc kéo chữ thập thành ra 2 khuy dùng để gài vào nút. Chỗ xếp ở trước ngực, đặt nút bên thành giống như nút áo là đúng pháp. Hai đầu cách góc chừng 8 lóng tay, mỗi bên đặt 1 cái khuy và 1 hột nút. Khi ăn mới dùng đến xếp vắt ở trước ngực gài nút dính nhau, đây thật là cần yếu. Khi trong chùa, hoặc khi đối trước chúng thì không được gài nút và đắp trùm hai vai. Khi đi ra đường và vào nhà thế tục thì phải cần gài nút. Còn các thời khác thì chỉ nên đắp lên vai mà thôi. Khi làm việc ở chỗ vắng tùy ý vén lên. Nếu đối trước các bậc tôn túc thì phải đắp y cho tề chỉnh. Lấy góc y bên mặt thông thả đắp qua vai trái, thông đến sau lưng, chớ để trên cánh tay. Nếu muốn gài nút thì phải đắp

trùm cả hai vai, đắp rồi gài nút vào khuy, quàng ra sau vai, đừng để sút, lấy góc đắp lên vai, y bèn quấn quanh cổ. Hai tay thông ra một góc phía trước rũ xuống giống hình vua A-dục chính là đúng với cách thức vậy. Khi đi ra ngoài cầm dù thì hình nghi rất khả ái, tức là đã y giáo mà tề chỉnh đắp 3 y rồi vậy. Nếu đặt nút ngắn mà cắt dây khuy dài thì khỏi có cái lỗi trái với lời dạy. Nếu mặc quần, nơi lưng quần ở phía sau lấy kim chỉ may cho chắc chắn.

Thứ tư: Là y Khuyết-tô-lạc-ca chánh dịch là Thuyên, ý ở đây là lấy hình dạng mà đặt tên, tức là hạ quần của ni.

Thứ năm: Là y Tăng-khước-kỳ, dịch là Yểm, dịch y, phải mặc trước để che cả hai vai, vậy sau mới mặc Pháp phục.

Trong này nói Phú-kiên y tức là Tăng-khước-kỳ. Luận Tạp Sự nói: Tỳ-kheo-ni khi trời nóng ở trong phòng riêng của mình chỉ mặc hạ quần và Tăng-khước-kỳ. Tuỳ ý đọc tụng nói pháp, may y phục... trong bốn oai nghi đều không trái phạm. Trong kinh Xá-lợi-phất vấn dạy rằng: Khi tu phước cúng dường nên đắp một vai để tiện làm việc. Khi làm phước chú nguyện thì phải đắp cả hai vai để hiện tướng phước điền.

Thế nào gọi là tu cúng dường? Như khi thấy Phật, khi thăm hỏi Sư tăng, nên tùy theo sự tướng hoặc lau giường, hoặc quét nhà, hoặc xếp y phục... cho đến làm bao nhiêu việc cúng dường.

Thế nào gọi là làm phước chú nguyện? Như khi vua thỉnh thọ thực, khi vào làng khát thực, khi toạ thiền, tụng kinh, đi kinh hành ngồi dưới gốc cây...

ĐIỀU 3: Không nên vắt ngược y khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phản sao y: Vén ngược y hai bên mà vắt lên vai.

* *Trường hợp không phạm: Bên hông có ghế... Luật Nhiếp dạy: Thượng y hay hạ y đều không được vén một bên để bày thân thể, hoặc vén cả hai bên vắt lên vai.*

ĐIỀU 4. Không nên vắt ngược y khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phản sao y: Như trước đã giải thích.

Giới trước nói về oai nghi khi đi.

Giới này nói về oai nghi khi ngồi: Khi ngồi trong nhà thế tục thân phải kín đáo, không được rối loạn, mất oai nghi của vị Tỳ-kheo-ni, thân phải ngay thẳng, ý phải chánh niệm để phát sanh sự tín kính cho người. Nếu 6 căn buồng lung vén ngược y lên để lộ thân thể khiến cho người phải huỷ báng tức là đã tự làm tổn hại mình, tổn hại người.

ĐIỀU 5. Không nên quán y nơi cổ khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y triển kinh: Cầm hết cả hai góc y mà vắt lên vai.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu cánh tay và vai có ghé.

ĐIỀU 6. Không nên quán y nơi cổ khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y triền kính: Như trước đã giải thích, nghĩa là ở trong nhà thế tục thì phải mặc y một cách chỉnh tề, phải biểu lộ tướng phước điền mà ngồi.

ĐIỀU 7. Không nên trùm đầu khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phủ đầu: Lấy y, lá cây, các vật dụng vụn vặt mà che trên đầu.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc sợ lạnh, hoặc trên đầu có ghẻ, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn che đầu mà chạy trốn.

Luật Tăng-kỳ dạy: Nếu khi gió lạnh, mưa và bệnh, không được che bít cả đầu, nên che một nửa để bày ra một lỗ tai. Nếu khi diện kiến với hai thầy và các vị Thượng toạ thì phải để đầu trần không được che. Nếu vào nhà xí, hoặc trong phòng riêng, chỗ vắng che không phạm.

ĐIỀU 8. Không nên trùm đầu khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phủ đầu: Ý nghĩa như trước đã giải thích. Lại, Tỳ-kheo-ni không được trùm đầu. Nếu đầu có bệnh lạnh cho dùng lông và lá kiếp bôi để làm mao.

ĐIỀU 9. Không nên nhảy nhót khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Khiêu hành: Nghĩa là hai chân đi cà khêu.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu bị người đánh hoặc có giặc và ác thú, hoặc có gai nhọn, hoặc vượt qua khe, qua hầm hố.

ĐIỀU 10. Không nên nhảy nhót khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Khiêu hành: Như trước đã giải thích. Tỳ-kheo-ni khi bước chân đi nên nhớ, nếu không phải là tướng của bậc đại nhân thì đều không nên sử dụng. Luật Tăng-kỳ dạy: Phạm là người xuất gia không được ngồi bó gối, không được ngồi tréo chân. Tréo chân là đem bắp vế này để trên bắp vế kia, đầu gối này để trên đầu gối kia, bắp chân này để trên ống chân kia, bàn chân này để trên mũi bàn chân kia. Nếu có bệnh thì không có tội.

ĐIỀU 11. Không nên ngồi chòm hỏm trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ- kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tôn toạ: Hoặc ở trên đất, trên giường, trên ghế, ngồi mà khu không dính đất, tức là hai chân đạp đất, hai đầu gối dựng đứng lên vậy.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu bên khu có mọt, hoặc có ai trao cho vật gì, hoặc lạy, hoặc sám hối, hoặc nhận lời giáo giới, thì khi ấy phải quỳ gối chấp tay.

Chữ "Kháo" âm là "Khảo", bình thanh. Kháo là chỗ cuối cùng của xương sống, tức là trôn vậy.

ĐIỀU 12. Không nên chống nạnh khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Xoa yêu: Hoặc co một tay, hoặc hai tay mà chống nạnh.

* *Trường hợp không phạm:* Dưới hông có ghế hoặc ở trong chùa, ngoài làng xóm, khi làm việc, khi đi đường.

ĐIỀU 13. Không nên chống nạnh khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Xoa yêu: Như trước đã giải thích:

Go cánh tay chống nạnh làm ngăn ngại người

ngồi bên cạnh. Dầu không có người ngồi gần cũng không phải nghi tắc. Luật Thập Tụng dạy: Không được ngồi chống tay trên má.

ĐIỀU 14. Không nên uốn éo thân hình khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ- kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Diêu thân: Lắc thân bên phải, rồi lắc bên trái mà đi dạo, nếu vì muốn đẹp thì phạm tội đoạ.

* *Trườnghợp không phạm:* Nếu bị người đánh, né thân để tránh gậy, tránh ác thú, gặp người gánh gai né thân để tránh. Vượt qua hàm hổ hoặc khi đắp y xoay thân để nhìn có tề chỉnh không.

ĐIỀU 15. Không nên uốn éo thân hình khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Điều thân: Như trước đã giải thích.

Khi ở trong nhà bạch y phải chỉnh đốn dung nghi, thân ngồi cho ngay ngắn.

ĐIỀU 16. Không nên đánh đặng xa khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Điều tỳ: Duỗi cánh tay mà đánh từ trước ra sau.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc bị người đánh và ác thú chạy đến, đưa tay ngăn đỡ, hoặc đưa tay vẫy bạn.

ĐIỀU 17. Không nên đánh đặng xa khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Điều tỳ: Như giới trước đã giải thích.

Khi ở trong nhà thế tục phải vòng tay ngồi một cách đoan chánh. Luật Tăng-kỳ dạy: Không được ngồi động tay, động chân, múa tay, múa chân, phải im lặng ngồi một cách an tường. Nếu có ai thưa hỏi điều gì, trước hết phải nghĩ đến hộ giới rồi sau đó tùy thuận mà trả lời.

ĐIỀU 18. Phải trùm kín thân thể khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp

quý thầy Tỳ- kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nếu không che kín thân thể thì sẽ để lộ hình.

* *Trường hợp không phạm*: Bị trời, bị gió bay y là thân.

ĐIỀU 19. Phải trùm kín thân thể khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ- kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Hảo phú thân: Ngồi trong nhà thể tục đúng oai nghi mặc y che kín thân, không được chỉ mặc một y, trừ ra khi đến chỗ đi đại tiểu tiện, không được mặc áo tròng đầu và áo gấm, không được mặc áo gấm tơ lụa là thuộc về áo lông cừu và áo bào. Không được mặc áo da, mặc áo kép bằng cỏ, áo vỏ cây, áo bằng lá cây, áo bằng ngọc anh lạc, áo bằng lông, bằng tóc, bằng đuôi trâu, đuôi ngựa. Tất cả cách ăn mặc của người

bạch y và ngoại đạo như vậy không nên làm. Nếu trời quá lạnh thì cho mặc áo nhiều lớp. Luật Tăng-kỳ dạy: 3 y đều cho dùng vải bằng sợi bông. Nên dùng vải bền chắc để may 5 y. Nếu vải mỏng cho may 2, 3 lớp. Nếu y ngũ may bằng vải mỏng, thì y thất phải may bằng vải bền chắc, Nếu y thất may bằng vải mỏng thì đại y phải may bằng vải bền chắc. Nếu đại y mỏng thì y thất phải may bằng vải bền chắc. Khi ngồi phải nên dùng một tay vén y, một tay để trên toạ cụ, rồi sau đó nhẹ nhàng thanh thản ngồi xuống. Y thứ tư và y thứ năm cũng nên sắm bằng cách như vậy.

ĐIỀU 20. Không nên nhìn ngắm ngang dọc khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tả hữu cố thị: Chỗ nào cũng nhìn ngó.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu ngẩng lên xem

thời tiết mặt trời hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn cho nên phải dòm ngó khắp nơi để kiếm đường thuận tiện mà chạy trốn. Luật Nhiếp dạy: Khi đi không nên nhìn cao, mở mắt quá lớn. Phải nhìn thẳng phía trước cách chừng một du-già, đó là đúng lượng để nhìn, một du-già dài chừng bốn go tay. Không được nhìn một bên, cũng không được nhìn lui. Phải ngay thân nhìn thẳng từ từ mà đi tới. Thấy, trâu, ngựa, chó phải để ý quán sát, không nên đến gần, sợ chúng gây thương tổn cho mình. Luật Tăng-kỳ dạy: Khi đi phải nhìn kỹ, không được như ngựa cúi đầu mà đi, phải đi nhìn ngang tầm mắt để tránh voi, ngựa, trâu, nên đi như người vác trướng liễn, không được nhìn giáo dất bên đông bên tây. Nếu muốn nhìn chỗ nào thì phải quay mình hướng về chỗ đó.

ĐIỀU 21. Không nên nhìn ngấm ngang dọc khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ- kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta

kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tả hữu cố thị: Như trước đã giải thích. Khi ở trong nhà thế tục, phải giữ tâm đoan chánh nhìn thẳng, phải giữ chánh niệm tư duy ngồi ngay thẳng. Không được ngoái nhìn xung quanh khi họ qua lại trang trí hoặc trẻ con múa hát... luật Căn Bản dạy: Đến nhà bạch y người ta chưa mời không được tự tiện ngồi, không quán sát kỹ không được ngồi.

ĐIỀU 22. Phải im lặng khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bất tịnh mặc: Lớn tiếng kêu gọi, dẫn dò, lớn tiếng kêu cho thức ăn.

* *Trường hợp không phạm:* Bị điếc, hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn lớn tiếng kêu to mà chạy.

ĐIỀU 23. Phải im lặng khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ này về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tịnh mặc: Khi ngồi trong nhà thế tục nên giữ im lặng của Thánh hiền. Ai cần hỏi điều gì mới đáp. Muốn nói thì phải dùng lời dịu dàng. Muốn kêu gọi ai thì phải gãy móng tay cho họ biết. Nếu người kia không nghe thì nên nói với người ngồi bên cạnh truyền lại để họ biết.

ĐIỀU 24. Không được cười cợt khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp

quý thầy Tỳ-kheo tặng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Hý tiếu: Cười để lộ răng.

* *Trường hợp không phạm:* Nhớ nghĩ chánh pháp hoan hỷ mà cười.

ĐIỀU 25. Không được cười cợt khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

LUỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tặng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bất đắc hý tiếu: Ngồi trong nhà thế tục phải chỉnh đốn dung nghi, như tướng ngồi của một bậc đại nhơn, không được cười giỡn giống trẻ con. Luật Tăng-kỳ dạy: Ngồi trong nhà bạch y không được cười giỡn. Khi ăn trong chùa, có mặt hai thầy, các vị Thượng toạ không được cười giỡn. Nếu gặp chuyện đáng cười chỉ nên mỉm cười, không được há miệng cười ha hả để lộ răng phải nhẩn. Phải nên quán tưởng vô thường, khổ,

không, vô ngã. Phải tư duy tư tưởng, tự ngăn bót bằng cách cắn nhẹ lưỡi mình. Nếu cũng không nín được nữa thì cũng không được cười to lộ răng, phải lấy y che miệng để ngăn bót lại.

ĐIỀU 26. Phải dụng ý khi thọ nhận thức ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bắt dụng ý thọ thực: Khi ăn làm đổ cơm canh.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc cái bát quá nhỏ cho nên khi nhận thức ăn làm rơi rớt trên bàn. Luật Ngũ Phần dạy: Phải nhứt tâm mà thọ thực, tay trái nhứt tâm cầm bát, tay phải đỡ miệng bát.

ĐIỀU 27. Thọ nhận thức ăn vừa ngang bát, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bát bình bát: Nghĩa là càng đầy.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc là bát nhỏ khi nhận thức ăn làm rơi rớt trên bàn.

Nhân đây nói rõ nghi thức của hai thời thọ trai: Dù bữa ăn thường của Chúng tăng, hoặc nhận người đàn-việt thỉnh cũng phải sửa soạn y phục cho tề chỉnh, phải ngồi theo thứ lớp. Các vị thượng, trung, hạ toạ phải xem xét lẫn nhau. Nếu có người ngồi không đúng pháp, không khéo hộ thân thì phải nên gãy móng tay để cho họ biết, hoặc nhờ người khác nói. Không nên tham cầu sự cung kính, cố ý đến phòng ăn sau để cho các vị hạ toạ phải đứng dậy. Nếu có người chưa kịp đến thì người ngồi bên cạnh nên chừa ra một chỗ. Đại chúng sau khi đã ngồi ngay ngắn rồi, nghe tiếng kiền chùy phải đồng thanh chánh niệm rằng:

Cúng dường thanh tịnh pháp thân Tỳ-lô-giá-na Phật.

Viên mãn báo thân Lô-xá-na Phật.

*Thiên bách ức hoá thân Bốn sư Thích-ca Mâu-ni
Phật.*

Cực lạc thế giới A-di-đà Phật.

Đương lai hạ sanh Di-lặc tôn Phật.

Thập phương Tam thế nhưt thế chư Phật.

Đại trí Văn-thù Sư-lợi Bồ-tát.

Đại hạnh Phổ-hiền Bồ-tát.

Đại bi Quan-thế-âm Bồ-tát.

Chư tôn Bồ-tát Ma-ha-tát.

Ma-ha Bát-nhã Ba -la-mật.

*Tam đức lục vị, cúng Phật cấp Tăng, pháp giới
hữu tình, phổ đồng cúng dường.*

*Án, Nga-nga-năng, Tam-bà-phạ-phiệt. Nhựt-ra-
hồng (3 biến).*

Nếu khi ăn cơm xin nguyện cho tất cả chúng sanh lấy thiền duyệt làm thức ăn thì pháp hỷ được sung mãn. Nếu khi nhận thức ăn là cháo thì nên chú nguyện rằng: "Ăn cháo có 10 điều lợi giúp ích cho người tu hành, quả báo không bờ mé, rất ráo được thường an vui". Niệm xong để bát trên bàn. Khi xuất sanh nên dùng muống hay dưa lấy 7 hạt cơm, nếu bún thì không quá một tấc. Lấy tay mặt bắt ấn cam lồ bằng

cách dùng ngón tay cái đè lên ngón vô danh thăm niêm kệ chú rằng: "Pháp lực bất tư nghi. Từ bi không chướng ngại. Bảy hạt bùa 10 phương, khắp cho cả pháp giới. Án độ-lợi-ích ta-bà-ha" (3 lần). Mỗi lần khảy móng tay một cái.

"Chim đại bàng cánh vàng, chúng quỷ thần đồng ruộng, mẹ con quỷ La-sát, cam lồ no đủ cả. Án Mục-đế Ta-bà-ha" (3 lần). Lại lấy bàn tay mặt dùng ngón tay vô danh viết một chữ chơn ngôn làm cho đồ cúng dường được đầy đủ: Chữ Phạm là chữ "Án" (唵). Lại viết chơn ngôn làm sạch pháp giới: Tiếng Phạm gọi là "Lam" (唵). Vậy sau dựa vào nghi thức "Mông sơn thí thực" theo thứ lớp mà quán tưởng, chỉ chuyên một niêm vì lợi ích cho quần sanh. Xét trong truyện "Nam Hải Ký Quy" có nói rằng: Chúng tăng bên Tây vức mỗi khi đến chỗ nhận thức ăn cúng dường, trên họ lập một bàn thờ Thánh tăng, dưới để một cái bàn nhỏ đặt trên ấy một cái mâm và một cái đĩa để cúng cho mẹ con quỷ La-sát. Khi đem thức ăn đến, trước hết phải cúng dường Thánh tăng, rồi sau đó mới cúng dường cho Đại chúng hiện tiền. Sau cùng mới cúng cho mẹ con quỷ La-sát ăn. Đức Phật không có chế mỗi mỗi phải xuất sanh, nay thuận theo nghi thức xưa ở Đông độ, nói xuất sanh như thế này: Phương pháp thị giả

đưa thức ăn: Đưa thức ăn rồi lại niệm kệ rằng: Đem phước đức tu hành hôm nay nhuần thấm đến tất cả loài thú, ăn xong rồi được thoát khổ, bỏ thân rồi được sanh chỗ an vui. Phước báo của Bồ-tát không cùng tận, như hư không. Người cúng thì cũng được quả báo như vậy, tăng trưởng mãi không dừng nghỉ. Người thị giả đi đến chỗ đưa thức ăn niệm bài kệ chú rằng: "Chúng quý thần các người, nay tôi cho đồ cúng, đồ này khắp tất cả, Phật tử cùng hưởng chung. Á n Mục-lực-lăng Ta-bà-ha"(3 lần).

Phương pháp xướng tụng bạt: Khi thị giả đưa thức ăn xong quay trở về, vị Duy-na đánh kiền chùy và xướng lên rằng: đức Phật dạy Chúng tăng, ăn xét 5 điều, nghĩ sai, nói chuyện, tín thí khó tiêu. Mong các Đại đức nghe tiếng kiền chùy cùng chánh niệm. Xướng xong, tất cả Đại chúng đồng thanh phát lời nguyện: Nam mô đạo tràng giáo chủ Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, Thập phương Tam bảo, Bồ-tát, Thánh tăng xin nguyện không bỏ lòng từ bi, phóng quang chiếu suốt. Tự nghĩ đệ tử chúng con không cày mà ăn, không dệt mà mặc. Máu thịt thân thể này hoàn toàn đều nhờ ơn tín thí. Ngưỡng mong chư Phật toả ánh linh quang không cùng tận, thương xót loài hữu tình, tuôn sóng lớn nơi biển phước, quạt cái quạt lớn gió từ,

giúp cho người thí chủ hôm nay được đàn Ba-la-mật, đều được thấm nhuần ơn pháp vũ. Người thọ dụng thì được viên thành thanh tịnh Bồ-đề, đồng dự hội Liên trì, công không khuyết mất, phước không luống uổng. Nguyện Phật từ bi thương sót tiếp độ. Nguyện ban lòng từ bi thương xót tiếp độ. Phát nguyện rồi xướng, "Tam-bạt-la-đà-đa" (7 lần).

Trong Luật đức Phật chế Chúng tăng lúc ăn nên xướng Tăng bạt là vì: Nhon ngoại đạo thỉnh Phật và Chúng tăng thọ trai, ngâm bỏ thuốc độc vào thức ăn. Do đó, đức Phật chế: Tất cả các vị Tỳ-kheo trước phải đồng thanh xướng "Tam-bạt-la-đà-đa" biến độc được thành thượng diệu mỹ ngon, Chúng tăng đều được an vui thoát độc hại.

Tăng bạt. Tăng: Tức Chúng tăng thọ thực. *Bạt:* Tức xướng chú bí mật. Tiếng Phạm gọi là "Tam-bạt-la-đà-đa". Hán dịch là đảnh cúng, nghĩa là tất cả Chúng tăng thọ thực đều bình đẳng. Lại dịch là "Đến một cách tốt lành" (thiện chí), nghĩa là đồ cúng dường đầy đủ đã khéo thành tựu và thời gian thọ thực cũng đã đến. Nay ở phương này xướng 5 pháp quán tưởng khiến cho đại chúng phải nhứt tâm thọ thực, thay thế cho pháp xướng Tăng bạt là vì:

1. Không có kẻ ngoại đạo bỏ thuốc độc.

2. Giúp cho mọi người sanh tâm xấu hổ mà thọ món ăn. Vì thế tuy không phải là chánh chế mà ở phương Đông này mùa hạ đều không dùng.

Phương pháp cầm bát: Tay trái cầm bát, tay phải đỡ miệng bát, bưng lên thâm niệm kệ chú rằng: "Cầm nắm ứng khí, nên nguyện chúng sanh, thành tựu pháp khí, thọ thiên nhơn cúng. Á n chỉ-rị chỉ-rị phạ-nhựt-ra-hồng phán-tra" (3 lần)".

Niệm xong rồi phải quán tưởng 5 điều và ăn 3 muống:

1. Xét công lao làm ra vật thực, xuất xứ của đồ ăn.
2. Suy nghĩ về đức hạnh của mình hoàn toàn hay thiếu sót trong khi thọ cúng dường.
3. Đề phòng tâm, là lỗi mà tham sân si là gốc.
4. Xem thức ăn như thuốc để trị bệnh. Khỏi khô héo thân xác.
5. Vì muốn thành đạo nghiệp nên mới thọ thức ăn này.

Nghĩa lý của 5 điều quán tưởng này đã được giải thích ở chỗ khác, đây không phải nói ra nữa. Cho nên các bậc cổ đức dạy rằng: 5 điều quán tưởng nếu còn tồn tại mãi thì dầu cho ăn một ngàn lượng vàng cũng dễ tiêu.

Muỗng thứ nhất: Nguyên đoạn tất cả đều ác.

Muỗng thứ hai: Nguyên tu tất cả đều lành.

Muỗng thứ ba: Nguyên độ tất cả chúng sanh.

Ba muỗng có chừng độ. 5 điều quán tưởng không được trái.

Phương pháp kết thúc sự thọ trai:

Kết: Thân về.

Người đàn-việt vì muốn sanh điều thiện cho nên thiết trai để cúng dường Chúng tăng. Cúng dường ngộ trai xong rồi, nhờ sức hộ trì của thần chú và công năng của hai bài kệ kết thành thiện pháp khiến cho không tan mất. Mình và người đều được lợi ích. Hai thí không cùng tận cho nên nói là kết thúc sự thọ trai. Trước hết phải niệm kệ chú Chuẩn đề để nguyện cho họ cầu gì đều được như ý:

Cúi đầu quy y phép Tô-tát-đề.

Thành tâm đánh lễ đấng Thất-cu-chi.

Con nay xưng tán đức đại Chuẩn-đề.

Nguyện đức từ bi xót thương gia hộ.

Nam-mô Tát-đa-nẫm, Tam-miệu-tam Bồ-đề, Cu-chi-nẫm, Đát-điệt-tha. Á n Chiếu-lệ-chủ Lệ-chuẩn-đề Ta-bà-ha. (Từ chữ Á n sắp xuống nên trì 7 lần).

Gọi là bố thí tất được ích lợi, vì vui bố thí sau

được an vui. Thọ thực hoàn tất, nên nguyện chúng sanh việc làm hoàn tất, đủ mọi Phật pháp. Sau đó người thí chủ mới trao tằm xĩa răng, cúng dường nước sạch sẽ để rửa tay súc miệng như pháp xong rồi mới từ biệt, miệng nên nói rằng: " Hôm nay có phước nghiệp gì đều xin tùy hỷ hết". Sau đó mới được giải tán mà đi. Đây là nghi thức của Tăng, Ni đều giống nhau khi đi đến nhận sự mời thỉnh để cúng dường ngộ trai đã lược giải xong.

ĐIỀU 28. Thọ nhận canh vừa ngang bát, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ- kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bình bát thọ: Trái với không bằng ngang bát.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu bát nhỏ rơi thức ăn trên bàn.

ĐIỀU 29. Ăn cơm và canh đồng đều, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bát đẵng: Chưa đem canh đến đã ăn hết cơm, đem thêm cơm ra thì đã ăn hết canh.

**Trường hợp không phạm:* Hoặc khi ấy chỉ cần cơm không cần canh, hoặc chỉ cần canh không cần cơm, hoặc sắp hết giờ thọ trai, hoặc có các nạn duyên phải ăn vội vàng.

ĐIỀU 30. Theo thứ lớp mà ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bát thứ đệ: Chọn đồ ăn chỗ này chỗ kia trong bát mà ăn.

** Trường hợp không phạm:* Hoặc cơm quá nóng,

moi lấy chỗ nguội, hoặc sắp hết giờ ngọ. Luật Thập Tụng dạy: Không được chọn thức ăn ngon trong bát mà ăn trước.

ĐIỀU 31. Không nên moi giữa bát mà ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Khiêu: Chừa xung quanh lại, moi chính giữa thầu đáy bát mà múc ăn.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu cơm nóng mở chính giữa ra cho nguội hoặc sắp hết giờ ngọ.

ĐIỀU 32. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh, không được vì mình yêu sách cơm canh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý

thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nói không được tự mình xin cơm canh mà ăn như khi đói khát, cho nên đức Phật cấm.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu có bệnh thì cho được tự xin. Hoặc mình xin cho người, người xin cho mình.

ĐIỀU 33. Không nên dùng cơm che lấp canh để mong được thêm, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Người thanh liêm không nhận bữa cơm mời đưa hưởng gì là người xuất gia? Không phải oai nghi.

* *Trường hợp không phạm*: Đúng lúc cần dùng cơm, Luật Nhiếp dạy *Phú*: Ý muốn được cho nhiều, tăng trưởng lòng tham. Đối với món ăn phải nên sanh ý tưởng nhằm chán xa lìa, đó là việc mà người xuất

gia phải làm. Nhận được chùng nào thì ăn chùng đó, phải nghĩ đến sự thiếu dục tri túc.

ĐIỀU 34. Không nên liếc nhìn vào trong bát người ngồi bên cạnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thị: Nghĩa là xem ai nhiều, ai ít, hiện tướng tham, thấy người được nhiều liền sanh tâm tật đố, cho nên không được nhìn.

**Trường hợp không phạm:* Nếu người ngồi bên cạnh bị mù mình phải xem dùm họ thử có thức ăn hay chưa, sạch hay dơ, đã thọ rồi hay chưa thọ.

ĐIỀU 35. Phải chú tâm vào bát mà ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Ké bát tướng: Nghĩa là không liếc nhìn hai bên, phải tự nhiếp tâm mà nghĩ rằng: Món ăn dùng nuôi thân là cốt để thành đạo vậy.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu người ngồi bên cạnh bị mù, nhận dùm cho họ xem thử sạch hay nhơ... luận Lạc- già dạy: Khi ăn trong từng miếng một phải quán sát thức ăn này từ đâu đưa đến, từ trong kho đem ra, trong kho cũng từ nơi đất phát sanh ra. Đất hòa hiệp với hạt giống mà phát sanh ra cây, nay trở lại nuôi cái thân thể nhơ nhớp này. Khi bung cơm ăn lên tưởng như đang ăn đồ nhơ nhớp, phải chánh niệm như vậy ở trước mắt. Không được để cho tâm tán loạn mà ăn uống. Phải quán tưởng nghịch thực: Nghĩ thức ăn từ đất mà có, nghĩ bệnh... luận Trí Độ dạy: Phải suy nghĩ thức ăn này có được do công phu rất nặng: Một bát cơm là một bát mồ hôi của người nông phu, lượng cơm thì ít mà mồ hôi thì nhiều, thức ăn này cực khổ như vậy mà vào miệng liền biến thành đồ bất tịnh, để

qua cách đem biến thành phân như, góm không muốn nhìn, thế mà trước đây vốn là thức ăn thơm ngon. Người tu hành phải nên tự mình suy nghĩ thức ăn xấu xa như vậy, ta nếu tham đắm sẽ bị đọa trong ba đường ác. Phải luôn quán sát thức ăn như vậy để nhằm chán ngũ dục.

ĐIỀU 36. Không nên ăn vắt cơm lớn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đại đoàn: Miệng không thể nhận hết được.

* *Trường hợp không phạm:* Sắp hết giờ ngọ, và nếu có tai nạn xảy ra ăn vội vàng. Luật Tăng-kỳ dạy: Không được ăn miếng quá lớn, cũng không được ăn miếng quá nhỏ. Không được ăn mỗi miếng 2, 3 hạt cơm như kẻ dâm nữ. Phải nên vừa miếng. Thượng toạ phải ăn từ từ, không được ăn nhanh xong trước rồi nhìn khiến người nhỏ tuổi phải ăn vội vàng không no.

ĐIỀU 37. Không nên há miệng lớn đợi cơm mà ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đại trưởng khâu: Đồ ăn chưa tới miệng đã há lớn miệng ra.

* *Trường hợp không phạm:* Giống như trên. Luật Tăng-kỳ dạy: Tỳ-kheo-ni trong khi ăn phải giống như phương pháp ăn của con voi chúa ở núi tuyết, thức ăn đưa vào miệng xong mới dùng vòi cuốn miếng ăn sau, miếng trước nuốt xong mới tiếp tục đưa miếng sau vào miệng. Nếu miệng mình bị bệnh được phép mở trước, không phạm.

ĐIỀU 38. Không nên ngậm cơm mà nói, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước.

Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đây là căn cứ trên phần duyên khởi mà kết giới cho nên nói là ngậm cơm. Chuẩn theo nghĩa trên thì phàm ngậm tất cả các thức ăn đều không được nói chuyện.

Hàm phạm ngữ: Nghĩa là cơm ở trong miệng nói không rõ ràng, khiến người khó hiểu, đó là pháp của người bạch y, không phải oai nghi của người xuất gia, cho nên không cho làm.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc bị ghen phải xin nước, hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn phải vừa ăn vừa lên tiếng. Luật Tăng-kỳ dạy: Đang khi ăn, hai thầy hoặc Thượng tọa gọi, nếu nuốt chưa xong mà khiến lời nói không thay đổi thì được "Dạ". Nếu không thể được thì nên nuốt xong rồi hãy dạ. Nếu các Ngài quở trách thì nên thưa rằng: Vì con đang ngậm thức ăn nên không thể dạ được. Luật Ngũ Phần dạy: Khi đem thức ăn đến thêm được nói: Dùng hay không dùng.

ĐIỀU 39. Không nên vắt cơm thả vào miệng, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đoàn phạm điều trịch khẩu trung: Há miệng lớn chực đồ ăn từ xa ném vào.

** Trường hợp không phạm:* Nếu bị trói.

ĐIỀU 40. Không nên đổ cơm rơi rớt khi ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Trong vườn Kỳ-thọ Cấp-cô độc. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Di lạc phạm thực: Một nửa vào miệng, một nửa ngoài tay, tức ăn một nửa rớt ra ngoài một nửa.

** Trường hợp không phạm:* Nếu ăn bánh trắng, cơm cháy, dưa, trái cây, mía, rau... luật Tăng-kỳ dạy:

Nếu bánh cốm họ làm từng nắm lớn nên lấy tay bẻ nhỏ vừa miệng để ăn, bánh cũng vậy.

ĐIỀU 41. Không nên búng má mà ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Giáp thực: Hai má phình lên giống như con khỉ.

Luật Tăng-kỳ dạy: Không được nhai qua lại đồ ăn trong miệng, nghĩa là nhai từ bên này sang bên kia má, phải nhai một bên rồi nuốt.

ĐIỀU 42. Không nên nhai cơm có tiếng khi ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý

thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tức: Nhai ăn.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu ăn cơm khô, cơm cháy, trái cây. Luật Tăng-kỳ dạy: Không được nhai thức ăn có tiếng chếp chếp, không được nuốt kêu ột ột. Nếu yết hầu bị bệnh nuốt ra tiếng thì không có tội. Luật Thập tụng dạy: Húp cháo không được có tiếng. Ăn củ, ăn chồi... chớ để có tiếng lớn.

ĐIỀU 43. Không nên hớp cơm có tiếng mà ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Háp: Và nắp giống nhau. Thở ra gọi là xuy, thở vào gọi là háp, tức là hút thức ăn vào miệng.

Háp phạm: Há miệng thật lớn từ xa hớp thức ăn vào.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu miệng có bệnh, hoặc ăn canh, sữa tươi, nước trái cây...

ĐIỀU 44. Không nên lấy lưỡi liếm khi ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thiệt xử: Le lưỡi dài ra liếm đồ ăn mà ăn, hoặc liếm đồ ăn dính hai bên môi.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu bị trời, hoặc tay có bùn đất dơ. Luật Tăng-kỳ dạy: Không được lấy lưỡi liếm tay mà ăn. Nếu sữa, dầu, mật, đường... dính tay thì nên gạt lên miệng bát tọ lại một chỗ rồi lấy ăn, không được mút ngón tay mà ăn. Nếu mật, muối dính trên đầu ngón tay, cho mút không phạm.

ĐIỀU 45. Không nên rảy tay khi ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Chấn: Vung rảy.

* *Trường hợp không phạm:* Trong thức ăn có cỏ, có trùng hoặc tay có đồ không sạch muốn rảy bỏ đi, hoặc có món ăn chưa thọ xúc chạm dính dơ tay nên rảy bỏ đi. Luật Tăng-kỳ dạy: Khi rảy tay không được rảy về phía người bên cạnh. Nếu đồ ăn dính tay phải đưa trước mặt mình mà rảy ra, hoặc rảy vào bát.

ĐIỀU 46. Không nên dùng tay lượm cơm rơi mà ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Bả tán phạm: Nghĩa là lượm cơm đổ.

* *Trường hợp không phạm:* Giống như trên. Luật Tăng-kỳ dạy: Khi thọ thực không được để rơi một hạt cơm xuống đất. Nếu khi người tịnh nhơn sót cơm làm rơi xuống đất thì không có tội. Khi đưa cơm vào miệng chớ cho rơi xuống đất, nếu lỡ rơi không phạm. Nếu khi ăn dưa, quả, mía, vỏ hạt và bả không được quăng bậy bạ xuống đất, phải để một bên chân. Luật Thập Tụng dạy: Khi ăn đánh rơi thức ăn trên cỏ, trên lá nhặt lại mà ăn, nếu dính đất hãy thổ đi, dính nhiều đất lấy nước rửa cho sạch mà ăn.

ĐIỀU 47. Không nên tay dơ cầm đồ đựng thức ăn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Ô thủ: Nghĩa là có dính đồ ăn dơ nơi tay và dính các thứ bùn đất dơ. Khi ăn uống phải rửa tay sạch rồi mới được cầm bát và bình nước uống.

* *Trường hợp không phạm*: Nhận thức ăn trên cỏ, trên lá, rửa tay sạch rồi mới nhận... luật Ngũ Phần dạy rằng: Không được go ngón tay bưng bát mà ăn, không được ngủi thức ăn, không được chê thức ăn dở.

ĐIỀU 48. Không nên đổ nước rửa bát trong nhà bạch y, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tẩy bát thủy: Nước có xen cơm vào.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu dùng chậu nước rửa bát đem ra ngoài đổ. Luật Tăng-kỳ dạy: Khi ăn phải nên lường bụng mà nhận, không được nhận quá nhiều. Nếu người tịnh nhơn sốt quá nhiều, lúc chưa ăn nên chia bớt cho người ngồi bên cạnh. Nếu người ngồi bên cạnh không nhận nên chia cho ba chúng dưới và người làm vườn. Lúc rửa bát không nên để một hột cơm rơi xuống đất. Nếu có rơi nên lượm để trên ván

trên cỏ. Nếu hạt cơm quá nhỏ, hoặc bột không thể lượm được không phạm. Luật Thập Tụng dạy: Hỏi chủ nhà rồi mới đổ không phạm. Luật Ngũ Phần dạy: Có những người bạch y làm nhà mới muốn có nước rửa bát của Tỳ-kheo-ni để rải trên đất cho là cát tường, đức Phật cho phép lấy nước trong bát không có xen lộn thức ăn mà rải trên đất. Luật Căn Bản dạy: Nếu có người tới xin nước trong bát thì phải rửa sạch bát, đổ nước trong vào, tụng chú Già-đà 3 lần rồi trao cho người để rửa hoặc để uống, đều có thể trừ vạ thứ bệnh. Lại dạy rằng: Không được lấy cơm dư để trong bát nước.

Dịch: Già-đà là bài tụng do chính đức Phật thuyết, đã có ghi chép ở chỗ khác.

ĐIỀU 49. Không nên đại tiểu tiện hỷ nhỏ lên rau cỏ tươi, trừ bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trường hợp không phạm*: Đi đại tiểu tiện trên chỗ không có rau cỏ chảy xuống trên rau cỏ hoặc gió thổi, chim tha làm rơi trên rau cỏ nếu cố ý đại tiểu tiện trên rau cỏ tươi phạm tội đọa. Đã nói đầy đủ trong giới đon đọa kết tội.

ĐIỀU 50. Không được đại tiểu tiện hỷ nhỗ trong nước sạch, trừ bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trường hợp không phạm*: Đại tiểu tiện trên bờ chảy rơi vào trong nước, và gió thổi, chim tha...

ĐIỀU 51. Không nên đứng mà đại tiểu tiện. Trừ bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc. Bây giờ đức

Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trường hợp không phạm: Nếu có bệnh như vậy, hoặc bị trời, ông chân dính đất hoặc dính bùn dơ. Đối với việc đại tiểu tiện, đức Phật cho làm một cái nhà xí, phương thức có ghi đầy đủ, rõ ràng trong bộ Giới bản Như Thích. Trong luật nghi của Sa-di cũng có trích dẫn đầy đủ, nhưng Ấn Độ, Trung Hoa quy cũ không giống nhau. Nước Tàu, nước Nam trụ xứ cũng khác nhau, vì thế phải tùy nghi phương tiện, không thể cuộc định được. Khi làm phải tùy theo trụ xứ, nên làm nhiều chỗ, ít chỗ, rộng, hẹp. Cần nhớ là phải cẩn thận, mỗi người đều xử dụng được, để mình và người đều được lợi ích. Nghi thức vào nhà xí: Muốn đại tiểu tiện thì nên đi ngay, đừng chờ trong người bức bách mà sáng sốt. Phải cởi đôi giày dép, không được mang giày sạch vào nhà xí. Đến nhà xí phải gãy móng tay 3 lần, có hai ý nghĩa: 1. Để người trong đó biết, nhưng không được thúc bách người trong đó phải ra. 2. E, có quỷ ăn đồ như làm như vậy để chúng tránh đi. Lên chỗ đại tiểu tiện lại phải gãy móng tay 3 lần, niệm thầm kệ chú sau đây:

"Khi đại tiểu tiện, nên nguyện chúng sanh, bỏ

tham sân si, dứt trừ tội lỗi. Á n Ngạn-lỗ Đà-da ta-bà-ha" (3 lần).

Đại tiện rồi, đến chỗ nước rửa liền niệm kệ chú rằng:

"Việc xong đến nước, nên nguyện chúng sanh, trong pháp xuất thế, mong chóng mà đến. Á n Thất-ly-bà-hê Tóa- ha", (3 lần).

Kệ chú tẩy tịnh. Tẩy: Trừ bỏ, nghĩa là trừ bỏ những thứ không sạch để thành tựu được sự trong sạch, cho nên gọi là tẩy tịnh.

"Tẩy rửa mình bản nên nguyện chúng sanh, thanh tịnh điều luyện, tuyệt đối không nhơ. Á n Hạ-năng Mật-lật-đế Sa- ha" (3 lần).

Đại tiện xong rồi ra khỏi nhà xí, đến chỗ rửa tay niệm bài kệ chú rằng:

"Lấy nước rửa tay, nên nguyện chúng sanh, được tay thanh tịnh, nhận giữ Phật pháp Á n Chủ-ca-ra-da Sa-ha" (3 lần).

Kệ chú rửa mặt:

"Lấy nước rửa mặt, nên nguyện chúng sanh, được pháp thanh tịnh, hết hẳn dơ bẩn. Á n Lam Sa-ha" (21 lần).

Kệ chú súc miệng:

"Sức miệng lòng sạch luôn, nước liền thơm hương hoa, ba nghiệp thường trong sạch, cùng Phật về Tây phương. Á n Hám-án-hảm Sa-ha" (3 lần).

Kệ chú rửa chân:

"Khi rửa dưới chân, nên nguyện chúng sanh, đủ sức thần túc, đi không trở ngại. Á n Lam Sa-ha" (3 lần).

ĐIỀU 52. Không nên thuyết pháp cho người vắt ngược áo không cung kính. Trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Căn cứ trên chánh văn cũng đã hiểu không cần phải dẫn nhiều.

* *Trường hợp không phạm*: Nếu người kia bị bệnh, hoặc vì vua và đại thần mà nói. Tuy nói là vua quan nhưng phải có tâm trọng pháp. Nếu sanh tâm ngạo mạn thì mưa pháp không làm sao thấm nhuần

được, dầu có nghe cũng không ích gì. Ngày xưa các Ngài đều vì pháp mà bỏ thân, huống gì pháp này chính đức Phật đã phó chúc trên hội Linh sơn thì cần phải đặt biệt tôn kính hơn nữa. Người thuyết pháp lại cần phải vì pháp mà tự trọng. Nếu người nghe, người thuyết không cung kính thì cả hai đều mất lợi ích. Nếu muốn dùng phương tiện quyền nghi để dạy dỗ và điều phục thì phải nên tùy cơ cho đúng pháp. Việc không nhứt định, không nên làm một cách cứng ngắt, đều mang lỗi mạng pháp. Cho nên trong luật Thập Tụng dạy: Không được thuyết pháp cho những người mạng pháp. Các giới sáu căn cứ theo đây nên biết. luật Thập Tụng dạy: Thường pháp của chư Phật nếu chúng sanh không nhứt tâm thì không được vì họ mà nói.

ĐIỀU 53. Không nên thuyết pháp cho người quán áo nơi cổ. Trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Y triền kinh: Tức oai nghi không đoan chánh, tỏ rõ thái độ không cung kính, không được nói pháp cho họ.

ĐIỀU 54. Không nên thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phủ đầu: Lấy y, vắt bịt đầu lại.

ĐIỀU 55. Không nên thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Lõa: Bao bịt lại, ràng quấn lại, khác nghĩa với chữ Phú.

ĐIỀU 56. Không nên thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Xoa yêu: Chống nạnh hai tay, hay chống nạnh một tay, đều không được nói pháp cho họ.

ĐIỀU 57. Không nên thuyết pháp cho người mang dép da, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Người kiêu mạng không nên nói pháp cho họ. Nhưng ở Ấn Độ xem sự đầu trần, chân không là cung kính. Còn ở Trung Hoa thì lại cho sự đội mũ tề chỉnh là cung kính. Lễ không nhứt định, phải tùy theo quốc độ mà làm, miễn sao thể hiện được dung nghi chí kính là được. Nhưng nếu giày không sạch thì phải tháo ra. Luật Ngũ Phần dạy: Nếu đông người mang giày dép không thể nào bảo tháo ra hết được, thì chỉ nên nhắm đến những người không mang giày dép mà thuyết pháp thì không phạm.

ĐIỀU 58. Không nên thuyết pháp cho người mang guốc gỗ, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Làm bằng cỏ gọi là phỉ, làm bằng da gọi là dép, làm bằng dây gai gọi là cựa, làm bằng gỗ gọi là guốc, cũng có guốc lụa dùng lụa để làm. Ở Ấn Độ có các loại guốc quý làm bằng vàng, bạc. Chuẩn theo nghĩa

thì không được nói pháp cho họ. Tùy cơ ứng biến, việc không nhứt định. Luật Tăng- kỳ dạy nếu Tỳ-kheo-ni vì việc tháp, việc Tăng mà phải đến nhà vua hay địa chủ. Họ yêu cầu được nghe pháp, thì không thể bảo họ phải tháo giày dép ra, sợ họ sanh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh mình có người tịnh nhơn thì mình nên suy nghĩ là nói Pháp cho người tịnh nhơn ấy, rồi ông vua nghe theo, không có tội.

ĐIỀU 59. Không nên thuyết pháp cho người ngồi trên xe, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thừa: Xe voi, ngựa, trâu.

ĐIỀU 60. Không nên ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ vì canh giữ, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại tinh xá Kỳ-hoàn. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trường hợp không phạm*: Vì muốn canh giữ, hoặc bị bắt buộc, và tai nạn, tánh mạng...

Xét chữ Tháp: Đó là tiếng phạm mà đã lầm lượt bỏ. Xưa dịch là tháp bà, cũng gọi là phù-đồ. Theo tân dịch gọi là Tốt-đỏ-ba, lại gọi là Chế-đề, có tên riêng là Chi-đề. Hán văn dịch là Tự tướng, nghĩa là chỗ mà các đức của Như Lai kết tụ lại. Hàng trời người đều đến chiêm ngưỡng, tức là nơi chôn Xá-lợi Phật, hoặc là chỗ đức Phật thuyết pháp, đi kinh hành, xây dựng phù đồ ở trong ấy, tuy không có Xá-lợi cũng gọi là tháp Phật, nay trong giới này chỉ nói tháp Phật, không phải tháp của Bồ-tát, Bích-chi và Thanh-văn. Tuy không phải tháp Phật cũng đều phải cung kính, không được nghỉ đêm trong đó. Nhưng sự chế giới riêng biệt không giống nhau. Nếu căn cứ trên kinh Thập Nhị Nhơn Duyên thì tháp Phật lộ bàn (nắp tháp) 8 tầng, tháp Bồ-tát 7 tầng, tháp Bích-chi Phật 6 tầng, tháp của vị tứ quả 5 tầng, của vị tam quả 4 tầng, của nhị quả 3

tầng, của sơ quả 2 tầng, của Luân vương 1 tầng, 8 tầng trở lên đều là tháp Phật. Phạm tăng thì chỉ được làm tháp Tiêu diệt, hoặc là hỏa châu mà thôi. Tuy tháp của Luân vương 1 tầng Tỳ-kheo-ni thấy không được lễ bái, vì không phải là tháp Thánh. Phạm tăng tùy theo thứ mà lễ bái. Chuẩn theo kinh Niết-bàn, tháp Phật cao 13 tầng, bên trên có luân tướng và các thứ bảo vật để trang nghiêm, tháp Bích-chi 11 tầng, tháp A-la-hán 4 tầng, cũng lấy các thứ bảo vật để trang nghiêm. Luân vương tuy cũng lấy bảo vật để làm tháp, không có tầng cấp vì chưa thoát khỏi khổ trong ba cõi. Bộ Căn Bản và bộ này đại để nói giống nhau. Hoặc vuông, tròn, bát giác, đều tùy ý mà làm. Luật Tập sự dạy làm móng 2 tầng rồi tiếp đến mới đặt chân tháp, ở trên để bát úp. Cao tháp tùy ý. Nên ngang bằng đầu, cao 1 thước 2, vuông 2, 3 thước. Chuẩn theo lượng này mà làm lớn, nhỏ, chính giữa đặt luân can tiếp đến là luân tướng. Số tầng của luân tướng hoặc 1, 2, 3, 4 cho đến 13, tiếp đến trên luân tướng để bảo bình. Nếu là tháp của đức Như Lai thì phải nên làm đầy đủ như trên. Nếu là tháp của bậc Độc giác thì không nên để bảo bình. Nếu xây tháp cho các vị A-la-hán thì luân tướng 4 tầng, nếu các vị chứng quả Bất hoàn thì 3 tầng, các vị chứng quả Nhứt lai thì 2 tầng, các vị Dự lưu nên xây 1 tầng. Các vị Tỳ-kheo thuần thiện dị sanh thì chỉ

nên xây bằng đầu không có luân cái, gọi là bình đầu chế để. Phạm khi thấy hình ảnh của đức Như Lai ở chôn Hương diện, phan cái, Chê-để đều phải tụng Già-đà rồi sau mới bước chân vào. Nếu không như vậy thì phạm tội Việt pháp.

ĐIỀU 61. Không được chôn dấu tài vật trong tháp Phật, trừ muốn cho chắc chắn, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Tài vật: Những vật dụng cúng dường tháp và hình tượng, hoặc vật dụng của thường trú.

* *Trường hợp không phạm:* Nếu bị cường lực bắt buộc.

ĐIỀU 62. Không được mang dép da vào tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Cách tỳ: Giày da.

Căn cứ vào duyên khởi phạm tội mà đức Phật chế giới. Chuẩn theo nghĩa thì phạm chân mang vật gì đều không cho vào trong tháp Phật.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc bị bắt buộc kê vào trong tháp. Vì hộ thân, hộ y, hộ toạ cụ, cho phép ở trong chùa được mang giày một lớp. Giày da bị lủng cho lấy vỏ cây hoặc da mà vá lại. Phải dùng chỉ hoặc dùng gân, lông, da làm chỉ mà may. Nếu ở vùng ven biên của nước, dùng da làm ngoạ cụ, cho cát chứa. Và những nơi có nhiều sỏi, đá sạn sỏi cho mang dép da 2 lớp. Được dùng da chưa thuật, cho thuật mềm. Cho cát chứa dao, kéo, dùi, ván, đá... không được mặc y mới ngồi trên giày da, cũng không được ngồi trên tấm da. Nếu ở biên phương của nước A-bàn-đề thì cho. Không được một tay vừa cầm giày dép vừa cầm bát. Tất cả những tấm da lớn không được cát chứa như da sư tử, hổ, báo, rái, chồn, da đen... không nên ngồi

giường cao lớn, giường bằng ngà voi và trái da ngựa, voi, nệm gấm, chiếu bông, mền lông chiên, lông vượn dòn làm nệm. Nếu ở trong nhà bạch y, không trải giường riêng thì trừ giường quý ra, các chỗ khác cho ngò. Không nên xin da sống. Cho nương phao nổi và thuyền bằng da mà qua sông. Không cho cất để giày da bọc gót, giày triển giác, giày lộc giác, giày lông voi, giày da viền quang nhiều màu sắc, giày bằng lụa vải may viền, giày bằng gấm xanh, vàng, đỏ, trắng, giày bằng lông, bằng lá kiếp bồi, và tất cả các loại giày làm bằng cỏ. Nếu mắt bị hư cho mang giày da bít gót và bao ngón chân. Không nên cất chứa guốc dép bằng lông quý. Khi đi đại tiểu tiện rửa chân cho mang guốc dép. Đối trước các vị Hòa thượng, A-xà-lê... phải trích vai áo bên tay mặt, cởi giày dép ấy là thủ lễ. Trừ ra lúc trong nhà bạch y, lúc đi đường, nếu ban đêm trời tối sợ có trùng độc, cho mang guốc dép. Trong phòng phải quét nhà rưới nước. Có bụi thì nên dùng nước bùn mà rưới. Nếu vẫn có bụi cho dùng đồ trải đất. Không được dùng da để trải, nên rửa chân, lau khô rồi hãy bước lên tấm trải trên đất.

ĐIỀU 63. Không được tay cầm dép da đi vào trong tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Giới trước đã không cho mang mà đi vào, giới này thì lại cầm mà đi cho nên đức Phật cấm.

Cách tỳ: Đó là đôi dép đạp lên mà đi rất là dơ nhớp không sạch, cho nên không cho cầm mà đi vào trong tháp.

ĐIỀU 64. Không được mang dép da đi nhiều quanh tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nhiều: Có 2 thứ.

1. Đường đi gặp tháp Phật đi ngang qua một bên

gọi là nhiễu.

2. Vì muốn tỏ sự cung kính cho nên đi nhiễu. Đây nói chữ nhiễu là chỉ cho con đường đi bên tháp.

Nguyên bên Ấn Độ nghi thức để tỏ bày sự chí kính có rất nhiều thứ hoặc lấy sự lễ bái làm cung kính, hoặc đi nhiễu quanh làm cung kính.

Lễ liệt kê có 9 cách, nhiễu quanh thì phân định tả hữu. Đi nhiễu bên hữu là tốt, đi nhiễu bên tả là xấu, số vòng thì từ 1, 2, 3, cho đến 100, 1.000, đều tùy chỗ tiêu biểu. Vả lại như thường hay đi 3 vòng là tiêu biểu cúng dường Tam tôn, dứt ba độc, tịnh ba nghiệp, diệt ba ác đạo, được gặp ba ngôi báu, Ngoài ra nên dùng ý mà suy nghĩ, đây không phải luận nhiễu.

9 cách lễ:

1. Nói lời thăm hỏi.
2. Cúi đầu để tỏ sự cung kính.
3. Dơ tay cao xá.
4. Chắp tay ngang ngực.
5. Co gối.
6. Quỳ dài.
7. Tay và đầu gối sát đất.
8. Năm vóc đều cúi xuống.
9. Năm vóc gieo sát đất.

Trong 9 cách lễ này, tối thiểu chỉ vái 1 vái, hoặc quỳ mà tán thán công đức, cũng gọi là hết lòng cung kính. Ở xa thì cúi đầu đưa tay mà vái. Ở gần thì quỳ xuống xoa chân. Phàm người ngỏ lời lãnh sứ mạng, vén y quỳ gối, bậc Tôn hiền nhận lễ bái ắt phải có lời ăn ủi hoặc xoa đầu, hoặc vỗ lưng, đem lời lành mà dạy bảo để tỏ sự thân hậu. Người xuất gia làm Sa-môn đã nhận sự lễ kính chỉ nên gia thêm nguyện lành cho người, không ngăn quỳ lạy. Phương này sự lễ kính bỏ qua đã lâu ngày. Người có trí phải nên vâng giữ lời Phật dạy, không nên thuận theo nhưn tình mà làm trái lời Phật dạy.

ĐIỀU 65. Không được mang giày phú la vào trong tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhưn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phú la: Hán dịch là giày cỏ tháp.

Luật Ngũ Phần dạy: Không được dùng ống quá sâu cho ngang chùng trên mắt cá. Không được mang giày mũi cong như hia, nên mở ra phía trước. Ký Quy truyện nói chuẩn theo lời Phật dạy: Nếu khi đối trước hình tượng và gần gũi các bậc Tôn sư, trừ ra bị bệnh, nên để chân trần là đúng oai nghi nhứt, không nên mang giày dép, trích vai áo bên hữu, xếp y vắt bên cánh tay trái, đầu không đội khăn mũ, đây là phép tắc thông thường, trừ khi đi xa khai cho không có lỗi. Nếu sống tại một nước khí hậu quá lạnh, cho mang giày cỏ tháp. Các thứ giày dép khác tùy theo địa phương mà dùng. Đã biết bờ cõi, đất nước khác nhau, lạnh nóng cũng không giống nhau, nếu căn cứ theo lời Phật dạy có nhiều chỗ phải làm trái. Theo lý thì tháng quá lạnh tạm mang để che thân. Khi mùa xuân, mùa hạ thì phải y theo luật chế. Mang giày dép không được đi nhiều quanh tháp Phật, lời này đã dạy rõ ràng ở trước. Mang giày cỏ tháp không được lên chón Hương điện, lời ban bố này đã có từ lâu. Nhưng nếu có người cố ý trái phạm tức là khinh mạng lời Phật dạy.

ĐIỀU 66. Không được xách giày phú la vào trong tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Giới trước cấm mang, giới này cấm cầm, còn các nghĩa khác nên biết.

ĐIỀU 67. Không được ngồi dưới tháp mà ăn, lưu lại cỏ và thức ăn làm dơ đất, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại tịnh xá Kỳ-hoàn. Lúc bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nếu chúng nhóm họp chỗ ngồi chật hẹp, đức Phật cho ngồi dưới tháp mà ăn, nhưng không được để lưu lại cỏ và thức ăn làm dơ đất. Nếu bị bệnh thì đức Phật cho để đồ ăn dư và cỏ một bên chân, khi đi ra cầm theo luôn.

ĐIỀU 68. Không được khiêng tử thi đi qua dưới tháp, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trường hợp không phạm*: Hết đường phải đi ngang qua hoặc bị cường lực bắt buộc.

ĐIỀU 69. Không được chôn tử thi dưới tháp, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Mai: Chôn.

Phàm khi Tỳ-kheo-ni qua đời phải y theo lời Phật

dạy: phải làm 4 phương pháp chôn cất sau đây:

1. Thiêu. 2. Bỏ xuống nước. 3. Chôn xuống đất. 4. Bỏ trong rừng sâu.

Bốn phương pháp này phải tùy theo Quốc độ mà làm, không được nhứt định phải làm một pháp nào. Như vậy trở thành trái lời Phật dạy. Luật Tập sự dạy: Thân của Tỳ-kheo-ni chết, nên đốt.

Ngài Ưu-ba-ly bạch Phật rằng theo lời Phật dạy: Thì ở trong thân này có 8 vạn vi trùng, như vậy thì làm sao mà đốt?

Đức Phật dạy: Các loài trùng ấy người sống nó sống, người chết cũng chết theo luôn. Thân có mục ghẻ phải nên xem không có trùng mới đốt. Không có củi để đốt nên bỏ dưới sông. Nếu không có sông nên đào đất mà chôn. Đất có nhiều côn trùng thì đem bỏ vào trong rừng sâu. Đặt thi thể xoay đầu về hướng bắc, nằm nghiêng về phía hông tay phải, lấy cỏ làm gối kê đầu, trên thân dùng cỏ lá mà che lại. Khi tống táng cho Tỳ-kheo-ni nên bảo người có khả năng tụng kinh, tụng ba biến kinh Vô Thường và tụng Già-đà, nên vì người mất mà chú nguyện, xong việc rồi về chùa phải tắm rửa thân thể, nếu có xúc chạm đến tử thi thì phải giặt luôn y áo. Nếu người không xúc chạm thì chỉ cần rửa chân tay mà thôi. Về đến chùa nên lễ tháp. Bộ Ni-đà-

na nói Tỳ-kheo-ni mạng chung có y bát gì không được đem quăng bỏ, trong chúng phải chia nhau. Không được để loã thể mà chôn, phải mặc áo quần che thân, không nên dùng y vật quá tốt và y rách nát, phải dùng loại vừa vừa, không quá tốt cũng không quá xấu.

ĐIỀU 70. Không được thiêu tử thi dưới tháp, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bây giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Kinh dạy là Xà-duy, cũng gọi là Trà-tỳ. Hán văn dịch là phân thiêu, ý nghĩa như trước đã giải thích. Ký Quy truyện nói lễ nghi khi tổng táng người chết, đúng lý là phải nên vì người đã qua đời, quét dọn sạch sẽ và sửa soạn một cái phòng, nên tạm thời may một cái màn để che, đọc kinh, niệm Phật, cúng dường hương hoa đầy đủ, cầu nguyện cho vong hồn người đã mất được thác sanh về thiện xứ, mới hoàn thành được sự báo hiếu, mới gọi là đền ơn. Nhưng y theo lời Phật

dạy Tỳ-kheo-ni mạng chung, xem xét biết đã mất thật rồi thì ngay trong khi đó khiêng chở đến chỗ hoả thiêu, lấy lửa đốt ngay. Trong khi thiêu, những người bà con thân hữu nên ngồi lại một phía, hoặc kết cỏ làm toà ngồi, hoặc nhóm đất lại làm đài ngồi, hoặc sắp gạch đá cho đủ chỗ ngồi. Bảo một người có khả năng tụng kinh Vô Thường, tụng nửa trương hay một trương thôi chớ tụng lâu mà mệt. Sau đó mọi người đều niệm kệ Vô Thường. Trở về lại trụ xứ, đến bên ao ở ngoài chùa tắm và giặt luôn cả y phục, nếu ở chỗ không có ao thì đến bên giếng mà tắm rửa. Khi làm việc tống táng phải nên dùng y cũ, không nên làm tổn hại y phục mới. Sau, mặc y phục khô vào rồi mới về phòng. Chỗ đất đặt người chết nên dùng rượu quét dọn lau chùi sạch sẽ, còn các việc khác đều như cũ. Nghi lễ về y phục không có gì khác. Hoặc có lợm xương cốt tàn rụi nên vì người chết mà làm tháp, gọi là Câu-la, hình trạng giống như tháp nhỏ, bên trên không có luân cái, đầu được bỏ lời Thánh giáo của đức Thích phụ mà theo lễ nghi thế tục của ông Châu Công, khóc lóc kêu gào nhiều tháng, mặc y phục thô xấu trong 3 năm rồi xả tang u? Chữ "Thiệt-lợi-la" Hán văn dịch là Thân cốt. Kinh Vô Thường rút ra trong Bắc tạng trong mục chữ Hiếu. Còn Nam tạng trong mục chữ Đương. Nay viết trong Nhật tụng Tập yếu quyển nhứt xếp trong khoá

tụng buổi sáng, nên biết.

ĐIỀU 71. Không được đối diện tháp thiêu tử thi, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nghĩa là không được đối ngay trước tháp Phật mà thiêu tử thi.

ĐIỀU 72. Không được thiêu tử thi quanh bốn phía tháp khiến hơi hôi bay vào, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Giới trước cấm đối diện ngay trước tháp, giới này cấm bốn bên tháp. Phải để những nơi thật xa tháp, chỗ vắng vẻ mà thiêu.

ĐIỀU 73. Không được mang áo và giường người chết đi qua dưới tháp, trừ khi đã giặt nhuộm xông hương, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Có 10 thứ y phẩn tảo cho phép lảy:

1. Vải trâu nhai.
2. Vải chuột gặm.
3. Vải bị đốt cháy.
4. Vải thủy nguyệt.
5. Vải của sản phụ.
6. Vải trong miếu thờ thần.
7. Vải chim tha, gió thổi bay rớt vào các chỗ bầy

bạ nơi gò má.

8. Vải cầu nguyện.

9. Vải khi vua thọ chúc. Nghĩa là khi nhà vua thọ chúc thì bỏ cái áo cũ.

10. Áo qua lại: Người thế tục qua đời, bà con đem tặng trướng để tống táng. Họ đem trướng này trở về cúng dường cho Tăng Ni.

Mười thứ y, vải trên đây đều là vật của người ta quăng bỏ, lấy đem về dùng để nuôi thân hành đạo, xa lìa hẳn tướng ngã và ngã sở.

ĐIỀU 74. Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Phàm đi đại tiểu tiện cần phải đi chỗ xa tháp, tại chỗ thường đi. Không được đi đại tiểu tiện bậy bạ. Kinh Ưu-bát- kỳ-vương dạy: Trong đất pháp cương

giới già-lam đi đại tiểu tiện bậy bạ phải chịu đọa vào địa ngục Bạt-la trong 500 đời, sau đó trải qua 20 mươi tiểu kiếp thường phải lấy hai tay mà ôm lấy trái đất đã đi đại tiểu tiện dơ uế ấy cho đến chết.

ĐIỀU 75. Không được đại tiểu tiện trước tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Giới trước cấm không cho ở dưới tháp. Giới này tuy ở chỗ xa tháp mà không được hướng ngay đến trước mặt tháp. Tháp là tiêu biểu cho phước đức của Phật, là nơi để di thể của đức Như Lai, cần phải gia tâm kính trọng.

ĐIỀU 76. Không được đại tiểu tiện quanh bốn phía tháp Phật để hơi hôi bay vào, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nhiều: Bốn bên và bốn góc vậy. Các ý nghĩa khác như trước, nên biết.

ĐIỀU 77. Không được mang tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Chuẩn như giới này nói tượng Phật, thì kinh, pháp cũng phải nên biết.

* *Trường hợp không phạm:* Hoặc con đường phải đi ngang qua, hoặc bị cường lực bắt buộc, bảo phải cầm đi.

ĐIỀU 78. Không được nhắm nhành dương (đánh răng súc miệng) dưới tháp Phật, cần phải học.

ĐIỀU 79. Không được nhắm nhành dương (đánh răng súc miệng) đối diện tháp Phật, cần phải học.

ĐIỀU 80. Không được nhắm nhành dương (đánh răng súc miệng) quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trong ba giới này, theo thứ lớp nên biết. Phạm khi muốn nhắm nhành dương (đánh răng súc miệng) phải đến chỗ vắng không những ở trước tháp tượng, mà đối trước hai thầy, trước các vị Thượng toạ cũng không được nhắm nhành dương (đánh răng súc miệng).

ĐIỀU 81. Không được hỷ, nhổ dưới tháp Phật, cần phải học.

ĐIỀU 82. Không được hỷ, nhổ đối diện tháp Phật, cần phải học.

ĐIỀU 83. Không được hỷ, nhổ quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp-cô- độc. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trong ba giới này y theo văn nên biết. Phạm khi hỷ, nhổ phải đến chỗ vắng, phải gãy móng tay, đảnh hắng rồi hãy nhổ. Nếu người già, bệnh, cho để ống nhổ. Trong Tạp Sự dạy: Trong chùa, nơi bốn góc cột nên để bốn ống nhổ.

Thế: Âm thế là nước mũi chảy ra.

Thóa: Âm là tha, là nước trong miệng chảy ra.

Nước từ trong mũi chảy ra thì gọi là thế, từ trong

miệng chảy ra thì gọi là thóa. Từ trong mắt chảy ra thì gọi là thê. Thê: Âm thê, nay nước từ mắt chảy ra thì gọi là thê. Nước từ mũi chảy ra cũng gọi là thê, nếu đọc di là sai vậy.

ĐIỀU 84. Không được ngồi duỗi chân về phía tháp, trừ trường hợp đặc biệt, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

**Trường hợp không phạm:* Hoặc có bệnh như vậy, hoặc ở khoảng giữa có ngăn cách, hoặc bị cường lực bắt, hoặc trong chùa tháp đều chật cả, cho ở khoảng giữa ngồi duỗi chân.

ĐIỀU 85. Không được đặt (thờ) tháp ở phòng dưới, mình ở phòng trên, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, trong thôn Bà-la-môn. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Thượng phòng: Có 2 loại: 1. Chỗ cao sang gọi là cao. 2. Tốt đẹp nghiêm lệ gọi là cao.

Hạ phòng: Cũng có 2 loại: 1. Chỗ thấp gọi là hạ. 2. Thô xấu cũng gọi là hạ.

**Trường hợp không phạm:* Hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Luật Tăng-kỳ dạy: Khi muốn làm chùa, trước hết phải nên chọn chỗ đất tốt để làm tháp, nên làm ở hướng đông, hoặc hướng bắc. Tăng địa và Phật địa không được xen lộn nhau. Không được để dòng nước nơi Tăng địa chảy vào Phật địa. Nước từ Phật địa thì được chảy vào trong tăng địa. Muốn làm tháp thì phải chọn nơi cao hiểm mà làm. Không được ở trong tháp viện mà giặt nhuộm, hong phơi áo, hoặc mang giày da, che đầu, che vai, khắc nhỏ dưới đất. Không được giặt y trong ao của tháp, hoặc là tắm, rửa tay, rửa mặt, rửa bát. Nếu ở cuối dòng chảy thì được dùng.

ĐIỀU 86. Không được thuyết pháp cho người ngồi mà mình đứng, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Luật Tăng-kỳ dạy: Nếu Tỳ-kheo-ni vì việc tháp, việc tăng mà phải đến vua hay địa chủ. Những người kia nói rằng: "Xin vì tôi mà nói pháp: Thì không được bảo họ phải đứng dậy, sợ sanh tâm nghi ngờ. Nếu như bên cạnh có người đứng thì mình nên nghĩ vì người ấy mà thuyết pháp, nhà vua nghe theo, Tỳ-kheo-ni không có tội.

ĐIỀU 87. Không được thuyết pháp cho người nằm mà mình ngồi, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý

thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Xét giới trên và các giới sau, người nói và người nghe cả hai đều mắt oai nghi. Giới này tuy mình ngồi tại chỗ chính nhưng người nghe không cung kính cho nên cũng không được vì họ mà nói pháp.

ĐIỀU 88. Không được thuyết pháp cho người ngồi chính giữa, còn mình ngồi một bên, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Toà: Ghế chính.

Phi toà: Không phải ghé chính, cho đến gốc cây khô, gò đất, dưới đất.

ĐIỀU 89. Không được thuyết pháp cho người ngồi chỗ cao, còn mình ngồi chỗ thấp, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Cao: Có 2 thứ: 1. Thể lượng cao lớn. 2. Quý giá tốt đẹp.

Hạ: Có 2 thứ: 1. Thể thấp. 2. Thô xấu. Cả hai đều gọi là hạ hết.

ĐIỀU 90. Không được thuyết pháp cho người đi trước, còn mình đi phía sau, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Nói bệnh: Là có bệnh về thân, hoặc bệnh về mắt. Nếu người trước cảm gậy mà dẫn mình đi, thì vì họ mà nói pháp không phạm.

ĐIỀU 91. Không được thuyết pháp cho người ở chỗ kinh hành cao, còn mình ở chỗ kinh hành thấp, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Trong này cao thấp có 2 thứ: 1. Vốn tự nó cao thấp. 2. Xây đá làm thành nền, như đức Phật đã cho phép phải làm nhà kinh hành.

Vì đi kinh hành có 5 điều tốt đẹp. 1. Có thể đi xa. 2. Có thể tư duy. 3. Ít bệnh. 4. Ăn uống dễ tiêu. 5. Tâm được chánh định lâu dài.

ĐIỀU 92. Không được thuyết pháp cho người ở giữa đường, còn mình ở bên đường, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý

thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Đạo: Đường chính.

Phi đạo: Không phải đường chính.

ĐIỀU 93. Không được nắm tay khi đi đường, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Huê thủ: Dắt tay nhau, nghĩa là Tỳ-kheo-ni không được dắt tay nhau đi giữa đường. Nếu mắt bị bệnh cho dìu đỡ nhau.

ĐIỀU 94. Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ khi có nhơn duyên, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước.

Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trường hợp không phạm*: Hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, nếu muốn lấy củi khô trên cây, nên làm cái cầu liêm mà móc lấy, hoặc dùng thang mà lấy, hoặc dùng dây cột kéo xuống. Nếu toàn thân cây đã khô chết cho leo lên.

ĐIỀU 95. Không được bỏ bình bát vào trong đẫy rồi xỏ vào đầu gậy quảy trên vai mà đi, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

* *Trường hợp không phạm*: Hoặc bị cường lực ép bức và mạng nạn, phạm hạnh nạn... nếu có Tỳ-kheo-ni già yếu, không thể không có đẫy đựng bát và tích trượng mà đi được, đức Phật cho Ni tăng bạch nhị

Yết-ma cho vị Tỳ-kheo-ni già bệnh được sắm tích trượng và đũa đựng bình bát. Người kia nên đến giữa Chúng tăng đầy đủ oai nghi mà xin như thế này:

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tôi Tỳ-kheo-ni... già bệnh không thể không có đũa đựng bình bát, không có tích trượng mà đi được. Nay theo Chúng tăng xin sắm tích trượng và đũa đựng bình bát. Ngưỡng mong Chúng tăng cho tôi Tỳ-kheo-ni... được sắm tích trượng và đũa đựng bình bát. Xin thương tưởng vậy" (Nói ba lần).

Chúng tăng nên bạch như thế này mà cho:

" Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... già, bệnh, không thể không có đũa đựng bát và không có tích trượng mà có thể đi được. Nay theo Chúng tăng xin sắm tích trượng và đũa đựng bát. Nếu thời gian thích hợp đối với tăng, tăng chấp thuận cho Tỳ-kheo-ni... được sắm đũa đựng bát và tích trượng. Đây là lời tác bạch".

"Đại tỳ tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... này già, bệnh không thể không có tích trượng và đũa đựng bát mà đi được, nay theo Chúng tăng xin sắm tích trượng và đũa đựng bát, tăng nay cho Tỳ-kheo-ni... được sắm tích trượng và đũa đựng bát. Các Đại tỳ nào chấp thuận tăng cho Tỳ-kheo-ni... được sắm tích trượng và

đầy đưng bát thì im lặng. Ai không chấp thuận xin nói ra. Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo-ni... được sắm tích trượng và đầy đưng bát xong rồi. Tăng vì chấp thuận nên im lặng. Vì im lặng tôi ghi nhận như vậy".

Nếu chỉ cần riêng tích trượng thôi, hay chỉ cần riêng đầy đưng bát, chuẩn theo văn nên làm.

ĐIỀU 96. Không được thuyết pháp cho người cầm gậy không cung kính, trừ người bệnh, cần phải học.

ĐIỀU 97. Không được thuyết pháp cho người cầm gươm, trừ người bệnh, cần phải học.

ĐIỀU 98. Không được thuyết pháp cho người cầm mâu, trừ người bệnh, cần phải học.

ĐIỀU 99. Không được thuyết pháp cho người cầm đao, trừ người bệnh, cần phải học.

ĐIỀU 100. Không được thuyết pháp cho người cầm dù, trừ người bệnh, cần phải học.

LƯỢC GIẢI:

Chỗ cư trú của đức Phật giống như giới trước. Duyên khởi của 5 giới trên đây, y theo văn có thể hiểu. Nếu người bệnh có tâm trọng pháp, họ dùng các thứ này để phòng vệ vì họ nói pháp không phạm.

Nhơn đây nói rõ lời lược giáo tự mình lấy để làm chỗ thông tắc như Căn Bản Yết Ma dạy rằng: Đức Phật khi sắp nhập Niết-bàn bảo với Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni rằng: "Ta trước đây đã vì các người mà mở bày rộng rãi tạng Tỳ-nại-da nhưng chưa lược thuyết. Bây giờ đây các người hãy nghe Ta lược thuyết.

Vã lại, có những việc mà từ trước đến nay ta không cho, cũng không cấm. Nếu như đối với những việc này thuận mà không thanh tịnh, trái mà thanh tịnh thì đây là bất tịnh, tức là không được làm, nếu có những việc thuận mà thanh tịnh, trái mà không thanh tịnh. Đây tức là thanh tịnh. Việc ấy nên thuận làm theo.

Có lời hỏi: Đức Thế tôn có ý như thế nào mà khi sắp nhập Niết-bàn mới nói lời lược giáo này? *Đáp:* Sau khi đức Đại sư nhập diệt, cho đến khi thánh giáo chưa tiêu diệt hẳn, trong khoảng thời gian đó không để cho kẻ ngoại đạo chê bai rằng: Đức Thế tôn là một người đầy đủ trí tuệ, thế mà có những việc giữa đời

Ngài không cho phép, cũng không ngăn cấm, như vậy thì các hàng đệ tử sẽ phải làm như thế nào? Vì muốn ngăn lời nạn vấn này, vì xét cho sự lợi ích trong đời vị lai xa xôi cho nên Ngài phải chế. Lại vì Ngài muốn cho các đệ tử đối với tất cả các sự việc đều không ngăn ngại, được sống an lạc, cho nên Ngài phải nói. Như đức Thế tôn dạy: Nếu như những việc thuận mà không tịnh, trái mà thanh tịnh. Có việc thuận mà thanh tịnh, trái mà không thanh tịnh. Nên làm, không nên làm. Chưa biết lời dạy này có ý nghĩa gì? *Đáp*: Nếu có những sự vật mà trước kia đức Phật không cho cũng không cấm. Đời nay nếu làm thì người thế tục sẽ sanh cơ hiểm, đây tức là không thanh tịnh, không được làm. Những việc như thế nào? Ví dụ có những nơi bên Ấn Độ người đời dù sang hay hèn đều ăn trái cau, lá trâu, vôi trắng, vỏ thơm xen nhau, họ cho là mỹ vị. Ở đây các vị Tỳ-kheo... vì bị bệnh muốn trừ hơi hôi trong miệng, thầy thuốc khuyên nên ăn thì không có lỗi. Nếu vì muốn nhuộm cho miệng môi đỏ, tức thành ra không được. Lại như lấy đất đỏ để nhuộm y, cũng là điều mà từ trước đến nay không cấm, cũng không cho, đời nay nếu dùng mà đắp thì giống với y phục của ngoại đạo, phát khởi sự cơ hiểm cho người thế tục. Như đây tức là phải nên cấm. Vì đúng lý là không được dùng. Sự việc đời đông, hạ mặc y vàng cũng

giống như đây. Lại như có những sự việc không cấm cũng không cho, nhưng đời nay thọ dụng mà mọi người đều không cơ hiềm thì dùng không phạm tội. Ví dụ như đức Phật dạy: Có 3 thứ vật dụng có thể dùng để rửa tay: 1. Đất thật mặn. 2. Phân trâu khô. 3. Trái bồ hòn.

Còn đây là những thứ khai cho để dùng như: Hoa cây dạ hiệp, rễ cây mộc hoạn, xà phòng, các thứ ấy đều có thể dùng để tắm rửa, đã không cấm cũng không cho, nhưng không độc và không có trùng dùng đều không có lỗi. Các loại như vậy nên suy nghĩ mà thực hành.

Ghi chú: Đức Phật chỉ khai cho ăn muông, nguyên Ngài không dạy ăn đũa. Người đời nay dùng đũa đó chính là lời lược giáo khai cho. Còn như nhà dùng để đi kinh hành, ngồi trên toà cao, ngồi kiết già mà ăn... thì đều không phải là lời lược giáo cho phép, nhưng làm đã lâu rồi. Vì thế thật là khó nói.

Lại như không được đứng mà đi đại tiểu tiện, đó là lời Phật đã cấm, nhưng đời nay mà thực hành thì người thế tục sanh cơ hiềm, tuy không phải đức Phật cho phép nhưng vì thuận theo thời phương hộ cho người thế tục khỏi cơ hiềm thì tướng cũng không phải là trái với Thánh ý. Nhưng người có trí phải nên suy

ngữ cho kỹ, xin chớ vừa nghe lời nói này liền áp dụng vào các định cấm khác, quấy cho là hiệp với Thánh giáo. Đó tức là không phải Phật chế mà mình tự chế. Nơi đức Phật chế mà mình tự khai tức là mắc tội phé giáo. Ai là người sẽ thay thế chịu tội cho? Ngũ thiên, thất tụ so sánh nơi đây nên suy nghĩ.

6.3. Kết vấn:

"Thưa các Đại tử, tôi đã tụng xong 100 pháp Chúng học. Nay hỏi các Đại tử trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại tử trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy".

LƯỢC GIẢI:

Trên đây đã riêng giải thích từng giới tướng một. Nay sẽ nói rõ tổng quát về phương pháp sám hối. Nếu Tỳ-kheo-ni tâm không biết xấu hổ, không vâng lời Phật dạy mà cố ý làm, thì trước hết phải thỉnh một vị sám chủ, đầy đủ oai nghi mà thỉnh như thế này:

"Đại tử nhứt tâm niệm, tôi Tỳ-kheo-ni... nay thỉnh Đại tử làm sám hối chủ tội Đột-cát-la. Nguyện Đại tử

vì tôi làm sám hối chủ tội Đột-cát-la. Xin thương xót tôi". (3 lần).

Vị sám chủ nên hỏi:

Phạm tội đã bao lâu? Có che dấu hay không? Nếu có che dấu thì trước hết phải sám hối tội che dấu, tiếp đến sám hối tội tùng sanh, và tiếp đó mới sám hối tội căn bản. Tất cả những sự phân biệt về tội tướng và lời tỏ bày sám hối đều phải nói một cách rõ ràng, hết sức chí thành khẩn thiết, cần nhứt là phải dứt đoạn hẳn. Nếu không có tội tùng sanh và tội che dấu thì chỉ sám hối một tội căn bản thôi.

Phải đầy đủ oai nghi đến trước vị sám chủ mà thưa rằng:

"Đại tử nhứt tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo-ni... cố ý mặc y Tăng-già-lê không tề chỉnh (các tội khác tùy theo mà thưa). Phạm (bao nhiêu) tội Đột-cát-la. Vì cố ý làm cho nên phạm thêm (bao nhiêu) tội phi oai nghi Đột-cát-la. Nay hướng Đại tử phát lộ sám hối, không dám làm lại. Nguyện Đại tử nhớ nghĩ cho tôi thanh tịnh giới thân, đầy đủ thanh tịnh để Bó- tát". (1 lần).

Vị kia đáp rằng: Hãy tự trách tâm người, nên sanh tâm nhàm chán xa lìa. *Đáp:* Dạ vâng!

Nếu vô tình mà phạm cũng phải đầy đủ oai nghi, tâm mình tự xấu hổ và tự nói với mình rằng: Tôi Tỳ-

kheo-ni... không cố ý mà đấp y Tăng-già-lê không tề
chỉnh (các tội khác tùy đó mà nói) phạm tội Đột-cát-la.
Tôi nay tự trách tâm mình, xin sám hối (1 lần).

(HẾT QUYÊN XI)

QUYỂN XII

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ

7. Pháp diệt tránh:

Chia ra 3 phần:

1. Tổng tiêu.
2. Giới tướng.
3. Kết vấn.

7-1. Tổng tiêu:

Thừa các Đại tử, đây là 7 pháp diệt tránh xuất từ giới kinh. Mỗi nửa tháng tụng một lần. Nếu có tránh sự khởi lên giữa các Tỳ-kheo-ni tức thì cần phải trừ diệt.

LƯỢC GIẢI:

Thất diệt tránh: Nghĩa là Tỳ-kheo-ni có 4 việc tranh chấp xảy ra, phải dùng 7 cách này như pháp, như

luật, như lời Phật dạy mà trừ diệt, cho nên gọi là 7 cách trừ diệt tranh cãi.

Việc tranh chấp gồm có 4 loại: 1. Ngôn tránh. 2. Mích tránh. 3. Phạm tránh. 4. Sự tránh.

Sao gọi là Ngôn tránh? Nghĩa là Tỳ-kheo-ni cùng với Tỳ-kheo-ni biện luận dẫn ra 18 sự là: Pháp, phi pháp, cho đến thuyết, bất thuyết... Nếu cãi nhau về những tướng như vậy mà bèn thành 2 bên tranh chấp nhau thì gọi là ngôn tránh.

Sao gọi là Mích tránh? Nghĩa là Tỳ-kheo-ni cùng với Tỳ-kheo-ni tìm xét một tội lỗi, dùng pháp tam cử tội để xét một tội lỗi nào đó thuộc về phá giới, phá kiến, phá oai nghi, thấy tội, nghe tội hay nghi tội, xem những sự tướng như vậy để tìm xét tội, gọi là mích tránh.

Sao gọi là Phạm tránh? Nghĩa là 7 thứ phạm tội trong 7 thiên giới là: Ba-la-di, Tăng tàn, Ba-dật-đề, hối quá pháp, Thâu-lan-giá, Ác tác, Ác thuyết, đó là phạm tránh.

Sao gọi là Sự tránh? Nghĩa là sự tác trong ngôn tránh mà sinh ra tranh chấp, sự tác trong mích tránh mà sinh ra tranh chấp, sự tác trong phạm tránh mà sinh ra tranh chấp. Ấy gọi là sự tránh (thân phạm thì gọi là Ác tác, miệng phạm thì gọi là Ác thuyết).

7-2. Giới tướng:

ĐIỀU 1: *Hiện tiền diệt tránh pháp.*

Cần giải quyết Hiện tiền Tỳ-ni, phải giải quyết bằng Hiện tiền Tỳ-ni.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sao gọi là Hiện tiền? Nghĩa là 1. Pháp, 2. Luật, 3. Người, 4. Tăng, 5. Giới.

Sao gọi là Pháp hiện tiền? Dẫn chứng Giáo pháp để dứt sự cãi nhau.

Sao gọi là Tỳ-ni hiện tiền? Dẫn chứng Luật được thọ trì để dứt sự cãi nhau.

Sao gọi là Người hiện tiền? Là hai bên tranh chấp, đối chất nhau.

Sao gọi là Tăng hiện tiền? Là đồng Yết-ma hoà họp tại một nơi, người không tới thì phải dặn lại. Người hiện tiền được quyền ngăn, mà không ngăn.

Sao gọi Giới hiện tiền? Là làm Yết-ma trong cương giới, có xương tướng trong giới hạn nào để nhóm tăng. Nếu việc tranh chấp đã được chấm dứt rồi mà sau còn phát khởi trở lại thì phạm tội đọa. Nếu vị tân thọ giới Tỳ-kheo-ni đến sau tưởng là việc mới tranh chấp mà bơi móc ra. Và dự dục rồi, sau hối hận đều phạm tội đọa. Luận Lặc-già nói: Có 10 pháp Yết-ma không cần có mặt đương sự, đó là: 1. Yết-ma đập bát. 2. Yết-ma mở bát. 3. Yết-ma học gia. 4. Yết-ma xả học gia. 5. Sửa chùa. 6. Đuổi Sa-di-ni ác kiến. 7. Cuồng si. 8. Yết-ma không lễ bái. 9. Không nói chuyện. 10. Không cúng dường.

10 pháp Yết-ma trên đây đều có duyên khởi.

ĐIỀU 2. Ưc niệm diệt tránh pháp.

Cần giải quyết bằng Ưc niệm Tỳ-ni, phải giải quyết bằng Ưc niệm Tỳ-ni.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo

tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sao gọi Ưc niệm Tỳ-ni? Tội này của Tỳ-kheo-ni kia không nên cử, cũng không được khiến vị đó phải nhớ lại mà trần thuật. Nếu sự tranh chấp đã được chấp dứt một cách như pháp rồi, sau còn moi móc ra nữa phạm tội đoạ, như trên.

ĐIỀU 3. *Bất si diệt tránh pháp.*

Cần giải quyết bằng Bất si Tỳ-ni, phải giải quyết bằng Bất si Tỳ-ni.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bảy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sao gọi là Bất si Tỳ-ni? Tội này của Tỳ-kheo-ni kia không nên cử, cũng không được khiến vị đó phải nhớ lại mà tường thuật. Nếu việc tranh chấp đã được như pháp diệt rồi, nếu ai phát khởi lại phạm

tội đoạ như trên. Luận Tát-bà-đa dạy: Đây là pháp Tỳ-ni giữ gìn.

ĐIỀU 4. *Tự ngôn diệt tránh pháp:*

Cần giải quyết bằng Tự ngôn trị. Phải giải quyết bằng Tự ngôn trị.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại Chiêm-bà. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sao gọi là Tự ngôn? Tự phát lộ tên tội, loại tội để sám hối.

Sao gọi là Trị? Vị sám chủ nói: Tự trách tâm nguoi, nên sanh nhàm chán xa lìa. Nếu việc tranh chấp đã dứt mà gọi lại, phạm tội đoạ. Ngoài ra như trên đã nói.

ĐIỀU 5: *Mịch tội diệt tránh pháp.*

Cần giải quyết bằng Mịch tội tướng, phải giải quyết bằng Mịch tội tướng.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Thích-thị. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Mích tội tướng: Cũng gọi là kết tội xứ sở.

Sao gọi là tội xứ sở? Tội của Tỳ-kheo-ni kia đã được Chúng tăng cử rồi, và họ cũng đã nhớ nghĩ thú nhận rồi. Nếu việc tranh chấp đã dứt, sau gọi lại, phạm tội đoạ. Ngoài ra như trên đã nói. Luật Căn Bản gọi là: Cầu tội tự tánh. Luận Lạc-già gọi là: Thật Mích tội. Người kia trước đã phạm tội, phát lộ rồi, sau nói ngược để che dấu. Luận Tát-bà-đa nói: Đây là chiếc phục Tỳ-ni.

ĐIỀU 6: *Đa nhơn ngữ diệt tránh pháp.*

**Cần giải quyết bằng đa nhơn Mích tội tướng.
Phải giải quyết bằng đa nhơn Mích tội tướng.**

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ

Cấp-cô- độc. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sao gọi là Đa nhơn mịch tội? Nghĩa là nhiều vị Tỳ-kheo-ni đã tìm lỗi đúng pháp và tranh chấp đã chấm dứt. Nếu việc tranh chấp đã chấm dứt đúng pháp, sau ai còn gọi lại phạm tội đoạ. Còn bao nhiêu như trên đã nói. Luận Tát- bà-đa gọi là mịch Tỳ-ni. Vì phương thức diệt tránh này do nhiều Chúng tăng, diễn ra tại nhiều địa điểm. Vì căn cứ trên đa số đó mà gọi là đa mịch Tỳ-ni.

ĐIỀU 7: Thảo phú địa diệt tránh pháp.

Cần giải quyết bằng như Thảo phú địa. Phải giải quyết bằng như Thảo phú địa.

LƯỢC GIẢI:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này nhóm họp quý thầy Tỳ-kheo tăng dạy rằng: Từ nay về sau Ta kết giới này cho Tỳ-kheo-ni.

Sao gọi là Thảo phú địa? Nghĩa là không tuyên bố tên tội, chủng loại của tội mà chỉ sám hối. Nếu sự tranh chấp đã diệt rồi, sau ai còn gọi lại phạm tội đọa. Còn bao nhiêu như trên đã nói. Luật Thập Tụng giải thích rằng: Thảo phú địa có 2 cách.

1. Sự xung đột thường khởi lên, người tranh chấp cũng đồng, sự việc lôi kéo cả chúng, xét về nguyên gốc của tội khó tìm manh mối, đức Phật cho phép để chấm dứt sự tranh chấp cho dùng pháp theo kiểu trải cỏ che lấp, như cỏ rối khó chỉnh trang, rối loạn đến, liền dẹp đi.

2. Một vị Thượng toạ hữu đức trình bày lời hoà giải để dứt tranh chấp. Hai chúng phải đối diện nhau trải hết tâm can mà sám hối. Cả hai chúng đều có người hỗ trợ, cho nên sắp mỗi chúng ngồi một chỗ.

7-3. Kết vấn:

"Thưa các Đại tử, tôi đã tụng xong 7 pháp diệt tránh. Nay hỏi các Đại tử trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại tử trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy".

LƯỢC GIẢI:

Đã nói riêng từng giới tướng một ở trên. Nay nói chung phương pháp diệt trừ. Trong 4 loại tranh chấp làm sao trừ diệt?

Ngôn tránh: Thì dùng 2 cách để trừ diệt là: Hiện tiền Tỳ-ni và đa nhơn ngữ. Như trong điều thứ 6 đã nói hoặc dùng 1 cách để trừ diệt là Hiện tiền ni, vì sao như thế? Nếu một Tỳ-kheo-ni vì một Tỳ-kheo-ni khác đối diện dùng lời khéo léo để dạy bảo đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, nói rằng: "Việc ấy là đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, nên nhận tội đi". Việc tranh chấp do đó mà được trừ diệt, nên gọi là ngôn tránh dùng một pháp để trừ diệt. Nếu một Tỳ-kheo-ni vì 2, 3 Tỳ-kheo-ni và Chúng tăng cũng như vậy. Cho đến Chúng tăng vì 1, 2, 3 Tỳ-kheo-ni và Chúng tăng cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo-ni tranh chấp kia không bằng lòng. Chúng tăng nên tác pháp như thế này để trừ diệt: Nghe biết tại một trú xứ khác có Chúng tăng tốt và vị Thượng toạ có trí tuệ và rất tốt, nên đến chỗ ấy. Nếu như trong khi đi giữa đường mà có thể như pháp, như luật, như lời Phật dạy trừ diệt được thì đó gọi là ngôn tránh dùng một pháp để diệt. Nếu đi giữa đường mà cũng không có thể như pháp

mà diệt được thì khi đến giữa Chúng tăng kia, đến trước vị Thượng toạ thưa rằng: "Việc tranh chấp của tôi phát khởi như thế này, sự thật như vậy, nguyên nhân phát khởi như thế này, Chúng tăng đã tác pháp trừ diệt như thế này nhưng tôi không bằng lòng, vì thế xin đến Đại tỳ. "Lành thay Đại tỳ, xin người hãy giúp tôi chấm dứt việc tranh chấp này một cách như pháp, như luật, như lời Phật dạy. Nếu Đại tỳ có thể giúp chúng tôi chấm dứt việc tranh chấp này chúng tôi xin hứa trước Đại tỳ chúng tôi sẽ xả bỏ ngay việc tranh chấp này. Nếu Đại tỳ không giúp cho diệt đi như pháp, như luật, như lời Phật dạy thì việc tranh cãi của chúng tôi dần dai không dứt, lại khiến chúng tôi phạm tội nặng. Các vị Tỳ-kheo-ni cùng sống chung cũng không được an vui". Tỳ-kheo-ni tranh chấp kia nên ra giữa Chúng tăng để xả bỏ việc tranh chấp này. Chúng tăng nên nói với người ấy rằng: "Này Đại tỳ, việc tranh chấp nếu phát khởi như vậy, nguyên nhân sanh khởi đúng như vậy, Chúng tăng kia đã diệt trừ như vậy. Nếu trình bày đúng sự thật như vậy, chúng tôi sẽ thảo luận để tìm cách thử có diệt trừ được sự tranh chấp này không. Nếu không trình bày đúng sự thật thì việc tranh chấp này lại càng thêm sâu nặng. Nếu không đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, việc tranh cãi nhứt định không chấm dứt được. Các Tỳ-kheo-ni sống

sẽ không được an vui".

Chúng tăng sau khi đã nhận lời của người tranh chấp rồi thì phải nên phán quyết. Nếu người tranh chấp ấy là ở cấp Hạ toạ, nên bảo họ tránh đi chỗ khác, chúng tôi sẽ thảo luận và quyết đoán việc này như pháp, như luật, như lời Phật dạy. Nếu người tranh chấp đó là cấp Thượng toạ, Chúng tăng nên tránh qua chỗ khác để thảo luận. Chúng tăng phải nên suy nghĩ rằng: Nếu chúng ta thảo luận vấn đề này giữa Tăng, sợ phải khởi lên việc tranh chấp khác, làm cho đôi bên phải trái lại tranh chấp nữa không ngừng. Thà chúng ta nên chọn lựa những vị có trí tuệ nhóm họp riêng một chỗ mà nghiên cứu. Nên tác bạch rằng:

"Đại tỷ tăng xin lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay chấp thuận. Tăng tập họp riêng các vị có trí tuệ để bình đoán tránh sự. Đây là lời tác bạch".

Tác bạch xong rồi, cùng nhau bình đoán, những người được Tăng chọn để riêng bình đoán sự phải có 10 đức tính:

1. Trì giới trọn vẹn.
2. Thông bác.
3. Thấu suốt luật tạng.
4. Hiểu rõ ý nghĩa và sự áp dụng thực tế.

5. Ngôn từ thiện xảo, biện bác rõ ràng, có thể vấn đáp mọi việc để mọi người hoan hỷ.

6. Có khả năng dập tắt tránh sự.

7. Không thiên vị.

8. Không hay giận hờn.

9. Không mù quáng.

10. Không sợ hãi.

Nếu trong ban đoán sự này có Tỳ-kheo-ni không tinh thông giới luật, không đủ kiến thức về giới về luật nên xuyên tạc ý nghĩa, nói những lời phi pháp, hoặc có người tuy tinh thông giới nhưng không hiểu rõ về giới luật nên xuyên tạc ý nghĩa nói những lời vụn vặt, hoặc có pháp sư bỏ chánh pháp, dùng sức mạnh ngôn từ mà gượng nói, Chúng tăng đều phải nên đơn bạch Yết-ma loại khỏi uỷ ban. Nếu người thông giới, thông luật, thuận theo ý nghĩa của chánh pháp, nói lời đúng pháp, Chúng tăng nên ủng hộ người đó. Nếu Chúng tăng kia đã không như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà chấm dứt việc tranh chấp này, thì nay Chúng tăng phải nên như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà chấm dứt ngay. Nếu Chúng tăng kia đã chấm dứt một cách đúng pháp, nay Chúng tăng này cũng bằng lòng như vậy thì nên nói với Tỳ-kheo-ni kia tranh chấp rằng: Chúng tăng kia đã đúng như pháp như luật, như

lời Phật dạy mà chấm dứt việc này rồi, chúng tôi cũng bằng lòng việc này đã chấm dứt đúng pháp rồi. Nay chúng tôi cũng tác pháp như thế mà chấm dứt việc tranh chấp. Nếu làm đúng như vậy thì việc tranh cãi sẽ chấm dứt ngay. Đó gọi là Ngôn tránh dùng một pháp diệt để diệt. Nếu sau khi đã chấm dứt một cách đúng pháp rồi, ai khơi trở lại, phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo-ni tranh chấp này cũng chưa thoả mãn với sự chấm dứt của Chúng tăng thứ hai này, nghe trụ xứ kia có rất nhiều vị Tỳ-kheo-ni trì pháp, trì luật, trì luận nên đến nơi chỗ ấy. Nếu đi giữa đường diệt được thì thôi, không diệt được nên đến các chỗ các vị trì pháp... kia. Tỳ-kheo-ni ấy nên nói rằng: "Thưa Đại tỷ, việc tranh chấp này của tôi nguyên nhân sanh khởi như vậy, thật do đúng như duyên như vậy mà phát khởi. Chúng tăng đã tác pháp như vậy để diệt trừ, và Chúng tăng thứ hai diệt trừ bằng phương pháp như vậy, chúng tôi không thoả mãn cho nên đến Đại tỷ. Lành thay Đại tỷ, nên như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà chấm dứt việc tranh chấp này đi. Chúng tôi ở trước Đại tỷ xin xả bỏ việc này. Nếu Đại tỷ không chấm dứt một cách như pháp... thì chúng tôi dần dai tranh chấp mãi, lại khiến cho tội thêm sâu nặng. Các Tỳ-kheo-ni cùng sống chung không được an vui".

Người kia nên đối trước chúng đông Tỳ-kheo-ni mà xả bỏ việc này. Chúng đông Tỳ-kheo-ni ấy nên nói với người kia rằng:

" Này Đại tỳ, việc tranh cãi này thật đã do non duyên như vậy mà sanh khởi ra, mà người đã trình bày thật như cách Chúng tăng thứ hai phán quyết để chấm dứt việc tranh chấp. Chúng tôi nay cũng sẽ thảo luận để có thể diệt trừ việc tranh chấp này không? Nếu trình bày không đúng sự thật thì việc tranh cãi này cứ dần dai mà xảy ra mãi, tội càng sâu nặng. Các vị Tỳ-kheo-ni cùng sống chung không an vui".

Chúng nhiều Tỳ-kheo-ni nên nói như vậy mà nhận lời, nhận lời xong nên quyết đoán, người tranh chấp kia hoặc là hạ toạ, hoặc Thượng toạ nên bảo đi, hoặc tránh như trên đã nói. Nếu Chúng tăng kia đã không chấm dứt bằng cách đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, Chúng tăng thứ hai cũng diệt trừ không đúng pháp thì chúng nhiều Tỳ-kheo-ni phải nên như pháp mà diệt trừ đi. Nếu Chúng tăng kia và Chúng tăng thứ hai đã chấm dứt đúng pháp, chúng nhiều Tỳ-kheo-ni cũng bằng lòng cách này thì nên nói với Tỳ-kheo-ni tranh chấp kia rằng: "Như phương pháp chấm dứt việc tranh cãi của các Chúng tăng kia, chúng tôi cũng bằng lòng như vậy. Nên áp dụng phương pháp

ấy mà chấm dứt sự tranh cãi". Ấy gọi là Ngôn tránh dùng một pháp diệt để diệt. Khi đã được chấm dứt như pháp rồi, ai khơi lại phạm tội đọa (đến chỗ nhiều vị Tỳ-kheo-ni trì pháp, luật, luận cũng giống như đến chỗ hai vị Tỳ-kheo-ni hoặc một vị Tỳ-kheo-ni trì pháp, luật, luận).

Mịch tránh: Thì diệt bằng 4 phương pháp: Hiện tiền ức niệm, Hiện tiền bất si và Hiện tiền tội xứ sở.

Sao gọi là Hiện tiền ức niệm? Nghĩa là Tỳ-kheo-ni không phạm trọng tội, các Tỳ-kheo-ni khác đều nói phạm, cứ cật vấn mãi nên theo Chúng tăng xin tác pháp ức niệm. Chúng tăng nên bạch tứ Yết-ma cho người kia pháp ức niệm Tỳ-ni.

Có 3 trường hợp nếu cho Ưc niệm Tỳ-ni sẽ là phi pháp:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội, các Tỳ-kheo-ni đều nói rằng: Người kia có phạm, cật vấn mãi không dứt. Tỳ-kheo-ni ấy theo Chúng tăng xin tác pháp ức niệm, nếu Chúng tăng cho tức là phi pháp.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội, các Tỳ-kheo-ni khác hỏi rằng: "Chị có nhớ mình phạm trọng tội không?" *Đáp:* "Tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội, tôi chỉ nhớ tôi phạm những tội nhỏ thôi. Tôi sẽ sám hối như pháp, đừng có theo hoài bên tôi mà cật vấn nữa".

Người kia theo Chúng tăng xin tác pháp Ưc niệ. Nếu Chúng tăng cho, là phi pháp.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội, khi các Tỳ-kheo-ni khác hỏi, đáp rằng: "Tôi không nhớ tôi phạm trọng tội, tôi chỉ nhớ tôi phạm tội nhỏ thôi, tôi đã sám hối như pháp rồi. Các Tỳ-kheo-ni cứ cất vấn mãi không thôi. Người kia theo Chúng tăng xin tác pháp ước niệ. Nếu Chúng tăng cho, là phi pháp. (Trái với trên đây tức là 3 việc đúng pháp).

Lại có 5 thứ cho pháp Ưc niệ Tỳ-ni không như pháp:

1. Không hiện tiền. 2. Không tự mình nói ra. 3. Không thanh tịnh. 4. Phi pháp. 5. Biệt chúng. (Trái với trên đây là 5 việc đúng pháp).

Sao gọi là Hiện tiền bất si? Nghĩa là Tỳ-kheo-ni tâm loạn cuồng si, phạm rất nhiều tội lỗi, sau trở lại tỉnh tâm. Các Tỳ-kheo-ni đều nói là phạm trọng tội, cất vấn mãi không thôi. Đức Phật dạy Chúng tăng bạch tứ Yết-ma cho người kia Bất si Tỳ-ni.

Có 3 trường hợp nếu cho Bất si Tỳ-ni sẽ là phi pháp:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni không cuồng si mà giả vờ cuồng si, phạm nhiều tội lỗi, các Tỳ-kheo-ni cất vấn mãi không thôi. Người kia theo Chúng tăng xin tác

pháp Bất si. Chúng tăng nếu cho là phi pháp (đó là câu thứ nhất).

2. Câu thứ hai cũng giống như trên. Chính là nói "Tôi nhớ tôi phạm các tội" cũng giống như người nằm trong chiêm bao.

3. Câu thứ ba cũng giống như vậy. Chánh là nói: Tôi phạm tội, giống như người rơi từ trên núi cao, chỉ còn cầm được chút ít vật, tôi cũng như vậy. Trái với trên tức là 3 trường hợp đúng pháp.

Năm trường hợp phi pháp và 5 trường đúng pháp cũng giống như trên.

Sao gọi là Hiện tiền tội xứ sở? Nghĩa là Tỳ-kheo-ni ưa luận nghị, cùng luận nghị với ngoại đạo, cho đến luận nghị ở trong chúng cho nên nói dối. Chúng tăng nên bạch tứ Yết-ma cho người kia tội xứ sở.

Có 3 trường hợp cho pháp tội xứ sở: Tỳ-ni là phi pháp nghĩa là:

1. Không tác pháp cử tội.
2. Không tác pháp Ưc niệm.
3. Không tác pháp tự ngôn.

Lại có 3 trường hợp phi pháp:

1. Không phạm.
2. Phạm tội không thể sám hối.

3. Hoặc phạm tội mà đã sám hối rồi.

Lại có 3 trường hợp phi pháp nữa:

1. Không hiện tiền.
2. Phi pháp.
3. Biệt chúng.

(Trái với trên tức là 3 trường hợp đúng pháp).

Lại có 5 trường hợp phi pháp:

1. Không hiện tiền.
2. Không tác pháp tự ngôn.
3. Không thanh tịnh.
4. Phi pháp.
5. Biệt chúng.

(Trái với trên đây tức là 5 trường hợp đúng pháp, đây là Mịch tránh diệt bằng 4 phương pháp).

Sau đây đã diệt trừ đúng pháp rồi ai khơi lại phạm tội đoạ.

Phạm tránh: Dùng 3 phương pháp để diệt, nghĩa là Hiện tiền tự ngôn trị, hoặc Hiện tiền thảo phú địa.

Sao gọi là Hiện tiền tự ngôn trị? Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội, muốn đối trước một vị Tỳ-kheo-ni để sám hối, nên đến một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, đắp y trật vai bên hữu. Nếu đó là vị Thượng toạ, phải lễ dưới

chân, quỳ gối sát đất, chấp tay mà thưa lên tên tội và chủng loại tội. Bạch rằng:

"Đại tử nhưt tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo-ni... Phạm tội... nay theo Đại tử xin sám hối, không dám che dấu... cho đến... nhớ nghĩ tôi giới thân thanh tịnh, đầy đủ thanh tịnh để bố- tát".

Lời quả trách và lập lời thề giống như trên nên biết.

Trong trường hợp hiện tiền này: Pháp Tỳ-ni giống như trên, còn nhưn hiện tiền tức là người nhận sám hối. Sự tranh chấp nếu đã diệt rồi, ai khởi lại phạm tội đoạ, trừ trường hợp thọ dục rồi, còn bao nhiêu như trên. Nếu muốn ở trước hai vị Tỳ-kheo-ni mà sám hối thì nên đến chỗ hai vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, phải đầy đủ oai nghi như trên mà bạch tên tội, chủng loại tội để sám hối, phương pháp sám hối giống như trên. Vị Tỳ-kheo nhận sám hối trước hết nên hỏi vị Tỳ-kheo thứ hai rằng: Nếu Đại tử bằng lòng tôi nhận Tỳ-kheo-ni... sám hối, tôi sẽ nhận. Vị Tỳ-kheo-ni thứ hai nên đáp rằng: Dạ được. Nếu muốn đến trước ba vị Tỳ-kheo-ni để sám hối thì vị thọ sám nên hỏi hai vị Tỳ-kheo-ni kia hứa khả rồi mới thọ sám. Nếu muốn ở giữa Chúng tăng mà sám hối thì nên ra giữa Chúng tăng đáp y bỏ giày dép đánh lễ dưới chân Chúng tăng,

quỳ gối sát đất chấp tay bạch rằng:

"Đại tử tằng xin lắng nghe. Tỳ-kheo-ni... phạm tội... nay đến trước Chúng tằng xin sám hối" (3 lần).

Người thọ sám phải tác bạch rồi sau mới được thọ sám. Tác bạch rằng:

"Đại tử tằng xin lắng nghe. Tôi Tỳ-kheo-ni... kia phạm tội... nay đối trước Chúng tằng cầu xin sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tằng. Tằng chấp thuận, tôi thọ Tỳ-kheo-ni... sám hối. Đây là lời tác bạch".

Tác bạch rồi cho đến sự la quở, lập thế đều giống như trên. Việc tranh chấp đã được chấm dứt rồi, ai khơi lại phạm tội đoạ.

Sao gọi là Hiện tiền Như thảo phú địa? Giống như trong điều 7 đã nói. (Đây là phạm tránh dùng 3 phương pháp Tỳ-ni để diệt).

Sự tránh: Dùng tất cả các Tỳ-ni diệt trừ, tùy theo tội phạm. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo-ni rằng: Vì có 22 đức hạnh này, biết đó là người có khả năng bình đoán sự việc:

1. Giữ đủ 348 giới.
2. Thông bác.
3. Hiểu rõ tạng luận.

4. Hiểu rõ tạng luật.
5. Không tranh chấp với ai.
6. Cũng không chấp chặt việc tranh chấp này.
7. Người đáng quở trách đã quở trách, vậy sau mới ở.
8. Người cần phải dạy bảo đã dạy bảo, vậy sau mới ở.
9. Người đáng trục xuất đã trục xuất, vậy sau mới ở.
10. Không thiên vị.
11. Không hay giận hờn.
12. Không sợ hãi ai.
13. Không mù quáng.
14. Không thọ thức ăn uống của bộ phái này.
15. Cũng không thọ thức ăn uống của bộ phái kia.
16. Không nhận y, bát, toạ cụ, ống kim của bộ phái này.
17. Cũng không nhận y, bát, toạ cụ, ống kim của bộ phái kia.
18. Không cung cấp cho bộ phái này.
19. Cũng không cung cấp cho bộ phái kia.
20. Không đi với phái bộ này vào làng xóm.
21. Cũng không đi với phái bộ kia vào làng xóm.

22. Không hện hò, cũng không đi đến, bên kia đến sau, ngồi sau.

Luận Mục-đắc-ca nói: Có hai Tỳ-kheo-ni hiềm khích nhau, dùng bao nhiêu lời quái lạ để chê bai lẫn nhau. Giữa hai người ấy nên tin người trì giới. Nếu cả hai người đều trì giới, thì nên tin người thông bác. Nếu cả hai người đều thông bác thì nên tin người thiếu dục. Nếu cả hai người đều thiếu dục thì nên tin người cực thiếu dục. Nếu cả hai vị đều cực thiếu dục mà hiềm khích nhau thì không bao giờ có thể có được.

III. KẾT KHUYẾN HÒI HƯỚNG:

Chia làm 4 phần:

1. Tổng kết các giới tướng trước.
2. Khuyến học các pháp khác.
3. Giới kinh do 7 đức Phật nói.
4. Văn hồi hướng kết thúc.

1. Tổng kết các giới tướng trước:

"Thưa các Đại tỷ. Tôi đã tụng Tựa của giới kinh, đã tụng 8 pháp Ba-la-di, đã tụng 17 pháp

Tăng-già-bà-thi-sa, đã tụng 30 pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, đã tụng 178 pháp Ba-dật-đề, đã tụng 8 pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã tụng 100 pháp Học chúng, đã tụng 7 pháp Diệt tránh. Đó là những điều Phật đã thuyết, xuất từ giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần".

LƯỢC GIẢI:

Trong đoạn kết này ý muốn nói cho chúng ta biết thứ lớp của giới tụng. Lại cũng muốn nói rõ vẫn không sai sót, cú nghĩa đầy đủ, 7 tụng đã xong, 348 đã hoàn tất.

Thử thị Phật sở thuyết: Để chứng minh không phải tôi nói, cũng không phải người khác nói? Người khác đây là chỉ cho các vị Pháp sư, Luật sư, Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát vậy.

Giới kinh trung lai: Đã không phải người khác nói, lại cũng không phải xuất từ Kinh khác.

2. Khuyến học các pháp khác:

Và còn có các Phật pháp khác nữa, trong đây cần phải cùng hoà hợp học tập.

LƯỢC GIẢI:

Nhược cánh hữu dư Phật pháp: Nghĩa là trong tất cả các Kiên-độ, đức Như Lai chế các học pháp và tất cả kinh, luận, những pháp định, tuệ. Nhờ những pháp này mà có thể vượt ra ngoài vòng đau khổ mà thẳng đến Niết-bàn.

Thị trung: Nghĩa là không những chỉ có hoà hợp cùng nhau tu hành trong 348 giới pháp mà thôi, trong tất cả các pháp khác Tỳ-kheo-ni cũng phải cùng nhau hoà hợp mà học.

Hòa hợp: Hoan hỷ không tranh chấp, đồng học một thầy không sanh dị kiến, giống như sữa hoà với nước vậy.

Ứng đương học: Chính là việc nên học của Tỳ-kheo-ni, không được buông lung, phải siêng tu tập. Tu-đa-la là tạng kinh, thuộc về định học, A-tỳ-đàm là tạng luận, thuộc về huệ học.

3. Giới kinh do 7 đức Phật nói:

"Nhẫn khổ hạnh bậc nhất.

Niết-bàn đạo tối thượng.

***Xuất gia nã hại người
Không xứng danh Sa-môn".***

Đây là giới kinh mà đức Tỳ-bà-thi Như Lai, bậc Vô sở Trước Đẳng Chánh Giác, đã giảng dạy.

LƯỢC GIẢI:

Trong tâm bình an, nhãn được cái cảnh nhục nhã bên ngoài gọi là nhãn nhục.

Nhãn nhục: có 2: Sanh nhãn và pháp nhãn.

Sanh nhãn: có 2:

1. Thuận: Như cung kính cúng dường thọ nhận sự ấy mà không dính mắc, không có tâm kiêu mạn phóng dật.

2. Nghịch: Như thọ nhận những nghịch cảnh: Sự mạ lỵ phi báng, đánh đập, sát hại không sanh tâm giận hờn, oán thù. Đó gọi là sanh nhãn.

Pháp nhãn: Cũng có 2:

Phi tâm pháp: Như lạnh, nóng, gió, mưa, đói khát, già suy, bệnh...

Tâm pháp: Giận hờn, lo nghĩ, buồn rầu, nghi ngờ, dâm dục, kiêu mạn, các tà kiến...

Nếu trong 2 pháp này tâm mình nhẫn được không lay động. Đó gọi là pháp nhẫn. Người tu lại phải dùng chánh tuệ để quán sát. Sanh nhẫn, pháp nhẫn tánh nó vốn không thì nhục từ đâu mà có? Khổ, không, vô ngã, như vậy thì lấy gì để gọi là nhẫn. Nhẫn nhục đã không thì thể vô sanh hiện tiền, liền chứng viên tịch. Vì nhẫn nhục này là con đường tắt đi đến Niết-bàn cho nên gọi là đạo thứ nhất.

Vô vi: Tức là Niết-bàn vắng lặng thường tịch, không tạo tác, vượt hẳn ra ngoài cảnh hữu vi, thoát khỏi dòng sanh tử. Không có pháp gì hơn pháp này nữa cho nên gọi là tối.

Sa-môn: Là cái nghĩa tịch tịnh. Xưa dịch là cần hành, nghĩa là siêng năng tu hành để chứng Niết-bàn, hoặc dịch là cần tức. Cần: Nghĩa là siêng tu đạo nghiệp. Tức: Nghĩa là dứt ác làm lành. Cho nên trong kinh A-hàm dạy: Xa lìa ân ái, xuất gia tu đạo, đóng kín 6 căn, không nhiễm ngũ dục bên ngoài, có từ tâm đối với tất cả, không làm tổn hại ai. Gặp việc vui không mừng, gặp khó không buồn, thường nhẫn như đất, cho nên gọi là Sa-môn. Nếu người xuất gia mà không tu hạnh nhẫn nhục, mà lại báo oán người thì trái hẳn với đạo Niết-bàn không tranh chấp, đâu còn xứng với hạnh cần tức. Hạnh nếu không xứng tức không

phải là Sa-môn. Muốn được đạt đến đạo thứ nhứt thì không nên não hại người khác. Nếu mong hưởng vui vô-vi thì phải đủ pháp Sa-môn. Nhẫn nhục là nhơn xuất thế. Vô-vi là quả xuất thế. Não hại người là nhơn sanh tử. Không phải Sa-môn là quả sanh tử. Thiện ác đều đã nói đủ, tịnh uế đã trình bày. Người có trí phải như con ngỗng chúa chọn sữa, chọn lấy điều lành mà giữ gìn thì không trái hạnh Sa-môn. Hạnh một khi đã siêu vượt thì quả chúng phải ra ngoài trời sắc giới (hữu đảnh) vậy.

Nếu căn cứ trong bộ Căn Bản thì đức Phật Tỳ-bà-thi khi ra đời, các chúng đệ tử và tà sư ngoại đạo phần nhiều ưa khổ hạnh để tu thân, quấy mong cầu chúng quả an vui. Bấy giờ đức Phật vì muốn phá kiến chấp này cho nên vì các hàng đệ tử Ngài lược thuyết giới kinh. Nói trong tất cả các hạnh chuyên cần tu tập, bậc nhứt là nhẫn nhục, có thể đưa đến Niết-bàn. Xuất gia não hại người không gọi là Sa-môn. Nghĩa là trong tất cả các hạnh chuyên cần tu tập, bậc nhứt là nhẫn nhục. Không phải do tự làm khổ thân mình mà chúng được Niết-bàn. Lại xét rõ pháp nhẫn là do hiểu thông suốt các pháp mà chúng được Niết-bàn, chứ không phải do làm khổ thân mà có thể chúng được. Hơn nữa Ngài cũng muốn ngăn những người xuất gia trong

ngoại đạo có những tà kiến kia, họ quấy nói những lời dị ngữ, để giáo hoá người, làm cho họ tu đã khổ thân mà không có ích gì. Họ lôi cuốn người cũng tu như họ, làm cho mình và người đều khổ não, trọn không có một kết quả ích lợi nào hết, cho nên Ngài mới dạy: "Xuất gia nào hại người, không gọi là Sa-môn". Ở Ấn Độ có 96 phái ngoại đạo xuất gia, đều gọi là Sa-môn. Chỉ có đệ tử của đức Phật gọi là Thích ca Sa-môn.

Vô Sở Trước Đăng Chánh Giác: Nghĩa là khi đức Như Lai chứng Niết-bàn, đoạn hết tất cả phiền não, khiến thân, khẩu, ý đều được thanh tịnh, không nhiễm, không trước, cho nên gọi là Vô sở trước. Đem tất cả các pháp bình đẳng mà khai thị sự giác ngộ cho tất cả chúng sanh, thành Vô thượng chánh giác, cho nên hiệu là Đăng chánh giác.

"Cũng như người mắt sáng

Tránh khỏi lối hiểm nghèo

Bậc có trí trong đời

Tránh xa các xấu ác".

Đây là giới kinh mà đức Thi-khí Như Lai. Bậc Vô Sở Trước Đăng Chánh Giác đã giảng dạy.

LƯỢC GIẢI:

Dụ người mắt sáng không đi vào con đường hiểm nạn, chỉ đi đến chỗ an ổn. Nếu ở đời có người thông minh trí tuệ tức là biết con đường nào phải, con đường nào quấy. Đường quấy tức là con đường hiểm dữ trong lục thú. Đường phải là đường tám chánh đạo bằng thẳng. Đường hiểm ác do tâm bất thiện chiêu cảm lấy. Đường bằng thẳng là nhờ thắng huệ mà đi thẳng vào. Cho nên phải xa lìa hết các nhơn ác, chuyên cần tu tập pháp xuất thế để đi vào con đường Niết-bàn an ổn thường vui.

"Không báng bỏ tật đổ

Vâng hành các học giới

Ăn uống biết vừa đủ

Thường ưa chỗ nhàn tịnh

Tâm định vui tinh tấn.

Là lời chư Phật dạy".

Đây là lời giới kinh mà đức Tỳ-diệp-la Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã giảng dạy.

LƯỢC GIẢI:

Báng bỏ là tội lỗi của miệng. Tật đổ là ác nghiệp của ý. Muốn xa là hai ác nghiệp này thì phải vâng giữ giới pháp. Một khi giới thanh tịnh thì ba nghiệp liền không. Khẩu nghiệp và ý nghiệp do đâu mà có được. Vì muốn thành tựu cho được tịnh giới, cho nên bảo phải không được báng bỏ và tật đổ. Ăn uống thuộc về miệng. Thường an vui thuộc về ý. Tri túc thì dứt hết tâm vọng cầu rong ruổi. Nhàn tịnh thì các vọng niệm tự nhiên vắng lặng. Như vậy thì làm sao tâm lại không định? Vì muốn thành tựu định pháp cho nên dạy phải tri túc và ở chỗ nhàn tịnh. Phát sinh trí tuệ, dứt trừ vọng hoặc cho nên nói là vui tinh tấn.

Không nhàn: Chỗ A-lan-nhã vắng lặng. Nương nơi đây mà siêng tu thiền định thì như định sẽ chứng được đạo quả Niết-bàn. Các đức Như Lai trong ba đời đều đi trên con đường ấy, đem dạy lại cho các đệ tử, cho nên nói rằng: Đây là lời dạy của chư Phật.

Tỳ-diếp-la: Tức là Tỳ-xá-phù, như trước đã giải thích.

"Như ong đến tìm hoa.

Không hại sắc và hương

*Chỉ hút nhụy rồi đi
Vây Tỳ-kheo vào xóm
Không chống trái việc người.
Người làm hay không làm.
Chỉ xét hành vi mình.
Đoan chánh, không đoan chánh".*

Đây là lời giới kinh mà đức Câu-lưu-tôn Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, đã giảng dạy.

LƯỢC GIẢI:

Như ong hút nhụy hoa, chỉ hút ấ nhụy rồi đi, không làm hao tổn hương sắc. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khi đi vào tụ lạc khát thực cũng như vậy. Cho nên nói là nhiên.

Bất vi lệ tha sự: Nghĩa là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đi khát thực vừa đủ nuôi thân để tăng trưởng đạo nghiệp, tùy theo sự bố thí mà thọ nhận, không ham cầu nhiều mà trái với tâm người, phá hoại lòng tín kính của họ. Cũng giống như ong hút nhụy hoa, không làm hao tổn hương sắc.

Bất quán tác bất tác: Nghĩa là đã không trái với

tâm người, cũng không nhìn đến sự đắc thất của người. Vì làm như vậy rối loạn thân tâm, có hại cho sự chứng ngộ của mình.

Đản tự quán thân hạnh: Nghĩa là chỉ xét thân mình. Nếu mình không có lỗi thì thân đoạn chánh. Nếu có lỗi thì hạnh bất chánh, cho nên nói rằng: Đoạn chánh, không đoạn chánh.

"Chớ để tâm buông lung.

Hãy cần học thánh pháp.

Như thế dứt ưu sầu.

Tâm định nhập Niết-bàn".

Đây là giới kinh mà đức Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, đã giảng dạy.

LƯỢC GIẢI:

Vì không buông lung cho nên siêng học thánh đạo. Nhờ học Thánh đạo cho nên không có ưu sầu, vì không ưu sầu cho nên tâm được định tĩnh, tâm được định tĩnh chính là Niết-bàn. Hán dịch gọi là tịch diệt.

Đây tức là đoạn tập, tu đạo, chứng diệt vậy. Nếu tâm buông lung, tạo các tập như ác thì mắc lấy khổ quả ưu sầu. Nếu không tu đạo thì làm sao thấy được chơn lý để chứng diệt, tuy có định tâm mà phiền não vọng hoặc chưa trừ thì vẫn luân hồi trong ba cõi, đâu thoát được quả khổ ưu sầu.

"Hết thấy ác chớ làm.

Hãy vâng hành các thiện.

Tự lóng sạch tâm chí

Là lời chư Phật dạy".

Đây là giới kinh mà đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã giảng dạy.

LƯỢC GIẢI:

Nhứt thiết ác: Nghĩa là 7 chi tội thuộc về thân và khẩu, trái với tánh tội và già tội.

Chư thiện: Tuy không trái với tánh tội và già tội, nhưng vì chưa ngăn ngừa tội thô ác nơi thân và miệng của cõi dục giới.

Nếu tội vi tế chưa trừ, chưa thể vượt ra khỏi cảnh

dục giới, thì chưa được gọi là thiện. Đã tự mình giữ gìn giới Thi- la trong sạch, chí thú nơi chốn thiên môn, chuyên cần tu 5 pháp thiên thì cái thân tứ đại thanh tịnh ở cõi trời sắc giới tự hiện trong thân mình. Do đây theo thứ lớp chứng được bao nhiêu thắng diệu của căn bản tứ thiên, nhánh rừng công đức. Đó là cái nhọn vượt khỏi lưới dục. Quả là được sinh lên cõi trời sắc giới. Cho nên gọi là thiện.

Tự tịnh kỳ chí ý: Nghĩa là nhờ thiên định mà phát sanh trí tuệ chơn vô lậu, phá hết các tâm tà đảo, hiểu rõ được hoặc nghiệp là luống dối, rửa sạch tâm cấu nhiễm. Vết như đều tẩy hết. Hiểu rõ được rằng tất cả các pháp đều bất khả đắc, cho nên nói rằng: Từ lóng sạch tâm chí. Biện pháp tuy rộng, ba pháp này đều thâm hết. Các đức Như Lai trong ba đời, tùy theo căn cơ mà làm lợi lạc chúng sanh cũng không khác gì đây, cho nên nói là thị chư Phật giáo.

Chi lâm tức là. Sơ thiên có 5 chi:

1. Giác. 2. Quán. 3. Hỷ. 4. Lạc. 5. Nhứt tâm.

Nhị thiên có 4 chi:

1. Nội tịnh. 2. Hỷ. 3. Lạc. 4. Nhứt tâm.

Tam thiên có 5 chi:

1. Xã. 2. Niệm. 3. Huệ. 4. Lạc. 5. Nhứt tâm.

Tứ thiên có 4 chi:

1. Bất khổ bất lạc. 2. Xã. 3. Niệm. 4. Nhứt tâm.

Như các chỗ khác đã giải thích rõ.

"Khéo phòng hộ lời nói.

Tâm chí tự lắng đọng.

Thân không làm các ác.

Thực hành được như thế.

Ba tịnh nghiệp đạo này.

Là đạo đáng Đại tiên".

Đây là giới kinh mà đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã giảng cho các Tỳ-kheo vô sự trong khoảng 12 năm đầu. Từ đó về sau được phân biệt rộng rãi. Các Tỳ-kheo tự mình hâm mộ chánh pháp, hâm mộ Sa-môn hạnh, có tâm có quý, hâm mộ học giới, hãy tự học ở trong đây.

LƯỢC GIẢI:

Chư Phật ra đời, quán căn cơ để lập giáo, pháp không nhứt định. Đức Thích tôn xuất hiện giữa cõi đời

ngũ trược ác thế, người phần đông ưa tranh chấp, không giữ gìn lời nói, và tâm lý xấu xa cấu bần, dù không hiện bên ngoài nhưng ẩn tàng bên trong, chồng chất nhiều lớp, một khi xuất cảnh sanh tình thì thân nghiệp tạo không biết bao nhiêu điều bất thiện. Vì thế mà đức Như Lai phải răn dạy theo thứ lớp, ngăn ngừa trước khi chưa móng. Lại nữa, Ni tăng lấy pháp tu lục hoà làm quý trọng, cho nên phải giữ giới làm đầu. Nếu thường hay giữ gìn lời nói, tự lắng động tâm chí, không làm các điều ác. Như vậy thì ba nghiệp được thanh tịnh. Thực hành được hạnh thanh tịnh này tức là đạo của đấng Như Lai đại tiên. Nhưng đức Như Lai hàng trời trong hàng trời, tiên trong hàng tiên, là bậc tôn quý trong loài người, cho nên tôn xưng Ngài là đại Tiên hơn.

Vô sự Tăng: Các vị A-la-hán, lậu hoặc đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, cho nên gọi là vô sự. Đức Như Lai thành Đấng chánh giác, trong 12 năm đầu chưa có pháp hữu lậu sanh ra, Ngài chỉ vì các A-la-hán, Chúng tăng vô sự mà nói lời lược giáo này. Khi ấy những người chưa chứng quả A-la-hán học lời lược giáo này, ba nghiệp thanh tịnh cũng liền được chứng ngộ sau thời gian 12 năm ấy, các pháp hữu lậu bắt đầu phát sanh, Ngài phải rộng kết 250 giới pháp

cho Tỳ-kheo và 348 giới pháp cho Tỳ-kheo-ni, và phân biệt các giới tướng khinh, trọng, khai, giã.

Có lời hỏi: Vì sao đức Thế-tôn không chế giới thẳng ngay khi ấy, mà đợi đến khi có người phạm, sau đó Ngài mới kết giới? *Đáp:* Đức Như Lai khi mới thành chánh giác, hai bộ giới pháp đã định rồi, nhưng vì căn tánh chúng sanh cho nên Ngài chưa chế liền. Ngài phải để tùy theo họ phạm tội mà kết giới. Cho nên kinh Văn-thù vấn dạy: ngài Văn-thù- sư-lợi bạch đức Phật rằng: Trong đời vị lai có người tà kiến sẽ huỷ báng đức Phật mà nói rằng: Nếu đức Như Lai là bậc Nhứt thiết trí, vì sao phải đợi chúng sanh phạm tội, sau mới chế giới? Đức Phật bảo: Này Văn-thù, như thế mới là Nhứt thiết trí chứ. Nếu là nghịch chế giới, họ sẽ huỷ báng ta: Vì sao tôi chưa phạm tội mà Ngài đã cưỡng chế? Đây không phải là Nhứt thiết trí. Vì sao vậy? vì họ sẽ nói: Tôi không có tội lỗi, đức Như Lai không có tâm từ bi, không tâm lợi ích, không nhiếp thọ chúng sanh. Như người không hề có con mà nói rằng họ có con thì họ sanh con lúc nào? Lời nói không căn cứ như vậy làm sao tin được? Vì sao vậy? Vì không chân thật. Nếu thật thấy con mới sanh lòng tin. Như vậy đó Văn-thù, họ chưa phạm tội, hàng non thiên chưa thấy mà làm sao ta nghịch chế giới được,

cần phải thấy tội, sau đó mới chế giới. Lại trong luật Thiện Kiến, đức Phật dạy: Người chưa có lỗi mà đức Như Lai kết giới, chúng sanh liền sanh lòng phi báng mà nói rằng: Đệ tử của Phật đều là dòng quý phái, hoặc là ở địa vị vua chúa, đã bỏ hết tài sản, cung điện, vợ con, quyến thuộc, không tiếc thân mạng, đều là những người tri túc. Trong thế gian họ không mong cầu gì nữa. Vì sao đức Cù Đàm trở lại đem giới Ba-la-đề-mộc-xoa mà trói buộc họ, như vậy tức là đức Cù-đàm chưa khéo biết người đời. Nếu Ta kết giới trước, người đời cũng không sanh tâm kính trọng. Ví như người thầy thuốc trị bệnh chưa giỏi, thấy người sắp mọc một cái mụn, tuy đã có còi nhưng chưa lở lớn, bèn mổ đại ra, máu chảy lai láng, rất là đau đớn. Lấy thuốc đắp vào, mụn ghẻ lành lại. Thầy thuốc nói rằng: Tôi đã trị lành bệnh cho người, hãy trả tiền cho tôi, Người bệnh đáp: Ông thầy thuốc mù quáng này ơi, nếu thiệt tôi có bệnh thì ông trị cho tôi, đàng này tôi vốn không có bệnh mà ông cưỡng phá cho thịt tôi chảy máu, tôi đau đớn khổ sở biết chừng nào, còn trở lại đòi tiền tôi nữa, như vậy có phải là điên không? Hàng đệ tử Thanh-văn cũng vậy, nếu Ta kết giới trước thì sẽ sanh phi báng: Tôi vốn không có tội mà Ngài cưỡng kết giới. Vì thế đức Như Lai không kết giới trước. Nếu có người phạm tội, bấy giờ đức Như Lai mới vì các đệ tử

mà kết giới, đưa ra các giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Cũng như bậc lương y theo bệnh mà cho thuốc để được trị lành, được phần thưởng rất lớn, lại được mọi người khen ngợi. Đây là ông thầy thuốc giỏi, đã trị lành bệnh cho tôi. Đức Như Lai cũng lại như vậy, tùy theo có ai phạm mới chế giới. Họ sẽ hoan hỷ thọ trì, không có lời oán thán.

Có lời hỏi: Vì sao các pháp hữu lậu sanh khởi phần nhiều đều do lục quần, đây là cố ý hay chỉ phạm một cách vô tâm? *Đáp:* Lục quần Tăng Ni đều là các bậc đại thừa Bồ-tát quyền thị hiện để tuyên thông Phật giáo. Bên trong làm rường cột cho Phật pháp, bên ngoài làm đại hộ cho Phật giáo, không thể nào người phạm mà suy lường được. Đâu được suy nghĩ. Đời này có người ngu không rõ giáo pháp, lung lòng tạo tội, tâm không hổ thẹn. Lại nói: Đức Như Lai khi còn tại thế lục quần đều phạm tội, không phải ở đời nay riêng có một mình tôi phạm mà thôi. Đâu có biết rằng: Các vị Hiền xưa, chính vì đời hậu lai mà khai giáo, rồi ngược lại do các vị Hiền xưa là quấy. Than ôi! Chánh pháp đã sắp hết vậy. Con người phần nhiều biếng nhác, phước mỏng, huệ ít, không kham nổi giáo pháp của đức Như Lai, trở lại sanh phỉ báng, gây bao nhiêu là nghiệp. Cho nên trong kinh Bách Dụ dạy: Người đời

không hiểu rằng đức Như Lai là vị pháp vương, vì chúng sanh Ngài dùng bao nhiêu phương tiện để thị hiện những điều kém dở, rồi liền sanh phỉ báng, bắt chước những chỗ không đúng, do đó bị mất hạt giống lành trong Phật pháp, đoạ vào ba đường dữ. Kinh Phương Đẳng Đại Vân dạy: Ngài Đề-bà-đạt-đa hay khai thị cho người, khiến cho vô số vô lượng chúng sanh được an trú trong thiện căn. Cảnh giới của Ngài Đề-bà-đạt-đa thật chính các bậc Thanh-văn, Duyên-giác còn không biết được. Lục quân Tỳ-kheo-ni cũng là đại thừa Bồ-tát, cũng đồng một hạnh với ngài Đề-bà-đạt-đa. Nếu ai biết công đức của ngài Đề-bà-đạt-đa một cách rõ ràng mà không sanh nghi ngờ, nên biết người ấy mới chân thật là đệ tử Phật. Người ấy được một phần công đức trong hai phần công đức của Phật. Được một con mắt của Phật, được nửa thân Phật. Nếu có nói ra những điều tệ ác của ngài Đề-bà-đạt-đa như là người phá hoại Chúng tăng, nên biết đó chỉ là phương tiện khéo léo vậy.

Tự vi nhạo pháp, nhạo Sa-môn: Pháp là hơn quả của hàng Sa-môn. Nếu hơn không làm thì quả không từ đâu mà có. Người đời nay không học pháp Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, rất là lắm vậy, mà còn muốn được quả Sa-môn. Thật là quá xa vậy; hoặc nói rằng

tôi không phải vì tôi. Than ôi! Tự mình chưa thông đạt mà muốn thông đạt cho người, cũng như rơi xuống biển cả mà muốn cứu người chết chìm, thì đâu khỏi hai người cùng chìm lỉm luôn; hoặc nói rằng: Tự mình có pháp Đại thừa, cần gì học Tiểu thừa. Đây chính thật là người chưa thông đạt pháp Đại thừa, cho nên mới nói lời này. Như lục quần vốn là các bậc Đại thừa Bồ-tát, sao các Ngài còn thị hiện tiểu hạnh? Đâu biết tự hộ mình, hộ người chính là bản hoài của Bồ-tát. Một điều thiện không bỏ là tâm rộng lớn của bậc Đại sĩ. Hướng gì Đại thừa, Tiểu thừa đều cùng một con đường trở về Đệ nhất nghĩa đế, trang nghiêm thân vạn đức, thì bỏ đây sao được?

Xét rõ trong kinh, Luật Đại thừa chỉ quả trách hàng Thanh-văn tự độ là tiểu tâm, chứ không hề quả trách hàng Thanh-văn nghiêm trì giới hạnh. Đại thừa, tiểu thừa đều tu, Tánh giới, già giới đều giữ mới thuận gốc giải thoát, không trái lời của đức Thế tôn. Cho nên trên hội Bát-nhã, các vị Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật đều phải khéo biết tu học tất cả oai nghi giới hạnh của Thanh-văn Duyên-giác, Bồ-tát. Nếu thấy những vị oai nghi không xứng đáng liền phải xa lìa. Nếu có những vị Sa-môn giới hạnh oai nghi thì gần gũi, trong Kinh Bảo Tích dạy: Bồ-tát nếu suy nghĩ rằng: Pháp

này rất sâu xa, pháp kia không sâu xa, pháp này thanh tịnh, pháp kia không thanh tịnh. Pháp này của chư Phật, pháp này của Duyên-giác, pháp này của Thanh-văn, pháp này nên làm, pháp kia không nên làm. Pháp này sâu rộng, pháp kia cạn cợt... đó gọi là người Tăng thượng mạn.

Lại trong kinh Bồ-tát Giới bổn dạy: Nếu Bồ-tát chấp như thế này, và nói như thế này: "Bồ-tát không nghe kinh pháp của Thanh-văn, không thọ trì, không học tập". Đã là Bồ-tát thì đâu còn dùng pháp Thanh-văn mà làm gì? Đó chính là người phạm trong nhiều điều phạm. Nội Pháp truyện nói: Nếu lễ các vị Bồ-tát tụng kinh Đại thừa gọi là Đại thừa. Nếu không làm việc này gọi là Tiểu thừa.

Đây mà nói Đại thừa không ngoài hai pháp: 1. Pháp Trung quán. 2. Pháp Du-già.

Pháp Trung quán: Tục đế thì có, chơn đế thì không. Thể tánh trống rỗng như huyễn.

Pháp Du-già: Thì ngoài không, trong có. Tất cả sự vật đều Duy thức. Đây đều là lời Phật dạy, thì cái gì là phải, cái gì quấy? Điều khế hợp với Niết-bàn, thì cái nào chơn, cái nào nguỵ? Chỉ vì một ý hướng dứt trừ phiền não hoặc nghiệp, cứu giúp chúng sanh, đâu muốn rộng nói lẫn nhẩn, lại càng kết thêm sự chìm

đắm. Đúng lời Phật dạy mà hành trì thì đều đến bờ giác. Nếu bỏ đi hay làm trái lại thì chìm trong sanh tử. Bên Ấn Độ đều phải tu học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa, lý không trái nghịch. Đã không có con mắt huệ thì đâu biết được phải trái. Mặc dầu quen đâu tu đó, nhưng xin đừng nhọc tâm phân chia. Như trên đã nói, hãy tự suy nghĩ, không cần phải luận bàn nhiều nữa.

Hữu tâm hữu quý nhạo học giới: Tự mình không làm tội gọi là người có tâm. Không bảo người làm gọi là người có quý, lại đối với các điều ác tự hổ là tâm. Đối với các điều ác thẹn với người gọi là quý. Ở thế gian này nếu không có hai pháp tâm quý thì tất cả hành vi đều trái với Thánh đạo thanh tịnh, nên phải đi vào con đường nguy hiểm sanh, lão, bệnh, tử.

Cho nên trong Đại Kinh dạy: Các đức Phật Thế tôn thường dạy: Có hai pháp tinh sạch hay cứu vớt chúng sanh:

1. Là tâm, 2. Là quý.

Tâm: Là tự mình không tạo tội.

Quý: Là không bảo người tạo tội.

Tâm: Là bên trong tự hổ thẹn.

Quý: Là phát lộ ra trước người.

Lại có hai hạng người trí:

1. Không làm các điều ác.
2. Làm rồi sám hối.

Có hai hạng người ngu:

1. Làm tội.
2. Che dấu.

Giới Ba-la-đề-mộc-xoa này người không tầm quý và người không có trí thì không thể nào ưa tu học được.

Dương w trung học: Nghĩa là trong 348 biệt giải thoát luật nghi này và giới kinh do bảy đức Phật lược thuyết nên siêng năng tu học để vượt qua khỏi cái khổ sanh lão bệnh tử. Nếu giới kinh mà không học thì pháp trì pháp phạm sẽ mơ màng, đâu tránh khỏi mang cái tên là con dê câm. Giới Vô tác đã thiếu thì thể Tỳ-kheo-ni còn đâu; vậy nên đại thừa tiểu thừa đều kiến lập pháp tam học, mà Giới là một trong ba điều phải học đầu tiên. Đồng tu Ngũ phần mà pháp tam học mở đầu. Sở dĩ tu pháp tam học là để chứng quả Ngũ phần pháp thân. Nên biết, Ngũ phần pháp thân: Ba phần trước là từ nơi nhơn mà rõ đức. Hai phần sau: Khi chứng quả mới bày công năng, dùng chánh trí đoạn trừ tập khí, rồi cả hai đều dứt, gọi là giải thoát thân. Trí vô sanh rõ ràng giác chiếu gọi là tri kiến. Bồ-tát gặp cầu sự hoá độ người cho nên thêm bổ thí, nhẫn

nhục, tinh tấn để tu pháp lục độ. Vốn Thanh-văn chỉ lo phần tự độ nên chỉ tu pháp tam học. Cho nên trong Trí Luận dùng pháp lục độ để làm pháp độ sanh, pháp tam học là pháp Niết-bàn. Tất cả các pháp môn đều do pháp học đó mà đi đến. Pháp tam học mà không tu thì Niết-bàn không có đường về. Giới Mộc-xoa không giữ thì định huệ không có nhọn. Làm sao có thể vượt tứ lưu mà lên bờ giác ngộ?

4. Văn hỏi hướng kết thúc:

Gồm tất cả 14 bài tụng đều do người kết tập đặt. Nay chia ra 6 phần để lược giải:

*"Kẻ trí khéo hộ giới.
Sẽ được ba điều vui.
Danh thơm và lợi dưỡng,
Sau khi chết sanh thiên.
Hãy quán sát điều này.
Bậc trí siêng hộ giới.
Giới tịnh sanh trí tuệ.
Thành tựu đạo tối thượng".*

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng trước là nhơn quả thế gian. Bài tụng sau là nhơn quả xuất thế gian. Nói nhơn quả của thế gian để hiểu bày nhơn quả xuất thế gian.

Minh nhơn: Nghĩa là đường khổ trong tam đồ là do nhơn ác vởi lấy. Cảnh vui của cõi nhơn thiên là do thiện nghiệp mà có được. Cho nên phải bỏ hết ác nhơn mà tu các thiện nghiệp. Giới là gốc của điều lành, nên người có trí sáng suốt luôn luôn giữ gìn. Người ngu muội mờ tối không phân biệt được thiện ác quả báo, đâu có thể giữ được.

Tam chủng lạc: Danh dự và lợi dưỡng là cái vui hoa báo trong đời hiện tại. Được sanh lên cõi trời là cái vui quả báo trong đời vị lai.

Danh: Tiếng khen.

Dự: Lời ca tụng.

Lợi dưỡng: Tức là tứ thánh chủng, nghĩa là người hay trì giới, hương đức thơm phức, mười phương đều nghe. Người và trời đều khen ngợi và cùng nhau cúng dường.

Thiên: Lý thiên nhiên, tự nhiên, thanh tịnh, tối thắng, tối lạc vậy. Nếu không có nhơn tịnh khiết tối

thắng thì làm sao sanh được vào cõi tịnh khiết tối thắng. Nhơn tịnh khiết ấy chính là giữ giới cấm vậy.

Đương quán như thị xứ: Nghĩa là phải nên suy nghĩ quán sát ở thế gian có ba thứ quả báo vui đều do giữ giới mà có. Tức phải biết đệ nhưt đạo xuất thế quyết cũng phải nhờ giữ giới thanh tịnh mà chứng được.

Hữu trí cần hộ giới: Nghĩa là cõi trời chỉ những người thông minh mới sanh lên được đạo xuất thế nếu người không có trí tuệ thì không thể chứng được, cũng không phải người giải đãi không trì giới mà chứng được. Do giữ giới thanh tịnh mà thân tâm sáng sạch, phát sanh vô lậu trí huệ. Nhờ sức trí huệ này phá hết các phiền não mà chứng được Niết-bàn đệ nhưt đạo.

"Như chư Phật quá khứ.

Và chư Phật vị lai.

Các Thế tôn hiện tại.

Đáng chiến thắng khổ đau.

Thấy đều tôn kính giới.

Đây là pháp chư Phật.

Nếu ai vì tự thân.

Mong cầu nơi Phật đạo.

Hãy tôn trọng chánh pháp.

Đây là lời chư Phật dạy''.

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng trước nói các đức Phật cùng tôn kính giới mà thành đạo. Lấy đó để chứng minh. Bài tụng sau nói rõ nếu ai muốn cầu Phật đạo thì phải tôn trọng chánh pháp. Đó là lời khuyến khích. Tất cả phiền não, hoặc nghiệp trói buộc chúng sanh cho nên gọi là ưu. Các đức Như Lai trong ba đời đều giữ gìn giới Ba-la-đề-mộc-xoa, đối trị các hoặc nghiệp và được giải thoát, cho nên gọi là năng thắng.

Tự vị thân: Nghĩa là chuyên vì thân này mà vượt khỏi đường sanh tử để cầu Phật đạo, chớ không phải trông mong cái vui ở đời mà cầu quả vị Phật. Cầu Phật đạo nghĩa là không phải cầu quả vị Thanh văn thừa và Duyên giác thừa. Quyết chí mong cầu quả vị Phật mà tôn trọng và tu hành cấm giới, chớ không phải vì quả vị nhị thừa mà vâng giữ luật nghi. Ý sâu mâu của Luật nghi chính là đây vậy. Người học đạo xin chớ lầm tôn chỉ quy thú để rồi tự mình phải sa vào hầm thiên tiểu. Người cuồng phải mau tỉnh lại để khỏi mang tội chê bai. Dầu hiện thân tiểu thừa đi nữa, bổn ý chính của

Phật vẫn là dụ dẫn đưa về đại thừa. Huống gì biển giới không có bờ mé, lượng sánh bằng hư không. Tuỳ theo chúng sanh mà nhận được sự lợi ích. Bồ thí bình đẳng không hai, chỉ do căn khí của mình tự có ra đại và tiểu khác nhau chứ pháp không hề có lỗi rộng, hẹp. Muốn thoát khỏi hố nhị tử (phân đoạn và biến dịch sanh tử) hãy sớm đặt tâm vào đất giới, ngõ hầu tự mình không sai trái, cầu Phật đạo có ý chỉ vậy. Chánh pháp tức là giới pháp. Có tác pháp Yết-ma thuyết giới thì chánh pháp được tồn tại ở thế gian, vì giới pháp này là chiếc bè ra khỏi sanh tử là đường tắt đi đến Niết-bàn, không giống như ngoại đạo tà giáo và các vị luân vương tu thập thiện là nghệ thuật trị đời vì thế giới này được đặt biệt gọi là chánh pháp.

"Bảy đấng Thế tôn Phật.

Diệt trừ mọi kiết sử.

Thuyết bảy giới kinh này.

Giải thoát các hệ phược.

Các Ngài đã Niết-bàn.

Các hý luận vắng bặt.

Các đệ tử tuân hành.

Lời dạy đấng Đại tiên.

*Giới Thánh hiền khen ngợi.
Thấy đều nhập Niết-bàn".*

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng trước nói các đệ tử của đức Phật nhờ phụng trì giới kinh nên đã được giải thoát các sự trói buộc và đều vào Niết-bàn, cho nên nêu ra đây để làm chứng. Bài tụng sau ý nói các đệ tử của đức Phật hiện nay tuân theo giới của Phật mà tu hành cũng chứng được quả Niết-bàn cho nên nêu ra đây để khuyến khích.

Kiết sử: Các phiền não trói buộc, dẫn dắt tâm thần người tu hành luân chuyển trong ba cõi không được giải thoát. Kể sơ lược thì có 3 kết, 10 sử. Nếu nói rộng thì có 88 sử, cho đến 500 kiết sử. 7 đức Phật là các bậc đạo sư ở đời. Vì muốn trừ diệt các kiết sử của đệ tử nên nói ra giới kinh này, các đệ tử vâng làm thì các phiền não trói buộc nhờ đó mà được giải thoát hết, chứng quả vô sanh. Khi đã vào Niết-bàn, tất cả các pháp hữu vô hý luận đều diệt hết. 7 đức Phật Đại tiên giảng dạy các giới kinh là những giới mà tất cả Hiền thánh đều khen ngợi. Nếu các đệ tử Phật hiện nay đều tuân theo tu hành thì cũng đều chứng được

tịch diệt Niết-bàn. Niết-bàn là tiếng Ấn Độ. Tịch diệt là tiếng Trung Hoa. Ở đây nói cả tiếng Hoa và tiếng Phạn vậy.

*"Thế Tôn khi Niết-bàn.
Vận khởi tâm đại bi.
Họp các Tỳ-kheo chúng.
Ban giáo giới như vậy:
Chớ nghĩ Ta Niết-bàn.
Không còn ai chẵn nhắc.
Với kinh và Tỳ-ni.
Những điều Ta dạy rõ.
Hãy xem đó như Phật.
Dù Ta nhập Niết-bàn.
Giới kinh này còn mãi.
Phật pháp còn sáng rõ.
Do sự sáng rõ ấy.
Niết-bàn được chứng nhập.
Nếu không trì giới này.
Không Bồ-tát như pháp.
Khác gì mặt trời lặn.
Thế giới thành tối tăm".*

LƯỢC GIẢI:

Một bài tụng thứ nhất: Lời di hồi của đức Phật. Hai bài rưỡi tiếp theo: Lời khai thị giáo giới của đức Phật. Một bài sau cùng dùng ví dụ để nói rõ lời dạy. Đức Như Lai thuyết pháp trong 49 năm, hoá duyên đã xong khi sắp Niết-bàn Ngài lại đem giới pháp ra dạy bảo cho đệ tử lần cuối cùng, ân cần dặn dò chỉ dạy tha thiết. Do đó chúng ta biết rằng: Giới này đúng là cương lĩnh của Phật pháp, mạng mạch của Tăng già. Là cái cầu bước qua biển khổ, là nẻo mầu đi đến Niết-bàn nếu không đội trên đầu mà thọ trì thì không những đã chìm đắm trong biển sanh tử mà còn cô phụ lòng phú chúc của đức Như Lai. Phạm chúng ta là đệ tử Phật phải luôn nhớ lời từ hồi, vâng lời di pháp mà quên thân mình, kính giới Mộc-xoa trọn đời khiến chánh pháp được tồn tại lâu dài, hưng thịnh thường trú ở thế gian. Đó là người biết ơn và báo ơn nghĩ đức báo đức ấy vậy.

Giới kinh: 348 Biệt giải thoát luật nghi.

Tỳ-ni: Pháp diệt trừ tội lỗi.

Bát Niết-bàn: Hán văn dịch "Nhập tịch diệt", Nghĩa là đường sanh tử đã hăng lạng dứt, cho nên nói là diệt độ, có chỗ nói là cái tai nạn lớn đã dứt vĩnh viễn, vượt ra khỏi tứ lưu.

Đương quán như Thế tôn: Kinh Ba-la-đề-mộc-xoa này còn ở đời tức là pháp thân của Như Lai thường trú bất diệt, cho nên đặc biệt tôn xưng kinh này là thầy. Như trong kinh Di Giáo dạy: Đức Như Lai khi ở trong rừng Ta-la song thọ sắp nhập Niết-bàn bảo các đệ tử rằng: "Các thầy Tỳ-kheo, sau khi Ta diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới, như mù tối mà được mắt sáng, nghèo nàn mà được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu Ta ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy".

Thử kinh cứu trụ thế: Nghĩa là có người y theo giới kinh này mà tu hành, tức là giới kinh này còn ở đời. Giới kinh này còn ở đời thì chánh pháp được quang minh hưng thịnh, không tiêu diệt. Nhờ ánh sáng quang minh này mà thấy được chơn lý và đi đến Niết-bàn. Tức là giáo, hạnh, lý, quả đều hưng thịnh. Nếu không trì giới, *Bố-tát* để trừ tội thì tội dơ ngày càng chồng thêm, mất hết trí tuệ sáng suốt, không thấy được thánh đạo, đoạ vào tam đồ cũng giống như mặt trời lặn, vũ trụ đều tối tăm không thấy đường mà đi nên phải sa hầm sía hố.

"Hãy hộ trì giới ấy.

Như râu mao tiết đuôi.

***Hòa hiệp ngồi một chỗ.
Như lời Phật đã dạy''.***

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng khuyên răn phải nên giữ giới, tuân hành lời Phật chế, nghĩa là người tu hành nhờ giữ giới mà được mọi người kính trọng. Thà chết không phạm, như trâu ma tiết đuôi không kể gì thân mạng.

Hoà hiệp nhứt xứ tọa: Dạy phải xa là lỗi biệt chúng.

Như Phật sở thuyết: Dạy phải trừ bỏ lỗi phi pháp.

Nói tóm lại: Người tu hành phải lấy giới mà tự giữ mình, mong cầu không phạm. Mỗi nửa tháng phải cùng nhau hoà hiệp nhóm họp tại một chỗ đúng lời Phật dạy để làm lễ Bô-tát thuyết giới.

"Tôi đã thuyết giới kinh.

Chúng tăng bố-tát xong.

Tôi nay thuyết giới kinh.

Công đức thuyết giới này.

Nguyện ban khắp chúng sanh.

Cùng trọn thành Phật đạo''.

LƯỢC GIẢI:

Nửa bài tụng trước nói: Minh và người làm việc đã xong. Một bài tụng sau đem công việc làm của mình hồi hướng cho hữu tình đều thành Phật đạo.

Ngôn sở tác sự: Tức là các công đức vậy.

Chư công đức: Nghĩa là công đức trong mỗi mỗi giới phát sinh ra.

Thí nhưt thiết chúng sanh: Trước mình làm pháp Bồ- tát thuyết giới chỉ là tự lợi. Nay bố thí cho chúng sanh, ấy là lợi tha.

Cọng thành Phật đạo: Nghĩa là không khiến riêng một người nào được diệt độ, đều dùng pháp diệt độ của đức Như Lai mà diệt độ vậy. Cũng là lời hoằng thệ của Bồ-tát khi mới phát tâm đại thừa nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng cầu quả vị Phật rốt ráo Niết-bàn.

Có lời hỏi: Pháp của Thanh văn thì hồi hướng Phật đạo để làm gì?

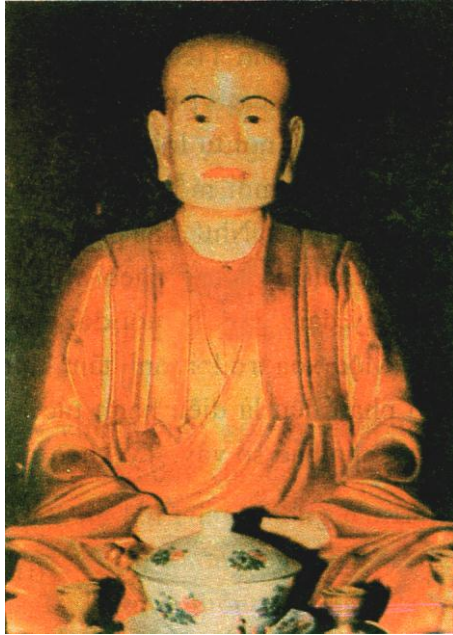
Đáp: Đây chính thiết gọi là chơn thiết Thanh văn. Dem một tiếng Phật đạo dạy cho tất cả đều nghe, chỉ có một pháp nhưt thừa không hai cũng không ba. Lại nữa, giới vốn là ngăn quấy dứt ác, thì không phải chỉ

riêng hàng Thanh văn giữ, thể của Tỳ-kheo là thông cả đại thừa và tiểu thừa thì đâu chỉ gọi là La-hán mà thôi. Bồ-tát nguyên có chia ra tại gia và xuất gia. Tỳ-kheo đâu giống người thế tục. Nếu không giữ giới tu hành thì lấy pháp gì để thành Tăng, cho nên nói tại gia Bồ-tát thì trì giới tại gia, xuất gia Bồ-tát thì trì giới xuất gia. Tại gia Bồ-tát thì gọi là cận sự. Xuất gia Bồ-tát thì gọi là Tỳ-kheo. Vì thế cho nên biết rằng giới của Tỳ-kheo không phải cuộc hạng vào tâm tiểu thừa, đâu không cho giữ giới của xuất gia Bồ-tát. Các đức Phật trong ba đời đều dạy pháp này. Không phải chỉ để riêng cho Tỳ-kheo đời này vâng giữ! *Hoặc có lời hỏi:* Thanh văn trì giới gọi là Bồ-tát phá giới. Thanh văn phá giới gọi là Bồ-tát trì giới, ý nghĩa này như thế nào? *Đáp:* Đây là vì hàng Thanh văn lấy việc tự độ cho là gấp nên ngăn ngừa gọi là trì. Còn Bồ-tát lấy việc lợi sanh làm gốc nên không làm rộng rãi các điều lành gọi là phạm. Đây chính là trách tâm Tiểu thừa chỉ biết tự lợi là lỗi, chứ không phải đề cập đến các vị Bồ-tát có đại tâm lợi người cùng thành Phật đạo. Dầu nói tự lợi nhưng thật ra cũng gồm cả lợi tha, cho nên trong mỗi mỗi giới đều không là ý hộ tha. Đây chính thật là đức Như Lai phương tiện khéo léo, thậm lấy hạt ngọc châu để trong cheo áo của chúng sanh, giúp cho họ trọn đầy đại dụng. Người đời nay không hiểu ý Phật, đối với

giới Mộc-xoa trở lại sanh tâm khinh lòn. Nếu ai ngộ được: Pháp pháp đều là diệu hạnh tức là đã cõi Bạch-ngưu-xa mà trở về nhà bảo sở vậy. Tỳ-kheo-ni cũng học như vậy.

(HẾT QUYỂN XII)

PHỤ LỤC I: TÁC GIẢ LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO-NI GIỚI BỔN LƯỢC KÝ:



THIỀN SƯ NGUYÊN BIẾU
(1836- 1906)

Tác giả Luật Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bổn lược ký là Thiền Sư Nguyên Biếu, hiệu Nhất Thế, người họ Phạm, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, sinh năm Minh Mạng thứ 17 (1836) và mất năm Bính Ngọ, Duy Tân thứ nhất (1906). Gia Thế của Thiền Sư thuộc dòng khoa bảng và quan lại. Từ nhỏ, ngài xuất gia với Tổ Phù Lãng ở Võ Giàng, Bắc Ninh. Sau qua tham

học với Thiền sư Tâm Viên ở Tổ đình Vĩnh Nghiêm làng Đức La, huyện Yên Dũng, Bắc Giang. Chính tại Tổ đình này năm 1855 Thiền sư đã thọ giới Cụ túc với Thiền sư Tâm Viên. Sau đó qua trú trì ở chùa Hạ Lô thuộc huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên và đã đào tạo nhiều đệ tử danh tiếng như Thiền sư Trung Hậu, Thiền sư Thông Toàn... Năm 1874, Thiền sư xuống du hoá vùng Gia Lâm, chọn Bến Bồ-đề, nơi Lê Lợi đã dựng chòi để vây thành Đông quan làm chùa Thiên Sơn Cổ tích. Vì chùa ở tại bến Bồ-đề nên dân chúng và Phật tử kính trọng chỉ gọi Ngài là Tổ Bồ-đề. Chính nơi chùa này, Thiền sư đã đào tạo ra những đệ tử mà sau này trở thành lương đống của Phật giáo Miền Bắc, như Tổ Quảng Gia, Quảng Yên, Phổ Tụ, Doãn Hải, Thanh Khải... Ngoài sự nghiệp giáo dục, Thiền sư còn trước tác mà nổi bật nhất là Bộ Luật Tứ Phần Tỳ-kheo-ni giới bốn lược ký.

Căn cứ theo Phàm lệ thứ nhứt thì bộ Luật Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bốn lược ký này là do Thiền sư đã "Kính cẩn lấy giới bốn của *Tứ phần luật tạng* và chánh văn cùng duyên khởi của Như Thích, rồi lược bớt mà ghi lại, đặt tên là *Luật Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bốn lược ký*". Như thế, khi viết *bộ lược ký* này, ngài đã chủ yếu dựa vào bộ *Tứ phần giới bốn Như Thích* của

ngài Hoằng Tán Tại tham. Dù có thêm bớt đối với bản Như Thích của ngài Hoằng Tán, nhưng Thiền sư cũng xác định là mình "hoàn toàn không dám đem pháp khinh mà thay cho pháp trọng, không đem pháp khai mà đổi cho pháp già. Luật vốn có ý chỉ, không thể nghĩ bàn được".

Vấn đề Thiền sư đã lược bớt bộ Như Thích cũng như những đóng góp và ý kiến riêng của Thiền sư như thế nào thì xin xem Nguyên Biểu Thiền sư toàn tập, sẽ xuất bản nay mai.

Trước mắt, bộ Luật Tứ phần Tỳ-kheo-ni lược ký là một tác phẩm của một Thiền sư Việt Nam viết về Luật tạng, được lưu hành rộng rãi trong hạ bán thế kỷ thứ 19 và đến thế kỷ này. Việc học tập, phiên dịch và xuất bản tác phẩm đã chứng tỏ vị thế rất lớn của nó. Thiền sư Nguyên Biểu đã kế thừa truyền thống Luật học Việt Nam với *Tôn sư phát sách đặng đàn thọ giới* của Thiền sư Chơn Nguyên (1647-1727), *Xuất gia Sa di quốc âm thập giới* của Như Trừng (1696-1728), *Hoằng giới Đại học* của Pháp chuyên (1726-1798)...

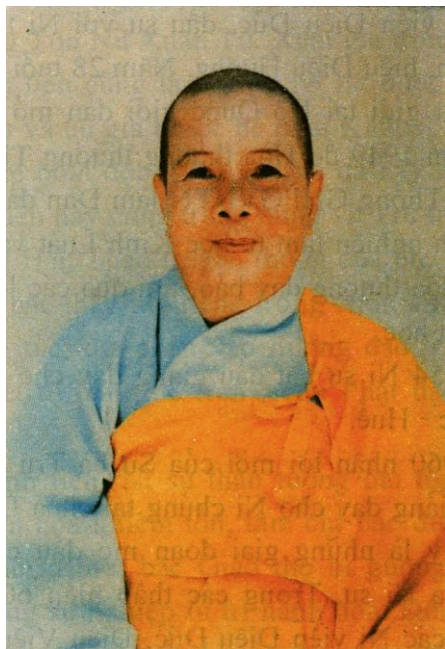
Thiền sư Nguyên Biểu như vậy là một tác giả lớn của thế kỷ thứ 19 đã có những đóng góp lớn lao không những cho việc đào tạo Tăng Ni, mà còn phát huy Luật học Việt Nam nữa.

Dù bản dịch có hạn chế do những phát hiện về Thiên sư Nguyên Biểu sau này, nhưng trước mắt vẫn có thể dùng làm tư liệu học tập, nghiên cứu cho Tăng Ni và người quan tâm đến truyền thống Luật học Việt Nam và Lịch sử Phật giáo Việt Nam, đặc biệt Phật giáo Việt Nam thế kỷ thứ 19.

Khi viết *Luật Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bốn lược ký*. Thiên sư đã ghi tên bằng bút danh *Vô tác giới biểu*. Cho nên trước đây dù có học tập nghiên cứu, vẫn không biết tác giả chính là ai, nên vẫn ghi đúng tên như bản in chữ Hán hiện có. Nay ta biết Vô tác giới biểu chính là Thiên sư Nguyên Biểu, và bút danh Vô tác giới biểu hẳn là biểu thị quan điểm "Thuật nhi bất tác" của Thiên sư khi viết *Lược ký* vậy.

Hà Túc Đạo

PHỤ LỤC 2: TIỂU SỬ DỊCH GIẢ:



NI SƯ THÍCH NỮ THẾ THANH
(1923-1988)

Ni sư huý thượng Tâm hạ Ngọc, hiệu Thế Thanh. Thế danh: Công Tăng Tôn Nữ Kim Cúc, sinh ngày 12 tháng 5 năm Quý Hợi (1923) tại An Cựu-Huế. Thân sinh là cụ Hiệp tá đại học sĩ Nguyễn Phước Ứng Bàng, thân mẫu là cụ bà Trương thị Cúc.

Thuở ấu thơ, Ni sư thường được theo song thân đến chùa, vào đoàn đồng ấu ở chùa Từ Đàm, Huế, do

đó Ni sư sớm biết Phật và mộ đạo.

Năm 17 tuổi Ni sư xin song thân đi xuất gia hành đạo tại chùa Diệu Viên-Huế với Sư bà Hương Đạo. Năm 21 tuổi Ni sư vào Ni viện Diệu Đức, đầu sư với Ni trưởng thượng Trừng hạ Ninh, hiệu Diệu Hương. Năm 28 tuổi Ni sư thọ Tỳ-kheo-ni Bồ-tát giới tại Hộ Quốc giới đàn mở tại chùa Báo Quốc, vào năm 1949 do Hoà thượng thượng **Tịnh** hạ **Khiết**, đệ nhứt Tăng Thống GHPGVNTN làm Đàn đầu. Từ đây, Ni sư chuyên tinh nghiên tầm tu học Kinh Luật và đã được các Ngài kỳ túc Hoà thượng dạy bảo, trải qua các lớp Sơ, Trung, Cao đẳng Phật học.

Năm 1954 Ni sư bắt đầu giảng dạy cho Chư ni tại Ni viện Diệu Đức - Huế.

Năm 1960 nhận lời mời của Sư bà Trú trì chùa Diệu Viên, Ni sư giảng dạy cho Ni chúng tại chùa Diệu Viên. Và bắt đầu từ đây là những giai đoạn mở đầu cho sự nghiệp hoằng hóa của Ni sư. Trong các thập niên 60, 70, Ni sư là Giáo thọ của các Ni viện Diệu Đức, Diệu Viên - Huế, Diệu Quang - Nha Trang và Ni Viện Phổ Hiền - Cam Ranh.

Suốt một thời gian giảng dạy, năm 60 tuổi Ni sư trở về Ni viện Diệu Đức tịnh tu và chuyên việc trước tác dịch thuật tiếp Ni độ chúng.

Ngày mồng 8 tháng 4 năm Mậu thìn (ngày 23 tháng 5 năm 1988) giờ ngọ, Ni sư mỉm cười an nhiên quy tịch. Xuân thu 66 tuổi, Hạ lạc 38 tuổi. Trước vô vàn mến mộ tiếc thương của Tăng Ni Phật tử. Tháp mộ dựng tại chùa Diệu Đức, Huế, với hai câu đối nói lên cuộc đời của Ni sư:

"Hạnh siêu viên Phật tánh.

Phẩm xuất ứng Tiên nguyên".

Ni sư có một người em ruột là Ni sư Chí Liên, thế danh là Công Tăng Tôn Nữ Xuân Tứ. Xuất gia trong hệ phái Khất sĩ. Ni sư Chí Liên cũng là một vị Ni rất được mến mộ trong giới Xuất gia và tại gia thuộc hệ phái Khất sĩ. Ngoài ra Ni sư cũng là người hoạt động tích cực và đã xây dựng Tịnh xá ở nhiều nơi. Hiện nay đang trùng hưng và Trụ trì Tịnh xá Ngọc Hải tại Long Hải. Theo truyền thống của phả hệ Tòng Thiền Vương, một bậc thầy nổi tiếng trong chốn kinh kỳ, hai Ni sư đã từ bỏ thế tục, đặt chân vào đường đạo, chỉ với một chí nguyện quyết tu hành để trên: cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Lúc sinh tiền, Ni sư thân tướng oai nghiêm đỉnh đạt, nói năng hiền hòa khiêm tốn, tâm chí bao dung rộng rãi. Ni sư xứng danh là một bậc Giáo thọ ni gương mẫu, có công hạnh lớn trong sự nghiệp tu trì

hành hoá. Đối với học trò và đệ tử, Ni sư là một vị thầy khó quên trong lòng những người đã chịu ơn giáo dưỡng.

Nam Mô Lâm tế Pháp phái Tứ thập Tam thế huy thượng Tâm hạ Ngọc hiệu Thể Thanh Tỳ-kheo-ni Bôn sư giác linh.

Kính bạch Giác linh Thầy!

Con kính nghe rằng: "Tỳ-ni tạng già tác Phật pháp kỹ cương, Tăng già mạng mạch già". (Tạng Tỳ-ni là kỹ cương của Phật pháp, là mạng mạch của Tăng già). Nhưng chúng con phước mỏng tội dày mà rùng Luật học thật mênh mông, chúng con không làm sao thấu đạt.

Kính bạch giác linh Thầy!

Với hạnh nguyện như lời Hoà thượng thượng **Thiện hạ Trí** (Trú trì chùa Hiếu Quang) đã tặng Thầy:

"Xiển dương pháp hoá từng phương tiện.

Nghiêm tịnh Tỳ-ni tác điển hình".

Suốt cuộc đời Thầy thể hiện là một bài học rất quý báu cho hàng đệ tử chúng con. Muốn noi theo chí nguyện "Hoằng pháp thị gia vụ" của Thầy nên trong những ngày cuối cùng khi Thầy sắp về cõi Phật, con có bạch xin phép Thầy cho con được in bộ Luật TỨ

PHẦN TỶ-KHEO-NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ của Ngài Vô Tác Giới Biểu mà Thầy đã dịch và giảng dạy cho chúng con, nhưng Thầy có dạy: Phải cầu các bậc Luật sư giám định.

Kính bạch Thầy!

Duyên lành đã đến, con được Hòa thượng thượng **Thiện** hạ **Siêu** từ mẫn giám định và viết lời giới thiệu. Theo tôn ý Thầy, phần chánh văn của cọng giới Tỳ-kheo con dựa vào bản dịch của cố Trưởng lão luật sư thượng **Trí** hạ **Thủ**, phần dịch và giải con dựa vào lời Thầy đã giảng dạy để tập thành.

Con xin được phép dâng lên Thầy món pháp cúng dường này, ngưỡng mong giác linh Thầy thùy từ mẫn cố.

Ngày lễ Đại tường 8/4 Canh Ngọ.

Đệ tử

Thích Nữ Minh Bảo

Cẩn bạch.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Duyên khởi	7
Phàm lệ	21
Khai kinh	30

Quyển I

A. Giải thích đề mục	34
B. Giải thích chánh văn	39
1. Bài tựa nói về Tiên phương tiện.....	39
2. Tác Tiên phương tiện	58

Quyển II

I. Tổng nêu giới tướng.....	93
1. Pháp quyên khí (8)	93
1-1. Tổng tiêu	93
1-2. Giới tướng	95
Điều 1 - 8.....	95
1-3. Kết vấn.....	137

2. Pháp Tăng-tàn (17).....	141
2-1. Tổng tiêu	141
2-2. Giới tướng.....	143
Điều 1-5	143

Quyển III

Điều 6-17.....	161
2-3. Kết vấn.....	229

Quyển IV

3. Pháp Xả đoạ (30).....	240
3-1. Tổng tiêu	240
3-2. Giới tướng.....	241
Điều 1 - 11	241

Quyển V

Điều 12 - 18.....	289
-------------------	-----

Quyển VI

Điều 19 - 30.....	351
3-3. Kết vấn.....	378

Quyển VII

4. Pháp Ba-dật-đề.....	393
4-1. Tổng tiêu	393
4-2. Giới tướng.....	394

Điều 1 - 45.....	394
<i>Quyển VIII</i>	
Điều 46 - 90.....	498
<i>Quyển IX</i>	
Điều 91 - 135.....	583
<i>Quyển X</i>	
Điều 136 - 178.....	655
4-3. Kết vấn.....	704
5. Pháp hồi quá (8).....	706
5-1. Tổng tiêu.....	706
5-2. Giới tướng.....	707
Điều 1 - 8.....	707
5 -3. Kết vấn.....	711
<i>Quyển XI</i>	
6. Pháp Chúng học (100).....	714
6-1. Tổng tiêu.....	714
6-2. Giới tướng.....	717
Điều 1 - 100.....	718
6-3. Kết vấn.....	808
<i>Quyển XII</i>	
7. Pháp Diệt tránh (7).....	811

7-1. Tổng tiêu	811
7-2. Giới tướng	813
Điều 1 - 7	813
7-3. Kết vấn	819
III. Kết khuyến hồi hướng	833
1. Tổng kết các giới tướng trước	833
2. Khuyến học các pháp khác	834
3. Giới kinh do 7 đức Phật nói	835
4. Văn hồi hướng kết thúc	856
Phụ lục 1: TÁC GIẢ LUẬT TỨ PHẦN TỶ KHEO NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ	869
Phụ lục 2: TIÊU SỬ DỊCH GIẢ NI SƯ THÍCH NỮ THỂ THANH	873

LUẬT TỨ PHẦN
TỈ KHEO NI GIỚI BỒN LỢC KỶ
VÔ TÁC GIỚI BIỂU
THÍCH NỮ THỂ THANH dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản : VƯƠNG LAN

Chịu trách nhiệm bản thảo : PHẠM HẬU

Biên tập : HOÀI VIỆT

Sửa bản in : THANH THỨ

Trình bày bìa : HỘI GIÁO DỤC PHẬT ĐÀ TẠI TAIWAN